TỨ PHẦN LUẬT

Phần I

Hán Dịch: Tam tạng Phật-đà Da-xá và Trúc-phật-niệm.

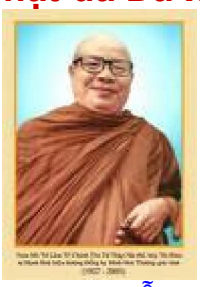

Việt Dịch :**HT. ĐỖNG MINH**
THÍCH NGUYÊN CHỨNG - THÍCH ĐỨC THẮNG
Hiệu chính và chú thích
---o0o---
Nguồn
http://thuvienhoasen.org
Chuyển sang ebook 11-7-2009
Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com
Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

Mục Lục

TÁN DUYÊN KHỞI
CHƯƠNG I - BA-LA-DI
I. BẤT TỊNH HẠNH
1. SỰ KIỆN TỲ-LAN-NHÃ
2. XÁ-LỢI-PHẤT THƯA HỎI
3. NHÂN DUYÊN TU-ĐỀ-NA: KẾT GIỚI LẦN THỨ NHẤT
4. NHÂN DUYÊN BẠT-XÀ TỬ: KẾT GIỚI LẦN THỨ HAI
5. NHÂN DUYÊN VƯỢN CÁI: KẾT GIỚI LẦN THỨ BA
II. BẤT DỮ THỦ
III. ĐOẠN NHÂN MẠNG
IV. ĐẠI VỌNG NGỮ
1. KẾT GỚI LẦN THỨ NHẤT
2. KẾT GIỚ LẦN THỨ HAI
CHƯƠNG II - TĂNG TÀN
I. CỐ Ý TIẾT TINH
1. KẾT GIỚI LẦN THỨ NHẤT
2. KẾT GIỚI LẦN THỨ HAI
II. XÚC CHẠM NỮ NHÂN

III. NÓI LỜI THÔ TỤC
IV. YÊU SÁCH CÚNG DƯỜNG
V. MAI MỐI
VI. LẬP THẤT NHỎ
VII. CẤT CHÙA LỚN
VIII. VÔ CĂN BÁNG
IX. GIẢ CĂN BÁNG
X. PHÁ TĂNG
1. CÁC VƯƠNG TỬ HỌ THÍCH
2. NHÂN DUYÊN A-XÀ-THẾ
3. PHÁ TĂNG LUÂN
XI. TÙY THUẬN PHÁ TĂNG
XII. Ô THA GIA
XIII. ÁC TÁNH BẤT THỌ NHÂN NGỮ
CHƯƠNG III - BẤT ĐỊNH
I. GIỚI THỨ 1
II. GIỚI THỨ 2
CHƯƠNG IV - NI-TÁT-KỲ BA-DẬT-ĐỀ
I. SÚC TRƯỜNG Y
1. Y DƯ
2. QUÁ MƯỜI NGÀY
II. NGỦ LÌA Y
1. LÌA Y
2. CƯƠNG GIỚI CỦA Y
III. CHỜ Y MỘT THÁNG
IV. NHẬN Y PHI THÂN LÝ NI
1. LIÊN HOA SẮC
2. NHỮNG NGOẠI LỆ
V. NHỜ PHI THÂN LÝ NI GIẶT Y CŨ
VI. XIN Y NƠI NHÀ PHI THÂN LÝ
1. XIN Y TỪ PHI THÂN LÝ
2. TỲ KHEO Y BỊ CƯỚP
VII. NHẬN Y QUÁ PHẦN
VIII. KHUYÊN CƯ SĨ TĂNG GIÁ Y[56]
IX. KHUYÊN HAI NHÀ TĂNG GIÁ Y
X. YÊU SÁCH GIÁ Y QUÁ HẠN
XI. NGOẠ CỤ BẰNG TƠ TẰM
XII. NGOẠ CỤ TOÀN ĐEN
XIII. NGỌA CỤ QUÁ PHẦN
XIV. NGỌA CỤ DƯỚI SÁU NĂM
XV. TỌA CỤ KHÔNG HOẠI SẮC
XVI. QUẢY LÔNG DÊ
XVIII. CẦM GIỮ VÀNG BẠC
XIX. KINH DOANH TÀI BẢO

XX. BUÔN BÁN
XXI. CHỨA BÁT DƯ
XXII. ĐỔI BÁT MỚI
XXIII. XIN CHỈ SỢI
XXIV. CHỈ DẪN THỢ DỆT
XXV. ĐOẠT LẠI Y
XXVI. THUỐC BẢY NGÀY
XXVII. Y TẮM MƯA
XXVIII. Y CẤP THÍ
XXIX. A-LAN-NHÃ GẶP NẠN LÌA Y
XXX. XOAY TĂNG VẬT VỀ MÌNH
CHƯƠNG V - BA-DẬT-ĐỀ
I. CỐ Ý VỌNG NGỮ
II. MẮNG NHIẾC
III. NÓI LY GIÁN
IV. NGỦ CHUNG BUỒNG NGƯỜI NỮ
V. NGỦ CHUNG BUỒNG VỚI NGƯỜI CHƯA THỌ CỤ TÚC
1. SỰ KIỆN SÁU TỲ KHEO
2. SỰ KIỆN LA-HẦU-LA
VI. ĐỌC KINH CHUNG
VII. NÓI THÔ TỘI
VIII. NÓI PHÁP THƯỢNG NHÂN
IX. THUYẾT PHÁP QUÁ NĂM LỜI
X. ĐÀO PHÁ ĐẤT
XI. PHÁ HỌAI THỰC VẬT
XII. NÓI QUANH
XIII. NÓI XẤU TĂNG SAI
XIV. TRẢI TOẠ CỤ TĂNG KHÔNG CẤT
XV. TRẢI NGỌA CỤ TRONG PHÒNG TĂNG
XVI. CHEN LẤN CHỖ NGỦ
XVII. ĐUỔI TỲ KHEO RA NGOÀI
XVIII. GHẾ NGỒI KHÔNG VỮNG
XX. CẤT NHÀ LỚN
XXI. GIÁO GIỚI NI KHÔNG ĐƯỢC TĂNG SAI
XXII. GIÁO THỌ NI SAU MẶT TRỜI LẶN
XXIII. GIÁO THỌ NI VÌ LỢI DƯỠNG
XXIV. CHO Y CHO TỲ-KHEO-NI
XXV. MAY Y CHO TỲ-KHEO-NI
XXVI. NGỒI VỚI TỲ-KHEO-NI Ở CHỖ KHUẤT
XXVII. HẸN ĐI CHUNG ĐƯỜNG VỚI TỲ-KHEO-NI
XXVIII. ĐI CHUNG THUYỀN VỚI TỲ-KHEO-NI
XXIX. THỨC ĂN DO TỲ-KHEO-NI KHUYẾN HOÁ
XXX. ĐI CHUNG ĐƯỜNG VỚI NGƯỜI NỮ
XXXI. LỮ QUÁN MỘT BỮA ĂN

XXXIII. BIỆT CHÚNG THỰC
XXXIV. NHẬN QUÁ BA BÁT
XXXV. DƯ THỰC PHÁP
XXXVI. MỜI NGƯỜI TÚC THỰC
XXXVII. PHI THỜI THỰC
XXXVIII. THỨC ĂN CÁCH ĐÊM
XXXIX. BỎ VÀO MIỆNG VẬT KHÔNG ĐƯỢC CHO
XL. YÊU SÁCH MỸ THỰC
XLI. CHO NGOẠI ĐẠO ĂN
XLII. TRƯỚC SAU BỮA ĂN ĐI ĐẾN NHÀ KHÁC KHÔNG BÁO
XLIII. NGỒI TRONG NHÀ ĐANG CÓ ĂN
XLIV. NGỒI VỚI NGƯỜI NỮ Ở CHỖ KHUẤT
XLV. NGỒI MỘT MÌNH VỚI NGƯỜI NỮ TẠI CHỖ TRỐNG
XLVI. ĐUỔI ĐI KHÔNG CHO THỨC ĂN
XLVII. THUỐC BỐN THÁNG
XLVIII. XEM QUÂN TRẬN
XLIX. NGỦ LẠI TRONG QUÂN
L. XEM QUÂN ĐỘI CHIẾN ĐẤU
LI. UỐNG RƯỢU
LII. ĐÙA GIỠN TRONG NƯỚC
LIII. THỌC CÙ NÔN
LIV. BẤT KÍNH
LV. DỌA NHÁT TỲ-KHEO
LVI. NỬA THÁNG TẮM
LIX. TỰ TIỆN DÙNG Y KHÔNG HỎI CHỦ
LX. HOẠI SẮC Y MỚI
LXI. ĐOẠN SINH MẠNG
LXII. UỐNG NƯỚC CÓ TRÙNG
LXIII. CỐ GIEO NGHI HỐI
LXIV. CHE GIẤU THÔ TỘI
LXV. TRUYỀN CỤ TÚC, NGƯỜI CHƯA ĐỦ HAI MƯƠI TUỔI
LXVI. KHƠI LẠI TRÁNH SỰ
LXVII. ĐI CHUNG VỚI CƯỚP
LXX. BAO CHE SA-DI BỊ ĐUỔI
LXXI. KHÔNG CHỊU HỌC GIỚI
LXXII. KHINH CHÊ HỌC GIỚI
LXXIII. VÔ TRI HỌC GIỚI
LXXIV. PHỦ NHẬN YẾT-MA
LXXV. KHÔNG DỨT DỤC
LXXVI. DỨT DỤC RỒI HỐI
LXXVII. NGHE LÉN ĐẤU TRANH
LXXVIII. SÂN ĐÁNH TỲ-KHEO
LXXIX. NHÁ ĐÁNH TỲ-KHEO
LXXX. VU KHỐNG TĂNG TÀN

LXXXI. THÂM NHẬP VƯƠNG CUNG
LXXXII. CẦM NẮM BẢO VẬT
LXXXIII. PHI THỜI VÀO XÓM
LXXXIV. GIƯỜNG CAO QUÁ LƯỢNG
LXXXV. ĐỆM BÔNG
LXXXVI. ỐNG ĐỰNG KIM
LXXXVII. NI-SƯ-ĐÀN QUÁ LƯỢNG
LXXXVIII. PHÚ SANG Y
LXXXIX. ÁO TẮM MƯA
XC. LƯỢNG Y NHƯ LAI
CHƯƠNG VI - ĐỀ-XÁ-NI
I. NHẬN THỨC ĂN PHI THÂN LÝ NI NƠI TỤC GIA
II. THỌ THỰC DO NI CHỈ DẪN
III. THỌ THỰC TỪ HỌC GIA
1. ĐỀ TỬ KIẾN ĐẾ
2. YẾT-MA HỌC GIA
3. GIẢI YẾT-MA HỌC GIA
IV. THỌ THỰC NGOÀI TRÚ XỨ A-LAN-NHÃ
CHƯƠNG VII - THỨC-XOA-CA-LA-NI
Điều 1
Điều 2
Điều 3
Điều 4
Điều 5
Điều 6
Điều 7
Điều 8
Điều 9
Điều 10
Điều 11
Điều 12
Điều 13
Điều 14
Điều 15
Điều 16
Điều 17
Điều 18
Điều 19
Điều 20
Điều 21
Điều 22
Điều 23
Điều 25
Điều 27

Điều 28
Điều 29
Điều 30
Điều 31
Điều 32
Điều 33
Điều 34
Điều 35
Điều 36
Điều 37
Điều 38
Điều 39
Điều 40
Điều 41
Điều 42
Điều 44
Điều 45
Điều 46
Điều 47
Điều 48
Điều 49
Điều 50
Điều 51
Điều 52
Điều 53
Điều 54
Điều 55
Điều 56
Điều 57
Điều 58
Điều 59
Điều 60
Điều 61
Điều 62
Điều 63
Điều 64
Điều 65
Điều 66
Điều 67
Điều 68
Điều 69
Điều 70
Điều 71
Điều 72

Điều 73
Điều 74
Điều 75
Điều 76
Điều 77
Điều 78
Điều 79
Điều 80
Điều 81
Điều 82
Điều 83
Điều 84
Điều 85
Điều 86
Điều 87
Điều 88
Điều 89
Điều 90
Điều 91
Điều 92
Điều 93
Điều 94
Điều 95
Điều 96
Điều 97
ĐiỀU 98
ĐiỀU 99
ĐiỀU 100
CHƯƠNG VIII - BẢY DIỆT TRÁNH

---o0o---

TÁN DUYÊN KHỞI[1]

Cúi đầu lễ chư Phật,
Tôn Pháp, Tăng tỳ-kheo.
Nay diễn pháp Tì-ni
Để Chánh pháp trường tồn.
Ưu-ba-li đứng đầu,[2]
Và các Thân chứng[3] khác,

Nay nói yếu nghĩa giới
Các hiền đều cùng nghe.
Nay muốn nói thâm giới
Cho người ưa trì giới,
Cho người hay phúng tụng;
Lợi ích các trưởng lão.
Nay nói mười cú nghĩa
Giới pháp của chư Phật:[4]
Khiến Tăng hỷ, an lạc,[5]
Và để nhiếp thủ Tăng,[6]
Người không tín sẽ tín,
Người đã tín tăng trưởng,
Dứt trừ kẻ phá giới,
Đưa tà đạo vào chánh,[7]
Người tàm quý an ổn,
Phật pháp được lâu dài.[8]
Vì vậy, Đấng Tối Thắng
Diễn nói Kinh Cấm giới.[9]
Các núi, Tu-di hơn;
Các sông, biển là nhất;
Các Kinh trăm ngàn ức,
Giới kinh là bậc nhất.
Muốn cầu điều tối thượng
Đời này và đời sau,
Phải trì giới cấm này
Trọn đời đừng hủy phạm.
Trừ kết, không chướng ngại,
Trói buộc do đây mở.
Dùng giới tự quán sát,
Như gương soi diện mạo.
Muốn tạo các pháp lành,
Đầy đủ ba món nghiệp.
Nên xét kỹ ý mình
Như kinh La-vân nói.[10]
Sở dĩ lập ngôi Vua,
Bởi do đời tranh tụng.
Nhân dân suy cử lên,
Pháp thường đời thượng cổ.[11]

Người phạm tội biết pháp,
Thuận theo pháp thành tựu.
Giới luật cũng như vậy;
Như Vua chánh pháp trị;
Như thầy thuốc xét bệnh,
Chữa trị tuỳ theo chứng.
Trị được thì cho thuốc;
Không thể trị thì buông.
Như sách thuốc đã nói:
Bốn chứng không thể trị,
Mười ba có thể cứu.
Ngoài ra chẳng cần cứu.
Ví như có thây chết,
Biển cả không dung chứa,
Bị gió mạnh trôi dạt
Đưa nó lên trên bờ.
Các người làm ác hạnh
Cũng như thây chết kia
Đại chúng không dung chứa;
Do vậy nên trì giới.
Như giữ cửa kiên cố,
Khỏi lo mất của cải.
Nếu tường bị khoét, đổ;
Có của sẽ phải lo.
Giới Phật không khuyết, thủng;
Người phụng trì không lo.
Cấm giới không kiên cố
Người hủy phạm lo âu.
Chiếc bát sành lủng chảy,
Thợ gốm lòng sầu lo.
Nếu dụng cụ hoàn bị,
Quyến thuộc đều hoan hỉ.
Trì giới có khuyết, thủng;
Người làm ác thường lo.
Kẻ không hủy cấm giới
Tâm thường được hoan hỉ.
Như đốm lửa tuy bé;
Đừng khinh nó là nhỏ.

Nếu gặp cỏ, cây khô
Nó đốt cháy không sót.
Ác ta làm tuy nhỏ,
Cẩn thận chó xem thường.
Như rách y-la diệp[12],
Thường sinh làm thân rồng.
Như sư tử rống gầm,
Người say không biết sợ.
Thú nhỏ tiếng tuy bé,
Người tỉnh nghe vẫn sợ.
Người ba cấu[13] cũng vậy,
Tất cả ác không sợ.
Người trí việc ác nhỏ,
Thường ôm lòng lo sợ.
Như khi bào chế thuốc,
Loại bỏ thứ không tốt;
Người bệnh uống được lành,
Thân khỏe được an lạc.
Người tu giới cũng vậy;
Hay tránh các ác hành,
Trừ các hoạn kết sử,
An ổn vào Niết-bàn.
Nếu muốn đi đường xa,
Phải tự bảo vệ chân.
Nếu chân bị thương tổn
Không thể đi xa được.
Cầu cõi trời, Niết-bàn;
Phương tiện thủ hộ giới.
Không hủy hoại như vậy,
Ắt vượt khỏi đường hiểm.
Như người muốn qua sông,
Dùng tay và phao nổi;
Nước sâu không sợ chìm,
Có thể đến bờ kia.
Đệ tử Phật cũng vậy,
Tu hành gốc cấm giới,
Không bị cuốn dòng tà,
Đắm chìm biển sanh tử.

Ví như cung Đế Thích[14]
Các báu khắc chạm thành,
Thềm bậc bằng thất bảo,
Chỗ đi[15] của người, trời.
Điện chánh pháp[16] cũng vậy;
Bảy giác ý[17] trang nghiêm,
Cấm giới làm thềm bậc;
Chỗ đi của thánh hiền.
Như khéo học hết thảy
Các kỹ nghệ thế gian,
Sẽ được Vua sủng ái;
Do vậy được sung sướng.
Người khéo hay tu học
Cấm giới do Phật nói,
Trọn không đọa ác thú,
Thường được nơi an ổn.
Như binh mình đủ mạnh
Mới phá được binh người.
Chúng hiền thánh kiên cố
Sau đó phá quân ma.
Chúng Thánh nếu hòa hợp,
Được Thế tôn khen ngợi.
Do chúng hòa hợp vậy
Phật pháp được lậu dài.
Như sữa mẹ từ ái
Nuôi dưỡng, giữ gìn con;
Tất cả nạn nước, lửa,
Bảo vệ không xâm hại.
Cấm giới như từ mẫu
Giữ gìn người hành giả
Trọn không đọa súc sanh,
Ngạ quỷ hay địa ngục.
Như có tướng dũng mãnh
Khéo tập pháp chiến đấu,
Hàng phục kẻ địch kia,
Tử chiến không tiếc thân.
Con Phật cũng như vậy,
Khéo học các cấm giới;

Khi năm ấm tan hoại,
Trọn không sợ mạng hết.
Sinh ra từ giới Phật,
Mới là con chân thật.
Cũng như Ương-quật-ma,[18]
Được Như lai ký biệt.
Nếu có người xả giới,
Đối Phật pháp là chết.
Trì giới như hộ mạng,
Giữ gìn không để mất.
Ví như được ấn Vua,
Đến đâu không trở ngại.
Khuyết thì bị cật vấn;
Mất hết thì bị trói.
Người toàn đủ giới-ấn
Đến đâu không trở ngại.
Hủy ít thì bất định;
Hủy nhiều vào ba ác.
Vì tất cả mọi người
Hàng phục các ma quỷ,
Nên Tiên nhân ngũ thông[19]
Sáng tác các chú thuật.
Vì người tàm quý kia
Nhiếp người không tàm quý,
Nên Như lai chế giới,
Nửa tháng thuyết một lần.
Đã thuyết ích lợi giới,
Cúi đầu lễ chư Phật.

(Đoạn kệ tụng này không phải được sáng tác khi Ca-diệp cùng Thánh chúng nghìn vị kết tập Luật. Đây căn cứ theo sở truyền riêng của mỗi bộ trong năm bộ phân trương về sau. Tức được thuyết bởi vị đứng đầu của mỗi chúng. Nay vì muốn phân biệt giải thích Luật tướng, cho nên trước tiên đọc kệ tán thán, sau đó giải thuyết.)[20]

---o0o---

CHƯƠNG I - BA-LA-DI[21]

I. BẤT TỊNH HẠNH

A. DUYÊN KHỞI

1. SỰ KIỆN TỲ-LAN-NHÃ

Một thời, đức Phật cùng chúng đại tỳ-kheo gồm năm trăm vị, du hóa đến thành Tô-la-bà[22], tuần tự du hành đến Tỳ-lan-nhã[23] , và đêm ấy ngủ dưới bóng cây na-lâu-la-tân-châu-man-đà-la[24]. Bấy giờ bà-la-môn Tỳ-lan-nhã nghe Sa-môn Cù-đàm, họ Thích, bỏ dòng họ Thích đi xuất gia tầm đạo, đã từ nước Tô-la-bà dẫn chúng tỳ-kheo gồm năm trăm vị, tuần tự du hành đến Tỳ-lan-nhã này, và nghỉ đêm dưới bóng cây na-lân-la-tân-châu-man-đà-la. Sa-môn Cù-đàm này có danh xưng lớn như vầy: "Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế tôn. Ngài ở giữa các chúng Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn công bố chánh pháp do tự thân chứng nghiệm bằng thắng trí. Pháp ấy thiện xảo ở khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối, có nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh, tự nhiên được tu tập đầy đủ. Lành thay! Chúng ta được chiêm ngưỡng con người Vô trước[25] như vậy. Nay ta nên đến thăm hỏi Sa-môn Cù-đàm.»

Bấy giờ, bà-la-môn Tỳ-lan-nhã liền đến chỗ đức Thế tôn. Khi đến nơi, hỏi chào thăm viếng nhau rồi, ngồi qua một bên.

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện thuyết pháp, khai hóa, khiến được hoan hỷ. Bà-la-môn sau khi nghe đức Phật nói pháp, lòng sanh hoan hỷ, liền thưa:

«Cúi xin đức Thế tôn thương xót chấp thuận thỉnh cầu của con, cùng với chúng tỳ-kheo an cư ba tháng mùa mưa.»

Đức Thế tôn và Tăng tỳ-kheo im lặng nhận lời. Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã biết đức Thế tôn đã im lặng nhận lời thỉnh của mình, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật rồi cáo lui.

Thế tôn cùng chúng tỳ-kheo gồm năm trăm vị nhận lời an cư ba tháng mùa mưa. Bấy giờ có người lái ngựa từ nước Ba-ly[26] lùa năm trăm thớt ngựa đến Tỳ-lan-nhã và ở đây đóng trại chín mươi ngày mùa hạ.

Thời điểm này gặp lúc mất mùa, lúa gạo quý giá, nhân dân đói khát, xương trắng ngổn ngang, khất thực khó được. Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã tuy thỉnh Như Lai và Tăng tỳ-kheo an cư ba tháng, nhưng hoàn toàn không cúng dường, cung cấp những nhu cầu cần thiết. Tại sao vậy? [569a1] Vì bị ám bởi Ma Ba-tuần.

Bấy giờ, các tỳ-kheo ở Tỳ-lan-nhã khất thực không được, nên phải đến khất thực nơi người lái ngựa kia. Lúc ấy, người lái ngựa tự nghĩ: «Hiện nay mất mùa, lúa gạo khan hiếm, nhân dân đói khát, khất thực khó được, xương trắng ngổn ngang. Các tỳ-kheo kia khất thực không được nên đến đây. Nay ta có nên dùng lúa mạch của ngựa mỗi ngày bố thí cho tỳ-kheo năm thăng, Thế tôn một đấu hay chăng?» Nghĩ như vậy rồi, mỗi ngày ông bố thí cho các tỳ-kheo năm thăng lúa mạch của ngựa, Thế tôn một đấu.

Đức Thế tôn nhận được phần lúa ngựa rồi, trao cho A-nan. A-nan khiến người xay làm cơm khô để dâng Phật. Đức Phật

dùng cơm khô, còn các tỳ-kheo nấu chín rồi mới ăn. Do đó, giữa đức Phật cùng các tỳ-kheo thức ăn có khác.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-liên đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, lui ngồi một bên, thưa:

«Kính bạch Đại đức, hiện nay lúa gạo khan hiếm, nhân dân đói khát, khất thực khó được; thực phẩm của các tỳ-kheo rất là thô xấu, nên tất cả đều bị gầy ốm. Nếu đức Thế tôn cho phép, các tỳ-kheo có thần túc đến nước Uất-đơn-việt[27] lấy thức ăn bằng gạo của loại lúa chín muộn tự nhiên[28], thì chúng con sẽ đi.»

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

«Các vị tỳ-kheo có thần túc thì có thể đến đó để lấy thức ăn bằng gạo lúa tự nhiên, còn các vị tỳ-kheo không có thần túc thì thế nào?»

Tôn giả Mục-liên thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, các vị có thần túc thì họ tùy ý đến, còn các vị không có thần túc thì con sẽ dùng sức thần túc của con để giúp các vị đến đó.»[29]

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

«Thôi đi, thôi đi, đừng nói vậy! Tại sao? Các ông là những con người[30] đã chứng đắc thần túc thì có thể làm như vậy. Còn các vị tỳ-kheo ở đời vị lai sẽ làm sao?»

---o0o---

2. XÁ-LỢI-PHẤT THƯA HỎI

Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất ở nơi nhàn tĩnh, nghĩ như vầy: «Vị Đẳng chánh giác nào có phạm hạnh tu tập và Phật pháp tồn tại lâu dài? Vị Đẳng chánh giác nào có phạm hạnh

tu tập và Phật pháp không tồn tại lâu dài?» Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, đến chỗ Thế tôn, đầu mặt đảnh lễ, ngồi qua một bên. Một lát sau, rời chỗ ngồi, đứng dậy thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, vừa rồi ở chỗ nhàn tĩnh, con nghĩ: ‹Vị Đẳng chánh giác nào có phạm hạnh tu tập và Phật pháp tồn tại lâu dài? Vị Đẳng chánh giác nào có phạm hạnh tu tập và Phật pháp không tồn tại lâu dài?› Cúi xin đức Thế tôn khai thị cho con.»

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

«Đức Phật Tỳ-bà-thi, đức Phật Thức-khí, đức Phật Câu-lưu-tôn, đức Phật Ca-diếp, các vị Phật này có phạm hạnh tu tập và Phật pháp tồn tại lâu dài. Pháp của Phật Tùy-diệp, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, thì không tồn tại lâu dài.»

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

«Do nhơn duyên gì mà [569b1] Phật Tỳ-bà-thi[31], đức Phật Thức[32], đức Phật Câu-lưu-tôn[33],đức Phật Ca-diệp[34], các vị Phật này có phạm hạnh tu tập và Phật pháp tồn tại lâu dài; Pháp của Phật Tùy-diệp[35], Phật Câu-na-hàm Mâu-ni[36], thì không tồn tại lâu dài?»[37]

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

«Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, đức Phật Tùy-diệp không công bố pháp rộng rãi như: Khế kinh, Kỳ-dạ kinh, Thọ ký, Phương đẳng kinh, Vị tằng hữu kinh, Thí dụ kinh, Ưu-bà-đề-xá kinh[38]. Không vì người rộng nói Khế kinh, cho đến Ưu-bà-đề-xá kinh, không kết giới cũng không thuyết giới, cho nên các đệ tử mỏi mệt nhàm chán[39], vì vậy cho nên pháp không tồn tại dài lâu. Khi đức Thế tôn kia biết tâm các đệ tự mỏi mệt nhàm chán thì chỉ dạy như vầy:[40] ‹Điều này nên niệm; điều này không nên niệm. Điều này nên tư duy; điều này không nên tư duy. Điều này nên đoạn; điều này nên thành tựu và an trú.›

«Này Xá-lợi-phất, xa xưa về trước, đức Phật Tùy-diệp cùng với một ngàn tỳ-kheo sống trong rừng Kinh sợ[41] . Này Xá-lợi-phất, nếu có người nào chưa lìa dục mà vào trong rừng kia, thì lông trong người đều bị dựng ngược lên, cho nên gọi là rừng Khủng úy[42].

«Lại nữa, này Xá-lợi-phất, đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, đức Phật Tùy-diệp Như lai, là bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác, quán trong tâm một ngàn vị tỳ-kheo mỏi mệt nhàm chán, thì vì họ nói pháp: ‹Điều này nên niệm; điều này không nên niệm. Điều này nên tư duy; điều này không nên tư duy. Điều này nên đoạn; điều này nên thành tựu và an trú.›

«Này Xá-lợi-phất, nên biết, lúc bấy giờ đức Phật kia và các vị Thinh văn còn ở đời thì Phật pháp được truyền rộng rãi. Nhưng sau khi đức Phật kia và các Thinh văn[43] diệt độ, mọi người trong thế gian đời sau, đủ mọi thành phần, đủ các dòng họ, đủ các gia tộc xuất gia. Đó là lý do khiến cho Phật pháp mau diệt, không tồn tại lâu dài. Tại sao vậy? Vì không được thâu nhiếp bằng kinh pháp.

«Này Xá-lợi-phất, ví như các loại hoa rải trên mặt bàn, gió thổi thì bay. Tại sao vậy? Vì không dùng sợi chỉ xâu nó lại, cho nên như vậy.

«Này Xá-lợi-phất, đức Phật kia và các chúng Thinh văn khi còn ở đời thì Phật pháp lưu bố. Nhưng sau khi đức Phật kia và chúng Thinh văn diệt độ, người trong thế gian, đủ mọi thành phần, đủ các dòng họ, đủ các gia tộc xuất gia khiến cho chánh pháp mau diệt, không tồn tại lâu dài. Tại sao? Vì không được thâu nhiếp bằng kinh pháp.»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

«Đức Phật Tỳ-Bà-thi, đức Phật Thức, đức Phật Câu-lưu-tôn, đức Phật Ca-diếp vì các đệ tử rộng nói kinh pháp, từ Khế kinh cho đến Ưu-bà-xá kinh, cũng kết giới, cũng thuyết giới. Khi tâm chúng đệ tử [569c1] mỏi mệt nhàm chán, đức Phật biết tâm của họ mỏi mệt nhàm chán, chỉ dạy như vầy: ‹Điều

này nên niệm; điều này không nên niệm. Điều này nên tư duy; điều này không nên tư duy. Điều này nên đoạn; điều này nên thành tựu và an trú.›

«Như vậy, này Xá-lợi-phất, các đức Phật kia và chúng Thinh văn khi còn ở đời thì Phật pháp lưu bố. Nếu các đức Phật kia và chúng Thinh văn sau khi diệt độ; người trong thế gian đời sau, đủ mọi thành phần, đủ các dòng họ, đủ các gia tộc xuất gia, không khiến cho Phật pháp mau diệt. Tại sao vậy? Vì được thâu nhiếp bằng kinh pháp.

«Này Xá-lợi-phất, ví như các loại hoa rải trên mặt bàn được xâu lại bằng sợi chỉ; tuy bị gió thổi nhưng không bị phân tán. Tại sao vậy? Nhờ sợi chỉ khéo xâu giữ lại.

«Cũng vậy, này Xá-lợi-phất, đức Phật kia cùng chúng Thinh văn ở đời rộng nói Phật pháp, như trên.

«Này Xá-lợi-phất, do nhân duyên này mà Phật pháp thời đức Phật Tỳ-bà-thi, cho đến đức Phật Ca-diệp được tồn tại lâu dài, và cũng do nhân duyên này mà Phật pháp thời đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, đức Phật Tùy-diếp không tồn tại lâu dài.»

Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, mặc y trống vai bên hữu, đầu gối hữu chấm đất, chấp tay bạch Phật:

«Kính bạch đức Thế tôn, nay chính là lúc. Cúi xin đức Đại Thánh vì các tỳ-kheo kết giới, thuyết giới, khiến cho phạm hạnh được tu tập, pháp được tồn tại lâu dài.»

Đức Thế tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

«Hãy thôi![44] Như Lai tự biết thời. Này Xá-lợi-phất, vì sao Như Lai chưa vì các tỳ-kheo kết giới? Vì trong chúng tỳ-kheo chưa có ai phạm pháp hữu lậu. Nếu có người nào phạm pháp hữu lậu, nhiên hậu Thế tôn mới vì các tỳ-kheo kết giới để đoạn pháp hữu lậu kia. Này Xá-lợi-phất, khi tỳ-kheo chưa

được lợi dưỡng thì chắc chắn chưa sanh pháp hữu lậu. Nếu tỳ-kheo được lợi dưỡng thì pháp hữu lậu liền sanh. Nếu pháp hữu lậu đã sanh, Thế tôn mới vì các tỳ-kheo kiết giới, vì muốn khiến cho họ đoạn pháp hữu lậu vậy.

«Này Xá-lợi-phất, tỳ-kheo chưa sanh pháp hữu lậu chỉ vì chưa có danh tiếng, chưa ai biết đến nhiều, chưa có tiếng đồn nhiều, chưa có tài nghiệp nhiều. Nếu tỳ-kheo được danh tiếng, cho đến nhiều tài nghiệp thì pháp hữu lậu liền sanh. Nếu có pháp hữu lậu sanh, nhiên hậu Thế tôn sẽ vì đệ tử kiết giới để đoạn pháp hữu lậu. Này Xá-lợi-phất, hãy thôi! Như lai tự biết thời.»

---o0o---

3. NHÂN DUYÊN TU-ĐỀ-NA: KẾT GIỚI LẦN THỨ NHẤT

Bấy giờ Thế tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Khi ấy, có Tu-đề-na Tử ở thôn Ca-lan-đà[45] . Trong thôn này, ông là người có nhiều tiền của, lắm đồ châu báu, với lòng tin kiên cố, xuất gia hành đạo.

[570a1] Vào lúc bấy giờ, lúa thóc khan hiếm, các tỳ-kheo khất thực khó được. Tu-đề-na Tử tự nghĩ như vầy: «Hiện nay mất mùa, các tỳ-kheo khất thực khó được. Ta nên hướng dẫn các tỳ-kheo đến thôn Ca-lan-đà để khất thực. Các tỳ-kheo sẽ nhân bởi ta mà được lợi dưỡng lớn để có thể tu phạm hạnh. Cũng khiến cho dòng họ ta tích cực hành bố thí, làm các phước đức.» Nghĩ như vậy rồi, Tu-đề-na Tử liền dẫn các tỳ-kheo về thôn Ca-lan-đà.

Mẹ của ông Tu-đề-na nghe con mình dẫn các tỳ-kheo về lại bổn thôn, liền đến đón. Khi đến chỗ con, bà nói với con trai của mình:

«Con nên bỏ đạo, trở về làm người bạch y. Tại sao vậy? Vì cha con đã qua đời, mẹ sống đơn độc, sợ gia tài sẽ rơi vào

cửa nhà quan. Của cải của cha con vốn đã nhiều, huống là tài sản của tổ phụ để lại vô lượng. Thật là đáng tiếc! Do vậy, nay con hãy bỏ đạo để trở về đời.»

Tu-đề-na trả lời mẹ:

«Con không thể bỏ đạo, để làm những việc phi pháp này. Hiện tại con rất thích phạm hạnh, tu đạo vô thượng.»

Ba lần người mẹ bảo như vậy, cũng ba lần người con thưa:

«Không thể bỏ đạo để trở về thế tục được!»

Bà mẹ liền bỏ ra về. Bà ta đến chỗ người con dâu, nói:

«Khi nào nguyệt kỳ của con đến, tin cho mẹ biết.»

Người dâu tự biết nguyệt kỳ sắp đến, nên đến thưa với mẹ chồng:

«Thưa đại gia, nguyệt kỳ của con sắp đến.»

Bà mẹ chồng bảo:

«Con nên dùng y phục và nữ trang của ngày cưới trang điểm thân con rồi đến đây.»

Người con dâu theo lời mẹ chồng dạy, liền tự trang điểm thân mình; rồi cùng mẹ đến chỗ người chồng. Đến nơi, bà mẹ chồng nói với con bà:

«Nay đã đến lúc, con phải bỏ đạo về đời. Tại sao vậy? Vì nếu con không bỏ đạo, tài vật của nhà ta sẽ bị thu vào cửa nhà quan.»

Người con thưa với mẹ:

«Con không thể bỏ đạo!»

Sau khi ba lần nói như vậy, bà nói với con trai:

«Hôm nay hoa thủy của vợ con đã xuất. Con nên lưu lại đứa con để dòng dõi của con không bị đứt.»

Người con thưa:

«Việc này rất dễ. Con có thể làm được.»

Lúc bấy giờ, trước khi Phật chế giới, Ca-lan-đà Tử không thấy được dục là ô uế, liền nắm tay người vợ cũ dẫn vào trong vườn, nơi chỗ khuất vắng, ba lần làm việc bất tịnh. Ngay khi ấy, trong vườn có con quỷ vừa mệnh chung liền gá vào thai. Nương nơi thai đủ chín tháng, sanh ra một hài nhi nam, dung mạo đoan chánh, có một không hai trên đời, được đặt tên là Chủng Tử[46], các căn đầy đủ. Theo thời gian, Chủng Tử khôn lớn, cạo tóc, mặc cà sa, với lòng tin vững chắc xuất gia học đạo, tinh cần không biếng nhác, đắc quả A-la-hán, thần thông biến hóa, oai đức vô lượng, cho nên có hiệu là Tôn giả Chủng Tử.[47]

Tu-đề-na tập oai nghi của Sa-môn, không việc gì không biết, gặp việc gì cũng làm được; [570b1] và cũng có thể dạy bảo người khác.

Từ khi Tu-đề-na làm việc bất tịnh rồi, về sau thường ôm lòng sầu ưu. Các đồng học thấy vậy hỏi:

«Thầy có điều gì sầu ưu phải chăng? Thầy tu phạm hạnh lâu, oai nghi lễ tiết không việc gì không biết, tại sao sầu ưu? Hay là không thích sống đời sống phạm hạnh nữa?»

Tu-đề-na nói:

«Tôi rất thích đời sống phạm hạnh. Nhưng gần đây, nơi chỗ khuất vắng, tôi đã phạm ác hạnh; cùng vợ cũ[48] làm việc bất tịnh, nên ưu sầu.»

Các tỳ-kheo nói với Tu-đề-na:

«Tại sao thầy lại làm việc xấu như vậy? Trong pháp thanh tịnh của đức Như Lai, ở trong dục mà không dục, ở trong cấu bẩn mà không cấu bẩn, hay đoạn trừ khát ái, phá bỏ hang ổ, trừ các trói buộc, ái diệt tận chứng Niết-bàn. Tại sao nay Thầy lại ở trong pháp thanh tịnh này cùng vợ cũ làm bất tịnh hạnh?»

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, cúi đầu lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này trình bày đầy đủ lên đức Thế tôn. Lúc ấy đức Thế tôn do nhơn duyên này mà tập hợp các tỳ-kheo.

Đức Thế tôn có khi biết mà vẫn hỏi, có khi biết mà không hỏi; đôi khi đúng lúc thì hỏi, đôi khi đúng lúc mà không hỏi; hợp nghĩa[49]. Bấy giờ đức Thế tôn biết đúng thời, hợp nghĩa, cho nên hỏi Tu-đề-na:

«Thật sự ông có cùng vợ cũ làm hạnh bất tịnh hay không?»

«Đúng như vậy, bạch Thế tôn. Con đã phạm bất tịnh hạnh.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách:

«Việc ông làm là sai, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận. Ông đã làm điều chẳng nên làm.

«Tu-đề-na, tại sao ở trong pháp thanh tịnh này, (như trên, cho đến) ái diệt tận chứng Niết-bàn, lại cùng vợ cũ làm hạnh bất tịnh?»

Đức phật bảo các tỳ-kheo:

«Thà để nam căn vào trong miệng con rắn độc, không nên để vào nữ căn. Tại sao vậy? Vì duyên này không đọa nơi đường ác, còn nếu phạm vào người nữ thì thân hoại mạng chung đọa vào ba đường ác. Tại sao vậy? Ta đã dùng vô số phương tiện nói pháp đoạn dục, đoạn dục tưởng, diệt dục niệm, trừ tan sức nóng của dục, vượt ra khỏi sự kết buộc

của ái. Ta đã dùng vô số phương tiện nói, dục như lửa, dục như bó đuốc cỏ khô trong tay, cũng như trái cây, lại như vật tạm mượn, cũng như xương khô, như cục thịt, như cảnh mộng, như mũi dao nhọn được dẫm lên, như đồ gốm mới làm đựng nước để dưới nắng sáng giữa ngày, như đầu con rắn độc, như con dao xoay vòng, như trên cọc nhọn, như ngọn lao bén đâm[50]. Dục rất là nhớp nhúa, rất là xấu ác, là điều mà Phật quở trách.

«Tu-đề-na, ngươi ở trong giáo pháp thanh tịnh của Ta, (như trên, cho đến) ái diệt tận chứng Niết-bàn, lại cùng vợ cũ làm hạnh bất tịnh.»

[570c01] Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Tu-đề-na là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới đầu tiên. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, nhằm đến mười cú nghĩa[51] : 1. Nhiếp thủ đối với Tăng. 2. Khiến cho Tăng hoan hỷ. 3. Khiến cho Tăng an lạc. 4. Khiến cho người chưa tín thì có tín. 5. Người đã có tín khiến tăng tưởng. 6. Để điều phục người chưa được điều phục. 7. Người có tàm quý được an lạc. 8. Đoạn hữu lậu hiện tại. 9. Đoạn hữu lậu đời vị lai. 10. Chánh pháp được tồn tại lâu dài[52]

«Muốn thuyết giới, nên thuyết như vầy:

Tỳ-kheo nào, phạm bất tịnh hạnh, làm pháp dâm dục, tỳ-kheo ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.»

Đức Thế tôn đã kết giới như vậy cho các tỳ-kheo.

---o0o---

4. NHÂN DUYÊN BẠT-XÀ TỬ: KẾT GIỚI LẦN THỨ HAI

Bấy giờ, tỳ-kheo Bạt-xà Tử[53] sầu ưu không muốn sống tịnh hạnh, trở về nhà cùng với vợ cũ hành bất tịnh hạnh. Sau đó

suy nghĩ, «Đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới: ‹Tỳ-kheo nào, phạm bất tịnh hạnh, hành pháp dâm dục, tỳ-kheo ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.› Song ta vì sầu ưu, không muốn sống tịnh hạnh, trở về nhà cùng vợ cũ làm bất tịnh hạnh. Như vậy ta có phạm ba-la-di không? Ta sẽ làm như thế nào đây?» Bèn nói với các đồng học:

«Thưa Trưởng lão, đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới: ‹Tỳ-kheo nào, phạm bất tịnh hạnh, làm pháp dâm dục, Tỳ-kheo ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.› Song tôi vì sầu ưu, không muốn sống tịnh hạnh, trở về nhà cùng vợ cũ hành bất tịnh hạnh. Như vậy tôi có phạm ba-la-di không? Tôi sẽ làm như thế nào đây? Lành thay, Trưởng lão vì tôi đem việc này bạch lên đức Phật. Tùy theo đức Phật dạy như thế nào, tôi sẽ phụng hành như thế ấy.»

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Lúc bấy giờ đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo. Ngài dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Bạt-xà Tử:

«Việc ông làm là sai, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận. Ông đã làm điều chẳng nên làm.

«Thế nào, người ngu si, không thích tịnh hạnh, trở về nhà cùng vợ cũ làm bất tịnh hạnh? Vừa mới để vào là ba-la-di. Ông là người ngu si, phạm ba-la-di, không được sống chung. Cho nên, này các tỳ-kheo, nếu có ai không thích tịnh hạnh, cho phép xả giới về nhà. Sau đó, muốn xuất gia lại, ở trong Phật pháp tu tịnh hạnh, nên độ cho xuất gia, thọ đại giới. Từ nay về sau [571a01] nên thuyết giới như vầy:

«Tỳ-kheo nào, cùng với tỳ-kheo đồng giới, không xả giới, giới sút kém không tự phát lồ[54], phạm bất tịnh hạnh, làm pháp dâm dục, tỳ-kheo ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.»

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy.

---o0o---

5. NHÂN DUYÊN VƯỢN CÁI: KẾT GIỚI LẦN THỨ BA

Tỳ-kheo khất thực[55] sống ở trong rừng.

Trong khu rừng này, trước đó có một con vượn cái[56] đã ở. Tỳ-kheo khất thực này mỗi khi vào thôn khất thực, rồi trở về lại rừng, ăn xong, mang thức ăn còn dư cho con vượn cái này ăn. Cứ như vậy, dần dần thuần phục được nó. Nó đi theo sau tỳ-kheo, thậm chí dùng tay bắt, nó vẫn không chạy. Tỳ-kheo này liền bắt con vượn cái này, cùng làm bất tịnh hạnh.

Bấy giờ, có một số đông tỳ-kheo đi xem xét các trú xứ[57], tuần tự đến khu rừng này. Lúc ấy, con vượn cái ở trước mặt các tỳ-kheo, xoay lưng lại, bày tỏ dấu hiệu hành dâm. Các tỳ-kheo suy nghĩ: «Con vượn cái này ở trước mặt chúng ta, xoay lưng lại, bày tỏ dấu hiệu hành dâm, đâu không cùng với tỳ-kheo khác làm bất tịnh hạnh hay chăng?» Các tỳ-kheo cùng bảo nhau ẩn mình nơi chỗ vắng để rình xem.

Tỳ-kheo khất thực kia trở lại khu rừng, ăn xong, dùng thức ăn dư cho con vượn. Con vượn ăn rồi, cùng làm bất tịnh hạnh. Các tỳ-kheo thấy vậy, liền đến nói với tỳ-kheo khất thực ấy rằng:

«Đức Như Lai há không chế cấm tỳ-kheo không được làm bất tịnh hạnh hay chăng?»

Vị tỳ-kheo kia bảo:

«Đức Như Lai cấm chế nam phạm với phụ nữ chứ không chế cấm với súc sanh.»

Các tỳ-kheo nghe nói lời như vậy rồi, đến chỗ đức Phật, đảnh lễ, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này liền tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách vị tỳ-kheo khất thực kia:

«Tỳ-kheo, sao lại cùng với vượn cái làm bất tịnh hạnh? Vừa để vào liền phạm ba-la-di. Nay muốn thuyết giới, nên thuyết như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, cùng với tỳ-kheo đồng giới, không hoàn giới, giới sút kém, không tự phát lồ, cho đến cùng với loài súc sanh, phạm bất tịnh hạnh; Tỳ-kheo ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.

---o0o---

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo nào: gồm có tỳ-kheo danh tự, tỳ-kheo tương tợ, tỳ-kheo tự xưng, tỳ-kheo thiện lai, tỳ-kheo khất cầu[58], tỳ-kheo mặc y cát tiệt[59], tỳ-kheo phá kiết sử, tỳ-kheo thọ đại giới do bạch tứ yết-ma như pháp thành tựu hợp cách[60]. Trong số các tỳ-kheo này, tỳ-kheo ở đây đề cập đến là tỳ-kheo thọ đại giới bạch tứ yết-ma như pháp thành tựu hợp cách. Trụ trong pháp tỳ-kheo đó gọi là tỳ-kheo.

Cùng với tỳ-kheo[61]: ở đây chỉ các tỳ-kheo khác thọ đại giới bạch tứ yết-ma [571b01] như pháp thành tựu hợp cách, trụ trong pháp tỳ-kheo. Đó là nghĩa ‹cùng với tỳ-kheo.›

Thế nào gọi là đồng giới?[62] Đối với giới mà Ta (Phật) đã kết cho các đệ tử, thà chết chứ không phạm. Trong đây, cùng với các tỳ-kheo khác duy nhất giới, đồng nhất giới, bình đẳng giới; đó gọi là đồng giới.

Thế nào gọi là không xả giới? Xả giới khi đang điên cuồng; xả giới trước người điên cuồng; xả giới khi đau đớn; xả giới trước người đau đớn; xả giới khi điếc; xả giới khi câm; xả giới khi câm điếc; xả giới trước người câm; xả giới trước người điếc; xả giới trước người câm điếc. Người trung quốc xả giới trước người biên địa; người biên địa xả giới trước người trung quốc. Chỗ không tĩnh, tưởng là tĩnh mà xả giới. Tĩnh tưởng là không tĩnh mà xả giới. Giỡn cười xả giới. Trước trời, rồng, dạ xoa, ngạ quỷ, người ngủ, người chết, người không biết gì, không tự nói hoặc nói mà người nghe không hiểu..., các trường hợp như vậy không gọi là xả giới.

Thế nào gọi là xả giới? Nếu tỳ-kheo không thích tu phạm hạnh, muốn được trở về nhà, nhàm chán pháp tỳ-kheo, thường ôm lòng hổ thẹn[63] , tham thú vui tại gia, tham muốn pháp ưu-bà-tắc, hoặc chỉ niệm tưởng pháp sa-di[64], hoặc ưa pháp ngoại đạo, ưa pháp đệ tử ngoại đạo[65], ưa pháp phi sa-môn, phi Thích tử, bèn nói lên lời nói như vầy: «Tôi xả Phật, xả Pháp, xả tỳ-kheo Tăng, xả Hòa-thượng, xả đồng Hòa-thượng, xả A-xà-lê, xả đồng A-xà-lê, xả các phạm hạnh[66], xả giới, xả luật, xả học sự, nhận pháp ở nhà. Tôi làm tịnh nhơn. Tôi làm ưu-bà-tắc. Tôi làm sa-di. Tôi làm ngoại đạo. Tôi làm đệ tử ngoại đạo. Tôi làm phi Sa-môn, phi Thích chủng tử.»

Hoặc lại nói như vầy: «Thôi, không cần Phật. Phật đối với tôi đâu có ích gì. Tôi lìa bỏ chỗ Phật.» Cho đến đối với học sự cũng nói như vậy. Hoặc lại nói những lời nói khác hủy báng Phật, Pháp và Tăng cho đến học sự; khen ngợi gia nghiệp,

cho đến phi Sa-môn, phi Thích tử. Bằng lời nói như vậy một cách rõ ràng để nói thì gọi là xả giới.

Giới sút kém[67] : hoặc có giới sút kém mà không xả giới, hoặc có giới sút kém mà xả giới.

Tại sao gọi là giới sút kém mà không xả giới? Nếu tỳ-kheo sầu ưu, không thích phạm hạnh, muốn được về nhà, nhàm chán pháp tỳ-kheo, ôm lòng xấu hổ, ý muốn ở nhà, cho đến ưa muốn làm pháp phi Sa-môn, phi Thích tử, bèn nói như vầy: «Tôi nghĩ đến cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, xóm làng, thành ấp, [571c01] ruộng vườn, ao hồ. Tôi muốn xả Phật, Pháp, Tăng, cho đến học sự.» Liền muốn thọ trì gia nghiệp, cho đến, phi Sa-môn, phi Thích tử. Như vậy gọi là giới sút kém mà không xả giới.

Thế nào gọi là giới sút kém mà xả giới? Nếu khởi tư duy như vầy: ‹Tôi muốn xả giới.› Rồi xả giới. Như vậy gọi là giới sút kém mà xả giới.

Bất tịnh hạnh[68]: là pháp dâm dục.

Cho đến cùng với súc sanh là chỉ đối tượng có thể hành dâm.

Thế nào là ba-la-di [69]? Ví như cái đầu của con người đã bị chặt thì không thể mọc trở lại. Tỳ-kheo cũng như vậy, người phạm pháp này không còn thành tỳ-kheo nữa, cho nên gọi là ba-la-di.

Thế nào gọi là không được sống chung[70]? Có hai trường hợp gọi là được sống chung: đồng một yết-ma, đồng một thuyết giới. Không được cùng chung làm hai việc này cho nên gọi không được sống chung.

---o0o---

D. PHẠM TƯỚNG

Có ba trường hợp hành bất tịnh hạnh thành ba-la-di: loài người, phi nhơn, súc sanh.

Lại có năm loại hành bất tịnh hạnh phạm ba-la-di: thuộc loài người là phụ nữ, đồng nữ, có hai hình[71], huỳnh môn[72], người nam. Nơi năm đối tượng này hành bất tịnh hạnh phạm ba-la-di.

Đối với ba loại giống cái hành bất tịnh hạnh, thành ba-la-di. Những gì là ba? Người nữ, phi nhân[73] nữ, súc sanh cái. Đối với ba đối tượng này hành bất tịnh hạnh, thành ba-la-di. Ba loại đồng nữ, ba loại nhị hình, ba loại bất năng nam, ba loại người nam; đối với những loại này hành bất tịnh hạnh, thành ba-la-di. Cũng như vậy, phạm ba nơi của người phụ nữ, thành ba-la-di. Ba nơi là, đường đại tiện, đường tiểu tiện và miệng. Cũng vậy, ba nơi của loài phi nhân cái, súc sanh giống cái, đồng nữ loài người, đồng nữ loài phi nhơn, súc sanh mới lớn, người nhị hình, phi nhân nhị hình, súc sanh nhị hình.

Hành bất tịnh hạnh ở hai nơi của người huỳnh môn, thành ba-la-di. Hai nơi là đường đại tiện và miệng. Phi nhân huỳnh môn, súc sanh huỳnh môn cũng vậy. Ở hai nơi loại bất năng nam, súc sanh đực cũng như vậy.

Tỳ-kheo với tâm dâm, hướng đến nơi đường đại tiện, đường tiểu tiện và miệng của người phụ nữ; vừa vào thì phạm; không vào không phạm. Hai bên có vật cách; hoặc bên có vật cách, bên kia không; hoặc bên kia không có vật cách, bên này có; hoặc cả hai bên đều không có vật cách; thảy đều thành ba-la-di.

Nếu tỳ-kheo với ý dâm, hướng đến ba nơi của hạng phi nhân nữ, súc sanh cái, đồng nữ người, đồng nữ phi nhân, súc sanh nhị hình cũng như vậy. Hay hướng đến hai nơi của người huỳnh môn, phi nhân huỳnh môn, súc sanh huỳnh môn; người nam, phi nhân nam; súc sanh đực lại cũng như vậy.

Nếu tỳ-kheo với ý dâm hướng đến đường đại tiện, đường tiểu tiện và miệng của người phụ nữ đang ngủ hoặc chết mà chưa hư hoại hay phần nhiều hư hoại, vừa để vào liền phạm, không vào thì không phạm. Có vật ngăn cách hay không vật ngăn cách cũng vậy... cho đến, người nam cũng như vậy.

Nếu tỳ-kheo bị oan gia áp bức đưa đến chỗ người phụ nữ, cưỡng đem nam căn đặt vào trong ba nơi. Khi mới để vào có cảm giác thích thú, khi vào rồi, khi ra cũng như vậy, phạm ba-la-di. Khi mới vào, và khi vào rồi có cảm giác thích thú, nhưng khi ra thì không, vẫn phạm ba-la-di. Khi mới vào, khi vào rồi không cảm thấy thích thú, nhưng khi ra có cảm thọ lạc, cũng phạm ba-la-di. Khi vào thọ lạc, khi vào rồi và khi ra không thọ lạc cũng mắc tội ba-la-di. Khi mới vào không thọ lạc, khi vào rồi và khi ra có thọ lạc, mắc tội ba-la-di. Khi mới vào và khi vào rồi không thọ lạc, khi ra thọ lạc, mắc tội ba-la-di. Có vật ngăn cách, không vật ngăn cách cũng như vậy... từ giống cái chẳng phải người cho đến người nam cũng như vậy.

Nếu tỳ-kheo bị oan gia áp bức đưa đến chỗ người phụ nữ đang ngủ, hoặc là thây chết chưa hoại, hay phần lớn chưa hoại... mà có cảm giác thọ lạc cũng như vậy. Có vật cách hay không vật cách cũng như vậy. Từ giống cái phi nhân cho đến người nam cũng như vậy.

Nếu oan gia cưỡng nắm nam căn của tỳ-kheo đặt vào trong đường đại tiện để làm việc bất tịnh, khi đặt vào có cảm giác thọ lạc, mắc tội ba-la-di. Khi vào rồi thọ lạc, khi ra thọ lạc cũng như trên đã nói, cho đến có vật cách hay không vật cách cũng như vậy.

Từ đạo vào đạo; từ đạo vào phi đạo[74]; từ phi đạo vào đạo. Hoặc vào có chừng mức, hoặc vào hết; hoặc nói hoặc không nói. Nếu, với tâm dâm, cho đến chỉ vào như sợi lông, đều phạm ba-la-di. Phương tiện mà không vào, phạm thâu-lan-giá.[75]

Nếu tỳ-kheo phương tiện muốn tìm cầu làm bất tịnh hạnh, thành thì phạm ba-la-di, không thành thì phạm thâu-lan-giá.

Nếu tỳ-kheo dạy tỳ-kheo làm bất tịnh hạnh; tỳ-kheo kia làm theo lời dạy (thì tỳ-kheo dạy) phạm thâu-lan-giá; (tỳ-kheo kia) không làm theo lời dạy (thì tỳ-kheo dạy) mắc đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni dạy tỳ-kheo, làm phạm thâu-lan-giá, không làm thì mắc đột-kiết-la. Trừ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, các chúng khác dạy nhau làm hạnh bất tịnh, làm hay không làm đều mắc đột-kiết-la.

Nếu tử thi phân nửa bị hư hoại mà làm bất tịnh hạnh, khi để vào liền phạm thâu-lan-giá. Nếu phần lớn bị hư hoại, hay bị hoại hết thì phạm thâu-lan-giá. Nơi kẽ hở của xương làm hạnh bất tịnh, phạm thâu-lan-giá. Đào đất làm thành lỗ, hoặc nơi miệng bình, phạm thâu-lan-giá. Tưởng là đạo hay nghi như vậy, tất cả đều phạm thâu-lan-giá.

Nếu nơi đạo mà khởi ý tưởng là đạo, phạm ba-la-di. Nếu nghi là đạo, phạm ba-la-di. Nếu nơi đạo mà tưởng phi đạo, phạm ba-la-di. Phi đạo mà tưởng là đạo, phạm thâu-lan-giá. Phi đạo mà nghi, phạm thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo-ni ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni mắc đột-kiết-la diệt tẫn. Đó là phạm[76].

Sự không phạm: khi ngủ không hay biết, không thọ lạc, hoàn toàn không có ý dâm thì không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách. bức bách thì không phạm.[77]

---o0o---

II. BẤT DỮ THỦ

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn du hóa nơi thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật[78]. Bấy giờ trong thành La-duyệt có tỳ-kheo tự là Đàn-ni-ca[79], con người thợ đồ gốm, lưu trú trong một thảo am nơi chỗ khuất vắng[80]. Sau khi vị tỳ-kheo kia vào trong thôn khất thực, có người lấy củi, phá thảo am của tỳ-kheo đem về làm củi. Tỳ-kheo kia khất thực xong trở về thấy thảo am không còn, bèn khởi ý nghĩ: «Ta đã sống một mình nơi khuất vắng; tự mình lấy cỏ cây làm am để ở. Khi vào thôn khất thực, người lấy củi phá am thất của ta đem đi. Bản thân ta có tay nghề; ta có thể trộn bùn đất làm thành căn nhà toàn bằng gạch[81].»

Tỳ-kheo kia nghĩ xong, liền trộn bùn đất làm thành căn nhà toàn bằng gạch; rồi lấy củi và phân bò mà nung, căn nhà có màu sắc đỏ tươi như lửa.

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn từ trên núi Kỳ-xà-quật đi xuống. Từ xa trông thấy cái nhà màu đỏ như lửa rồi, Ngài biết mà cố hỏi các tỳ-kheo:

«Cái gì màu đỏ vậy?»

Các tỳ-kheo bạch Phật:

«Kính bạch đức Thế tôn, có một tỳ-kheo tên là Đàn-ni-ca, con người thợ đồ gốm. Tỳ-kheo ấy một mình ở nơi khuất vắng, làm một cái thất bằng cỏ để ở. Khi đi khất thực, bị những người lấy củi phá cái thất mang đi. Vị tỳ-kheo ấy khi về, thấy thất của mình bị phá liền nghĩ: ‹Ta có tay nghề, ta

có thể làm một cái thất toàn bằng gạch.› Nghĩ như vậy rồi liền làm. Cái nhà sắc đỏ đó là của tỳ-kheo Đàn-ni-ca.»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện để quở trách vị tỳ-kheo kia:

«Việc ngươi làm sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao, tỳ-kheo Đàn-ni-ca, con người thợ gốm, tự mình làm thất, tập trung với nhiều số lượng củi, phân bò v.v... rồi nung. Ta thường dùng vô số phương tiện nói đến lòng từ mẫn đối với chúng sanh. Tại sao người ngu si này tự mình trộn bùn đất làm thất, dồn chứa gai củi và phân bò để nung? Từ nay về sau, các ông không được làm thất toàn bằng gạch có màu đỏ như lửa như thế[82]. Nếu làm, phạm đột-kiết-la.»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn ra lệnh cho các tỳ-kheo:

«Các ông tập hợp lại, cùng nhau nhanh chóng đến chỗ thất của Đàn-ni-ca mà phá bỏ đi[83].»

Các tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, đến đập phá cái thất đó. Đàn-ni-ca thấy các tỳ-kheo đập phá cái thất của mình bèn hỏi:

«Tôi có lỗi gì mà đập phá thất của tôi ?»

Các tỳ-kheo trả lời:

«Thầy không có lỗi. Chúng tôi cũng không ghét Thầy. Song chúng tôi vừa nhận lời dạy của đức Thế tôn, nên đến đây phá thất của Thầy.»

Tỳ-kheo Đàn-ni-ca nói:

«Nếu đức Thế tôn đã dạy, các Thầy cứ tùy nghi.»

Lúc bấy giờ Bình-sa, Vua nước Ma-kiệt[84] có người giữ cây gỗ nhà nước[85], cùng với tỳ-kheo Đàn-ni-ca là bạn thân từ thời

còn nhỏ, nên tỳ-kheo Đàn-ni-ca đến chỗ người giữ cây gỗ ấy nói rằng:

«Ông bạn có biết chăng, Vua Bình Sa cho tôi cây gỗ. Nay tôi cần gỗ, ông bạn có thể cho tôi nhận được không ?»

Người giữ gỗ nói:

«Nếu nhà Vua đã cho, thì loại tốt hay loại xấu, cần nhiều hay ít, cứ tùy ý lấy.»

Loại cây gỗ thiết yếu của nhà Vua[86] để dành, bị tỳ-kheo Đàn-ni-ca chặt mang đi.

Khi ấy có một vị Đại thần tổng giám sát các sự việc của thành[87], đến chỗ chứa gỗ, thấy những cây gỗ thiết yếu, mà nhà Vua lưu trữ, bị chặt lung tung, liền hỏi người giữ gỗ rằng:

«Những cây gỗ thiết yếu này nhà Vua lưu trữ ở đây, ai chặt mang đi ?»

Người giữ gỗ nói:

«Tỳ-kheo Đàn-ni-ca đến nơi tôi và nói, ‹Nhà Vua cho tôi gỗ. Nay tôi cần, có thể lấy được không?› Tôi trả lời: ‹Nhà Vua cho thì Thầy cứ lấy.› Tỳ-kheo liền vào vựa chứa cây lưu trữ chặt mang đi.»

Khi Đại thần nghe nói như vậy rồi, liền phiền trách nhà Vua rằng: ‹Tại sao đem loại gỗ thiết yếu này cho tỳ-kheo? Trong khi còn có những thứ gỗ khác có thể cho được không cho, mà khiến tỳ-kheo này chặt đứt gỗ thiết yếu mang đi!› Rồi vị Đại thần đến chỗ nhà Vua tâu:

«Tâu Đại vương, số cây gỗ thiết yếu được lưu trữ, tại sao nay lại cho tỳ-kheo chặt mang đi? Còn có nhiều thứ gỗ khác có thể cho được, sao lại phá hoại loại gỗ quí đó?»

Nhà Vua bảo rằng:

«Ta hoàn toàn không nhớ đã đem gỗ cho ai. Nếu Đại thần có nhớ thì nhắc lại cho ta.»

Khi ấy vị Đại thần liền cho đi bắt người giữ cây gỗ đến chỗ nhà Vua. Người giữ cây gỗ từ xa thấy tỳ-kheo Đàn-ni-ca, liền kêu nói:

«Đại đức, vì Thầy lấy gỗ mà tôi bị bắt. Đại đức hãy vì tôi, đi đến đó để giải quyết. Xin thương xót tôi.»

Tỳ-kheo trả lời:

«Ông cứ đến đó. Tôi cũng đi ngay đây.»

Sau đó tỳ-kheo Đàn-ni-ca đến chỗ nhà Vua, đứng im lặng trước mặt Vua.

Nhà Vua liền hỏi:

«Đại đức, có thật là tôi cho Thầy gỗ hay không?»

Tỳ-kheo đáp:

«Sự thật nhà Vua có cho tôi gỗ.»

Nhà Vua nói:

«Tôi không nhớ là có cho người gỗ. Thầy hãy nhắc lại để tôi nhớ.»

Tỳ-kheo báo rằng:

«Đại vương còn nhớ chăng? Khi mới đăng vị, từ miệng nhà Vua nói ra rằng, ‹Trong thời tôi còn trị nước, [573a1] trong phạm vi quốc giới, có các Sa-môn, Bà-la-môn nào biết tàm quý, ưa học giới, cho thì lấy, không cho không lấy; cho thì dùng, không cho không dùng. Kể từ hôm nay, các Sa-môn, Bà-la-môn được phép tùy ý dùng cỏ cây và nước. Không được không cho mà dùng. Từ nay về sau cho phép Sa-môn, Bà-la-môn tùy ý dùng cỏ cây và nước.›»

Nhà Vua nói:

«Này Đại đức, khi tôi mới đăng vị, thật sự có nói như vậy. Đại đức, tôi nói đối với vật vô chủ chứ không nói đối với vật có chủ. Tội của Đại đức đáng chết.»

Nhà Vua lại tự nghĩ: «Ta là Vua Quán đỉnh, dòng Sát-lợi[88], đâu có thể chỉ vì một ít gỗ mà đoạn mạng người xuất gia. Điều ấy không nên.»

Bấy giờ, nhà Vua dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo rồi ra lệnh các thần thuộc, phóng thích tỳ-kheo. Các thần thuộc y lệnh Vua, phóng thích tỳ-kheo.

Sau đó các thần thuộc này lớn tiếng bình luận, bất bình, rằng, ‹Nhà Vua nghĩ sao? Tội đáng chết như vậy mà chỉ khiển trách rồi thả.›

Lúc ấy, trong thành La-duyệt có các cư sĩ không tin ưa Phật pháp, họ đều chỉ trích rằng, «Sa-môn Thích tử không có tàm quý, không biết sợ là gì, nên lấy vật không cho. Bên ngoài tự nói ta biết chánh pháp. Như vậy làm gì có chánh pháp! Gỗ của nhà Vua còn lấy, huống là của người khác? Chúng ta từ nay về sau đừng gần gũi với sa-môn Thích tử, lễ bái hỏi chào, cúng dường cung kính. Đừng cho vào thôn ta, cũng đừng cho nghỉ ngơi.»

Bấy giờ có các tỳ-kheo nghe chuyện ấy. Trong số đó có những kẻ thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, biết tàm quý, ưa học giới, hiềm trách Đàn-ni-ca: «Sao lại ăn trộm cây gỗ của Vua Bình-sa.»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo; tuy biết vẫn cố hỏi tỳ-kheo Đàn-ni-ca:

«Có thật ngươi lấy gỗ mà nhà Vua không cho?»

Đàn-ni-ca thưa:

«Bạch Thế tôn, thực sự đúng như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Đàn-ni-ca:

«Việc ngươi làm sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải pháp tùy thuận, làm đều không nên làm. Này, Đàn-ni-ca, sao lại lấy gỗ mà nhà Vua không cho? Ta dùng vô số phương tiện khen ngợi sự lấy những gì đã được cho. Nay ngươi sao lại lấy gỗ mà nhà Vua không cho?»

Khi ấy có một tỳ-kheo tên là Ca-lâu , vốn là Đại thần của nhà Vua[89],[69] rành về thế pháp, ngồi trong chúng, cách đức Thế tôn không xa. Đức Thế tôn biết mà vẫn hỏi tỳ-kheo Ca-lâu:

«Theo pháp luật của nhà Vua, không cho mà lấy, vật trị giá bao nhiêu phải tội chết?»[90]

[91]Tỳ-kheo Ca-lâu bạch Phật:

«Nếu lấy năm tiền hay vật trị giá năm tiền sẽ bị tội chết.»

«Tỳ-kheo Đàn-ni-ca, sao lại lấy gỗ mà nhà Vua không cho?»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Đàn-ni-ca, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Tỳ-kheo Đàn-ni-ca là kẻ ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới. Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa,... cho đến để chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, nơi thôn xóm hay chỗ trống vắng, với tâm trộm cắp, lấy vật không được cho. Tùy theo vật không được cho mà lấy, hoặc bị Vua hay Đại thần của Vua bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi ra khỏi nước, rằng ‹Ngươi là giặc, ngươi ngu si, ngươi không biết gì.› Tỳ-kheo ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.[92]

---o0o---

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Thôn : có bốn loại, 1. Chung quanh đều có tường xây thấp. 2. Chung quanh có hàng rào. 3. Có rào và tường nhưng không giáp vòng. 4. Chung quanh đều có nhà[93].

Chỗ trống vắng[94]: khoảng đất trống không và vắng vẻ ở ngoài thôn.

Vật không được cho: vật mà người khác không vất bỏ[95]

Trộm cắp: lấy với tâm trộm cắp[96].

Tùy theo vật không được cho mà lấy: là năm tiền hay trị giá năm tiền[97].

Vua: là người tự tại, không lệ thuộc ai.

Đại thần: Chỉ chung cho các vị Đại thần trợ giúp nhà Vua.

Ba-la-di không được sống chung: như trên đã nói.

---o0o---

D. PHẠM TƯỚNG

Có ba trường hợp lấy vật không được cho phạm ba-la-di: tự tay lấy, giám sát sự lấy, khiến người lấy.

Lại có ba trường hợp lấy vật không được cho phạm ba-la-di: lấy vật với ý tưởng không phải của mình, lấy vật với ý chẳng phải tạm dùng, lấy vật không được đồng ý.

Lại có ba loại[98] lấy: lấy vật của người, tưởng vật của người, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có ba loại lấy: lấy vật có chủ, tưởng là có chủ, di chuyển khỏi nguyên vị trí.

Lại có ba loại lấy: lấy vật có người khác giám hộ, tưởng có người khác giám hộ, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có bốn loại lấy vật không cho thành ba-la-di[99]: tự tay mình lấy, giám sát sự lấy, sai người lấy, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có bốn loại lấy thành ba-la-di: lấy vật với ý tưởng chẳng phải của mình, không phải lấy tạm, không được đồng ý mà lấy, và dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có bốn loại lấy: lấy vật của người, tưởng vật của người, trọng vật[100], dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có bốn loại lấy: có chủ, tưởng là có chủ, trọng vật, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có bốn loại lấy: người khác giám hộ, tưởng có người khác giám hộ, trọng vật, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có năm loại không cho mà lấy thành ba-la-di: tự tay mình lấy, giám sát người khác lấy, khiến người khác lấy, trọng vật, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có năm loại: lấy vật với ý tưởng chẳng phải của mình, không có ý tạm lấy, chẳng phải đồng ý mà lấy, trọng vật, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có năm loại lấy: lấy vật của người, tưởng là vật của người, trọng vật, với tâm trộm, và dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có năm loại: có chủ, tưởng có chủ, trọng vật, với tâm trộm, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có năm loại lấy: vật có người khác giám hộ, trọng vật, với tâm trộm cắp, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có sáu loại không cho mà lấy thành ba-la-di: tự tay mình lấy, giám sát người lấy, sai người lấy, trọng vật, với tâm trộm cắp, và dời khỏi chỗ cũ. Chẳng phải vật của mình, tưởng là chẳng phải vật của mình, có sáu loại như vậy. Đó gọi là sáu loại lấy trộm phạm tội ba-la-di.

Vị trí [101]: vị trí trong lòng đất, vị trí trên đất, vị trí trên cộ, vị trí trong gánh, vị trí trong hư không, vị trí trên cây, vị trí thôn, vị trí a-lan-nhã, vị trí ruộng, vị trí xứ sở, vị trí ghe thuyền, vị trí nước. Hoặc lén qua ải mà không đóng thuế. Hoặc lấy vật của người khác ký thác. Hoặc lấy nước; lấy tăm, trái cây, thảo mộc, chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, sản nghiệp chung. Hoặc cùng hẹn[102], hoặc rình chờ[103], hoặc canh giữ[104], hoặc chặn lối đường hiểm. Như vậy gọi là vị trí[105].

Vị trí trong lòng đất[106] : các kho tàng chôn dưới đất chưa ai phát hiện, như bảy báu gồm vàng, bạc, lưu ly, chơn châu, bích ngọc, xa cừ, mã não; các thứ vàng ròng[107], vật báu làm bằng vàng, áo, chăn; hoặc lại có những nhu yếu phẩm khác có chủ và được chôn trong lòng đất. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí; vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, nhưng không nhắc nổi, phạm thâu-lan-giá.

Vị trí trên đất[108] : các thứ không chôn dưới đất như bảy báu gồm vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ và ở trên mặt đất. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, nhưng không nhắc nổi, phạm thâu-lan-giá.

Vị trí trên cộ[109] : cộ có bốn loại, cộ voi, cộ ngựa, cộ xe, cộ đi bộ. Hoặc lại có các phương tiện chuyên chở khác đều gọi là cộ. Các thứ trên cộ như bảy báu gồm vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí; vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, [574a1] nhưng không nhắc, phạm thâu-lan-giá. Hoặc dẫn xe cộ từ đường chính đến đường chính, từ đường chính đến đường phụ, từ đường phụ đến đường chính, từ trong hầm lên trên bờ hầm, từ trên bờ hầm đến trong hầm, như vậy lấy cộ rời khỏi nguyên vị trí. Vừa rời khỏi nguyên vị trí, phạm ba-la-di. Nếu phương tiện muốn lấy mà không lấy, phạm tội thâu-lan-giá.

Vị trí gánh : vật đội trên đầu, vật vác trên vai, vật cõng sau lưng, hay ôm trước ngực; hoặc lại có các vật khuân vác khác. Trên những gánh này có các vật như bảy báu gồm vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, nhưng không nhắc, phạm thâu-lan-giá. Hoặc mang gánh từ đường chính đến đường chính, từ đường chính đến đường phụ, từ đường phụ đến đường chính, từ trong hầm lên trên bờ hầm, từ trên bờ hầm đến trong hầm. Như vậy với tâm trộm mà mang khỏi chỗ

cũ; vừa rời khỏi vị trí của vật, thành ba-la-di. Nếu phương tiện muốn lấy mà không lấy mắc tội thâu-lan-giá.

Vị trí trống không[110] : những vật mà gió thổi bay như lông, kiếp-bối, câu-giá-la, sai-la-ba-ni, sô ma, gai, bông, bát-đam-lam-bà, đầu-đầu-la, chim nhạn, chim hạc, chim khổng tước, chim anh võ, chim bồ câu. Lại có vật hữu dụng khác, có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí thành ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, nhưng mà không nhắc nỗi, phạm thâu-lan-giá.

Vị trí bên trên[111] : vật được nhấc lên để trên cây, trên tường, trên rào, trên vực, trên cọc bằng ngà voi[112],trên giá móc áo, trên võng, trên giường cây, trên nệm lớn nhỏ, trên gối, trên chiếu trải trên đất. Trên những thứ này mà có vàng, bạc, v.v... cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí thành ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, nhưng mà không nhắc nổi, phạm thâu-lan-giá.

Vị trí thôn : Có bốn loại thôn xóm như trên đã nói[113]. Trong thôn xóm này, có vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí thành ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, nhưng mà không nhắc nổi, phạm thâu-lan-giá. Dùng máy móc công kích, phá hoại thôn xóm; hoặc cho nước ngập, hoặc dựa vào cường lực của người quen thân, hoặc dùng lời lẽ biện bác mê hoặc lừa dối mà lấy; vừa lấy được, thành ba-la-di; phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội thâu-lan-giá.

Vị trí a-lan-nhã : vùng đất trống ở ngoài thôn mà có chủ. Nơi chỗ đất trống nầy mà có vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, nhưng không nhắc, phạm thâu-lan-giá. Hoặc bằng phương tiện phá hoại vùng đất trống của người khác, hoặc cho nước ngập, hoặc dựa vào cường lực của người quen thân, hoặc dùng lời lẽ biện luận mê hoặc lừa dối để lấy. Vừa lấy được, thành ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội thâu-lan-giá.

Vị trí ruộng : ruộng trồng lúa dé, ruộng trồng lúa mạch, ruộng trồng mía. Hoặc lại có các loại ruộng khác mà nơi đó có vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành ba-la-di. Nếu dùng phương tiện phá hoại ruộng của người hoặc cho nước ngập, hoặc dựa vào cường lực của người quen thân, hoặc dùng lời lẽ biện luận mê hoặc lừa dối để lấy. Vừa lấy được, thành ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội thâu-lan-giá.

Xứ sở[114] : hoặc là khu vực của nhà, hoặc khu vực chợ quán, hoặc là vườn cây, hoặc là vườn rau, hoặc ao hồ, hoặc sân trước, hoặc sau nhà, hoặc là những nơi khác mà ở đó có vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành ba-la-di. Nếu dùng phương tiện phá hoại xứ sở của người, hoặc cho nước ngập, hoặc dựa vào cường lực của người quen thân, hoặc dùng lời lẽ biện luận mê hoặc lừa dối để lấy. Vừa lấy

được, thành ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội thâu-lan-giá.

Vị trí ghe thuyền : thuyền nhỏ, thuyền lớn, thuyền bầu[115], thuyền độc mộc[116], thuyền bành, thuyền buồm, thuyền hình con rùa, thuyền hình con ba ba, thuyền bằng da, thuyền bằng phao nổi, thuyền bằng trái cây[117], thuyền treo[118], thuyền cánh bè; hoặc những loại thuyền khác mà nơi đó có vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội thâu-lan-giá. Hoặc từ bờ này đến bờ kia, từ bờ kia đến bờ này; hoặc ngược dòng, hoặc xuôi dòng; hoặc cho chìm dưới đáy nước, hoặc dời lên trên bờ; hoặc cởi (thuyền) rồi dời đi chỗ khác, thành ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không được, mắc tội Thâu-lan-giá.

Vị trí nước : kho tàng chứa vàng bạc bảy báu và các thứ áo chăn chìm dưới đáy nước, hoặc con rái cá, hoặc cá, hoặc ba ba, hoặc cá sấu[119], hoặc hoa ưu-bát-la, hoa bát-đầu-ma, hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lợi[120], và các vật khác ở trong nước, có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội thâu-lan-giá. Nếu dùng phương tiện phá hoại chỗ nước của người... cho đến, mắc tội thâu-lan-giá, như trên đã nói.

Không đóng thuế[121] : theo pháp luật, tỳ-kheo không phải đóng thuế. Nếu vật của bạch y cần phải đóng thuế mà tỳ-kheo với tâm ăn trộm mang hộ cho người khác qua khỏi chỗ đóng thuế, hoặc ném ra ngoài cửa ải, vật trị giá năm tiền hay trên năm tiền, hoặc chôn dấu, di chuyển, hoặc dùng lời lẽ biện luận mê hoặc lừa dối, hoặc dùng chú thuật để đưa

qua... cho đến, phương tiện, thì phạm thâu-lan-giá, như trên.

Lấy vật ký thác của người: vật của người gởi mang đi mà đem tâm trộm cắp, trị giá năm tiền hay trên năm tiền; từ trên đầu dời xuống vai, từ trên vai dời lên đầu[122]; từ bên vai hữu dời qua bên vai tả, từ bên vai tả dời qua bên vai hữu; từ nơi tay tả dời qua tay hữu, từ tay hữu dời qua tay tả; hoặc ôm trong lòng, hoặc để nơi đất mà dời khỏi nguyên vị trí. Vừa dời khỏi vị trí cũ, thành ba-la-di. Phương tiện... thâu-lan-giá.

Nước: các loại nước thơm, hoặc nước thuốc, được đựng trong các đồ đựng nước như lu, vại lớn nhỏ, hoặc các loại dụng cụ chứa nước khác, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí; vật vừa rời khỏi nguyên vị trí thành ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được mắc tội thâu-lan-giá.

Tăm[123]: hoặc một hoặc hai, hoặc nhiều cây, hoặc một nắm, một bó, một ôm, một gánh; hoặc có ướp hương, hoặc có thoa thuốc, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội thâu-lan-giá.

Vườn: tất cả cỏ cây rừng rú hoa quả có chủ, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội thâu-lan-giá.

Chúng sanh không chân: như rắn, cá, và tất cả các loài chúng sanh không có chân khác có chủ, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách

lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội thâu-lan-giá.

Chúng sanh hai chân: loài người, loài phi nhơn, chim và các loại chúng sanh hai chân, có chủ, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội thâu-lan-giá.

Chúng sanh bốn chân : [575a1] như voi, ngựa, bò, lạc đà, lừa, nai, dê và các loại chúng sanh bốn chân, có chủ, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội thâu-lan-giá.

Chúng sanh nhiều chân : như ong, uất-châu-long-già[124], hoặc rết[125], hay chúng sanh nhiều chân khác, có chủ, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp, phạm ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội thâu-lan-giá.

Sản nghiệp chung[126]: tài vật kiếm được do sự nghiệp chung cần phải chia chung, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp, phạm ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội thâu-lan-giá.

Cùng hẹn[127]: cùng với người khác giao ước, lúc nào đó đi, lúc nào đó đến; hoặc đục vách lấy của, hoặc giữa đường cướp lấy, hoặc đốt cháy; từ đó được tài vật chung. Những vật ấy có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp, phạm ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội thâu-lan-giá.

Dò xét: «Tôi sẽ đến quan sát thôn kia; hoặc thành ấp, chỗ thuyền đò, hang núi, hoặc chỗ dân cư, chỗ chợ quán, nơi làm việc.» Những tài vật thu được từ những nơi đó thành của chung, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp, phạm ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội thâu-lan-giá.

Canh giữ: «Tôi sẽ canh giữ tài vật kiếm được từ bên ngoài. Những vật kiếm được chia chung.» Những vật ấy có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp, phạm ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được mắc tội thâu-lan-giá.

Canh đường: «Tôi sẽ canh gác nơi đường. Nếu có quân của nhà Vua đến, quân của giặc đến, quân của trưởng giả đến sẽ báo cho nhau biết. Tài vật kiếm được sẽ chia chung.» Những vật ấy có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp, phạm ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được mắc tội thâu-lan-giá.

Nếu phương tiện tìm cầu hơn năm tiền, được hơn năm tiền, thành ba-la-di. Nếu phương tiện tìm cầu hơn năm tiền mà được năm tiền, thành ba-la-di. Nếu phương tiện tìm cầu hơn năm tiền được dưới năm tiền, thâu-lan-giá. Nếu phương tiện tìm cầu hơn năm tiền mà không được, thâu-lan-giá. Nếu phương tiện tìm cầu năm tiền mà được hơn năm tiền, thành ba-la-di. Phương tiện tìm cầu năm tiền mà được dưới năm tiền, thành thâu-lan-giá. Phương tiện tìm cầu năm tiền mà không được, thành thâu-lan-giá. Phương tiện tìm cầu dưới năm tiền, được hơn năm tiền, thành ba-la-di. Phương tiện tìm cầu năm tiền mà được, thành ba-la-di. Phương tiện tìm cầu dưới năm tiền, được dưới năm tiền, thành thâu-lan-giá. Phương tiện tìm cầu dưới năm tiền mà không được, đột-kiết-la.

Sai người phương tiện tìm cầu năm tiền, được hơn năm tiền, cả hai đều phạm ba-la-di. Phương tiện sai người tìm cầu hơn năm tiền, được năm tiền, cả hai đều phạm ba-la-di. Phương

tiện sai người tìm cầu năm tiền, được dưới năm tiền cả hai đều phạm thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu hơn năm tiền mà không được, cả hai đều phạm thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu năm tiền, được hơn năm tiền, cả hai đều phạm ba-la-di. Phương tiện sai người tìm cầu năm tiền, mà được năm tiền, cả hai đều phạm ba-la-di. Phương tiện sai người tìm cầu năm tiền, mà không được dưới năm tiền, cả hai đều phạm thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu năm tiền, mà không được, cả hai đều phạm thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu dưới năm tiền mà hơn năm tiền, người lấy phạm ba-la-di; người dạy phạm thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu dưới năm tiền, được năm tiền; người lấy phạm ba-la-di; người dạy phạm thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu dưới năm tiền, được dưới năm tiền, cả hai đều phạm thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu dưới năm tiền mà không được, cả hai đều phạm đột-kiết-la. Phương tiện sai người tìm cầu năm tiền hoặc hơn năm tiền; nhưng người được dạy lấy vật khác; người lấy phạm ba-la-di, người dạy phạm thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu năm tiền, hoặc hơn năm tiền; nhưng người nhận lời dạy lại lấy vật ở chỗ khác, người lấy phạm ba-la-di, người dạy phạm thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu năm tiền hoặc hơn năm tiền; người nhận lời dạy là người bị sai chứ không có tâm trộm cắp, lấy được năm tiền hoặc hơn năm tiền, người dạy phạm ba-la-di, kẻ bị sai không phạm. Nếu sai người lấy vật[128], người nhận lời dạy hiểu là dạy lấy trộm; nếu lấy được trị giá năm tiền hoặc hơn năm tiền, người nhận lời dạy phạm ba-la-di, người dạy không phạm.

Có chủ, biết rõ là có chủ, không cho mà lấy, trị giá năm tiền hay hơn năm tiền, phạm ba-la-di. Nghi là có chủ, lấy năm tiền hoặc hơn năm tiền, phạm thâu-lan-giá. Không chủ, tưởng có chủ, lấy năm tiền hoặc hơn năm tiền phạm thâu-lan-giá. Không chủ tưởng có chủ, lấy năm tiền hoặc hơn năm tiền phạm thâu-lan-giá. Nghi là vật không chủ, lấy năm tiền hoặc hơn năm tiền, phạm thâu-lan-giá. Lấy vật có chủ, tưởng vật có chủ, dưới năm tiền, phạm đột-kiết-la. Không

chủ tưởng là có chủ lấy dưới năm tiền phạm đột-kiết-la. Nghi là vật không chủ lấy dưới năm tiền phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, sa-di, Sa-di-ni: đột-kiết-la, tẫn xuất. Đó là phạm.

Sự không phạm: lấy với ý tưởng được cho, tưởng là của mình, với ý tưởng là đồ vất bỏ, với ý tưởng tạm lấy, với ý tưởng là thân hữu... tất cả những trường hợp trên không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách. Đó là không phạm.[129]

---o0o---

III. ĐOẠN NHÂN MẠNG[130]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn du hóa Tỳ-xá-ly[131], ở trong giảng đường, bên sông Di hầu[132]. Bằng vô số phương tiện, Phật giảng cho các tỳ-kheo thực hành (quán) bất tịnh[133], khen ngợi sự thực hành (quán) bất tịnh, khen ngợi tư duy về sự thực hành quán bất tịnh.

Các tỳ-kheo khởi ý nghĩ: «Nay đức Thế tôn vì chúng ta nói thực hành (quán) bất tịnh, khen ngợi sự thực hành (quán) bất tịnh, khen ngợi tư duy về sự thực hành quán bất tịnh.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo liền dùng vô số phương tiện tu tập quán bất tịnh. Sau khi từ thiền định tỉnh giác, các vi ấy sinh ghê tởm thân mạng, sầu ưu, không an lạc. Cũng như con trai hay con gái yêu thích bản thân[134], đem rắn chết, chó chết, người chết cột nơi cổ mình, để rồi ghê tởm mùi hôi thối ấy. Các tỳ-kheo cũng như vậy, bằng vô số phương tiện tu

tập quán bất tịnh, ghê tởm thân mạng, sầu ưu, không an lạc, bèn tìm dao muốn tự sát, khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết.

Các tỳ-kheo ở trong một khu vườn, bên sông Bà-cầu[135],khởi ý nghĩ: «Đức Thế tôn đã từng dùng vô số phương tiện nói về sự thực hành (quán) bất tịnh, khen ngợi sự thực hành (quán) bất tịnh, khen ngợi tư duy về sự thực hành quán bất tịnh. Tỳ-kheo kia dùng vô số phương tiện tập tu quán bất tịnh, sinh ghê tởm thân mạng, sầu ưu, không an lạc, tìm dao muốn tự sát, khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo tên là Vật-lực-già Nan-đề[136], dòng sa-môn xuất gia[137], tay cầm dao bén vào trong vườn Bà-cầu[138]. Có một tỳ-kheo đang ghê tởm thân mạng ô uế bất tịnh[139], từ xa thấy tỳ-kheo Vật-lực-già Nan-đề đến, bèn nói rằng:

«Đại đức, hãy đoạn mạng tôi. Tôi đem y bát cho ông.»

Vật-lực-già liền chịu thuê bằng y bát, tức thì đoạn mạng vị tỳ-kheo ấy. Y đi đến bờ sông kia để rửa dao. Lòng sanh hối hận, tự nói: «Hôm nay thật bất lợi cho ta; [576a1] thật chẳng lành cho ta. Tỳ-kheo kia không tội lỗi gì, ta lại nhận lời đoạn mạng căn của ông ấy.»

Vào lúc đó, có một Thiên ma[140] biết tâm niệm của tỳ-kheo này, liền dùng thần túc đến trước Vật-lực-già Nan-đề. Đứng trên mặt nước mà không chìm; khen ngợi, khuyến khích rằng:

«Lành thay, lành thay thiện nam tử! Hôm nay ông được công đức lớn; đã độ người chưa được độ.»

Tỳ-kheo Nan-đề nghe Thiên ma khen rồi, sự hối hận kia tan biến, liền khởi ý nghĩ: «Nay ta đặng công đức lớn; độ người chưa được độ.» Nghĩ như vậy rồi, lại cầm dao vào trong vườn[141] mà hỏi:

«Ai chưa độ, nay tôi sẽ độ cho.»

Khi ấy, có tỳ-kheo chưa ly dục, thấy tỳ-kheo Vật-lực-già Nan-đề, thì quá kinh hoảng, lông trong người dựng ngược lên. Vật-lực-già Nan-đề thấy vậy, nói các tỳ-kheo rằng:

«Các ngài chớ sợ. Các căn chưa thuần thục, thì chưa thể hóa kiếp được. Đợi đến lúc thành thục, tôi sẽ hoá kiếp cho.» Trong số các tỳ-kheo ái dục đã diệt tận, thấy Vật-lực-già Nan-đề, lòng không sợ sệt, lông trong người không dựng ngược lên.

Khi ấy tỳ-kheo Vật-lực-già Nan-đề hoặc một ngày giết một tỳ-kheo, hoặc giết hai, ba, bốn, năm cho đến sáu mươi người. Xác chết trong vườn kia vất bỏ bừa bãi, hôi thối, bất tịnh, giống như một bãi tha ma.

Lúc bấy giờ, có các cư sĩ lễ bái các chùa. Lần hồi đến vườn kia, thấy vậy, ai nấy đều kinh sợ, lấy làm kỳ quái, cùng nhau chê bai: «Trong vườn này có sự đại biến. Sa-môn Thích tử không có lòng từ mẫn; giết hại nhau. Tự xưng rằng ta tu chánh pháp. Như vậy đâu có gì là chánh pháp? Họ giết hại lẫn nhau. Các tỳ-kheo còn tự giết nhau huống là đối với người khác. Từ nay chúng ta chớ nên kính phụng, thừa sự, cúng dường Sa-môn Thích tử nữa.»

Họ rao truyền trong thôn ấp, đừng cho cư trú và vãng lai. Khi ấy các cư sĩ thấy trong vườn này uế ác như vậy nên không tới lui nữa.

Bấy giờ, tỳ-kheo trú tại Tỳ-xá-ly, có nhân duyên nhỏ, tập hợp lại một chỗ[142]. Lúc ấy, đức Thế tôn quan sát số lượng các chúng tỳ-kheo giảm thiểu, và các đại tỳ-kheo có tiếng tăm đều không có mặt. Đức Thế tôn tuy đã biết nhưng vẫn hỏi A-nan:

«Chúng tăng tại sao giảm thiểu? Các Đại đức nổi tiếng ở đâu mà không thấy mặt hôm nay?»

Tôn giả A-nan đem nhơn duyên đã xảy ra trình bày đầy đủ với Phật:

«Thế tôn trước đây dùng vô số phương tiện vì các tỳ-kheo thuyết giảng một cách rộng rãi về sự thực hành (quán) bất tịnh, khen sự thực hành (quán) bất tịnh, khen tư duy sự thực hành (quán) bất tịnh. Các tỳ-kheo nghe rồi tu tập, nhàm tởm thân mạng, tìm người đoạn mạng. Do vậy mà số lượng bị giảm thiểu. Cúi xin đức Thế tôn vì các tỳ-kheo mà phương tiện thuyết pháp khác, khiến cho tâm mọi người khai mở, vĩnh viễn không nghi hoặc.»

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

«Nay hãy tập hợp các tỳ-kheo nơi giảng đường.»

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, tập hợp các tỳ-kheo nơi giảng đường; rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên, thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, nay chúng Tăng đã họp, nguyện đức Thánh biết thời.»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn liền đến giảng đường, ngồi giữa đại chúng, bảo các tỳ-kheo:

«Có A-na-ba-na tam-muội[143] , tịch nhiên khoái lạc. Các pháp bất thiện đã sanh, nó có khả năng diệt trừ, vĩnh viễn không phát sanh trở lại. Ví như tiết trời mùa thu, sau cơn mưa thì không còn bụi nhơ. Lại như một trận mưa lớn có khả năng chận đứng luồng gió mạnh. A-na ban-na tam-muội cũng lại như vậy, tịch tịnh khoái lạc. Với các pháp bất thiện đã sanh, nó có khả năng diệt trừ.»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện vì các tỳ-kheo nói a-na ban-na tam-muội, khen a-na ban-na tam muội, khen sự tu tập a-na ban-na tam-muội. Các tỳ-kheo liền khởi ý nghĩ: «Đức Thế tôn hôm nay dùng vô số phương tiện vì chúng ta nói a-na ban-na tam-muội, khen a-na ban-na tam muội, khen sự tu tập a-na ban-na tam-muội. Chúng ta hãy tinh cần tu tập.»

Rồi các tỳ-kheo liền bằng đủ phương tiện khác nhau tư duy, nhập a-na ban-na tam- muội. Sau khi từ a-na ban-na tam-muội tỉnh giác, họ tự biết mình chứng đắc pháp tăng thượng thù thắng, an trụ nơi quả chứng.

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, bằng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo trong vườn Bà-cừu:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp của sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, là việc không nên làm. Làm sao các tỳ-kheo trong vườn Bà-cừu này lại ngu si mà dứt mạng lẫn nhau?»

Đức Thế tôn sau khi dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Các tỳ-kheo trong vườn Bà-cừu là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo mà kiết giới, tập mười cú nghĩa… cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Người muốn thuyết giới, nên thuyết như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, cố ý tự tay dứt sinh mạng người[144], cầm dao đưa người, khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết, nói: ‹Này nam tử, ích gì cuộc sống xấu ác này, thà chết còn hơn sống!› Với tâm tư duy như vậy, dùng mọi phương tiện khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết; tỳ-kheo ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung[145].

---o0o---

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.
Người[146] : từ khi thức đầu tiên[147] cho đến khi thức sau cùng mà dứt mạng sống của nó.
Giết[148] : tự mình giết, chỉ sai người giết, sai sứ giết, sai người đi và về mà giết, hoặc trùng sứ mà giết, hoặc sai sứ luân chuyển giết, hoặc nhờ người đàn ông giết, hoặc sai người tìm người đàn ông giết, tìm cầu người cầm dao giết, sai người tìm cầu cầm dao giết, ra dấu bằng thân, miệng nói, thân miệng đều hiện tướng, hoặc gởi thư, sai khiến người đưa thư, giết bằng hầm hố, bằng ỷ phát[149], cho uống thuốc, đặt dụng cụ giết.
- Tự mình giết: dùng tay hoặc gạch đá, dao, trượng, và các vật khác để tự mình giết. Người giết phạm ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, phạm thâu-lan-giá.
- Chỉ sai người giết[150]: khi giết, tự mình giám sát việc giết[151], sai người trước[152] ném vào trong nước, lửa; hoặc từ trên núi xô xuống hố sâu, hoặc khiến voi chà chết; hoặc khiến ác thú ăn, hoặc khiến rắn cắn, và các lệnh giết khác. Người giết phạm ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, thâu-lan-giá.
- Sai sứ giết: tỳ-kheo sai khiến sứ giả đoạn mạng người nào đó. (Người ấy) vâng lời mà đi[153], nếu đoạn được mạng, thành ba-la-di. Phương tiện mà không đoạn được mạng, thâu-lan-giá.
- Sai người đi và về mà giết[154]: Tỳ-kheo sai sứ đi đoạn mạng người nào đó. Vâng theo lời nói mà đi, muốn giết mà chưa được trở về, sau đó lại vâng theo lời dạy trước mà đi giết lần nữa. Nếu giết được, thành ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, thâu-lan-giá.
- Trùng sứ mà giết[155]: tỳ-kheo sai sứ giả, «Ngươi hãy đi đoạn mạng người đó.» Lại nối tiếp sai sứ như vậy, cho đến bốn, năm lần. Người được sai liền đến giết. Giết được, thành ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, thâu-lan-giá.

- Sứ giả luân chuyển mà giết[156]: tỳ-kheo sai sứ, «Ngươi hãy đoạn mạng người đó.» Người bị sai lại sai người khác, cho đến một trăm hay một ngàn lần sai như vậy để đoạn mạng người kia. Đoạn được thành ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, thâu-lan-giá.
- Tìm cầu nam tử giết: như nói, «Trong đây ai biết có người như vậy, có khả năng dùng dao, có phương tiện, học tập lâu, không sợ sệt, không bỏ cuộc, có thể đoạn mạng của người nào đó?» Người được sai liền đi đoạn mạng người kia. Đoạn được, (người tìm cầu) thành ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, thâu-lan-giá.
- Sai người tìm cầu nam tử giết: như sai người, «Trong đây ai biết có người như vậy, có khả năng dùng dao, có phương tiện, học tập lâu, không sợ sệt, không bỏ cuộc, có thể đoạn mạng của người nào đó?» Người bị sai liền đến đoạn mạng người kia. Đoạn được, (người sai) phạm ba-la-di. Phương tiện mà không giết, phạm thâu-lan-giá.
- Tìm cầu người cầm dao giết: tự mình tìm cầu, nói «Ai là người dũng kiện có khả năng cầm dao đoạn mạng người nào đó?» Người kia liền đến giết. Giết được, thành ba-la-di, không giết được, phạm thâu-lan-giá.
- Sai [577a1] người tìm cầu kẻ cầm dao giết: cũng như vậy.
- Ra dấu bằng thân[157]: thân làm dấu hiệu giết. Như làm cho rớt vào trong nước, trong lửa, từ trên cao rớt xuống đáy hang sâu; hoặc khiến voi chà chết, khiến ác thú ăn, độc xà cắn. Người kia do nơi dấu hiệu bằng thân nầy mà tự mình giết, phạm ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, phạm thâu-lan-giá.
- Miệng nói[158]: hoặc nói thế này, «Ngươi đã làm điều ác, không có tâm nhân từ, lòng ôm sự độc hại, không làm các điều thiện; ngươi không làm việc cứu hộ. Ngươi sống sẽ chịu nhiều tội báo, không bằng chết.» Hoặc là nói như vầy: «Ngươi không làm các điều bạo ác, có nhân từ, không ôm lòng độc hại, ngươi đã làm các điều thiện như vậy, ngươi đã làm công đức, ngươi đã làm việc cứu hộ. Ngươi sống để chịu các khổ. Nếu ngươi chết sẽ sanh Thiên.» Nhơn lời nói nầy, người kia tự sát; thành ba-la-di. Phương tiện mà không sát được, phạm thâu-lan-giá.

- Ra dấu bằng thân và miệng: cũng như vậy.
- Sai sứ[159]: sai sứ đến người kia nói, «Ngươi đã làm điều ác,... điều thiện», nói đầy đủ như trên. Nhơn nơi miệng của người sứ khen sự chết này, mà người kia tự sát; thành ba-la-di. Phương tiện mà không chết được, phạm thâu-lan-giá.
- Gởi thư[160]: viết thư[161] nói, «ngươi đã làm điều ác,... điều thiện», nói đầy đủ như trên.
- Sai bảo khiến sứ viết thư: cũng như vậy.
- Hầm hố[162]: xét biết người kia sẽ đi qua lại trên tuyến đường đó; giữa đường đào một cái hầm sâu, trong hầm để lửa hoặc dao, hoặc rắn độc, hoặc chông nhọn, hoặc dùng thuốc độc bôi lên vật nhọn bén. Người kia rơi vào trong đó, nếu chết, thành ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, phạm thâu-lan-giá.
- Ỷ phát[163]: biết người kia sẽ đứng tựa[164] nơi chỗ nào đó, hoặc nơi cây, nơi tường, nơi rào; bên ngoài đó để lửa, dao, chông, rắn độc, thoa chất độc nơi vật nhọn bén, bẫy gài, khiến người kia rơi vào đó; nếu chết, thành ba-la-di. Phương tiện mà không chết, phạm thâu-lan-giá.
- Cho uống thuốc: biết người kia bệnh, cho loại thuốc không đúng[165], hoặc tạp độc, hoặc quá hạn, cùng các loại thuốc khiến cho chết, thành ba-la-di. Cho thuốc mà chẳng chết, thành thâu-lan-giá.
- Đặt dụng cụ giết[166]: trước đã biết người kia vốn đã nhàm chán cái thân hèn hạ này nên đem dao, đồ độc, hoặc dây và các thứ dụng cụ làm cho chết để đó. Người kia dùng một trong những vật này để tự sát; nếu chết, (người đặt) ba-la-di. Phương tiện mà không chết, (người đặt) thành thâu-lan-giá.

Nếu làm các việc như vậy, cho đến các phương tiện khác để giết, người kia do đó mà chết, thành ba-la-di. Phương tiện mà không chết, phạm thâu-lan-giá.

Nếu con của trời, con của rồng, con của a-tu-la, con của kiền-thát-bà, con của dạ-xoa, ngạ quỷ; hoặc trong loài súc sanh mà con nào có trí hiểu biết được tiếng người, hoặc lại có khả năng biến hình, phương tiện tìm cầu giết chết. Người giết, thâu-lan-giá. Phương tiện mà không chết, đột-kiết-la.

Súc sanh không thể biến hình, giết nó thành ba-dạ-đề. Phương tiện mà không chết, đột-kiết-la.
Thật người, tưởng là người mà giết, ba-la-di. Nghi là người, thâu-lan-giá. Người, tưởng chẳng phải người, thâu-lan-giá. Chẳng phải người tưởng là người, thâu-lan-giá. Nghi chẳng phải người, thâu-lan-giá.
Tỳ-kheo-ni, ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la, diệt tẫn, Đó là trường hợp phạm[167].
Sự không phạm: là ném dao, trượng, gạch, đá nhầm trúng người kia chết. Xây cất phòng xá, làm rơi đá, gỗ, cây, đòn tay... chết người. Người bệnh nặng mà dìu, đỡ nằm, ngồi, đi, đứng, tắm rửa, khi uống thuốc, từ chỗ lạnh đến chỗ nóng, từ chỗ nóng đến chỗ lạnh, vào phòng, ra phòng, đến nhà xí, trở về... tất cả không có tâm sát hại mà (người bịnh) chết thì (người đỡ) không phạm.
Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

IV. ĐẠI VỌNG NGỮ

A. DUYÊN KHỞI

1. KẾT GỚI LẦN THỨ NHẤT

Một thời, đức Thế tôn du hóa tại Tỳ-xá-ly[168], ở trong giảng đường Cao-các bên sông Di hầu. Bấy giờ gặp lúc lúa gạo quý hiếm[169], nhơn dân đói khổ, khất thực khó được. Đức Thế tôn bảo Tôn giả A-nan:

«Hãy tập họp tất cả tỳ-kheo trú ở Tỳ-xá-ly vào giảng đường.»

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, tập hợp các tỳ-kheo tại giảng đường. Chúng tăng tập hợp xong, Tôn giả đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, thưa:

«Tất cả các tỳ-kheo có mặt tại Tỳ-xá-ly đã tập hợp tại giảng đường. Cúi xin đức Thánh biết thời.»

Khi ấy, đức Thế tôn liền đến giảng đường, ngồi giữa đại chúng, bảo các tỳ-kheo:

«Các ngươi nên biết, hiện nay gặp lúc lúa gạo quý hiếm, nhơn dân đói khổ, khất thực khó được. Các ngươi ai có thân hữu tri thức đồng Hòa thượng, cùng thầy, ở gần Tỳ-xá-ly này, thì đến đó nương nhờ, cùng tùy theo sự thích hợp mà an cư. Ta cũng sẽ an cư nơi nầy. Tại sao vậy? Vì thức ăn khó khăn, nên khiến cho chúng tăng mệt nhọc.»

Các tỳ-kheo nghe đức Thế tôn dạy rồi, mỗi người đều theo thân hữu tri thức đồng Hòa thượng, đồng thầy, ở gần Tỳ-xá-ly mà an cư. Đức Thế tôn cũng an cư trong thành Tỳ-xá-ly.

Khi ấy, có số đông tỳ-kheo an cư ở trong Tăng-già-lam bên sông Bà-cừu, khởi ý niệm: «Như hiện nay trong nước này lúa gạo quý hiếm, nhơn dân đói khổ, khất thực khó được. Chúng ta nên dùng phương tiện thế nào để khỏi khổ sở vì ẩm thực?» Họ nghĩ ra phương tiện như sau: «Nay ta nên đến các nhà cư sĩ nói: ‹Tôi đạt được pháp thượng nhơn. Tôi là A-la-hán, đạt được thiền, đạt được thần thông, biết được tâm người khác.› Rồi lại khen tỳ-kheo nào đó chứng đắc A-la-hán, đắc thiền, đắc thần thông, biết được tâm người khác. Trong đó có những cư sĩ tin ưa, có thức ăn uống gì không dám tự ăn riêng, không cho vợ con, mà lại mang đến cúng dường chúng ta. Các cư sĩ kia cũng sẽ khen ngợi chúng ta: ‹Các vị tỳ-kheo này thật sự là ruộng phước, đáng tôn kính.› Như vậy chúng ta có thể nhận được thức ăn uống ngon bổ, có thể sống an lạc, không bị vấn đề khất thực gây khó khổ.»

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo ở bên sông Bà-cừu suy nghĩ như vậy rồi liền đến nhà các cư sĩ, tự nói:

«Tôi chứng đắc pháp thượng nhân. Tôi là A-la-hán, đắc thiền, đắc thần thông, biết được tâm người khác.»

Lại khen vị tỳ-kheo nào đó chứng đắc A-la-hán, đắc thiền, đắc thần thông, biết được tâm người khác.

Khi ấy các cư sĩ tin ưa, tin nhận lời nói kia, liền đem thức ăn uống có được và phần của vợ con không dám cho ăn hết, mang đến cúng dường cho các tỳ-kheo và nói: «Đây là bậc đáng tôn kính của thế gian.»

Các tỳ-kheo này nhờ thọ sự cúng dường của các vị cư sĩ nên nhan sắc sáng sủa, tươi vui, khí lực đầy đủ. Các tỳ-kheo khác an cư tại Tỳ-xá-ly nhan sắc tiều tụy, hình thể khô héo, y phục rách rưới. An cư xong, thu xếp y bát đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn hỏi han các tỳ-kheo:

«Các ngươi đi đứng có được hòa hiệp an lạc chăng? Không khổ vì ẩm thực chăng?»

Các tỳ-kheo thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, chúng con đi đứng hòa hiệp, an lạc; nhưng gặp lúc lúa gạo quý hiếm, nhơn dân đói khổ, khất thực khó được. Vì vậy mà khổ.»

Trong khi đó, các tỳ-kheo an cư trong Tăng-già-lam, bên sông Bà-cừu thì nhan sắc sáng sủa, tươi vui, khí lực đầy đủ. An cư xong thu xếp y bát, đến chỗ đức Thế tôn. Đến nơi, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, đức Thế tôn hỏi han các tỳ-kheo:

«Các ngươi đi đứng có được hòa hiệp an lạc chăng? Không khổ vì ẩm thực chăng?»

Các tỳ-kheo bạch Phật:

«Kính bạch đức Thế tôn, chúng con đi đứng hòa hợp an lạc; không gặp phải khó khăn về ẩm thực.»

Đức Phật hỏi:

«Hiện nay gặp lúc lúa gạo quý hiếm, nhơn dân đói khổ, khất thực khó được. Các ngươi dùng phương tiện nào mà không gặp phải khó khăn vì vấn đề ẩm thực?»

Các tỳ-kheo liền đem nhơn duyên trước trình bày đầy đủ với đức Thế tôn và thưa:

«Nhờ vậy chúng con không gặp phải khó khăn về ẩm thực.»

Đức Thế tôn hỏi các tỳ-kheo:

«Sự thật các ngươi có chứng đắc như vậy không?»

Các tỳ-kheo thưa:

«Hoặc có người chứng thật. Hoặc có người không chứng thật.»

[578a1] Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Các ngươi, những kẻ ngu si, thật có mà còn không nên nói với người, huống là không thật mà lại đến nói với người!»

Đức Thế tôn bảo các tỳ-kheo:

«Trong đời có hai hạng giặc[170]: một là thật chẳng phải tịnh hạnh mà tự xưng là tịnh hạnh. Hai là vì miệng và bụng nên không chơn thật, chẳng phải mình có mà ở trong chúng cố ý nói lời vọng ngữ, tự xưng rằng đạt được pháp thượng nhân. Trong hai hạng giặc này, kẻ vì miệng và bụng nên không chơn thật, chẳng phải mình có mà ở trong đại chúng cố ý nói lời vọng ngữ: tự xưng mình đạt được pháp thượng nhơn, là kẻ giặc lớn nhất không gì bằng. Tại sao vậy? Vì chúng ăn trộm thức ăn uống của người.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo an cư trong Tăng-già-lam bên sông Bà-cừu rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Đây là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo mà kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.››

Người muốn thuyết giới, nên thuyết như vầy:

«Tỳ-kheo nào, thật không sở tri mà tự xưng rằng: ‹Tôi chứng đắc pháp thượng nhơn, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy.› Vào lúc khác, tỳ-kheo ấy hoặc bị người cật vấn, hoặc không người cật vấn, muốn tự thanh tịnh nên nói như vầy: ‹Tôi thật không biết, không thấy, mà nói có biết có thấy, nói lời hư dối vọng ngữ.› Tỳ-kheo ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.»

---o0o---

2. KẾT GIỚI LẦN THỨ HAI

Khi đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, lúc ấy có một tỳ-kheo tăng thượng mạn nói với người rằng: «Tôi đắc đạo.» Thời gian sau, vị ấy tinh tấn không giải đãi, cần cầu phương tiện, chứng đắc pháp thù thắng tối thượng. Vị ấy nghĩ như vầy: «Đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới: ‹Tỳ-kheo nào, thật không sở tri mà tự xưng rằng: ‘Tôi chứng đắc pháp thượng nhơn, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy.’ Vào lúc khác, Tỳ-kheo ấy hoặc bị người cật vấn, hoặc không người cật vấn, muốn tự thanh tịnh nên nói như vậy: ‘Tôi thật không biết, không thấy, mà nói có biết có thấy, nói lời hư dối vọng ngữ.’ Tỳ-kheo ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.› Với tâm kiêu mạn, tôi đã tự nói tôi đắc đạo. Thời

gian sau với tâm siêng năng, phương tiện tinh tấn, không giải đãi, chứng đắc pháp thù thắng tối thượng. Như vậy tôi há không phạm ba-la-di? Nay phải làm thế nào?» Vị ấy tìm các tỳ-kheo đồng ý[171]: «Đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới: ‹Tỳ-kheo nào, thật không sở tri mà tự xưng rằng: 'Tôi chứng đắc pháp thượng nhơn, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy.' Vào lúc khác, Tỳ-kheo ấy hoặc bị người cật vấn, hoặc không người cật vấn, muốn tự thanh tịnh nên nói như vậy: 'Tôi thật không biết, không thấy, mà nói có biết có thấy, nói lời hư dối vọng ngữ.' Tỳ-kheo này là kẻ ba-la-di, không được sống chung.› Tôi với tâm tăng thượng mạn tự xưng là tôi đắc đạo. Thời gian sau do sự siêng năng, phương tiện tinh tấn không giải đãi, chứng đắc pháp thù thắng tối thượng. Như vậy tôi há không phạm ba-la-di sao? Lành thay, Đại đức vì tôi bạch Phật. Tùy theo lời Phật dạy, tôi sẽ vâng làm.»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đem nhơn duyên này trình bày đầy đủ lên đức Thế tôn. Lúc ấy, đức Thế tôn do nhơn này tập hợp tỳ-kheo Tăng, vì các tỳ-kheo tùy thuận thuyết pháp, dùng vô số phương tiện tán thán đầu-đà, tán thán[172] thiểu dục tri túc, ưa xuất ly, và bảo các tỳ-kheo:

«Người tăng thượng mạn không phạm.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, thật không sở tri mà tự xưng rằng: ‹Tôi chứng đắc pháp thượng nhơn, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy.› Vào lúc khác, tỳ-kheo ấy hoặc bị người cật vấn, hoặc không người cật vấn, muốn tự thanh tịnh nên nói như vầy: ‹Tôi thật không biết, không thấy, mà nói có biết có thấy, nói lời

hư dối vọng ngữ,› trừ tăng thượng mạn, Tỳ-kheo ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.

---o0o---

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Không biết không thấy: thật sự không thấy biết.

Tự xưng: tự mình xưng nói có tín, giới, thí, văn, trí tuệ, biện tài.

Pháp của người: ấm của con người, giới của con người, nhập của con người.[173]

Pháp thượng nhơn : các pháp có khả năng thành tựu xuất ly.[174]

Tự nói[175]: tự nói niệm tại thân, tự nói chánh ức niệm, tự nói trì giới, tự nói có dục, tự nói không buông lung, tự nói tinh tấn, tự nói đắc định, tự nói đắc chánh thọ, tự nói có đạo, tự nói tu tập, tự nói có huệ, tự nói kiến, tự nói đắc, tự nói quả.

- Tự nói niệm tại thân[176]: có niệm có khả năng dẫn đến xuất ly; chuyên cần, thân cận pháp này, tu tập và phát triển rộng lớn, như điều khiển cỗ xe, thủ hộ và quán sát, khéo đạt được bình đẳng, đã được quyết định, không còn khó khăn, được[177] tự tại. Như vậy gọi là tự mình nói đặng thân niệm xứ.

- Tự nói chánh ức niệm: có niệm có khả năng dẫn đến xuất ly; chuyên cần, thân cận pháp này, tu tập và phát triển rộng lớn, như điều khiển cỗ xe, thủ hộ và quán sát, khéo đạt được bình đẳng, đã được quyết định, không còn khó khăn, được tự tại. Như vậy gọi là tự mình nói chánh ức niệm.

- Tự nói đắc giới, tự nói có dục, tự nói không buông lung, tự nói tinh tấn, cũng được nói như trên.

- Tự nói đắc định: nói chứng đắc tam-muội có giác có quán[178]; tam-muội không giác có quán[179]; tam-muội không giác, không quán[180]; tam muội không - vô tướng - vô tác[181]; chuyên cần, thân cận tư duy định này. Ngoài ra như trên đã nói.

- Tự nói đắc chánh thọ[182]: chánh thọ có tưởng, chánh thọ không tưởng, chánh thọ tùy pháp, chánh thọ tâm tưởng, chánh thọ trừ sắc tưởng, chánh thọ không trừ sắc tưởng, chánh thọ trừ nhập[183], chánh thọ nhất thiết nhập[184], làm quen, học tập, gần gũi, tư duy chánh thọ này. Ngoài ra như trên đã nói.

- Tự nói có đạo: từ đạo có một chi đạo cho đến đạo có mười một chi; chuyên cần, thân cận tư duy đạo này. Ngoài ra như trên đã nói.

- Tự nói tu: tu giới, tu định, tu trí, tu giải thoát huệ, tu kiến giải thoát huệ, chuyên cần, thân cận. Ngoài ra như trên đã nói.

- Tự nói có trí: pháp trí[185], tỉ trí[186], đẳng trí[187], tha tâm trí làm quen, học tập, gần gũi, tư duy trí này. Ngoài ra như trên đã nói.

- Tự nói kiến[188]: thấy khổ, thấy tập, thấy tận và thấy đạo. Hoặc lại nói như vầy: thiên nhãn thanh tịnh quán các chúng sanh, hoặc sanh, hoặc tử, hoặc có sắc đẹp, hoặc có sắc xấu, hoặc thiện thú, ác thú; hoặc biết có tốt xấu, quý tiện, tùy theo nghiệp báo của chúng sanh. Biết điều đó đúng như thật, chuyên cần, thân cận. Ngoài ra như trên đã nói.

- Tự nói đắc: đắc Tu-đà-hoàn, đắc Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, làm quen, học tập, gần gũi. Ngoài ra như trên đã nói.

- Tự nói quả: Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả, làm quen, học tập, gần gũi... ngoài ra như trên đã nói.

Với những sự hư vọng, không thiệt như vậy; không biết, không thấy mà nói với người: «Tôi đạt được pháp thượng nhơn.» Tự miệng mình nói với người mà người ấy hiểu, phạm ba-la-di. Nói mà người ấy không hiểu, phạm thâu-lan-giá.

Hoặc dùng tay làm dấu, hoặc sai sứ, hoặc viết thư, hoặc ra dấu hiệu cho biết, mà người ấy biết, phạm ba-la-di, không biết phạm thâu-lan-giá.

Tự mình ở chỗ vắng người, khởi ý tưởng là không vắng người, miệng nói: «Tôi đạt được pháp thượng nhơn», phạm thâu-lan-giá. Chỗ không vắng khởi ý tưởng là vắng, miệng mình nói: «Tôi đạt được pháp thượng nhơn», phạm thâu-lan-giá. Nói với chư Thiên, A-tu-la, Càn-thát-bà, Dạ-xoa, ngạ quỷ, súc sanh có thể biến hình, có trí, là mình đắc pháp thượng nhơn, mà những hàng ấy hiểu, phạm thâu-lan-giá; chúng không hiểu, phạm đột-kiết-la. Làm dấu bằng tay, sai sứ, viết thư, ra dấu mà người kia hiểu, phạm thâu-lan-giá; không hiểu, phạm đột-kiết-la. Nói với súc sanh không thể biến hình, là mình đắc pháp thượng nhơn, phạm đột-kiết-la.

Nếu thật sự người đắc đạo mà nói với vị đại tỳ-kheo không đồng ý[189], mình đạt được pháp thượng nhơn, phạm đột-kiết-la. Nếu giảng cho người về căn, lực, giác ý, giải thoát, tam-muội, chánh thọ mà lại nói rằng: «tôi đạt được», [579a1] phạm ba-la-di.

Người, khởi ý tưởng là người, phạm ba-la-di. Nghi là người, phạm thâu-lan-giá. Người mà tưởng chẳng phải người, phạm thâu-lan-giá. Chẳng phải người mà tưởng là người, phạm thâu-lan-giá. Chẳng phải người mà nghi cũng phạm thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo-ni ba-la-di; thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, phạm đột-kiết-la, tẫn xuất. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: người tăng thượng mạn tự nói là nghiệp báo nhơn duyên chứ chẳng phải tu đạt được, hoặc hướng

đến vị đại tỳ-kheo đồng ý[190] mà nói pháp thượng nhơn. Hoặc giảng cho người về căn, lực, giác ý, giải thoát, tam-muội, chánh thọ mà không tự xưng là «tôi đạt được.» Hoặc vui đùa mà nói; hoặc nói lướt nhanh; nói chỗ vắng, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này nói nhầm việc kia thì không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

CHƯƠNG II - TĂNG TÀN

I. CỐ Ý TIẾT TINH

A. DUYÊN KHỞI

1. KẾT GIỚI LẦN THỨ NHẤT

Một thời, đức Thế tôn du hóa nơi thành Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di[191] vì bị ám ảnh dục bừng bừng[192], nên nhan sắc tiều tụy, thân thể yếu mòn. Trong thời gian khác, Ca-lưu-đà-di sống một mình trong một phòng, trang bị võng tốt, giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ, chăn gối, dưới đất lại trải phu cụ tốt, ngoài cửa để đồ đựng nước nóng rửa chân; ăn uống đầy đủ sung túc; do vậy ám ảnh dục càng bừng bừng. Mỗi khi dục tâm khởi lên, ông bèn vọc cho xuất bất tịnh. Nhờ vậy, các căn tươi vui, nhan sắc sáng sủa. Các tỳ-kheo thân hữu thấy vậy hỏi:

«Trước đây nhan sắc của thầy tiều tụy, thân hình gầy ốm, mà nay thì nhan sắc tươi vui sáng sủa. Ấy là do đi đứng thoải mái chăng? Không khốn khổ vì ăn uống phải không? Vì sao được như vậy?»

Ca-lưu-đà-di trả lời:

«Tôi đi đứng thoải mái, không khổ vì chuyện ăn uống.»

Các tỳ-kheo lại hỏi:

«Nhờ phương tiện gì mà đi đứng thoải mái, không khổ vì chuyện ăn uống?»

Ca-lưu-đà-di đáp:

«Này Đại đức, trước đây tôi vì bị ám ảnh dục bừng bừng, nên nhan sắc tiều tụy, thân thể yếu mòn. Sau đó, tôi sống một mình trong một phòng, trang bị võng tốt, giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ, chăn gối, dưới đất lại trải phu cụ tốt, ngoài cửa để đồ đựng nước nóng rửa chân; ăn uống đầy đủ sung túc. Mỗi khi dục tâm khởi lên, tôi bèn vọc cho nó xuất bất tịnh. Nhờ vậy mà tôi đi đứng thoải mái, các căn tươi vui, nhan sắc sáng sủa.»

Các tỳ-kheo nói:

«Việc Thầy làm thì rất khổ, tại sao nói an lạc? Việc làm không an mà lại nói an sao? Trong chánh pháp này nói về dục cốt để trừ dục, nói về mạn cốt để trừ mạn; diệt trừ khát ái, đoạn các kết sử, do diệt tận ái mà Niết-bàn. Tại sao Thầy bị dục ám ảnh bừng bừng; mỗi khi dục tâm khởi lên, bèn vọc cho xuất bất tịnh?»

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đi đến chỗ đức Thế tôn, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo.

Ngài biết mà vẫn hỏi Ca-lưu-đà-di:

«Có phải ngươi do ám ảnh dục bừng bừng; rồi mỗi khi dục tâm khởi lên, bèn vọc cho xuất bất tịnh chăng?»

Ca-lưu-đà-di thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, thật vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách:

«Việc ngươi làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, là việc không nên làm. Tại sao nay ngươi đã xuất gia trong pháp thanh tịnh của Ta mà làm cái hạnh ô uế, vọc âm cho xuất tinh? Ngươi, kẻ ngu si này, nay đưa cánh tay ra để nhận thức ăn của tín thí, rồi lại bằng cánh tay đó mà vọc âm cho xuất tinh!»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay về sau ta vì các tỳ-kheo kết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài. Người muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

«Tỳ-kheo nào, cố ý vọc âm cho xuất tinh, tăng-già bà-thi-sa.»

---o0o---

2. KẾT GIỚI LẦN THỨ HAI

Sau khi Thế tôn kết giới như vậy cho các tỳ-kheo, bấy giờ có một tỳ-kheo khi ngủ ý loạn, bị mộng tinh có ức niệm, khi tỉnh dậy, suy nghĩ: «Đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới: ‹Vọc âm xuất tinh, tăng-già-bà-thi-sa.› Ta khi ngủ loạn ý, bị mộng tinh có ức niệm, há không phạm tăng-già-bà-thi-sa ư?

Nay ta nên như thế nào?» Vị ấy liền đến tỳ-kheo đồng ý kể lại đầy đủ: «Đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới: ‹Vọc âm xuất tinh, tăng-già-bà-thi-sa.› Tôi khi ngủ loạn ý, bị mộng tinh mà còn nhớ, há không phạm tăng-già-bà- thi-sa ư? Nay tôi nên như thế nào? Đại đức vì tôi đem nhơn duyên này bạch với đức Phật. Nếu đức Phật dạy bảo thế nào, tôi sẽ phụng hành thế ấy.»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Phật một cách đầy đủ. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này liền tập hợp các tỳ-kheo bảo rằng:

«Khi ngủ mà ý loạn có năm điều tai hại : 1. Ác mộng. 2. Chư thiên không hộ vệ. 3. Tâm không nhập pháp[193]. 4. Không tư duy minh tướng[194]. 5. Trong mộng xuất tinh. Đó là năm điều tai hại. Khi ngủ với ý lành có năm công đức: 1. Không thấy ác mộng. 2. Chưthiên vệ hộ. 3. Tâm vào nơi pháp. 4. Cột ý nơi minh tướng. 5. Không bị xuất tinh trong mộng. Đó là năm điều công đức. Trong mộng xuất tinh không phạm.»

Từ nay về sau giới này sẽ được thuyết như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Nếu Tỳ-kheo nào, cố ý vọc âm cho xuất tinh, trừ chiêm bao, tăng-già-bà-thi-sa.

---o0o---

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Vọc[195]: thật cố tâm làm cho xuất tinh. Tinh có bảy loại[196]: xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, màu sữa[197], màu sữa tương[198]. Tinh màu xanh là tinh của Chuyển luân thánh vương. Tinh màu vàng là tinh của Thái tử Chuyển luân thánh vương. Tinh màu đỏ là tinh phạm nhiều đến nữ sắc. Tinh màu trắng là tinh của người vác nặng. Tinh màu đen là tinh của đệ nhất Đại thần Chuyển luân thánh vương. Tinh màu sữa là gì? Là tinh của Tu-đà-hoàn. Tinh màu sữa tương là gì? Là tinh của Tư-đà-hàm.

Lúc bấy giờ, có một bà-la-môn ở chỗ nhàn tịnh trì tụng chú thuật. Kinh của ông nói, «Nếu ai cố ý làm xuất tinh thì mạng chung sẽ sanh thiên.» Người kia muốn cầu thiên đạo, thường vọc âm xuất tinh. Khi người bà-la-môn xuất gia hành đạo, nghe theo lời nói này, vì muốn sanh thiên, nên vọc âm xuất tinh. Vị kia nghi, nói với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Phật nói, phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu vì khoái lạc, vì làm thuốc, vì tự thí nghiệm sự xuất tinh, vì cầu phước, vì tế trời, vì sanh thiên, vì để cho, vì nối giòng, vì tự phóng túng (lung tánh), vì tự thử sức, vì nhan sắc đẹp, vì những việc như vậy mà lộng xuất tinh[199], tất cả đều phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu bằng ức niệm mà vọc cho xuất tinh, tăng-già-bà-thi-sa[200]. Nếu bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất tinh màu xanh; tinh xuất, tăng-già-bà-thi-sa. Nếu bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất tinh màu xanh nhưng tinh xuất màu vàng, đỏ, trắng, đen, sữa, tương sữa, tăng-già-bà-thi-sa. Nếu muốn xuất tinh màu vàng lại ra tinh màu đỏ, trắng, đen, sữa, sữa tương, màu xanh, tăng-già-bà-thi-sa. Màu đỏ, trắng, đen, sữa, sữa tương cũng như vậy.

Vì mục đích khoái lạc, bằng ức niệm mà vọc cho xuất bất tịnh[201], tăng-già-bà-thi-sa. Vì mục đích khoái lạc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu xanh, nếu xuất, tăng-già-bà-thi-sa. Vì mục đích khoái lạc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu xanh lại thất màu vàng,

đỏ, trắng, đen, sữa và sữa tương, tăng-già-bà-thi-sa. Vì mục đích khoái lạc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu vàng, đỏ, trắng, đen, sữa, sữa tương và xanh cũng lại như vậy.

Vì muốn làm thuốc, vì tự mình thử, vì cầu phước, vì tế tự, vì sanh thiên, [580a1] vì để cho, vì để lấy giống, vì phóng túng, vì tự thử sức, vì nhan sắc tươi vui, cũng như vậy.

Hoặc đối với nội sắc, ngoại sắc, nội ngoại sắc, nước, gió, không.

- Nội sắc: là sắc có thọ[202].

- Ngoại sắc: là sắc không thọ[203].

- Nội ngoại sắc: là sắc có thọ và không thọ.

- Nước: thuận giòng nước hay ngược dòng nước, dùng nước rưới lên.

- Gió: là thuận chiều gió, nghịch chiều gió, hoặc dùng miệng thổi.

- Không: từ nơi hư không mà dao động thân[204].

Nếu ở nơi nội sắc mà vọc cho xuất bất tịnh, tăng-già-bà-thi-sa. Nếu ở nơi nội sắc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho thất bất tịnh màu xanh, nếu xuất, tăng-già-bà-thi-sa. Nếu ở nơi nội sắc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu xanh, lại xuất màu vàng, đỏ, trắng, đen, sữa, sữa tương, tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vì khoái lạc nên ở nơi nội sắc mà vọc cho xuất bất tịnh, tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vì khoái lạc nên ở nơi nội sắc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu xanh, nếu xuất, tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vì khoái lạc nên ở nơi nội sắc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu xanh, lại xuất màu vàng, đỏ, trắng, đen, sữa, sữa tương, tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vì khoái lạc cho đến vì nhan sắc hòa duyệt cũng như vậy. Đối với ngoại sắc cũng như

vậy. Đối với nội sắc cũng như vậy. Đối với nước, gió, hư không cũng như vậy.

Bằng ức niệm mà vọc cho xuất bất tịnh, tăng-già-bà-thi-sa. Không xuất, thâu-lan-giá. Nếu tỳ-kheo phương tiện vọc mà xuất bất tịnh, tăng-già-bà-thi-sa; không xuất, thâu-lan-giá.

Nếu tỳ-kheo dạy tỳ-kheo phương tiện vọc cho xuất bất tịnh; nếu xuất, thâu-lan-giá; không xuất đột-kiết-la. Nếu tỳ-kheo-ni dạy tỳ-kheo phương tiện vọc xuất bất tịnh; nếu xuất, thâu-lan-giá; không xuất, đột-kiết-la. Chỉ dạy cho người khác, ngoại trừ cho tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni, vọc mà xuất hay không xuất đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: trong mộng bị xuất. Tỉnh dậy, sợ bẩn thân, bẩn y, giường, chăn, dùng vật xấu tệ, lá cây hay vật gì đựng đem vất đi, hoặc dùng tay quẹt bỏ. Hoặc do dục tưởng mà xuất bất tịnh; hoặc thấy sắc đẹp, không xúc chạm mà xuất bất tịnh; hoặc khi đi, tự chạm hai bắp vế; hoặc chạm y, hoặc chạm niết-bàn-tăng[205] mà xuất bất tịnh; hoặc khi đại tiểu tiện xuất bất tịnh; hoặc tắm rửa bằng nước nóng, nước lạnh xuất bất tịnh; hoặc trong nhà tắm dùng da cây mịn, bột, thuốc, bùn, đất xoa chà, xuất bất tịnh; hoặc dùng tay kỳ, xoa nơi thân xuất bất tịnh; hoặc khi kêu la khóc lớn, hoặc khi dụng lực làm việc. Tất cả trường hợp không có ý tạo nên mà xuất bất tịnh, đều không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách[206].

---o0o---

II. XÚC CHẠM NỮ NHÂN

A. DUYÊN KHỞI

Phật trú tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di nghe Phật chế giới cấm không được vọc âm cho xuất tinh, bèn cầm cây gài cửa, đứng ngoài cửa, chờ các phụ nữ, vợ các nhà cư sĩ, và các thiếu nữ đến[207], nói rằng:

«Này cô, cô có thể vào phòng mà xem.»

Khi họ vào trong phòng, Ca-lưu-đà-di nắm tay, rờ rẫm, hôn hít. Người nào ưa thích thì vui cười với việc làm đó. Người không ưa thích thì liền nổi giận mắng chửi, bỏ ra khỏi phòng, nói với các tỳ-kheo:

«Đại đức nên biết, điều không lành, phi pháp, không thích hợp, không phải thời! Tôi thường nghĩ rằng đây là nơi an ổn, không có các hoạn nạn, không có tai biến, không có sợ hãi. Nay chính nơi đây tôi lại gặp phải tai biến, sợ hãi. Xưa nay nói nước có khả năng làm tắt lửa; nay trong nước lại sanh ra lửa. Ca-lưu-đà-di đưa chúng tôi vào trong phòng rồi nắm tay, kéo, rờ mó, hôn hít chúng tôi. Phu chủ của chúng tôi, khi ở trong phòng kéo níu như vậy, chúng tôi còn không chấp nhận được, huống nay là sa-môn Thích tử mà lại làm như vậy!»

Bấy giờ, các tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống với hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách Ca-lưu-đà-di, rằng:

«Đức Thế tôn chế giới không được vọc âm xuất tinh. Nay tại sao thầy cầm cây gài cửa, đứng trước cửa chờ các phụ nữ, hoặc vợ của nhà cư sĩ, vào phòng xem rồi rờ mó, hôn hít ?»

Quở trách như vậy rồi, vị ấy đi đến chỗ đức Thế tôn, lạy dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên ấy bạch đầy đủ lên đức Phật. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp các tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn hỏi:

«Ca-lưu-đà-di! Ngươi thật sự có làm như vậy không?»

Ca-lưu-đà-di thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, sự thật đúng như vậy.»

Khi ấy, đức Thế tôn quở trách Ca-lưu-đà-di:

«Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, với ý dâm dục, cùng người nữ, thân xúc chạm nhau, hoặc nắm tay, hoặc nắm tóc, hoặc xúc chạm mỗi một thân phần, tăng-già-bà-thi-sa.

---o0o---

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Ý dâm dục: tức là tâm bị nhiễm ô bởi ái[208].

Người nữ: như trên đã nói[209].

Thân: tức là từ tóc cho đến chân.

Thân xúc chạm nhau[210] : hoặc xoa nắm, hoặc xoa bóp khắp[211], hoặc kéo, hoặc đẩy, hoặc xoa ngược, hoặc xoa xuôi, hoặc nâng lên, hoặc để xuống, hoặc nắm, hoặc bóp, hoặc ấn mạnh[212].

Xoa nắm: xoa chà phía trước hay phía sau trong thân[213].

Kéo: kéo ra phía trước[214].

Đẩy: đẩy nhau.

Xoa ngược: từ dưới xoa lên.

Xoa xuôi: từ trên xoa xuống.

Nâng lên: ẳm mà nâng lên.

Để xuống: đang đứng mà ẳm để ngồi xuống.

Nắm: nắn phía trước, nắn phía sau, nắn vú, nắn đùi.

Sờ: bóp phía trước, bóp phía sau, bóp vú, hoặc bóp đùi[215].

Thảy đều tăng-già-bà-thi-sa.

---o0o---

D. PHẠM TƯỚNG

Hoặc nữ tưởng là nữ; nữ nhơn rờ mó thân tỳ-kheo, hai thân xúc chạm nhau, (tỳ-kheo) với ý dục nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc trong khi xúc chạm, tăng-già-bà-thi-sa.

Người nữ khởi nữ tưởng. Người nữ ấy dùng tay rờ mó, tỳ-kheo động thân, dục ý nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc

khi xúc chạm, tăng-già-bà-thi-sa. Cũng vậy, cho đến nắn, bóp. Nếu nghi là nữ, thâu-lan-giá.

Nếu là người nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ; thân xúc chạm áo, đồ anh lạc của người nữ kia, với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, thâu-lan-giá. Nếu là người nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ; thân xúc chạm áo, đồ anh lạc của người nữ kia, với dục tâm nhiễm trước, không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, thâu-lan-giá.

Nếu là người nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ. Người nữ ấy dùng y, đồ anh lạc nơi thân xúc chạm trên thân tỳ-kheo; (tỳ-kheo) với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, thâu-lan-giá. Nếu là người nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ. Người nữ dùng y, đồ anh lạc, xúc chạm thân tỳ-kheo, (tỳ-kheo) với dục tâm nhiễm trước, không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, thâu-lan-giá. Nếu là người nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ, dùng thân xúc chạm y, anh lạc của người nữ, (tỳ-kheo) với dục tâm nhiễm trước, động thân, nhưng không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, thâu-lan-giá. Nếu là người nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ, (tỳ-kheo) dùng thân xúc chạm y, đồ anh lạc của người nữ, với dục tâm nhiễm trước, không động thân nhưng có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, thâu-lan-giá. Nếu là người nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ; người nữ này dùng y, đồ anh lạc nơi thân xúc chạm thân tỳ-kheo, (tỳ-kheo) với dục tâm nhiễm trước, động thân, nhưng không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, thâu-lan-giá. Người nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ; người nữ này dùng y, đồ anh lạc nơi thân xúc chạm, (tỳ-kheo) có dục tâm nhiễn trước, dù không động thân, thâu-lan-giá. Người nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ, thân xúc chạm nhau, với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc xúc chạm, dù không động thân, thâu-lan-giá. Cũng vậy, nắm, xoa cho đến nắn, bóp, thảy đều thâu-lan-giá. Nếu là nữ mà nghi, phạm đột-kiết-la.

Nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân[216], với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, phạm đột-kiết-la. Nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, dù không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, phạm đột-kiết-la. Nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, dù không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, phạm đột-kiết- la. Nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm, y đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, dù không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, động thân phạm đột-kiết-la. Nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, dù không động thân, đột-kiết-la. Nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, không động thân, đột-kiết-la. Nữ, (tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, động thân, đột-kiết-la. Cho đến nắn, bóp, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Là người nữ mà nghi, phạm đột-kiết-la.

Nếu tỳ-kheo cùng người nữ hai thân xúc chạm nhau, mỗi một lần xúc chạm là phạm một tăng-già-bà-thi-sa. Tùy theo sự xúc chạm nhiều ít, với rồng cái, ngạ quỷ cái, súc sanh cái, có thể biến hình, hai thân xúc chạm nhau phạm đột-kiết-la. Nếu cùng người nam hai thân xúc chạm nhau, đột-kiết-la. Nếu cùng với người lại cái[217], thân xúc chạm nhau, thâu-lan-giá. Nếu người nữ khi làm lễ nắm chân, tỳ-kheo có cảm thấy thích thú do sự xúc chạm, nhưng không động thân, đột-kiết-la. Nếu tỳ-kheo có dục tâm, xúc chạm y, bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim, cọng cỏ rỗng[218], cho đến tự mình xúc chạm thân, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Nữ nhơn tưởng là nữ nhơn, tăng-già-bà-thi-sa. Nữ nhơn, sanh nghi, thâu-lan-giá. Nữ nhơn, tưởng chẳng phải nữ

nhơn, thâu-lan-giá. Chẳng phải nữ nhơn tưởng là nữ nhơn, thâu-lan-giá. Chẳng phải là nữ nhơn, sanh nghi, thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo-ni, ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó là phạm.

Sự không phạm: xúc chạm nhau khi nhận đồ vật gì; xúc chạm nhau, chỉ vì đùa giỡn; xúc chạm nhau, khi cởi mở (trói) thì không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

III. NÓI LỜI THÔ TỤC[219]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Một thời đức Phật ở nước Xá-vệ[220]. Bấy giờ Ca-lưu-đà-di nghe đức Thế tôn chế giới: ‹Không được vọc âm cho xuất tinh›; ‹không được thân xúc chạm người nữ,› bèn cầm cây gài cửa ra đứng ngoài cửa, chờ các phụ nữ, vợ các nhà cư sĩ, và các thiếu nữ đến, nói rằng:

«Mời các cô vào phòng tôi xem.»

Khi dẫn họ vào trong phòng rồi, Ca-lưu-đà-di, do dục tâm, nói với họ những lời thô tục bỉ ối. Những người nữ bằng lòng thì vui vẻ trước những lời nói đó, còn những người không bằng lòng thì nổi sân mắng chửi, bỏ ra khỏi phòng, nói với các tỳ-kheo:

«Đại đức nên biết, nay tôi thấy phải điều sai quấy, điều không lành, phi pháp, không thích hợp, không phải thời! Tôi

thường nghĩ rằng đây là nơi an ổn, không có các hoạn nạn, không có tai biến, không có sợ hãi. Nay lại chính nơi đây tôi lại gặp phải tai biến, sợ hãi. Xưa nay nói nước có khả năng làm tắt lửa; nay trong nước lại sanh ra lửa. Tại sao tôi nói như vậy? Ca-lưu-đà-di mời chúng tôi vào phòng, với ý dâm dục, nói lời thô bỉ xấu ác đối với chúng tôi. Khi ở tại nhà, phu chủ tôi nói lời thô bỉ xấu ác như vậy, tôi còn không thể chấp nhận, huống chi nay là người xuất gia, mà lại nói những lời tồi tệ như thế.»

Các tỳ-kheo nghe; trong số đó có vị thiểu dục, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách Ca-lưu-đà-di... (nói đầy đủ như trước); rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp các tỳ-kheo. Ngồi trong đại chúng, đức Thế tôn biết mà cố hỏi Ca-lưu-đà-di:

«Có thật ngươi đã làm sự việc như vậy chăng?»

Ca-lưu-đà-di thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, đúng như vậy.»

Đức Thế tôn quở trách:

«Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp trường tồn.»

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, với ý dâm dục, nói lời dâm dục thô ác với người nữ; tùy theo lời nói dâm dục thô ác[221], tăng-già-bà-thi-sa.

---o0o---

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Ý dâm dục[222], như trên.

Người nữ: cũng như trên.

Thô ác: là chẳng phải phạm hạnh.

Lời nói dâm dục: là nói đến hai đường tốt xấu[223].

---o0o---

D. PHẠM TƯỚNG

Hoặc tự mình yêu cầu, hoặc sai người yêu cầu, hoặc hỏi, hoặc trả lời, hoặc giải bày, hoặc nói năng, hoặc dạy, hoặc mắng[224].

Tự mình yêu cầu: như nói, cùng tôi nơi hai đường làm việc như vậy, như vậy, hoặc dùng bao nhiêu lời nói khác khác.

Sai người yêu cầu: như nói, ‹Cầu mong Trời, Phạm, thủy thần, Ma-hê-thủ-la thiên... hộ trợ tôi cùng cô làm việc như vậy, như vậy.› Hoặc nói những lời tương tự khác.

Hỏi: như hỏi, ‹Đường đại tiểu tiện của cô ra sao? Cô với chồng cùng làm việc thế nào? Cô cùng người ngoài tư thông thế nào?› Hoặc nói những lời tương tự khác.

Đáp: ‹Đường đại tiểu của cô như vậy. Cô cùng chồng, người ngoài tư thông như vậy.› Hoặc nói những lời tương tự khác.

Giải bày: nói năng cũng như vậy.

Chỉ dạy: như nói, ‹Tôi chỉ cho cô chăm sóc hai đường như vậy, cô có thể khiến cho chồng, người ngoài kính ái.› Hoặc nói những lời tương tự khác.

Mắng: như nói, ‹Cô hư hoại, mục nát, teo tóp, đọa lạc. Cô cùng với con lừa làm chuyện như vậy.› Hoặc bằng những lời khác chửi mắng người.

Nếu tỳ-kheo cùng với người nữ một phen nói lời thô ác thì phạm một tăng-già-bà-thi-sa. Tùy theo lời nói thô ác nhiều hay ít, nói rõ ràng, thì mỗi mỗi đều phạm một tăng-già-bà-thi-sa. Nói không rõ ràng thì phạm thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay[225], thư, sai sứ giả, làm hiệu, khiến cho người nữ kia hiểu, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu, phạm thâu-lan-giá. Trừ đường đại tiểu tiện ra, nói đẹp hay nói xấu về những chỗ khác, phạm thâu-lan-giá. Đối với Thiên nữ, A-tu-la nữ, Dạ-xoa nữ, Long nữ, súc sanh cái có thể biến hình huỳnh môn, có hai hình, mà nói lời thô ác khiến cho đối tượng hiểu, phạm thâu-lan-giá; không hiểu, phạm đột-kiết-la. Nếu dùng dấu tay, thư, sai sứ giả, làm hiệu, khiến cho các hạng nữ kia hiểu, phạm thâu-lan-giá; không hiểu, phạm đột-kiết-la. Hướng đến súc sanh không thể biến hình nói lời thô ác phạm đột-kiết-la. Nếu hướng về đàn ông nói lời thô ác, phạm đột-kiết-la. Nếu tỳ-kheo với ý dục nói lời thô ác, tưởng là nói lời thô ác, phạm tăng-già-bà-thi-sa. Nói lời thô ác, sanh nghi phạm thâu-lan-giá. Chẳng phải lời thô ác, tưởng là lời thô ác, phạm thâu-lan-giá. Chẳng phải lời thô ác, mà nghi, phạm thâu-lan-giá.

Nữ loài người, có ý tưởng đó là nữ loài người, tăng-già-bà-thi-sa. Nữ loài người, nghi thâu-lan-giá. [582a1] Nữ loài người, tưởng nữ loài phi nhơn, thâu-lan-giá. Nữ loài phi nhơn, tưởng là nữ loài người, thâu-lan-giá.

Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu vì người nữ mà giảng pháp bất tịnh quán[226], như nói, «Này cô, nên biết, thân này có chín mụt ghẻ, chín lổ, chín nơi rỉ chảy, chín dòng nước chảy. Chín lỗ là: hai mắt, hai tai, hai mũi, miệng, đại, tiểu tiện đạo.» Khi nói điều bất tịnh này, người nữ kia cho là lời thô ác. Hoặc khi nói Tỳ-ni, theo thứ tự nói đến việc này, người kia gọi là nói lời thô ác. Hoặc cầu học kinh, hoặc hai người đồng thọ; hoặc người kia hỏi, hoặc đồng tụng, hoặc vui giỡn nói chơi, hoặc nói một mình, hoặc nói gấp gáp, hoặc nói trong mộng, hoặc muốn nói việc này, nhầm nói việc kia. Tất cả đều không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

IV. YÊU SÁCH CÚNG DƯỜNG

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Một thời đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di nghe đức Thế tôn chế giới: «không được vọc âm xuất tinh», «không được xúc chạm người nữ», «không được nói với người nữ những lời thô ác», bèn cầm cây gài cửa đứng ngoài cửa, chờ các phụ nữ, vợ các nhà cư sĩ, và các thiếu nữ đến, nói rằng:

«Các cô có thể vào phòng tôi xem.»

Khi dẫn họ vào phòng rồi, Ca-lưu-đà-di tự tán thân mình, nói:

«Các cô biết không, trong số người có học, tôi là người hạng nhất. Tôi là người phạm hạnh, trì giới, tu thiện pháp. Các cô có thể đem sự dâm dục cúng dường tôi.»

Khi ấy, những người nữ bằng lòng thì vui vẻ trước những lời nói đó, còn những người không bằng lòng thì nổi sân mắng chửi, bỏ ra khỏi phòng, nói với các tỳ-kheo:

«Đại đức nên biết, nay tôi thấy phải điều sai quấy, điều không lành, phi pháp, không thích hợp, không phải thời! Tôi thường nghĩ rằng đây là nơi an ổn, không có các hoạn nạn, không có tai biến, không có sợ hãi. Nay lại chính nơi đây tôi lại gặp phải tai biến, sợ hãi. Xưa nay nói nước có khả năng làm tắt lửa; nay trong nước lại sanh ra lửa. Khi ở tại nhà, chồng tôi nói lời như vậy, tôi còn không thể chấp nhận, huống chi nay là người xuất gia, mà lại nói những lời như thế.»

Các tỳ-kheo nghe; trong số đó có vị thiểu dục, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách Ca-lưu-đà-di, «Thầy há không nghe Thế tôn chế giới, ‹không được vọc âm xuất tinh›, ‹không được xúc chạm người nữ›, ‹không được nói với người nữ những lời thô ác› (nói đầy đủ như trước)...» Họ bèn đến chỗ Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp các tỳ-kheo. Ngồi trong đại chúng, đức Thế tôn biết mà cố hỏi Ca-lưu-đà-di:

«Có thật ngươi đã làm sự việc như vậy chăng?»

Ca-lưu-đà-di thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, sự việc đúng như vậy.»

Đức Thế tôn quở trách:

«Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.››

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, với ý dâm dục, đối trước người nữ tự khen thân mình, nói: ‹Này cô, tôi tu phạm hạnh, trì giới tinh tấn, tu tập pháp lành; cô nên đem sự dâm dục cúng dường tôi. Đó là sự cúng dường bậc nhất›; tăng-già-bà-thi-sa.

---o0o---

C. THÍCH TỪ

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Ý dâm dục: như trên đã nói.

Người nữ: như trên đã nói.

Khen thân mình: khen thân đoan chánh, nhan sắc đẹp; «Tôi là Sát-đế-lợi, trưởng giả, cư sĩ, bà-la-môn.»

Phạm hạnh: siêng tu lìa uế trược.

Trì giới: không khuyết, không thủng, không nhiễm ô.

Pháp lành: ưa ở nơi nhàn tịnh, đến giờ khất thực, mặc y phấn tảo; tác pháp dư thực[227], cũng không ăn; ăn một lần ngồi[228] , ăn một nắm; ngồi nơi bãi tha ma, nơi đất trống, dưới gốc cây, luôn luôn ngồi, chỉ ngồi; trì ba y; bối nặc[229],đa văn, hay thuyết pháp; trì tỳ-ni, tọa thiền.

---o0o---

C. PHẠM TƯỚNG

Sau khi tự khen ngợi mình như vậy rồi, nói rằng, «Hãy đến đây cúng dường tôi», trong đó không nói đến việc dâm dục, phạm thâu-lan-giá; có nói việc dâm dục phạm tăng-già-bà-thi-sa. Nếu trước người nữ, một lần tự khen thân mình là một tội tăng-già-bà-thi-sa. Tùy theo sự tự khen thân mình nhiều hay ít, và nói một cách rõ ràng, mỗi mỗi đều phạm tăng-già-bà-thi-sa. Nói không rõ, phạm thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư tín, sai sứ, làm hiệu khiến cho người kia hiểu, tăng-già-bà-thi-sa. Họ không hiểu, thâu-lan-giá.

Trừ hai đường, đòi hỏi cung phụng nơi khác, thâu-lan-giá.

Đối với thiên nữ, a-tu-la nữ, long nữ, dạ-xoa cái, ngạ quỷ cái, súc sanh cái có thể biến hình, mà tự khen thân mình, nếu các hạng nữ kia hiểu, phạm thâu-lan-giá; chúng không

hiểu, đột-kiết-la. Nếu dùng dấu tay thư tín, sứ giả, ra dấu hiệu để tự khen thân mình mà người kia hiểu, phạm thâu-lan-giá. Khen nói mà họ không hiểu, phạm đột-kiết-la.

Đối với súc sanh không thể biến hình mà tự khen thân mình, phạm đột-kiết-la.

Nữ loài người, tưởng là nữ loài người, tăng-già-bà-thi-sa. Nữ loài người, nghi, phạm thâu-lan-giá. Nữ loài người, có ý tưởng là nữ loài phi nhơn, phạm thâu-lan-giá. Nữ loài phi nhơn, nghi, phạm thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo-ni phạm thâu-lan-giá. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó là phạm.

Sự không phạm: nếu tỳ-kheo nói với người nữ: «Đây là chỗ diệu tôn tối thắng. Tỳ-kheo này tinh tấn trì giới, tu thiện pháp, các cô nên dùng thân nghiệp từ, khẩu nghiệp từ, ý nghiệp từ cúng dường bằng sự từ hoà của thân nghiệp, bằng sự từ hoà của khẩu nghiệp, bằng sự từ hoà của ý nghiệp.» Ý của các người nữ kia cho rằng tỳ-kheo vì ta nên tự khen thân mình; hoặc khi nói tỳ-ni, ngôn thuyết có vẻ tương tự, mà người kia nói là tự khen ngợi thân mình; hoặc từ việc thọ kinh, tụng kinh; hoặc hai người cùng thọ tụng kinh; hoặc hỏi đáp; hoặc đồng tụng; hoặc nói giỡn; hoặc nói liến thoắng, nói trong mộng; hoặc muốn nói việc nầy nhầm việc khác, đều không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống khổ bức bách

---o0o---

V. MAI MỐI

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt-kỳ[230]. Bấy giờ, trong thành La-duyệt có một tỳ-kheo tên là Ca-la[231], trước đây là Đại thần của Vua, biết rành về pháp thế tục. Vị ấy chuyên làm việc mai mối như vầy: đến người nam nói chuyện người nữ; đến người nữ nói chuyện người nam. Thời bấy giờ, các cư sĩ trong thành La-duyệt muốn có việc giá thú, tất cả đều đến nhờ Ca-la. Ca-la trả lời: «Để tôi đến nhà đó quan sát trước đã.» Quan sát xong, Ca-la đến các nhà cư sĩ nói: «Nhà ngươi muốn cùng với gia đình đó làm sui gia thì cứ thực hiện theo ý muốn.» Khi ấy, các cư sĩ theo lời hướng dẫn mà làm việc hôn thú. Các nam nữ làm việc cưới hỏi rồi, được vừa ý thì vui vẻ cúng dường khen ngợi, nói rằng: «Nên làm cho Ca-la thường được hoan lạc như chúng ta ngày nay. Vì sao? Vì nhờ Ca-la mà ta được hoan lạc như thế này. Mong Ca-la và các tỳ-kheo khác cũng được cúng dường.» Nếu, đôi nam nữ kia, sau khi cưới hỏi xong không được sự thích ý, họ bèn nói: «Hãy làm cho Ca-la luôn luôn chịu khổ não như chúng ta ngày nay. Tại sao? Vì chính Ca-la khiến cho tôi làm việc cưới hỏi nên nay tôi mới chịu khổ não thế này. Mong cho Ca-la và các tỳ-kheo cũng chịu sự khổ não; không được ai cúng dường.» Khi ấy, các cư

sĩ không tin Phật, Pháp, Tăng trong thành La-duyệt, đồn đãi nhau: «Các người [583a1] nếu muốn được làm sui gia với nhà giàu to, nhiều của cải lắm vật báu, thì nên đến nhờ sa-môn Thích tử điều đó; tuỳ thời cúng dường thân cận cung kính thì có thể được như ý. Tại sao vậy? Sa-môn Thích tử này giỏi việc mai mối; biết người nam nầy có thể lấy người nữ kia; người nữ kia có thể cùng người nam nầy.» Rồi các Tỳ-kheo nghe lời đồn đãi ấy; trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống với hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý quở trách Ca-la tỳ-kheo: «Sao lại đi làm mai mối người nam cho người nữ; người nữ cho người nam?» Sau khi quở trách rồi, họ đến chỗ đức Thế tôn; đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên nầy bạch lên đức Phật một cách đầy đủ. Đức Thế tôn vì nhơn duyên nầy tập hợp các Tăng tỳ-kheo. Ngài biết mà cố hỏi Ca-la:

«Có thật ngươi đã làm sự việc như vậy chăng?»

Ca-lưu-đà-di thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, sự việc đúng như vậy.»

Đức Thế tôn quở trách:

«Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, tới lui bên này, bên kia làm mai mối; đem ý người nam nói với người nữ; đem ý người nữ nói với người nam; hoặc để thành vợ chồng, hoặc vì việc tư thông, cho đến chỉ trong chốc lát, tăng-già-bà-thi-sa[232].

---o0o---

C. THÍCH TỪ

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tới lui[233]: khiến cho hai bên được hoà hợp.

Người nữ có hai mươi hạng[234]: mẹ giám hộ, cha giám hộ, mẹ cha giám hộ, anh giám hộ, chị giám hộ, anh chị giám hộ, tự mình giám hộ, pháp giám hộ, họ hàng giám hộ, tông thân giám hộ, tự nguyện làm tỳ nữ[235], làm tỳ nữ để kiếm áo, tỳ nữ để nhận tiền của, tỳ nữ do hợp tác, tỳ nữ vì bị nước cuốn, làm tỳ nữ vì không nộp thuế, tỳ nữ bị thải[236], tỳ nữ cho khách, tỳ nữ do người khác giám hộ, tỳ nữ được từ biên phương.

- Mẹ giám hộ: được giám hộ bởi mẹ.

- Cha giám hộ: được giám hộ bởi cha.

- Cha mẹ giám hộ, anh giám hộ, chị giám hộ, anh chị giám hộ cũng như vậy.

- Tự mình giám hộ: thân được tự tại.

- Pháp giám hộ: tu hành phạm hạnh[237].

- Họ hàng giám hộ: không được quan hệ với dòng họ thấp hơn.

- Tông thân giám hộ: được canh chừng bởi tông thân.

- Tự nguyện làm tỳ nữ[238]: vui lòng làm tỳ nữ cho người khác.

- Làm nô tỳ để kiếm áo: được trả giá bằng y phục[239].

- Nô tỳ để nhận tiền của: được trả giá thậm chí chỉ một đồng.

- Nô tỳ do hợp tác[240]: cùng sinh hoạt nghề nghiệp chung nhưng chưa làm lễ để thành vợ chồng.

- Nô tỳ vì bị nước cuốn: được vớt lên khi bị nước cuốn[241].

- Nô tỳ vì không nộp thuế: không lấy tiền thuế.

- Nô tỳ bị thải: được mua lại, hay sinh từ trong nhà chủ[242].

- Nô tỳ khách: được tiền thuê để làm tôi tớ trong nhà.

- Nô tỳ do người khác giám hộ: nhận tràng hoa của người để làm vật giao ước.

- Nô tỳ được từ biên phương: do sự cướp đoạt mà được[243].

Đó là hai mươi hạng.

Nam tử cũng có hai mươi loại như vậy.

---o0o---

D. PHẠM TƯỚNG

Người nam do mẹ giám hộ, và nữ do mẹ giám hộ, nhờ tỳ-kheo làm sứ giả nói với người kia, «Nàng hãy làm vợ tôi», hoặc nói, «Nàng hãy tư thông với tôi, chốc lát hay trong một

niệm.» Nếu tỳ-kheo tự nhận lời bên này, đến nói bên kia; rồi nhận ý kiến bên kia, trở lại trả lời bên này, phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận lời, tự đến bên kia nói, sai sứ mang tin trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận lời, sai sứ đến nói, tự mang tin trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận lời, cùng sai sứ đến nói, sai sứ mang tin trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận lời, tự làm thư mang đến bên kia, tự mang thư trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận lời, tự làm thư mang đến bên kia, sai sứ mang thư trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận lời, sai sứ mang thư đến bên kia, tự mang thư trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận lời, sai sứ mang thư đến bên kia, sai sứ mang thư trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Bằng dấu tay, bằng ra hiệu, cũng với bốn trường hợp như vậy.

Nếu tỳ-kheo tự nhận thư, mang đến bên kia, tự mang thư trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận thư, mang đến bên kia; rồi sai sứ mang thư trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận thư, sai sứ mang đến bên kia; rồi tự mang thư trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận thư, sai sứ mang thư đến bên kia; rồi sai sứ mang thư trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận thư, tự mang dấu tay, đến bên kia; rồi tự mang dấu tay trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận thư, tự mang dấu tay đến bên kia; rồi sai sứ mang dấu tay trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận thư, sai sứ mang dấu tay đến bên kia; rồi tự mang dấu tay trở lại tả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận thư, sai sứ mang dấu tay đến bên kia; rồi sai sứ mang dấu tay trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Bốn trường hợp ra hiệu cũng như vậy. Bốn trường hợp nhận lời cũng như vậy. Mười sáu trường hợp của dấu tay cũng như vậy. Mười sáu trường hợp của ra hiệu cũng như vậy.

Nếu tỳ-kheo tự nhận lời, tự mang thư đến bên kia, tự mang dấu tay trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận lời, tự mang thư đến bên kia, sai sứ mang dấu tay trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận lời, sai sứ mang thư đến bên kia, sai sứ mang dấu tay trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nhận lời, tự mang thư đến bên kia, tự mang dấu hiệu trở lại trả lời, cũng có bốn trường hợp như vậy.

Nếu tỳ-kheo tự nhận lời, tự mang dấu tay đến bên kia; rồi tự mang trở lại trả lời, cũng có bốn trường hợp như vậy.

Nếu tỳ-kheo tự nhận lời, đến bên kia, trở lại trả lời, tăng-già-bà-thi-sa; tự nhận lời, đến bên kia, không trở lại trả lời, phạm thâu-lan-giá.

Nếu cùng nói mà không nhận, bèn đến bên kia nói, trở lại trả lời, thâu-lan-giá.

Nếu nhận lời, không đến bên kia nói, không trở lại trả lời, đột-kiết-la.

Nếu nghe nói, không đến bên kia nói, không trở lại trả lời, đột-kiết-la.

Nếu không nhận lời, đến nói, không trả lại trả lời, đột-kiết-la.

Nếu nói đã lấy người khác, hoặc nói đã đi chỗ khác, hoặc nói đã chết, hoặc nói bị giặc bắt đi, hoặc nói không có, tất cả thâu-lan-giá.

Nếu có bệnh hủi, bệnh ung thư, bệnh bạch lại, càn tiếu, điên cuồng, bệnh trĩ, nơi đường (đại tiểu tiện) có nhọt mủ chảy mãi, trở lại trả lời như vậy, lời nói này tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo một lần làm môi giới cho người nữ, phạm một tăng-già-bà-thi-sa. Tùy theo làm mai mối nhiều hay ít, nói rõ ràng, mỗi mỗi phạm tăng-già-bà-thi-sa; nói không rõ ràng phạm thâu-lan-giá.

Nếu bằng thư, bằng dấu tay, hoặc ra hiệu, tới lui nói, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu ra hiệu mà người kia hiểu, tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu, thâu-lan-giá. Trừ hai đường, nói đến chi tiết nào trong thân phần để mai mối, phạm thâu-lan-giá.

Đối với thiên nữ, a-tu-la nữ, long nữ, dạ-xoa nữ, ngã quỷ nữ, súc sanh cái có thể biến hình, huỳnh môn, hai căn, mà làm mai mối, nói rõ ràng, thâu-lan-giá; không rõ ràng, đột-kiết-la. Bằng thư, bằng dấu tay, bằng ra hiệu khiến cho người kia hiểu, thâu-lan-giá; không hiểu, đột-kiết-la. [584a1] Đối với súc sanh không thể biến hình, làm mai mối, đột-kiết-la. Làm mai mối nam, đột-kiết-la.

Nếu tỳ-kheo tới lui làm mai mối với ý tưởng làm mai mối, tăng-già-bà-thi-sa. Làm mai mối, nhưng nghi, thâu-lan-giá. Làm mai mối với ý tưởng không phải mai mối, thâu-lan-giá. Không làm mai mối mà nghi làm mai, thâu-lan-giá. Người nữ mà nghi, thâu-lan-giá. Nữ loài người mà tưởng nữ loài phi

nhơn, thâu-lan-giá. Nữ loài phi nhơn, mà tưởng là nữ loài người, thâu-lan-giá. Nữ loài phi nhơn, nghi, thâu-lan-giá.

Nếu tỳ-kheo mang thư của người đi nhưng không xem, đột-kiết-la. Nếu vì bạch y làm sứ giả các việc khác, đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đây là các trường hợp phạm.

Sự không phạm: nếu nam nữ trước đã thông nhau mà sau ly biệt làm cho hòa hợp lại. Hoặc vì cha mẹ bệnh hoạn, hay bị giam hãm trong ngục, xem thư rồi mang đi. Hoặc vì ưu-bà-tắc tín tâm tinh tấn mà bị bệnh, hoặc bị giam hãm trong ngục, xem thư rồi mang đi. Hoặc vì Phật, Pháp, Tăng, tháp, hoặc vì tỳ-kheo bệnh, xem thư rồi mang đi. Những trường hợp như trên không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

VI. LẬP THẤT NHỎ[244]

A. DUYÊN KHỞI

Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt-kỳ[245]. Lúc bấy giờ, đức Thế tôn cho phép các tỳ-kheo làm phòng xá riêng. Các tỳ-kheo người nước Khoáng dã[246], nghe đức Thế tôn cho phép các tỳ-kheo làm phòng xá riêng, họ liền làm phòng xá lớn. Vì họ làm phòng xá lớn nên đòi hỏi nhiều công sức. Các tỳ-kheo ấy đi cầu xin khắp nơi, nói: «Cho tôi công thợ khéo; cung cấp cho tôi xe cộ và người đánh xe; cung cấp cho tôi cây, gỗ, tre, tranh, giây cột, v.v... »

Vì các tỳ-kheo khất cầu quá phiền hà, nên các cư sĩ mỗi khi từ xa, thấy tỳ-kheo đều quay xe tránh xa; hoặc lánh vào trong các đường hẻm, hoặc vào trong chợ búa, hoặc tự vào trong nhà, hay cúi đầu đi thẳng, không cho tỳ-kheo thấy mặt. Tại sao vậy? Vì sợ tỳ-kheo có sự khất cầu đòi hỏi.

Lại có một tỳ-kheo Khoáng dã muốn xây cất phòng xá; bèn tự mình chặt lấy cây để làm. Vị thần nương ở nơi cây đó có nhiều con cháu, khởi ý nghĩ: «Con cháu của ta đông, cây này là nơi che chở, nương tựa của ta, mà tỳ-kheo này chặt phá. Ta phải đánh tỳ-kheo này.» Rồi thần cây nghĩ trở lại: «Nay ta nếu trước không xét kỹ mà đánh tỳ-kheo, sợ e trái đạo lý. Ta nên đến chỗ đức Thế tôn, đem vấn đề này thưa rõ với Ngài. Nếu đức Thế tôn giáo sắc thế nào, ta sẽ phụng hành thế ấy.» Nghĩ rồi, liền đến chỗ đức Thế tôn, lạy dưới chân Phật, đứng qua một bên và đem vấn đề thưa rõ đức Thế tôn. Đức Thế tôn khen ngợi:

«Lành thay, ngươi đã không đánh vị tỳ-kheo trì giới. Nếu đánh thì mắc tội vô lượng. Nay ngươi nên đến dòng sông Hằng, nơi đó có một cây đại thọ tên là Ta-la. Vị thần nương ở cây đó vừa mạng chung. Ngươi có thể cư ngụ ở nơi đó.» Vị thần kia nghe xong, đảnh lễ dưới chân đức Thế tôn, nhiễu ba vòng, rồi biến mất.

Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp[247] từ nước Ma-kiệt, hướng dẫn chúng đại tỳ-kheo năm trăm người, cùng đến nơi thành Khoáng dã, nghỉ lại một đêm, sáng ngày đắp y, bưng bát vào thành khất thực, bước đi đoan nghiêm, mắt nhìn đứng đắn, cử chỉ dáng điệu cùng chúng có khác.

Khi ấy, trong thành, các cư sĩ xa thấy tỳ-kheo bèn lánh vào đường hẻm, hay vào trong chợ búa, hoặc tự vào lại trong nhà, hoặc cúi đầu đi thẳng không cho tỳ-kheo thấy mặt. Tôn giả Ca-diếp thấy sự việc như vậy, bèn hỏi một người:

«Các cư sĩ nơi đây tại sao thấy tỳ-kheo tránh mặt, không cho tỳ-kheo thấy?»

Người ấy nói với Tôn giả Ca-diếp rằng:

«Đức Thế tôn cho phép các tỳ-kheo làm phòng xá riêng. Các tỳ-kheo khất cầu phương tiện nhiều nên gây phiền hà. Do vậy, mọi người đều tránh mặt.»

Tôn giả Ca-diếp nghe như vậy rồi bùi ngùi không vui.

Lúc ấy, đức Thế tôn từ thành La-duyệt dẫn 1.250 vị Tỳ-kheo đến nơi thành Khoáng dã. Đến nơi, quý vị đều trải toà an toạ. Tôn giả Ca-diếp đến chỗ đức Thế tôn, lạy dưới chân Phật, đứng qua một bên, bày trống vai hữu, chấp tay, quỳ gối bạch Phật:

«Vừa vào thành khất thực, con thấy các cư sĩ, từ xa trông thấy các tỳ-kheo, họ đều tránh mặt... (nói đầy đủ như trên).»

Tôn giả thưa xong, lạy dưới chân Phật, nhiễu ba vòng, rồi ra khỏi thành Khoáng dã. Tại sao vậy? Vì sợ các tỳ-kheo nơi thành Khoáng dã sanh tâm thù hận. Đức Thế tôn vì nhơn duyên nầy tập hợp Tăng tỳ-kheo, bảo rằng:

«Ta nhớ ngày trước, trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt-kỳ này, có một vị thần đến nơi ta, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng qua một bên, thưa với ta: ‹Đức Thế tôn cho phép tỳ-kheo nơi Khoáng dã làm phòng xá riêng. Các ngươi khất cầu nhiều... (nói đầy đủ như trước).› Nay ta hỏi: Có thật các người làm phòng xá riêng, khất cầu nhiều như vậy chăng?»

Các tỳ-kheo trả lời:

«Sự thật như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo:

«Tại sao các ngươi lấy cớ ta cho phép làm phòng xá riêng mà lại làm phòng xá lớn, để rồi đòi hỏi nhiều sự khất cầu phi pháp đối với vật khó kiếm?»

Đức Thế tôn quở trách các tỳ-kheo kia rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Xưa kia bên dòng sông Hằng nầy có một Phạm chí bện tóc[248] , thường ở bên dòng sông, nhan sắc tiều tụy, hình thể gầy còm. Bấy giờ ta đến đó, chào hỏi xong, hỏi: ‹Tại sao hình thể của ông gầy còm, nhan sắc tiều tụy như thế?› Người kia trả lời Ta rằng: ‹Trong nước sông này có một Long vương tên là Ma-ni-kiền-đại[249]. Mỗi lần ra khỏi cung, nó đến chỗ tôi. Thân nó quấn quanh mình tôi. Đầu nó che trên tôi. Khi ấy, tôi nghĩ: Tánh của loài rồng rất bạo, sợ nó hại mạng tôi. Vì sự lo sợ này mà thân thể gầy còm, nhan sắc tiều tụy thế nầy.›

«Khi ấy Ta hỏi vị Phạm chí kia rằng: ‹Ngươi có muốn khiến con rồng đó thường ở trong nước, không đến chỗ người hay không?›

«Phạm chí kia nói: ‹Thật sự tôi muốn con rồng đó đừng đến chỗ tôi.›

«Ta liền hỏi Phạm chí: ‹Con rồng kia có chuỗi anh lạc[250] hay không?›

«Phạm chí đáp: ‹Dưới cổ nó có chuỗi ngọc châu anh lạc rất tốt.›

«Đức Phật nói với Phạm chí rằng: ‹Nếu con rồng kia, khi ra khỏi nước, đến chỗ ngươi, ngươi nên đứng dậy tiếp đón và nói: Long vương, hãy chờ! Hãy mang chuỗi anh lạc dưới cổ cho tôi. Nói xong rồi thì đọc kệ:

Nay ta cần chuỗi ngọc,

Anh lạc dưới cổ ngươi.

Hãy tỏ lòng tin ưa,

Cho ta viên ngọc đó.›

«Phạm chí ghi nhớ lời của Ta. Sau đó, khi Long vương từ trong nước ra, đến chỗ Phạm chí. Từ xa, Phạm chí trông thấy, liền đứng dậy nghinh đón và nói: ‹Hãy chờ chút, nầy Long vương! Xin vui lòng đưa cho tôi chuỗi ngọc dưới cổ.›

«Phạm chí nói xong thuyết kệ:

Nay ta cần chuỗi ngọc,

Anh lạc dưới cổ ngươi.

Hãy tỏ lòng tin ưa,

Cho ta viên ngọc đó.

«Long vương bèn trả lời Phạm chí bằng bài kệ:

Của báu tôi có được,

Do từ viên ngọc này;

Ông lại muốn cầu xin,

Thôi không gặp nhau nữa.

Đoan chánh, đẹp, tinh sạch,

Xin ngọc khiến tôi sợ;

Thôi không gặp nhau nữa,

Cho ông ngọc làm gì?

«Long vương tức thời trở lại cung, không xuất hiện đến nữa.»

[585a1] Lúc bấy giờ, đức Thế tôn liền nói kệ:

Xin nhiều người không ưa,

Xin quá thành thù ghét;

Phạm chí xin ngọc rồng,

Rồng không trở lại nữa!

«Tỳ-kheo, các ngươi nên biết, cho đến súc sanh còn không ưa người xin, huống là đối với loài người, xin nhiều không nhàm chán mà không làm cho chán ghét? Tỳ-kheo Khoáng dã là người ngu si, riêng làm phòng xá lớn, có quá nhiều yêu sách... (nói đầy đủ như trước).»

Đức Thế tôn lại bảo các tỳ-kheo:

«Xưa kia, một thuở nọ, ta ở nơi vườn Cấp-cô-độc, trong rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Khi ấy, có một tỳ-kheo[251] đến chỗ ta, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi qua một bên, ta hỏi thăm uỷ lạo rằng, ‹Các người sống có được an ổn không? Không khổ vì sự khất thực chăng?›

«Tỳ-kheo ấy trả lời: ‹Chúng con sống được an ổn, không phải gặp sự khó khăn vì khất thực. Nhưng con ở trong rừng, có một điều lo ngại chính là, vào nửa đêm bọn chim kêu la bi thảm, làm rối loạn định tâm của con. Con khốn đốn vì việc này.›

«Đức Phật hỏi các tỳ-kheo: ‹Các ông có muốn bầy chim này không đến nơi rừng nầy nghỉ đêm nữa hay không?›

«Tỳ-kheo thưa với đức Phật: ‹Thật sự chúng con không muốn bầy chim ấy trở lại nghỉ đêm nơi rừng nầy nữa.›

«Đức Phật bảo các tỳ-kheo: ‹Các ông rình, khi nào bầy chim trở lại nghỉ đêm, nói với chúng nó rằng, Cho ta xin hai cái cánh, ta có việc cần dùng nó.›

«Lúc ấy[252], các tỳ-kheo kia sau khi ghi nhớ lời dạy của Ta, bèn rình khi bầy chim kia trở lại nghỉ đêm nơi rừng; vào lúc nửa đêm, đến chỗ bầy chim kia, nói, ‹Nay ta cần dùng hai cái cánh của ngươi, ngươi đem cho ta đi!›

«Khi ấy, bầy chim, nghĩ thầm, ‹Tỳ-kheo này xin ta như vậy.› Nghĩ xong, liền bay ra khỏi rừng, từ đó không trở lại nữa.»

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Các ông nên biết, cho đến loài cầm thú còn không thích bị người xin, huống là đối với người cầu xin đòi hỏi nhiều, mà không sinh chán ghét sao?

«Tỳ-kheo Khoáng dã là người ngu si, làm phòng xá lớn riêng, có qua nhiều yêu sách... (nói đầy đủ như trước).»

Rồi đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Xưa kia có con trai nhà tộc tánh, tên là Lại-tra-bà-la[253], xuất gia hành đạo cho đến đối với nhà của cha mẹ mà cũng hoàn toàn không đến xin. Khi ấy, ông cha nói với Lại-tra-bà-la:

«Con biết chăng, ta tự nghiệm xét, ít có người không đến nhà cha xin. Con là con của cha, tại sao không đến nhà cha để xin?

«Khi ấy, Lại-tra-bà-la nói kệ cho cha nghe:

Cầu nhiều, người không ưa.

Cầu không được, sinh oán.

Cho nên con không xin,

Sợ sanh thêm bớt vậy.

«Tỳ-kheo nên biết, Lại-tra-bà-la, đối với nhà của cha mình còn không đến xin, huống là các tỳ-kheo, đối với nhà cư sĩ, lại đến khất cầu đòi hỏi nhiều, khiến cho họ không ưa.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo khất cầu phi thời, khất cầu không biết chán, khất cầu bất chánh. Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện khen ngợi sự

khất cầu đúng thời, khất cầu một cách vừa phải, khất cầu chơn chánh; rồi bảo các tỳ-kheo:

«Tỳ-kheo Khoáng dã là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới nầy ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, tự khất cầu để cất thất, không có thí chủ, tự làm cho mình, cần phải làm đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài mười hai gang tay Phật, bên trong rộng bảy gang tay phật. Phải mời các tỳ-kheo đến chỉ định nơi chốn. Các tỳ-kheo ấy cần chỉ định nơi chốn, là nơi không có nguy hiểm, nơi không bị bít lối. Nếu tỳ-kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bít lối, tự khất cầu để cất thất, không có thí chủ, tự làm cho mình, không mời các tỳ-kheo đến để chỉ định nơi chốn, hoặc làm quá lượng định, tăng-già-bà-thi-sa.

---o0o---

C. THÍCH TỪ

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tự khất cầu: vị kia khất cầu yêu sách chỗ này chỗ kia.

Thất[254] : tức là phòng.

Không có chủ[255]: không có một người, hai người, hay nhiều người đứng ra cất.

Tự làm cho mình[256]: tự mình tìm cầu, tự mình làm lấy.

Đúng lượng: dài mười hai gang tay Phật, bên trong rộng bảy gang tay Phật[257].

Chỗ nguy hiểm[258]: là chỗ có hổ lang, sư tử, các thú dữ, cho đến loài kiến. Nếu tỳ-kheo không bị các loài trùng kiến hay các loài thú gây não hại, thì nên dọn khu đất cho bằng phẳng; hoặc có gốc cây, đá, gai gốc, thì hãy sai người đào bỏ. Hoặc có hang, hầm, mương, rãnh, ao, ngòi, thì hãy cho người lấp đi. Hoặc sợ nước ngập, hãy làm đê để chắn. Hoặc chỗ đất có người nói là của họ, thì nên cùng xử đoán, chớ để người khác tranh cãi. Đó gọi là chỗ nguy hiểm.

Chỗ bị bít lối[259]: nghĩa là nơi không đủ cho chiếc xe chở cỏ[260] quay đầu để tới lui, như vậy gọi là chỗ bị bít lối.

Tỳ-kheo này xem coi, nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối rồi, đến trong Tăng cởi bỏ giày dép, trống vai bên hữu, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay tác bạch[261]:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là..., tự khất cầu để cất thất, không có thí chủ, tự làm cho mình. Nay tôi đến trong Tăng cầu xin biết cho đó là chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối.

Bạch như vậy ba lần.

Lúc bấy giờ, chúng Tăng nên quan sát tỳ-kheo nầy có thể tin cậy được không? Nếu có thể tin cậy thì nên cho phép cất. Nếu không thể tin cậy thì tất cả chúng tăng nên đến nơi đó để xem xét. Nếu chúng Tăng không thể đi thì nên sai vị Tăng nào[262] có thể tin cậy đến đó để quan sát. Nếu nơi đó có nguy hiểm, bị bít lối thì không nên cho. Nếu không có nguy

hiểm mà bị bít lối thì cũng không nên cho. Nơi có nguy hiểm mà không bị bít lối cũng không cho. Chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối mới cho. Nơi chốn đã ổn định như vậy rồi, trong chúng sai một người có khả năng tác yết-ma. Vị ấy có thể là thượng tọa, thứ tọa, hoặc tụng luật hay không tụng luật, nên tác bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., tự khất cầu để cất thất, tự cất không có thí chủ. Nay đến trước chúng Tăng xin chỉ định nơi chốn là nơi không nguy hiểm, không bị bít lối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, chỉ định nơi chốn không nguy hiểm, không bị bít lối cho tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., tự khất cầu để cất thất, tự cất cho mình, không có thí chủ. Nay, tỳ-kheo này đến trước Tăng xin chỉ định nơi chốn[263] là nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối. Nay, Tăng chỉ định nơi chốn cho tỳ-kheo tên là..., nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng nay chỉ định nơi chốn cho tỳ-kheo tên là..., nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối, thì im lặng. Ai không chấp nhận, xin nói.

Tăng đã chỉ định nơi chốn cho tỳ-kheo tên là..., nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối, vì im lặng. Việc nầy tôi ghi nhận như vậy.

---o0o---

D. PHẠM TƯỚNG

Vị tỳ-kheo cất phòng nên biết, từ khi khởi công đặt đá, đắp đất, hay vắt bùn, cho đến khi trét bùn sau cùng, hoàn thành toàn bộ, mà không được Tăng chỉ định nơi chốn, làm quá

lượng, nơi nguy hiểm, bị bít lối: phạm hai tăng-già-bà-thi-sa, hai đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, cất quá lượng, nơi có nguy hiểm, nhưng không bị bít lối: hai tăng-già-bà-thi-sa, một đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, cất quá lượng, tuy nơi không nguy hiểm, nhưng bị bít lối: một tăng-già-bà-thi-sa, hai đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, tuy không cất quá lượng, nhưng cất nơi nguy hiểm, bị bít lối: một tăng-già-bà-thi-sa, hai đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, không cất quá lượng, nơi nguy hiểm, không bị bít lối, phạm một tăng-già-bà-thi-sa, một đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, không cất quá lượng, nơi không nguy hiểm nhưng bị bít lối, phạm một tăng-già-bà-thi-sa, một đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, nhưng cất quá lượng, [586a1] nơi có nguy hiểm, bị bít lối: một tăng-già-bà-thi-sa, hai đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, nhưng cất quá lượng, tuy cất nơi có nguy hiểm nhưng không bị bít lối: một tăng-già-bà-thi-sa, một đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, nhưng cất quá lượng; nơi không nguy hiểm, nhưng bị bít lối: một tăng-già-bà-thi-sa, một đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, không cất quá lượng, nơi có nguy hiểm nhưng không bị bít lối: một đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, không cất quá lượng, nơi không nguy hiểm, nhưng bị bít lối: một đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, nhưng cất quá lượng, nơi không nguy hiểm, không bị bít lối: một tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tăng tỳ-kheo không chỉ định nơi chốn, cất quá lượng, nơi có nguy hiểm, bị bít lối, tự cất thất, hoàn thành, phạm tăng-già-bà-thi-sa, hai đột-kiết-la; cất mà không thành, phạm hai thâu-lan-giá, hai đột-kiết-la.

Nếu sai bảo người khác cất, thành thì phạm hai tăng-già-bà-thi-sa, hai đột-kiết-la[264]; không thành thì phạm hai thâu-lan-giá, hai đột-kiết-la. Nếu vì người khác cất thất, mà thành thì phạm hai thâu-lan-giá, hai đột-kiết-la; không thành, phạm bốn đột-kiết-la.

Nếu khi cất thất mà dùng dây đo đất đúng lượng, nhưng người cất quá lượng, thì người cất phạm. Nếu tỳ-kheo sai người đặt dây mực để cất, người nhận lời sai bảo nói: «Cất như pháp», mà cất quá lượng thì người nhận lời ấy phạm. Nếu người ấy lại sai bảo người khác coi theo dây mực và được làm như pháp, không báo trở lại mà cất thì phạm. Nếu sai người đặt dây mực mà cất tức là cất như pháp; người dạy không hỏi có nên như pháp cất không? Người dạy phạm.

Nếu Tăng không chỉ định nơi chốn, có ý tưởng không chỉ định nơi chốn, phạm tăng-già-bà-thi-sa. Tăng không chỉ định nơi chốn, nghi, thâu-lan-giá. Tăng không chỉ định nơi chốn, có ý tưởng Tăng chỉ định nơi chốn, thâu-lan-giá. Tăng đã chỉ định nơi chốn, có ý tưởng Tăng không chỉ định nơi chốn, thâu-lan-giá. Tăng đã chỉ định nơi chốn, có nghi, thâu-lan-giá. Cất quá lượng cũng như vậy.

Nếu có nguy hiểm, tưởng có nguy hiểm, đột-kiết-la. Có nguy hiểm, nghi, đột-kiết-la. Có nguy hiểm, tưởng không nguy hiểm, đột-kiết-la. Không nguy hiểm, tưởng có nguy hiểm,

đột-kiết-la. Không nguy hiểm, nghi, đột-kiết-la. Nơi bị bít lối cũng như vậy.

Tỳ-kheo-ni, thâu-lan-giá. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni thì đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: cất đúng lượng, cất giảm lượng, Tăng chỉ định nơi chốn, nơi không nguy hiểm, nơi không bị bít lối, đo như pháp. Hoặc vì Tăng mà cất, vì Phật mà cất, cất làm giảng đường, am bằng cỏ, am bằng lá, hoặc cất thất nhỏ đủ ở dung thân, hoặc cất cho nhiều người ở, đó gọi là không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

VII. CẤT CHÙA LỚN[265]

A. DUYÊN KHỞI

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn ở trong vườn Cừ-sư-la[266], tại nước Câu-thiểm-di[267]. Khi ấy, Vua Ưu-điền[268] nói cùng Tôn giả Xiển-đà[269], là bạn tri thức thân hữu, rằng:

«Tôi muốn làm cho ngài một cái nhà. Ngài muốn cái nhà đó đẹp như thế nào cũng được. Địa điểm nào tốt có thể xây cất phòng xá, cũng tùy ý ngài chọn.»

Tôn giả trả lời:

«Tốt đẹp thay!»

Lúc bấy giờ, gần thành Câu-thiểm-di có cây thần là Ni-câu-luật[270]. Nhiều người qua lại, cũng như voi ngựa xe cộ thường nghỉ mát dưới gốc cây đó. Tôn giả Xiển-đà đến chặt cây kia để cất nhà lớn. Các cư sĩ thấy vậy, đều chê trách: «Sa-môn

Thích tử không có tàm quý, đoạn mạng chúng sanh. Bên ngoài tự xưng rằng ta biết Chánh pháp. Như vậy làm gì có Chánh pháp. Cây đại thọ tốt đẹp như vậy, nhiều người tới lui, voi, ngựa, xe cộ thường nghỉ mát dưới gốc cây đó, mà lại đến chặt để làm nhà lớn.»

Lúc ấy, trong số các tỳ-kheo nghe được, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Xiển-đà rằng: «Cây đại thọ tốt như vậy, nhiều người tới lui, voi ngựa xe cộ thường đến nghỉ mát dưới gốc cây, sao lại đến chặt để làm nhà lớn?»

Các tỳ-kheo quở trách rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên nầy trình lên đức Phật, một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên nầy tập hợp các tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn cố ý hỏi Xiển-đà:

«Có thật ngươi đã làm sự việc như vậy chăng?»

Xiển-đà thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, sự việc đúng như vậy.»

Đức Thế tôn quở trách:

«Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, muốn cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, cần phải mời các tỳ-kheo khác đến chỉ định nơi chốn. Các tỳ-kheo ấy cần chỉ định nơi chốn, là nơi không có nguy hiểm, nơi không bị bít lối. Nếu tỳ-kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bít lối, cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, không mời các tỳ-kheo đến để chỉ định nơi chốn, tăng-già-bà-thi-sa.

---o0o---

C. THÍCH TỪ

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Lớn: dùng nhiều tiền của và vật liệu[271].

Có chủ: hoặc một, hai hoặc số đông người.

Làm cho mình: vì thân mình mà làm.

Chỗ nguy hiểm: là chỗ có hổ lang, sư tử, các thú dữ, cho đến loài kiến. Nếu tỳ-kheo không bị các loài trùng kiến hay các loài thú gây não hại, thì nên dọn khu đất cho bằng phẳng; hoặc có gốc cây, đá, gai gốc, thì hãy sai người đào bỏ. Hoặc có hang, hầm, mương, rãnh, ao, ngòi, thì hãy cho người lấp đi. Hoặc sợ nước ngập, hãy làm đê để chắn. Hoặc chỗ đất có người nói là của họ, thì nên cùng xử đoán, chớ để người khác tranh cãi. Đó gọi là chỗ không bị nguy hiểm.

Chỗ bị bít lối: nghĩa là nơi không đủ cho chiếc xe chở cỏ[272] quay đầu để tới lui, như vậy gọi là chỗ bị bít lối.

Tỳ-kheo này xem coi, nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối rồi, đến trong Tăng cởi bỏ giày dép, trống vai bên hữu, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay tác bạch:

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là..., muốn cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, nay đến trước Tăng, xin chỉ định cho chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Lúc bấy giờ, chúng tăng nên quan sát tỳ-kheo nầy có thể tin cậy được không? Có trí tuệ không? Nếu có thể tin cậy, có trí tuệ, thì nên tác yết-ma cho phép cất. Nếu không thể tin cậy, không có trí tuệ, thì nên cử một số tỳ-kheo, hoặc sai tỳ-kheo có trí tuệ, đáng tin cậy, đến nơi đó để xem xét. Nếu nơi đó có nguy hiểm, bị bít lối thì không nên cho. Nếu không có nguy hiểm mà bị bít lối thì cũng không nên cho. Nơi có nguy hiểm mà không bị bít lối cũng không cho. Chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối mới cho. Nơi chốn đã ổn định như vậy rồi, trong chúng sai một người có khả năng như đã nói tác yết-ma. Nên tác bạch:

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo nầy tên là..., muốn cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, nay đến trước Tăng xin chỉ định nơi không nguy hiểm, không bị bít lối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận chỉ định cho tỳ-kheo tên là..., chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối. Đây là lời tác bạch:

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., muốn cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, nay đến Tăng xin chỉ định chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối. Nay Tăng trao cho tỳ-kheo tên là..., yết-ma chỉ định chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối. Chư đại đức nào chấp thuận Tăng trao cho tỳ-kheo tên là..., yết-ma chỉ định chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối thì im lặng; ai không đồng ý xin nói. Tăng đã thuận cho [587a1] tỳ-kheo tên là..., yết-ma chỉ định chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối rồi, nên im lặng. Việc ấy ghi nhận như vậy.

---o0o---

D. PHẠM TƯỚNG

Vị tỳ-kheo cất phòng nên biết, từ khi khởi công đặt đá, đắp đất, hay vắt bùn, cho đến khi trét bùn sau cùng, hoàn thành toàn bộ, mà không được Tăng chỉ định nơi chốn, nơi nguy hiểm, bị bít lối, phạm một tăng-già-bà-thi-sa, hai đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, chỗ có nguy hiểm nhưng không bị bít lối, phạm một tăng-già-bà-thi-sa, một đột-kiết-la.

Tăng không chỉ nơi chốn mà cất nơi không nguy hiểm nhưng bị bít lối, phạm một tăng-già-bà-thi-sa, một đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn mà cất nơi có nguy hiểm, bị bít lối, phạm hai đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn mà cất nơi có nguy hiểm, nhưng không bị bít lối, phạm một đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, mà cất nơi không nguy hiểm nhưng bị bít lối, phạm một đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, nhưng cất nơi không nguy hiểm, không bị bít lối, phạm một tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo, Tăng không chỉ định nơi chốn, nơi có nguy hiểm, bị bít lối, cất phòng lớn, có thí chủ cất cho mình, cất xong, phạm một tăng-già-bà-thi-sa, hai đột-kiết-la; cất không thành, phạm một thâu-lan-giá, hai đột-kiết-la. Nếu sai bảo người cất thì phạm một tăng-già-bà-thi-sa, hai đột-kiết-la; không thành phạm một thâu-lan-giá, hai đột-kiết-la. Vì người khác khởi công xây cất nhà mà hoàn thành thì

phạm một thâu-lan-giá, hai đột-kiết-la; cất mà không thành phạm ba đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, có ý tưởng không chỉ định nơi chốn, phạm tăng-già-bà-thi-sa. Tăng không chỉ định nơi chốn, sanh nghi, phạm thâu-lan-giá. Tăng không chỉ định nơi chốn, có ý tưởng là chỉ định nơi chốn, phạm thâu-lan-giá.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, tưởng không chỉ định nơi chốn, phạm thâu-lan-giá. Tăng đã chỉ định nơi chốn, sanh nghi, phạm thâu-lan-giá. Có nguy hiểm, tưởng có nguy hiểm; bị bít lối, tưởng có bị bít lối, đều cũng dùng năm câu như vậy.

Tỳ-kheo-ni, thâu-lan-giá. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni phạm đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: tăng chỉ định nơi chốn, cất nơi không nguy hiểm, không bị bít lối, vì Tăng, vì Phật đồ, giảng đường, am bằng tranh, am bằng lá, cái thất nhỏ đủ dung thân, vì nhiều người xây cất thất thì không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

VIII. VÔ CĂN BÁNG

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt-kỳ. Bấy giờ, có Tôn giả Đạp-bà-ma-la Tử[273] đắc A-la-hán, đang thiền tọa tư duy tại chỗ thanh vắng, tâm tự nghĩ rằng: «Thân này không bền chắc. Nay ta nên dùng phương tiện nào để tìm cầu sự bền chắc?» Tôn giả lại nghĩ: «Nay ta

nên tận lực cúng dường bằng cách phân phối ngọa cụ trong Tăng và theo thứ lớp mời Tăng đi phó trai chăng?»

Khi ấy, vào buổi xế chiều, Đạp-bà-ma-la Tử rời khỏi chỗ thiền tịnh, sửa lại y phục, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch đức Thế tôn:

«Vừa rồi, khi đang thiền tọa tư duy tại chỗ thanh vắng, con tự nghĩ rằng: ‹Thân này không bền chắc. Nay ta nên dùng phương tiện nào để tìm cầu sự bền chắc? Ta có nên tận lực cúng dường bằng cách phân phối ngọa cụ trong Tăng và theo thứ lớp mời Tăng đi phó trai chăng?›»

Đức Thế tôn bảo các tỳ-kheo:

«Nên sai Đạp-bà-ma-la Tử làm người phân phối ngọa cụ cho Tăng, và theo thứ tự mời Tăng đi thọ thực.»

Bạch nhị yết-ma, trong chúng nên sai người có khả năng như đã nói, tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sai Đạp-bà-ma-la Tử phân phối ngọa cụ cho Tăng, và theo thứ tự mời Tăng đi phó trai. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức tăng xin lắng nghe, nay Tăng sai Đạp-bà-ma-la Tử phân phối ngoạ cụ cho Tăng, và theo thứ tự mời Tăng đi thọ thực. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng sai Đạp-bà-ma-la Tử phân phối ngọa cụ cho Tăng, và theo thứ tự mời Tăng đi phó trai, thì im lặng; ai không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận sai Đạp-bà-ma-la Tử phân phối ngọa cụ cho Tăng, và theo thứ tự mời Tăng đi phó trai rồi, nên im lặng. Việc nầy tôi ghi nhận như vậy.»

Lúc ấy, Đạp-bà-ma-la Tử liền vì Tăng phân phối ngọa cụ. Những vị cùng ý hướng thì thành cộng đồng[274]: A-luyện-nhã cộng đồng với A-luyện-nhã, khất thực[275] cộng đồng với khất

thực, nạp y cộng đồng với nạp y[276], không làm pháp dư thực cộng đồng với không làm pháp dư thực[277], nhất tọa thực cộng đồng với nhất tọa thực, ăn một vắt cộng đồng với ăn một vắt, ngồi nơi gò mả cộng đồng với ngồi nơi gò mả, ngồi nơi chỗ trống cộng đồng với ngồi nơi chỗ trống, ngồi dưới bóng cây cộng đồng với ngồi dưới bóng cây, thường ngồi cộng đồng với thường ngồi, tùy tọa cộng đồng với tùy tọa, ba y cộng đồng với ba y, bối-nặc[278] cộng đồng với bối-nặc, đa văn cộng đồng với đa văn, pháp sư cộng đồng với pháp sư, trì luật cộng đồng với trì luật, tọa thiền cộng đồng với tọa thiền.

Bấy giờ, nơi La-duyệt-kỳ có tỳ-kheo khách đến, Đạp-bà-ma-la Tử liền theo thứ tự thích hợp phân phối ngọa cụ. Khi ấy có một trưởng lão tỳ-kheo, xẩm chiều, lên núi Kỳ-xà-quật. Tôn giả Đạp-bà-ma-la Tử từ nơi tay phát ra ánh sáng để phân phối ngọa cụ. Tôn giả nói:

«Đây là phòng. Đây là giường dây. Đây là giường cây. Đây là nệm lớn, nệm nhỏ. Đây là gối nằm. Đây là đồ trải đất. Đây là ống nhổ. Đây là đồ đựng nước tiểu. Đây là nơi đại tiện. Đây là tịnh địa. Đây là bất tịnh địa.»

Đức Thế tôn khen ngợi rằng:

«Trong hàng đệ tử của ta, người phân phối ngọa cụ cho Tăng, Đạp-bà-ma-la Tử là đệ nhất.»

Khi ấy, có tỳ-kheo Từ Địa[279] đến thành La-duyệt. Đạp-bà-ma-la Tử phân phối ngọa cụ cho tỳ-kheo khách, tùy theo thứ bậc thích hợp, kể từ hàng Thượng tọa. Tỳ-kheo Từ Địa kia là bậc hạ tọa ở trong chúng, nên nhận được phòng xấu, ngọa cụ xấu. Từ Địa bèn nổi sân nhuế, nói: ‹Đạp-bà-ma-la Tử thiên vị, ưa thích người nào thì phân phối phòng tốt, ngọa cụ tốt. Người nào không ưa thích thì trao phòng xấu, ngọa cụ xấu. Tại sao chúng tăng lại sai người có sự thiên vị như vậy mà phân phối ngọa cụ của Tăng?›

Sáng hôm sau, Đạp-bà-ma-la Tử, mời chư Tăng theo thứ tự đi phó trai.

Khi ấy, trong thành La-duyệt, có một đàn-việt thường mỗi năm lại thết một bữa cơm ngon để cúng dường Tăng. Từ Địa tỳ-kheo hôm ấy đến phiên được mời đến đó. Nhà đàn-việt kia nghe Từ Địa tỳ-kheo sẽ đến thọ thực theo thứ tự. Họ bèn trải phu cụ tệ xấu ngoài ngõ để đón, tọa cụ và thức ăn cũng tồi tệ dùng để thiết đãi. Tỳ-kheo Từ Địa nhận được thức ăn xấu như vậy lại càng sân nhuế, nói:

«Đạp-bà-ma-la Tử thiên vị, ưa thích người nào thì phân phối phòng tốt, ngọa cụ tốt. Người nào không ưa thích thì trao phòng xấu, ngọa cụ xấu. Ông không ưa chúng tôi nên trao cho tôi phòng xấu, ngọa cụ xấu. Sáng hôm nay vì không thích chúng tôi nên lại mời chúng tôi đến thọ thức ăn tồi. Tại sao chúng tăng lại sai tỳ-kheo có thiên vị như vậy là người vì Tăng phân phối ngọa cụ và mời Tăng đi phó trai?»

Bấy giờ, trong thành La-duyệt, có một tỳ-kheo-ni tên là Từ[280], em gái của tỳ-kheo Từ Địa, nghe tỳ-kheo Từ Địa đến thành La-duyệt, liền đến chỗ tỳ-kheo thăm hỏi:

«Đi đường xa có mệt nhọc không? Có vất vả lắm không?»

Với những lời thăm hỏi tốt đẹp như vậy, mà tỳ-kheo Từ Địa làm thinh không trả lời. Cô Tỳ-kheo-ni hỏi:

«Thưa đại đức! Em có lỗi gì mà Đại đức không đáp?»

Tỳ-kheo Từ Địa nói:

«Cần gì nói chuyện với cô? Tôi đang bị Đạp-bà-ma-la Tử quấy nhiễu, mà cô không thể trợ giúp tôi.»

Cô tỳ-kheo-ni hỏi:

«Muốn em làm những phương tiện gì để khiến Đạp-bà-ma-la Tử không quấy nhiễu Đại đức?»

Tỳ-kheo Từ Địa nói:

«Cô chờ khi nào Phật và Tăng tỳ-kheo họp, đến giữa chúng nói như vầy: ‹Thưa Chư Đại đức! Thật là điều không thiện, không thích hợp, không tốt đẹp, không tùy thuận, điều không nên, không hợp thời! Tôi vốn nương vào nơi không có sự sợ sệt, sự ưu não, tại sao ngày nay lại sanh sợ sệt ưu não? Tại sao trong nước lại sanh ra lửa? Đạp-bà-ma-la Tử nầy [588a1] đã phạm đến tôi.› Chúng Tăng liền hòa hợp làm pháp diệt tẩn. Như vậy, y không còn đến gây quấy nhiễu anh nữa.»

Cô tỳ-kheo-ni nói:

«Điều này có khó gì? Em có thể làm được.»

Rồi thì, tỳ-kheo-ni Từ đến giữa Tăng,… được nói như trên[281].

Lúc ấy, Đạp-bà-ma-la Tử ngồi cách Đức Phật không xa. Đức Thế tôn biết mà vẫn hỏi

«Ông có nghe những gì tỳ-kheo-ni này nói hay chăng?»

Tôn giả thưa:

«Bạch Thế tôn con có nghe. Thế tôn biết điều đó.»

Đức Thế tôn bảo:

«Nay không nên trả lời như vậy. Thật thì nói là thật. Không thật thì nói không thật.»

Đạp-bà-ma-la Tử nghe đức Thế tôn dạy như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên hữu, quỳ gối phải xuống đất, chấp tay bạch phật:

«Con từ khi sanh đến nay chưa từng nhớ trong mộng hành bất tịnh, huống là đối với lúc tỉnh mà hành bất tịnh.»

Đức Thế tôn bảo:

«Lành thay, lành thay, Đạp-bà-ma-la Tử, ông nên nói như vậy.»

Khi ấy, đức Thế tôn bảo các tỳ-kheo:

«Các ông nên kiểm vấn tỳ-kheo Từ Địa này. Chớ để có sự vu khống bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ cho Tỳ-kheo Đạp-bà-ma-la Tử là người thanh tịnh này. Nếu vu khống bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ thì mắc trọng tội.»

Các tỳ-kheo thưa rằng:

«Thật vậy, bạch Thế tôn.»

Các tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, tìm đến chỗ tỳ-kheo Từ Địa để kiểm vấn gốc ngọn:

«Việc này thế nào? Có thật vậy không? Chớ vu khống bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ. Tỳ-kheo Đạp-bà-ma-la Tử này là người thanh tịnh. Nếu vu khống bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ thì mắc trọng tội.»

Khi tỳ-kheo Từ Địa bị các tỳ-kheo cật vấn, báo cáo rằng:

«Tôi biết Đạp-bà-ma-la Tử là người phạm hạnh thanh tịnh, không có việc làm như vậy. Nhưng tôi đến thành La-duyệt, ông ấy vì Tăng phân phòng xá, ngọa cụ; đã trao cho chúng tôi phòng xấu, ngọa cụ xấu. Tôi liền sanh tâm bất nhẫn, nói: Đạp-bà-ma-la Tử có thiên vị. Thích ai thì phân cho phòng tốt, ngọa cụ tốt. Không thích ai thì phân cho phòng xấu, ngọa cụ xấu. Do không thích tôi nên chia cho tôi phòng xấu, ngọa cụ xấu. Rồi theo thứ tự mời thọ thực thì lại mời tôi đến chỗ có thức ăn dở. Do vậy, tôi càng thêm oán hận bội phần, nói rằng: Tại sao Tăng lại giao cho người có thiên vị như vậy phân chia phòng, ngọa cụ và phân chia thứ tự mời đi thọ thực? Nhưng Đạp-bà-ma-la Tử này lại người phạm hạnh thanh tịnh, không có việc làm như vậy.»

Trong các tỳ-kheo nghe, có vị thiểu dục tri túc, hành hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý hiềm trách tỳ-kheo Từ Địa:

«Tại sao ông vu khống Đạp-bà-ma-la Tử là người phạm hạnh bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ?»

Rồi các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn vì nhơn duyên nầy tập hợp các tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Từ Địa:

«Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao vu khống người phạm hạnh bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ?»

Đức Thế tôn nói với các tỳ-kheo:

«Có hai hạng người nhất định vào địa ngục. Hoặc chẳng phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh; hoặc vu khống người chơn phạm hạnh bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ. Hai hạng người nầy một mạch vào thẳng địa ngục.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Từ Địa rồi bảo các tỳ-kheo:

«Tỳ-kheo Từ Địa này là kẻ ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, vì giận hờn ấp ủ, đối với tỳ-kheo không phải ba-la-di, mà vu khống bằng pháp ba-la-di không căn cứ, muốn hủy hoại đời sống thanh tịnh của vị ấy. Về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự việc ấy được biết là không căn cứ, tỳ-kheo này nói rằng: ‹Tôi vì thù hận nên nói như vậy.› Tỳ-kheo nói như vậy, tăng-già-bà-thi-sa.

---o0o---

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Sân nhuế: có mười ác pháp làm nhơn duyên cho nên sân. Trong mười pháp, mỗi một pháp đều làm phát sinh sân.

Căn cứ : có ba căn. Căn cứ do thấy, căn cứ do nghe, căn cứ do nghi.

- Căn cứ do thấy: thật thấy phạm phạm hạnh; thấy trộm năm tiền hay hơn năm tiền; thấy đoạn mạng người. Nếu người khác thấy mà mình nghe từ họ thì gọi là căn cứ do thấy.

- Căn cứ do nghe: nếu nghe nói phạm phạm hạnh; nghe nói trộm năm tiền hay hơn năm tiền; nghe nói đoạn mạng người; nghe nói tự khen ngợi đắc pháp thượng nhơn. Nếu người kia nói mà nghe từ người khác thì gọi là căn cứ do nghe.

- Căn cứ do nghi: có hai loại sanh ra nghi, từ thấy sanh ra nghi, từ nghe sanh ra nghi. Từ thấy sanh nghi, như thấy cùng người nữ vào trong rừng, hay từ rừng đi ra, không có

y, lõa hình, nam căn không trong sạch, thân bị nhớp; tay cầm dao có dính máu, cùng ác tri thức làm bạn. Đó gọi là từ thấy sanh ra nghi. Từ nghe sanh nghi, hoặc trong chỗ tối nghe tiếng giường kêu, hoặc nghe tiếng nệm cỏ chuyển động, hoặc nghe tiếng thân động, hoặc nghe tiếng thì thầm nói khẽ, hoặc nghe tiếng giao hội, hoặc nghe nói «Tôi phạm phạm hạnh»; nghe tiếng nói trộm năm tiền hay hơn năm tiền nghe tiếng nói «Tôi giết người»; hoặc nghe nói «Tôi được pháp thượng nhơn.» Đó gọi là từ nghe sanh nghi.

Trừ ba căn nầy ra, nếu dùng pháp khác để vu khống, thì gọi là không căn cứ.

---o0o---

D. PHẠM TƯỚNG

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy phạm ba-la-di, không nghe phạm ba-la-di, không nghi phạm ba-la-di lại nói: «Tôi thấy, nghe, nghi, người kia phạm ba-la-di.» Bằng pháp vô căn để hủy báng, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy phạm ba-la-di, không nghe phạm ba-la-di, không nghi phạm ba-la-di, lại sanh ý tưởng thấy, nghe, nghi, sau đó quên mất ý tưởng nầy, nói: «Tôi thấy, nghe, nghi, người kia phạm ba-la-di.» Bằng pháp vô căn để vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy, nghe, nghi người kia phạm ba-la-di. Đối với người kia có nghi, sau đó lại nói, «Tôi trong đây không nghi.» Nhưng lại nói, «Tôi thấy, nghe, nghi.» Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy, nghe, nghi người kia phạm ba-la-di, mà đối với người kia sanh

nghi, sau đó lại quên mất nghi, bèn nói: «Tôi thấy, nghe, nghi.» Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy, nghe, nghi người kia phạm ba-la-di, mà trong đây không nghi. Nhưng lại nói, «Tôi trong đây có nghi là tội phạm ba-la-di được thấy, được nghe, được nghi.» Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy, nghe, nghi người kia phạm ba-la-di. Trong đây không nghi, sau đó quên là đã không nghi, nhưng lại nói: «Tôi thấy, nghe, nghi người kia phạm ba-la-di.» Bằng pháp không căn cứ mà [589a1] vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm ba-la-di, mà nói, «Tôi nghe và nghi người kia phạm ba-la-di.» Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm ba-la-di. Mà trong đó tưởng là thấy, sau đó quên ý tưởng nầy, lại nói, «Tôi nghe và nghi người kia phạm ba-la-di.» Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm ba-la-di. Trong đây có nghi, lại nói: Trong đây không có nghi. «Tôi nghe và nghi người kia phạm ba-la-di.» Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm ba-la-di. Trong đây có nghi, sau quên, lại nói: «Tôi nghe và nghi người kia phạm ba-la-di.» Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm ba-la-di. Trong đây không nghi, lại nói: Tôi có nghi.

«Tôi nghe và nghi người kia phạm ba-la-di.» Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm ba-la-di Trong đây không nghi, sau đó quên điều không nghi, lại nói: «Tôi nghe, nghi người kia phạm ba-la-di.» Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa[282].

Nghe nghi cũng như vậy. (Trong đây có các câu, nhưng văn dài dòng không chép ra.)[283]

Nếu tỳ-kheo bằng bốn sự[284] không căn cứ để vu khống tỳ-kheo, nói rõ ràng, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư, sai sứ, hoặc làm dấu hiệu mà được nhận thức rõ ràng, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm thâu-lan-giá.

Trừ bốn ba-la-di, dùng các pháp phi tỳ-kheo khác để vu khống, nói: «Ông phạm biên tội, phạm tỳ-kheo-ni, với tâm giặc thọ giới, phá nội ngoại đạo, huỳnh môn, giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm thân Phật xuất huyết, phi nhân, súc sanh, hai căn.»[285] Nói rõ ràng, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng, phạm thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư, sai sứ, hoặc làm dấu hiệu mà được nhận thức rõ ràng, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm thâu-lan-giá.

Ngoại trừ chẳng phải pháp tỳ-kheo nầy, lại dùng pháp không căn cứ khác để vu khống tỳ-kheo, theo trước mà phạm.

Nếu dùng tám pháp ba-la-di không căn cứ để vu khống tỳ-kheo-ni, nói rõ ràng, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng, phạm thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư, sai sứ, hoặc làm dấu hiệu mà được nhận thức rõ ràng, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm thâu-lan-giá.

Trừ tám pháp ba-la-di này, mà dùng các phi pháp tỳ-kheo-ni không căn cứ khác, để hủy báng, rõ ràng, tăng-già-bà-thi-

sa; không rõ ràng, phạm thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư, sai sứ, hoặc làm dấu hiệu mà được nhận thức rõ ràng, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm thâu-lan-giá.

Trừ pháp phi tỳ-kheo-ni, lại dùng pháp không căn cứ khác vu khống tỳ-kheo-ni, theo trước mà phạm.

Trừ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni ra nếu dùng tội không căn cứ vu khống người khác phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, phạm đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: dùng căn cứ thấy, nghe, nghi mà nói sự thật, nói giỡn chơi, nói gấp gáp, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc nầy nhầm nói việc khác thì không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

IX. GIẢ CĂN BÁNG

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại La-duyệt-kỳ[286]. Bấy giờ, tỳ-kheo Từ Địa từ trên núi Kỳ-xà-quật đi xuống, thấy con dê đực lớn cùng với con dê cái đang hành dâm. Thấy vậy, bèn nói với nhau bảo rằng:

«Con dê đực này là Đạp-bà-ma-la Tử. Con dê cái là tỳ-kheo-ni Từ . Nay, ta sẽ nói với các tỳ-kheo rằng: ‹Trước kia, tôi đã vu khống Đạp-bà-ma-la Tử bằng pháp được nghe không căn cứ. Nay chúng tôi tự mắt thấy Đạp-bà Ma-la Tử hành dâm với tỳ-kheo-ni Từ.›»

Sau đó liền đến chỗ các tỳ-kheo nói:

«Trước kia, tôi đã vu khống Đạp-bà-ma-la Tử bằng pháp được nghe không căn cứ. Nay chúng tôi tự mắt thấy Đạp-bà-ma-la Tử hành dâm với tỳ-kheo-ni Từ.»

Các Tỳ-kheo hỏi:

«Việc này như thế nào? Các ông chớ nên dùng pháp không căn cứ vu khống Đạp-bà-ma-la Tử là người tu phạm hạnh. Vu khống người tu phạm hạnh bằng pháp không căn cứ mắc tội rất nặng.»

Lúc bấy giờ, tỳ-kheo Từ Địa sau khi bị các tỳ-kheo cật vấn, liền nói:

«Đạp-bà-ma-la Tử không có việc ấy. Đó là người thanh tịnh. Vừa rồi chúng tôi từ trên núi Kỳ-xà-quật đi xuống, thấy con dê đực cùng với con dê cái hành dâm, nên chúng tôi liền tự bảo nhau rằng: ‹Con dê đực này là Đạp-bà-ma-la Tử. Con dê cái là tỳ-kheo-ni Từ. Hôm nay chính mắt chúng ta thấy việc ấy. Chúng ta sẽ đến chỗ các tỳ-kheo để tố cáo: Trước đây, tôi bằng pháp được nghe không căn cứ mà vu khống Đạp-bà Ma-la Tử. Nay chính mắt tôi tự thấy Đạp-bà cùng tỳ-kheo-ni hành dâm.› Song, Đạp-bà-ma-la Tử là người thanh tịnh. Thật không có việc ấy.»

Trong các tỳ-kheo nghe, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách tỳ-kheo Từ Địa:

«Tại sao các ông lại vu khống Đạp-bà-ma-la Tử, là người thanh tịnh, bằng ba-la-di không căn cứ của sự việc thuộc phần sự khác?»

Các tỳ-kheo liền đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Từ Địa:

«Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Đạp-bà-ma-la Tử tu phạm hạnh. Tại sao các ông lại vu khống Đạp-bà-ma-la Tử bằng ba-la-di không căn cứ của việc thuộc phần sự khác?»

Đức Thế tôn quở trách tỳ-kheo Từ Địa, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Tỳ-kheo Từ Địa này là kẻ ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, vì giận hờn, dựa vào tiểu tiết trong phần sự khác, đối với tỳ-kheo không phải là ba-la-di, mà vu khống bằng pháp ba-la-di không có căn cứ, muốn hủy hoại đời sống phạm hạnh của vị ấy, về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự việc ấy được biết là dựa lấy tiểu tiết trong phần sự khác, Tỳ-kheo này tự nói rằng: ‹Tôi vì thù hận nên nói như vậy.› Tỳ-kheo nào nói như vậy, tăng-già-bà-thi-sa.

---o0o---

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Sân nhuế: như trước đã nói.

Phần sự khác[287]: tỳ-kheo phạm ba-la-di, nói là thấy phạm ba-la-di, vu khống bằng pháp không căn cứ thuộc phần sự khác, tăng-già-bà-thi-sa.

---o0o---

D. PHẠM TƯỚNG

Nếu tỳ-kheo không phạm ba-la-di mà gọi là phạm, tăng-già-bà-thi-sa.

Bằng pháp ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo không phạm ba-la-di, nhưng thấy vị ấy phạm ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kiết-la, ác thuyết, mà vu khống bằng pháp ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo phạm tăng-già-bà-thi-sa, nhưng vị ấy nói phạm ba-la-di, mà vu khống bằng pháp ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo phạm tăng-già-bà-thi-sa, nhưng vị ấy nói phạm ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kiết-la, ác thuyết, mà vu khống bằng pháp ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác, tăng-già-bà-thi-sa.

Người không thanh tịnh giống người không thanh tịnh[288], hay cùng tên, cùng họ, đồng tướng; lấy sự của việc người này vu khống cho người kia, bằng pháp ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người không thanh tịnh giống người thanh tịnh, đồng tên, đồng họ, đồng tướng; lấy sự việc của người này vu khống cho người kia, bằng pháp ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người thanh tịnh giống người không thanh tịnh, đồng tên, đồng họ, đồng tướng; lấy sự việc của người này vu khống cho người kia, bằng [590a1] pháp ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người thanh tịnh giống người thanh tịnh, đồng tên, đồng họ, đồng tướng; lấy sự việc của người này vu khống cho người kia, bằng pháp ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc thấy người ấy lúc còn tại gia mà phạm dâm, trộm năm tiền hoặc hơn năm tiền, hoặc giết người, bèn nói với người rằng: «Tôi thấy tỳ-kheo phạm dâm, trộm năm tiền, hơn năm tiền, nghe giết người.» Bằng pháp ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc nghe nói người ấy lúc còn tại gia mà phạm dâm, nghe nói trộm năm tiền hoặc hơn năm tiền, nghe nói giết người, nghe nói tự xưng được pháp Thượng nhơn, bèn nói: «Tôi nghe nói người kia phạm dâm, nghe nói trộm năm tiền hoặc hơn năm tiền, nghe nói giết người, nghe nói tự xưng được pháp Thượng nhơn.» Bằng pháp ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo tự nói nghe có tiếng vang rằng: «Tôi phạm dâm, nghe nói trộm năm tiền hoặc hơn năm tiền, nghe nói giết người, nghe nói tự xưng được pháp Thượng nhơn.› Bằng pháp ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tỳ-kheo bằng bốn sự pháp[289] không căn cứ thuộc phần sự khác[290] để vu khống tỳ-kheo, nói rõ ràng, phạm tăng-già-bà-thi-sa; nói không rõ ràng, phạm thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, hoặc viết thư, hoặc sai sứ, làm dấu hiệu cho biết

dấu được nhận biết rõ ràng, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng, phạm thâu-lan-giá.

Trừ bốn ba-la-di, bằng pháp phi tỳ-kheo khác, không căn cứ, thuộc phần sự khác, mà hủy báng, nói: ‹Ông phạm biên tội, cho đến, hai hình, chi tiết như trên;› nói mà hiểu được, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được, phạm thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư từ, sai người, làm hiệu cho biết, nếu hiểu được, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được phạm thâu-lan-giá.

Trừ những sự trên, nếu dùng các pháp khác không căn cứ thuộc phần sự khác để vu khống tỳ-kheo, tùy theo trước mà phạm.

Nếu tỳ-kheo dùng tám pháp ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác để vu khống tỳ-kheo-ni, nói mà hiểu được, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được, phạm thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư từ, sai người, ra dấu cho biết, nếu hiểu được, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được, phạm thâu-lan-giá.

Ngoài tám ba-la-di, dùng các pháp phi tỳ-kheo-ni khác thuộc phần sự khác để vu khống, nói mà hiểu được, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được, phạm thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư từ, sai sứ, ra dấu cho biết, nếu hiểu được, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được, phạm thâu-lan-giá. Trừ pháp phi tỳ-kheo-ni, nếu dùng các pháp khác không căn cứ thuộc phần sự khác để vu khống tỳ-kheo-ni, tùy trường hợp phạm.

Trừ vu khống tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni, dùng pháp không căn cứ thuộc phần sự khác để vu khống người khác, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, da-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: căn cứ do thấy, do nghe, do nghi căn mà nói đúng sự thật, nói giỡn cợt, nói gấp gáp, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc nầy nhầm nói việc khác thì không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

X. PHÁ TĂNG

A. DUYÊN KHỞI

1. CÁC VƯƠNG TỬ HỌ THÍCH

Một thời, đức Phật ở A-nô-di-giới, nước Di-ni-sưu[291]. Bấy giờ, các hào tộc Thích tử với đức tin kiên cố, theo đức Thế tôn cầu xuất gia. Bấy giờ, có hai anh em họ Thích. Một người tên là A-na-luật[292]. Người kế tên là Ma-ha-nam[293] . A-na-luật được mẹ yêu mến, không muốn rời xa mắt. Bà cho xây cất cung điện ba mùa xuân, hạ, đông, và cung cấp các thể nữ để cho mặc tình hưởng thụ ngũ dục.

Khi ấy, Ma-ha-nam nói với A-na-luật:

«Hiện nay con cháu hào tộc của giòng họ Thích do tín tâm kiên cố thảy đều theo Thế tôn cầu xin xuất gia. Riêng nhà ta không có một người nào xuất gia. Anh hãy trông coi gia nghiệp, từ việc công đến việc tư, em xin giao hết. Em muốn xuất gia. Nếu anh không thể được thì em sẽ duy trì gia nghiệp để anh đi xuất gia.»

A-na-luật nói:

«Hiện tại, anh không thể xuất gia. Em có thể đi đi.»

Ma-ha-nam nói như vậy ba lần. A-na-luật cũng trả lời như vầy:

«Anh không thể xuất gia.»

Ma-ha-nam nói với A-na-luật:

«Nếu anh không thể xuất gia thì em cáo bạch để cho anh duy trì gia nghiệp. Anh trông coi người làm, sửa sang nhà cửa, phụng sự tôn trưởng và các người thân tộc; ra vào nơi vương sở, với oai nghi lễ tiết phải như vậy; cày ruộng, gieo trồng sao cho đúng thời vụ.»

A-na-luật bảo:

«Những điều em vừa nói, hết sức là phiền toái. Anh không thể kham được. Tại sao em không nói, anh hãy mặc tình hưởng thụ ngũ dục, còn việc nhà cửa em sẽ lo liệu? Anh muốn vì lòng tin theo Thế tôn cầu xuất gia.»

Ma-ha-nam nói:

«Anh cần đến từ giã mẹ.»

A-na-luật liền đến chỗ mẹ, thưa:

«Mẹ nghe con nói. Hiện nay các con cái dòng họ Thích tử đều có người xuất gia. Riêng nhà mình không có người nào đi xuất gia. Nay con muốn đến chỗ đức Thế tôn cầu xin xuất gia. Nếu mẹ cho phép, con sẽ xuất gia tu hạnh thanh tịnh.»

Bà mẹ nói:

«Mẹ chỉ có hai đứa con. Tình yêu thương rất sâu đậm. Một chút cũng không muốn xa rời con mắt. Nay làm sao để cho con xuất gia được? Cho đến chết, còn không muốn rời, huống là còn sống mà lại cách biệt!»

A-na-luật ba lần như vậy thưa mẹ xin xuất gia. Bà mẹ cũng như vậy ba lần từ chối: «Mẹ không để con đi!»

A-na-luật ba lần cầu xin mẹ đi xuất gia. Bà liền suy nghĩ: «Nên làm cách nào để khiến con đừng đi xuất gia?» Rồi bà lại nghĩ: «Thích tử Bạt-đề[294] được mẹ rất yêu mến, tất không cho xuất gia. Ta nên nói với A-na-luật: ‹Nếu mẹ của Bạt-đề cho Bạt-đề xuất gia thì mẹ cũng sẽ cho con xuất gia.›» Nghĩ như vậy rồi, bà nói với A-na-luật. A-na-luật nghe mẹ nói như vậy, liền đến chỗ Bạt-đề, nói:

«Anh nay biết không? Các Thích tử đều xuất gia. Song chúng ta chưa có người xuất gia. Hai người chúng ta có thể cùng nhau đi xuất gia.»

Bạt-đề bảo:

«Tôi không kham xuất gia. Anh muốn xuất gia thì tùy ý.»

A-na-luật ba lần khuyên. Bạt-đề cũng ba lần trả lời:

«Tôi không xuất gia.»

A-na-luật bảo:

«Hôm nay, việc xuất gia của tôi một phần tùy thuộc nơi anh.»

Bạt-đề đáp lại:

«Tại sao việc xuất gia của anh một phần tùy thuộc tôi?»

A-na-luật đáp:

«Tôi xin phép mẹ xuất gia. Mẹ tôi nói với tôi: ‹Nếu con có thể khiến Bạt-đề xuất gia thì mẹ sẽ cho con đi xuất gia.› Lý do là vậy.»

Bạt-đề bảo:

«Được rồi. Anh chờ một chút, để tôi đi thưa với mẹ tôi.»

Bạt-đề tử liền đến chỗ mẹ, quỳ mọp thưa:

«Nay mẹ có biết không? Các con nhà họ Thích đều xuất gia. Duy chỉ có một nhà mình là không. Nay tin tưởng muốn theo Thế tôn cầu xuất gia. Mẹ cho con đi!»

Bà mẹ bảo:

«Mẹ không cho con xuất gia. Vì sao? Mẹ chỉ có một mình con. Mẹ rất thương yêu, không muốn xa con dù chỉ trong chốt lát. Cho đến khi chết mẹ cũng không muốn rời, huống là hiện sống mà phải cách biệt.»

[591a1] Bạt Đề thưa xin xuất gia như vậy ba lần. Bà mẹ cũng ba lần trả lời không thuận cho.

Bà mẹ thấy con lòng rất chí thiết, nên tự nghĩ: «Ta sẽ làm cách nào để khiến con ta đừng xuất gia?» Rồi bà suy nghĩ: «Mẹ của A-na-luật rất yêu mến con của bà. Tất không cho con xuất gia. Nếu mẹ của A-na-luật cho con xuất gia thì ta cũng cho con ta đi xuất gia.» Nghĩ như vậy rồi liền nói với Bạt-đề:

«Nếu mẹ của A-na-luật cho con của bà đi xuất gia thì mẹ cũng sẽ cho con đi xuất gia.»

Khi ấy, Bạt-đề Thích tử đến chỗ A-na-luật nói:

«Mẹ tôi đã cho tôi đi xuất gia. Chúng ta nay có thể hoãn thời gian bảy năm để ở tại nhà, hưởng thụ ngũ dục đến mức tối đa, sau đó sẽ xuất gia.»

A-na-luật bảo:

«Bảy năm lâu quá, mạng người vô thường.»

Bạt-đề lại nói:

«Không thể bảy năm thì có thể sáu năm, hoặc năm, bốn, hai, một năm ở tại nhà để thụ hưởng ngũ dục.»

A-na-luật lại nói:

«Một năm lâu quá. Tôi không thể chịu nổi, vì mạng người vô thường.»

Bạt-đề nói:

«Không thể một năm thì có thể bảy tháng, để thụ hưởng ngũ dục.»

A-na-luật nói:

«Bảy tháng lâu quá. Tôi không thể chịu nổi, vì mạng người vô thường.»

Bạt-đề nói:

«Không chịu nói bảy tháng thì sáu, năm, bốn, ba, hai, một tháng để chúng ta cùng nhau thụ hưởng ngũ dục.»

A-na-luật nói:

«Một tháng lâu quá. Tôi không thể chịu nổi, vì mạng người vô thường.»

Bạt-đề tử nói:

«Nếu không thể một tháng thì có thể trong bảy ngày, để cùng nhau hưởng thụ dục lạc.»

A-na-luật nói:

«Bảy ngày thì không xa. Nếu hết bảy ngày mà anh có thể xuất gia thì tốt, bằng không thì tôi sẽ xuất gia.»

Rồi trong bảy ngày đó các Thích tử cùng nhau thụ hưởng ngũ dục với mức tối đa theo ý mình. Khi hết bảy ngày, Thích

tử A-na-luật, Thích tử Bạt-đề, Thích tử Nan-đề, Thích tử Kim-tỳ-la, Thích tử Nan-đà, Thích tử Bạt-nan-đà, Thích tử A-nan-đà, Thích tử Đề-bà-đạt, ông thợ cạo Ưu-ba-ly là người thứ chín, đều tắm rửa sạch sẽ, dùng hương thoa nơi thân, chải tóc, mang châu anh lạc, cỡi voi ngựa lớn ra thành Ca-tỳ-la-vệ. Nhân dân trong nước thấy các Thích tử, cùng nhau bàn nói:

«Các Thích tử này trước đây thường tắm rửa thân thể, mang đồ anh lạc, cỡi voi ngựa lớn vào trong vườn dạo chơi, hôm nay chắc cũng vậy.»

Khi các Thích tử cỡi voi lớn đến bên trong ranh giới, xuống voi, cỡi y phục, chuỗi anh lạc, và luôn cả voi, ngựa trao cho Ưu-ba-ly nói rằng:

«Nhà ngươi thường nương nhờ chúng tôi để sống. Nay, chúng tôi xuất gia. Cho nhà ngươi y phục quý báu và voi lớn này để nhà ngươi làm phương tiện nuôi sống.»

Khi các Thích tử tiến về phía trước, đến A-nậu-di[295], nước Di-ni; ở phía sau, Ưu-ba-ly trong lòng suy nghĩ: «Ta vốn nhờ Thích tử nầy mà có được sự sống. Nay với lòng tin họ bỏ ta, theo Thế tôn cầu xin xuất gia. Nay ta hãy theo họ xuất gia. Nếu họ có sở đắc thì ta cũng sẽ đắc.»

Ưu-ba-ly liền dùng tấm lụa trắng gói y phục quý báu và anh lạc lại, đem treo trên cây cao, với ý nghĩ: «Ai đến lấy thì cho.» Ưu-ba-ly tiến đến chỗ các Thích tử và thưa họ rằng:

«Sau khi quý vị đi, tôi liền khởi ý nghĩ: ‹Ta vốn nhờ Thích tử nầy mà có được sự sống. Nay với lòng tin họ bỏ ta, theo Thế tôn cầu xin xuất gia. Nay ta hãy theo họ xuất gia. Nếu họ có sở đắc thì ta cũng sẽ đắc.›»

Khi ấy, các Thích tử cùng Ưu-ba-ly dẫn nhau đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, lui đứng qua một bên, bạch với đức Phật:

«Bạch Thế tôn! Chúng con đã được cha mẹ cho phép xuất gia. Cúi xin Đại đức cho chúng con được xuất gia. Cúi mong Thế tôn, độ cho Ưu-ba-ly trước nhất. Vì sao? Vì chúng con có nhiều kiêu mạn và muốn trừ kiêu mạn ấy.»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn, trước hết độ cho Ưu-ba-ly, kế đến độ Thích tử A-na-luật, kế đến Thích tử Bạt-đề, kế đến Thích tử Nan-đề, kế đến Thích tử Kim-tỳ-la, kế đến Thích tử Nan-đà. Ưu-ba-ly thọ đại giới là bậc Thượng tọa trên hết. Khi ấy, có vị đại Thượng tọa tên là Tỳ-la-trà[296], độ riêng Thích tử A-nan-đà. Ngoài ra các thượng tọa khác độ Thích tử Bạt-nan-đà, và Thích tử Đề-bà-đạt

Khi đức Thế tôn độ các Thích tử rồi, Ngài bảo họ đến nước Chiêm-bà. Sau khi các Thích tử nhận sự giáo thọ của đức Thế tôn và các Thượng tọa rồi, đến nước kia, mỗi người đều tự tư duy, chứng tăng thượng địa. Đề-bà-đạt-đa đặng thần tức. Khi ấy, Bạt-đề Thích tử ở một mình nơi a-lan-nhã, dưới bóng cây, trong bãi tha ma, tu tập tư duy. Đến cuối đêm, lớn tiếng nói rằng: «Sung sướng thay! Sung sướng thay!» Các tỳ-kheo ở gần ở bên nghe và nghĩ: «Tỳ-kheo Bạt-đề này, vốn khi ở đời, thường hưởng thụ ngũ dục. Nay xả bỏ vinh hoa kia mà xuất gia hành đạo, sống một mình nơi a-lan-nhã, dưới bóng cây, trong bãi tha ma, đến cuối đêm, tự mình nói rằng: ‹Sung sướng thay! Sung sướng thay!› Thích tử Bạt-đề nầy há không phải nhớ lại lúc còn ở nhà hưởng thụ ngũ dục nên tự nói: ‹Sung sướng thay! Sung sướng thay!›?»

Sáng hôm sau, các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này trình bày rõ ràng với đức Thế tôn. Đức Thế tôn bảo một tỳ-kheo:

«Ông đến gọi gấp Tỳ-kheo Bạt-đề đến đây!»

Tỳ-kheo vâng lời đức Phật, đến nói với tỳ-kheo Bạt-đề rằng:

«Đức Thế tôn kêu người đến gấp.»

Tỳ-kheo Bạt-đề liền đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế tôn biết mà vẫn có hỏi Bạt-đề:

«Có thật ông một mình ở nơi a-lan-nhã, trong bãi tha ma, dưới bóng cây, rồi đến giữa đêm tự kêu lên: ‹Sung sướng thay! Sung sướng thay!› ?»

Bạt-đề thưa:

«Bạch Thế tôn, có thật như vậy.»

Phật hỏi Bạt-đề:

«Ông quan sát ý nghĩa gì mà tự kêu lên: ‹Sung sướng thay! Sung sướng thay!›?»

Bạt-đề thưa:

«Trước đây, khi con ở nhà, bên trong lẫn bên ngoài thường được tự hộ vệ bằng đao gậy. Với sự vệ hộ như vậy mà còn có sự sợ hãi. Sợ kẻ giặc bên ngoài đến xâm đoạt mạng sống của con. Nhưng, nay con ở một mình nơi a-lan-nhã, dưới gốc cây, trong bãi tha ma, cho đến giữa đêm mà không thấy có sự sợ hãi nào, lông trong người không hề dựng đứng. Bạch Thế tôn, con nghĩ đến cái lạc của sự xuất ly, cho nên tự nói: ‹Sung sướng thay! Sung sướng thay!› như thế.»

Thế tôn liền khen:

«Lành thay, lành thay, thiện gia nam tử! Điều đó thích hợp để ông chí tín xuất gia, vui hạnh thanh tịnh.»

---o0o---

2. NHÂN DUYÊN A-XÀ-THẾ

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn ở núi Kỳ-xà-quật, tại La-duyệt-kỳ.

Lúc ấy, Vua Bình-sa[297] không có con. Vua liền tập hợp các bà-la-môn có khả năng về tướng số, khiến họ xem tướng các phu nhơn. Nhà Vua nói: «Người xem tướng các phu nhơn nầy, ai sẽ sanh được con.»

Bà-la-môn xem tướng xong, tâu:

«Phu nhơn trẻ, khỏe mạnh này sẽ sanh con. Nhưng sẽ là kẻ thù của Vua.» Vua nghe nói như vậy rồi, đêm đó cùng giao hợp với phu nhơn này. Bà ấy liền có thai. Sau đó, sanh một nam tử, tướng mạo đoan chánh. Vì khi chưa được sanh, bà-la-môn đã đoán định, nó sẽ là kẻ thù của Vua. Vì duyên cớ ấy cho nên đặt tên là Vị Sanh Oán[298] .

Vương tử này theo thời gian trưởng thành. Đề-bà-đạt-đa dùng sức thần thông khiến Vương tử hâm mộ.

Đề-bà-đạt-đa suy nghĩ rằng: «Ta cần nuôi đồ chúng.»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn ở tại nước Câu-thiểm-tỳ[299].Trong nước đó có một người tên là Ca-hưu-câu-la Tử[300]. Mạng chung, không bao lâu, ông này đã sanh hóa vào trong cõi trời Hoá tự tại[301]. Lúc ấy, Ca-hưu Thiên tử , vào giữa đêm, đến chỗ Đại Mục-kiền-liên, đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, bạch với Mục-liên rằng:

«Tâm của Đề-bà-đạt-đa muốn làm ác, nên sanh ý niệm: ‹Ta [592a1] muốn nuôi đồ chúng.›»

Ca-hưu Thiên tử nói như vậy rồi, đảnh lễ, nhiễu quanh, xong biến mất.

Khi đêm đã qua, Mục-liên đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Phật một cách đầy đủ. Đức Thế tôn hỏi Mục-liên:

«Ý ông nghĩ thế nào, như lời Ca-hưu Thiên tử nói, đúng thật chứ không nhầm lẫn chăng?»

Mục-liên thưa:

«Bạch Thế tôn, đúng như vậy.»

Đức Thế tôn bảo Mục-liên:

«Chớ nói như vậy. Ta không thấy có lời nói nào của Chư thiên, người đời các Ma, Phạm vương, Sa-môn, Bà-la-môn mà là như thật, không sai trái. Chỉ trừ có lời nói của Như Lai là không hư dối[302].»

Đức Phật bảo Mục-liên:

«Ở đời có năm việc tối tôn (sẽ nói ở sau[303]).»

Lúc bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa đến chỗ A-xà-thế, dùng sức thần thông bay lên hư không; hoặc hiện thân nói pháp, hoặc ẩn thân nói pháp, hoặc hiện nửa thân nói pháp, hoặc thân tuôn ra khói, hoặc thân tuôn ra lửa; hoặc biến thân làm hài nhi, thân mang anh lạc[304], ngồi lên đùi thái tử, rồi xoay nghiêng qua, mút ngón tay thái tử. Thái tử A-xà-thế thấy sự biến hóa này đâm ra hoãng sợ, lông trong người đều dựng ngược lên. Đề-bà-đạt-đa biết Thái tử hoảng sợ liền nói:

«Chớ sợ, chớ sợ!»

Thái tử hỏi:

«Ông là ai?»

«Tôi là Đề-bà-đạt-đa.»

Thái tử nói:

«Ông thật là Đề-bà-đạt-đa thì trở lại nguyên hình.»

Đề-bà-đạt-đa trở lại nguyên hình. Thái tử thấy rồi, liền tăng thêm lòng hâm mộ. Đã hâm mộ rồi, Thái tử lại tăng thêm sự cúng dường.

Bấy giờ, hằng ngày, A-xà-thế dùng năm trăm chiếc xe sáng chiều đến thăm hỏi và cung cấp năm trăm chõ đồ ăn thức uống.

Khi các Tỳ-kheo nghe A-xà-thế hằng ngày dùng năm trăm chiếc xe đến thăm hỏi Đề-bà-đạt-đa sáng chiều và cung cấp năm trăm chõ đồ ăn thức uống, họ liền đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

«Các ông, nên tự nhiếp tâm chớ sanh lòng tham đắm[305] những thứ lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đa. Vì sao? Chính vì A-xà-thế hằng ngày dùng năm trăm chiếc xe đến thăm hỏi sáng chiều, và cung cấp năm trăm chõ đồ ăn thức uống, nên làm cho Đề-bà-đạt-đa tăng thêm ác tâm. Ví như nam tử, đánh vào lỗ mũi con chó dữ, khiến cho chó kia càng thêm hung ác. Các Tỳ-kheo nên biết, ở đây cũng như vậy. Chính hằng ngày A-xà-thế dùng năm trăm chiếc xe đến thăm hỏi sáng chiều, và cung cấp năm trăm chõ đồ ăn thức uống, nên khiến cho ác tâm của Đề-bà-đạt-đa tăng thêm vậy.»

Lúc ấy, Vua Bình-sa nước Ma Kiệt nghe biết A-xà-thế hằng ngày dùng năm trăm chiếc xe đến thăm hỏi sáng chiều, và cung cấp năm trăm chõ đồ ăn thức uống cho Đề-bà-đạt-đa. Vua Bình-sa, hằng ngày cũng dùng bảy trăm chiếc xe đến thăm hỏi đức Thế tôn, và cung cấp bảy trăm chõ đồ ăn thức uống.

Lúc bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa nghe Vua Bình-sa dùng bảy trăm chiếc xe sáng chiều đến thăm hỏi đức Thế tôn, và cung cấp bảy trăm chõ đồ ăn thức uống. Do vì lợi dưỡng nên sanh tâm tật đố, Đề-bà-đạt-đa liền mất thần thông, bèn khởi ý nghĩ như vầy: «Nay ta nên chờ khi nào Phật cùng đại chúng hội hợp sẽ đến trước đức Phật, tha thiết thưa rằng: ‹Thế tôn tuổi đã già nua, thọ mạng hơn người, học đạo cũng lâu, nên yên sống nơi nhàn tịnh, mặc nhiên tự thủ. Đức Thế tôn là chủ

của các pháp, nên phú chúc Tăng cho con, con sẽ chăm sóc.›»

Nghĩ như vậy rồi, Đề-bà-đạt-đa chờ đại chúng tập hợp, liền đem ý nghĩ đó trình bày đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn bảo:

«Đối với Xá-lợi-phất, Mục-liên, ta còn không đem Tăng phú chúc cho, huống chi là đối với ông, người ngu si, mũi dãi đầy mình[306], đâu có thể đem Tăng phú chúc cho ông được!»

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa sanh ý niệm này: «Nay đức Thế tôn giữa đại chúng lại nói ta là người ngu si, mũi dãi đầy mình.» Do vậy, Đề-bà-đạt-đa liền sanh tâm bất nhẫn. Đây là lần đầu trong đời này, Đề-bà-đạt-đa sanh tâm bất nhẫn đối với Thế tôn.

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa đến chỗ A-xà-thế, nói:

«Đức Vua dùng chánh pháp trị dân cho nên được trường thọ. Sau khi Phụ vương băng hà thì ngài mới được lên ngôi. Lúc ấy, tuổi ngài đã già nua, sẽ không hưởng thụ ngũ dục được lâu. Nay ông hãy giết cha. Tôi sẽ giết Phật. Lúc bấy giờ, quốc giới Ma-kiệt có Vua mới, Phật mới trị nước giáo hóa, đâu há không vui sao?»

Vương tử bảo rằng:

«Có thể vậy.»

Vương tử liền hỏi Đề-bà-đạt-đa:

«Ngài cần những gì ?»

Đề-bà nói:

«Tôi cần một số người.»

Vương tử liền cung cấp người.

Đề-bà-đạt-đa sai hai người đến hại Phật, dạy rằng:

«Ngươi đến giết Phật rồi, đi về bằng con đường khác.»

Sau khi sai hai người ấy đi rồi, Đề-bà-đạt-đa lại sai bốn người nữa đi với lời dặn:

«Các ngươi đón đầu hai người kia. Gặp chúng thì giết. Rồi theo con đường khác mà về.»

Tiếp đó, lại sai tám người, cũng dặn:

«Các ngươi đón đầu bốn người kia. Gặp chúng giữa đường thì giết. Rồi theo con đường khác mà về.»

Cứ như vậy Đề-bà-đạt-đa lần lượt sai gấp đôi người lên, cho đến sáu mươi bốn người. Như vậy, đầu mối bị cắt đứt, không thể phân biệt, không biết ai hại Thế tôn.

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn ngồi trong hang Trư khảm[307];từ trong hang nầy đi ra, kinh hành dưới sườn núi. Đức Phật tự nghĩ rằng: «Nhân duyên Ta làm xưa kia, ngày hôm nay là kỳ hẹn.»

Khi ấy, hai người nhận lệnh của Đề-bà-đạt-đa liền mặc áo giáp, cầm đao trượng đi đến đức Thế tôn. Cả hai người đều tâm niệm: «Ta sẽ hại Phật.» Vừa sanh ý niệm này, tức thời không thể bước tới được. Họ liền nghĩ: «Thế tôn có đại thần đức, oai lực vô lượng. Chính đệ tử của Ngài cũng có thần lực. Chúng ta đâu có thể hại được đức Thế tôn.» Vừa sanh ý nghĩ này thì liền bước đến được. Từ xa, họ thấy tướng mạo đức Thế tôn đoan chánh, các căn tịch tịnh, được sự điều phục tối thượng, tịch diệt đệ nhất, các căn kiên cố, như con long tượng đã được huấn luyện, ý không thác loạn, như nước lóng trong, trong ngoài đều thấu suốt. Họ thấy như vậy, liền phát tâm hoan hỷ, buông bỏ đao trượng, vất vào một chỗ, tiến đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế tôn tuần tự vì hai người nói pháp vi diệu, khiến họ phát tâm hoan hỷ, khuyên họ tu thiện, nói bố thí, nói trì giới, nói tạo

phước sanh thiên; quở trách dục là bất tịnh, khen ngợi sự xuất ly. Hai người ngay nơi chỗ ngồi, hết các trần cấu, đặng pháp nhãn tịnh, thấy pháp, đắc pháp, liền bạch Phật rằng:

«Từ nay về sau, chúng con xin thọ ba tự quy: quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm người ưu-bà-tắc . Từ nay cho đến trọn đời không sát sanh, cho đến không uống rượu.»

Khi ấy, đức Thế tôn bảo hai người rằng:

«Các ngươi muốn trở về, nên đi con đường kia, không nên đi con đường này.»

Hai người liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi cáo lui.

Khi về đến chỗ Đề-bà-đạt-đa, họ báo cáo:

«Đức Thế tôn có đại thần lực, oai lực vô lượng. Đệ tử của ngài cũng có thần lực. Chúng tôi đâu có thể hại Thế tôn được.»

Đề-bà-đạt-đa đáp lại:

«Các ngươi hãy cút đi, diệt đi! Cần gì các ngươi? Tại sao hai người mà không thể giết một người?»

Đề-bà-đạt-đa đang trong cơn thịnh nộ ấy, đích thân đến núi Kỳ-xà-quật, tự tay mình cầm một tảng đá lớn, từ xa ném đức Thế tôn. Khi ấy, có một vị trời liền đón viên đá đặt lên trên đỉnh núi. Từ bên mép tảng đá đó, có một mảnh nhỏ văng ra, nhằm vào ngón chân Phật, làm chợt da chảy máu. Khi ấy, đức Thế tôn như con đại long quay nhìn bên hữu và nói:

«Chuyện chưa từng có! Người họ Cù-đàm lại làm việc này.»

Khi ấy, đức Thế tôn trở vào trong hang, tự lấy tăng-già-lê xếp thành bốn lớp làm gối, nằm nghiêng bên hữu như con

sư tử, hai gót chân chồng lên nhau, nhất tâm nhẫn thọ sự đau nhức cực kỳ.

Lúc bấy giờ, [593a1] một số đông tỳ-kheo nghe việc Đề-bà-đạt-đa sai người hại Phật; mỗi người cầm gậy, đá, bảo vệ quanh hang, lớn tiếng kêu réo. Phật từ trong hang nói ra, bảo các tỳ-kheo, ‹Các ông làm gì mà cầm gậy, đá đi quanh hang la lối như bọn người đánh cá la lối khi bắt được cá vậy?»

Các tỳ-kheo bạch Phật rằng:

«Vừa rồi, chúng con nghe Đề-bà-đạt-đa muốn đến hại Phật. Bởi vậy, chúng con cầm gậy, đá đến nơi hang. Sợ oan gia đến hại Thế tôn.»

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Các ông hãy trở về chỗ nghỉ, chuyên tâm tu tập. Pháp thường của chư Phật không cần được che chở. Vì sao? Vì đã thắng các oán địch. Tỳ-kheo các ông nên biết, Chuyển luân thánh vương mà bị hại bởi kẻ thù từ bên ngoài, là điều không thể có. Như Lai cũng lại như vậy. Không có trường hợp các điều ác đến hại Như Lai.»

Rồi Phật bảo các tỳ-kheo:

«Trong đời có năm hạng Tôn sư [308]: Những gì là năm?

«Hoặc có Tôn sư giới không thanh tịnh, tự xưng rằng: ‹Ta giới thanh tịnh.› Nhưng các đệ tử thân cận biết như thật điều đó nên nói: ‹Thầy của ta giới không thanh tịnh mà tự xưng là giới của ông thanh tịnh. Nếu ta đến nói với hàng bạch y, thầy của ta sẽ không vui. Thầy không vui thì không nên nói. Cứ để cho Thầy nhận sự cúng dường của thí chủ, sau đó sẽ tự biết.› Như vậy, nầy các tỳ-kheo, pháp của vị tôn sư trong đời kia là đệ tử vì giới mà bảo vệ. Thầy mong cầu đệ tử bảo vệ.

«Thứ hai, này các tỳ-kheo, hoặc có tôn sư hoạt mạng không thanh tịnh[309] mà tự xưng, ‹Ta hoạt mạng thanh tịnh.›... nói như trên.

«Thứ ba, này các tỳ-kheo, hoặc có người kiến huệ không thanh tịnh[310] mà tự xưng, ‹Ta kiến huệ thanh tịnh.›... nói như trên.

«Thứ tư, hoặc có người ngôn thuyết không thanh tịnh[311],mà tự xưng, ‹Ta ngôn thuyết thanh tịnh.›... nói như trên.

«Thứ năm, hoặc có người ở ngoài pháp luật[312], mà tự xưng, ‹Ta thanh tịnh ở trong pháp luật.›... nói như trên.

«Như vậy, nầy các tỳ-kheo, trong đời có năm loại được coi là pháp của tôn sư.

«Này các tỳ-kheo! Nay, Ta trì giới thanh tịnh cũng tự nói là: ‹Ta trì giới thanh tịnh.› Không khiến đệ tử bảo vệ Ta. Ta cũng không cầu đệ tử bảo vệ.

«Cũng vậy, này các tỳ-kheo, Ta hoạt mạng thanh tịnh, và cũng tự nói là, ‹Ta mạng thanh tịnh.›... nói như trên.

«Cũng vậy, này các tỳ-kheo, Ta kiến huệ của ta thanh tịnh, và xưng là, ‹Ta kiến huệ thanh tịnh.›... nói như trên.

«Cũng vậy, này các tỳ-kheo, Ta ngôn thuyết thanh tịnh, cũng tự nói là: ‹Ta ngôn thuyết thanh tịnh.›... nói như trên.

«Cũng vậy, này các tỳ-kheo, Ta ở trong pháp luật, cũng tự xưng là ‹Ta ở trong pháp luật.›... nói như trên.»

Khi ấy, đức Thế tôn bảo các tỳ-kheo:

«Các ông hãy sai Xá-lợi-phất cáo tri cho đại chúng bạch y biết rằng, ‹Những gì Đề-bà-đạt-đa làm đều không phải việc của Phật, Pháp, Tăng. Đó là Đề-bà-đạt-đa tự ý làm.› Nên bạch nhị yết-ma. Sai người biết làm yết-ma. Như sự việc trên mà tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay sai tỳ-kheo Xá-lợi-phất đến đại chúng bạch y cáo tri rằng, ‹Những gì Đề-bà-đạt-đa làm đều không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Nên biết, đó là điều do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm.› Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng lắng nghe. Tăng nay sai tỳ-kheo Xá-lợi-phất đến đại chúng bạch y cáo tri rằng, ‹Những gì Đề-bà-đạt-đa làm đều không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Nên biết, đó là điều do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm.› Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng sai tỳ-kheo Xá-lợi-phất đến đại chúng bạch y cáo tri rằng, ‹Những gì Đề-bà-đạt-đa làm đều không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Nên biết, đó là điều do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm› thì im lặng. Ai không đồng ý, hãy nói.»

«Tăng đã chấp thuận, Tăng sai tỳ-kheo Xá-lợi-phất đến đại chúng bạch y cáo tri rằng, ‹Những gì Đề-bà-đạt-đa làm đều không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Nên biết, đó là điều do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm› Vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.»

Xá-lợi-phất nghe lời nói nầy rồi, tâm sanh nghi, liền đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, thưa:

«Bạch Thế tôn, làm sao con có thể đến chúng bạch y nói việc xấu của ông ấy? Vì sao? Trước đây, con trước các bạch y đã khen ngợi điều hay của Đề-bà-đạt-đa rằng, ‹Xuất gia từ dòng họ lớn, thông minh, có đại thần lực, nhan mạo đoan chánh.›»

Phật bảo Xá-lợi-phất:

«Trước đây ông khen ngợi Đề-bà-đạt-đa rằng, ‹Xuất gia từ dòng họ lớn, thông minh, có đại thần lực, nhan mạo đoan chánh.› Sự thật có phải vậy không?»

Xá-lợi-phất thưa:

«Bạch Đại đức, sự thật là như vậy.»

«Cho nên, này Xá-lợi-phất, nay ông nên đến trong đại chúng bạch y, nói: ‹Trước đây Đề-bà-đạt-đa là như vậy, ngày nay là như vậy. Những gì Đề-bà-đạt-đa đã làm, không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Đó là do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm.›»

Tôn giả Xá-lợi-phất vâng lời đức Phật dạy rồi, đến trong đại chúng bạch y, nói, «Trước đây Đề-bà-đạt-đa là như vậy, ngày nay là như vậy. Những gì Đề-bà-đạt-đa đã làm, không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Đó là do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm.»

Khi ấy trong đại chúng có một số người chấp nhận Đề-bà-đạt-đa thì nói, «Sa-môn Thích tử vì sự cúng dường nên sanh tâm đố kỵ. Họ không vui khi Đề-bà-đạt-đa được sự cúng dường, cho nên nói giữa đại chúng rằng: ‹Những gì Đề-bà-đạt-đa làm không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng mà là do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm.›»

Trong đó những người hâm mộ Phật thì nói: «Hoặc có thể Đề-bà-đạt-đa đã làm, hoặc mới đương làm.»

Lúc bấy giờ, A-xà-thế bí mật dấu con dao bên trong chiếc áo, vội vàng lén vào trong cung để giết cha. Người giữ cửa phát giác, lục thấy trong người của A-xà-thế dấu một con dao, hỏi:

«Thái tử dấu con dao nầy đề làm gì?»

A-xà-thế trả lời:

«Ta muốn vào cung để hại Vua.»

Người giữ cửa hỏi:

«Ai dạy ông, sanh tâm như vậy?»

Vương tử nói:

«Đề-bà-đạt-đa dạy ta.»

Khi ấy, người giữ cửa liền đẫn đến chỗ các Đại thần, và báo cáo:

«A-xà-thế muốn hại Vua.»

Các Đại thần hỏi:

«Ai dạy ông điều đó?

Vương tử trả lời:

«Đề-bà-đạt-đa dạy tôi.»

Trong số các Đại thần có vị nói:

«Sa-môn họ Thích đều làm việc nầy. Phải giết hết.»

Có Đại thần lại nói:

«Không phải tất cả Sa-môn họ Thích đều làm việc ác. Đây chỉ là việc làm của Vương tử và Đề-bà-đạt-đa. Phải giết những người này.»

Có Đại thần lại nói:

«Không phải tất cả Sa-môn họ Thích đều làm việc ác. Đây chỉ là việc làm của Đề-bà-đạt-đa và A-xà-thế. Tuy là tội đáng chết, nhưng không nên giết. Vì sao vậy? Vua là vị vương trọng pháp, khi nghe ắt không vui.»

Khi ấy, người giữ cửa liền dẫn đến chỗ Vua Bình-sa, tâu:

«A-xà-thế nầy muốn hại Vua.»

Vua hỏi:

«Ai bảo ngươi làm điều đó?»

Vương tử thưa:

«Đề-bà-đạt.»

Trong số các Đại thần có vị nói:

«Sa-môn họ Thích tất cả đều làm việc nầy. Phải giết hết.»

Nhà Vua nghe câu nói nầy lòng không vui. Trong các Đại thần có người nói:

«Sa-môn Thích tử không phải làm ác hết, không nên giết hết. Đây chỉ là việc làm của Đề-bà-đạt-đa và A-xà-thế, thì nên giết họ mà thôi.»

Nhà Vua nghe lời nói nầy, lòng cũng không vui.

Trong số Đại thần, có vị nói:

«Sa-môn Thích tử không làm ác hết, không nên giết hết. Đây là việc làm của Đề-bà-đạt-đa và A-xà-thế. Hai người tuy đáng chết nhưng không nên giết. Tại sao vậy? Nhà Vua là vị pháp vương, khi nghe ắt người không vui.»

Vua Bình Sa hài lòng với ý kiến nầy, bảo các thần rằng:

«Tất cả Sa-môn Thích tử nầy không hẳn đều là ác, bởi vậy không nên giết hết. Đây là việc làm của Đề-bà-đạt-đa và A-xà-thế, song cũng không nên giết. Tại sao vậy? Trước đây đức Phật đã khiến Xá-lợi-phất báo khắp giữa đám đông rằng: ‹Những gì Đề-bà-đạt-đa đã làm, không phải việc của Phật, Pháp, Tăng mà là Đề-bà-đạt-đa tự ý làm.› Cho nên, không nên giết.»

Sau khi phụ vương quở trách Thái tử A-xà-thế rồi, bảo các Đại thần:

Có thể tha thứ cho Thái tử A-xà-thế.»

Sau đó liền thả cho đi.

Khi ấy, các Đại thần cùng nhau lớn tiếng nói:

«A-xà-thế làm việc tày trời, đáng chết, tại sao chỉ quở trách sơ [594a1] rồi thả?»

Lúc bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa đã sai người hại Phật, lại bảo A-xà-thế giết cha, tiếng ác lan tràn, lợi dưỡng bị đoạn tuyệt. Đề-bà-đạt-đa cùng đồng bọn gồm năm người đến từng nhà khất thực. Người thứ nhất tên là Tam-văn-đạt-đa; người thứ hai tên là Kiền-trà-đạt-ba; người thứ ba tên là Cấu-bà-ly; người thứ tư tên Ca-lưu-la-đê-xá[313] và bản thân của Đề-bà-đạt-đa là người thứ năm.

Khi ấy, các tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đa sai người hại Phật, lại bảo A-xà-thế giết cha, tiếng ác lan tràn, lợi dưỡng đoạn tuyệt, cùng đồng bọn năm người đến từng nhà khất thực, liền đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn, một cách đầy đủ. Đức Thế tôn vì nhân duyên này liền tập hợp đại chúng. Ngài biết mà vẫn hỏi Đề-bà-đạt-đa:

«Có thật ông dẫn bốn người đến từng nhà khất thực hay không?»

Đề-bà-đạt-đa thưa:

«Đúng như vậy, bạch Thế tôn.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Đề-bà-đạt-đa:

«Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao ông riêng rẽ dẫn bốn người đến từng nhà khất thực. Ta đã dùng vô số phương tiện nói, ‹Các ngươi hãy thương tưởng nhà bạch y.› Nay sao ông riêng rẽ dẫn bốn người đến từng nhà khất thực?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Đề-bà-đạt-đa rồi, liền bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau không được ăn riêng chúng, được phép cho đến ba người cùng ăn[314]. Có hai điều lợi nên phải như vậy. Một là vì nhiếp phục người khó điều phục. Hai là vì từ mẫn đối với nhà bạch y. Tại sao vậy? Vì sợ hạng người khó điều phục kia tự cấu kết tạo chúng riêng để gây phiền não chúng Tăng.»

Đề-bà-đạt-đa liền sanh ý niệm này: «Điều chưa từng có! Sa-môn Cù-đàm lại đi cắt miếng ăn của kẻ khác. Ta hãy phá Tăng luân[315] của ông ta. Sau khi ta qua đời có thể để lại tiếng là, ‹Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực, trí tuệ vô ngại, mà bị Đề-bà-đạt-đa phá Tăng luân của ông ta.›»

---o0o---

3. PHÁ TĂNG LUÂN

Rồi thì, Đề-bà-đạt-đa liền đến các tỳ-kheo đồng bạn nói rằng:

«Nay chúng ta có thể cùng nhau phá Tăng luân của Cù-đàm. Sau khi chúng ta chết có thể để lại tiếng là, ‹Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực, trí tuệ vô ngại, mà bị Đề-bà-đạt-đa phá Tăng luân của ông ta.›»

Khi ấy, một đồng bạn của Đề-bà-đạt-đa là Tam-văn-đạt-đa, trí tuệ tài cao, phát biểu:

«Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực. Cho đến đồ chúng đệ tử cũng lại như vậy. Làm sao chúng ta có thể phá được Tăng luân của người?»

Đề-bà-đạt-đa nói:

«Như Lai thường khen nói hạnh đầu-đà , thiểu dục, tri túc, ưa xuất ly. Nay, ta có năm pháp cũng là thắng pháp của đầu đà, thiểu dục, tri túc, ưa xuất ly: trọn đời khất thực, trọn đời mặc y phấn tảo, trọn đời ngồi nơi đất trống, trọn đời không ăn muối[316], trọn đời không ăn cá thịt[317]. Nay, ta trì năm

pháp này giáo hóa các tỳ-kheo đủ khiến cho họ tin ưa. Ta sẽ nói với các tỳ-kheo: ‹Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện khen ngợi người tu hạnh đầu đà, thiểu dục tri túc, ưa xuất ly. Nay, chúng ta có năm pháp cũng là thắng pháp đầu đà: trọn đời khất thực,… cho đến không ăn thịt cá. Hãy cùng nhau thực hành điều đó.› Tỳ-kheo tuổi nhỏ chắc sẽ thọ giáo. Tỳ-kheo thượng tọa sẽ ngại không tín thọ. Do phương tiện nầy có thể phá được Tăng luân kia.»

Bấy giờ, Tam-văn-đạt-đa nói với Đề-bà-đạt-đa rằng:

«Nếu làm như vậy, đủ để phá Tăng luân kia.»

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa liền dùng năm pháp trên, dạy các tỳ-kheo:

«Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện khen ngợi người tu hạnh đầu đà, thiểu dục, tri túc, ưa xuất ly. Nay, chúng ta có năm thắng pháp, cũng là hạnh đầu đà, thiểu dục, tri túc, ưa xuất ly: chúng ta trọn đời khất thực, trọn đời mặc y phấn tảo, trọn đời ngồi nơi đất trống, trọn đời không ăn muối, cá và thịt.»

Lúc bấy giờ, số đông tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đa dùng năm pháp như vậy dạy các tỳ-kheo, khiến họ tin ưa... chi tiết như trên.

Các tỳ-kheo nghe rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Hiện nay, Đề-bà-đạt-đa muốn đoạn bốn Thánh chủng[318].Những gì là bốn? Ta thường dùng vô số phương tiện nói, y phục cốt nhắm đến tri túc. Ta cũng khen nói, y phục cốt nhắm đến tri túc. Ta cũng dùng vô số phương tiện nói, thức ăn, giường nằm và ngọa cụ, thuốc thang để chữa bệnh cần nhắm đến tri túc. Các tỳ-kheo nên biết, nay Đề-bà-đạt muốn đoạn bốn thánh chủng.»

Rồi đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn cố hỏi Đề-bà-đạt-đa:

«Có thật ông dùng năm pháp dạy các tỳ-kheo hay chăng?» … chi tiết như trên.

Trả lời:

«Đúng vậy, bạch Thế tôn.»[319]

Bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Đề-bà-đạt-đa:

«Tại sao ông dùng năm pháp dạy các tỳ-kheo... (như trên). Này Đề-bà-đạt-đa, ông chớ nên đoạn bốn thánh chủng, (4 thánh chủng như trên đã nói). Này Đề-bà-đạt-đa, nay ông chớ nên phương tiện phá hòa hiệp Tăng, chớ chấp chặt phương tiện phá hòa hiệp Tăng, kiên trì không bỏ. Ông nên cùng Tăng hòa hiệp, không tranh chấp, cùng một thầy học như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có ích, sống an lạc. Bởi vậy cho nên, này Đề-bà-đạt-đa, ông nên biết, phá hòa hiệp Tăng là điều ác, gian nan, mắc đại trọng tội. Phá hòa hiệp Tăng đọa trong Nê-lê một kiếp, thọ tội không thể cứu vớt.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện khiến cho tâm phá Tăng của Đề-bà-đạt-đa tạm chấm dứt. Ngài dùng vô số phương tiện quở trách Đề-bà-đạt-đa rồi bảo các tỳ-kheo:

«Cho phép Tăng trao cho Đề-bà-đạt-đa pháp ha gián, can gián để bỏ sự việc này bằng cách bạch tứ yết-ma.»

Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, như trên đây mà tác bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Đề-bà-đạt-đa này muốn phương tiện phá hòa hiệp Tăng, kiên trì không bỏ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho pháp ha gián để bỏ việc này, nói rằng, ‹Đề-bà-đạt-đa, ông chớ phá

hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Đề-bà-đạt-đa, ông nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, đồng nhất như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới sống an lạc.› Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Đề-bà-đạt-đa này muốn thọ pháp phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Nay Tăng trao cho pháp ha can gián để bỏ sự việc này. ‹Đề-bà-đạt-đa, ông chớ phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Đề-bà-đạt-đa, ông nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, đồng nhất như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới sống an lạc.› Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng trao cho Đề-bà-đạt-đa pháp ha gián để bỏ việc này thì im lặng. Vị nào không chấp thuận xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. » (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

«Tăng đã chấp thuận trao cho Đề-bà-đạt-đa pháp ha gián để bỏ [595a1] việc nầy rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.»

Nên làm pháp ha gián như vậy, Tăng vì Đề-bà-đạt-đa làm pháp bạch tứ yết-ma ha gián như vậy rồi, các tỳ-kheo đem việc này bạch lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn bảo:

«Nếu có tỳ-kheo nào khác phương tiện muốn phá hòa hợp Tăng, cũng dùng pháp bạch tứ yết-ma ha gián này. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, muốn phá hoại hòa hợp Tăng, tiến hành phá hoại hòa hợp Tăng, chấp chặt pháp phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ[320]. Các Tỳ-kheo nên can gián tỳ-kheo này rằng: ‹Đại đức chớ phá hòa hợp Tăng, chớ tiến hành phá hoại hòa hiệp Tăng, chớ chấp chặt phá hoại hoài hợp Tăng kiên trì không bỏ. Đại đức, nên cùng Tăng hòa hợp, vì cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp, đồng một thầy học, hòa hợp như nước với sữa, thì ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích, sống an lạc.› Tỳ-kheo ấy được can gián như vậy ba lần cho bỏ việc ấy, cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt; nếu không bỏ, tăng-già-bà-thi-sa.

---o0o---

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Hòa hiệp: đồng một yết-ma, đồng một thuyết giới[321].

Tăng: có bốn tỳ-kheo, có năm tỳ-kheo, hoặc mười tỳ-kheo, cho đến vô số.

Phá: phá có mười tám việc: pháp, phi pháp, luật, phi luật, phạm, không phạm, hoặc nhẹ, hoặc nặng, có dư tàn, không dư tàn, thô ác, chẳng phải thô ác, thường sở hành, phi thường sở hành, chế, phi chế, thuyết, phi thuyết. Đó là mười tám việc.

Trụ pháp phá Tăng[322]: tức là trụ nơi mười tám việc này.

---o0o---

D. PHẠM TƯỚNG

Nếu tỳ-kheo tiến hành muốn phá hòa hợp Tăng[323], chấp chặt pháp phá Tăng[324] kiên trì không bỏ tỳ-kheo kia nên can gián[325] tỳ-kheo này rằng, ‹Đại đức chớ tiến hành muốn phá hòa hợp Tăng, chớ chấp chặt pháp phá Tăng kiên trì không bỏ. Đại đức nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp như nước với sữa, thì ở trong Phật pháp có sự tăng ích, sống an lạc. Đại đức nên bỏ việc này, đừng để Tăng tác pháp ha gián mà phạm trọng tội.» Nếu vị ấy nghe lời thì tốt; bằng không nghe lời thì lại nên khiến tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, hoặc Đại thần của Vua, các Sa-môn khác đạo, bà-la-môn đến nói. Nếu tỳ-kheo ở nơi khác mà nghe biết vị này tin dùng lời nói của họ thì nên đến nhờ nói.

Nếu vị này nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời thì nên tác bạch[326].Tác bạch rồi lại nói: «Đại đức, tôi đã tác bạch xong, còn các pháp yết-ma nữa. Nay ngài nên bỏ việc này, đừng để Tăng tác yết-ma mà phạm trọng tội.» Nếu vị ấy nghe lời thì tốt; bằng không nghe lời nên tác sơ yết-ma, rồi lại nói: «Đại đức, tôi đã tác sơ yết-ma rồi, còn hai yết-ma nữa. Ngài nên bỏ việc này, đừng để Tăng vì ngài tác yết-ma mà phạm trọng tội.» Nếu vị ấy nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời thì nên tác yết-ma lần thứ hai, rồi lại nói: «Đại đức, tôi đã tác yết-ma lần thứ hai rồi, còn một yết-ma nữa. Ngài nên bỏ

việc này, đừng để Tăng vì ngài tác yết-ma mà phạm trọng tội.» Nếu vị ấy bỏ thì tốt, bằng không bỏ thì tác pháp yết-ma lần thứ ba. Trao xong, vị ấy phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Yết-ma lần thứ hai xong mà bỏ, phạm ba thâu-lan-giá. Yết-ma lần thứ nhất xong mà bỏ, phạm hai thâu-lan-giá. Tác bạch xong mà bỏ, phạm một thâu-lan-giá. Bắt đầu tác bạch chưa xong mà bỏ, phạm một đột-kiết-la. Nếu tất cả chưa tác bạch, khi tiến hành muốn phá hòa hợp Tăng, chấp chặt phá hòa hợp Tăng kiên trì không bỏ, tất cả phạm đột-kiết-la.

Nếu khi Tăng đang tác yết-ma ha gián cho người phá Tăng mà có tỳ-kheo khuyến khích «Đừng bỏ.» Tỳ-kheo ấy phạm thâu-lan-giá. Nếu không phải là ha gián, tỳ-kheo ấy phạm đột-kiết-la. Nếu tỳ-kheo-ni xúi: «Đừng bỏ.» Cô ni này phạm thâu-lan-giá. Chưa tác pháp ha gián, cô ni xúi: «Đừng bỏ.» Cô ni ấy phạm đột-kiết-la. Trừ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, người khác xúi «Đừng bỏ.» Những người ấy phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni phạm tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni phạm đột-kiết-la. Đó là phạm.

Sự không phạm: bắt đầu can gián liền bỏ. Nếu phi pháp biệt chúng tác pháp ha gián; phi pháp hòa hợp chúng tác pháp ha gián; pháp biệt chúng, pháp tương tợ biệt chúng, pháp tương tợ hòa hợp, phi pháp, phi luật, phi giáo giới của Phật. Nếu tất cả chưa tác pháp ha gián. Hoặc vì phá ác hữu, ác tri thức; hoặc vì phá phương tiện muốn phá Tăng, can ngăn khiến không phá; hoặc phá phương tiện trợ việc phá Tăng; hai, ba người yết-ma; hoặc muốn tác yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni; hoặc vì Tăng, vì tháp, vì hai Hòa thượng, đồng Hòa thượng, vì A-xà-lê, đồng A-xà-lê, vì tri thức, làm tổn giảm, làm không có trú xứ. Vì những mục đích này mà phá, thì không phạm,

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XI. TÙY THUẬN PHÁ TĂNG

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại La-duyệt-kỳ. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa cố chấp chặt năm pháp này, và lại đến dạy các tỳ-kheo rằng:

«Thế tôn dùng vô số phương tiện thường khen nói người tu hạnh đầu đà, thiểu dục, tri túc, ưa xuất ly; thế thì trọn đời khất thực, mặc y phấn tảo, ngồi nơi đất trống, không ăn muối, không ăn thịt và cá.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo nói với Đề-bà-đạt-đa rằng:

«Ông chớ nên phá hoại hòa hợp Tăng, chớ nên chấp chặt pháp phá Tăng kiên trì không bỏ. Tại sao vậy? Cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích an lạc.»

Bấy giờ, bè đảng của Đề-bà-đạt-đa, tiến hành trợ giúp phá hoại hòa hợp Tăng, các tỳ-kheo ấy nói với các tỳ-kheo rằng:

«Các thầy chớ nên quở trách Đề-bà-đạt-đa. Những điều Đề-bà-đạt-đa là tỳ-kheo nói pháp ngữ, là tỳ-kheo luật ngữ. Những điều Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp nhận.»

Trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, hành đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách các tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa:

«Sao các Thầy lại nói Đề-bà-đạt-đa là tỳ-kheo nói đúng pháp, tỳ-kheo nói đúng luật; những gì Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp nhận?»

Các tỳ-kheo hiềm trách rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này

bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa:

«Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Vì sao các ông nói với các tỳ-kheo là: ‹Đừng quở trách những điều Đề-bà-đạt-đa nói. Đề-bà-đạt-đa là tỳ-kheo nói đúng pháp, tỳ-kheo nói đúng luật; những gì Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp nhận.›?»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa rồi bảo các tỳ-kheo:

«Cho phép Tăng trao cho các tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa pháp ha gián để bỏ việc này, bằng pháp bạch tứ yết-ma.»

Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. Các tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa này, thuận theo Đề-bà-đạt-đa, mà nói như vầy, ‹Tỳ-kheo các ngài chớ quở trách Đề-bà-đạt-đa. Tại sao vậy? Vì Đề-bà-đạt-đa là tỳ-kheo pháp ngữ, là tỳ-kheo luật ngữ. Những điều Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp nhận.› Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho các tỳ-kheo [596a1] bè đảng của Đề-bà-đạt-đa pháp ha gián để bỏ việc này. Rằng, ‹Các ngài chớ nên nói ‹Đề-bà-đạt-đa tỳ-kheo pháp ngữ, là tỳ-kheo luật ngữ. Những điều Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp thuận.› Song Đề-bà-đạt-đa chẳng phải là tỳ-kheo pháp ngữ, tỳ-kheo luật ngữ. Các ngài chớ nên phá hoại hòa hợp Tăng, mà nên trợ giúp hòa hợp Tăng. Đại đức cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp, như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích an lạc.› Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. Các tỳ-kheo bè đảng với Đề-bà-đạt-đa này, thuận theo Đề-bà-đạt-đa, mà nói như vầy, ‹Tỳ-kheo các ngài chớ quở trách Đề-bà-đạt-đa. Tại sao vậy? Vì Đề-bà-đạt-đa là tỳ-kheo pháp ngữ, là tỳ-kheo luật ngữ. Những điều Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp nhận.› Nay Tăng vì các tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa tác pháp ha gián để bỏ việc kia, rằng: ‹Đại đức chớ nên nói ‘Đề-bà-đạt-đa tỳ-kheo pháp ngữ, là tỳ-kheo luật ngữ. Những điều Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp thuận.’ Song Đề-bà-đạt-đa chẳng phải là tỳ-kheo pháp ngữ, tỳ-kheo luật ngữ. Các ngài chớ nên phá hoại hòa hợp Tăng, mà nên trợ giúp hòa hợp Tăng. Đại đức cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp, như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích an lạc.› Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng ha gián các tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa, khiến cho bỏ việc kia, thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.» (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

«Tăng đã chấp thuận tác pháp ha gián các tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa để bỏ việc kia rồi. Tăng chấp nhận cho nên im lặng. Việc nầy tôi ghi nhận như vậy.»

Nên tác pháp quở trách can ngăn các tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa bằng bạch tứ yết-ma như vậy. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, nếu có bè đảng cùng trợ giúp việc phá hoại hòa hợp Tăng như vậy, cũng nên tác pháp bạch tứ yết-ma ha gián như vậy. Từ nay trở đi, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, có bè đảng từ một, hoặc hai, hoặc ba, cho đến vô số. Các tỳ-kheo bè đảng ấy nói với các tỳ-kheo rằng: ‹Đại đức, chớ can gián tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo ấy là tỳ-kheo nói như pháp. tỳ-kheo ấy là tỳ-kheo nói như luật. Những điều tỳ-kheo ấy nói, chúng tôi ưa thích. Những điều tỳ-kheo ấy nói chúng tôi chấp nhận.› Chúng tỳ-kheo ấy nói: ‹Đại đức chớ nói như vầy: ‹Tỳ-kheo ấy là tỳ-kheo nói như pháp. Tỳ-kheo ấy là tỳ-kheo nói như luật. Những điều tỳ-kheo ấy nói chúng tôi ưa thích. Những điều tỳ-kheo ấy nói là chúng tôi chấp nhận.› Nhưng tỳ-kheo ấy là tỳ-kheo nói phi pháp, là tỳ-kheo nói phi luật. Đại đức, chớ phá hoại hòa hợp tăng. Các ngài nên hoan hỷ hòa hợp tăng. Đại đức cùng tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, đồng học một thầy, hòa hợp như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có tăng ích an lạc.› Các tỳ-kheo bè đảng được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ. Chúng tỳ-kheo kia nên can gián ba lần cho bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, tăng-già-bà-thi-sa.

---o0o---

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Thuận theo[327] : có hai thứ: thuận vì pháp và thuận theo vì y thực.

- Thuận theo vì Pháp: dùng pháp mà giáo thọ tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng huệ, phúng tụng thọ trì.

- Thuận theo vì y thực: cung cấp y phục, ẩm thực, giường, ngọa cụ, thuốc thang chữa bệnh.

Bè đảng: từ bốn người, hoặc hơn bốn người.

Lời nói tán trợ bè đảng[328]: từ một, hoặc hai, hoặc ba, cho đến số đông.

---o0o---

D. PHẠM TƯỚNG

Nếu bè đảng của tỳ-kheo nói phi pháp, nói các tỳ-kheo rằng: «Đại đức, chớ can gián tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo ấy là tỳ-kheo nói như pháp, tỳ-kheo nói như luật. Những điều tỳ-kheo ấy nói chúng tôi chấp nhận…» (…)[329] Ngài chớ nói như vầy: «Tỳ-kheo ấy là tỳ-kheo nói như pháp, tỳ-kheo nói như luật. Những điều tỳ-kheo ấy nói chúng tôi chấp nhận.» Nhưng tỳ-kheo ấy là tỳ-kheo nói phi pháp, là tỳ-kheo nói phi luật. Các ngài chớ nên phá hoại hòa hợp Tăng, mà nên trợ giúp cho Tăng hòa hiệp. Đại đức cùng Tăng hòa hiệp, hoan hỷ, không

tranh chấp, như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích an lạc. Các ngài nên bỏ việc này, đừng để cho Tăng quở trách mà phạm trọng tội.» Nói mà nghe lời thì tốt. Bằng không nghe lời thì nên tác bạch. Tác bạch rồi nên nói với người kia: «Tôi đã bạch xong, còn mấy lần yết-ma nữa. Ngài nên bỏ việc này, đừng để cho Tăng quở trách mà phạm trọng tội.» Nếu nghe lời thì tốt. Bằng không nghe lời thì nên yết-ma lần đầu. Yết-ma lần đầu xong, nên nói với người kia rằng: «Tôi đã bạch và làm yết-ma lần đầu rồi, còn hai yết-ma nữa. Ngài nên bỏ việc này, đừng để cho Tăng quở trách mà phạm trọng tội.» Nếu nghe lời thì tốt. Bằng không nghe lời, thì nên tác yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai xong, nên nói với người kia: «Tôi đã bạch và làm hai pháp yết-ma rồi. Còn một yết-ma nữa. Ngài nên bỏ việc kia, đừng để Tăng quở trách mà phạm trọng tội.» Nếu nghe lời thì tốt. Bằng không nghe lời, thì yết-ma lần thứ ba. Khi yết-ma lần thứ ba xong, phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Bạch xong hai yết-ma mà bỏ, phạm ba thâu-lan-giá. Bạch xong một yết-ma mà bỏ, phạm hai thâu-lan-giá. Bạch xong mà bỏ phạm một thâu-lan-giá. Tác bạch chưa xong mà bỏ phạm đột-kiết-la. Nếu khi chưa bạch, tất cả đều tùy thuộc vào việc phá Tăng của bè đảng, đều phạm đột-kiết-la. Nếu khi tỳ-kheo can gián các tỳ-kheo bè đảng, lại có tỳ-kheo khác nói đừng bỏ. Tỳ-kheo (xúi dục) này phạm thâu-lan-giá. Nếu chưa quở trách can gián, thì phạm đột-kiết-la. Nếu khi tỳ-kheo can gián các tỳ-kheo bè đảng, tỳ-kheo-ni nói: «kiên trì đừng bỏ», cô ni này phạm thâu-lan-giá. Nếu chưa tác pháp can gián cô ni nói: «đừng bỏ» thì phạm đột-kiết-la.

Trừ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni người khác nói: «đừng bỏ» đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni tăng già bà thi sa. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: khi mới nói liền bỏ. Yết-ma phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, pháp

tương tợ biệt chúng, pháp tương tợ hòa hợp chúng, phi pháp, phi luật, phi Phật dạy. Hoặc tất cả chưa tác pháp can gián thì không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XII. Ô THA GIA[330]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, ở Kỳ-liên[331] có hai tỳ-kheo. Một tên là A-thấp-bà[332] , người thứ hai tên là Phú-na-bà-sa[333]. Cả hai ở tại Kỳ-liên có hành vi xấu, làm hoen ố nhà người. Hành vi xấu mọi người đều thấy, mọi người đều nghe. Sự làm hoen ố nhà người, mọi người đều thấy, mọi người đều nghe. Họ làm những điều phi pháp như: tự mình trồng cây hoa, sai người trồng cây hoa; tự mình tưới nước, sai người tưới nước; tự mình hái hoa, sai người hái hoa; tự mình làm tràng hoa, sai người làm tràng hoa; tự mình xâu chỉ cột, sai người xâu chỉ cột; tự mình cầm hoa, sai người cầm hoa; tự mình đem tràng hoa cho người, sai người đem tràng hoa cho người. Hoặc ở trong thôn xóm kia có người phụ nữ, đồng nữ, họ cùng ngồi một giường, một ghế, cùng ăn uống một mâm, nói năng cười cợt; hoặc tự ca múa xướng hát, hoặc người khác làm, mình hòa theo; hoặc diễn kịch, hoặc đánh trống, thổi ống tiêu, ống sáo; làm tiếng chim sẻ, làm tiếng các loài chim khác kêu; hoặc chạy, hoặc giả kiểng chân mà đi, hoặc huýt gió, [597a1] tự làm lộng thân[334], hoặc giúp vui cho kẻ khác...

Khi ấy, có số đông tỳ-kheo từ nước Ca-thi[335] tuần tự du hành đến Kỳ-liên, nghỉ đêm tại đó. Sáng ngày, đắp y, bưng bát vào thôn khất thực. Pháp phục tề chỉnh. Bước đi thong thả.

Mắt nhìn trước bước đi, không xoay ngó hai bên. Theo thứ tự khất thực. Khi ấy, các cư sĩ thấy vậy, cùng nhau bàn nói: «Đây là người gì cúi đầu mà đi, không ngó hai bên, cũng không nói cười, không bặt thiệp, không khéo léo trong lời chào hỏi. Chúng ta không nên cho thức ăn cho họ. A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa của chúng ta, hai vị ấy không cúi đầu đi. Họ ngó hai bên. Họ bặt thiệp với mọi người, khéo léo trong lời chào hỏi. Chúng ta nên cúng dường thức ăn cho họ.»

Lúc ấy, số đông tỳ-kheo kia khất thực tại Kỳ-liên, khó khăn lắm mới nhận được thức ăn. Do vậy, họ tự nghĩ: «Có tỳ-kheo xấu hiện đang trú tại trú xứ này, làm ác hạnh như vậy… cho đến, giúp vui cho kẻ khác.»

Các tỳ-kheo liền từ Kỳ-liên đến thành Vương-xá, và đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Lúc bấy giờ, đức Thế tôn như thường lệ hỏi thăm và an ủi các tỳ-kheo khách:

«Các ông đi đứng có được an lạc chăng? Chúng Tăng có hòa hợp không? Có gặp khó khăn vì ăn uống không?»

Các tỳ-kheo bạch đức Thế tôn:

«Bạch Đại đức, chúng con đi đứng được an lạc. Chúng Tăng hòa hợp. Chúng du hành từ nước Ca-thi đến Kỳ-liên…» Rồi đem nhân duyên trên trình bày đầy đủ lên đức Thế tôn.

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện từ xa quở trách hai tỳ-kheo A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa rằng: «Việc làm của các người ấy là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao A-thấp-bà, Phú-na-bà-sa ở nơi Kỳ-liên mà làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu? Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe, (…) cho đến giúp vui cho kẻ khác.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo hai ngài Xá-lợi-phất và Mục-liên:

«Này, hai ông nên đến Kỳ-liên trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp yết-ma tẫn xuất[336]. Tại sao vậy? Vì họ là đệ tử của hai ông.»

Bạch tứ yết-ma như sau:

Tăng nhóm họp xong, tiến hành cử tội[337] hai ông ấy. Cử tội xong tác pháp ức niệm[338]. Tác ức niệm xong nên trao tội[339] cho họ. Rồi sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc đã xảy ra tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa này ở nơi Kỳ-liên làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Việc có hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận; nay Tăng vì A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa tác pháp yết-ma tẫn xuất, rằng: ‹Các ông đã làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Việc có hành vi xấu ai cũng thấy ai cũng nghe. Các ông đã có những hành vi xấu như vậy thì nên đi khỏi đây, không nên ở nơi nầy.› Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. A-thấp-bà, Phú-na-bà-sa này, ở nơi Kỳ-liên đã làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Việc có hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Nay Tăng trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp yết-ma tẫn xuất, rằng: ‹Các ông đã làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Việc có hành vi xấu ai cũng thấy ai cũng nghe. Các ông đã có những hành vi xấu như vậy thì nên đi khỏi đây, không nên ở nơi nầy.› Vị trưởng lão nào đồng ý Tăng vì hai người này tác yết-ma tẫn xuất thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.» (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy).

«Tăng đã chấp thuận trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp yết-ma tẫn xuất rồi. Tăng đã chấp thuận vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.»

Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên vâng lời Phật dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu ba vòng rồi đi.

Ngài Xá-lợi-phất và Mục-liên khoác y, bưng bát, cùng với số đông năm trăm vị đại tỳ-kheo, từ nước Ca-thi du hành đến Kỳ-liên.

Khi ấy, A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa nghe Xá-lợi-phất và Mục-liên dẫn năm trăm vị đại tỳ-kheo, từ Ca-thi du hành đến Kỳ-liên, bèn nghĩ: «Chắc chắn vì chúng ta làm yết-ma tẫn xuất.» Hai người kia liền đến chỗ các cư sĩ, nói rằng:

«Nay có hai tỳ-kheo đến. Một, tên là Xá-lợi-phất, và hai, tên là Mục-liên. Một vị giỏi về huyễn thuật, bay đi trên hư không. Tỳ-kheo thứ hai, thì hành ác hạnh, tự mình có khả năng thuyết pháp. Quý vị nên khéo tự quán sát, đừng để bị mê hoặc.»

Khi ấy, Xá-lợi-phất và Mục-liên từ nước Ca-thi tuần tự du hành đến Kỳ-liên, nghỉ đêm nơi đó. Sáng ngày, khoác y, bưng bát, vào thôn khất thực. Đại Mục-liên hiện thần túc, phóng thân lên không trung; Xá-lợi-phất đích thân nói pháp.

Bấy giờ, các cư sĩ thấy vậy rồi, cùng nhau bàn tán: «Hai tỳ-kheo này, một vị rành nghề huyễn thuật, bay đi trong không trung. Tỳ-kheo thứ hai hành ác hạnh, nhưng tự nói pháp được.» Lúc này, Xá-lợi-phất và Mục-liên liền vì các cư sĩ tại Kỳ-liên mà nói pháp, khiến họ được tin ưa.

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên ăn xong, rửa bát, trở về lại trú xứ, vì nhơn duyên này, tập hợp Tăng tỳ-kheo. Tăng nhóm họp, rồi họ vì A-thấp-bà, Phú-na-bà-sa mà cử tội. Cử tội xong tác ức niệm. Tác ức niệm xong trao tội. Tôn giả Xá-

lợi-phất ở giữa chúng liền tác yết-ma như trên. Khi ấy, A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa bị Tăng tác yết-ma rồi, liền nói:

«Chúng Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có tỳ-kheo đồng tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Nhưng chỉ riêng đuổi tôi.»

Khi ấy, Xá-lợi-phất và Mục-liên ở tại Kỳ-liên vì A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa tác yết-ma rồi, trở về vườn Cấp-cô-độc rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

«Chúng con đã đến Kỳ-liên trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa yết-ma tẫn xuất rồi. Khi chúng Tăng tác yết-ma tẫn xuất, A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa lại nói: ‹Chúng Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi.›»

Lúc ấy, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện từ xa quở trách A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao khi chúng Tăng trao cho pháp yết-ma tẫn xuất lại nói: ‹Chúng Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi›?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa rồi bảo các Tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, cho phép Tăng trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp ha gián, bằng bạch tứ yết-ma.»

Trong chúng nên sai một người có thể tác yết-ma, dựa theo sự việc đã xảy ra, tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa này ở tại Kỳ liên, khi Tăng trao cho pháp yết-ma, lại nói: ‹Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi.› Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp ha gián để bỏ việc ấy, rằng: ‹Các ông chớ nói Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà [598a1]có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Nhưng các tỳ-kheo không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh. Các ông làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu, ai cũng thấy, ai cũng nghe. Các ông đã làm hoen ố nhà người, đã có hành vi xấu.› Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa này ở tại Kỳ-liên khi Tăng trao cho pháp yết-ma bèn nói: ‹Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh vì có Tỳ-kheo đồng tội mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi.› Nay Tăng trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp ha gián cho bỏ việc này, rằng: ‹Các ông chớ nói Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi có bất minh. Vì có tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Nhưng các tỳ-kheo không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh. Các ông làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Các ông đã làm hoen ố nhà người, đã có hành vi xấu.› Các trưởng lão nào chấp nhận Tăng trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp ha gián, cho bỏ việc này, thì im lặng. Ai không đồng ý thì xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

«Tăng đã chấp thuận, trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp ha gián cho bỏ việc này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.»

Trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp bạch tứ yết-ma ha gián như vậy rồi, các tỳ-kheo mới đến bạch đức Thế tôn. Đức Phật bảo:

«Có tỳ-kheo nào, Tăng tẫn xuất rồi, hoặc đang tẫn xuất, hoặc chưa tẫn mà nói: ‹Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh,› cũng cần trao cho họ pháp bạch tứ yết-ma ha gián như vậy.

«Từ nay về sau, ta vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới sẽ nói như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, sống nương tựa xóm làng, hay thành ấp, mà làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Các tỳ-kheo nên nói với tỳ-kheo ấy rằng: ‹Đại đức là người làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Đại đức, ngài làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, nay nên xa lánh xóm làng này, không nên sống ở đây nữa.› Tỳ-kheo ấy nói với các tỳ-kheo rằng: ‹Chư Đại đức, các tỳ-kheo có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có

người bị đuổi, có người không bị đuổi.› Các tỳ-kheo nên trả lời tỳ-kheo đó rằng: ‹Đại đức chớ nói ‹Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Nhưng các tỳ-kheo không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh. Đại đức làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe.› Tỳ-kheo ấy được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ; các tỳ-kheo nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, tăng già bà thi sa.

---o0o---

C. THÍCH TỪ

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Thôn: có bốn loại, như trước đã nói.

Xóm làng thành ấp: thuộc về của nhà Vua.

Nhà: có nam có nữ.[340]

Làm hoen ố nhà người[341]: có bốn sự. Nương tựa[342] nhà làm hoen ố nhà, nương lợi dưỡng làm hoen ố nhà, nương tựa thân hữu làm hoen ố nhà, nương tựa Tăng-già-lam làm hoen ố nhà.

- Thế nào là nương tựa nhà làm hoen ố nhà? Từ một nhà (này) nhận được vật, đem cho một nhà (khác). Nhà mình nhận được vật nghe nói thì không vui. Còn nhà mình đem vật cho, lại nghĩ chuyện trả ơn, bèn nói: «Nếu có cho ta, thì ta sẽ đáp lại. Nếu không cho ta, ta lấy cớ gì cho lại?» Đó gọi là nương tựa nhà làm hoen ố nhà người.

- Thế nào gọi là nương lợi dưỡng làm hoen ố nhà? Tỳ-kheo được lợi dưỡng như pháp, cho đến thức ăn còn thừa nơi bát, đem cho một cư sĩ (này) mà không cho một cư sĩ (kia).

Người cư sĩ nhận được liền sanh ý niệm trả ơn, nói: «Có cho ta, ta sẽ trả ơn. Nếu không cho ta, làm sao ta cho lại?» Đó gọi là nương lợi dưỡng làm hoen ố nhà người.

- Thế nào gọi là nương tựa thân hữu làm hoen ố nhà người? Tỳ-kheo nương tựa nhà Vua, hoặc Đại thần, rồi vì (giúp) một cư sĩ (này), không vì một cư sĩ (kia). Người cư sĩ được (giúp) liền nghĩ việc trả ơn, nói: «Có vì ta, ta sẽ cúng dường. Nếu không vì ta, ta không cúng dường.» Đó gọi là nương tựa thân hữu làm hoen ố nhà người.

- Thế nào gọi là nương tựa Tăng-già-lam làm hoen ố nhà người? Tỳ-kheo lấy bông trái của Tăng cho một cư sĩ (này), không cho một cư sĩ (kia). Cư sĩ được cho liền nghĩ việc trả ơn, nói: «Nếu có cho ta, ta sẽ cúng dường. Nếu không cho ta, ta không cúng dường.» Đó gọi là nương tựa Tăng-già-lam làm hoen ố nhà người. Vì bốn sự này mà làm cho nhà người bị hoen ố[343], cho nên gọi là làm hoen ố nhà người.

Có hành vi xấu[344]: tự mình trồng cây hoa, hay sai người trồng cây hoa, cho đến, giúp vui cho người, như trên đã nói.

---o0o---

D. PHẠM TƯỚNG

Tỳ-kheo nương tựa nơi tụ lạc, làm hoen ố nhà người, ai cũng thấy, ai cũng nghe; có hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Tỳ-kheo kia can gián tỳ-kheo này rằng: «Đại đức làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Có hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Đại đức làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, nên bỏ việc này, đừng để Tăng già quở trách, lại phạm trọng tội.»

Nếu vị ấy nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời, nên tác bạch. Tác bạch rồi, nên tha thiết nói: «Đại đức, Tăng đã tác bạch rồi. Còn có ba yết-ma nữa, nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách, lại phạm trọng tội.»

Nếu vị ấy bỏ thì tốt, bằng không bỏ nên tác yết-ma lần đầu. Tác yết-ma lần đầu rồi, nên lại tha thiết nói: «Đại đức, Tăng đã tác bạch và tác pháp yết-ma lần đầu rồi, còn có hai yết-ma nữa. Đại đức nên bỏ việc này, đừng để Tăng quở trách lại phạm trọng tội.»

Nếu vị ấy nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời nên tác pháp yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai rồi, nên lại phải tha thiết nói: «Đại đức, Tăng đã tác pháp yết-ma lần thứ hai rồi, còn có một yết-ma nữa. Đại đức nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách lại phạm trọng tội.»

Nếu vị ấy nghe theo thì tốt, bằng không nghe lời nên tác pháp yết-ma lần thứ ba. Tác yết-ma lần thứ ba rồi, tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tác pháp yết-ma lần thứ hai xong mà bỏ thì phạm ba thâu-lan-giá. Nếu tác pháp yết-ma lần thứ nhất xong mà bỏ thì phạm hai thâu-lan-giá. Nếu bạch xong mà bỏ thì phạm một thâu-lan-giá. Nếu bạch chưa xong mà bỏ thì phạm đột-kiết-la. Nếu trước khi chưa bạch, nói Tăng có thiên vị, có thù hận, có sợ hãi, có bất minh, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Khi Tăng tác pháp quở trách can gián lại có Tỳ-kheo khác bảo: «đừng bỏ.» Tỳ-kheo này phạm thâu-lan-giá. Nếu chưa tác pháp quở trách can gián thì phạm đột-kiết-la. Nếu khi Tăng tác pháp can ngăn quở trách có tỳ-kheo-ni bảo: «đừng bỏ.» Cô ni này phạm thâu-lan-giá. Nếu trước khi chưa tác pháp quở trách can gián thì cô ni phạm đột-kiết-la.

Trừ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, người khác bảo: «đừng bỏ»; quở trách, không quở trách đều phạm đột-kiết-la. Nếu không xem thư mà mang đi, phạm đột-kiết-la. Nếu vì bạch y làm người đưa tin sứ giả, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, tăng già bà thi sa. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: khi mới nói liền bỏ. Hoặc yết-ma phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp tượng tợ biệt chúng, pháp tương tợ hòa hiệp chúng, phi pháp, phi luật, phi Phật giáo. Nếu tất cả trước khi chưa tác pháp quở trách can ngăn thì không phạm. Nếu cho cha [599a1] mẹ, cho người bệnh, cho tiểu nhi, cho phụ nữ có thai, cho người bị nhốt trong ngục, cho người làm thuê trong nhà chùa thì không phạm. Trồng cây hoa, sai người trồng cây hoa, để cúng dường Phật, Pháp, Tăng; tự mình tạo tràng hoa, sai người tạo tràng hoa để cúng dường Phật, Pháp, Tăng; tự mình dùng chỉ xâu hoa, sai người dùng chỉ xâu hoa để cúng dường Phật, Pháp, Tăng; tự mình cầm hoa, sai người cầm hoa cúng dường Phật, Pháp, Tăng; tự mình dùng chỉ xâu tràng hoa, sai người dùng chỉ xâu tràng hoa để cúng dường Phật, Pháp, Tăng, đều không phạm.

Nếu bị người đưa tay muốn đánh[345], hoặc bị giặc, hoặc bị voi, báo, sư tử, hổ lang, hoặc nơi có hoạn nạn, hoặc chạy tránh vì người gánh gai nhọn thì không phạm. Nếu lội qua sông, rãnh, mương, hầm phải nhón gót nhảy thì không phạm.

Nếu đồng bạn đi sau, quay lại ngó không thấy, huýt gió kêu thì không phạm. Nếu vì cha mẹ bịnh, hoặc vì người bị nhốt trong ngục, hoặc vì người ưu-bà-tắc có lòng tin sâu đậm bệnh hay bị giam cầm, xem thư rồi đem đi, hoặc vì tháp, vì Tăng, vì tỳ-kheo bệnh mang thư tới lui, tất cả đều không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XIII. ÁC TÁNH BẤT THỌ NHÂN NGỮ[346]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-thiểm-di[347].

Bấy giờ, Tôn giả tỳ-kheo Xiển-đà[348] vì tánh ngoan cố nên không nhận lời khuyên của người khác, lại nói các tỳ-kheo rằng: «Các ngài chớ nên nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các Đại đức, thôi đi, đừng nên nói gì nữa! Các Đại đức sao lại dạy tôi? Tôi đáng dạy Đại đức. Tại sao vậy? Thánh chúa của tôi chứng đặng Chánh giác. Ví như nước lớn từ đầu cuốn trôi các cây cỏ dồn lại một chỗ. Các Đại đức cũng lại như vậy, đủ mọi dòng họ, đủ các tên gọi, đủ các gia tộc xuất gia, tập họp lại một chỗ. Cũng như gió lớn thổi các cây cỏ gom lại một chỗ. Các Đại đức cũng như vậy, đủ mọi dòng họ, đủ các tên gọi, đủ các gia tộc xuất gia, tập hợp lại một chỗ. Bởi vậy, các Đại đức không đáng dạy tôi. Tôi đáng dạy các Đại đức. Tại sao vậy? Thánh chúa của tôi chứng đặng Chánh giác.»

Khi ấy, trong các tỳ-kheo nghe, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý hiềm trách tỳ-kheo Xiển-đà:

«Sao lại ngoan cố không nhận lời khuyên của người khác? Lại nói với các tỳ-kheo rằng: ‹Các ngài chớ nên nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các Đại đức thôi đi, đừng nên nói gì nữa! Các Đại đức sao lại dạy tôi? Tôi đáng dạy Đại đức. Tại sao vậy? Thánh chúa của tôi chứng đặng Chánh giác. Ví như nước lớn từ đầu cuốn trôi các cây cỏ dồn lại một chỗ. Các Đại đức cũng lại như vậy, đủ mọi dòng họ, đủ các tên gọi, đủ các gia tộc xuất gia, tập họp lại một chỗ. Cũng như gió lớn thổi các cây cỏ gom lại một chỗ. Các Đại đức cũng như vậy, đủ mọi dòng họ, đủ các tên gọi, đủ các gia tộc xuất gia, tập hợp lại một chỗ. Bởi vậy, các Đại đức không đáng dạy tôi. Tôi đáng dạy các Đại đức. Tại sao vậy? Thánh chúa của tôi chứng đặng Chánh giác.›»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Xiển-đà:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Này Xiển-đà, sao lại ngoan cố không nhận lời khuyên bảo của người khác,… như trên cho đến, Thánh chúa của tôi chứng đặng Chánh giác.›»

Đức Thế tôn quở trách Xiển-đà rồi, bảo các tỳ-kheo:

Cho phép Tăng trao cho Xiển-đà tỳ-kheo pháp bạch tứ yết-ma ha gián. Pháp quở trách can gián như vầy: trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà này vì tánh ngoan cố nên không nhận lời khuyên của người khác. Các tỳ-kheo đã khuyên can như pháp những điều học giới, nhưng tự mình trở thành người không thể nói chuyện, bảo các tỳ-kheo rằng: ‹Các đại đức, chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các đại đức thôi đi, khỏi cần phải dạy tôi.› Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho tỳ-kheo Xiển-đà pháp ha gián cho bỏ việc này, rằng: ‹Này Xiển-đà, chớ tự mình trở thành người không thể nói chuyện. Hãy tự mình trở thành người có thể nói chuyện. Xiển Đà, ngài nên như pháp can gián các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo cũng nên như pháp can gián ngài. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, trao đổi dạy bảo nhau, trao đổi can gián nhau, trao đổi sám hối với nhau.› Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà này do tánh ngoan cố nên không nhận lời khuyên của người khác. Các

tỳ-kheo đã khuyên can như pháp những điều trong giới học, nhưng tự mình trở thành người không thể nói chuyện, bảo các tỳ-kheo rằng: ‹Các đại đức, chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các đại đức thôi đi, khỏi cần phải dạy tôi.› Nay Tăng vì tỳ-kheo Xiển-đà tác pháp ha gián cho bỏ việc này, rằng: ‹Này Xiển-đà, chớ tự mình trở thành người không thể nói chuyện. Hãy tự mình trở thành người có thể nói chuyện. Xiển-đà, ngài nên như pháp can gián các tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cũng nên như pháp can gián ngài. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, trao đổi dạy bảo nhau, trao đổi can gián nhau, trao đổi sám hối với nhau.› Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng vì tỳ-kheo Xiển-đà tác pháp ha gián cho bỏ việc này thì im lặng. Vị nào không chấp thuận xin nói. Đây là yết-ma lần đầu. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

«Tăng đã trao cho tỳ-kheo Xiển-đà pháp ha gián cho bỏ việc này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.»

Nên can gián như vậy rồi Tăng trao cho tỳ-kheo Xiển-đà pháp bạch tứ yết-ma can gián khiến cho bỏ việc này rồi, các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Nếu có các Tỳ-kheo khác do tánh ngoan cố không nhận lời khuyên bảo của người khác, thì Tăng cũng trao cho pháp bạch tứ yết-ma can gián như vậy. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới tập mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

---o0o---

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, có tánh ngoan cố không nhận lời khuyên của người khác. Khi được các tỳ-kheo khuyên can như pháp

những điều trong học giới, tự thân không nhận lời can gián, lại nói: ‹Các Đại đức, chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các Đại đức thôi đi, đừng can gián tôi.› Các tỳ-kheo can gián tỳ-kheo ấy rằng: ‹Đại đức, chớ tự thân không nhận lời can gián. Đại đức hãy tự thân nhận lời can gián. Đại đức như pháp can gián các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo cũng như pháp can gián Đại đức. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, trao đổi dạy bảo nhau, trao đổi can gián nhau, trao đổi sám hối với nhau.› Tỳ-kheo này được can gián như vậy, kiên trì không bỏ. Các tỳ-kheo nên ba lần can gián cho bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, tăng-già-bà-thi-sa.

---o0o---

C. THÍCH TỪ

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tánh ngoan cố không nhận lời của người[349]: không nhẫn chịu, không thọ nhận lời người khác dạy bảo.

Lấy giới luật như pháp dạy bảo: có bảy tụ vi phạm: ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kiết-la, ác thuyết.

Như pháp: đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy. Nếu tỳ-kheo với tánh ngoan cố, không chấp nhận lời của người, các tỳ-kheo lấy giới luật như pháp để giáo thọ.

Tự thân không thể cùng nói: «Đại đức [600a1] chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu, tôi cũng không nói với đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Đại đức thôi đi, chớ can gián tôi.»[350]

---o0o---

D. PHẠM TƯỚNG

Tỳ-kheo kia can gián tỳ-kheo này rằng: «Đại đức, chớ tự mình trở thành người không thể nói chuyện. Hãy tự mình trở thành người có thể nói chuyện. Đại đức, ngài nên như pháp can gián các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo cũng nên như pháp can gián ngài. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, trao đổi dạy bảo nhau, trao đổi can gián nhau, trao đổi sám hối với nhau. Đại đức nên bỏ việc này, đừng để Tăng quở trách mà phạm trọng tội.»

Nếu vị ấy nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời nên tác pháp yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai rồi, nên lại phải tha thiết nói: «Đại đức, Tăng đã tác pháp yết-ma lần thứ hai rồi, còn có một yết-ma nữa. Đại đức nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách lại phạm trọng tội.»

Nếu vị ấy nghe theo thì tốt, bằng không nghe lời nên tác pháp yết-ma lần thứ ba. Tác yết-ma lần thứ ba rồi, tăng-già-bà-thi-sa.

Bạch và yết-ma lần thứ hai xong mà bỏ thì phạm ba thâu-lan-giá. Bạch và yết-ma lần thứ nhất xong mà bỏ thì phạm hai thâu-lan-giá. Nếu bạch xong mà bỏ thì phạm một thâu-lan-giá. Nếu bạch chưa xong mà bỏ thì phạm đột-kiết-la. Nếu trước khi chưa bạch, ngoan cố không nhận lời khuyên bảo của người khác, thảy đều đột-kiết-la.

Khi Tăng tác pháp quở trách can gián lại có tỳ-kheo khác bảo: «đừng bỏ!» Tỳ-kheo này phạm thâu-lan-giá. Nếu chưa tác pháp quở trách can gián thì phạm đột-kiết-la. Nếu khi Tăng tác pháp can ngăn quở trách có tỳ-kheo-ni bảo: «đừng bỏ!» Cô ni này phạm thâu-lan-giá. Nếu trước khi chưa tác pháp quở trách can gián thì cô ni phạm đột-kiết-la.

Trừ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, người khác bảo: «đừng bỏ!» Quở trách, không quở trách đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: khi mới nói liền bỏ. Yết-ma phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, pháp tương tợ biệt chúng, pháp tương tợ hòa hợp chúng, phi pháp, phi luật. Phi lời Phật dạy. Tất cả trước khi chưa can gián thì không phạm. Nếu bị người vô trí quở trách can gián, mà nói với người ấy rằng: «Việc làm của Hòa thượng, A-xà-lê của ông cũng như vậy. Ông hãy nên học hỏi, tụng kinh thêm.» Hoặc việc kia là như vậy. Hoặc nói giỡn chơi, hoặc nói gấp gáp, hoặc nói một mình, hoặc nói trong mộng, hay muốn nói việc này nhầm nói việc kia thì không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

CHƯƠNG III - BẤT ĐỊNH [351]

I. GIỚI THỨ 1

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di khi còn là bạch y có người bạn có vợ tên là Trai ưu-bà-tư[352] nhan sắc đoan chánh. Ca-lưu-đà-di cũng tướng mạo đoan chánh. Ca-lưu-đà-di để ý đến Trai ưu-bà-tư. Trai ưu-bà-tư cũng để ý đến Ca-lưu-đà-di.

Ca-lưu-đà-di đến giờ, đắp y, mang bát, đến nhà Trai-ưu-bà-tư. Hai người cùng ngồi nơi chỗ kín.

Khi Ca-lưu-đà-di cùng Trai-ưu-bà-tư nói chuyện, Tỳ Xá-khư Mẫu[353] có chút việc đến nơi đó. Từ xa, Tỳ Xá-khư nghe tiếng nói của Ca-lưu-đà-di. Ưu-bà-tư (ưu-bà-di) này có lòng mộ đạo, nghe bên trong có tiếng nói của tỳ-kheo, khởi ý nghĩ: «Không chừng tỳ-kheo nói pháp.» Do vậy liền đến dựa nơi vách để nghe. Nhưng lại chỉ nghe tiếng nói phi pháp. Tỳ Xá-khư lại nghĩ: «Nghe tiếng của tỳ-kheo mà lại nói những việc phi pháp. Tỳ-kheo không nên nói những lời như vậy!» Bà liền nhìn qua lỗ nhỏ, xem thấy Ca-lưu-đà-di với Trai ưu-bà-tư cùng ngồi trên gường nói việc phi pháp. Thấy vậy, Tỳ Xá-khư Mẫu bèn nghĩ: «Tỳ-kheo này ngồi chỗ phi pháp, lại nói lời phi pháp. Nếu phu chủ của người đàn bà này thấy thì họ sẽ mắng chửi vợ, sanh tâm bất tín.» Khi ấy, Tỳ Xá-khư Mẫu ưu-bà-tư liền ra khỏi nhà này, vội vàng đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Phật một cách đầy đủ. Bạch đức Thế tôn rồi, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu ba vòng cáo lui.

Khi ấy, đức Thế tôn tập hợp Tăng tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn cố hỏi Ca-lưu-đà-di:

«Có thật ông cùng với Trai ưu-bà-tư ngồi riêng ở chỗ khuất vắng chăng?»

Ca-lưu-đà-di trả lời:

«Thật vậy, bạch Thế tôn.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao ông cùng với Trai ưu-bà-tư ngồi riêng chỗ khuất vắng?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di rồi bảo các tỳ-kheo:

«Ca-lưu-đà-di là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các tỳ-kheo kiết giới tập mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới này nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, cùng một người nữ, một mình ngồi tại chỗ khuất chỗ kín, chỗ có ngăn che, chỗ có thể hành dâm, nói lời phi pháp. Có vị ưu-bà-di trụ tín nói một pháp trong ba pháp, hoặc ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hoặc ba-dật-đề, và tỳ-kheo ngồi ấy tự xác nhận ‹tôi phạm tội này.› Vậy cần xử trị một trong ba pháp, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hoặc ba-dật-đề, hoặc đúng như lời ưu-bà-di trụ tín. Cần như pháp xử trị tỳ-kheo ấy. Đây gọi là pháp bất định.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Người nữ: người nữ có trí, chưa mạng chung.

Ngồi riêng: một tỳ-kheo, một người nữ.

Chỗ khuất kín: có hai loại. Một là khuất vắng đối với thấy; hai là khuất vắng đối với nghe. Khuất vắng đối với thấy là hoặc do bụi trần, do sương mù, trong bóng tối, không thấy nhau. Khuất vắng đối với nghe là nơi mà tiếng nói thường không nghe được.

Nơi có ngăn che: hoặc do cây, do vách tường, do rào, hoặc do vải và các vật khác có thể ngăn che.

Nơi có thể hành dâm: nơi có thể dung chứa hành động về dâm dục.

Nói lời phi pháp: tức là nói về pháp dâm dục.

Ưu-bà-tư trụ tín[354] : tin Phật, Pháp, Tăng; quy y Phật, Pháp, Tăng; không giết, không trộm, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu; khéo ghi nhớ sự việc không nhầm lẫn, nói lời chơn thật không hư vọng.

Nếu tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, tự nói có ngồi, tự nói có nằm, tự nói có làm việc đó thì nên theo lời tỳ-kheo nói mà xử trị.

Nếu tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, tự nói có ngồi, tự nói có nằm, mà không tự nói làm việc đó thì nên như lời của ưu-bà-tư nói mà xử trị[355].

Nếu tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói có làm việc đó, thì nên như lời ưu-bà-tư nói mà xử trị.

Nếu tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, không tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói có làm việc đó, thì nên y theo lời ưu-bà-tư nói mà xử trị.

Nếu tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, [601a1] không tự nói đến đâu, không tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói có làm việc đó, thì nên y theo lời ưu-bà-tư mà xử trị.

Nếu tỳ-kheo không tự nói tự nói chỗ nhắm đến, không tự nói đến đâu, không tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói làm việc đó thì nên y theo lời của ưu-bà-tư mà xử trị.

Trong đây, không xác định pháp nào, cho nên gọi là bất định[356].

---o0o---

II. GIỚI THỨ 2

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di khi còn là bạch y có người bạn có vợ tên là Trai ưu-bà-tư[357] nhan sắc đoan chánh. Ca-lưu-đà-di cũng tướng mạo đoan chánh. Ca-lưu-đà-di để ý đến Trai ưu-bà-tư. Trai ưu-bà-tư cũng để ý đến Ca-lưu-đà-di.

Ca-lưu-đà-di đến giờ, đắp y, mang bát, đến nhà Trai-ưu-bà-tư. Hai người ngồi nơi chỗ trống, cùng nói chuyện.

Khi Ca-lưu-đà-di cùng Trai-ưu-bà-tư nói chuyện, Tỳ Xá-khư Mẫu có chút việc đến nơi đó. Từ xa, Tỳ Xá-khư nghe tiếng nói của Ca-lưu-đà-di. Ưu-bà-tư (ưu-bà-di) này có lòng mộ đạo, nghe bên trong có tiếng nói của tỳ-kheo, khởi ý nghĩ: «Không chừng tỳ-kheo nói pháp.» Do vậy liền đến dựa nơi vách để nghe. Nhưng lại chỉ nghe tiếng nói phi pháp. Tỳ Xá-khư lại nghĩ: «Nghe tiếng của tỳ-kheo mà lại nói những việc phi pháp. Tỳ-kheo không nên nói những lời như vậy!» Bà liền nhìn qua lỗ nhỏ, xem thấy Ca-lưu-đà-di với Trai ưu-bà-tư cùng ngồi chỗ trống trải nói việc phi pháp. Thấy vậy, Tỳ Xá-khư Mẫu bèn nghĩ: «Tỳ-kheo này ngồi chỗ phi pháp, lại nói lời phi pháp. Nếu phu chủ của người đàn bà này thấy thì họ sẽ mắng chửi vợ, sanh tâm bất tín». Khi ấy, Tỳ Xá-khư Mẫu ưu-bà-tư liền ra khỏi nhà này, vội vàng đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Phật một cách đầy đủ. Bạch đức Thế tôn rồi, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu ba vòng cáo lui.

Khi ấy, đức Thế tôn tập hợp Tăng tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn cố hỏi Ca-lưu-đà-di:

«Có thật ông cùng với Trai ưu-bà-tư ngồi riêng ở chỗ trống chăng?»

Ca-lưu-đà-di trả lời:

«Thật vậy, bạch Thế tôn.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao ông cùng với Trai ưu-bà-tư ngồi riêng chỗ trống?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di rồi bảo các tỳ-kheo:

«Ca-lưu-đà-di là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới này nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, cùng một người nữ, một mình ngồi tại trống, chỗ không thể hành dâm, nói lời thô tục. Có vị ưu-bà-di trụ tín nói một pháp trong hai pháp, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hoặc ba-dật-đề, và tỳ-kheo ngồi ấy tự xác nhận ‹tôi phạm tội này.› Vậy cần xử trị một trong hai pháp, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hoặc ba-dật-đề, hoặc đúng như lời ưu-bà-di trụ tín. Cần như pháp xử trị tỳ-kheo ấy. Đây gọi là pháp bất định.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Chỗ trống: không có tường vách kín đáo, không có cây cối, rào dậu khuất kín và không có các vật ngăn che.

Chỗ không thể hành dâm: chỗ không dung chứa hành động dâm dục được.

Lời nói thô tục: tức là nói việc dâm dục, khen ngợi hai đường tốt xấu.

Ưu-bà-tư trụ tín: tin Phật, Pháp, Tăng; quy y Phật, Pháp, Tăng; không giết, không trộm, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu; khéo ghi nhớ sự việc không nhầm lẫn, nói lời chơn thật không hư vọng.

Nếu tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, tự nói có ngồi, tự nói có nằm, thì nên theo lời tỳ-kheo nói mà xử trị.

Nếu tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, tự nói có ngồi, tự nói có nằm, tự nói có làm việc đó thì nên theo lời tỳ-kheo nói mà xử trị.

Nếu tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, tự nói có ngồi, tự nói có nằm, mà không tự nói làm việc đó thì nên như lời của ưu-bà-tư nói mà xử trị.

Nếu tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói có làm việc đó, thì nên như lời ưu-bà-tư nói mà xử trị.

Nếu tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, không tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói có làm việc đó, thì nên y theo lời ưu-bà-tư nói mà xử trị.

Nếu tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, không tự nói đến đâu, không tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói có làm việc đó, thì nên y theo lời ưu-bà-tư mà xử trị.

Nếu tỳ-kheo không tự nói tự nói chỗ nhắm đến, không tự nói đến đâu, không tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói làm việc đó thì nên y theo lời của ưu-bà-tư mà xử trị.

Trong đây, không xác định pháp nào, cho nên gọi là bất định.[358]

- Bản Hán, hết quyển 5.

---o0o---

CHƯƠNG IV - NI-TÁT-KỲ BA-DẬT-ĐỀ[359]

I. SÚC TRƯỜNG Y[360]

A. DUYÊN KHỞI

1. Y DƯ

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ[361]. Bấy giờ, đức Thế tôn cho phép các tỳ-kheo thọ trì ba y không được dư.

Lúc ấy, nhóm sáu tỳ-kheo chứa y dư. Hoặc có y mặc buổi sáng. Hoặc có y mặc buổi trưa. Hoặc có y mặc buổi xế. Nhóm sáu thường kinh doanh trang nghiêm y phục, cất chứa như vậy. Các tỳ-kheo thấy, bảo nhóm sáu tỳ-kheo rằng:

«Đức Phật cho phép thọ trì ba y, không được dư. Đây là y của ai?»

«Y dư của chúng tôi đấy.» Nhóm sáu trả lời.

Trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Đức Như Lai cho phép thọ trì ba y, tại sao các thầy cất chứa y dư, hoặc có y mặc buổi sáng, hoặc có y mặc giữa ngày, hoặc có y mặc buổi xế?»

Các tỳ-kheo liền đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn vì nhân duyên này tập họp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao, nhóm sáu Tỳ-kheo, Như Lai cho phép thọ trì ba y, các ông lại chứa cất y dư?»

Đức Phật dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

«Nhóm sáu Tỳ-kheo là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, Chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

«Tỳ-kheo nào chứa y dư, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.»

---o0o---

2. QUÁ MƯỜI NGÀY

Khi đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, Tôn giả A-nan nhận được một tấm y phấn tảo quý giá[362] từ nơi một người kia, muốn dâng cúng cho đại Ca-diếp[363]. Vì ngài Ca-diếp thường sống hạnh đầu đà, mặc loại y này. Nhưng lúc ấy, ngài không có ở đó. Tôn giả A-nan có ý nghĩ: «Đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới, ‹Tỳ-kheo nào chứa y dư, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.› Nay, ta nhận được y phấn tảo quý giá, muốn

[602a1] dâng cúng cho đại Ca-diếp. Vì đại Ca-diếp thường sống hạnh đầu đà, mặc loại y này. Mà ngài không có ở đây. Không biết làm sao đây?»

A-nan liền đến chỗ đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên, bạch đức Thế tôn:

«Bạch Thế tôn, Ngài vì các tỳ-kheo kiết giới, ‹tỳ-kheo nào chứa y dư, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.› Nay con nhận được một y phấn tảo quý giá, muốn dâng cúng lên đại Ca-diếp. Vì đại Ca-diếp thường tu hạnh đầy đà, mặc y phấn tảo.» Phật hỏi A-nan:

«Khi nào Ca-diếp về?»

A-nan bạch Phật:

«Sau mười ngày sẽ về.»

Đức Thế tôn vì nhân duyên này, tập hợp Tăng tỳ-kheo, tùy thuận thuyết pháp cho các tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện nói về thiểu dục tri túc, hạnh đầu đà, ưa pháp xuất ly, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép chứa y dư, không quá mười ngày.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, y đã xong, ca-thi-na đã xả, cất chứa y dư, trong mười ngày không tịnh thí được phép chứa. Nếu quá mười ngày, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Y đã xong: chỉ là ba y.[364]

Y ca-thi-na đã xả.[365]

Y[366]: có mười loại : y kiều-xa-da, y kiếp-bối (vải), y khâm-bà la, y sô-ma (bố), y sấm-ma, y phiến-na, y ma (vải gai), y bí-di-la, y cưu-di-la, y sấm-la-bán-ni[367].

Y dư[368]: cho đến miếng vải chiều dài bằng tám ngón tay, chiều rộng bằng bốn ngón tay của Như Lai trở lên đều gọi là y dư.

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y, được chứa. Ngày thứ hai được y, cho đến ngày thứ mười được y, được chứa. Qua đến ngày thứ mười một, khi bình minh[369] xuất hiện, tất cả y đó trở thành ni-tát-kỳ.

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai được y, ngày thứ ba không được. Ngày thứ tư được (như vậy lần lần lên đến ngày thứ mười không được, xây dựng câu văn cũng như trên)[370].

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai, ngày thứ ba không được. Ngày thứ tư được, cho đến ngày thứ mười được y. Nếu đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số y nhận được trong tám ngày đó đều phạm ni-tát-kỳ.

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai được y, ngày thứ ba và ngày thứ tư không được. Ngày thứ năm được, (như vậy lần lần xuống, cho đến ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y, xây dựng câu văn cũng như trên)[371].

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư không được y. Ngày thứ năm được y, cho đến ngày thứ mười được y. Nếu đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số y được trong bảy ngày đó, đều phạm ni-tát-kỳ.

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai được y, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm không được y.

Ngày thứ sáu được y, (như vậy chuyển, xuống cho đến ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười, không được y, xây dựng câu văn cũng như trên).*

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm không được y. Ngày thứ sáu được y, cho đến ngày thứ mười được y. Nếu đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số y được trong sáu ngày đó, đều phạm ni-tát-kỳ.

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai được y. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu không được. Ngày thứ bảy được y (như vậy lần xuống cho đến ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y, xây dựng câu văn cũng như vậy).*

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu không được y. Ngày thứ bảy được y, cho đến ngày thứ mười được y. Nếu đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số y được trong năm ngày đó đều phạm ni-tát-kỳ.

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai được y. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy không được y. Ngày thứ tám được y (như vậy lần xuống cho đến ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y, xây dựng câu văn cũng như trên).*

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy không được y. Ngày thứ tám được y, cho đến ngày thứ mười được y, nếu qua ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số y được trong bốn ngày đó, đều phạm ni-tát-kỳ.

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai được y. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám không được y. Ngày thứ chín được y (như vậy lần xuống cho đến ngày thứ năm, ngày thứ

sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y, xây dựng câu văn cũng như trên).*

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám không được y. Ngày thứ chín, ngày thứ mười được y; số y được trong ba ngày đó, nếu đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, đều phạm ni-tát-kỳ.

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai được y. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín không được y. Ngày thứ mười được y (như vậy lần xuống cho đến ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y, xây dựng câu văn cũng như trên).*

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín không được y. Ngày thứ mười được y. Nếu qua ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số y được trong hai ngày đó, đều phạm ni-tát-kỳ.

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai được y. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y (như vậy lần xuống cho đến ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y, xây dựng câu văn cũng như trên).*

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y. Nếu qua ngày mười một, khi bình minh xuất hiện, số y nhận được trong một ngày đó, đều phạm ni-tát-kỳ.

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y không tịnh thí[372].Ngày thứ hai được y tịnh thí. Ngày thứ ba được y, cho

đến ngày thứ mười được y không tịnh thí. Qua đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số y nhận được trong chín ngày đó đều phạm ni-tát-kỳ.

Nếu tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai được y không tịnh thí. Ngày thứ ba được y tịnh thí. Ngày thứ tư được y không tịnh thí (như vậy lần xuống cho đến ngày thứ mười được y tịnh thí, không tịnh thí, xây dựng câu văn cũng như trên).* Nếu y bị mất (xây dựng câu văn cũng như trên). Nếu làm phi y (đặt câu văn cũng như trên).* Nếu với ý nghĩ là người quen biết lấy (đặt câu văn cũng như trên).* Nếu quên đi (xây dựng câu văn cũng như trên).* Tất cả đều phạm ni-tát-kỳ.

Nếu y phạm xả đọa mà không xả, đem đổi lấy y khác, phạm một ni-tát-kỳ ba-dật-đề và một đột-kiết-la.

Y xả đọa nầy nên xả cho Tăng, hoặc một nhóm người, hoặc một người. Không được xả biệt chúng. Nếu xả không thành xả, phạm đột-kiết-la. Khi xả cho Tăng, phải đến trong Tăng, mặc y trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến kính lễ Thượng tọa, quỳ gối, chấp tay, thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. Tôi, tỳ-kheo tên là..., cố ý chứa y dư như vậy, quá mười ngày, phạm xả đọa. Nay, tôi xả cho Tăng sử dụng.»

Xả y rồi phải sám hối. Người thọ sám phải tác bạch, sau đó mới thọ sám. Lời tác bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo này tên là..., cố ý chứa y dư như vậy, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi thọ sự sám hối của tỳ-kheo tên là... Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch như vậy xong, sau đó mới thọ sự sám hối. Vị thọ sám nên nói với phạm nhơn rằng:

«Hãy tự trách tâm ông!»

Phạm nhơn trả lời:

«Xin vâng.»

Nếu Tăng đông, khó tập hợp, mà tỳ-kheo này có duyên sự muốn đi xa thì nên hỏi tỳ-kheo ấy rằng: «Y này, ông muốn cho ai?» Tùy theo lời nói của vị ấy mà cho, và Tăng phải hoàn y nầy lại liền cho tỳ-kheo ấy bằng pháp bạch nhị yết-ma. Nghi thức trao như sau:

Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, theo sự việc trên tác bạch như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., cố ý chứa y dư như vậy, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, đem y nầy trao cho tỳ-kheo tên là... kia. Tỳ-kheo tên là... kia sẽ hoàn lại cho tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo nầy tên là... cố ý chứa y dư như vậy, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng, Tăng đem y này cho tỳ-kheo tên là... kia. Tỳ-kheo tên là... kia sẽ hoàn lại cho tỳ-kheo này. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng đem y này trao cho [603a1] tỳ-kheo tên là... kia và Tỳ-kheo tên là... kia sẽ hoàn cho tỳ-kheo này, thì im lặng; vị nào không đồng ý, xin nói.

«Tăng đã chấp thuận cho Tỳ-kheo tên là... kia y nầy rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo này ở giữa Tăng xả y rồi, mà không được trả lại; Tăng mắc đột-kiết-la[373]. Khi trả lại, có người nói «đừng trả», người ấy mắc đột-kiết-la.

Nếu tác pháp tịnh thí[374], hoặc gởi cho người khác, hoặc đem làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la[375], hoặc cố ý làm cho hư hoại, hoặc đốt cháy, hoặc làm phi y[376], hoặc thường xuyên mặc cho hư, đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: không quá mười ngày. Hoặc chuyển tịnh thí[377]. Hoặc gởi cho người. Hoặc tưởng bị giặc cướp; hoặc tưởng bị mất; hoặc tưởng bị cháy; hoặc tưởng bị trôi. [Trong các trường hợp này] không tịnh thí, không gởi cho người, không phạm.

Nếu y bị đoạt, y bị mất, y bị cháy, y bị trôi, lấy mặc[378], hoặc người khác đưa cho mặc[379], hoặc người khác đưa cho làm[380], thì người kia không phạm.

Người nhận gởi gắm y kia hoặc mạng chung, hoặc đi xa, hoặc thôi tu, hoặc bị giặc bắt dẫn đi, hoặc bị ác thú hại, hoặc nước trôi chìm. Các trường hợp như vầy mà không tác tịnh thí, không gởi cho cho người, cũng không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

II. NGỦ LÌA Y[381]

A. DUYÊN KHỞI

1. LÌA Y

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo đem y gởi nơi tỳ-kheo thân hữu để du hành trong nhân gian. Tỳ-kheo được gởi y, thường thường đem y phơi nắng. Các tỳ-kheo thấy, hỏi:

«Đức Phật cho phép tỳ-kheo chứa ba y, không được dư. Đây là y của ai?»

Tỳ-kheo phơi y trải lời:

«Đây là y của nhóm sáu tỳ-kheo. Họ là bạn thân của tôi, đem gởi cho tôi, để du hành trong nhân gian. Sợ bị sâu bọ phá nên tôi đem phơi.»

Trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Sao các thầy đem y gởi cho tỳ-kheo thân hữu; lìa y mà du hành trong nhân gian?»

Hiềm trách rồi, các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại đem y gởi cho tỳ-kheo thân hữu; lìa y mà du hành trong nhân gian?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Nhóm sáu tỳ-kheo là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa... cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

«Tỳ-kheo nào, y đã xong, y ca-thi-na đã xả, lìa một trong ba y ngủ đêm nơi khác, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.»

---o0o---

2. CƯƠNG GIỚI CỦA Y

Khi đức Thế tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy, bấy giờ có một tỳ-kheo bị bệnh càn tiêu[382], có y phấn tảo tăng-già-lê nặng quá. Tỳ-kheo này vì có nhơn duyên muốn du hành trong nhơn gian, không thể mang nó theo được, tự nghĩ rằng: «Đức Thế tôn đã vì các tỳ-kheo kiết giới, không được lìa y ngủ đêm. Lìa y ngủ đêm, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Nay ta bị bệnh càn tiêu, mà ta có y phấn tảo tăng-già-lê quá nặng, lại có nhơn duyên muốn du hành trong nhơn gian, không thể mang theo được. Nay ta nên như thế nào đây?» Vị ấy nói với các tỳ-kheo đồng bạn rằng:

«Đức Thế tôn đã vì các tỳ-kheo kiết giới, không được lìa y ngủ đêm. Lìa y ngủ đêm, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Nay tôi bị bệnh càn tiêu, mà tôi có y phấn tảo tăng-già-lê quá nặng, lại có nhơn duyên muốn du hành trong nhơn gian, không thể mang theo được. Nay tôi nên như thế nào? Các Đại đức vì tôi đến bạch đức Thế tôn, Thế tôn dạy thế nào, tôi sẽ phụng hành như vậy.»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn liền tập hợp các Tăng tỳ-kheo, bảo rằng:

Từ nay về sau, cho phép Tăng trao cho tỳ-kheo bệnh này pháp bạch nhị yết-ma, kiết không mất y. Nghi thức trao như vầy:

Tỳ-kheo kia nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giầy dép, đến lễ Thượng tọa, quì gối, chấp tay, bạch xin như vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., mắc bệnh càn tiêu, phấn tảo tăng-già-lê này nặng, có nhân duyên muốn du hành trong nhơn gian, không thể mang theo được. Nay tôi đến xin Tăng pháp không mất y.»

Nên cầu xin như vậy ba lần. Trong Tăng nên sai một vị có thể tác yết-ma, theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., mắc bệnh càn tiêu, có phấn tảo tăng-già-lê quá nặng, lại có nhân duyên muốn du hành trong nhơn gian, nên không thể mang theo được, đến xin Tăng pháp không mất y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trao cho tỳ-kheo này pháp không mất y. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., mắc bệnh càn tiêu, có phấn tảo tăng-già-lê quá nặng, lại có nhân duyên muốn du hành trong nhơn gian, mà không thể mang theo được, nay đến xin Tăng pháp không mất y. Nay, Tăng trao cho tỳ-kheo tên là... pháp không mất y. Trưởng lão nào chấp thuận Tăng trao cho tỳ-kheo tên là... pháp không mất y thì im lặng; vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận trao cho tỳ-kheo tên là... pháp không mất y rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc nầy tôi ghi nhận như vậy.»

Từ nay về sau sẽ nói giới như sau:

Tỳ-kheo nào y đã xong, y ca-thi-na đã xả, lìa một trong ba y ngủ đêm chỗ khác, trừ tăng yết-ma, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Y đã xong: đủ ba y.

Y ca-thi-na đã xả. (như trên)

Ba y: tăng-già-lê, uất-đa-la-tăng, an-đà-hội.

Y: có mười loại, như trên đã nói.

Tăng: cùng một thuyết giới, cùng một yết-ma.

Không mất y: trong Tăng-già-lam có một giới. Mất y: trong Tăng-già-lam có nhiều giới[383].

Không mất y: cây có một giới. Mất y: cây có nhiều giới.

Không mất y: sân[384] có một giới. Mất y: sân có nhiều giới.

Không mất y: xe có một giới. Mất y: xe có nhiều giới.

Không mất y: thuyền có một giới. Mất y: thuyền có nhiều giới.

Không mất y: thôn có một giới. Mất y: thôn có nhiều giới.

Không mất y: nhà có một giới. Mất y: nhà có nhiều giới.

Không mất y: giảng đường có một giới. Mất y: giảng đường có nhiều giới.

Không mất y: kho chứa có một giới. Mất y: kho chứa có nhiều giới.

Không mất y: lẫm có một giới. Mất y: lẫm có nhiều giới.

Tăng-già-lam: có bốn loại như trên[385].

Cây: cao bằng người, có bóng che đủ để ngồi kiết già.

Sân: nơi đập và phơi ngũ cốc

Xe: chỗ đủ cho xe quay đầu lại.

Thuyền: chỗ đủ cho chiếc thuyền xoay lại.

Thôn: [604a1] có bốn loại như trên[386].

Giảng đường: có nhiều khoảng trống.

Kho: nơi chứa các vật mua bán, ngựa xe v.v...

Lẫm: chỗ chứa ngũ cốc.

Giới Tăng-già-lam: giới Tăng-già-lam này, chẳng phải giới Tăng-già-lam kia. Giới Tăng-già-lam này, chẳng phải giới của cây kia. Cho đến giới của kho chứa này chẳng phải giới của kho chứa kia, cũng như vậy.

Giới cây này chẳng phải giới cây kia. Cho đến giới kho chứa, giới của Tăng-già-lam cũng như vậy.

Giới của sân này chẳng phải giới của sân kia. Cho đến giới Tăng-già-lam, giới cây, cũng như vậy. Ngoài ra xây dựng câu văn cũng như trên.

Giới Tăng-già-lam: ở đường biên của Tăng-già-lam, với sức người trung bình, dùng đá hoặc gạch quăng đến chỗ nào thì nơi đó gọi là giới[387]. Cho đến giới của kho chứa cũng như vậy.

Nếu tỳ-kheo để y ở trong Tăng-già-lam, lại ngủ ở dưới gốc cây, khi bình minh chưa xuất hiện, hoặc xả y, hoặc tay cầm y, hoặc đến chỗ đá quăng tới. Nếu không xả y, hoặc tay cầm y, hoặc đến chỗ đá quăng tới; khi bình minh xuất hiện, tùy theo chỗ lìa y ngủ, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Trừ ba y, lìa các y khác, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo để y trong Tăng-già-lam, đến chỗ sân phơi. Bình minh chưa xuất hiện, hoặc xả y, hoặc tay phải nắm y, hoặc đến chỗ đá quăng tới. Nếu không xả y, không đến chỗ đá quăng tới, mà bình minh xuất hiện, tùy theo chỗ lìa y ngủ, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Cho đến ngủ nơi kho chứa, mỗi mỗi câu cũng như vậy. Nếu tỳ-kheo để y dưới gốc cây, đến ngủ chỗ sân phơi lúa cho đến ngủ nơi kho chứa, Tăng-già-lam thì cũng như vậy.

Không mất y: Nếu nơi a-lan-nhã không có giới, trong khoảng tám cây[388]. Một cây là bảy cung. Cung pháp nước Giá-ma-lê[389] trung bình dài bốn khủy tay.

Nếu tỳ-kheo nơi a-lan-nhã có thôn, để y trong khoảng tám cây, ngủ chỗ khác, bình minh chưa xuất hiện. Không xả y, tay không nắm y, hoặc không đến chỗ đá quăng tới, khi bình minh xuất hiện, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Trừ ba y, lìa các y khác, đột-kiết-la.

Y xả đọa này nên xả cho Tăng, hoặc một nhóm người, hoặc một người; không được xả biệt chúng. Nếu xả biệt chúng, không thành xả phạm đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, đương sự nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến lễ Thượng tọa quỳ gối, chấp tay, thưa như vậy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi tỳ-kheo tên là..., đã lìa y ngủ, phạm xả đọa. Nay, tôi xả cho Tăng.»

Phạm nhơn xả rồi phải sám hối. Vị thọ sám hối phải tác bạch, sau đó mới thọ sám. Tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., lìa y ngủ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sám hối cho vị tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

Bạch như vậy rồi, sau mới nhận sám hối. Vị nhận sám hối nên nói với phạm nhân rằng:

«Hãy tự trách tâm ông!»

Phạm nhân trả lời:

«Xin vâng.»

Tăng nên hoàn y lại cho tỳ-kheo này, liền bạch nhị yết-ma. Thể thức trao lại y như vầy: trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, theo sự việc trên, tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., lìa y ngủ, phạm xả đọa; nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận đem y này hoàn lại cho tỳ-kheo... Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., lìa y ngủ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay, Tăng đem y nầy hoàn lại cho tỳ-kheo tên... Các trưởng lão chấp thuận, Tăng đem y nầy hoàn lại cho tỳ-kheo... kia thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận trao y cho tỳ-kheo... kia rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Việc này ghi nhận như vậy.»

Nếu ở trong Tăng xả y rồi, mà không hoàn lại, Tăng phạm đột-kiết-la. Khi hoàn lại, có người nói: đừng hoàn, người ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc đem làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la[390], hoặc cố làm cho hư, hoặc đốt, hoặc làm phi y, hoặc mặc luôn cho hư, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni phạm đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Đã được Tăng tác yết-ma. Khi bình minh chưa xuất hiện, tay nắm y, hoặc cả y, hoặc đến chỗ đá quăng tới, hoặc tưởng bị cưỡng đoạt, hoặc tưởng bị mất, hoặc tưởng bị cháy, hoặc tưởng bị nước trôi, hoặc tưởng bị hư hoại. Nếu đường thủy bị đứt đoạn, đường bộ bị hiểm nạn, hoặc bị giặc cướp, hoặc nạn ác thú, hoặc nước lên lớn, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, không xả y, tay không nắm tới y, không đến chỗ đá quăng tới thì không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

III. CHỜ Y MỘT THÁNG[391]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tỳ-kheo, y tăng-già-lê bị cũ rách hư hoại, tự nghĩ rằng: «Thế tôn đã vì các tỳ-kheo kiết giới: ‹Y đã xong, y ca-thi-na đã xả, cho phép chứa y dư trong mười ngày. Chứa quá hạn định ni-tát-kỳ ba-dật-đề.› Song, tăng-già-lê này của ta bị cũ hư mục, trong vòng mười ngày không thể may xong. Bây giờ, ta nên như thế nào?» Vị ấy liền nói với tỳ-kheo đồng ý rằng:

«Lành thay! Đại đức vì tôi bạch lên đức Thế tôn. Ngài dạy thế nào tôi sẽ phụng hành thế ấy.»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên nầy bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp các tỳ-kheo và bảo:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo được chứa y dư, vì chờ cho đủ.»

Nhóm sáu tỳ-kheo nghe đức Thế tôn cho phép chứa y dư vì chờ cho đủ. Họ có y phấn tảo và các loại y khác, cùng loại mà chưa đủ, liền lấy trong đó y phấn tảo giặt và nhuộm, bốn đầu góc điểm tác tịnh, đem đến gởi các tỳ-kheo thân hữu rồi du hành trong nhân gian. Vì họ đi lâu quá không trở lại, tỳ-kheo nhận gởi sợ y ẩm ướt đem phơi. Các tỳ-kheo thấy, hỏi:

«Thế tôn đã chế giới, cho phép chứa ba y, không được quá. Y nầy của ai?»

Tỳ-kheo nhận gởi trả lời:

«Y nầy là của nhóm sáu tỳ-kheo. Nhóm sáu tỳ-kheo nói: ‹Đức Thế tôn chế giới, cho phép được chứa y dư cho đến khi nào có đủ.› Họ có y phấn tảo và các loại y khác, cùng loại mà chưa đủ, nên lấy trong đó y phấn tảo, giặt và nhuộm, bốn đầu góc điểm tác tịnh, đem gởi cho tôi để du hành trong nhơn gian. Sợ hư mục nên tôi đem hong phơi.»

Lúc ấy, trong số các tỳ-kheo nghe, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Tại sao nói đức Thế tôn cho phép chứa y dư vì chờ cho đủ, mà vì cùng loại y chưa đủ, lấy trong đó y phấn tảo giặt và nhuộm, bốn đầu góc điểm tác tịnh, đem gởi cho tỳ-kheo thân hữu để du hành trong nhơn gian?»

Các tỳ-kheo liền đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp các tỳ-kheo quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Này, nhóm sáu tỳ-kheo! Tại sao Thế tôn cho phép tỳ-kheo chứa y dư vì chờ cho đủ, mà vì cùng loại y [605a1] chưa đủ lại lấy trong đó y phấn tảo giặt nhuộm, bốn đầu điểm tác tịnh, đem gởi cho tỳ-kheo thân hữu để du hành trong nhơn gian?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Đây là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào y đã đủ, y ca-thi-na đã xả, nếu tỳ-kheo được y vải phi thời, cần thì nhận; nhận rồi mau chóng may thành y; đủ thì tốt, không đủ thì được phép chứa một tháng vì chờ cho đủ; nếu chứa quá hạn, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Y đã xong: đủ ba y và y ca-thi-na đã xả.

Thời: không thọ y ca-thi-na thì sau lễ tự tứ một tháng; có thọ y ca-thi-na thì sau lễ tự tứ năm tháng.

Phi thời: nếu quá thời hạn của y nầy.

Y: có mười loại như trên đã nói.

Nếu trong mười ngày, cùng loại y[392], đủ thì nên cắt rọc ra, lược may thành y. Hoặc tác pháp tịnh thí hoặc khiến cho người. Nếu không cắt rọc, lược may thành y, không tịnh thí, không gởi cho người, ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, tùy theo số y (vải) nhiều hay ít, phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Nếu y cùng loại không đủ, đến ngày thứ mười một, y cùng loại mới đủ, trong ngày liền phải cắt rọc, lược may thành y. Nếu không cắt rọc, lược may thành y, không tịnh thí, không sai cho người, đến ngày thứ mười hai, khi bình minh xuất hiện, tùy theo số y nhiều hay ít, đều phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Như vậy, cho đến ngày thứ hai mươi chín cũng thế. Nếu cùng loại y không đủ, ngày ba mươi đủ hay không đủ, cùng loại hay không cùng loại, trong ngày đó cũng phải cắt rọc, lược may thành y, hoặc tịnh thí, hoặc sai cho người. Nếu không cắt rọc, lược may thành y, không tịnh thí, không sai cho người, đến ngày thứ ba mươi mốt, khi bình minh xuất hiện, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng hoặc nhiều người, hoặc một người; không được xả biệt chúng. Nếu xả không thành xả phạm đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giầy dép đến lễ Thượng tọa, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay, bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là..., có y như vậy, chứa quá số ngày như vậy, phạm xả đọa. Nay tôi xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Người nhận sám hối phải tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., có y như vậy, chứa quá số ngày như vậy, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo tên là... Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch như vậy rồi, sau đó mới nhận sự sám hối. Khi nhận sự sám hối nên nói với phạm nhơn rằng:

«Hãy tự trách tâm ông!»

Phạm nhơn đáp:

«Xin vâng.»

Tăng nên hoàn y lại cho tỳ-kheo này ngay, bằng pháp bạch nhị yết-ma như sau: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., có cái y như vậy, chứa quá số ngày như vậy, phạm xả đọa; nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, đem y này hoàn lại cho tỳ-kheo có tên... Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., có cái y như vậy, chứa quá ngày như vậy, phạm xả đọa; nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem y nầy hoàn lại cho tỳ-kheo có tên… Các trưởng lão nào đồng ý, Tăng đem y này hoàn lại cho tỳ-kheo có tên... thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã thuận trao y cho tỳ-kheo có tên... rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này ghi nhận như vậy.»

Nếu trong Tăng, xả y rồi, không hoàn lại, phạm đột-kiết-la. Khi hoàn lại, nếu có người bảo «đừng trả», thì người ấy phạm đột-kiết-la. Nếu không trả lại, chuyển tịnh thí, hoặc khiến cho người, hoặc đem làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc cố làm cho hư, hoặc đốt, hoặc làm phi y, hoặc luôn luôn mặc cho hư, đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề; Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni phạm đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Chứa trong vòng mười ngày. Y cùng loại đủ, cắt rọc, lược may thành y. Cùng loại y không đủ, đến ngày thứ mười một cùng loại y đủ, đã được cắt rọc, lược may thành y. Hoặc tịnh thí, sai cho người. Cho đến ngày hai mười chín cũng như vậy. Ngày thứ ba mươi đủ hay không đủ, cùng loại hay không đồng loại, nội nhật phải cắt rọc, lược may thành y, hoặc tịnh thí, sai cho người, thì không phạm.

Tưởng bị đoạt, tưởng bị mất, tưởng bị cháy, tưởng bị nước trôi mà không cắt rọc, lược may thành y, không tịnh thí, không sai cho người thì không phạm. Nếu y bị đoạt, y bị mất, y bị cháy, y bị nước trôi, lấy mặc, hoặc người cho mặc, hoặc làm mền thì không phạm. Nếu tỳ-kheo nhận gởi y, mạng chung, hoặc đi xa, hoặc thôi tu, bị giặc, hoặc bị ác thú hại, hoặc bị nước trôi không cắt rọc, không lược, không may thành y, không sai cho người thì không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

IV. NHẬN Y PHI THÂN LÝ NI[393]

A. DUYÊN KHỞI

1. LIÊN HOA SẮC

Một thời, đức Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành La-duyệt.

Bấy giờ, có người thiếu nữ tên là Liên Hoa Sắc[394], cha mẹ nàng gả nàng cho người Uất-thiền[395]. Sau đó, nàng mang thai, muốn trở về nhà cha mẹ. Nàng sanh được một đứa con gái, dung mạo đoan chánh.

Liên Hoa Sắc cùng người con gái ở chung một nhà. Trong thời gian này, chồng của Liên Hoa Sắc tư thông cùng với mẹ của Liên Hoa Sắc, bị đứa tớ gái của Liên Hoa Sắc bắt gặp, và thưa lại với Liên Hoa Sắc việc ấy. Liên Hoa Sắc nghe sự việc như vậy, thầm nghĩ và than rằng: «Sao con gái lại cùng với mẹ lấy chung một chồng. Thân người con gái để làm gì?» Liên Hoa Sắc đành bỏ hài nhi đang bồng trong tay, cải trang ra đi, đến nơi thành Ba-la-nại, đứng ngoài cửa thành. Thân hình đầy bụi bậm, và gót chân bị rách. Lúc đó, trong thành có ông trưởng giả, vợ ông vừa mạng chung, cỡi xe ra khỏi thành Ba-la-nại, để đến công viên ngắm cảnh. Ông trưởng giả gặp Liên Hoa Sắc đang đứng bên ngoài cửa thành, dung mạo đoan chánh mà thân hình lại đầy bụi bặm, gót chân rách nát, nên để ý Liên Hoa Sắc. Ông liền đến trước người nữ, hỏi:

«Cô thuộc về ai?»

Liên Hoa Sắc trả lời:

«Tôi không thuộc về ai cả.»

Ông trưởng giả lại hỏi:

«Nếu chưa thuộc về ai thì có thể vì tôi làm vợ được không?»

Liên Hoa Sắc trả lời:

«Cũng được.»

Ông trưởng giả liền bảo lên xe, chở về nhà làm vợ.

Sau một thời gian, ông trưởng giả, chồng của Liên Hoa Sắc, tập trung nhiều của quý từ Ba-la-nại đến nước Uất-thiền để buôn bán. Nơi đây, lúc bấy giờ gặp ngày đại hội, đồng nữ trong nước đến vui chơi. Người con gái của Liên Hoa Sắc, trang sức đẹp đẽ, cũng ở trong số đông những người nữ đó. Thấy người con gái nầy đoan chánh, nên ông trưởng giả để ý, liền hỏi người bên cạnh:

«Cô gái này là ai?»

Đáp rằng:

«Cô gái này tên như vậy»

Lại hỏi:

«Nhà cô ở đâu?»

Đáp rằng:

«Nhà cô ở tại chỗ ấy.»

Lại hỏi:

«Đường gì?»

Đáp rằng:

«Đường tên như vậy.

Trưởng giả lại hỏi:

«Cửa ngõ của nhà xoay về hướng nào?»

Đáp:

«Cửa ngõ của nhà xoay về hướng ấy.»

Ông trưởng giả liền đến nhà đó, hỏi người cha rằng:

«Cô gái này là con của ông phải không?»

Đáp rằng:

«Con gái của tôi đó.»

Lại hỏi:

«Ông có thể gả cho tôi không?»

Đáp rằng:

«Vâng, có thể được.»

Ông trưởng giả hỏi:

«Ông cần đòi bao nhiêu của?»

[606a1] Người cha của cô gái trả lời:

«Trao cho tôi trăm ngàn lượng vàng.»

Ông trưởng giả bèn trao đủ số. Cha của cô gái trang điểm cho con mình.

Từ nước Uất-thiền họ trở về Ba-la-nại. Liên Hoa Sắc nhìn thấy liền có cảm tưởng như đang nhìn đứa con gái mình. Cô gái này thấy Liên Hoa Sắc cũng với ý nghĩ là mẹ mình. Hai người gần gũi nhau thời gian lâu, Liên Hoa Sắc chải đầu cho người nữ kia và hỏi rằng:

«Cô em là người nước nào? Con gái nhà ai?»

Người nữ kia trả lời:

«Em là người nước Uất-thiền.»

Liên Hoa Sắc lại hỏi:

«Nhà ở chỗ nào? Đường nào? Cửa ngõ xoay về hướng nào? Cha mẹ là ai?»

Người nữ kia trả lời:

«Nhà của em ở chỗ nọ, chỗ kia, vân vân. Cha em tên như vậy như vậy.»

Liên Hoa Sắc lại hỏi:

«Mẹ của em họ gì?»

Nữ đáp rằng:

«Em không biết mẹ. Chỉ nghe người ta nói mẹ tên là Liên Hoa Sắc. Bỏ nhà đi lúc em còn nhỏ.»

Lúc ấy, Liên Hoa Sắc lòng tự nghĩ rằng: «Đây chính là con của ta.» Nàng tự oán trách mình, «Ôi! Thân người nữ để làm gì? Tại sao ngày nay, mẹ và con lại cùng lấy một chồng?» Liên Hoa Sắc liền bỏ nhà ra đi.

Khi Liên Hoa Sắc đến vườn Trúc khu Ca-lan-đà nơi thành La-duyệt, lúc bấy giờ, đức Thế tôn đang nói pháp cho vô số đại chúng vây quanh. Từ xa thấy đức Thế tôn tướng mạo đoan chánh, các căn tịch tịnh, đạt được chế ngự tối thượng như con voi chúa đã thuần, như nước lóng trong, không có bụi dơ, Liên Hoa Sắc phát tâm hoan hỷ, liền đến chỗ đức Thế tôn đảnh lễ dưới chân rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, đức Thế tôn tuần tự nói pháp vi diệu, nói về bố thí, về trì giới, về sanh thiên và chê trách dục là bất tịnh; tán thán sự xuất ly. Đức Thế tôn nói về bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Tận, Đạo, phân biệt đầy đủ.

Bấy giờ, từ chỗ ngồi, Liên Hoa Sắc đạt được pháp nhãn tịnh. Ví như tấm lụa trắng mới và sạch, không có bụi bẩn, dễ nhuộm màu sắc. Liên Hoa Sắc đặng pháp thanh tịnh cũng lại như vậy; thấy pháp, đắc pháp, đắc thành quả chứng, bèn bước lên phía trước, bạch Phật rằng:

«Nguyện đức Thế tôn cho con xuất gia, ở trong pháp của Phật, tu hạnh thanh tịnh.»

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

«Ông dẫn Liên Hoa Sắc này đến chỗ Ma-ha Ba-xà-ba-đề, cho phép cô xuất gia.»

Tôn giả A-nan liền vâng lời đức Phật dạy, dẫn Liên Hoa Sắc đến chỗ Ma-ha Ba-xà-ba-đề nói rằng:

«Đức Thế tôn có dạy, Bà hãy độ người phụ nữ này xuất gia.»

Liên Hoa Sắc liền được cho phép xuất gia.

Một thời gian sau đó, Liên Hoa Sắc nhờ nổ lực tư duy ngày càng tinh tấn, nên chứng đặng A-la-hán, đạt được đại thần lực[396].

Bấy giờ, có số đông tỳ-kheo-ni trụ nơi chỗ không nhàn[397],nhưng Liên Hoa Sắc tỳ-kheo-ni ngồi riêng trong một khu rừng khác[398] tư duy. Nơi trú xứ của Liên Hoa Sắc, lại có tên đầu lĩnh của bọn cướp thường ở tại đó. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc chấp trì oai nghi lễ tiết, khoan thai, nên tên đầu lĩnh giặc thấy vậy liền sanh thiện tâm.

Thời gian sau đó, tướng giặc bắt được nhiều thịt heo. Ăn xong còn dư, gói lại đem treo trên nhánh cây và nói: «Trong rừng này, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào, có đại thần lực thì lấy đem đi.» Tuy nói như vậy, nhưng tâm thì vì tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc.

Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc nhờ thiên nhĩ nghe, thiên nhãn thanh tịnh thấy, nên dùng tấm lụa trắng gói thịt heo treo lên nhánh cây. Sáng ngày nói với thức-xoa-ma-na, sa-di-ni rằng:

«Các con đến nơi chỗ đó. Trên nhánh cây, có cái gói bằng lụa trắng, trong đó có thịt heo. Lấy mang về.»

Cô ấy liền đến lấy về, đưa cho tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc. Tỳ-kheo Liên Hoa Sắc bảo nấu, rồi đến giờ ăn, tự tay mình đem lên trên núi Kỳ-xà-quật, dâng lên cúng dường các tỳ-kheo Thượng tọa.

Bấy giờ, có một tỳ-kheo mặc chiếc tăng-già-lê cũ rách vá chằm. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc thấy vậy, phát tâm từ mẫn, liền hỏi vị tỳ-kheo rằng:

«Thưa Đại đức! Sao Ngài mặc chiếc tăng-già-lê cũ rách đến thế?»

Vị tỳ-kheo ấy trả lời:

«Đại tỷ! Đây là pháp phải diệt tận, nên tệ hại như vậy.»

Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc đang khoác chiếc tăng-già-lê quí giá, nên thưa với vị tỳ-kheo ấy rằng:

«Thưa Đại đức! Con xin cúng chiếc y nầy cho Đại đức. Đại đức cho con xin chiếc y hiện Đại đức đang mặc có được không?» Vị Tỳ-kheo ấy trả lời:

«Được.»

Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc liền cởi y tăng-già-lê trao cho tỳ-kheo và lấy chiếc y cũ rách của tỳ-kheo mặc vào. Sau đó, Liên Hoa Sắc mặc chiếc y cũ rách này đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân rồi đứng qua một bên. Đức Thế tôn biết mà cố hỏi Liên Hoa Sắc:

«Tại sao cô mặc chiếc y cũ rách đến thế?»

Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc liền đem nhơn duyên trên bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn bảo:

«Nầy Liên Hoa Sắc! Cô không nên làm như vậy. Như lai cho phép cô chứa giữ năm y nguyên vẹn bền chắc[399]. Ngoài ra còn dư, mới tùy ý tịnh thí hoặc cho người. Tại sao vậy? Vì người nữ mặc y phục thượng hạng còn chưa tốt, huống chi là mặc y xấu.»

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo. Ngài biết mà cố hỏi tỳ-kheo kia rằng:

«Thật sự ông có nhận y từ tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc chăng?»

Vị tỳ-kheo kia thưa:

«Bạch đức Thế tôn đúng như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách vị tỳ-kheo kia:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại nhận y từ tỳ-kheo-ni?»

Quở trách rồi, đức Thế tôn bảo các tỳ-kheo:

«Người này là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các tỳ-kheo biết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo nào, thọ nhận y từ tỳ-kheo-ni[400],ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

2. NHỮNG NGOẠI LỆ

Khi đức Thế tôn đã vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, các tỳ-kheo đều sợ nên cẩn thận không dám nhận lấy y từ nơi tỳ-kheo-ni thân quyến. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo thọ nhận y từ tỳ-kheo-ni thân quyến. Tại sao vậy? Nếu không phải thân quyến thì không thể trù lượng được là nên lấy hay không nên lấy; hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc cũ, hoặc mới. Nếu là thân quyến thì trù lượng được, biết họ có khả năng hay không, nên nhận không nên nhận, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc cũ, hoặc mới.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

«Tỳ-kheo nào, thọ nhận y từ tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.»

Khi đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như trên rồi, thì bấy giờ, trong Kỳ- hoàn, hai bộ Tăng[401] nhận được y cúng dường, cùng chia.

Bấy giờ, có tỳ-kheo nhận nhầm y của tỳ-kheo-ni, tỳ-kheo-ni nhận nhầm y của tỳ-kheo. Lúc bấy giờ, tỳ-kheo-ni mới đem y đến trong Tăng-già-lam, thưa với tỳ-kheo rằng:

«Tôi đem y nầy đến trao cho Đại đức, Đại đức trao y của Đại đức cho tôi.»

Các tỳ-kheo bảo:

«Đức Phật không cho phép chúng tôi thọ nhận y từ tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn bảo các tỳ-kheo:

Từ nay về sau, cho phép trao đổi y. Muốn nói giới phải nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, thọ nhận y từ tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, trừ đổi chác, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Chẳng phải thân quyến[402]: chẳng phải cha mẹ thân quyến cho đến bảy đời không thân.

Thân quyến[403]: cha mẹ thân quyến cho đến bảy đời thân quyến.

Y: có mười loại như đã nói ở trên.

Đổi chác[404]: dùng y đổi y, dùng y đổi phi y, hoặc dùng phi y đổi y, hoặc dùng kim đổi lấy ống đồng, hoặc dao, hoặc chỉ... cho đến một viên thuốc để đổi y.

Nếu tỳ-kheo nào, thọ nhận y từ nơi tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, trừ đổi chác, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Vật ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người; không được xả biệt chúng. Nếu xả không thành xả phạm đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, nên đến trong Tăng, [607a1] trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến lễ Thượng tọa, quỳ gối, chấp tay, tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là..., đã thọ nhận y từ tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Trước hết người thọ sám nên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là...., đã thọ nhận y từ tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, phạm xả đọa,

nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi thọ sự sám hối của tỳ-kheo nầy tên là... Đây là lời tác bạch.»

Bạch rồi mới nhận sám hối. Vị nhận sám hối nên nói với phạm nhân rằng:

«Hãy tự trách tâm ông!»

Phạm nhơn đáp:

«Xin vâng.»

Tăng nên trả lại y cho tỳ-kheo nầy liền, bằng bạch nhị yết-ma để trao. Tăng nên sai một Tỳ-kheo có khả năng tác yết-ma, theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., đã thọ nhận y từ tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng; Tăng chấp thuận trả lại y cho tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo nầy tên là..., đã thọ nhận y từ tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến phạm xả đọa; nay xả cho Tăng. Tăng nay đem y này hoàn lại cho tỳ-kheo nầy tên là... Các trưởng lão nào đồng ý, Tăng đem y này trải lại cho tỳ-kheo có tên này thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận trao cho y cho tỳ-kheo kia tên là... rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Việc này ghi nhận như vậy.»

Trước Tăng, đã xả y rồi, mà Tăng không trả lại, phạm đột-kiết-la. Khi trả y, nếu có người bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la. Nếu chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc đem làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc cố làm cho hư, hoặc đốt, hoặc làm phi y, hoặc mặc luôn cho cho hư, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó là phạm.

Sự không phạm: Thọ nhận y từ tỳ-kheo-ni thân quyến, hoặc đổi chác. Vì Tăng vì Phật đồ mà lấy thì không phạm.

Người không phạm: đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

V. NHỜ PHI THÂN LÝ NI GIẶT Y CŨ[405]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ca-lưu-đà-di có nhan sắc đoan chánh. Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà cũng lại đoan chánh. Ca-lưu-đà-di để ý Thâu-lan-nan-đà. Thâu-lan-nan-đà cũng để ý Ca-lưu-đà-di.

Đến giờ khất thực, Ca-lưu-đà-di khoác y, bưng bát, đến chỗ Thâu-lan-nan-đà, ngồi ngay trước mặt, để lộ hình. Tỳ-kheo-ni cũng lại ngồi để lộ hình. Hai bên nhìn nhau với dục tâm. Một lúc sau, Ca-lưu-đà-di xuất đồ bất tịnh, làm bẩn an-đà-hội. Thâu-lan-nan-đà thấy vậy nói rằng:

«Đại đức đưa cái y đây, tôi giặt cho.»

Ca-lưu-đà-di liền thay đưa cho. Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà nhận được y, đến chỗ vắng dùng ngón tay lấy đồ bất tịnh cho vào miệng, rồi lại lấy một ít cho vào trong đường tiểu tiện, sau đó có thai. Các tỳ-kheo-ni thấy vậy hỏi rằng:

«Cô không biết hổ thẹn, đã làm hạnh bất tịnh.»

Thâu-lan-nan-đà nói:

«Đại tỷ! Tôi không phải không có hổ thẹn. Tôi không phạm tịnh hạnh.»

Các tỳ-kheo-ni nói:

«Nếu cô không phạm tịnh hạnh thì tại sao có thai? Các tỳ-kheo-ni không phạm tịnh hạnh sao họ lại không có thai?»

Bấy giờ, Thâu-lan-nan-đà mới đem sự việc đã xảy ra trình bày rõ ràng với các tỳ-kheo-ni.

Trong số các tỳ-kheo-ni nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, vì nhơn duyên này hiềm trách Ca-lưu-đà-di:

«Sao Tôn giả lại nhờ tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà làm việc như vậy?»

Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật.

Lúc bấy giờ, đức Phật vì nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn cố hỏi Ca-lưu-đà-di:

«Có thật ông đã nhờ tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà làm việc như vậy chăng?»

Ca-lưu-đà-di thừa nhận là có.

Đức Phật dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại nhờ tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà làm việc như vậy?»

Quở trách xong, Phật bảo các tỳ-kheo:

«Đây là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vậy:

«Tỳ-kheo nào, khiến tỳ-kheo-ni giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.»

Khi đức Thế tôn vì các tỳ-kheo chế giới như vậy rồi, sau đó các tỳ-kheo đều sợ, cẩn thận không dám khiến tỳ-kheo-ni thân quyến giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập. Đức Phật dạy:

«Cho phép các tỳ-kheo khiến tỳ-kheo-ni thân quyến giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập... »

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, khiến tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Chẳng phải thân quyến: như trên đã giải.

Thân quyến: cũng như vậy.

Y cũ: là chỉ cần một lần mặc qua.

Y: nói mười loại như trên.

Nếu tỳ-kheo khiến tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập, (tỳ-kheo) phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Bảo giặt, nhuộm, đập, nhưng cô ni chỉ giặt nhuộm mà không đập, (tỳ-kheo) phạm hai ni-tát-kỳ ba-dật-đề, một đột-kiết-la.

Bảo giặt, nhuộm, đập mà cô ni giặt, không nhuộm mà đập, phạm hai ni-tát-kỳ ba-dật-đề, một đột-kiết-la.

Bảo giặt, nhuộm, đập, nhưng cô ni không giặt mà nhuộm đập, (tỳ-kheo) phạm hai ni-tát-kỳ ba-dật-đề, một đột-kiết-la.

Bảo giặt, nhuộm, đập, nhưng ni không giặt, không nhuộm, không đập, (tỳ-kheo) phạm ba đột-kiết-la.

Nếu tỳ-kheo khiến thức-xoa-ma-na, sa-di-ni chẳng phải thân quyến giặt nhuộm, đập y cũ, (tỳ-kheo) phạm đột-kiết-la.

Nếu bảo tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, đập y mới, (tỳ-kheo) phạm đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người; không được xả biệt chúng. Nếu xả không thành xả, phạm đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến lễ Thượng tọa, quỳ gối bên hữu sát đất, chấp tay thưa:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., đã khiến tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, đập y cũ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Trước hết vị thọ sám phải bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., đã khiến tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, đập y cũ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo có tên là... Đây là lời tác bạch.»

Bạch rồi sau đó mới nhận sám hối. Vị nhận sám hối nên nói với phạm nhân:

«Hãy tự trách tâm ông!»

Phạm nhân đáp:

«Xin vâng.»

Tăng nên trả y lại cho tỳ-kheo này liền, bằng bạch nhị yết-ma, như vầy: Tăng sai một vị có thể tác yết-ma, theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã sai tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, đập y cũ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng; Tăng chấp thuận, đem y nầy trả lại cho tỳ-kheo có tên... Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo nầy tên là..., đã sai tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, đập y cũ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng; Tăng chấp thuận đem y này hoàn lại cho tỳ-kheo có tên... Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã sai tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, đập y cũ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem y này hoàn lại cho [608a1] tỳ-kheo nầy. Các trưởng lão nào đồng ý, Tăng đem y này hoàn lại cho tỳ-kheo này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã đồng ý trao y cho tỳ-kheo tên là... rồi. Tăng đã đồng ý nên im lặng. Việc này ghi nhận như vậy.»

Trong Tăng vị tỳ-kheo này đã xả y rồi, nếu Tăng không trả lại, phạm đột-kiết-la. Khi trả lại, có người bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la. Nếu không trả lại, mà chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc tự làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc đốt, hoặc cố làm cho hư hoại, hoặc mặc luôn cho rách, đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó là phạm.

Sự không phạm: Trao y cũ cho ni thân quyến giặt, nhuộm, đập; hoặc vì người bệnh mà giặt, nhuộm, đập; hoặc vì Tăng, Phật đồ giặt nhuộm đập; hoặc mượn y người khác giặt, nhuộm, đập thì không phạm.

Người không phạm: đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.[406]

---o0o---

VI. XIN Y NƠI NHÀ PHI THÂN LÝ[407]

A. DUYÊN KHỞI

1. XIN Y TỪ PHI THÂN LÝ

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một gia chủ[408], vào buổi sáng, thắng cỗ xe, cùng đoàn tùy tùng đến công viên, rồi quay xe trở lại tinh xá Kỳ-hoàn; để xe bên ngoài cửa ngõ Kỳ-hoàn, đi bộ vào gặp Bạt-nan-đà Thích tử; lễ kính, hỏi chào. Rồi ngồi phía trước mặt mà nghe pháp.

Bạt-nan-đà Thích Tử là người biện tài, trí tuệ, nói pháp khéo léo. Ông nói pháp cho gia chủ này nghe dưới nhiều hình thức khác nhau, khai hóa, khuyến khích, khiến gia chủ sanh lòng hoan hỷ. Gia chủ nghe pháp rồi, liền nói với Bạt-nan-đà rằng:

«Tôn giả cần gì, xin cho biết.»

Bạt-nan-đà trả lời:

«Không cần gì cả. Sự thỉnh cầu này cũng là sự cúng dường rồi.»

Gia chủ lại nói:

«Xin Ngài cứ nói. Nếu cần dùng thứ gì, không nên ái ngại.»

Bạt-nan-đà nói:

«Thôi! Thôi! Không phiền hỏi nữa. Giả sử tôi có điều cần thì gia chủ cũng không thể cho được đâu.»

Gia chủ lại nói:

«Xin Ngài cứ nói. Tôi sẽ theo sự cần dùng mà cung cấp cho.»

Lúc ấy, gia chủ này mặc chiếc áo lụa trắng, rộng dài, quý giá. Bạt-nan-đà nói:

«Chiếc y ông đang mặc, có thể cho tôi. Tôi cần chiếc y đó.»

Gia chủ trả lời:

«Sáng mai đến nhà, tôi sẽ trao cho Ngài.»

Bạt-nan-đà nói:

«Tôi đã nói với ông trước rồi, ‹Giả sử tôi có điều cần thì Gia chủ cũng không thể cho được đâu.› Điều đó bây giờ đúng như tôi đã nói.»

Gia chủ thưa:

«Tôi cho Ngài chứ chẳng phải là không cho. Nhưng ngày mai hãy đến, tôi sẽ cho y này. Hoặc cho cái khác còn tốt hơn nữa. Bây giờ, nếu cởi chiếc y này dâng cho Ngài thì cũng được, nhưng tôi không thể không có y mà vào thành Xá-vệ.»

Bạt-nan-đà nói:

«Thôi! Thôi! Tôi không cần nữa.»

Khi ấy, gia chủ nổi giận, không vui, liền cởi y xếp lại trao cho Bạt-nan-đà và nói rằng:

«Tôi đã thưa với Đại đức là ngày mai hãy đến, tôi sẽ cho y này, hoặc cho cái khác còn tốt hơn nữa. Nhưng Đại đức không tin, khiến cho bây giờ tôi chỉ quấn một chiếc y[409] mà vào thành Xá-vệ.»

Rồi, gia chủ ra khỏi tinh xá Kỳ-hoàn, lên xe, chỉ quấn một chiếc y mà vào thành. Người giữ cửa thấy vậy liền hỏi ông gia chủ:

«Ông từ đâu về? Bị ai cướp y?»

Ông gia chủ bảo:

«Vừa bị giặc cướp trong Kỳ-hoàn.»

Lập tức người giữ cửa liền vớ ngay dao gậy, định đi đến Kỳ-hoàn. Gia chủ nói:

«Thôi! Thôi! Khỏi phải đi.»

Người giữ cửa hỏi:

«Tại sao vậy?»

Bấy giờ, gia chủ thuật rõ nhơn duyên. Các cư sĩ nghe qua đều cơ hiềm rằng: «Sa-môn Thích tử mong cầu nhiều, không biết đủ, không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy thì có chánh pháp gì? Sao lại đòi cho kỳ được chiếc áo mà gia chủ đang mặc trên thân? Đàn-việt cúng dường tuy không nhàm chán nhưng người thọ nhận phải biết đủ chứ.»

Trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử: «Sao Thầy lại đòi cho kỳ được chiếc áo quý giá mà ông gia chủ đang mặc trên người?»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên

đức Phật một cách đầy đủ. Lúc bấy giờ, đức Thế tôn mới tập hợp các tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn cố hỏi Bạt-nan-đà:

«Có thật ông đòi cho được chiếc áo mà ông gia chủ đang mặc trên người hay không?»

Bạt-nan-đà thưa:

«Bạch Thế tôn, có như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà rằng:

«Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại đòi xin cho kỳ được chiếc y mà ông gia chủ đang mặc trên mình?»

Đức Phật quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Bạt-nan-đà là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vậy:

«Tỳ-kheo nào, xin y nơi cư sĩ, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.»

Khi đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, các tỳ-kheo đều sợ, cẩn thận không dám xin y nơi cư sĩ thân quyến. Đức Phật dạy:

«Các tỳ-kheo xin y nơi cư sĩ thân quyến, không phạm.»

Từ nay về sau muốn nói giới, nên nói như vầy:

«Tỳ-kheo nào, xin y nơi cư sĩ chẳng phải thân quyến, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.»

---o0o---

2. TỲ KHEO Y BỊ CƯỚP

Khi đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, bấy giờ, có số đông tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la hạ an cư xong, ngày mười lăm tự tứ rồi, ngày mười sáu mang y cầm bát đến chỗ đức Thế tôn. Vì ban ngày nắng nóng, các tỳ-kheo không thể đi được, mới đi ban đêm. Họ bị lạc vào đường dữ và gặp ổ cướp. Chúng vừa cướp đoạt được của người một số của cải lớn đem về đó. Bọn cướp gặp tỳ-kheo nơi đường dữ, bèn hỏi:

«Các ông đến đây tìm chúng tôi phải không?»

Các tỳ-kheo trả lời:

«Không phải chúng tôi đi tìm các ông. Chúng tôi vừa hạ an cư ở nước Câu-tát-la xong, ngày mười lăm tự tứ rồi, nên ngày mười sáu mang y cầm bát muốn đến gặp đức Thế tôn. Từ đó đến đây. Ban ngày bị nắng nóng, chúng tôi đi không được; đi ban đêm mới bị lạc đường nên đến đây, chứ không phải đi tìm các ông.»

Bọn giặc hỏi:

«Nếu các ông không đi tìm chúng tôi thì tại sao đi con đường này? Há không muốn hại chúng tôi sao?»

Chúng nói xong liền đánh các tỳ-kheo gần chết và cướp lấy y bát. Các tỳ-kheo phải trần truồng mà đi; đến đứng ngoài cổng Kỳ-hoàn. Các tỳ-kheo thấy vậy nói rằng:

«Quý vị là Ni-kiền-tử lõa hình, không được vào trong Kỳ-hoàn.»

Các tỳ-kheo kia nói rằng:

«Chúng tôi chẳng phải Ni-kiền-tử. Mà là Sa-môn Thích tử.»

Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly đang kinh hành cách đó không xa, các tỳ-kheo đến hỏi Tôn giả rằng:

«Hiện có một đám người trần truồng đang đứng ngoài cửa ngõ. Chúng tôi nói, ‹Các Tôn giả là Ni-kiền-tử, chớ vào tịnh xá Kỳ-hoàn.› Những người ấy nói, ‹Chúng tôi không phải Ni-kiền-tử mà là sa-môn Thích tử.›»

Rồi các tỳ-kheo nói với Tôn giả [609a1] Ưu-ba-ly rằng:

«Tôn giả nên ra xem, coi thử họ là ai?»

Tôn giả liền ra ngoài cổng, hỏi:

«Quý vị là ai?»

Đáp rằng:

«Chúng tôi là Sa-môn Thích tử.»

Lại hỏi:

«Quý vị bao nhiêu tuổi?»

Đáp rằng:

«Chúng tôi chừng ấy tuổi.»

Lại hỏi:

«Quý vị thọ giới khi nào?»

Đáp rằng:

«Chúng tôi thọ giới năm ấy.»

Lại hỏi:

«Hòa thượng của quý vị là ai?»

Đáp rằng:

«Hòa thượng của chúng tôi hiệu là như vậy.»

«Tại sao quý vị lại trần truồng?»

Các tỳ-kheo liền trình bày đầy đủ nhơn duyên đã xảy ra. Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly trở lại chỗ các tỳ-kheo nói:

«Những vị đó chẳng phải là Ni-kiền-tử mà là sa-môn Thích tử.»

Rồi Tôn giả Ưu-ba-ly bảo các tỳ-kheo đó rằng:

«Các Thầy nên tạm mượn y để mặc. Chớ nên trần truồng đến gặp đức Thế tôn.»

Các tỳ-kheo liền mượn y mà khoác vào, rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, đức Thế tôn an ủi và hỏi các tỳ-kheo:

«Các ngươi thân được an ổn không? Đi đứng có được hòa hợp an lạc không? Không vì sự ăn uống mà khổ chăng?»

Các tỳ-kheo thưa:

«Bạch Đại đức, chúng con thân được an ổn. Đi đứng có được hòa hợp an lạc. Không vì sự ăn uống mà khổ. Chúng con ở nước Câu-tát-la an cư xong, tự tứ rồi, mang y cầm bát, muốn đến thăm hỏi đức Thế tôn. Ban ngày vì nắng nóng không đi được, đi ban đêm nên bị lạc đường, gặp bọn ăn cướp...» Trình rõ nhơn duyên đầy đủ như trên với đức Thế tôn.

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo rằng:

«Các ông làm việc sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Các ông là người ngu si, tại sao trần truồng mà đi? Nếu trần truồng mà đi, phạm đột-

kiết-la. Nếu gặp trường hợp như vậy nên dùng cỏ mềm hay lá cây che mình, đến chùa gần nhất. Trước hết, có y dư thì nên lấy để mặc. Nếu không có thì hỏi các tỳ-kheo quen biết, có y dư nên mượn để mặc. Nếu bạn quen biết không có y, nên hỏi trong Tăng có y nào có thể chia. Nếu có thì chia, còn không có thì nên hỏi có ngọa cụ hay không? Nếu có ngọa cụ thì đưa, nếu không có đưa cho thì tự mình mở kho xem có mền, đồ trải đất, điệp, chăn... trích lấy, cắt thành y dùng để tự che thân, rồi ra ngoài mà đi xin y.»

Khi ấy các tỳ-kheo cẩn thận, sợ không dám đem vật từ chỗ này đến chỗ khác. Đức Phật dạy:

«Cho phép.»

Bấy giờ, tỳ-kheo y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị trôi, vì cẩn thận sợ không dám mặc y của Tăng. Đức Phật dạy:

«Được phép mặc.»

Các tỳ-kheo nhận được y rồi, không trả lại chỗ cũ cho Tăng. Phật dạy: «Không nên như vậy. Nếu nhận được y rồi nên giặt nhuộm, chằm vá, an trí lại chỗ cũ. Nếu không an trí lại chỗ cũ thì như pháp mà trị.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị trôi, cẩn thận sợ không dám đến nơi cư sĩ, vợ cư sĩ không thân quyến xin y. Đức Phật dạy: «Nếu y bị mất, y bị cướp, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi thì được phép đến nơi cư sĩ hay vợ cư sĩ không thân quyến xin y.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, xin y từ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến, ni-tát-kỳ ba-dật-đề, trừ trường hợp đặc biệt[410]. Trường hợp đặc biệt là nếu tỳ-kheo y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi[411]. Đây là trường hợp đặc biệt.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Thân quyến, chẳng phải thân quyến: như trên đã giải.

Cư sĩ, vợ cư sĩ: cũng đã nói ở trên.

Y: có mười loại như trên đã trình bày.

Nếu tỳ-kheo nào xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ không phải thân quyến, ni-tát-kỳ ba-dật-đề, trừ trường hợp đặc biệt.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người; không được xả biệt chúng. Nếu xả không thành xả phạm đột-kiết-la.

Khi xả cho tăng, nên đến trong Tăng trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến lễ Thượng tọa, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là..., đã xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải thân quyến, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Trước hết người nhận sám hối phải tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải thân quyến, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

Bạch rồi sau đó mới nhận sám hối. Vị nhận sám hối nên nói với tỳ-kheo kia rằng:

«Thầy nên tự trách tâm mình!»

Trả lời:

«Xin vâng.»

Tăng nên hoàn y lại cho người này liền, bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, đựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải thân quyến, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng chấp thuận, đem y này hoàn lại cho tỳ-kheo tên là... Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải thân quyến, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem y này hoàn lại cho tỳ-kheo nầy. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng đem y này hoàn lại cho tỳ-kheo nầy thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận trao y cho tỳ-kheo có tên... rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Phạm nhơn xả y trong Tăng rồi, Tăng không hoàn lại, phạm đột-kiết-la. Khi hoàn y lại, có người bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu không hoàn lại, mà chuyển làm tịnh khí, hoặc sai cho người, hoặc tự làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc cố làm cho hư hoại, hoặc đốt, hoặc mặc luôn cho rách, đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni phạm đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: y bị đoạt, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi, được phép xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ không phải thân quyến, hoặc xin nơi người đồng xuất gia, hoặc xin vì người khác, hay người khác xin vì mình. Hoặc không mong cầu mà được thì không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

VII. NHẬN Y QUÁ PHẦN[412]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có số đông tỳ-kheo đến tinh xá Kỳ-hoàn sau khi gặp bọn cướp cướp mất y.

Bấy giờ, có ưu-bà-tắc nghe có số đông tỳ-kheo đến tinh xá Kỳ-hoàn sau khi gặp bọn cướp cướp mất y, liền đem nhiều y tốt đến chỗ các tỳ-kheo, hỏi:

«Vừa rồi nghe có các tỳ-kheo bị mất y đến đây, là những vị nào?»

Các tỳ-kheo trả lời:

«Chính chúng tôi. Vậy hỏi có việc gì?»

Vị ưu-bà-tắc thưa:

«Chúng con nghe các tỳ-kheo gặp giặc cướp, cướp mất y, đã đến nơi Kỳ-hoàn nầy, nên đem những y này đến dâng cúng các Đại đức bị mất y. Xin các Ngài tùy ý nhận.»

Các tỳ-kheo nói:

«Thôi! Thôi! Thỉnh cầu như thế đã là cúng dường rồi. Chúng tôi đã đủ ba y, khỏi phải nhận nữa.»

Nhóm sáu tỳ-kheo nghe thế, nói với các tỳ-kheo rằng:

«Này các Đại đức, các Ngài đủ ba y rồi, sao không nhận để cho chúng tôi, hay là cho người khác.»

Các cư sĩ đã vì các tỳ-kheo bị mất y nên đem y đến cúng. Các tỳ-kheo đủ ba y rồi lại nhận y của cư sĩ rồi cho nhóm sáu tỳ-kheo và người khác.

Bấy giờ, trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiền trách các tỳ-kheo: «Cư sĩ nơi Xá-vệ đã vì các tỳ-kheo bị mất y nên đem y đến cúng. Các vị đủ ba y rồi, tại sao lại lấy y của họ đem cho nhóm sáu tỳ-kheo và các người khác?» Hiềm trách xong, tỳ-kheo thiểu dục đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem [610a1] nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp các tỳ-kheo lại. Ngài biết mà vẫn cố hỏi:

«Này các tỳ-kheo, có thật các ngươi đã đủ ba y mà nhận y của người, đem cho nhóm sáu tỳ-kheo và các người khác không?»

Các tỳ-kheo thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, có thật như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo:

«Các ông làm việc sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Cư sĩ Xá-vệ đã vì các tỳ-kheo bị mất y nên đem y đến cúng, tại sao các ngươi đủ ba y rồi lại nhận y của họ để cho nhóm sáu tỳ-kheo và các người khác?»

Quở trách rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Các tỳ-kheo này là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, y bị mất, y bị cướp, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi, nếu có cư sĩ, vợ cư sĩ không phải thân quyến, đem cho nhiều y yêu cầu tùy ý nhận. Tỳ-kheo ấy nên biết đủ mà nhận. Nếu nhận quá, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Chẳng phải thân quyến: cư sĩ, vợ cư sĩ.

Y: có mười loại cũng như trước đã nói.

Nếu mất một y, không nên nhận. Nếu mất hai y còn lại một y hai lớp, ba lớp, bốn lớp, thì nên tháo ra làm tăng-già-lê, uất-đa-la-tăng hay an-đà-hội. Nếu ba y đều bị mất thì tỳ-kheo ấy nên tri túc mà nhận y. Tri túc có hai nghĩa: tri túc của người tại gia và tri túc của người xuất gia.

- Tri túc của người tại gia: tùy theo khả năng của người bạch y cho y mà nhận.

- Tri túc của người xuất gia: tức ba y vậy.

Nếu cư sĩ yêu cầu tùy ý[413], cúng nhiều y cho tỳ-kheo, hoặc y mịn, hoặc y mỏng, hoặc y không bền chắc thì nên xếp lại hai lớp, ba lớp, bốn lớp để may. Trên vai nên xếp một miếng để ngăn mồ hôi và làm khâu hoàn. Nếu còn dư, hãy nói với cư sĩ, «Vải này còn dư, nên cắt làm gì?» Nếu người đàn-việt bảo, «Không phải tôi vì vấn đề mất y dâng cúng, mà do tự nguyện, xin được dâng cúng cho Đại đức.» Vị kia muốn nhận thì cứ nhận. Nếu tỳ-kheo nhận y quá mức tri túc, phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc số đông, hoặc một người; không được xả biệt chúng. Nếu xả, không thành xả phạm đột-kiết-la.

Khi xả nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến lễ Thượng tọa, quỳ gối hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là..., đã nhận y quá mức tri túc, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám hối trước hết phải tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., đã nhận quá mức tri túc của y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo tên là... Đây là lời tác bạch.»

Bạch rồi sau đó mới thọ sám hối. Vị thọ sám nên nói với Tỳ-kheo phạm tội là:

«Thầy nên tự trách lòng mình!»

Tỳ-kheo phạm tội trả lời:

«Xin vâng.»

Tăng nên hoàn y lại cho tỳ-kheo này bằng bạch nhị yết-ma như vầy: trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã nhận quá mức tri túc của y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, đem y này hoàn lại cho tỳ-kheo có tên... Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã nhận quá mức tri túc của y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Bây giờ, Tăng đem y này hoàn lại cho tỳ-kheo ấy. Các trưởng lão

nào đồng ý đem y này hoàn lại cho tỳ-kheo ấy thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Tăng đã chấp thuận trao lại y cho tỳ-kheo có tên là... rồi.»

«Tăng đã chấp thuận trao lại y cho tỳ-kheo có tên là... rồi. Vì im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo ấy đã xả y trong Tăng rồi mà Tăng không trả lại, Tăng phạm đột-kiết-la. Khi hoàn lại, có người bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu không hoàn lại mà chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc tự làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc cố ý làm cho hư, hoặc đốt, hoặc mặc mãi cho rách, đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu tri túc nhận, hoặc dưới mức tri túc, hoặc cư sĩ cúng nhiều y, hoặc mịn mỏng, không bền chắc xếp hai, ba, bốn lớp may thành y, đặt một miếng ngăn mồ hôi, may khâu hoàn. Nếu y (vải) còn dư, nói với cư sĩ: «Vải còn dư, làm gì?» Nếu cư sĩ nói: «Không phải tôi vì mất y mà cúng, do tôi tự nguyện muốn dâng cúng cho Đại đức.» Họ nói như vậy, tỳ-kheo cần thì nhận, không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

VIII. KHUYÊN CƯ SĨ TĂNG GIÁ Y[56]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá- vệ.

Bấy giờ, có một tỳ-kheo khất thực, đến giờ, đắp y, bưng bát vào thành Xá-vệ, đến nhà cư sĩ xin thức ăn, nghe vợ chồng cư sĩ cùng bàn tính, «Bạt-nan-đà Thích tử là bạn quen biết xưa kia của ta. Nên đem số tiền để mua y với giá như vậy, mua y như vậy đem đến dâng cúng cho tỳ-kheo kia.» Tỳ-kheo khất thực rồi trở về Tăng-già-lam, gặp Bạt-nan-đà Thích tử, bảo rằng:

«Chưa có người nào trong giòng họ Cù-đàm có đại phước đức như ngài.»

Bạt-nan-đà Thích tử liền hỏi:

«Tôi có việc gì mà nói tôi là người phước đức?»

Vị tỳ-kheo khất thực trả lời:

«Tôi vào trong thành khất thực, nghe vợ chồng cư sĩ cùng bàn tính như vầy, ‹Bạt-nan-đà Thích tử là bạn quen biết xưa kia của ta. Nên đem số tiền để mua y với giá như vậy, mua y như vậy đem đến dâng cúng.›»

Bạt-nan-đà liền hỏi:

«Có đúng như vậy hay chăng?»

Vị tỳ-kheo ấy trả lời:

«Đúng như vậy.»

Bạt-nan-đà lại hỏi:

«Nhà cư sĩ kia ở chỗ nào, cửa hướng nào?»

Tỳ-kheo khất thực trả lời:

«Nhà cư sĩ ấy ở chỗ đó, cửa ngõ xoay về hướng đó.»

Bạt-nan-đà liền nói với tỳ-kheo khất sĩ rằng:

«Vâng, người đó là bạn thân quen của tôi xưa kia, là đàn-việt thường cúng dường tôi, đúng như lời của thầy nói.»

Sáng sớm hôm sau, Bạt-nan-đà đắp y bưng bát vào thành Xá-vệ, đến nhà cư sĩ nói rằng:

«Có phải Cư sĩ muốn cho tôi y không?»

Cư sĩ nói:

«Tôi có bàn tính riêng như vậy.»

Bạt-nan-đà nói với cư sĩ:

«Nếu muốn cho tôi y thì nên may dài, rộng, loại bền chắc, tốt đẹp mới đúng loại y tôi thọ trì. Nếu không đúng, tôi không nhận, thì may làm gì.»

Lúc ấy, cư sĩ kia liền cơ hiềm rằng:

«Sa-môn Thích tử không có tàm quý, nhiều mong cầu không biết chán, bên ngoài tự xưng rằng ‹Tôi biết chánh pháp›; nhưng lại cưỡng bức người, đòi hỏi y tốt. Như vậy làm gì có chánh pháp? Người cho tuy không biết nhàm chán nhưng người nhận phải biết đủ chứ. Người ta bàn tính riêng tư mà lại rình nghe là sao!»

Lúc ấy, có tỳ-kheo khất thực nghe, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Tại sao lại cưỡng bức người đòi cho được y tốt như vậy?»

Tỳ-kheo khất thực liền ra khỏi thành, về đến trong Tăng-già-lam, đem nhơn duyên này đến nói với các tỳ-kheo.

Trong số đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Tại sao Thầy cưỡng bức người, đòi cho được y tốt như vậy?»

Hiềm trách xong, vị ấy đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao đến người cưỡng bức đòi cho được y tốt như vậy?»

Quở trách rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này lần đầu. Từ nay về sau, ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa... cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

«Tỳ-kheo nào, có cư sĩ, hay vợ cư sĩ để dành tiền sắm y cho tỳ-kheo, nghĩ rằng: ‹Mua y như thế cho tỳ-kheo có tên như thế.› Tỳ-kheo ấy liền đến nhà cư sĩ nói như vầy: ‹Lành thay cư sĩ, nên vì tôi mua y như vậy, như vậy.› Vì muốn đẹp. Nếu nhận được y, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.»

Khi đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, bấy giờ có cư sĩ muốn dâng cúng y theo ý muốn của tỳ-kheo, nên hỏi:

«Đại đức cần loại y nào?»

Tỳ-kheo ấy nghi ngại, không dám trả lời. Đức Phật dạy:

«Nếu cư sĩ yêu cầu tỳ-kheo tùy ý, thì nên trả lời.»

Lại có cư sĩ muốn cúng cho tỳ-kheo y quý giá, mà tỳ-kheo kia là vị thiểu dục tri túc, không cần loại y đại quý giá này,

mà muốn cần loại y không quý giá. Tỳ-kheo kia ý nghi ngại không muốn nói lên ý của mình. Đức Phật dạy:

«Cho phép các tỳ-kheo thiểu dục tri túc yêu cầu loại y không quý giá.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, có cư sĩ, hay vợ cư sĩ[414] để dành tiền sắm y cho tỳ-kheo, nghĩ rằng: ‹Mua y như thế cho tỳ-kheo có tên như thế.› Tỳ-kheo ấy trước không được yêu cầu tùy ý mà đến nhà cư sĩ nói như vầy: ‹Lành thay cư sĩ, nên vì tôi mua y như vậy, như vậy.› Vì muốn đẹp. Nếu nhận được y, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Cư sĩ, vợ cư sĩ: cũng như trước đã giải.

Tiền sắm y[415]: giá tiền để sắm y, hoặc vàng bạc, trân châu, lưu ly, vỏ sò, ngọc thạch, anh lạc, vàng y.

Y: có mười loại như trước đã nói.

Cầu xin[416]: có hai cách. Một là cầu xin tiền để mua y, hai là cầu xin y.

- Cầu xin số tiền để may y: đàn-việt cúng để may y với giá lớn chừng ấy mà cầu xin thêm, dù chỉ 1 phần 16 tiền.

- Cầu xin y: nói với người cư sĩ, may pháp y dài, rộng như vậy, cho đến dù xin thêm một sợi chỉ.

Tỳ-kheo nầy trước không được yêu cầu tùy ý mà đến cầu y quý giá dài rộng, nếu nhận được y, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Cầu mà không nhận được, phạm đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, phạm đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến lễ Thượng tọa, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là..., trước không được yêu cầu tùy ý cúng dường y mà đến cầu y quý giá, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi nên sám hối. Vị nhận sám hối trước hết phải bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., trước không được yêu cầu tùy ý cúng dường y, mà đến cầu y quý giá, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo có tên... Đây là lời tác bạch.»

Bạch rồi sau đó mới nhận sự sám hối. Vị nhận sự sám hối nên bảo tỳ-kheo phạm tội rằng:

«Hãy tự trách tâm của mình!»

Tỳ-kheo phạm tội nói:

«Xin vâng.»

Tăng nên hoàn y lại cho tỳ-kheo này liền, bằng bạch nhị yết-ma, như vầy: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., trước không được yêu cầu tùy ý khi cúng dường y mà đến cầu y quý giá, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng hoàn y này lại cho tỳ-kheo có tên... đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo có tên... này trước không được yêu cầu tùy ý khi cúng dường y, mà đến cầu y quý giá, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem y này trả lại cho tỳ-kheo nầy. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng đem y này trả lại cho tỳ-kheo nầy thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận trao lại y cho tỳ-kheo tên là... rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo nầy đối với trong Tăng đã xả y rồi mà Tăng không trả lại, phạm đột-kiết-la. Khi đang trả có người bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu không trả lại, mà chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc tự làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc có làm cho hư hoại, hoặc đốt hay mặc mãi cho rách, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni phạm đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: trước đó có yêu cầu tùy ý nên đến cầu xin, tri túc, mong cầu tối thiểu; đến cầu mong nơi thân quyến; đến cầu xin nơi người xuất gia, hoặc vì người mong cầu hay người vì mình mong cầu; hoặc không cầu mà được thì không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

IX. KHUYÊN HAI NHÀ TĂNG GIÁ Y[417]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có tỳ-kheo khất thực, đến giờ, đắp y bưng bát vào thành Xá-vệ khất thực; theo thứ tự đến nhà một cư sĩ, nghe hai vợ chồng cư sĩ cùng bàn: «Bạt-nan-đà Thích tử là bạn quen biết xưa kia của ta. Nên mua y như vậy dâng cúng.» Lại nghe một nhà cư sĩ khác, hai vợ chồng cũng cùng bàn: «Bạt-nan-đà là bạn quen biết trước kia của ta. Nên mua y như vậy để dâng cúng.»

Bấy giờ, vị tỳ-kheo khất thực kia, khi khất thực xong, ra khỏi thành Xá-vệ, trở về đến trong Tăng-già-lam, thấy Bạt-nan-đà Thích tử liền nói rằng:

«Tôn giả là người đại phước đức.»

Bạt-nan-đà hỏi:

«Vì việc gì mà thầy gọi tôi là người đại phước đức?»

Tỳ-kheo khất thực trả lời:

«Vừa rồi tôi vào thành Xá-vệ khất thực, theo thứ tự đến một nhà cư sĩ, nghe hai vợ chồng cùng bàn, ‹Bạt-nan-đà Thích tử là bạn quen biết xưa kia của ta. Nên mua y như vậy dâng cúng.› Lại nghe một nhà cư sỹ khác, hai vợ chồng cũng cùng bàn, ‹Bạt-nan-đà là bạn quen biết trước kia của ta. Nên mua y như vậy để dâng cúng.›»

Bạt-nan-đà liền hỏi:

«Có chắc như vậy không?»

Vị tỳ-kheo khất thực nói:

«Chắc.»

Bạt-nan-đà lại hỏi:

«Nhà của cư sĩ ấy ở chỗ nào? Cửa hướng nào?»

Vị tỳ-kheo khất sĩ trả lời:

«Nhà ở chỗ đó, cửa hướng đó.»

Bạt-nan-đà nghe xong liền nói với vị tỳ-kheo kia rằng:

«Đúng vậy, đó là nhà đàn-việt của tôi, thường cúng dường cung cấp cho tôi.»

Sáng ngày sau, Bạt-nan-đà đắp y bưng bát vào thành Xá-vệ, đến nhà của hai cư sĩ nói rằng:

«Quý vị có ý định muốn cho tôi y phải không?»

Các cư sĩ trả lời:

«Trong chỗ riêng tư tôi có bàn tính như vậy.»

Thích tử Bạt-nan-đà nói:

«Nếu muốn cho tôi y thì có thể chung lại may một y, rộng dài, bền chắc theo kiểu tôi thọ trì cho tôi. Nếu không đúng kiểu tôi thọ trì thì chẳng phải là thứ tôi cần.»

Cư sĩ nghe như vậy liền cùng nhau cơ hiềm:

«Bạt-nan-đà Thích tử không biết đủ, không có tàm quý, bên ngoài tự xưng rằng ‹Tôi biết chánh pháp›; nhưng lại tham cầu không biết đủ. Như vậy làm gì có chánh pháp? Người cho tuy không biết nhàm chán nhưng người nhận phải biết đủ chứ. Người ta bàn tính riêng tư mà lại rình nghe là sao!»

Bấy giờ, tỳ-kheo khất thực nghe như vậy, quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Tại sao đến người cưỡng bức đòi y?»

Lúc ấy, tỳ-kheo khất thực nọ ra khỏi thành, đến Tăng-già-lam, đem nhơn duyên này nói với các tỳ-kheo.

Trong số các tỳ-kheo nghe, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử: «Tại sao đến người cưỡng bức đòi y?»

Quở trách rồi, vị ấy đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, trình bày đầy đủ lên đức Thế tôn.

[612a1] Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc chẳng nên làm. Sao lại đến người cưỡng bức đòi hỏi y?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Bạt-nan-đà này là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này lần đầu. Từ nay về sau, ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, có hai cư sĩ hay vợ cư sĩ để dành tiền sắm y cho tỳ-kheo, đều nói rằng: ‹Ta để dành tiền may y như vậy dâng cúng cho tỳ-kheo có tên như vậy.› Tỳ-kheo ấy đến hai nhà cư sĩ, nói như vầy: ‹Lành thay, để dành tiền như vậy, như vậy để sắm y cho tôi. Hãy chung lại làm một cái y.› Vì muốn đẹp. Nếu nhận được, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Khi đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, bấy giờ, có cư sĩ dâng cúng y theo ý muốn của tỳ-kheo, hỏi rằng:

«Ngài cần thứ y nào?»

Tỳ-kheo nghi ngại không dám trả lời. Phật dạy:

«Nếu cư sĩ yêu cầu tỳ-kheo tùy ý, thì tỳ-kheo nên trả lời.»

Bấy giờ, các cư sĩ vì tỳ-kheo may y quý giá để cúng, mà tỳ-kheo đó là vị thiểu dục tri túc, không muốn mặc y quý giá, cần chiếc y không quý giá, mà tỳ-kheo nghi ngại không dám nói lên ý muốn của mình, đức Phật dạy:

«Cho phép các tỳ-kheo thiểu dục tri túc được nói lên ý muốn của mình về y không quý giá bằng.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, có hai cư sĩ hay vợ cư sĩ[418] để dành tiền sắm y cho tỳ-kheo, đều nói rằng: ‹Ta để dành tiền may y như vậy dâng cúng cho tỳ-kheo có tên như vậy.› Tỳ-kheo ấy trước chưa nhận được sự yêu cầu tùy ý của cư sĩ, mà đến hai nhà cư sĩ, nói như vầy: ‹Lành thay, để dành tiền như vậy, như vậy để sắm y cho tôi. Hãy chung lại làm một cái y.› Vì muốn đẹp. Nếu nhận được, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Cư sĩ, vợ cư sĩ, y giá, y, tìm cầu đều như trước đã giải.

Nếu tỳ-kheo trước đó không nhận được sự yêu cầu tùy ý mà đến tìm cầu y quý giá, rộng lớn, nhận được y, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Nếu đến đòi mà không được, phạm đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Nếu xả không thành xả phạm đột-kiết-la.

Khi xả nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến lễ Thượng tọa, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là..., trước đó không nhận được sự yêu cầu tùy ý mà đến tìm cầu, được y quý giá phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Trước hết, vị nhận sám hối nên tác bạch:

«Đại đức Tăng nên lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., trước đó không nhận được sự yêu cầu tùy ý mà đến tìm cầu, được y quý giá, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo có tên... Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch rồi sau đó mới thọ sám hối. Vị thọ sám nên bảo tỳ-kheo kia:

«Hãy tự trách tâm mình!»

Vị tỳ-kheo phạm tôi thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên hoàn y lại cho tỳ-kheo kia liền, bằng bạch nhị yết-ma như vầy: trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., trước đó không nhận sự yêu cầu tùy ý mà đến đòi hỏi được y quý giá, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trả y lại cho tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., trước đó không nhận sự yêu cầu tùy ý, đến đòi hỏi được y quý giá, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem y này trả lại

cho tỳ-kheo này. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng đem y này trả loại cho tỳ-kheo nầy thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận trao y cho tỳ-kheo này rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc nầy được ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo này xả y giữa Tăng rồi, Tăng không trả lại, phạm đột-kiết-la. Nếu có người bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hay tự làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc cố làm cho hư hoại, tất cả như vậy đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: vị ấy trước đó có nhận sự yêu cầu tùy ý mà đến đòi hỏi. Hoặc đối với y quý giá mà đòi xin y không quý giá.

Hoặc đến thân lý cầu xin, đến người xuất gia cầu xin, hoặc vì người khác cầu xin y, hay người khác vì mình cầu xin y, hoặc không cầu xin mà tự được thì không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

X. YÊU SÁCH GIÁ Y QUÁ HẠN[419]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá- vệ.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt có một vị Đại thần là thân hữu của Bạt-nan-đà Thích tử, thường tới lui với nhau, đã sai

sứ đem số tiền may y đến chỗ Bạt-nan-đà Thích tử dặn rằng:

«Bạt-nan-đà Thích tử là bạn quen biết xưa kia của ta, ta thường kính trọng. Hãy đem số tiền sắm y này mua y như vậy dâng cúng.»

Người sứ giả đem số tiền sắm y đến trong Tăng-già-lam chỗ ở của Bạt-nan-đà, thưa như vầy:

«Lành thay! Ngài là người đại phước.»

Bạt-nan-đà hỏi:

«Có việc gì người nói tôi là đại phước đức?»

Sứ giả thưa:

«Trong thành La-duyệt có vị Đại thần sai tôi đem số tiền sắm y này đến mua y như vậy dâng cúng cho ngài.»

Bạt-nan-đà hỏi:

«Có thật vậy không?»

Sứ giả thưa:

«Có thật.»

Bạt-nan-đà liền hỏi:

«Nhà vị Đại thần ở chỗ nào? Cửa ngõ về hướng nào?»

Sứ giả thưa:

«Nhà vị Đại thần ở chỗ đó, cửa ngõ về hướng đó.»

Bạt-nan-đà nghe xong, nói:

«Đúng như lời của ông nói, Đại thần ấy là bạn quen biết xưa kia của tôi, là đàn-việt thường cúng dường thừa sự tôi.»

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ lại có một trưởng giả quen thân cùng Bạt-nan-đà, thường lui tới. Bạt-nan-đà dẫn người sứ giả ấy vào trong thành Xá-vệ, đến nhà ông trưởng giả kia nói:

«Trong thành La-duyệt có một vị Đại thần sai người sứ này đem y giá này đến cho tôi để may y. Xin ông vui lòng giữ giùm.»

Ông trưởng giả liền nhận giữ giùm.

Một thời gian sau đó, vị Đại thần hỏi người sứ giả rằng:

«Trước đây ta đã bảo ngươi đem số tiền sắm y cúng cho Bạt-nan-đà. Bạt-nan-đà đã vì ta mặc chiếc y ấy chưa?»

Người sứ giả thưa:

«Không thấy Bạt-nan-đà mặc.»

Vị Đại thần liền bảo sứ giả đến nói với Bạt-nan-đà rằng:

«Trước đây tôi có sai sứ đem số tiền sắm y đến cúng cho Ngài. Rốt cuộc Ngài không mặc y của tôi; Ngài dùng nó làm gì? Nay xin được nhận lại.»

Khi Bạt-nan-đà nghe nói như vậy liền vội vàng đến nhà ông trưởng giả, nói:

«Trước đây tôi có gửi số tiền sắm y. Nay tôi cần y, nên đi may y cho tôi.»

Thời gian ấy, trong thành Xá-vệ, các vị trưởng giả lại bận họp, mà trước đó đã có quy chế, ai không họp phải bị phạt năm trăm tiền[420]. Ông trưởng giả thưa rằng:

«Theo nội quy của đại hội thì ai không đến họp phải bị phạt năm trăm tiền. Bây giờ, tôi xin phép đến họp. Đại đức chờ một chút, tôi họp xong sẽ trở về. Đại đức đừng để cho tôi bị phạt năm trăm tiền.»

Bạt-nan-đà nói:

«Không được. Trước hết, ông nên đem số tiền sắm y đi may y cho tôi.»

Bấy giờ, ông trưởng giả đành phải đem số tiền sắm y vì Bạt-nan-đà mà may thành y. Bấy giờ, phiên họp đã mãn, ông trưởng giả bị phạt năm trăm tiền vì không dự họp. Ông trưởng giả cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử đã làm cho hội nghị phạt tôi năm trăm tiền.» Bấy giờ, các cư sĩ trong thành Xá-vệ không tin Phật pháp cùng nhau cơ hiềm:[613a1] ‹Sa-môn Thích tử không biết tri túc, không có tàm quý, bên ngoài tự xưng là ta biết chánh pháp. Nhưng như vậy thì làm gì có chánh pháp? Họ làm cho ông trưởng giả không đến họp bị phạt năm trăm tiền. Từ nay về sau, chúng ta không nên gần gũi lễ bái, chào hỏi thừa sự cúng dường.»

Trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách Bạt-nan-đà: ‹Sao Thầy khiến cho đại hội phạt ông trưởng giả năm trăm tiền?›

Rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà:

«Ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Này Bạt-nan-đà, sao lại làm cho ông trưởng giả bị đại hội phạt năm trăm tiền?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Đây là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài. Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, hoặc Vua, hoặc Đại thần, hoặc bà-la-môn, hoặc cư sĩ, hay vợ cư sĩ, sai sứ mang tiền sắm y đến tỳ-kheo bảo rằng: ‹hãy mang số tiền sắm y như vậy cho tỳ-kheo có tên như vậy.› Người sứ giả kia đến chỗ tỳ-kheo, nói với tỳ-kheo rằng: ‹Đại đức, nay tiền sắm y này được gởi đến ngài, ngài hãy nhận.› Tỳ-kheo ấy nên nói với người kia rằng: ‹Tôi không được phép nhận tiền may y này, khi nào cần y hợp thời và thanh tịnh tôi sẽ nhận.› Vị sứ kia nên hỏi tỳ-kheo rằng: ‹Đại đức có người chấp sự không?› Tỳ-kheo cần y nên nói: ‹có›, và chỉ người dân trong Tăng-già-lam, hoặc ưu-bà-tắc, nói rằng: ‹Đó là người chấp sự của tỳ-kheo, thường chấp sự cho các tỳ-kheo.› Bấy giờ sứ giả đến chỗ người chấp sự, trao số tiền sắm y rồi, trở lại chỗ tỳ-kheo, nói như vầy: ‹Đại đức, tôi đã trao số tiền sắm y cho người chấp sự mà Đại đức chỉ đó, khi nào Đại đức cần, đến đó sẽ được y.› Tỳ-kheo khi cần y nên đến chỗ người chấp sự, hoặc hai lần, ba lần để cho họ nhớ lại, hoặc bằng cách nói rằng: ‹Tôi cần y.› Hoặc hai lần, hoặc ba lần khiến cho họ nhớ lại. Nếu nhận được y thì tốt. Bằng không được y thì bốn lần. Năm lần, sáu lần, đứng im lặng trước họ. Nếu bốn lần, năm lần, sáu lần đứng im lặng trước người đó mà nhận được y thì tốt; bằng không được y mà cố cầu quá giới hạn đó, nếu được y, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Nếu không được y thì tự chính mình, hoặc sai sứ đến chỗ người xuất tiền sắm y nói rằng: ‹Trước đây, ngài sai sứ mang tiền sắm y cho tỳ-kheo có tên như vậy; tỳ-kheo ấy cuối cùng không nhận được y; ngài nên lấy lại, đừng để mất.› Như vậy là hợp thức[421].

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Vua: người được tự tại, không thuộc quyền của ai.

Đại thần: người tả hữu của Vua.

Bà-la-môn: có huyết thống Bà-la-môn[422].

Cư sĩ: chỉ những người tại gia, trừ Vua, Đại thần của Vua, bà-la-môn.

Vợ cư sĩ: cũng là người phụ nữ tại gia.

Tiền sắm y: như đã nói trên.

Y có mười loại như trên đã nói.

Nhớ lại: khiến cho người chấp sự, hoặc tại nhà, hoặc nơi chợ, hay chỗ làm việc, đến đó hai, ba lần, nói rằng: «Nay tôi cần y. Xin may y cho tôi.» Đó gọi là làm nhớ lại. Nếu hai, ba lần làm cho họ nhớ, được y thì tốt; không được y thì bốn, năm, sáu lần đến đó, đứng im lặng trước họ.

Đứng trước mặt: đối với người chấp sự, hoặc tại nhà, hoặc tại chợ, hay nơi làm việc, đến đứng im lặng trước họ. Nếu người chấp sự hỏi: «Vì nhơn duyên gì, Ngài đứng đây vậy?» Tỳ-kheo nên trả lời: «Điều đó ông tự biết.» Nếu người kia nói, «Tôi không biết.» Nếu có người nào khác biết việc này, tỳ-kheo nói rằng: «Người đó biết việc này.» Nếu tỳ-kheo lên tiếng một lần thì trừ hai lần im lặng. Lên tiếng hai lần thì trừ bốn lần im lặng. Lên tiếng ba lần thì trừ sáu lần im lặng. Nếu tỳ-kheo quá hai, ba lần lên tiếng, quá sáu lần im lặng để đòi; đòi được y, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, đương sự phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi giày dép, đến lễ Thượng tọa, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là..., quá ba lần nói để đòi y, quá sáu lần đứng im lặng để được y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Trước hết, người nhận sám phải tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã quá ba lần nói đòi y, quá sáu lần đứng im lặng để được y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

Bạch rồi mới nhận sám hối. Vị nhận sám nên nói với tỳ-kheo kia:

«Hãy tự trách tâm mình!»

Tỳ-kheo phạm tội trả lời:

«Xin vâng.»

Tăng phải trả y này lại cho tỳ-kheo đó bằng bạch nhị yết-ma như vầy: trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã quá ba lần nói đòi y, quá sáu lần đứng nín thinh để được y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng chấp thuận trả lại y cho tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã quá ba lần đòi y, quá sáu lần đứng nín thinh để được y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem y này trả lại cho tỳ-kheo nầy. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng đem y này trả lại cho tỳ-kheo này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận trả y này lại cho tỳ-kheo có tên... rồi. Tăng đồng ý nên im lặng, việc này được ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo phạm tội đã xả y giữa Tăng như vậy rồi mà Tăng không hoàn lại thì mắc đột-kiết-la. Người nào bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu chuyển làm tịnh thí hoặc tự làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc sai cho người, hoặc mặc nhiều lần cho rách, đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa si, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: ba lần nói đòi mà được y, sáu lần đứng im lặng được y.

Nếu không được y, tự mình đến, hoặc sai người đến chỗ người cúng tiền sắm y, nói, «Trước đây người sai sứ đem tiền sắm y đến cho tỳ-kheo có tên là... cuối cùng tỳ-kheo ấy không nhận được y, người có thể đến lấy lại, đừng để mất.» Nếu người kia nói: «Tôi đã cúng, không lấy lại.» Tỳ-kheo này nên cần có thời gian, dùng lời nhỏ nhẹ phương tiện đòi được y thì không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XI. NGOẠ CỤ BẰNG TƠ TẰM[423]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong địa phận nước Khoáng dã[424] .

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo làm ngọa cụ[425] mới bằng tơ tằm tạp[426]. Họ đòi xin loại tơ chưa thành, hay đã thành; hoặc đã nhuộm hay chưa nhuộm; hoặc thứ mới hay thứ cũ. Họ đến nhà nuôi tằm nói rằng:

«Chúng tôi cần tơ[427].»

Nhà nuôi tằm trả lời:

«Đợi thời gian tằm chín hãy đến.»

Nhóm sáu tỳ-kheo đứng bên vừa đợi vừa xem. Họ đứng xem khi kén bị phơi, và con nhộng của tằm đang gây thành tiếng. Các cư sĩ thấy vậy đều cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử không có tàm quý, hại mạng chúng sanh. Bên ngoài tự xưng rằng ta tu theo chánh pháp. Như vậy thì làm gì có chánh pháp. Đòi hỏi cho được kén tằm để làm ngọa cụ mới!»

Họ quở trách việc làm trên, trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao lại phải đòi xin kén để làm ngọa cụ mới?» Quở trách như trên rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Phật một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập họp các tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rằng:

«Các ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Này nhóm sáu tỳ-kheo, sao các ông lại đòi xin kén tằm để may ngọa cụ mới?»

Quở trách rồi, Phật bảo các tỳ-kheo:

«Đây là những người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, làm ngọa cụ mới bằng loại tơ tằm tạp, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B.GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tạp[428]: là loại lông mềm, hoặc kiếp-bối, câu-giá-la, cỏ nhũ điệp, hoặc sô-ma, hoặc gai[429].

Tỳ-kheo tự mình dùng loại tơ tằm tạp làm ngọa cụ mới mà thành, phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề, không thành phạm đột-kiết-la. Nếu bảo người khác làm mà thành, cũng phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề; làm không thành, phạm đột-kiết-la. Mình vì người khác làm, thành hay không thành đều phạm đột-kiết-la.

Vật này nên xả. Khi xả nên dùng búa hoặc rìu bằm nhỏ trộn với bùn trét lên vách hay thoa nơi đất.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: được vật đã thành, hoặc dùng búa chặt bằm nhỏ hòa với bùn, hoặc trét lên vách hay nơi đất thì không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XII. NGOẠ CỤ TOÀN ĐEN[430]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Một thời đức Phật ở lầu các, bên cạnh sông Di hầu, Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, các Lê-xa Tử ở Tỳ-xá-ly[431] phần lớn làm hạnh tà dâm. Họ dùng lông dê toàn màu đen[432] làm áo[433] choàng kín thân thể, đi ban đêm khiến cho người khỏi thấy.

Lúc ấy, nhóm sáu tỳ-kheo thấy vậy liền bắt chước lấy lông dê toàn đen làm ngọa cụ bằng giạ[434]. Các Lê-xa thấy vậy, thảy đều nói rằng:

«Này Đại đức, chúng tôi trong ái dục, vì dâm dục nên dùng áo giạ bằng lông dê màu đen, chứ các ngài dùng loại giạ lông dê màu đen làm gì?»

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý; hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: ‹Sao các Thầy bắt chước Lê-xa dùng loại dạ lông dê màu đen?›

Quở trách rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp các tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Các ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Này nhóm sáu tỳ-kheo, sao các ông lại bắt chước Lê-xa dùng loại dạ lông dê màu đen?»

Bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi bảo các tỳ-kheo:

«Đây là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này lần đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, làm ngọa cụ mới bằng lông dê toàn đen, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Lông toàn đen: hoặc màu đen tự nhiên[435], hoặc màu đen do nhuộm.

Tỳ-kheo tự mình làm ngọa cụ mới bằng lông dê toàn đen mà thành, phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề; làm không thành, phạm đột-kiết-la. Khiến người làm; thành, phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề; không thành, phạm đột-kiết-la. Vì người khác làm, thành hay không thành đều phạm đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, đương sự phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến lễ Thượng tọa, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay, thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là..., đã làm ngọa cụ bằng lông dê toàn đen, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Vị thọ sám trước hết phải tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã làm ngọa cụ bằng lông dê toàn đen, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi thọ sự sám hối của tỳ-kheo có tên... nầy. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch như vậy rồi, sau đó mới thọ sám. Khi thọ sám nên nói với tỳ-kheo phạm tội rằng:

«Hãy tự trách tâm mình!»

Phạm nhân thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên hoàn ngọa cụ lại cho tỳ-kheo này bằng bạch nhị yết-ma, như vầy: Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã làm ngọa cụ bằng lông dê toàn màu đen, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, hoàn lại ngoạ cụ cho Tỳ-kheo có tên... này. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... đã làm ngọa cụ bằng lông dê toàn màu đen, phạm Xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem ngọa cụ này hoàn lại cho tỳ-kheo này. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng đem toạ cụ này hoàn trả cho tỳ-kheo này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận hoàn ngọa cụ lại cho tỳ-kheo này rồi, Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo phạm tội đã xả ngọa cụ trong Tăng, nếu Tăng không hoàn lại, phạm đột-kiết-la. Khi trả lại có người bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu lấy làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc đem trải mãi cho hư rách đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni phạm, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni phạm, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu được vật đã làm thành, hoặc cắt rọc cho hư hoại, hoặc mỏng xếp làm hai lớp, hoặc dùng làm mền, hoặc làm gối, hoặc làm tọa cụ vuông nhỏ, hoặc làm dạ để nằm, hoặc làm đồ lót bên trong cái bình bát, hoặc làm cái bao đựng dao, hoặc làm bít tất, hoặc làm khăn trùm ấm, hoặc làm khăn gối giày dép... đều không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XIII. NGỌA CỤ QUÁ PHẦN[436]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo làm ngọa cụ mới bằng lông dê toàn trắng[437]. Các cư sĩ thấy vậy đều cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử không biết tàm quý, không nhàm chán, không biết đủ. Bên ngoài tự xưng ta tu theo chánh pháp. Nhưng như vậy làm gì có chánh pháp! Sao lại làm ngọa cụ mới bằng lông dê toàn trắng, in tuồng nhà Vua, hay Đại thần của Vua?»

Bấy giờ, trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục biết đủ, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Sao các Thầy làm ngọa cụ bằng lông dê toàn trắng?»

Quở trách rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên nầy bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, rồi quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao các ngươi làm ngọa cụ bằng lông dê toàn trắng?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi bảo các tỳ-kheo:

«Đây là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới nầy đầu tiên. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, làm ngọa cụ mới thì nên dùng hai phần lông dê toàn màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu xám. Nếu tỳ-kheo không dùng hai phần đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư xám mà làm ngọa cụ mới, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Trắng: trắng tự nhiên, hoặc nhuộm thành trắng.

Lông sắc xám[438]: lông nơi đầu, nơi tai, nơi chân, hoặc các nơi khác có màu xám.

Tỳ-kheo muốn làm ngọa cụ bốn mươi bát-la[439] , lông dê, thì phải hai mươi bát-la màu toàn đen, mười bát-la màu trắng, và mười bát-la màu xám. Muốn làm ngọa cụ ba mươi bát-la, thì phải mười lăm bát-la màu toàn đen, còn mười lăm bát-la thì phân nửa toàn màu trắng, phân nửa toàn màu xám. Muốn làm ngọa cụ hai mươi bát-la, thì phải mười bát-la màu toàn đen, năm bát-la màu trắng, năm bát-la màu xám. Nếu tỳ-kheo không làm ngọa cụ mới bằng hai phần màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu xám mà thành, phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Không thành, phạm đột-kiết-la. Sai người làm mà thành thì phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề; không thành, phạm đột-kiết-la. Nếu vì người khác làm, thành hay không thành đều phạm đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hay một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, đương sự phải đến trong Tăng, cởi bỏ giày dép, trống vai bên hữu, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối hữu chấm đất, chắp tay, thưa:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là..., làm ngọa cụ mới không dùng hai phần lông dê màu đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư xám, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Trước hết vị nhận sám phải tác bách:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã làm ngọa cụ mới không dùng hai phần lông dê màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu xám, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi thọ sự sám hối của tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám. Khi nhận sám phải nói với phạm nhân rằng:

«Hãy tự trách tâm mình!»

Tỳ-kheo phạm tội thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên hoàn ngọa cụ lại cho tỳ-kheo này bằng bạch nhị yết-ma, như vầy: Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã làm ngọa cụ mới, không dùng hai phần lông dê màu đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư xám, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp

thuận, trả ngọa cụ lại cho Tỳ-kheo có tên... nầy. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã làm ngọa cụ không dùng hai phần lông dê màu đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư xám, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Bây giờ, Tăng đem ngọa cụ này trả lại cho tỳ-kheo nầy. Các trưởng lão nào đồng ý, Tăng đem ngọa cụ này trả lại cho tỳ-kheo này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận, hoàn ngọa cụ lại cho tỳ-kheo có tên... nầy rồi, Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo phạm tội xả ngọa cụ cho Tăng rồi, Tăng không hoàn lại phạm đột-kiết-la. Nếu có người bảo «đừng trả» thì người ấy phạm đột-kiết-la; hoặc chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc dùng để trải mãi cho hư, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu làm ngọa cụ mới hai phần lông dê màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu xám. Hoặc màu trắng không đủ, dùng màu xám bù vào, hoặc làm toàn màu xám. Hoặc được vật đã làm thành. Hoặc cắt rọc cho hư hoại. Hoặc làm cho hoại sắc. Hoặc làm gối, làm áo lót, làm đệm. Hoặc làm áo lót để nằm. Hoặc làm tọa cụ nhỏ vuông. Hoặc làm khăn bao bình bát. Hoặc làm đãy đựng dao. Hoặc làm bít tất. Hoặc làm khăn trùm cho ấm. Hoặc làm khăn gói giày dép, tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XIV. NGỌA CỤ DƯỚI SÁU NĂM[440]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-

đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo chê ngọa cụ hoặc dày, hoặc mỏng; hoặc nặng, hoặc nhẹ. Họ không xả ngọa cụ cũ, lại làm ngọa cụ mới. Họ thường tìm kiếm ngọa cụ về dồn chứa rất nhiều.

Bấy giờ, trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, chê trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao quý vị chê ngọa cụ cũ hoặc nhẹ, hoặc nặng, hoặc mỏng, hoặc dày; rồi không xả các cái cũ lại làm cái mới, nhiều như vậy?» quở trách rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng mọi phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao nhóm sáu tỳ-kheo này chê ngọa cụ hoặc là nhẹ, hoặc nặng, hoặc mỏng, hoặc dầy; rồi làm ngọa cụ mới, dồn chứa quá nhiều như vậy?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Nhóm sáu tỳ-kheo này là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này đầu tiên. Từ này về sau, Ta vì các tỳ-kheo chế giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, làm ngọa cụ mới, phải thọ trì cho đến sáu năm. Nếu chưa đủ sáu năm, không xả, mà lại làm cái mới, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Khi đức Thế tôn đã vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy, bấy giờ, có tỳ-kheo mắc bệnh càn tiêu[441], mà cái ngọa cụ phấn tảo quá nặng. Vị ấy có chút nhơn duyên muốn du hành trong nhân gian, thầm nghĩ: «Đức Thế tôn đã chế giới: ‹Tỳ-kheo nào làm ngọa cụ mới phải thọ trì cho đến sáu năm. Nếu chưa đủ sáu năm, không xả ngọa cụ cũ mà lại làm ngọa cụ mới, phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.› Nay, có chút nhơn duyên muốn du hành trong nhân gian, mà ta mắc bệnh càn tiêu, ngọa cụ này quá nặng, ta phải tính thế nào đây?» Tỳ-kheo ấy nói với các tỳ-kheo rằng:

«Đại đức! Nay, tôi có chút nhơn duyên phải du hành trong nhơn gian, mà tôi mắc phải bệnh càn tiêu. Ngọa cụ phấn tảo quá nặng, không thể mang theo được. Đại đức vì tôi bạch lên đức Thế tôn. Nếu Thế tôn dạy thế nào, tôi sẽ phụng hành thế ấy.»

Các tỳ-kheo nghe nói như vậy rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn tập hợp các tỳ-kheo, bảo rằng:

«Từ nay về sau, cho phép Tăng trao cho tỳ-kheo kia pháp bạch nhị yết-ma.»

Tỳ-kheo kia phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay, thưa:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là..., có chút nhơn duyên, muốn du hành trong nhơn gian mà mắc bệnh càn tiêu. Ngọa cụ phấn tảo quá nặng, không thể mang theo được. Nay tôi đến xin Tăng yết-ma làm ngọa cụ mới.»

Xin như vậy ba lần.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng làm yết ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., muốn du hành trong nhân gian mà mắc bệnh càn tiêu. Có ngọa cụ phấn tảo nặng. Nay đến xin Tăng yết-ma làm ngọa cụ mới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, Tăng trao cho tỳ-kheo này pháp yết-ma làm ngọa cụ mới. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., muốn du hành trong nhơn gian, mà mắc bệnh càn tiêu. Vì có ngọa cụ phấn tảo quá nặng nên nay đến xin Tăng yết-ma may ngọa cụ mới. Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo có tên... yết-ma may ngọa cụ mới. Trưởng lão nào đồng ý, Tăng trao cho Tỳ-kheo có tên... pháp yết-ma may ngọa cụ mới thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận, trao cho Tỳ-kheo có tên... pháp yết-ma may ngọa cụ mới rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Đức Phật dạy, từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, làm ngọa cụ mới, phải thọ trì cho đến sáu năm. Nếu chưa đủ sáu năm, không xả, mà lại làm cái mới, trừ Tăng yết-ma, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nếu tỳ-kheo chưa đủ sáu năm, không bỏ cái cũ mà lại làm cái ngọa cụ mới, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Làm mà không thành, phạm đột-kiết-la. Sai người khác làm thành thì phạm ni-tát-

kỳ ba-dật-đề; không thành, phạm đột-kiết-la. Vì người mà làm, thành hay không thành đều phạm đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, đương sự phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay, thưa:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là..., chưa đủ sáu năm, không xả cái ngọa cụ cũ mà lại làm cái ngọa cụ mới, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám hối trước hết phải tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., chưa đủ sáu năm, không xả ngọa cụ cũ, mà lại làm các ngọa cụ mới, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch như vậy rồi, sau đó mới nhận sám hối. Khi nhận sám, vị ấy nên nói với tỳ-kheo phạm tội:

«Hãy tự trách tâm!»

Vị phạm tội thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên hoàn ngọa cụ lại cho tỳ-kheo này bằng bạch nhị yết-ma, như vầy: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., chưa đủ sáu năm, không xả cái ngọa cụ cũ mà lại làm cái mới, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với

Tăng, Tăng chấp thuận, trả lại ngọa cụ cho tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., chưa đủ sáu năm, không xả ngọa cụ cũ, mà lại làm cái mới, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay, Tăng đem ngọa cụ này, trả lại cho tỳ-kheo nầy. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng đem ngọa cụ nầy, trả lại cho tỳ-kheo này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận, trả ngọa cụ cho tỳ-kheo này rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo phạm tội như vậy, đối giữa Tăng xả ngọa cụ rồi, Tăng không hoàn lại, phạm đột-kiết-la. Nếu có người bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu lấy chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc trải mãi cho hư hoại, hoặc làm phi ngọa cụ, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Tăng cho phép. Đủ sáu năm, hoặc chưa đủ sáu năm mà xả cái cũ, làm cái mới, hoặc là không có nên làm, hoặc người khác làm cho, hoặc được vật đã thành thì không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XV. TỌA CỤ KHÔNG HOẠI SẮC[442]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế tôn sai người lấy thức ăn về[443].

Theo thường pháp của chưa Phật, sau khi các tỳ-kheo đi thọ thực, thì đức Phật đi khắp các phòng. Ngài thấy tọa cụ cũ vất bỏ bừa bãi khắp nơi, hoặc nơi ôn thất, hoặc trong nhà giáo thọ, hoặc chỗ đi kinh hành, hoặc trên đá rửa chân, hoặc trên đống đất ở trước cửa, hoặc trên cây nọc, hoặc trên móc áo[444], hoặc nơi giá y, hoặc trên giường giây, giường cây, hoặc trên ghế đẩu, hoặc ở trên đất, không có người thu dọn.

Đức Thế tôn thấy vậy, nghĩ rằng: «Các tỳ-kheo chê tọa cụ, hoặc nặng, hoặc nhẹ, hoặc mỏng, hoặc dày. Không bỏ cái cũ mà lại làm cái mới, tích tụ tọa cụ nhiều quá, vất bỏ bừa bãi khắp nơi, không người thu dọn. Nay Ta nên làm thế nào để các tỳ-kheo dùng lại tọa cụ cũ.» Ngài lại nghĩ: «Ta nên cho phép các tỳ-kheo khi làm tọa cụ mới, phải lấy một miếng tọa cụ cũ vuông vức bằng một gang tay, may lên cái mới, cho hoại sắc.»

Đức Thế tôn dùng cơm xong, vì nhơn duyên này, tập hợp Tăng tỳ-kheo, bảo rằng:

«Vừa rồi, sau khi chúng Tăng đi thọ thỉnh, Ta đi khắp các phòng, thấy các tọa cụ cũ vất bỏ bừa bãi khắp nơi, không có người thu dọn. Ta thấy vậy, nghĩ rằng, các tỳ-kheo hoặc bảo tọa cụ tôi nặng, hoặc bảo nhẹ; hoặc bảo mỏng, hoặc bảo dày; không xả tọa cụ cũ, mà lại làm tọa cụ mới. Những cái cũ vất bỏ bừa bãi khắp nơi, không người thu dọn. Thấy vậy, Ta nghĩ: Làm thế nào để các tỳ-kheo dùng lại tọa cụ cũ? Ta lại nghĩ, nay, Ta cho phép các tỳ-kheo khi làm tọa cụ mới, nên lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới để cho hoại sắc. Do đó, cho phép các tỳ-kheo khi làm tọa cụ mới, nên lấy cái cũ, vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới, để cho hoại sắc.»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo nghe đức Thế tôn cho phép tỳ-kheo khi may tọa cụ mới, phải lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay may lên trên cái mới, cho hoại sắc. Nhưng khi họ may tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ, vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới cho hoại sắc.

Trong số các Tỳ-kheo nghe thấy đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Tại sao đức Thế tôn cho phép các tỳ-kheo khi may tọa cụ mới, phải lấy một miếng của cái cũ, vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới để cho hoại sắc, mà quý vị làm cái mới, không lấy một miếng của cái cũ, vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới?» Hiềm trách rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ, ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao ta vì các tỳ-kheo chế giới: ‹Tỳ-kheo làm tọa cụ mới, phải lấy một miếng của cái cũ, vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới cho hoại sắc.› Mà các ông may tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ, vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Nhóm sáu tỳ-kheo này là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa... cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, may tọa cụ mới, phải lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới, cho hoại sắc. Nếu may tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới, cho hoại sắc, ni-tát-kỳ ba-dật -đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo nào muốn may tọa cụ mới, bấy giờ, nếu tọa cụ cũ chưa hư, chưa bị rách lỗ, thì nên sửa sang giặt nhuộm, kéo cho thẳng, cắt rọc một miếng vuông vức bằng một gang tay, đặt vào chính giữa, hay ngoài biên, may lên trên cái mới để cho hoại sắc. Nếu tỳ-kheo không lấy một miếng cũ may lên trên cái mới cho hoại sắc, mà chỉ may cái mới; nếu may thành, phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề; may không thành, phạm đột-kiết-la. Khiến người khác làm mà thành, phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề; không thành, phạm đột-kiết-la. Vì người làm, thành không thành đều phạm đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, phạm đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay, thưa:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là..., đã may tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ may lên trên cái mới cho hoại sắc, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã may tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ may lên trên

cho hoại sắc, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi thọ sự sám hối của tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám hối. Khi nhận sám nên nói với tỳ-kheo phạm tôi rằng:

«Hãy tự trách tâm ngươi!»

Phạm nhân thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên trả tọa cụ lại cho tỳ-kheo này liền, bằng bạch nhị yết-ma, như vầy: Tăng nên sai một vị có khả năng bạch nhị yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., đã may tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ may lên trên cho hoại sắc, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trả tọa cụ lại cho tỳ-kheo nầy. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã may tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ may lên trên cho hoại sắc, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem tọa cụ nầy trả lại cho tỳ-kheo nầy. Các trưởng lão nào đồng ý, Tăng đem tọa cụ này trả lại cho tỳ-kheo nầy thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận, trả tọa cụ lại cho tỳ-kheo có tên... này rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Nếu tỳ-kheo phạm tội xả tọa cụ cho Tăng rồi, Tăng không trả lại, phạm đột-kiết-la. Nếu có người bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu lấy chuyển làm tịnh thí hoặc tự mình thọ, hoặc sai cho người, hoặc ngồi mãi cho hư, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Cắt lấy một miếng của cái cũ may lên trên cái mới cho hoại sắc. Hoặc người ấy không có, được may cái mới. Hoặc người khác vì mình may. Hoặc được cái đã làm thành rồi. Hoặc may cái hoàn toàn cũ thì không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XVI. QUẢY LÔNG DÊ[445]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá- vệ.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử[446], trên đường đi nhận được nhiều lông dê, cột trên đầu cây trượng quảy đi. Các cư sĩ thấy vậy cơ hiềm: ‹Sao sa-môn Thích tử lại đi mua bán lông dê?› Và hỏi rằng: ‹Đại đức, lông dê này có bán không?›

Các tỳ-kheo nghe những lời này, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà rằng: ‹Sao lấy lông dê cột vào đầu trượng, quảy đi dọc đường?›

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại quảy lông dê đi trên đường để cho cư sĩ chê trách?»

Đức Thế tôn dùng mọi phương tiện quở trách, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Đây là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới nầy ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, khi đi đường được lông dê, nếu không có người mang, tự mình được mang đi cho đến ba do tuần. Nếu không có người mang, tự mình mang đi quá ba do tuần, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nếu tỳ-kheo trên đường đi, hoặc tại trú xứ, nhận được lông dê, nếu cần thì lấy. Nếu không có người mang, tự mình được phép mang đi, cho đến ba do tuần. Nếu có người mang thì nên nói với người ấy rằng: ‹Nay tôi có vật này, nhờ mang giúp tôi đến chỗ đó.› Trong khoảng nầy, tỳ-kheo không được tiếp tay mang. Nếu tiếp tay mang phạm đột-kiết-la. Nếu bảo tỳ-kheo-ni mang, quá ba do tuần, phạm đột-kiết-la; nếu bảo thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, mang quá ba do tuần, phạm đột-kiết-la. Trừ lông dê, mang các vật khác như: câu-giá-la, cỏ nhũ diệp, sô ma, ma, xí-la-bà-ny[447], mà mang quá ba do tuần phạm đột-kiết-la. Nếu quảy các vật khác nơi đầu trượng mà đi cũng phạm đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay, thưa:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là..., đã quảy lông dê đi quá ba do tuần, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo nầy tên là..., đã quảy lông dê đi quá ba do tuần, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo có tên... nầy. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám. Khi nhận sám phải nói với tỳ-kheo phạm tội rằng:

«Hãy tự trách tâm ngươi!»

Đương sự thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên trả lông dê lại cho tỳ-kheo này bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo nầy tên là..., đã quảy (gánh) lông dê đi quá ba do tuần, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận, trả lông dê lại cho tỳ-kheo có tên... nầy. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã quảy lông dê đi quá ba do tuần, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Nay Tăng đem lông dê này, trả lại cho tỳ-kheo nầy. Trưởng lão nào chấp thuận, Tăng đem lông dê nầy trả lại cho tỳ-kheo nầy thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận trả lông dê lại cho tỳ-kheo có tên... nầy rồi. Tăng chấp thuận, nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Nếu tỳ-kheo đã xả giữa Tăng rồi mà không trả lại, Tăng phạm đột-kiết-la. Nếu có người bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la.

Hoặc chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc dùng mãi cho hư, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu mang đi cho đến ba do tuần, hoặc dưới ba do tuần. Hoặc có người mang giúp, bảo họ mang đến chỗ đó, mà khoảng ấy mình không mang giúp. Sai tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni gánh đi ba do tuần. Hoặc lông mịn, giây bằng lông để trang sức, lông đầu, lông trên cổ, lông chân. Hoặc làm mão làm khăn trùm cho ấm. Hoặc gói giày dép. Tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XVII. NHỜ CHẢI LÔNG DÊ[448]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở giữa Thích-sí-sấu[449] trong vườn Ni-câu-luật, Ca-duy-la-vệ.

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo làm tọa cụ mới bằng lông dê, sai tỳ-kheo-ni giặt, nhuộm, chải.

Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề vì nhuộm, nên tay bị dính thuốc nhuộm. Bà đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên. Đức Thế tôn biết mà vẫn hỏi:

«Cù-đàm-di, sao tay của Dì có màu sắc giống như thợ nhuộm vậy?»

Cù-đàm-di bạch Phật:

«Nhóm sáu tỳ-kheo muốn làm tọa cụ mới, nên đem lông dê đến, bảo chúng con giặt nhuộm chải, cho nên tay bị nhớp.»

Bà đảnh lễ dưới chân Phật, rồi trở về chỗ ở.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn hỏi nhóm sáu tỳ-kheo:

«Có thật các ông làm tọa cụ mới, sai tỳ-kheo-ni giặt, nhuộm, chải hay không?»

Nhóm sáu tỳ-kheo thưa:

«Bạch đức Thế tôn, có thật như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại bảo tỳ-kheo-ni giặt nhuộm chải lông dê?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Nhóm sáu tỳ-kheo là những người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới nầy ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, sai tỳ-kheo-ni giặt, nhuộm, chải lông dê, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Khi đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, các tỳ-kheo đều có sự nghi ngại, không dám sai tỳ-kheo-ni thân quyến giặt nhuộm chải lông dê. Đức Phật dạy:

«Cho phép thân lý được giặt, nhuộm, chải. Từ nay về sau, Ta vì tỳ-kheo kiết giới:..»

Tỳ-kheo nào, sai tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giặt, nhuộm, chải lông dê, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo, chẳng phải thân lý, thân lý: cũng như trên đã giải.

Nếu tỳ-kheo nào, sai tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, chải lông dê, phạm ba ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Nếu sai giặt, nhuộm, chải mà người kia chỉ giặt, nhuộm chứ không chải thì phạm hai ni-tát-kỳ ba-dật-đề và một đột-kiết-la.

Sai giặt, nhuộm, chải; người kia giặt, không nhuộm mà chải; (tỳ-kheo) phạm hai ni-tát-kỳ ba-dật-đề và một đột-kiết-la.

Sai người giặt, nhuộm, chải; người kia không giặt mà nhuộm, chải, (tỳ-kheo) phạm hai ni-tát-kỳ ba-dật-đề và một đột-kiết-la.

Sai giặt, nhuộm, chải; người kia không giặt, nhuộm, chải, (tỳ-kheo) phạm đột-kiết-la.

Sai sa-di-ni, thức-xoa-ma-na chẳng phải thân quyến giặt nhuộm đập, phạm đột-kiết-la.

Vật này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, phạm đột-kiết-la. Khi xả, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay, thưa:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là..., đã sai tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, chải lông dê, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối, vị nhận sám trước hết phải tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã sai tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, chải lông dê, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo có tên... nầy. Đây là lời tác bạch.»

Bạch rồi, sau đó mới nhận sám. Khi nhận sám nên nói với tỳ-kheo phạm tội rằng:

«Hãy tự trách tâm ngươi!»

Phạm nhân thưa:

«Xin vâng.»

Tăng phải trả lông dê lại cho tỳ-kheo nầy bằng bạch nhị yết-ma, như vầy: Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... đã sai tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt nhuộm chải lông dê, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hoàn lông dê lại cho tỳ-kheo có tên... nầy. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo nầy tên là..., đã sai tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt nhuộm chải lông dê,

phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem lông dê này hoàn lại cho tỳ-kheo nầy. Trưởng lão nào chấp thuận, Tăng đem lông dê này hoàn lại cho tỳ-kheo nầy thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận trao lông dê lại cho tỳ-kheo có tên... này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Giữa Tăng, tỳ-kheo ấy xả lông dê rồi, Tăng không hoàn lại, phạm đột-kiết-la. Có người bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu chuyển tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc dùng mãi, hoặc cố ý làm cho hư, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni đều đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Sai tỳ-kheo-ni thân quyến giặt nhuộm chải. Hoặc vì người bệnh giặt nhuộm chải. Hoặc vì chúng Tăng, vì Phật, vì tháp, giặt nhuộm chải. Tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XVIII. CẦM GIỮ VÀNG BẠC[450]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt.

Bấy giờ, trong thành này có một vị Đại thần vốn là bạn quen thân trước kia của Bạt-nan-đà[451]. Một hôm nọ, vị Đại thần nhận được nhiều thịt heo, liền bảo người vợ:

«Bạt-nan-đà Thích tử là thân hữu của tôi. Nên để phần thịt cho người.»

Người vợ theo lệnh của chồng, liền để phần thịt cho Bạt-nan-đà.

Hôm ấy là ngày tiết hội của mọi người ở thành Vương-xá nên có tổ chức các thứ kỹ nhạc, suốt đêm không ngủ. Bấy giờ, mấy đứa con của vị Đại thần cũng ở trong số người đó. Vì suốt đêm không ngủ, chúng đói và mệt, nên hỏi mẹ: «Thịt heo còn không?»

Mẹ của chúng bảo rằng:

«Hết rồi. Chỉ còn phần của Bạt-nan-đà họ Thích thôi.»

Các con liền đưa tiền cho mẹ và nói:

«Mẹ cầm tiền này, sáng ngày ra chợ mua lại phần thịt cho [619a1] Bạt-nan-đà. Còn phần thịt đó cho chúng con.»

Mẹ của chúng lấy tiền và trao phần thịt cho chúng.

Sáng sớm, Bạt-nan-đà đắp y, bưng bát, đến nhà vị Đại thần, ngồi nơi chỗ dọn sẵn. Bấy giờ, vợ của vị Đại thần thưa rằng:

«Hôm qua, gia đình có nhận được nhiều thịt heo. Ông trưởng giả bảo tôi, ‹Bạt-nan-đà Thích tử là bạn cũ của tôi. Nên để dành phần thịt cho người.› Theo lệnh của chồng, tôi có để phần thịt cho Đại đức. Nhưng khi hôm, gặp ngày tiết hội, mấy đứa con tôi thức khuya đói bụng, nên đến đòi phần thịt đó. Chúng đưa tôi năm tiền và bảo: ‹Sáng ngày, ra chợ mua phần thịt lại cho Bạt-nan-đà. Còn phần thịt đó cho chúng con.› Tôi đã trao thịt cho chúng nó. Số tiền này, bây giờ, tôi sẽ ra chợ mua lại phần thịt như vậy. Đại đức có thể chờ một chút.»

Bạt-nan-đà liền hỏi:

«Chúng vì tôi đưa tiền phải không?»

«Vâng, chúng nó có đưa.»

«Như vì tôi, thì đưa số tiền đó cho tôi. Khỏi cần mua thịt.»

Bấy giờ, vợ của vị Đại thần liền đặt tiền xuống đất cho Nạt-nan-đà. Bạt-nan-đà nhận được tiền này rồi, đem gởi nơi hiệu buôn quen và đi. Các cư sĩ thấy vậy đều cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử mua bán tiền tài. Đem tiền gởi nơi hiệu buôn rồi đi.» Trong số các tỳ-kheo nghe nói đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà:

«Sao Thầy tự tay nhận tiền, đem gởi nơi hiệu buôn, rồi đi?»

Cũng lúc ấy, Vua cùng các Đại thần hội hợp nhau, bàn luận rằng: «Sa-môn Thích tử được nắm cầm vàng bạc hoặc tiền. Sa-môn Thích tử không cần phải xả bỏ vàng bạc hoặc tiền, trân châu, bảo châu, anh lạc và sanh tượng[452].»

Lúc bấy giờ, trong phòng họp có vị Đại thần, tên là Châu Kế [453], nói với các Đại thần rằng:

«Không nên nói những lời này: ‹Sa-môn Thích tử được phép nắm cầm vàng bạc hoặc tiền, không xả bỏ trân bảo châu anh.› Tại sao vậy? Chính vì tôi đã được nghe từ đức Như Lai dạy: ‹Sa-môn Thích tử không được phép nắm cầm vàng bạc hoặc tiền.› Sa-môn Thích tử xa lìa trân bảo, châu anh.»

Bấy giờ, vị Đại thần Châu Kế có oai thế, có khả năng trình bày khéo léo, khiến mọi người hoan hỷ tin hiểu. Sau đó, Châu Kế liền chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên nầy bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ, rồi thưa:

«Những điều con nói như vậy, đối với giáo pháp có sai trái hay không?»

Đức Phật bảo Đại thần:

«Đúng như điều ông nói, ở trong chánh pháp có nhiều lợi ích. Không có gì sai trái. Tại sao vậy? Sa-môn Thích tử không được phép nắm cầm vàng bạc hoặc tiền. Sa-môn Thích tử xa lìa trân bảo, châu anh, không dùng nó để trang sức làm đẹp. Nay ông nên biết, nếu nắm cầm vàng bạc hoặc tiền, không xa lìa châu anh, trân bảo, thì cũng sẽ thọ dụng ngũ dục. Nếu thọ dụng ngũ dục thì chẳng phải là pháp của sa-môn Thích tử.

«Này Đại thần! Ông nên biết, nếu thấy sa-môn Thích tử nào gọi Ta là Thầy mà cầm vàng bạc hoặc tiền, trân bảo thì quyết định biết rằng đó chẳng phải là pháp của Sa-môn Thích tử. Ta có nói như vầy: ‹Nếu tỳ-kheo nào, vì làm thất, cần cây gỗ tranh tre v.v... thì được phép nhận. Nhưng không nên vì tự thân mà nhận[454].›

«Đại thần nên biết, mặt trời, mặt trăng có bốn tai hoạn khiến cho không sáng, không trong sạch, không có khả năng chiếu soi, cũng không có oai thần. Bốn cái tai hoạn đó là gì? Là a-tu-la[455], khói, mây, bụi mù. Đó là những đại hoạn của mặt trời, mặt trăng. Nếu gặp những hoạn này thì mặt trời, mặt trăng không sáng, không trong sạch, không có khả năng chiếu soi, cũng không có oai thần. Lại cũng như vậy, Sa-môn, Bà-la-môn cũng có bốn cái tai hoạn khiến cho không sáng, không sạch, không có khả năng soi chiếu, cũng không có oai thần. Bốn tai hoạn đó là gì? Nếu Sa-môn, Bà-la-môn không bỏ uống rượu, không bỏ dâm dục, không bỏ dùng tay nắm vàng bạc, không bỏ sự sống tà mạng. Đó gọi là bốn đại hoạn của Sa-môn, Bà-la-môn. Nó có khả năng khiến cho Sa-môn, Bà-la-môn không sáng, không sạch, không có khả năng soi chiếu, cũng không có oai thần.»

Trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống với hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà, rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này trình lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên nầy tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại tự tay nắm cầm tiền, đem gởi hiệu buôn, rồi đi?»

Quở trách rồi, Phật bảo các tỳ-kheo:

«Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài. Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, tự tay cầm tiền, hoặc vàng, bạc, hoặc bảo người cầm, hoặc nhận từ dưới đất[456], ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tiền: trên có văn tượng.

Tỳ-kheo tự tay cầm vàng bạc hoặc tiền, bảo người cầm, hoặc nhận từ nơi đất, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Vật này nên xả.

Trong đây, xả như vầy: Nếu ở đó có người giữ vườn tin cậy, hoặc ưu-bà-tắc, thì nên nói với họ rằng: «Vật nầy không thích hợp với tôi, ông biết cho.» Nếu người ấy lấy cất, rồi trao lại cho tỳ-kheo thì tỳ-kheo nên vì phẩm vật của thí chủ mà nhận. Nhận rồi bảo tịnh nhơn cất. Nếu được tịnh y, bát, ống đựng kim, ni-sư-đàn nên đem trao đổi để thọ trì. Nếu ưu-bà-tắc kia nhận rồi trao cho tỳ-kheo tịnh y, bát, hoặc ni-sư-đàn, hay ống đựng kim thì nên nhận để thọ trì. Nếu người kia lấy rồi mà không trả lại thì nên khiến các tỳ-kheo khác nói với họ rằng: «Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao

cho ông. Ông nên trao vật ấy lại cho tỳ-kheo kia.» Nếu người kia lấy rồi không trả lại, mà các tỳ-kheo khác không nói thì mình nên tự đến nói với họ rằng: «Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao cho ông. Nay ông nên trao cho Tăng, cho tháp, cho Hòa thượng, cho đồng Hòa thượng, cho A-xà-lê, cho đồng A-xà-lê, cho các cựu tri thức, hoặc hoàn lại nơi người chủ kia.» Nếu không nói với người kia: «Hãy biết cái này. Hãy nhìn cái này»[457]; phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu có nói «Hãy biết cái này. Hãy nhìn cái này.» Hoặc có người giữ vườn, hay ưu-bà-tắc có tín tâm, nói với họ: «Vật nầy không thích hợp; tôi không nên nhận. Ông nên biết cho.» Người kia nhận rồi, hoàn lại cho tỳ-kheo. Tỳ-kheo nên vì thí chủ nhận, rồi trao cho tịnh nhơn cất. Sau, nếu cần được y, bát tịnh, ống đựng kim, ni-sư-đàn, thì đem trao đổi để thọ trì. Nếu người kia lấy rồi, trao cho y bát tịnh, hoặc tọa cụ, hoặc ống đựng kim, thì nên nhận để thọ trì. Nếu người kia không chịu trao cho y thì nên nhờ các tỳ-kheo khác nói với họ rằng: «Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao cho ông. Ông nên trao vật ấy lại cho tỳ-kheo kia.» Nếu người kia lấy rồi không trả lại, mà các tỳ-kheo khác không nói thì mình nên tự đến nói với họ rằng: «Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao cho ông. Nay ông nên trao cho Tăng, cho tháp, cho Hòa thượng, cho đồng Hòa thượng, cho A-xà-lê, cho đồng A-xà-lê, cho các cựu tri thức, hoặc hoàn lại nơi người chủ kia.» Không nên để mất phẩm vật của tín thí. Tất cả như vậy thì không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XIX. KINH DOANH TÀI BẢO[458]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại La-duyệt-kỳ.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà đến hiệu buôn, dùng tiền đổi tiền, rồi mang đi. Các cư sĩ thấy vậy đều cơ hiềm rằng: «Sa-môn Thích tử dùng tiền đổi tiền, rành nghề mua bán.»

Trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục, tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, [620a1] biết tàm quý hiềm trách Bạt-nan-đà rằng: «Sao lại đem tiền đổi tiền, rồi mang đi?»

Chư tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên nầy tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà rằng:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại dùng tiền để đổi tiền?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Đây là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, kinh doanh tiền tài bảo vật, dưới mọi hình thức, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Kinh doanh dưới mọi hình thức[459]: Dùng vàng thành[460] đổi vàng thành; đổi vàng chưa thành đổi vàng đã thành; vàng chưa thành đổi bạc thành; bạc chưa thành, đổi bạc đã thành; chưa thành; bạc nửa nửa chưa thành đổi lấy tiền. Dùng vàng chưa thành đổi vàng thành; đổi vàng chưa thành, đổi vàng đã thành chưa thành; đổi bạc thành, đổi bạc chưa thành; đổi bạc đã thành và chưa thành, đổi tiền. Dùng vàng đã thành chưa thành đổi vàng thành; đổi vàng chưa thành, đổi vàng đã thành chưa thành; đổi bạc thành, đổi bạc chưa thành; đổi bạc đã thành và chưa thành, đổi tiền. Dùng bạc đã thành, đổi vàng, cho đến đổi tiền cũng như vậy. Dùng bạc chưa thành đổi vàng, cho đến đổi tiền cũng như vậy. Dùng bạc chưa thành đổi vàng, cho đến đổi tiền cũng như vậy. Dùng bạc đã thành chưa thành đổi vàng, cho đến đổi tiền cũng như vậy. Dùng tiền đổi vàng, cho đến đổi tiền cũng như vậy.

Tiền[461] : có tám loại: tiền vàng, tiền bạc, tiền thiếc, tiền đồng, tiền bạch lạp, tiền chì thiếc, tiền cây, tiền hồ giao.

Nếu tỳ-kheo nào, kinh doanh các loại bảo vật dưới mọi hình thức, dùng vàng thành đổi vàng thành, cho đến đổi tiền, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Vật nầy phải xả.

Phương thức xả: Nếu người giữ vườn, hoặc ưu-bà-tắc có lòng tin, nên nói với họ rằng: «Vật nầy không thích hợp với tôi. Ông biết cho!» Nếu người kia nhận rồi hoàn lại cho tỳ-kheo thì tỳ-kheo nên vì thí chủ mà thọ, rồi bảo tịnh nhơn cất. Sau đó, nếu cần tịnh y, bát, tọa cụ, ống đựng kim thì đem đổi để thọ trì. Nếu người kia nhận rồi, trao cho tỳ-kheo y bát tịnh, tọa cụ, ống đựng kim, thì nên thọ trì. Nếu người kia nhận rồi mà không trả lại cho tỳ-kheo thì nên nhờ các tỳ-kheo khác nói với họ rằng: «Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao cho người. Người nên hoàn vật ấy lại cho tỳ-kheo kia.»

Nếu tỳ-kheo khác nói mà họ vẫn không trả thì mình tự đến nói: «Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao cho người. Nay người nên trao cho Tăng, cho tháp, cho Hòa thượng, cho đồng Hòa thượng, cho A-xà-lê, cho đồng A-xà-lê, cho cựu tri thức thân, hoặc hoàn lại cho người chủ cũ.» Tại sao vậy? Vì không muốn mất phẩm vật của thí chủ. Nếu tỳ-kheo không nói với người kia rằng: «Hãy xem cái này! Hãy nhận biết cái này!» phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu nói với người: «Hãy biết cái này! Hãy nhìn cái này!» Hoặc có nói với người giữ vườn, hay nói ưu-bà-tắc tín tâm rằng: «Vật nầy không thích hợp với tôi. Ông biết cho!» Nếu người kia nhận rồi hoàn lại cho tỳ-kheo thì tỳ-kheo nên vì thí chủ mà thọ, rồi bảo tịnh nhơn cất. Sau đó, nếu cần tịnh y, bát, tọa cụ, ống đựng kim thì đem đổi để thọ trì. Nếu người kia nhận rồi, trao cho tỳ-kheo y bát tịnh, tọa cụ, ống đựng kim, thì nên thọ trì. Nếu người kia nhận rồi mà không trả lại cho tỳ-kheo thì nên nhờ các tỳ-kheo khác nói với họ rằng: «Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao cho người. Người nên hoàn vật ấy lại cho tỳ-kheo kia.» Nếu tỳ-kheo khác nói mà họ vẫn không trả thì mình tự đến nói: «Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao cho người. Nay người nên trao cho Tăng, cho Tháp, cho Hòa thượng, cho đồng Hòa thượng, cho A-xà-lê, cho đồng A-xà-lê, cho cựu tri thức thân, hoặc hoàn lại cho người chủ cũ.» Tại sao vậy? Vì không muốn mất phẩm vật của thí chủ. Nếu dùng tiền đổi dụng cụ anh lạc vì Phật, Pháp, Tăng; hoặc dùng đồ anh lạc đổi tiền vì Phật, Pháp, Tăng, thì không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XX. BUÔN BÁN[462]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử, tại nước Câu-tát-la, trên đường đi đến một thôn không có trú xứ[463]. Khi đến trong thôn, đem gừng sống đổi thức ăn. Ăn xong rồi đi.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang tại Câu-tát-la du hành trong nhơn gian, rồi đến trong thôn không trú xứ đó. Đến giờ, đắp y, bưng bát, vào thôn khất thực, tuần tự tới nơi nhà bán cơm, đứng im lặng. Người bán cơm thấy vậy bảo rằng:

«Đại đức, muốn cần cái gì?»

Tôn giả trả lời:

«Cư sĩ, tôi cần thức ăn.»

Người kia nói:

«Đưa vật có giá ra đây.»

Tôn giả ngạc nhiên nói:

«Đừng nói như vậy. Điều đó chúng tôi không nên làm.».

Người bán cơm nói:

«Vừa rồi Bạt-nan-đà dùng gừng sống đổi thức ăn. Ăn rồi đi. Sao Đại đức nói không làm việc ấy?»

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe nói như vậy lấy làm xấu hổ, không nói gì. Khất thực xong, về đến trong Tăng-già-lam, đem nhơn duyên này nói với các tỳ-kheo.

Trong lúc ấy, trong thành Xá-vệ có một ngoại đạo, được một chiếc y quý giá, lòng tự nghĩ: «Ta cần gì cái y quý giá này? Nay ta nên đổi y khác.» Lại nghĩ tiếp, «Nơi nào ta có thể đổi y? Chỉ có sa-môn Thích tử ưa mặc y đẹp. Chắc họ có thể đổi.» Nghĩ xong liền đem chiếc y đến trong Tăng-già-lam, nói với các tỳ-kheo rằng:

«Tôi muốn đổi y này. Vị nào muốn đổi thì đổi.»

Bạt-nan-đà nghe vậy liền nói:

«Sáng mai đem đến đây! Tôi sẽ trao đổi y với ông.»

Bạt-nan-đà là người rất khéo tay về may sửa y. Ngay đêm ấy, đem y cũ giặt, nhuộm, ủi, làm cho y sáng sủa như mới. Sáng ngày, ngoại đạo đem y đến trong Tăng-già-lam, nói với các tỳ-kheo:

«Vị nào muốn đổi y thì đổi.»

Bấy giờ, Bạt-nan-đà liền đem y của mình ra giới thiệu nói với ngoại đạo:

«Tôi dùng y này đổi cho ông, ông đưa y của ông cho tôi được không?»

Ngoại đạo trả lời:

«Được.»

Hai bên trao đổi. Ngoại đạo nhận được y đem về trong vườn nơi cư trú của mình, đưa cho các ngoại đạo xem và nói:

«Các bạn nên biết, tôi đem chiếc y đang mặc đổi lấy y nầy đây.»

Trong số ngoại đạo, có người có trí tuệ nói rằng:

«Bạn bị người ta lừa rồi. Tại sao vậy? Y của bạn đang mặc tốt, rộng, dài, bền chắc. Còn y này là y cũ; vì khéo ủi, sửa soạn, nên trông qua thấy sáng sủa, in như y mới thế thôi.»

Ngoại đạo ấy nghe xong, liền đem chiếc y vừa đổi, vào trong Tăng-già-lam, nói với Bạt-nan-đà rằng:

«Tôi trả lại y ông. Ông trả lại y tôi.»

Bạt-nan-đà nói:

«Đã đổi rồi thì thôi, không được hoàn trả lại.»

Ngoại đạo nói:

«Y của tôi mới và tốt, rộng, dài, bền chắc; còn y của ông cũ và xấu được ủi sửa soạn như y mới mà thôi.»

Bạt-nan-đà nói:

«Đã đổi rồi dứt khoát tôi không hoàn lại.»

Ngoại đạo kia cơ hiềm:

«Y của tôi mà tôi đòi lại không được hay sao? Y của tôi mới, tốt, rộng, dài, bền chắc. Y của ông cũ, xấu. Tại sao cùng là người xuất gia với nhau, đổi y cho nhau mà hoàn lại không được?»

Trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quí, [621a1] hiềm trách Bạt-nan-đà rằng: «Sao lại dùng gừng sống để đổi thức ăn để ăn? Sao lại cùng với ngoại đạo đổi y mà không cho hoàn lại?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên nầy tập hợp các tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà:

«Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại lấy gừng đổi thức ăn để ăn; lại cùng ngoại đạo đổi y mà không cho hoàn lại?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Từ này về sau, cho phép năm chúng xuất gia trao đổi qua lại. Khi đổi thẩm định, không nên quá cao thấp với nhau như phép ngoài chợ búa. Không được cùng người khác đổi chác, mà nên khiến tịnh nhơn làm việc ấy. Nếu họ cần đổi lại, nên hoàn lại cho họ. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa... cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, kinh doanh mậu dịch dưới mọi hình thức, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Kinh doanh mậu dịch dưới mọi hình thức: dùng thời dược đổi thời dược, dùng [thuốc] có thời hạn đổi [thuốc] phi thời hạn, dùng [thuốc] có thời hạn đổi [thuốc] bảy ngày, dùng [thuốc] có thời hạn đổi [thuốc] suốt đời, dùng [thuốc] có thời hạn đổi ba-lợi-ca-la.

Dùng [thuốc] phi thời hạn đổi [thuốc] phi thời hạn, dùng [thuốc] phi thời hạn đổi thất nhật dược, dùng [thuốc] phi thời hạn đổi [thuốc] suốt đời, dùng [thuốc] phi thời hạn đổi ba-lợi-ca-la, dùng [thuốc] phi thời hạn đổi [thuốc] có thời hạn.

Dùng [thuốc] bảy ngày đổi [thuốc] bảy ngày, dùng [thuốc] bảy ngày... cho đến [thuốc] phi thời hạn cũng như vậy.

Dùng [thuốc] suốt đời đổi [thuốc] suốt đời, cho đến đổi [thuốc] bảy ngày cũng như vậy.

Dùng ba-lợi-ca-la đổi ba-lợi-ca-la cho đến đổi tận hình thọ cũng như vậy.

Bán: trị giá một tiền, nhiều lần (trả giá) lên hay xuống.

Bán lên giá: trị giá một tiền, nói giá ba tiền.

Bán cao giá: trị giá một tiền, nói giá năm tiền. Mua cũng như vậy.

Nếu tỳ-kheo kinh doanh mậu dịch, dưới mọi hình thức mà nhận được lời, ni-tát-kỳ ba-dật-đề; không nhận được lời, đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, đột-kiết-la. Khi xả, đương sự phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là..., đã kinh doanh mọi thứ, được tài vật, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Trước hết, vị nhận sám hối phải tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã kinh doanh mọi thứ, được tài vật, phạm xả đọa; nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo có tên... nầy. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám hối. Khi nhận sám phải bảo phạm nhân:

«Hãy tự trách tâm ngươi!»

Tỳ-kheo phạm tội thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên hoàn lại vật đó cho tỳ-kheo nầy bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã kinh doanh mọi thứ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trả lại vật cho tỳ-kheo có tên này. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng! Tỳ-kheo này tên là..., đã kinh doanh mọi thứ, được tài vật, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay, Tăng đem vật nầy trả lại cho tỳ-kheo nầy. Các trưởng lão nào đồng ý, Tăng đem vật nầy trả lại cho tỳ-kheo nầy thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận trả vật lại cho tỳ-kheo nầy rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Đương sự đã xả giữa Tăng rồi, Tăng không hoàn lại, đột-kiết-la. Khi trả có người bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la. Nếu chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc cố làm cho hư hoại, hoặc dùng mãi, hoặc dùng vào việc khác, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Cùng năm chúng xuất gia trao đổi, tự mình xét định không quá chênh lệch như bọn nhà buôn. Không cùng người khác đổi chác, hoặc sai tịnh nhơn đổi chác, hoặc

họ hối, cho họ đổi lại. Hoặc dùng sữa đổi dầu, dùng dầu đổi sữa. Tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách[464].

---o0o---

XXI. CHỨA BÁT DƯ[465]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá- vệ.

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo chứa bát. Cái nào tốt thì họ trì, cái nào không tốt thì để đó. Thường tìm tòi bát tốt như vậy cất chứa thành nhiều.

Bấy giờ, có các cư sĩ đến tham quan các phòng. Thấy nhóm sáu tỳ-kheo[466] chứa cất nhiều bát. Thấy vậy đều cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử mong cầu không nhàm chán, không biết tàm quý. Bên ngoài tự xưng rằng, Ta biết chánh pháp. Như vậy thì có gì là chánh pháp? Cất chứa nhiều bát như nơi cửa hàng của thợ đồ gốm.»

Trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao chứa bát, cái tốt thì thọ trì, cái xấu để đó, thường tìm cầu bát mới chứa cất thành nhiều?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo quở trách Bạt-nan-đà rằng:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại chứa bát, cái tốt thì thọ trì, cái xấu để đó, thường tìm cầu bát mới chứa cất thành nhiều?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Bạt-nan-đà là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nó như vầy:

Tỳ-kheo nào, chứa bát dư, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Khi đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, bấy giờ, Tôn giả A-nan nhận được chiếc bát quý giá của nước Tô-ma[467] , ý muốn dâng cúng cho Đại Ca-diếp vì Đại Ca-diếp thường dùng loại bát của nước này.

Khi ấy, Đại Ca-diếp không ở đó. Tôn giả nghĩ: «Đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới, ‹Tỳ-kheo nào chứa bát dư, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.› Nay ta nhận được chiếc bát quý giá của nước Tô-ma, [622a1] muốn dâng cúng cho ngài Đại Ca- diếp, song ngài không có ở đây. Không biết làm thế nào.» Tôn giả A-nan đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch đức Thế tôn:

«Bạch Thế tôn, Thế tôn đã vì tỳ-kheo kiết giới: ‹Tỳ-kheo nào chứa bát dư, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.› Mà nay con vừa nhận được chiếc bát quý giá của nước Tô-ma, muốn dâng cúng cho Đại Ca-diếp, song Đại Ca-diếp không có ở đây, con không biết làm thế nào.»

Đức Thế tôn hỏi Tôn giả A-nan:

«Đại Ca-diếp bao lâu sẽ về?»

Tôn giả A-nan bạch Phật:

«Sau mười ngày, Đại Ca-diếp sẽ về.»

Bấy giờ, đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện tùy thuận nói pháp, khen ngợi hạnh đầu đà nghiêm chỉnh, thiểu dục tri túc và những vị ưa xuất ly, bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép các Tỳ-kheo chứa bát dư cho đến mười ngày.»

Nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, chứa bát dư, không tịnh thí[468], được phép chứa trong hạn mười ngày. Quá hạn, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Bát: Có sáu loại : bát thiếc, bát nước Tô-ma, bát nước Ô-già-la[469], bát nước Ưu-già-xa[470], bát đen, bát đỏ[471]. Đại thể có hai loại: bát bằng thiếc và bát bằng đất[472]. Bát lớn chứa ba đấu, bát nhỏ chứa một đấu rưỡi[473]. Đây là dung lượng của bát, nên thọ trì như vậy, nên tịnh thí.

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, cho đến ngày thứ mười nhận được bát, chứa đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong mười ngày đều thành ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai không nhận được, ngày thứ ba nhận được, ngày thứ tư nhận được, như vậy cho đến ngày thứ mười nhận được bát, đến

ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong chín ngày đều ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được, ngày thứ ba không nhận được (như vậy chuyển lần xuống đến ngày thứ mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như trên[474]).

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai, ngày thứ ba không nhận được, ngày thứ tư nhận được, cho đến ngày thứ mười nhận được bát, đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong tám ngày đều ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được bát; ngày thứ ba, ngày thứ tư không nhận được; ngày thứ năm nhận được (như vậy chuyển lần xuống cho đến ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như vậy*).

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát; ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư không nhận được bát; ngày thứ năm nhận được bát, cho đến ngày thứ mười nhận được bát, đến ngày thứ mười một khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong bảy ngày đều ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được bát; ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm không nhận được bát (như vậy chuyển xuống cho đến ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như trên*).

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát; ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm không nhận được bát; ngày thứ sáu nhận được bát, cho đến ngày thứ mười nhận được bát, ngày thứ mười một khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong sáu ngày đều ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu không nhận được (như vậy chuyển xuống cho đến ngày thứ bảy, ngày thứ tám ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như trên*).

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát; ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu không nhận được bát, ngày thứ bảy nhận được bát, cho đến ngày thứ mười nhận được bát, đến ngày thứ mười một khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong năm ngày đều ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được; ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy không nhận được bát; ngày thứ tám nhận được bát (như vậy chuyển xuống cho đến ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như trên*).

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát; ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy không nhận được bát; ngày thứ tám nhận được bát, cho đến ngày thứ mười nhận được bát, đến ngày thứ mười một khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong bốn ngày đều ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được; ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám không nhận được bát (như vậy chuyển xuống cho đến ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như trên*).

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát; ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám không nhận được bát, ngày thứ chín, ngày thứ mười nhận được bát, số bát nhận được trong

ba ngày đến ngày mười một khi bình minh xuất hiện đều ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được; ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, không nhận được bát (như vậy chuyển xuống cho đến ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như trên).

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát; ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín không nhận được bát; ngày thứ mười nhận được bát, ngày thứ mười một khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong hai ngày đều ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được; ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát (như vậy chuyển xuống cho đến ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như trên).

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát; ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát, ngày thứ mười một khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong một ngày, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát không tịnh thí; ngày thứ hai được bát tịnh thí, ngày thứ ba được bát, cho đến ngày thứ mười được bát không tịnh thí, đến ngày thứ mười một khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong chín ngày đều ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Nếu tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được bát không tịnh thí. Ngày thứ ba được bát tịnh thí. Ngày thứ tư được bát không tịnh thí (như vậy chuyển xuống cho đến ngày thứ mười được bát không tịnh thí,và tịnh thí, đặt câu văn cũng như trên*). Sai cho người (đặt câu văn cũng như vậy). Hoặc mất (câu văn cũng như trên*). Hoặc cố làm cho hư hoại (câu văn cũng như vậy*). Hoặc làm phi bát (câu văn cũng như vậy*). Hoặc khởi ý thân hữu lấy (câu văn cũng như trên*). Hoặc quên đi (câu văn cũng như trên*). Tất cả đều ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Nếu bát phạm ni-tát-kỳ mà không xả, lại đổi bát khác thì phạm một ni-tát-kỳ và một đột-kiết-la.

Bát phạm ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm đột-kiết-la.

Khi xả, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng lên thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là..., đã chứa bát dư, quá mười ngày, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả bát rồi phải sám hối, vị nhận sám trước hết phải tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã chứa bát dư quá mười ngày, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo có tên... này. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch như vậy rồi mới nhận sự sám hối của vị kia. Nên nói với tỳ-kheo kia rằng:

«Hãy tự trách tâm mình!»

Vị ấy thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên hoàn bát lại cho tỳ-kheo này bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã chứa bát dư quá mười ngày, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trả bát lại cho tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã chứa bát dư quá mười ngày, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả bát lại cho tỳ-kheo này, các trưởng lão nào chấp thuận Tăng trả bát lại cho tỳ-kheo có tên... này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận trả lại bát cho tỳ-kheo có tên... này rồi, Tăng chấp thuận nên im lặng. Được ghi nhận như vậy.»

Nếu đã xả bát trong Tăng rồi, Tăng không trả lại, phạm đột-kiết-la. Nếu có người bảo «đừng trả», vị ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu chuyển tịnh thí hoặc sai cho người, hoặc cố làm cho hư, hoặc làm phi bát, hoặc [623a1] dùng thường xuyên[475], tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trong mười ngày. Hoặc tịnh thí. Hoặc sai cho người. Hoặc tưởng bị cướp đoạt, bị mất, bị phá hư, bị nước cuốn trôi thì không phạm. Nếu bát bị đoạt, bị mất, bị cháy, bị nước cuốn trôi nên lấy dùng, hoặc người khác cho dùng. Hoặc tỳ-kheo nhận gởi bát qua đời, hoặc đi xa, hoặc thôi tu, hoặc bị giặc cướp, hoặc gặp ác thú hại, hoặc bị nước cuốn trôi, không sai cho người. Tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXII. ĐỔI BÁT MỚI[476]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử bát bị vỡ, nên vào thành Xá-vệ nói với một cư sĩ rằng:

«Ông biết cho. Bát tôi bị vỡ. Ông hãy giúp tôi.»

Bấy giờ, có cư sĩ nọ liền vào trong chợ mua cái bát cúng cho. Bạt-nan-đà lại đến nhà cư sĩ khác cũng nói rằng:

«Bát tôi bị vỡ. Ông hãy giúp tôi.»

Các cư sĩ kia cũng liền đến chợ mua bát cúng dường.

Bạt-nan-đà bị vỡ một cái bát mà cầu tìm nhiều bát để chứa cất. Sau đó, một thời gian các cư sĩ có cơ hội gặp nhau. Có một cư sĩ nói với các cư sĩ khác rằng:

«Tôi được phước vô lượng.»

Các cư sĩ hỏi:

«Nhờ việc gì mà bạn được phước vô lượng?»

Đáp rằng:

«Tôn giả Bạt-nan-đà bị vỡ cái bát. Tôi mua cái bát cúng cho, nên được phước vô lượng.»

Các cư sĩ mỗi người đều tự nói:

«Chúng tôi cũng được phước vô lượng.»

Các cư sĩ khác hỏi rằng:

«Do nhơn duyên gì quý vị đều được phước vô lượng?»

Các cư sĩ trả lời rằng:

«Bạt-nan-đà bị bể cái bát, chúng tôi cũng đến chợ mua bát cúng cho Bạt-nan-đà.»

Các cư sĩ cơ hiềm nói:

«Sa-môn Thích tử không biết tàm quý, mong cầu không nhàm chán, không biết đủ. Bên ngoài tự xưng rằng, ‹Ta biết chánh pháp.› Như vậy thì có chánh pháp gì? Bị vỡ một cái bát mà tìm cầu nhiều bát để chứa cất. Đàn-việt tuy cúng dường không nhàm chán mà người thọ nhận phải biết đủ chứ!»

Trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử rằng: «Sao thầy bị vỡ một cái bát lại tìm cầu nhiều bát để chứa cất?» Các Tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đầu mặt lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn tập hợp các tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại bể một cái bát mà tìm cầu nhiều bát để chứa cất?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo:

«Bạt-nan-đà này là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì

các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, chứa bát trám dưới năm chỗ không chảy rỉ, mà tìm xin bát mới, vì muốn đẹp, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Tỳ-kheo kia nên đến trong Tăng để xả, lần lượt cho đến lấy cái bát tối hạ[477] trao cho, khiến thọ trì cho đến khi vỡ; đó là điều hợp thức[478].

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Năm chỗ trám: khoảng cách giữa hai chỗ trám bằng hai ngón tay.

Tỳ-kheo nào bát bị bể dưới năm chỗ trám mà không chảy rỉ, lại tìm cầu bát mới, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Nếu trám đủ năm chỗ mà không rỉ chảy lại tìm cầu bát mới, đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng trong trú xứ đó. Nên đến giữa Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là..., bát đã bị bể, dưới năm chỗ trám chưa rỉ chảy, lại xin bát mới, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., bát đã bị bể dưới năm chỗ trám chưa rỉ chảy, lại xin bát mới, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo có tên... này. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám. Khi nhận sám nên nói với người kia rằng:

«Hãy tự trách tâm mình!»

Tỳ-kheo kia thưa:

«Xin vâng.»

Bát của vị tỳ-kheo này nếu là loại bát quý giá tốt thì nên cất lại, và lấy cái bát kém nhất trao cho vị ấy, bằng bạch nhị yết-ma, nên trao như vầy: Trong Tăng sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch[479]:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., bát đã bị bể dưới năm chỗ trám không rỉ chảy, lại xin bát mới, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trao bát cho tỳ-kheo có tên này. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., bát đã bị bể dưới năm chỗ trám không rỉ chảy, lại xin bát mới, phạm xả đọa, đã xả cho Tăng. Nay Tăng trao bát lại cho tỳ-kheo có tên... này. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng trao bát lại cho tỳ-kheo có tên là... này thì im lặng. Vị nào không đồng ý, xin hãy nói.»

«Tăng đã đồng ý trao bát lại cho tỳ-kheo có tên... này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Được ghi nhận như vậy.»

Bát của tỳ-kheo kia nên đem tác bạch rồi hỏi Tăng, tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, đem bát này theo thứ tự hỏi Thượng tọa. Đây là lời tác bạch.»

Bạch như vậy rồi nên đem bát trao cho Thượng tọa. Nếu Thượng tọa muốn nhận bát (mới) này thì trao cho, rồi lấy

bát (cũ) của Thượng tọa trao cho vị kế. Nếu trao cho tỳ-kheo kia thì tỳ-kheo kia nên nhận. Không nên vì hộ trì chúng Tăng mà không nhận. Cũng không nên vì nhân duyên này mà thọ trì bát tối hạ; nếu thọ trì thì phạm đột-kiết-la[480]. Nếu vị Thượng tọa thứ hai lấy chiếc bát này thì nên lấy chiếc bát của vị Thượng tọa thứ hai trao cho vị Thượng tọa thứ ba. Nếu trao cho tỳ-kheo kia thì tỳ-kheo kia nên nhận, không nên vì hộ trì chúng Tăng mà không nhận, và không nên vì nhân duyên này mà thọ trì bát xấu nhất; nếu thọ trì thì phạm đột-kiết-la.

Như vậy lần lượt cho đến vị hạ tọa. Hoặc đem bát của tỳ-kheo này trả lại cho tỳ-kheo này; hoặc đem bát vị tối hạ trao cho. Khi trao, nên bạch nhị yết-ma để trao. Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên, tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng đem bát của vị tối hạ này trao cho tỳ-kheo có tên... thọ trì cho đến khi vỡ. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng đem cái bát của vị tối hạ này trao cho tỳ-kheo có tên... thọ trì cho đến khi vỡ. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng trao bát cho tỳ-kheo này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã đồng ý trao bát cho tỳ-kheo này rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Được ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo kia nên giữ gìn bát này không được để chỗ đá gạch có thể rơi, không được để dưới cây gậy dựng đứng và dưới con dao dựng đứng, không được để dưới vật treo, không được để giữa đường đi, không được để trên hòn đá, không được để dưới gốc cây có trái, không được để chỗ đất không bằng phẳng.

Tỳ-kheo không được dùng một tay mà nắm hai cái bát, trừ có kê ngón tay ở giữa. Không được dùng một tay cầm hai cái

bát mà mở cửa, trừ phi có chú ý. Không được để trong ngưỡng cửa, dưới cánh cửa. Không được để dưới giường dây, giường cây, trừ để tạm. Không [624a1] được để trung gian giữa giường dây và giường cây. Không được để đầu góc của giường cây và giường dây, trừ để tạm. Không được đứng mà quậy bát cho đến đủ để khiến bát bị vỡ. Tỳ-kheo kia không được cố tâm làm cho bát hư hoại, không được cố ý khiến cho mất hoặc cố làm cho hư hỏng. Không nên dùng làm phi bát[481].

Xả bát ở trong Tăng rồi, Tăng không hoàn lại, phạm đột-kiết-la. Nếu ai bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc cố làm mất, làm hỏng, dùng làm phi bát hay dùng thường xuyên[482], tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Năm chỗ trám bị rỉ chảy. Hoặc dưới năm chỗ trám mà rỉ chảy, tìm cầu bát mới. Hoặc đến xin nơi thân lý, nơi người xuất gia, vì người khác xin, người khác vì mình xin. Hoặc không xin mà được. Hoặc họ cúng cho Tăng, theo thứ tự được. Hoặc mình có phương tiện mua để chứa. Tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXIII. XIN CHỈ SỢI[483]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử muốn may tăng-già-lê, nên vào thành, đến nhà một cư sĩ, nói rằng:

«Ông biết không? Tôi muốn may tăng-già-lê, nên cần chỉ sợi.»

Cư sĩ liền cúng chỉ sợi. Bạt-nan-đà lại đến các nhà cư sĩ khác, cũng nói rằng: «Tôi muốn may tăng-già-lê, nên cần chỉ sợi.»

Bạt-nan-đà xin khắp mọi nơi như vậy, thu hoạch được một số lượng chỉ sợi rất nhiều nên nghĩ rằng: «Lúc khác, ở nơi khác, ta lại xin chỉ sợi nữa, để đủ may tăng-già-lê. Y phục của tỳ-kheo khó có được, ta nên sắm luôn ba y. Nay ta nên đem số chỉ sợi này bảo thợ dệt, dệt ba y.»

Nghĩ xong liền đem chỉ đến chỗ thợ dệt, tự tay xe chỉ, tự đứng coi thợ dệt. Các cư sĩ thấy vậy cơ hiềm rằng:

«Các ông xem kìa, Bạt-nan-đà Thích tử tự xe chỉ, tự đứng coi thợ dệt dệt ba y.»

Trong số các tỳ-kheo nghe, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà: «Sao lại tìm cầu nhiều chỉ sợi, rồi khiến thợ dệt dệt ba y; tự tay xe chỉ, tự đứng coi thợ dệt dệt ?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà:

«Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại tìm cầu nhiều chỉ sợi, tự tay xe sợi, tự đứng coi thợ dệt, dệt ba y?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, tự mình xin chỉ sợi, khiến thợ dệt không phải thân quyến[484] dệt làm ba y , ni-tát-kỳ ba-dật- đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tự mình xin: chính mình xin khắp nơi.

Chỉ sợi: có mười loại[485], như trên tức là chỉ dệt mười loại y như trên.

Thợ dệt không phải thân quyến, người cho chỉ chẳng phải thân quyến: không phải thân quyến[486] thì phạm.

Thợ dệt chẳng phải thân quyến; người cho chỉ hoặc thân quyến, hoặc chẳng phải thân quyến: chẳng phải thân quyến thì phạm.

Thợ dệt chẳng phải thân quyến; người cho chỉ là thân quyến, hoặc chẳng phải thân quyến: chẳng phải thân quyến thì phạm.

Hoặc thợ dệt là thân quyến, hoặc không phải thân quyến; người cho chỉ chẳng phải thân quyến: chẳng phải thân quyến thì phạm.

Hoặc thợ dệt là thân quyến, hoặc chẳng phải thân quyến; người cho chỉ hoặc là thân quyến, hoặc chẳng phải thân quyến: chẳng phải thân quyến thì phạm. Hoặc thợ dệt là

thân quyến, hoặc chẳng phải thân quyến; người cho chỉ chẳng phải thân quyến: chẳng phải thân quyến thì phạm.

Thợ dệt là thân quyến; người cho chỉ chẳng phải thân quyến: chẳng phải thân quyến thì phạm.

Thợ dệt là thân quyến; người cho chỉ hoặc thân quyến hoặc chẳng phải thân quyến: chẳng phải thân quyến thì phạm.

Nếu tỳ-kheo tự mình xin chỉ khiến thợ dệt y, phạm xả đọa. Nếu xem thợ dệt dệt, hoặc tự mình dệt, hoặc tự mình quay chỉ, đều phạm đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, phạm đột-kiết-la.

Khi xả, đương sự nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng toạ, kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là…, đã tự mình cầu xin nhiều chỉ sợi, khiến thợ dệt dệt y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã tự mình cầu xin nhiều chỉ sợi khiến thợ dệt dệt y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch rồi mới thọ sám, nên nói với tỳ-kheo rằng:

«Hãy tự trách tâm ngươi!»

Tỳ-kheo phạm tội thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên hoàn y lại cho tỳ-kheo này liền, bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong chúng nên sai một vị khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã tìm cầu nhiều chỉ sợi khiến thợ dệt không phải thân quyến dệt y, phạm xả đoạ. Nay xả cho Tăng, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng hoàn y lại cho tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã tìm cầu nhiều chỉ sợi, khiến thợ dệt chẳng phải thân quyến dệt y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả y lại cho tỳ-kheo có tên…. này. Các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng trả y lại cho tỳ-kheo có tên... này thì im lặng. Vị nào không đồng ý nên nói.»

«Tăng đã chấp thuận trả y lại cho tỳ-kheo có tên… này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Được ghi nhận như vậy.»

Đương sự đã xả y giữa Tăng rồi, Tăng không trả y lại phạm đột-kiết-la. Nếu chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc tự mình làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc làm cho hư hoại, hoặc đốt, hoặc làm phi y, hoặc mặc thường xuyên, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Thợ dệt là thân quyến, người cho chỉ là thân quyến. Hoặc tự mình dệt cái đãy đựng bát, đãy đựng giày dép, đựng kim, hoặc làm dây lưng ngồi thiền. Hoặc làm dây lưng thường, hoặc làm mão, làm bít tất, làm khăn trùm cho ấm, hoặc khăn gói. Tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXIV. CHỈ DẪN THỢ DỆT[487]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời đức Thế tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một cư sĩ là bạn quen tri thức của Bạt-nan-đà Thích tử, đem chỉ tốt, bảo thợ dệt, dệt chiếc y như vậy, như vậy để cúng cho Bạt-nan-đà Thích tử. Cư sĩ đưa chỉ cho thợ dệt rồi, có việc cần đi qua thôn khác. Người thợ dệt kia đến trong Tăng-già-lam nói với Bạt-nan-đà Thích tử rằng:

«Đại đức, chưa từng có người nào được phước như ngài.»

Bạt-nan-đà hỏi:

«Chuyện gì mà biết tôi là người có phước đức?»

Ông thợ dệt nói:

«Người cư sĩ có tên mỗ đem số chỉ này đến tôi, nói: ‹Bạt-nan-đà Thích tử là bạn quen của tôi, ông vì tôi dệt làm [625a1] y như vậy, như vậy để cúng cho ngài›. Do đó tôi biết Đại đức là người có phước đức.»

Bạt-nan-đà lại hỏi:

«Có thật như vậy không?»

Ông thợ dệt dệt trả lời:

«Thật như vậy.»

Bạt-nan-đà nói:

«Nếu muốn dệt y cho tôi thì phải dệt cho rộng, dài, đẹp, bền chắc, tỉ mỉ, mới đúng là y tôi thọ trì. Nếu không phải là thứ y mà tôi cần thọ trì thì tôi không cần.»

Ông thợ dệt nói:

«Loại y như Đại đức nói thì số chỉ này không đủ để dệt thành y.»

Bạt-nan-đà nói rằng:

«Ông cứ dệt, tôi sẽ tìm thêm chỉ đem đến cho đủ.»

Sáng hôm ấy, Bạt-nan-đà đắp y bưng bát đến nhà cư sĩ, ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn, rồi nói với vợ cư sĩ rằng:

«Trước đây ông cư sĩ có đem chỉ đến thợ dệt bảo dệt y cho tôi, nay số chỉ ấy không đủ để dệt.»

Vợ cư sĩ nghe nói liền đem cái rương đựng chỉ ra và nói với Bạt-nan-đà rằng:

«Cần nhiều hay ít tùy ý ngài cứ lấy.»

Bấy giờ, Bạt-nan-đà lựa lấy những thứ chỉ tốt theo ý muốn của mình, rồi đem đến thợ dệt nói rằng:

«Tôi đã cung cấp đủ số chỉ như đã hứa. Ông cứ dệt thành y cho tôi.»

Thợ dệt bảo rằng:

«Nếu dệt theo kiểu y mà Đại đức nói, thì phải trả thêm tiền công cho tôi.»

Bạt-nan-đà nói:

«Ông cứ dệt như vậy. Tôi sẽ trả thêm tiền công.»

Bấy giờ, thợ dệt dệt y xong, đem đến cho vợ cư sĩ. Cũng lúc ấy, ông cư sĩ vừa từ nơi khác về, hỏi vợ rằng:

«Trước đây tôi đưa chỉ cho thợ dệt, bảo dệt y cho Bạt-nan-đà Thích tử. Nay y ấy đã dệt xong chưa?»

Người vợ bảo rằng:

«Y ấy đã dệt xong rồi. Nó đây này.»

Người chồng bảo đem y đến xem. Người vợ mở rương ra cho chồng xem. Ông chồng nói với vợ rằng:

«Y này không phải là kiểu y mà trước đây tôi bảo thợ dệt dệt.»

Bà vợ bảo:

«Chính y này đây.»

Ông chồng nói rằng:

«Chỉ mà bữa trước tôi đưa bảo thợ dệt dệt y, thì đây không phải là y đó.»

Bấy giờ, bà vợ mới trình bày đầy đủ nhơn duyên cho chồng. Hai vợ chồng mở y ra xem. Khi ấy, Bạt-nan-đà lại đến nhà cư sĩ, hỏi rằng:

«Trước đây hai ông bà bảo thợ dệt dệt y cho tôi, có phải cái này không?»

«Vâng chính cái này đây.»

«Như vậy có thể cho tôi nhận.»

Cư sĩ liền cơ hiềm rằng:

«Sa-môn Thích tử thọ nhận không biết nhàm chán, không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự nói ‹Tôi biết chánh pháp.› Nhưng

như vậy thì làm gì có chánh pháp? Đến nơi người xin y, tuy kẻ cho không nhàm chán nhưng người nhận phải biết đủ chứ! Cho đến chỗ vắng cũng không được nói năng.»

Bấy giờ, tỳ-kheo khất thực nghe như vậy rồi, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử rằng: «Sao lại tham lam đi xin y nơi người?»

Hiềm trách rồi về đến trong Tăng-già-lam, đem nhơn duyên này nói với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà: «Sao lại tham lam đi xin y nơi người?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này trình bày đầy đủ với đức Thế tôn.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo quở trách Bạt-nan-đà:

«Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại tham lam đi xin y nơi người?»

Dùng vô số phương tiện, đức Thế tôn quở trách, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Đây là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này lần đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, có cư sĩ[488] hay vợ cư sĩ khiến thợ dệt vì tỳ-kheo dệt làm y. Tỳ-kheo kia bèn đến nhà thợ dệt nói rằng: ‹Ông biết chăng? Y này vốn làm cho tôi. Hãy dệt cho khéo,

khiến cho rộng, dài, bền chắc, tỉ mỉ. Tôi sẽ trả công cho ít nhiều.› Tỳ-kheo kia trả công, dù chỉ đáng giá một bữa ăn; nếu nhận được y, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Khi đức Thế tôn, vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, bấy giờ, có các cư sĩ cúng y cho tỳ-kheo với yêu cầu tùy ý, thưa:

«Đại đức cần loại y nào?»

Các tỳ-kheo nghi, không dám trả lời. Đức Phật dạy:

«Nếu trước đó họ yêu cầu tùy ý mà cúng y, thì nên tùy ý trả lời.»

Hoặc có cư sĩ muốn dâng y quý giá cho tỳ-kheo mà tỳ-kheo ấy là vị thiểu dục tri túc, muốn được y không quý giá, mà nghi không dám nói, đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép vị thiểu dục tri túc đòi hỏi y không quý giá theo ý muốn của mình.»

Từ nay về sau sẽ nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, có cư sĩ hay vợ cư sĩ khiến thợ dệt vì tỳ-kheo dệt làm y. Tỳ-kheo kia trước không được yêu cầu tùy ý, mà lại đến chỗ thợ dệt nói rằng: ‹Ông biết chăng? Y này vốn làm cho tôi. Hãy dệt cho khéo, khiến cho rộng, dài, bền chắc, tỉ mỉ. Tôi sẽ trả công cho ít nhiều.› Tỳ-kheo kia trả công, dù chỉ đáng giá một bữa ăn; nếu nhận được y, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Cư sĩ, vợ cư sĩ: cũng như trên.

Tỳ-kheo trước không được yêu cầu tùy ý[489], bèn đến tìm cầu y; nếu được y, ni-tát-kỳ ba-dật-đề; không được y, đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, đột-kiết-la.

Khi xả, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay, thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là…, trước đó không được yêu cầu tùy ý, bèn đến tìm cầu được y tốt, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết nên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, trước đó không được nhận yêu cầu tùy ý bèn đến tìm cầu được y tốt, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám. Khi nhận sám nên nói với người kia rằng:

«Hãy tự trách tâm ngươi!»

Vị tỳ-kheo kia thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên trả lại y cho tỳ-kheo này liền, bằng bạch nhị yết-ma như vầy: trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, trước không được yêu cầu tùy ý, lại đến tìm cầu được y tốt, phạm

xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trả y lại cho tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, trước không được yêu cầu tùy ý, bèn đến tìm cầu được y tốt, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả lại y cho tỳ-kheo có tên này. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng trả y lại cho tỳ-kheo này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận trả y lại cho tỳ-kheo này rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo kia, trong Tăng đã xả y rồi mà Tăng không hoàn lại, đột-kiết-la. Nếu có người bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la. Nếu chuyển làm tịnh thí hoặc sai cho người, hoặc tự làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc cố làm cho hư, hoặc đốt, hoặc làm phi y, hoặc mặc thường xuyên, tất cả đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trước đã được yêu cầu tùy ý đến tìm cầu biết đủ, tìm cầu giảm thiểu. Hoặc đến nơi thân lý xin, hoặc không xin mà được thì không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXV. ĐOẠT LẠI Y[490]

A. DUYÊN KHỞI

[626a2] Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, người đệ tử của Tôn giả

Nan-đà có khả năng khuyến hóa khéo léo, được Bạt-nan-đà bảo rằng:

«Nay ông cùng tôi du hành trong nhân gian. Tôi sẽ biếu y cho ông.»

Đệ tử của Tôn giả Nan-đà chấp thuận. Bạt-nan-đà liền trao y cho. Sau đó, các tỳ-kheo khác nói với đệ tử của Tôn giả Nan-đà rằng:

«Vì cớ gì mà ông cùng Bạt-nan-đà du hành trong nhân gian? Bạt-nan-đà là người si, không biết tụng giới, không biết thuyết giới, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát.»

Tỳ-kheo kia liền đáp rằng:

«Nếu thật vậy thì tôi sẽ không đi theo nữa.»

Sau đó, Bạt-nan-đà bảo rằng:

«Ông cùng tôi du hành trong nhơn gian.»

Đệ tử của A-nan-đà liền đáp:

«Thầy tự đi. Tôi không thể đi theo thầy được.»

Bạt-nan-đà nói rằng:

«Sở dĩ trước đây tôi cho ông y là muốn ông cùng tôi du hành nhơn gian. Nay ông không đi thì trả y lại cho tôi.»

Tỳ-kheo nói rằng:

«Đã cho rồi, không trả lại.»

Bấy giờ, Bạt-nan-đà nổi giận, liền cưỡng đoạt lấy y lại. Tỳ-kheo kia lớn tiếng bảo:

«Đừng làm vậy, đừng làm vậy!»

Các tỳ-kheo ở phòng gần nghe tiếng kêu la, đều tập trung lại, hỏi tỳ-kheo này rằng:

«Sao thầy la lớn tiếng?»

Khi ấy, tỳ-kheo mới đem nhơn duyên này trình bày đầy đủ với các tỳ-kheo.

Trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà rằng:

«Tại sao đã cho y tỳ-kheo rồi, vì giận hờn mà đoạt lại?»

Hiềm trách rồi đến chỗ đức Thế tôn đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lại một cách đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn tập họp Tăng tỳ-kheo quở trách Bạt-nan-đà:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại vì giận hờn mà đoạt y đã cho người lại?»

Dùng vô số phương tiện quở trách rồi, đức Thế tôn nói với các tỳ-kheo:

«Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa cho đến chánh pháp lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, trước đã cho y cho tỳ-kheo khác; sau vì giận hờn tự mình đoạt hay sai người đoạt lại nói rằng: ‹Hãy trả y lại tôi, tôi không cho ngài.› Nếu tỳ-kheo kia trả y, tỳ-kheo này nhận lấy, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Y: có mười loại, như trên đã nói.

Nếu tỳ-kheo nào đã cho y cho tỳ-kheo, sau đó vì giận hờn hoặc tự mình đoạt lại, hay sai người đoạt lại, lấy đem cất, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Nếu đoạt lại mà không dấu cất, phạm đột-kiết-la.

Nếu y được máng trên cây, để trên tường, trên rào, trên nọc, trên móc áo[491], trên giá y, hoặc trên giường cây, giường dây, hoặc trên nệm nhỏ nệm lớn, trên ghế nhỏ; hoặc trải trên đất; lấy khỏi chỗ của nó, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Lấy mà không lìa khỏi chỗ, đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, phạm đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là…, đã cho y tỳ-kheo rồi, sau vì giận hờn đoạt lấy lại, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã cho y tỳ-kheo rồi, sau ăn năn, vì giận hờn đoạt lại, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám. Khi nhận sám nên bảo với người kia rằng:

«Hãy tự trách tâm ngươi!»

Tỳ-kheo kia thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên trả y lại cho tỳ-kheo này liền bằng bạch nhị yết-ma như vầy: trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng nên lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã cho y tỳ-kheo rồi, sau vì giận hờn đoạt lấy lại, phạm xả đoạ, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trả y lại cho tỳ-kheo có tên… Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã cho y tỳ-kheo , sau vì giận hờn đoạt lấy lại, phạm xả đoạ, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả y lại cho tỳ-kheo này, trưởng lão nào chấp thuận Tăng trả y lại cho tỳ-kheo có tên… này thì im lặng. Vị nào không đồng ý nên nói.»

«Tăng đã chấp thuận trả y lại cho tỳ-kheo có tên… này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.»

Nếu trong Tăng, đã xả y rồi mà Tăng không trả lại, đột-kiết-la. Nếu có ai bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu chuyển làm tịnh thí, hoặc tự làm ba y, hoặc sai cho người, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc cố làm hư hoại, hoặc đốt, hoặc làm phi y, hoặc mặc thường xuyên, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Không vì giận hờn mà nói: «Tôi hối tiếc, không muốn cho y cho thầy, trả y lại cho tôi.» Nếu người kia

cũng biết tâm người này có sự hối tiếc, liền trả y lại. Hoặc người khác nói: «Tỳ-kheo này hối tiếc, nên trả y lại cho người ta.» Hoặc mượn y của người khác mặc; người khác mặc mà không hợp đạo lý đoạt lấy lại thì không phạm. Nếu sợ mất y hoặc sợ hư hoại, hoặc người kia phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị cử tội, hoặc diệt tẫn, hoặc đáng phải diệt tẫn, hoặc vì việc này đưa đến mạng nạn, phạm hạnh nạn; vì các trường hợp trên đoạt lấy lại mà không cất chứa. Tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách[492].

---o0o---

XXVI. THUỐC BẢY NGÀY[493]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, các tỳ-kheo gặp gió mùa thu phát sanh bệnh, nên thân hình gầy còm, lại sanh ghẻ lở. Đức Thế tôn ở nơi nhàn tịnh, nghĩ rằng[494] «Hiện nay là mùa thu, các tỳ-kheo gặp phải gió độc sanh bệnh, thân hình gầy còm, lại sanh ghẻ dữ. Ta cần thích nghi khiến các tỳ-kheo được uống các loại thuốc, vừa là thức ăn mà vừa là thuốc uống, như ăn cơm hay cơm khô, không nên để cho bày cái vẻ thô xấu ra.»[495] Ngài lại nghĩ: «Hiện tại có năm thứ thuốc mà người đời biết như váng sữa, dầu, bơ, mật, đường mía[496]. Các tỳ-kheo được phép dùng năm thứ thuốc này, vừa là thức ăn mà vừa là thuốc uống như cơm, cơm khô, không nên để cho bày cái vẻ thô xấu ra.»

Bấy giờ, đức Thế tôn từ nơi tịnh thất đi ra, vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, bảo rằng:

«Ta vừa ở nơi tịnh thất, khởi lên ý nghĩ: ‹Hiện nay là mùa thu, các tỳ-kheo gặp phải gió độc sanh bệnh, thân hình gầy còm, lại sanh ghẻ dữ. Ta cần thích nghi khiến các tỳ-kheo

được uống các loại thuốc, vừa là thức ăn mà vừa là thuốc uống, như ăn: cơm, cơm khô, không nên để cho thô hiện.› Ta lại nghĩ: ‹Hiện tại có năm thứ thuốc mà người đời biết như váng sữa, dầu, [627a1] bơ tươi, mật, mật mía. Các tỳ-kheo được phép dùng năm thứ thuốc này, vừa là thức ăn mà vừa là thuốc uống như cơm, cơm khô, không nên để cho bày cái vẻ thô xấu ra.» Bởi vậy, cho nên cho phép các tỳ-kheo uống năm thứ thuốc khi có nhân duyên bệnh.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo nhận được các thức ăn ngon béo, hay nhận được thịt, canh thịt, nhưng không thể ăn kịp thời[497] huống chi năm thứ thuốc này làm sao kịp thời để uống? Do vậy, thuốc tuy chứa nhiều mà bệnh vẫn không thuyên giảm, hình thể vẫn gầy còm, lại sanh các loại ghẻ lở.

Bấy giờ, đức Thế tôn biết mà vẫn hỏi Tôn giả A-nan:

«Các tỳ-kheo này sao hình thể gầy còm, lại sanh các loại ghẻ lở?»

Tôn giả A-nan bạch Phật:

«Các tỳ-kheo bệnh này tuy đã nhận được thức ăn ngon béo, được thịt, canh thịt, nhưng không thể ăn kịp thời; huống chi năm thứ thuốc này làm sao kịp thời để uống. Do đó, thuốc tuy chứa nhiều mà bệnh vẫn không lành, cho nên hình thể vẫn gầy còm, vẫn sanh ghẻ lở.»

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo vì bệnh duyên, dù thời hay phi thời, cũng được uống năm thứ thuốc này.»

Khi ấy, các tỳ-kheo bệnh nhận được đồ ăn thức uống ngon bổ, nhận được thịt, canh thịt, nhưng không thể ăn kịp thời, nên đem cho người nuôi bệnh. Người nuôi bệnh ăn no rồi nên không ăn nữa, đem thức ăn ấy bỏ ra ngoài. Các loài chim tranh nhau ăn nên kêu la inh ỏi. Lúc bấy giờ, đức Thế tôn biết mà vẫn cố hỏi Tôn giả A-nan:

«Tại sao các loài chim kêu la như thế ?»

Tôn giả A-nan bạch Phật:

«Các tỳ-kheo bệnh nhận được đồ ăn thức uống ngon bổ, nhận được thịt, canh thịt, nhưng không thể ăn kịp thời, nên đem cho người nuôi bệnh. Người nuôi bệnh ăn no rồi nên không ăn nữa, đem thức ăn ấy bỏ ra ngoài. Các loài chim tranh nhau ăn nên kêu la inh ỏi như thế.»

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

«Từ nay về sau cho phép thức ăn dư của bệnh nhơn, người nuôi bệnh dù đã ăn đủ no hay ăn chưa đủ no, được phép ăn theo ý mình.»[498]

Khi ấy, các tỳ-kheo buổi sáng thọ tiểu thực rồi vào thôn khất thực. Ăn đủ no rồi, trở lại trong Tăng-già-lam, đem thức ăn đã nhận khi sáng cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo vì đã ăn no rồi nên không ăn nữa, đem bỏ ra ngoài. Các loài chim tranh nhau ăn kêu la. Bấy giờ, đức Thế tôn biết mà vẫn cố hỏi Tôn giả A-nan:

«Tại sao các loài chim kêu la như thế ?»

Tôn giả A-nan đem nhân duyên trên thưa đầy đủ lên đức Phật, vì vậy cho nên các loài chim kêu la.

Đức Phật dạy Tôn giả A-nan:

«Từ nay về sau, nếu đã nhận thức ăn tiểu thực rồi, hoặc ăn no rồi, cho phép làm pháp dư thực để ăn.»

Làm pháp dư thực như sau:

«Bạch Đại đức, tôi đã ăn no rồi. Ngài xem cho, biết cho.»

Đó là cách tác pháp dư thực.

Vị kia nên nói rằng:

«Hãy ngăn lòng tham của ngươi!»

Nên làm pháp dư thực như vậy rồi ăn. (Có những nhơn duyên khác như trong ba-dật đề, nói về pháp dư thực giống nhau nên không chép ra).[499]

Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bị bệnh phong[500]. Thầy thuốc bảo dùng năm loại mỡ: mỡ gấu, mỡ cá, mỡ lừa, mỡ heo, mỡ cá ma-kiệt[501]. Cho phép dùng năm loại mỡ này, thọ nhận đúng lúc, nấu đúng lúc, và lọc đúng lúc, uống như phép dùng dầu. Nếu nhận không đúng lúc, nấu không đúng lúc, lọc không đúng lúc mà sử dụng thì trị như pháp[502].

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn, từ nước Xá-vệ, du hành trong nhơn gian cùng đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi tỳ-kheo.

Bấy giờ là lúc lúa gạo khan hiếm, nhơn dân đói khổ, khất thực khó khăn, lại có năm trăm người hành khất đi theo sau đức Thế tôn. Khi đức Thế tôn an tọa dưới một bóng cây, thì có tượng sư Tư-ha Tỳ-la-trà[503] chở năm trăm chiếc xe đường mía từ con đường kia đi lại[504]. Bấy giờ, tượng sư thấy trên đường có dấu chân với bánh xe nghìn nan hoa của đức Như Lai, hiện rõ ra tướng ánh sáng trong sạch đẹp đẽ, đầy đủ. Thấy vậy, tượng sư theo dấu chân tìm đến. Từ xa trông thấy đức Thế tôn an toạ dưới bóng cây, dung nhan đoan chánh, các căn tịch định, đã hoàn toàn được chế ngự, như voi chúa đã thuần thục; cũng như suối nước trong veo sạch sẽ, trong ngoài đều thanh tịnh. Thấy vậy, tượng sư phát lòng hoan hỷ, đến chỗ đức Như Lai, trước mặt ngài, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện vì tượng sư nói pháp vi diệu khiến cho tượng sư sanh tâm hoan hỷ, rồi cúng dường các tỳ-kheo mỗi vị một bát đường mía. Các tỳ-kheo không dám thọ nhận:

«Đức Như lai chưa cho phép các tỳ-kheo thọ nhận đường mía đen[505].»

Và các Tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn bảo:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo thọ nhận đường mía đen.»

Đức Phật nói với tượng sư:

«Chỉ cần một chum đường cũng đủ cho các tỳ-kheo[506].»

Tượng sư phụng hành lời dạy của Như Lai, đem một chum đường phân phát cho các tỳ-kheo rồi, số đường vẫn còn dư. Đức Phật bảo tượng sư:

«Ông cứ tùy ý tiếp tục phân phối đầy đủ cho đến ba lần.»

Bấy giờ, tượng sư vâng lời Phật dạy, phân phối đầy đủ ba lần, nhưng vẫn dư. Đức Phật bảo tượng sư:

«Ông có thể đem số đường còn thừa cho những người hành khất.»

Tượng sư liền đem cho họ mà vẫn còn. Đức Phật bảo nên cho họ đến ba lần. Tượng sư cho họ ba lần mà vẫn cứ còn thừa. Đức Phật bảo tượng sư:

«Nay ông đem số đường mía thừa này đổ nơi tịnh địa, trong nước không có trùng. Tại sao vậy? Vì ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và người đời nào ăn loại đường dư này mà có thể tiêu hoá được, chỉ trừ một người là Như Lai.»

Tượng sư liền đem đường mía dư để nơi tịnh địa, trong nước không có trùng. Khi đổ vào trong nước, nước chấn động thành âm thanh, phát sanh khói như đốt lửa, giống như nung một cục sắt đỏ rồi bỏ vào trong nước. Đường mía dư đổ vào nước, có âm thanh chấn động và phát sanh ra khói, cũng giống như vậy. Tượng sư mục kích sự biến động lạ thường như vậy, lông trong người đều dựng ngược lên, ôm

lòng sợ sệt, liền đến chỗ đức Thế tôn đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên vừa rồi bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn thấy tượng sư sợ sệt, liền vì ông mà nói pháp vi diệu, nói về phước của bố thí, trì giới, và sanh thiên, chỉ trích dục là bất tịnh, khen ngợi sự xuất ly. Tượng sư liền từ chỗ ngồi dứt sạch các trần cấu, đạt được pháp nhãn tịnh, kiến pháp, đắc pháp, chứng được quả, rồi bạch Phật rằng:

«Từ nay về sau con xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Cúi xin đức Thế tôn cho con làm người ưu-bà-tắc, trọn đời không sát sanh, cho đến không uống rượu.»

Bấy giờ, tượng sư nghe nói pháp, mọi trói buộc được khai giải, sanh lòng hoan hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, kính lễ dưới chân Phật, nhiễu ba vòng rồi cáo lui.

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo vào trong thôn khất thực, thấy người ta làm đường mía có trộn tạp vật vào, nên nghi, không dám ăn khi phi thời. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Cho phép dùng phi thời. Vì cách làm đường nó như vậy.»

Các tỳ-kheo nhận được loại đường mía chưa thành, nghi. Phật dạy: «Cho phép dùng.» Nhận được loại đường mía lỏng, đường mía đặc, Phật đều cho phép dùng. Loại đường trắng, Phật cũng cho dùng. Đường mía pha nước, Phật cũng cho dùng. Nước mía chưa đun chín cho uống. Đun chín rồi, không cho uống, nếu uống trị như pháp. Được mía cây, Phật cho dùng đúng thời.

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn du hành trong nhơn gian từ biên giới nước Ma-kiệt-đà, đến thành La-duyệt.

Khi ấy Tất-lăng-già-bà-ta[507] có nhiều người quen ở trong thành này, và có nhiều đồ chúng. Khi nhận được nhiều phẩm vật cúng dường như váng sữa, dầu, bơ tươi, mật, đường mía, đều cho các đệ tử. Các đệ tử được thầy cho, chứa đầy

cả lu lớn, bình, bát lớn, bát nhỏ, trong đãy đựng bát, đãy lọc nước v.v… đem treo lên trụ cây, trên móc áo, nơi cửa sổ, treo khắp các nơi, rỉ chảy lung tung, khiến phòng xá bị hôi thối.

Bấy giờ, các trưởng giả đến thăm, vào phòng thấy dồn chứa, tích trữ các loại thuốc nhiều một cách bừa bãi như vậy, đều hiềm trách rằng: «Sa-môn Thích tử không biết dừng nghỉ, cầu nhiều [628a1] không nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là ta biết Chánh pháp. Nhưng như vậy thì làm gì có Chánh pháp! Dồn chứa nhiều loại thuốc, như kho tàng của Vua Bình-sa không khác.»

Trong số các tỳ-kheo nghe, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách đệ tử của Tất-lăng-già-bà-ta: «Sao lại dồn chứa, tích trữ các loại thuốc nhiều một cách bừa bãi như vậy?»

Hiềm trách rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách đệ tử của Tất-lăng-già-bà-ta rằng:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại dồn chứa nhiều loại thuốc đến rỉ chảy lung tung như kho đồ chứa của Vua Bình-sa không khác?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Đây là những người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào có bệnh, các loại thuốc dư tàn[508] như tô, dầu, sanh tô, mật, đường mía[509], được dùng trong vòng bảy ngày. Nếu quá bảy ngày mà còn dùng, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Bệnh: được thầy thuốc bảo phải uống thứ thuốc nào đó.

Thuốc: tô, dầu, sanh tô, mật, đường mía.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất được thuốc, chứa cất; ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư cho đến ngày thứ bảy được thuốc, chứa cất. Ngày thứ tám, khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong bảy ngày, ni-tát-kỳ ba-dật- đề.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc. Ngày thứ hai không nhận được thuốc. Ngày thứ ba nhận được thuốc, ngày thứ tư nhận được thuốc, như vậy cho đến ngày thứ bảy nhận được thuốc. Ngày thứ tám khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong sáu ngày đều ni-tát-kỳ.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc, ngày thứ hai nhận được thuốc. Ngày thứ ba không nhận được thuốc (như vậy chuyển lần xuống cho đến bảy ngày không nhận được thuốc, đặt câu văn cũng như vậy)[510].

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc. Ngày thứ hai, ngày thứ ba không nhận được thuốc. Ngày thứ tư nhận được thuốc, cho đến ngày thứ bảy nhận được thuốc. Ngày thứ tám khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong năm ngày đều Ni-tát-kỳ.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc, ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư không nhận được thuốc, ngày thứ năm nhận được thuốc (như vậy chuyển lần xuống cho đến ngày thư sáu, ngày thứ bảy không nhận được thuốc, đặt câu văn cũng như vậy).

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư không nhận được thuốc. Ngày thứ năm nhận được thuốc, cho đến ngày thứ bảy nhận được thuốc. Ngày thứ tám khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong bốn ngày đều Ni-tát-kỳ.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc, ngày thứ hai nhận được thuốc. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm không nhận được thuốc (như vậy chuyển lần xuống cho đến ngày thứ bảy không nhận được thuốc, đặt câu văn cũng như vậy).

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm không nhận được thuốc. Ngày thứ sáu, ngày thứ bảy nhận được thuốc. Ngày thứ tám khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong ba ngày đều ni-tát-kỳ.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc, ngày thứ hai nhận được thuốc. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu không nhận được thuốc. Ngày thứ bảy nhận được (như vậy chuyển lần xuống cho đến ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy không nhận được thuốc, đặt câu văn cũng như vậy).

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu không nhận được thuốc. Ngày thứ bảy nhận được thuốc. Ngày thứ tám khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong hai ngày đều ni-tát-kỳ.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc, ngày thứ hai nhận được thuốc. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm,

ngày thứ sáu, ngày thứ bảy không nhận được thuốc (như vậy chuyển lần xuống cho đến ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy không nhận được thuốc, đặt câu văn cũng như vậy).

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc. Ngày thứ hai, ngày thứ ba không nhận được, cho đến ngày thứ bảy không nhận được. Ngày thứ tám khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong một ngày, ni-tát-kỳ.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc, không tịnh thí. Ngày thứ hai được thuốc tịnh thí. Ngày thứ ba được thuốc, cho đến ngày thứ bảy được thuốc không tịnh thí. Ngày thứ tám khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong sáu ngày đều ni-tát-kỳ.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc không tịnh thí. Ngày thứ hai được thuốc, ngày thứ ba được thuốc tịnh thí, ngày thứ tư được thuốc không tịnh thí (như vậy chuyển lần xuống cho đến ngày thứ bảy được thuốc tịnh thí, không tịnh thí, đặt câu văn cũng như trên). Sai cho người (đặt câu văn cũng như trên).

Hoặc mất, hoặc cố làm hư hoại, hoặc làm phi dược, hoặc tác ý để thân hậu lấy, hoặc quên đi (xây dựng câu văn cũng như trên) đều ni-tát-kỳ.

Nếu thuốc phạm xả đọa mà không xả lại để lấy thuốc khác thì phạm một ni-tát-kỳ, một đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người. Không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là…, đã cố ý chứa thuốc dư quá bảy ngày, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước phải tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã cố ý chứa thuốc dư quá bảy ngày, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo có tên… này. Đây là lời tác bạch.»

Bạch rồi sau đó mới thọ sám, nên bảo người kia rằng:

«Hãy tự trách tâm ngươi!»

Tỳ-kheo phạm tội thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên trả thuốc lại cho tỳ-kheo kia. Vật sở hữu quá bảy ngày của tỳ-kheo kia như bơ, dầu thì nên thoa vào cửa, nơi bị kêu; mật, thạch mật thì cho người giữ vườn. Hoặc đến ngày thứ bảy xả cho tỳ-kheo, tỳ-kheo kia nên lấy ăn. Nếu dưới bảy ngày thì nên trả lại cho tỳ-kheo này bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã cố ý chứa thuốc dư, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, hoàn thuốc lại cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã cố ý chứa thuốc dư, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Tăng nay hoàn lại thuốc cho tỳ-kheo này. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng hoàn thuốc lại cho tỳ-kheo có tên… này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận trả lại thuốc cho tỳ-kheo có tên… này rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này ghi nhận như vậy.»

Tỳ-kheo này lấy thuốc lại rồi nên dùng thoa gót chân, hoặc dùng để đốt đèn. Đã xả cho Tăng rồi, Tăng không trả lại, phạm đột-kiết-la. Nếu có vị nào bảo «đừng trả», vị ấy phạm đột-kiết-la. Nếu chuyển làm tịnh thí hoặc sai cho người khác, hoặc cố làm hư hoại, hoặc đốt, hoặc làm phi dược, hoặc uống thường xuyên, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu thuốc quá bảy ngày kia là bơ, là dầu, dùng thoa cửa, chỗ có tiếng kêu. Nếu là mật, thạch mật cho người giữ vườn dùng, hoặc đến ngày thứ bảy xả cho tỳ-kheo dùng. Nếu chưa đủ bảy ngày, hoàn lại cho tỳ-kheo kia dùng thoa gót chân, hoặc đốt đèn thì không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXVII. Y TẮM MƯA[511]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Một thời đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-xá-khư Mẫu[512] thỉnh Phật và Tăng tỳ-kheo ngày mai thọ thực.

Liền trong đêm đó, bà sửa soạn đầy đủ các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ. Sáng sớm, sai tỳ nữ đến trong Tăng-già-lam thỉnh Phật và Tăng đã đến giờ phó trai[513].

Hôm ấy nhằm ngày trời mưa như trút nước[514]. Lúc bấy giờ, đức Thế tôn bảo các tỳ-kheo:

«Ngày hôm nay, các ông ra hết ngoài mà tắm mưa. Trận mưa ngày hôm nay là cuối mùa. Như bây giờ Diêm phù đề đang mưa, nên biết trong cả bốn thiên hạ cũng vậy.»

[629a1] Các tỳ-kheo nghe đức Phật dạy rồi, đều lõa hình mà ra khỏi phòng để tắm.

Khi ấy, tỳ nữ đến ngoài cửa Tăng-già-lam, nhìn vào thấy các tỳ-kheo đều đang lõa hình tắm, bèn nghĩ: «Nơi đây không có sa-môn, mà tất cả đều là loã hình ngoại đạo.» Tỳ nữ chạy về báo cáo với Tỳ-xá-khư Mẫu:

«Đại gia nên biết, ở trong Tăng-già-lam, tất cả đều là ngoại đạo lõa hình chứ không có sa-môn.»

Tỳ-xá-khư Mẫu là người nữ thông minh trí tuệ, liền nghĩ: «Vừa rồi trời mưa. Có lẽ các tỳ-kheo thoát y, loã hình tắm dưới mưa. Tỳ nữ không biết nên báo cáo như vậy.» Tỳ-xá-khư Mẫu sai tỳ nữ trở lại nơi Tăng-già-lam, bạch các tỳ-kheo là: «Đã đến giờ rồi.» Tỳ nữ liền trở lại bên ngoài Tăng-già-lam, nhìn vào không thấy vị nào cả. Vì lúc ấy, các tỳ-kheo tắm đã xong, mặc y, vào phòng tĩnh tọa tư duy. Tỳ nữ đứng bên ngoài cửa, thấy Tăng-già-lam vắng vẻ, không người. Lại nghĩ: «Hiện tại Tăng-già-lam trống vắng không có tỳ-kheo.» Liền trở về thưa với Tỳ-xà-khư Mẫu rằng:

«Đại gia nên biết, trong Tăng-già-lam trống vắng, không có vị tỳ-kheo nào cả.»

Tỳ-xá-khư Mẫu là người trí tuệ thông minh, liền nghĩ rằng: «Chư tỳ-kheo tắm xong, chắc các ngài vào tịnh tọa tư duy. Tỳ nữ không biết nên nói là trong Tăng-già-lam trống vắng, không có vị tỳ-kheo nào.» Do vậy, Tỳ-xá-khư Mẫu lại bảo tỳ nữ chạy vội lại trong Tăng-già-lam, cao tiếng thưa:

«Đã đến giờ rồi.»

Bấy giờ, đức Thế tôn từ trong tịnh thất bước ra, nói với tỳ nữ rằng:

«Ngươi về trước. Ta sẽ đến ngay bây giờ.»

Đức Thế tôn bảo các tỳ-kheo, giờ đã đến rồi, nên đắp y, bưng bát. Các tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, thảy đều đắp y, bưng bát. Đức Thế tôn cùng đại Tăng tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, như lực sĩ co duỗi cánh tay, từ Kỳ-hoàn tịnh xá hốt nhiên biến mất, và xuất hiện nơi nhà của Tỳ-xá-khư Mẫu, an tọa nơi chỗ ngồi, y phục không ướt, tất cả đều như vậy.

Sau đó, tỳ nữ mới về đến nhà, thấy đức Thế tôn và Tăng tỳ-kheo đã đến nhà trước, chỗ ngồi đã ổn định, y phục không ướt. Thấy vậy liền khởi ý niệm: «Đức Thế tôn thật là kỳ diệu đặc biệt, có đại thần lực; đi sau mà lại đến trước mình.»

Bấy giờ, Tỳ-xá-khư Mẫu dùng các đồ ăn thức uống ngon bổ cúng dường Phật và Tăng tỳ-kheo. Ăn xong, cất dọn bát, Tỳ-xá-khư Mẫu đặt ghế thấp ngồi phía trước, bạch Phật rằng:

«Cúi xin đức Thế tôn cho phép con được thỉnh nguyện.»

Đức Phật nói với Tỳ-xá-khư Mẫu:

«Như lai không cho mọi người quá điều thỉnh nguyện[515].»

Tỳ-xà-khư Mẫu lại bạch Phật rằng:

«Bạch Đại đức, nếu nguyện thanh tịnh và khả thi, xin ban cho con.»

Đức Phật dạy:

«Tùy ý.»

Tỳ-xà-khư Mẫu bạch đức Thế tôn rằng:

«Hoặc có các tỳ-kheo khách nào từ phương xa đến chưa biết nơi chốn. Nguyện Thế tôn cho phép con được cúng dường thức ăn cho tỳ-kheo khách; trọn đời cung cấp[516].»

Lại bạch Thế tôn:

«Tỳ-kheo muốn đi xa, có thể vì sự ăn mà không theo kịp đồng bạn[517]. Nguyện Thế tôn cho phép con cúng thức ăn cho tỳ-kheo đi xa; trọn đời cúng dường.»

«Các Tỳ-kheo bệnh, nếu không được thức ăn hợp với chứng bệnh thì có thể mạng chung. Nếu được thức ăn hợp với bệnh thì sẽ được lành bệnh. Nguyện Thế tôn cho phép con trọn đời được cúng dường thức ăn cho các vị tỳ-kheo bệnh.»

Lại bạch Thế tôn:

«Các tỳ-kheo bệnh, nếu không có thuốc hợp với bệnh thì có thể mạng chung. Nếu được thuốc hợp với bệnh thì bệnh sẽ được lành. Nguyện Thế tôn cho phép con trọn đời được cúng dường thuốc trị bệnh cho các tỳ-kheo bệnh.

«Các tỳ-kheo nuôi bệnh, lại tự mình đi khất thực nên không chu toàn việc chăm sóc người bệnh. Nguyện Thế tôn cho phép con trọn đời được cúng dường thức ăn cho người nuôi bệnh.

«Đức Thế tôn cho phép các tỳ-kheo nước A-na-tần-đầu[518] được ăn cháo[519]. Nếu đức Thế tôn cho phép các tỳ-kheo đó ăn cháo thì con xin nguyện trọn đời được cúng dường cháo.

«Sáng nay, con sai tỳ nữ đến trong Tăng-già-lam để bạch đến giờ thọ thực. Các tỳ-kheo đều lõa hình tắm trong mưa. Cúi xin đức Thế tôn cho phép con trọn đời được cung cấp áo tắm mưa[520] cho các tỳ-kheo.»

Lại bạch Thế tôn:

«Con có chút nhơn duyên, đến bên bờ sông A-di-la-bạt-đề[521], thấy các tỳ-kheo-ni lõa hình mà tắm. Khi ấy có các tặc nữ, dâm nữ, đến chỗ các tỳ-kheo-ni nói rằng: «Các cô tuổi nhỏ, dung mạo đoan chánh, dưới nách chưa có lông. Bây giờ đến tuổi trẻ khoẻ, sao không tập chuyện ái dục. Hãy để tuổi

già sẽ tu tập phạm hạnh. Như vậy, cả hai đều được cả?» Trong số các tỳ-kheo-ni trẻ tuổi này có vị liền sanh tâm không vui. Cúi xin đức Thế tôn cho phép con trọn đời được cung cấp áo tắm cho tỳ-kheo-ni.»

Lúc bấy giờ, đức Phật nói với Tỳ-xá-khư Mẫu:

«Bà vì mục đích gì mà thỉnh nguyện tám điều như vậy»

Tỳ-xá-khư Mẫu bạch Phật rằng:

«Nếu có tỳ-kheo từ phương xa đến, bạch Thế tôn rằng: ‹Có tỳ-kheo tên như vậy đã qua đời. Vị ấy sanh về chỗ nào?› Lúc bấy giờ, đức Thế tôn liền ký thuyết cho rằng, trong bốn đạo quả ắt sẽ chứng hoặc quả Tu-đà-hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, hoặc quả A-na-hàm, hoặc quả A-la-hán. Và con sẽ thưa hỏi: ‹Vị tỳ-kheo qua đời kia đã từng đến nước Xá-vệ này chưa?› Nếu con được nghe biết là vị ấy đã từng đến. Con lại khởi lên ý nghĩ, ‹Vị khách tỳ-kheo ấy đã từng nhận đồ ăn do con cúng dường các tỳ-kheo khách mới đến.›

«Hoặc các tỳ-kheo sắp đi xa nhận thức ăn. Hoặc các tỳ-kheo bệnh nhận thức ăn. Hoặc các tỳ-kheo bệnh nhận thuốc. Hoặc người nuôi bệnh nhận thức ăn. Hoặc người nhận cháo. Hoặc nhận y tắm mưa. Khi con nghe những lời (ký thuyết) như vậy liền phát tâm hoan hỷ. Khi đã phát tâm hoan hỷ rồi, con liền xả bỏ các thân ác. Khi thân ác đã trừ bỏ liền được thân lạc. Do đã được thân lạc, tâm của con được chánh định. Khi tâm được chánh định liền có khả năng chuyên tâm tu tập căn, lực, và giác ý.»

Đức Thế tôn khen:

«Lành thay, lành thay! Tỳ-xá-khư Mẫu, những điều này là thật. Tại sao vậy? Bà là đàn-việt thông minh trí tuệ, thâm tín.»

Bấy giờ, đức Thế tôn vì bà Tỳ-xá-khư Mẫu nói bài tụng:

Hoan hỷ cúng ẩm thực;

Đệ tử Phật trì giới.

Bố thí cho mọi người,

Hàng phục tâm keo kiết.

Nhân vui thọ báo vui,

Hằng được vui an ổn.

Được xứ sở thiên thượng;

Đạt Thánh đạo vô lậu.

Tâm vui với phước đức,

Khoái lạc không thể ví.

Được sanh nơi thiên thượng

Sống lâu thường an lạc!

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng nhiều phương tiện nói pháp cho Tỳ-xá-khư Mẫu, khuyến khích khiến cho bà được hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi trở về trong Tăng-già-lam. Vì nhơn duyên này, tập hợp Tăng tỳ-kheo, nói pháp tùy thuận, dùng vô số phương tiện khen ngợi hạnh đầu đà trang nghiêm tốt đẹp, khen ngợi vui xuất ly, và bảo các tỳ-kheo khác rằng:

«Từ nay về sau, Ta cho phép thức ăn cho các tỳ-kheo khách đến, thức ăn cho tỳ-kheo sắp đi xa[522], thức ăn cho tỳ-kheo bệnh, thuốc cho tỳ-kheo bệnh, thức ăn cho người nuôi bệnh[523], cho phép ăn cháo, cho phép nhận y tắm mưa cho tỳ-kheo và y tắm cho tỳ-kheo-ni.»

Tỳ-xá-khư Mẫu nghe đức Thế tôn cho phép các tỳ-kheo được thọ dụng như vậy rồi, bà liền cung cấp trọn đời từ thức ăn cho tỳ-kheo khách, cho đến, y tắm cho tỳ-kheo-ni.

Xá-khư mẫu sau khi nghe đức Phật cho phép rồi liền may sắm nhiều y tắm mưa, sai người mang đến trong Tăng-già-lam dâng cúng các tỳ-kheo. Các [630a1]tỳ-kheo bèn phân chia. Đức Phật dạy:

«Không nên phân chia. Tùy thứ tự, từ trên Thượng tọa trở xuống mà trao. Nếu trao chưa đủ thì nhớ theo thứ tự để sau trao tiếp. Kỳ sau nhận được y thì theo thứ tự đó trao tiếp cho đủ.»

Có thí chủ đem y quý giá đến, cũng theo thứ tự mà trao. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy. Phải theo thứ tự từ trên Thượng tọa trở xuống mà hỏi. Nếu vị thượng tọa ấy không cần thì mới theo thứ tự mà trao. Nếu không đủ thì lấy phần y trong Tăng có thể phân chia được, đem phân chia cho đủ.»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo, khi nghe Phật cho phép tỳ-kheo chứa y tắm mưa, nên suốt cả năm, xuân, hạ cũng như đông, thường cầu y tắm mưa. Họ không xả y tắm mưa mà đem dùng vào việc khác. Hiện có y tắm mưa, nhưng họ vẫn lõa hình mà tắm.

Các tỳ-kheo nghe thấy, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Tuy đức Như Lai đã cho phép tỳ-kheo chứa y tắm mưa, nhưng sao trong suốt năm, xuân, hạ cũng như đông, các thầy lại luôn luôn tìm cầu y tắm mưa? Không xả y tắm mưa, lại đem dùng vào việc khác; hiện có y tắm mưa tại sao vẫn loã hình mà tắm?»

Các tỳ-kheo quở trách rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại suốt năm tìm cầu y tắm mưa?»

Dùng vô số phương tiện quở trách lục quần rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Đây là những người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, mùa xuân còn một tháng có thể tìm cầu y tắm mưa; còn lại nửa tháng, có thể dùng. Nếu tỳ-kheo quá trước một tháng tìm cầu y tắm mưa, dùng quá trước nửa tháng, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Y tắm mưa[524]: Y dùng tắm trong khi mưa.

Y: có mười loại như đã nói trên.

Từ mười sáu tháng ba[525], tỳ-kheo nên tìm cầu y tắm mưa. Từ mồng một tháng tư nên dùng. Nếu tỳ-kheo trước ngày mười sáu tháng ba tìm cầu y tắm mưa, trước mồng một tháng tư sử dụng, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, đột-

kiết-la. Khi muốn xả cho Tăng, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng về Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là…, quá trước một tháng tìm cầu y tắm mưa, dùng quá trước nửa tháng, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, quá trước một tháng tìm cầu y tắm mưa, dùng quá trước nửa tháng, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo kia. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám. Khi nhận sám nên nói với người kia rằng:

«Hãy tự trách tâm ngươi!»

Tỳ-kheo kia thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên trả y tắm mưa lại cho tỳ-kheo kia bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Tăng nên sai một người có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo dự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, quá trước một tháng tìm cầu y tắm mưa, sử dụng quá trước nửa tháng, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trả lại y tắm mưa cho tỳ-kheo có tên… này. Đây là lời tác bạch.»

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, quá trước một tháng tìm cầu y tắm mưa, sử dụng quá trước nửa tháng, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả lại y tắm mưa cho tỳ-kheo có tên… này. Các trưởng lão nào chấp

thuận Tăng trả lại y tắm mưa cho tỳ-kheo có tên… này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã đồng ý trả lại y tắm mưa cho tỳ-kheo này rồi. Tăng chấp nhận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy. »

Đã xả y tắm mưa cho Tăng rồi, Tăng không trả lại, (Tăng) phạm đột-kiết-la. Khi trả, có người nào bảo «đừng trả», người ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu chuyển làm tịnh thí hoặc sai cho người, hoặc tự làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc cố làm cho hư hoại, hoặc đốt, hoặc dùng thường xuyên, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Ngày mười sáu tháng ba tìm cầu, mồng một tháng tư sử dụng. Hoặc xả y tắm mưa rồi mới dùng làm các vật dụng khác. Hoặc mặc y tắm mà tắm. Hoặc không có y tắm mưa. Hoặc làm y tắm. Hoặc giặt nhuộm. Hoặc đưa đến chỗ nhuộm.Tấ cả không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXVIII. Y CẤP THÍ[526]

A. DUYÊN KHỞI

Lúc bấy giờ, đức Phật hạ an cư ở tại Tỳ-lan-nhã[527]. Đức Phật bảo A-nan:

«Ông đến nói với bà-la-môn Tỳ-lan-nhã rằng: ‹Như Lai đã nhận lời thỉnh của ông, an cư mùa hạ đã xong rồi, nay muốn du hành trong nhơn gian.›»

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy đến chỗ bà-la-môn Tỳ-lan-nhã nói với bà-la-môn rằng:

«Như Lai nói với ông, ‹Như Lai nhận lời thỉnh của ông, an cư mùa hạ đã xong, nay muốn du hành trong nhơn gian.›»

Bấy giờ, bà-la-môn Tỳ-lan-nhã nghe Thế tôn nói như vậy, liền nhớ lại: «Không có lợi, không có thiện lợi gì cho ta! Ta không được gì, không điều lành nào được cả! Tại sao vậy? Vì ta đã thỉnh sa-môn Cù-đàm và chư Tăng an cư trong chín mươi ngày vừa xong mà ta đã không cúng dường.»

Bấy giờ, bà-la-môn Tỳ-lan-nhã cùng A-nan đến chỗ đức Thế tôn, kính lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên. Đức Thế tôn tuần tự vì bà-la-môn Tỳ-lan-nhã nói pháp vi diệu. Bà-la-môn phát tâm hoan hỷ, liền bạch đức Phật rằng:

«Cúi xin đức Thế tôn và Tăng tỳ-kheo ở lại Tỳ-lan-nhã thêm chín mươi ngày nữa theo lời thỉnh mời của con.»

Đức Phật nói với bà-la-môn:

«Như Lai đã nhận lời thỉnh của ông, an cư mùa hạ chín mươi ngày xong rồi. Nay muốn du hành trong nhơn gian.»

Bà-la-môn lại bạch:

«Nguyện đức Thế tôn và Tăng nhận lời mời thọ thực của con vào sáng mai.»

Đức Thế tôn im lặng nhận lời. Bà-la-môn biết đức Thế tôn đã nhân lời bằng cách im lặng rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, kính lễ dưới chân Phật, nhiễu ba vòng, cáo lui trở về nhà.

Trong đêm ấy sắm sửa đầy đủ mọi thức ăn ngon bổ. Sáng hôm sau, đến bạch Phật ‹đã đến giờ.›

Đức Thế tôn cùng Tăng gồm năm trăm vị tỳ-kheo đắp y, bưng, bát đến nhà kia, an tọa nơi chỗ ngồi. Bà-la-môn bưng

thức ăn ngon bổ đến dâng cúng Phật và Tăng tỳ-kheo, khiến cho tất cả đều đầy đủ.

Thọ thực xong, mỗi vị đều tự thâu bát. Bà-la-môn dùng ba y dâng cúng đức Phật, và dâng cúng cho mỗi Tăng tỳ-kheo hai y gọi là y an cư mùa hạ. Khi ấy, các tỳ-kheo không dám nhận và nói với thí chủ rằng:

«Đức Thế tôn chưa cho phép nhận y mùa hạ.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Phật. Phật bảo các tỳ-kheo:

«Cho phép nhận y mùa hạ.»

Nhóm sáu tỳ-kheo nghe Thế tôn cho phép nhận y mùa hạ, bèn suốt cả năm, ba mùa xuân, hạ và đông thường cầu xin y. An cư chưa xong cũng cầu xin y, cũng nhận y.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử an cư trong một trú xứ xong rồi, nghe tin nơi trú xứ khác tỳ-kheo hạ an cư xong nhận được nhiều y lợi dưỡng, liền đến nơi trú xứ ấy, hỏi các người rằng:

«Y nhận được trong mùa an cư đã chia chưa?»

Đáp:

«Chưa chia.»

Nói:

«Chưa chia thì chia phần cho tôi với!»

Bạt-nan-đà lại đến các trú xứ khác. Như vậy chẳng phải một chỗ, cũng đều hỏi rằng:

«Y nhận được trong mùa an cư, ngài đã chia chưa?»

Đáp:

«Chưa chia.»

Nói:

«Chưa chia thì chia phần cho tôi với!»

Bấy giờ, Bạt-nan-đà [631a1] nhận phần y nhiều chỗ, được rất nhiều phần y, đem vào trong tịnh xá Kỳ-hoàn. Các tỳ-kheo thấy hỏi Bạt-nan-đà rằng:

«Đức Thế tôn cho phép chứa ba y, ngoài ba y không được chứa y dư. Vậy y này là y của ai?»

Bạt-nan-đà trả lời:

«Nhiều trú xứ nhận được y mùa an cư và tôi đã nhận được phần từ các nơi đó mang lại.»

Các tỳ-kheo nghe vậy, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Này Bạt-nan-đà Thích tử, tại sao đức Như Lai chỉ cho phép nhận y an cư mùa hạ mà lại suốt năm, ba mùa xuân hạ và đông lúc nào cũng xin y? An cư chưa xong cũng xin y, cũng nhận y?»

Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử an cư chỗ này, lại nhận y chỗ khác. Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng nhiều cách quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Này Bạt-nan-đà Thích tử, Ta chỉ cho phép tỳ-kheo nhận y mùa an cư, tại sao ông suốt năm xuân, hạ và đông lúc nào cũng cầu xin y? An cư chưa xong cũng xin y, cũng nhận y? Ông có an cư chỗ này lại thọ y chỗ khác không?»

Đức Thế tôn dùng mọi cách quở trách Bạt-nan-đà Thích tử trong nhóm sáu tỳ-kheo, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Không được suốt mọi mùa xuân, hạ và đông lúc nào cũng tìm cầu y, cũng không được an cư chưa xong cầu xin y hay nhận y, không được an cư chỗ này, nhận phần y an cư chỗ khác.»

Bấy giờ, đức Thế tôn ở nước Xá-vệ. Khi ấy, trong quốc nội có kẻ phản nghịch, Vua Ba-tư-nặc sai hai vị Đại thần tên là Lê-sư-đạt-đa và Phú-na-la[528] đi chinh phạt. Hai vị Đại thần khởi ý niệm: «Nay chúng ta đi chinh phạt, chưa biết có được trở về hay không. Theo thường lệ, khi chúng Tăng an cư xong, chúng ta cúng dường thức ăn và dâng cúng y. Nhưng nay an cư chưa xong, không biết có nên sửa soạn thức ăn và các y vật như pháp an cư mà dâng cúng chư Tăng hay không?»

Các trưởng giả này đích thân đến trong Tăng-già-lam, bạch với các tỳ-kheo như vầy:

«Sáng mai, chúng tôi muốn dọn thức ăn và y an cư[529] để dâng cúng. Xin các ngài chiếu cố.»

Các tỳ-kheo trả lời với các trưởng giả rằng:

«Chỉ nên cúng thức ăn, khỏi phải dâng y. Tại sao vậy? Vì hạ an cư chưa xong nên không được phép nhận y, không được xin y.»

Các trưởng giả bạch rằng:

«Nay chúng tôi vì Vua Ba-tư-nặc sai đi chinh phạt. Chúng tôi tự nghĩ chưa biết có được trở về hay không. Chúng tôi muốn như pháp trước đây, khi hạ an cư xong được dâng cúng thức ăn và y cho chúng Tăng, nên nay chúng tôi thiết lập thức ăn và y để dâng cúng.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đem vấn đề này bạch lên đức Phật. Đức Phật dạy rằng:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo nhận y cấp thí [530].

«Các tỳ-kheo, nếu biết là y cấp thí thì nên nhận. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, mười ngày nữa mới mãn ba tháng hạ an cư, các tỳ-kheo nhận được y cấp thí, tỳ-kheo biết là y cấp thí, có thể thọ nhận, thọ xong có thể chứa cất cho đến thời của y; nếu chứa quá hạn, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Y cấp thí: thọ thì được, không thọ thì mất[531].

Y: có mười loại như trên.

Thời của y[532]: Tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng.

Còn mười ngày nữa tự tứ, nếu tỳ-kheo nhận được y cấp thí, biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa mười ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng.

Nếu còn chín ngày nữa tự tứ, tỳ-kheo nhận được y cấp thí. Tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa chín ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm một ngày.

Nếu còn tám ngày nữa tự tứ, tỳ-kheo nhận được y cấp thí, tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa tám ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-

thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm hai ngày.

Nếu còn bảy ngày nữa tự tứ, tỳ-kheo nhận được y cấp thí, tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa bảy ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm ba ngày.

Nếu còn sáu ngày nữa tự tứ, tỳ-kheo nhận được y cấp thí, tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa sáu ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm bốn ngày.

Nếu còn năm ngày nữa tự tứ, tỳ-kheo nhận được y cấp thí, tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa năm ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm năm ngày.

Nếu còn bốn ngày nữa tự tứ, tỳ-kheo nhận được y cấp thí, tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa bốn ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm sáu ngày.

Nếu còn ba ngày nữa tự tứ, tỳ-kheo nhận được y cấp thí, tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa ba ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm bảy ngày.

Nếu còn hai ngày nữa tự tứ, tỳ-kheo nhận được y cấp thí, tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa hai ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm tám ngày.

Nếu sáng ngày tự tứ, tỳ-kheo nhận được y cấp thí, tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa trong ngày đó. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm chín ngày. Nếu tỳ-kheo được y cấp thí quá hạn về trước, quá hạn về sau, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Y này nên xả cho Tăng hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm đột-kiết-la.

Nếu muốn xả cho Tăng, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng lên Thượng tọa kính lễ, quỳ gối chắp tay thưa:

«Đại đứcTăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là…, đã nhận được y cấp thí, hoặc quá hạn về trước, hoặc quá hạn về sau, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Người nhận sám trước hết phải tác bạch rồi sau mới nhận sám, tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo này tên là…, đã nhận được y cấp thí, hoặc quá hạn về trước, hoặc quá hạn về sau, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo có tên là… Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch rồi sau đó mới nhận sám. Khi nhận sám nói với người kia rằng:

«Hãy tự trách tâm ngươi!»

Tỳ-kheo kia thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên hoàn y lại cho tỳ-kheo kia bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong chúng nên sai một vị có thể tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã nhận được y cấp thí, quá hạn về trước, quá hạn về sau, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận trả lại y cho tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã nhận được y cấp thí, quá hạn về trước, quá hạn về sau, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả lại y cho tỳ-kheo này. Các trưởng lão nào chấp thuận hoàn y lại cho tỳ-kheo có tên... này, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã đồng ý trả lại y cho tỳ-kheo này rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Được ghi nhận như vậy. »

Đã xả y giữa Tăng rồi, Tăng không hoàn lại phạm đột-kiết-la. Vị nào bảo «đừng trả», vị ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu chuyển làm tịnh thí, hoặc thọ làm ba y và các y khác, hoặc sai cho người, hoặc mặc mãi, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nhận được y cấp thí không quá hạn về trước, không quá hạn về sau thì không phạm. Hoặc bị giặc cướp y, hoặc y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi, quá hạn về trước không phạm. Hoặc khởi tưởng bị cướp đoạt, tưởng bị mất, tưởng bị cháy, tưởng bị nước cuốn trôi; hoặc dọc đường bị hiểm nạn không thông, nhiều đạo tặc, nạn ác thú; hoặc nước sông lớn, nhà Vua bắt trói, nhốt, mạng nạn, phạm hạnh nạn; hoặc vị tỳ-kheo nhận gởi qua đời, hoặc đi xa, hoặc xả giới, hoặc giặc cướp, hoặc bị ác thú hại, hoặc bị nước trôi, quá hạn về sau không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXIX. A-LAN-NHÃ GẶP NẠN LÌA Y[533]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, các tỳ-kheo trú tại a-lan-nhã hạ an cư xong, một tháng Ca-đề sau đã đầy[534].

Bấy giờ, có nhiều bọn cướp[535] cướp đoạt y bát, tọa cụ, ống đựng kim, vật dụng của tỳ-kheo và đánh đập các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo hoảng sợ nên kéo nhau đến Kỳ-hoàn tịnh xá cùng ở. Đức Thế tôn biết mà vẫn hỏi Tôn giả A-nan:

«Các tỳ-kheo này tại sao kéo nhau đến cư trú ở Kỳ-hoàn tịnh xá?»

Tôn giả A-nan bạch Phật:

«Các tỳ-kheo này trú tại A-lan-nhã hạ an cư xong, một tháng Ca-đề sau đã đầy, đã bị bọn cướp cướp đoạt y bát, tọa cụ, ống đựng kim, đồ vật dụng, chúng lại đánh đập các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo hoảng sợ nên cùng nhau đến ở nơi Kỳ-hoàn tịnh xá.»

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

«Từ nay về sau, Ta cho phép các tỳ-kheo ở tại các trú xứ a-lan-nhã có sự nghi ngờ nhiều sợ sệt; an trú chỗ a-lan-nhã như vậy, tỳ-kheo muốn gởi y thì được phép gởi một trong ba y nơi nhà người.»

Lúc bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo nghe Phật cho phép tỳ-kheo ở tại các trú xứ a-lan-nhã có sự nghi ngờ, sợ sệt; an trú chỗ như vậy, muốn gởi y thì được phép gởi một trong ba y nơi

nhà người. Họ liền đem y gởi nơi nhà người, dặn dò tỳ-kheo thân hữu rồi ra đi. Sau đó, tỳ-kheo thân hữu đem y ra phơi vào lúc giữa trưa. Các tỳ-kheo thấy vậy, hỏi nhau: «Đức Thế tôn chế giới cho phép tỳ-kheo chứa ba y, không được dư. Đây là y của ai?»

Tỳ-kheo kia trả lời:

«Nhóm sáu tỳ-kheo là thân hữu tri thức của tôi. Họ gởi y nơi đây, rồi đi du hành trong nhơn gian cho nên chúng tôi đem phơi nắng.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo nghe vậy, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Thế tôn cho phép các tỳ-kheo ở tại các trú xứ a-lan-nhã có sự nghi ngờ, sợ sệt, thì một trong ba y có thể gởi nơi nhà người. Hiện tại sao các thầy đem gởi nhiều y nơi thân hữu tri thức để du hành trong nhơn gian, mà ngủ lìa y?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ, Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao sáu tỳ-kheo này, Ta cho các tỳ-kheo ở tại trú xứ a-lan-nhã có sự nghi ngờ, sợ sệt, thì tỳ-kheo ở những chỗ như vậy, được phép một trong ba y có thể gởi nơi nhà người; nay các ông đem nhiều y gởi nơi thân hữu du hành trong nhơn gian, mà ngủ lìa y?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Nhóm sáu tỳ-kheo này là những người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, ba tháng hạ đã xong, một tháng ca-đề sau cũng đã đầy, ở tại a-lan-nhã chỗ có sự nghi ngờ, có sợ hãi. Tỳ-kheo sống tại trú xứ như vậy, trong ba y, nếu muốn có thể gởi lại một y trong nhà người. Các tỳ-kheo có nhơn duyên được lìa y ngủ, cho đến sáu đêm; nếu quá, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

A-lan-nhã : là nơi cách thôn xóm năm trăm cung. Cung của nước Giá-ma-la, dài bốn khuỷu tay, dùng loại khuỷu tay trung bình để đo.

Chỗ có nghi ngờ: là nghi có giặc cướp.

Sợ hãi: trong đó có giặc cướp khiến cho kinh sợ.

Trong nhà: trong thôn xóm.

Ba y: tăng-già-lê, uất-đa-la-tăng, an-đà-hội.

Y: có mười loại nói như trên.

Nếu tỳ-kheo có nhơn duyên lìa y ngủ, sáu đêm rồi, đến đêm thứ bảy, trước khi bình minh chưa xuất hiện phải xả ba y, hoặc tay rờ đụng y, hoặc đến chỗ đá quăng tới y. Nếu tỳ-kheo sáu đêm, đến đêm thứ bảy, trước khi bình minh chưa xuất hiện mà không xả ba y, tay không rờ đụng y, không đến chỗ đá quăng tới y, bình minh của đêm thứ bảy xuất

hiện, phạm tội ngủ lìa y, tất cả đều ni-tát-kỳ. Trừ ba y, lìa các y khác, đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, phạm đột-kiết-la.

Xả cho Tăng phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, lễ dưới chân thượng tọa, quỳ gối chắp tay, thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là…, đã ngủ lìa y quá sáu đêm, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã ngủ lìa y quá sáu đêm, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo có tên… này. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch rồi, sau đó mới thọ sám. Khi thọ sám phải nói với người này rằng:

«Hãy tự trách tâm ngươi!»

Tỳ-kheo kia thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên trả lại y cho tỳ-kheo kia bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong chúng nên sai một người có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã ngủ lìa y quá sáu đêm, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận trả y lại cho tỳ-kheo kia. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là đã ngủ lìa y quá sáu đêm, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả y lại cho tỳ-kheo này. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng trả y lại cho tỳ-kheo này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận trả y lại cho tỳ-kheo này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Nếu tỳ-kheo xả y rồi mà Tăng không trả lại cho [634a1] tỳ-kheo ấy, (Tăng) phạm đột-kiết-la. Nếu có vị nào bảo «đừng trả», vị ấy phạm đột-kiết-la.

Nếu tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc thọ làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc lấy mặc mãi, tất cả đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Đã trải qua sáu đêm, đến đêm thứ bảy, trước khi bình minh chưa xuất hiện, đến chỗ để y, hoặc xả y, hoặc tay rờ đến y, hoặc đến chỗ đá quăng tới y thì không phạm. Hoặc tưởng y bị cướp, bị mất, bị cháy, bị trôi thì không xả y. Không rờ đến y, không đến chỗ đá quăng tới y vẫn không phạm. Hoặc thuyền đò không thông, đường xá bị hiểm nạn, nhiều giặc cướp, có ác thú, nước sông lớn, bị cường lực bắt, hoặc bị nhốt, bị trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, không xả y, không rờ đến y, không đến chỗ đá quăng tới y, tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXX. XOAY TĂNG VẬT VỀ MÌNH[536]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử trước kia có một cư sĩ thường có tâm giúp đỡ, có ý muốn cúng dường đức Phật và Tăng tỳ-kheo một bữa cơm và dâng y tốt. Bạt-nan-đà Thích tử nghe người cư sĩ kia muốn cúng dường cơm và y tốt cho Phật cùng Tăng liền đến nhà cư sĩ kia, hỏi:

«Cư sĩ muốn cúng cơm và dâng y tốt cho Phật cùng Tăng phải không?»

Cư sĩ trả lời:

«Đúng như vậy.»

Bạt-nan-đà liền nói với cư sĩ rằng:

«Chúng Tăng có thiện lợi lớn, có oai lực lớn, có phước đức lớn, người cúng dường cho chúng Tăng rất nhiều. Nay cư sĩ nên cúng dường cơm cho chúng Tăng mà thôi, còn y phục thì cho mình tôi.»

Cư sĩ nói:

«Cũng được.»

Bấy giờ, cư sĩ trưởng giả không chuẩn bị y cụ cho Tăng nữa, chỉ lo sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ để cúng dường mà thôi.

Sáng ngày, cư sĩ thỉnh Phật và Tăng đã đến giờ. Chư Tăng tỳ-kheo khoác y bưng bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi.

Khi ấy, cư sĩ thấy trưởng lão tỳ-kheo đầy đủ oai nghi, liền lớn tiếng nói:

«Sao tôi chuẩn bị đầy đủ để cúng y chúng Tăng như vậy mà bị cản trở ?»

Các tỳ-kheo hỏi cư sĩ:

«Tại sao lại nói như vậy»

Bấy giờ, cư sĩ đem sự thật mà trả lời.

Trong chúng lúc này có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Sao thầy cắt lợi dưỡng của chúng Tăng mà đem về cho mình?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này, tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao ngươi cắt lợi dưỡng của chúng Tăng mà đem về cho mình?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà Thích tử, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Đây là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, cắt vật thuộc tăng mà tự xoay về cho mình, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Khi đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, bấy giờ, các tỳ-kheo không biết là vật của Tăng hay là vật chẳng phải của Tăng; là vật đã hứa cho Tăng hay là vật không hứa cho Tăng. Sau họ mới biết đó là vật của Tăng, là vật đã hứa cho

Tăng nên làm pháp ni-tát-kỳ ba-dật-đề sám hối, hoặc lấy làm hổ thẹn, đức Phật dạy:

«Không biết thì không phạm.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, biết đó là vật thuộc tăng mà tự xoay về cho mình, ni-tát- kỳ ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Vật của Tăng: thí chủ vì Tăng đã cúng cho Tăng.

Vật thuộc Tăng: đã hứa cho Tăng.

Vì Tăng: họ vì Tăng chuẩn bị hay sắm cho Tăng mà chưa hứa cho Tăng.

Đã cho Tăng: đã hứa cho Tăng và đã xả cho Tăng.

Vật : y, bát, tọa cụ, ống đựng kim cho đến đồ dùng để uống nước.

Nếu tỳ-kheo biết là vật thuộc Tăng mà tự xoay về cho mình, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Nếu vật hứa cho Tăng mà chuyển cho tháp, phạm đột-kiết-la. Vật hứa cho tháp mà chuyển cho Tăng cũng phạm đột-kiết-la. Vật hứa cho tứ phương Tăng mà chuyển cho hiện tiền Tăng, phạm đột-kiết-la. Vật hứa cho hiện tiền Tăng mà chuyển cho tứ phương Tăng cũng phạm đột-kiết-la. Vật hứa cho Tăng tỳ-kheo mà chuyển cho tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni Tăng cũng phạm đột-kiết-la. Vật hứa cho tỳ-kheo-ni Tăng mà chuyển cho Tăng tỳ-kheo, đột-kiết-la. Vật hứa cho chỗ này đem cho chỗ khác, đột-kiết-la. Hoặc đã hứa, khởi tưởng hứa, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Nếu đã hứa mà

tâm nghi, đột-kiết-la. Nếu chưa hứa, khởi tưởng hứa, đột-kiết-la. Nếu chưa hứa, nghi, đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, phạm đột-kiết-la.

Muốn xả đương sự phải đến trong Tăng trống vai bên hữu, quỳ gối bên hữu chấm đất, lễ Thượng tọa, quỳ gối chắp tay, thưa:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo tên là…, biết vật này đã hứa cho Tăng mà xoay về cho mình, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.»

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải tác bạch, sau đó mới thọ sám. Nên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã biết vật hứa cho Tăng mà xoay về cho mình, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo có tên… này. Đây là lời tác bạch.»

Tác bạch rồi mới nhận sám. Khi nhận sám nên nói với người kia:

«Hãy tự trách tâm ngươi!»

Tỳ-kheo kia thưa:

«Xin vâng.»

Tăng nên hoàn lại vật bị xả cho tỳ-kheo kia bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong chúng nên sai một người có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã biết vật hứa cho Tăng mà xoay về cho mình, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng

chấp thuận, trả lại vật bị xả cho tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã biết là vật hứa cho Tăng mà xoay về cho mình, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả vật bị xả lại cho tỳ-kheo này. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng trả vật bị xả lại cho tỳ-kheo kia thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận trả vật bị xả lại cho tỳ-kheo này rồi. Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.»

Xả cho Tăng rồi, Tăng không hoàn lại, phạm đột-kiết-la.

Nếu tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc thọ làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc dùng mãi, tất cả phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ni-tát-kỳ ba-dật đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu không biết hoặc đã hứa mà tưởng rằng chưa hứa, hoặc họ hứa cho ít, khuyến khích họ cho nhiều, hoặc hứa cho ít người, khuyên cho nhiều người, muốn hứa cho thứ xấu, khuyên cho thứ tốt, hoặc nói đùa giỡn, hoặc nói nhầm, nói một mình, hoặc nói trong giấc mộng, muốn nói việc này nhầm nói việc kia thì không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách[537].

---o0o---

CHƯƠNG V - BA-DẬT-ĐỀ

I. CỐ Ý VỌNG NGỮ[538]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Phật ở Thích-súy-sấu[539], trong vườn Ni-câu-loại, nước Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ trong dòng họ Thích có người con trai nhà họ Thích tên là Tượng Lực[540] có tài đàm luận, thường cùng Phạm chí ngoại đạo luận bàn. Trường hợp bị thua, liền lật ngược lời nói trước. Giữa Tăng, khi hỏi đến việc ấy thì Tượng Lực cũng đảo ngược lời nói trước. Ở giữa chúng, biết nhưng ông vẫn nói dối. Các Phạm chí thường biếm nhẽ rằng:

«Sa-môn Thích tử không có tàm quý, thường nói lời vọng ngữ, mà tự xưng là ta phụng hành chánh pháp. Nhưng nay như vậy có gì là chánh pháp? Luận bàn không hơn, liền lật ngược lời nói trước. Khi ở trong chúng Tăng, được hỏi đến thì cũng lật ngược lời nói trước. Ở trong chúng, biết nhưng vẫn nói dối.»

Trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý quở trách Thích tử Tượng Lực:

«Sao thầy cùng Phạm chí ngoại đạo luận bàn, trường hợp bị thua, liền lật ngược lời nói trước. Giữa Tăng, khi hỏi đến việc ấy thì cũng đảo ngược lời nói trước. Ở giữa chúng, biết nhưng vẫn nói dối?»

Khi ấy các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. ĐứcThế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo Tượng Lực:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm.

Tỳ-kheo Tượng Lực, sao cùng Phạm chí ngoại đạo luận bàn, trường hợp bị thua, liền lật ngược lời nói trước? Giữa Tăng, khi hỏi đến việc ấy thì cũng đảo ngược lời nói trước. Ở giữa chúng, biết nhưng vẫn nói dối?»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Tượng Lực rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, biết mà nói dối, ba-dật-đề[541].

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Biết mà nói dối: không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không xúc giác nói xúc giác, không hay biết nói hay biết[542],thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, xúc giác nói không xúc giác, hay biết nói không hay biết.

Thấy: thấy bởi thức con mắt.

Nghe: nghe bởi thức của tai.

Xúc: xúc giác bởi ba thức: mũi, lưỡi và thân.

Hay biết: hay biết bởi ý thức.

Không thấy: trừ nhãn thức ra, còn lại năm thức kia.

Không nghe: trừ nhĩ thức ra, còn lại năm thức kia.

Không xúc giác: trừ ba thức ra, còn lại mắt, tai và ý.

Không hay biết: trừ ý thức ra, còn lại năm thức kia.

Nếu người nào không thấy, không nghe, không xúc giác, không hay biết mà nói như vầy: «Tôi thấy, nghe, xúc giác, hay biết;» biết mà nói dối, ba-dật-đề.

Nếu người nào không thấy, không nghe, không xúc giác, không hay biết, mà trong đó có tưởng thấy, tưởng nghe, tưởng xúc, tưởng biết, mà lại nói, «Tôi không thấy, không nghe, không xúc, không biết;» biết mà nói dối, ba-dật-đề.

Nếu người nào không thấy, không nghe, không xúc, không biết, mà trong ý sanh nghi nhưng lại nói như vầy, «Tôi không có nghi,» rồi nói «Tôi thấy, tôi nghe, tôi xúc, tôi biết;» biết mà nói dối, ba-dật-đề.

Nếu người không thấy, không nghe, không xúc, không biết, mà trong ý có nghi nhưng lại nói «Trong đây tôi không nghi,» rồi nói «Tôi không thấy, không nghe, không xúc, không biết;» biết mà nói dối, ba-dật-đề.

Nếu người không thấy, không nghe, không xúc, không biết, mà trong ý lại không nghi, rồi nói, «Tôi có nghi ngờ rằng tôi thấy, tôi xúc, tôi biết;» biết mà nói dối, ba-dật-đề.

Trong ý không nghi ngờ rằng «Tôi không thấy, tôi không nghe, tôi không xúc, tôi không biết,» nhưng lại nói «Tôi có nghi ngờ rằng tôi không thấy, không nghe, không xúc, không biết;» biết mà nói dối, ba-dật-đề.

Điều này nên nói rộng: Trước đó khởi ý nghĩ, «Ta sẽ nói dối.» Khi nói dối, tự biết là nói dối; nói dối rồi, biết là nói dối: Cố ý nói dối, ba-dật-đề.

Trước đó khởi ý nghĩ, «Ta sẽ nói dối.» Khi nói dối, tự biết là nói dối; nói dối rồi, không tự nhớ là đã nói dối: Cố ý nói dối, phạm ba-dật-đề.

Trước đó không khởi ý nghĩ, «Ta sẽ nói dối.» Khi nói dối, biết là nói dối; nói dối rồi, biết là nói dối: Cố ý nói dối, ba-dật-đề.

Trước đó không khởi ý nghĩ nói dối. Khi nói dối, biết là nói dối; nói dối rồi, không nhớ là nói dối: Cố ý nói dối, ba-dật-đề.

Cái được thấy có khác, cái được nhìn nhận có khác, cái được ham muốn có khác, cái được xúc có khác, cái được tưởng có khác, cái được tâm tưởng có khác[543], những việc như vậy đều là nói dối.

Giữa đại chúng, biết mà vẫn nói dối, ba-dật-đề. Nói rõ ràng thì phạm ba-dật-đề; nói không rõ ràng, phạm đột-kiết-la. Khi thuyết giới cho đến ba lần hỏi, nhớ nghĩ mình có tội mà không nói, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: không thấy nói không thấy; không nghe nói không nghe; không xúc nói không xúc, không hay biết nói không hay biết; thấy nói thấy; nghe nói nghe; xúc nói xúc, hay biết nói hay biết; ý tưởng có thấy, nói có thấy, thì không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

II. MẮNG NHIẾC

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo khi giải quyết

việc tranh cãi, mạ nhục tỳ-kheo bằng giống loài[544]. Tỳ-kheo hổ thẹn, quên trước quên sau nên không nói được.

Trong các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Sao nhóm sáu tỳ-kheo giải quyết việc tranh cãi lại mạ nhục tỳ-kheo bằng giống loài, khiến cho tỳ-kheo hổ thẹn, quên trước, quên sau không nói được?»

Lúc bấy giờ các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo, sao giải quyết việc tranh cãi lại mạ nhục tỳ-kheo bằng giống loài, khiến họ hổ thẹn quên trước quên sau không nói được?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Thuở xa xưa, tại nước Đắc-sát-thi-la[545], có người bà-la-môn nuôi một con bò[546], ngày đêm cho ăn, vuốt ve, chải chuốt. Lúc ấy, cũng tại nước Đắc-sát-thi-la, có ông trưởng giả[547] đi khắp hang cùng ngõ hẻm lớn tiếng rao rằng:

«Ai có con bò nào đủ sức mạnh, cùng con bò của tôi đấu sức kéo 100 xe, tôi sẽ cá 1.000 lượng vàng[548].

«Con bò của người bà-la-môn nghe rao như vậy, tự nghĩ: ‹Người bà-la-môn này ngày đêm hết lòng nuôi nấng ta, vuốt ve, chải chuốt ta. Nay ta nên đem hết sức mình ra kéo để

lấy 1.000 lượng vàng kia, [635a1] ngõ hầu trả ơn người này.›

«Con bò nghĩ xong liền nói với người bà-la-môn rằng:

«Ông chủ có biết chăng? Trong nước Đắc-sát-thi-la có ông trưởng giả rao rằng, ai có bò cùng với bò của ông đấu sức kéo 100 xe, ông chịu mất 1.000 lượng vàng. Ông chủ có thể đến nhà ông trưởng giả kia nói, ‹Tôi có con bò có thể cùng với bò của ông đấu sức kéo 100 xe, với số vàng cá là 1.000 lượng.›

«Người bà-la-môn nghe xong liền đến nhà ông trưởng giả nói, ‹Tôi có con bò với sức mạnh có thể cùng với con bò của ông đấu sức kéo 100 xe, số vàng cá là 1.000 lượng.› Ông trưởng giả trả lời, ‹Nay chính là lúc.› Người bà-la-môn liền dắt con bò của mình đem đến để cùng đấu sức với con bò của ông trưởng giả, kéo 100 xe để lấy 1.000 lượng vàng. Khi ấy có nhiều người đứng xem. Trước đám đông, người bà-la-môn dùng lời mạ nhục, gọi con bò bằng cách kêu:

«Một Sừng,[549] kéo đi!

«Con bò của người bà-la-môn nghe lời mạ nhục liền xấu hổ nên không ra sức kéo để cạnh tranh cùng đối thủ của mình. Do đó, con bò của ông trưởng giả thắng cuộc, con bò của người bà-la-môn bại trận. Người bà-la-môn phải mất 1.000 lượng vàng.

«Bấy giờ, người bà-la-môn nói với con bò của ông ta rằng:

«Ngày đêm ta nuôi nấng, vuốt ve, chải chuốt, với hy vọng ngươi sẽ vì ta đem hết sức lực để thắng con bò của ông trưởng giả. Nhưng tại sao sự việc hôm nay ngược lại, khiến ta phải mất 1.000 lượng vàng?

«Con bò liền nói với bà-la-môn rằng:

«Trước đám đông ông nhục mạ tôi, ông bảo tôi là ‹Một Sừng, kéo đi!› Tôi rất lấy làm xấu hổ đối với mọi người. Do đó, tôi không thể dùng hết sức để cùng cạnh tranh với con bò kia được. Nếu ông có thể thay đổi cách gọi, đừng đem tên gọi hình tướng, mà nhục mạ tôi, thì ông cứ đến nói với ông trưởng giả rằng, ‹Bò của tôi có thể cùng bò của ông đấu sức, kéo 100 xe với giá đấu gấp đôi là 2.000 lượng vàng.›»

«Người bà-la-môn nghe xong liền nói với con bò của ông rằng:

«Chớ để ta mất thêm 2.000 lượng vàng nữa.»

«Con bò trả lời với người ba-la-môn rằng:

«Trước đám đông ông đừng nhục mạ tôi, gọi tôi là ‹Một Sừng, kéo đi!› Mà trước đám đông ông nên khen ngợi tôi, bảo tôi kéo cho giỏi; ông gọi sừng tôi rất xinh đẹp.»

Bấy giờ, người bà-la-môn đến nhà ông trưởng giả nói rằng:

«Nay bò của ông có thể cùng bò của tôi đấu sức kéo 100 xe với số vàng đánh cá là 2.000 lượng, dưới sự chứng kiến của nhiều người.»

«Ông trưởng giả nói:

«Thật đúng lúc.»

«Khi ấy, người bà-la-môn trước đám đông khen ngợi con bò của ông rằng, ‹Kéo rất giỏi! Cặp sừng rất đẹp!›

«Con bò nghe lời khen như vậy liền đem hết sức mình để đấu với con bò kia, nên con bò của người bà-la-môn thắng cuộc, con bò của ông trưởng giả thua trận. Người bà-la-môn thu được 2.000 lượng vàng.»

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo rằng:

«Phàm người ta khi muốn nói phải nói lời khéo léo, không nên nói lời xấu ác. Nói lời khéo léo là thiện. Nói lời xấu ác là tự gây phiền não cho mình. Bởi vậy cho nên, các tỳ-kheo, súc sanh bị người mạ nhục, còn tự xấu hổ không thể dùng hết sức mình để kéo xe, huống là đối với người mà bị kẻ khác hủy nhục làm sao không hổ thẹn! Nhóm sáu tỳ-kheo này là những người si, khi giải quyết việc tranh cãi lại mạ nhục các tỳ-kheo bằng giống loài, khiến cho họ hổ thẹn, quên trước, quên sau không nói được.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi bảo các tỳ-kheo:

«Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, nhục mạ bằng giống loài, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nhục mạ người bằng giống loài[550]: như nói, «Ngươi sanh trong gia đình dòng họ thấp hèn, hành nghề cũng thấp hèn, kỹ thuật công xảo cũng thấp hèn.» Hoặc nói, «Ngươi là người phạm tội; ngươi là người nhiều kiết sử; ngươi là người mù, ngươi là người trọc mù...»

- Thấp hèn : là dòng dõi chiên-đà-la, dòng dõi hốt rác, dòng dõi thợ đan[551], dòng dõi thợ đóng xe[552].

- Họ thấp hèn : chỉ những họ Câu-tấu, Câu-thi, Bà-tô-trú, Ca-diếp, A-đề-lị-dạ, Bà-la-đọa[553]. Hoặc chẳng phải họ thấp

hèn mà tập làm theo kỹ thuật thấp hèn, tức thành họ thấp hèn.

- Nghề nghiệp thấp hèn: tức là mua bán heo, dê, giết bò, thả chim ưng, chim diêu, thợ săn, chài lưới, làm giặc, bắt giặc, thủ thành, coi ngục.

- Kỹ nghệ thấp hèn : như làm nghề thợ rèn, thợ mộc, thợ gốm, thợ da, thợ hớt tóc, thợ đan nia[554].

- Phạm tội: phạm ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kiết-la, ác thuyết.

- Kết: từ sân nhuế cho đến 500 kết sử.

- Mù lòa[555]: mù lòa, gù, què quặt, câm điếc và các tật bệnh khác.

Hoặc tỳ-kheo mắng nhiếc các tỳ-kheo khác rằng, «Thầy sanh nơi nhà ti tiện; hành nghiệp thấp hèn, kỹ thuật thấp hèn. Thầy phạm tội, thầy bị kết sử, thầy là kẻ trọc đầu mù lòa...» Mạ nhục như vậy.

Hoặc mạ nhục ngay trước mặt, hoặc mượn lời dụ để mạ nhục, hoặc tự so sánh để mạ nhục.

- Mạ nhục ngay trước mặt: như nói, «Ngươi sanh trong nhà Chiên-đà-la, sanh trong nhà hốt rác, sanh trong dòng thợ đan, dòng thợ đóng xe, họ Câu-tấu, Câu-thi, Bà-tô-trú, Ca-diếp, Đề-lê-dạ, Bà-la-đọa.» Hoặc là vốn không phải dòng họ thấp hèn mà tập làm theo kỹ nghệ thấp hèn tức thành họ thấp hèn, như nói, «Ngươi là người mua bán, người giết bò, heo, dê. Ngươi là người làm nghề ăn trộm, bắt kẻ trộm. Ngươi là người giữ thành, giữ ngục, là người thợ rèn, làm đồ mộc, làm lò gốm, làm thợ giày, thợ hớt tóc. Ngươi là người phạm ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kiết-la, ác thuyết. Ngươi là người từ kết sử sân nhuế, cho đến là người 500 kiết sử. Ngươi là

người trọc đầu mù lòa, què quặt, điếc câm và là người có các bệnh hoạn khác…»

- Mượn dụ để mạ nhục: như nói, «Ngươi tợ như Chiên-đà-la, tợ như dòng hốt phân, tợ như dòng thợ đan, tợ như dòng đóng xe. Ngươi tợ như dòng họ Câu-tấu, tợ như dòng họ Câu-thi, Bà-tô-trú, Ca-diếp, Đề-lê-dạ, Bà-la-đọa. Ngươi tợ như người mua bán heo, dê; tợ như người giết bò; tợ như người thả chim ưng, chim diêu; tợ như người lưới cá, thợ săn; tợ như kẻ trộm, như người bắt kẻ trộm, tợ như người giữ thành, giữ ngục; tợ như người làm đồ gốm, tợ như người làm giày dép, tợ như người thợ hớt tóc; tợ như người phạm ba-la-di, tợ như người phạm tăng-già-bà-thi-sa, tợ như người phạm ba-dật-đề, tợ như người phạm ba-la-đề-đề-xá-ni, tợ như người phạm thâu-lan-giá, tợ như người phạm đột-kiết-la, tợ như người phạm ác thuyết, tợ như người kiết sử, tợ như người mù lòa, tợ như người không có tóc, tợ như người què chân, tợ như người câm điếc...»

- Tự so sánh để mạ nhục: như nói, «Tôi không phải dòng Chiên-đà-la, tôi không phải dòng hốt phân, tôi không phải dòng thợ đan, tôi không phải dòng đóng xe. Tôi không phải dòng họ Câu-tấu, dòng họ Câu-thi, Bà-tô-trú, Ca-diếp, Đề-lê-dạ, Bà-la-đọa; cũng không phải người mua bán heo dê, giết bò, thả chim ưng, chim diêu, lưới cá, thợ săn, làm giặc, bắt giặc, giữ thành, giữ ngục, thợ rèn, thợ mộc, thợ đan, đóng xe, thợ lò gốm, thợ giày, thợ cạo...

Tôi không phải là người phạm ba-la-di, phạm tăng-già-bà-thi-sa, phạm ba-dật-đề, phạm ba-la-đề-đề-xá-ni, phạm thâu-lan-giá, phạm đột-kiết-la, phạm ác thuyết. Tôi chẳng phải bị kiết sử, tôi chẳng phải là người trọc đầu, mù lòa, què quặt, điếc câm…»

Nếu tỳ-kheo đem giống loài mà mạ nhục, nói như trên, phạm ba-dật-đề. Nếu đem giống loài để mạ nhục, nói rõ ràng phạm ba-dật-đề, không rõ ràng phạm đột-kiết-la.

Hoặc là nói thiện pháp để mạ nhục ngay trước mặt, hoặc mượn dụ để mạ nhục, hoặc tự so sánh để mạ nhục.

- Dùng thiện pháp để mạ nhục: như nói, «Ngươi là người a-lan-nhã, khất thực, mặc y vá, cho đến người ngồi thiền.»

- Dùng thiện pháp mạ nhục ngay trước mặt: như nói, «Ngươi là [636a1] người a-lan-nhã, khất thực, mặc y vá, cho đến người ngồi thiền.»

- Mượn dụ để mạ nhục: như nói, «Ngươi tợ như người a-lan-nhã, khất thực, mặc y vá, cho đến người ngồi thiền.»

- Tự so sánh để mạ nhục: như nói, «Tôi chẳng phải là người ở a-lan-nhã,… cho đến người ngồi thiền.»

Nếu tỳ-kheo dùng thiện pháp mạ nhục ngay trước mặt, mượn dụ để mạ nhục, tự so sánh để mạ nhục; nói mà rõ ràng phạm đột-kiết-la, không rõ ràng cũng phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: cùng có lợi cho nên nói, vì pháp cho nên nói, vì luật cho nên nói, vì giáo thọ cho nên nói, vì thân hậu cho nên nói, hoặc vì vui chơi mà nói, hoặc vì nói lỡ lời, hoặc nói một mình, hoặc nói trong mộng, hoặc muốn nói việc này nhằm nói việc khác; tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

III. NÓI LY GIÁN

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo truyền rao lời

nói bên này bên kia; truyền lời nói kín đáo của người này đến nói người kia; truyền lời nói kín đáo của người kia đến nói người này.

Họ cứ làm như vậy mãi, đưa đến tình trạng trong chúng chưa có đấu tranh liền sanh ra sự đấu tranh nầy, và đã có sự đấu tranh rồi thì không thể chấm dứt được.

Các tỳ-kheo đều nghĩ: «Do nhơn duyên gì trong chúng Tăng vốn không có sự đấu tranh mà nay lại có sự đấu tranh này, và đã có sự đấu tranh rồi thì sao không chấm dứt được?»

Các tỳ-kheo tìm biết là do nhóm sáu tỳ-kheo này truyền rao lời nói bên này bên kia, nên đưa đến tình trạng trong chúng Tăng có sự đấu tranh, việc tranh cãi này vốn trước đây không có, nay lại có, và khi đã có sự đấu tranh rồi thì không thể chấm dứt được.

Khi ấy trong chúng có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Sao các thầy truyền rao lời nói bên này bên kia, đưa đến tình trạng trong Tăng có sự đấu tranh, việc tranh cãi này vốn trước đây không có nay lại có, và khi đã có sự đấu tranh rồi thì không chấm dứt được? »

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Sao các ông truyền rao lời nói bên này bên kia, đưa đến tình trạng trong chúng Tăng trước không có đấu tranh, nay lại sanh ra đấu tranh, và khi đã có đấu tranh thì không chấm dứt được?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Các ông nên lắng nghe! Xưa kia, có hai con ác thú làm bạn với nhau, một con sư tử tên là Thiện Nha[556] ,con thứ hai là hổ tên Thiện Bác[557] , ngày đêm cùng rình bắt các con nai.

«Khi ấy, có một con dã can thường đi sau hai con thú này, ăn thịt dư còn lại của chúng để sống. Bấy giờ, con dã can kia lén lút suy nghĩ: ‹Nay ta không thể cứ đi theo sau mãi thế này. Bằng phương tiện thế nào ta phải làm để hai con ác thú này cùng loạn đấu với nhau khiến cho chúng không còn đi với nhau nữa.› Nghĩ xong, dã can liền đến chỗ con sư tử Thiện Nha nói như vầy:

«Này Thiện Nha! Tôi nghe con cọp Thiện Bác nói rằng, ‹Chỗ sanh của ta hơn hết; dòng họ của ta hơn hết; hình sắc của ta hơn nó, thế lực của ta hơn nó. Tại sao vậy? Vì hàng ngày ta được thức ăn bổ, ngon. Sư tử Thiện Nha đi theo sau ta ăn thức ăn còn dư lại của ta để sống.› Dã can liền nói kệ:

Hình sắc và nơi sanh,

Sức mạnh cũng lại hơn;

Thiện Nha không sánh kịp.

Thiện Bác nói như vậy.

Thiện Nha nghe xong hỏi dã can rằng:

«Do đâu mà ngươi biết được? »

Dã can trả lời:

«Hai ông cùng tập hợp lại một chỗ, gặp nhau thì sẽ tự biết rõ điều này.

Lúc bấy giờ, con dã can lén lút nói với Thiện Nha xong, liền đến cọp Thiện Bác nói rằng:

«Ông biết chăng! Sư tử Thiện Nha đã nói như vầy, ‹Hiện tại chủng tánh và chỗ sanh của ta, tất cả đều hơn nó, thế lực

cũng hơn. Tại sao vậy? Vì thường ta ăn thức ăn ngon; cọp Thiện Bác chỉ ăn thức ăn dư còn lại của ta để sống.» Dã can liền nói kệ:

Hình sắc và nơi sanh,

Sức mạnh cũng lại hơn;

Thiện Bác không sánh kịp.

Thiện Nha nói như vậy.

Thiện Bác nghe xong hỏi:

«Tại sao ngươi biết được việc ấy?»

Dã can trả lời:

«Hai ông cùng tập hợp lại một chỗ, gặp nhau thì sẽ tự biết rõ điều này.»

Sau đó, hai con thú cùng tập họp lại một chỗ, cùng nhìn nhau với cặp mắt sân hận. Sư tử Thiện Nha liền nghĩ, ‹Ta không thể không hỏi trước khi hạ thủ cọp.›

Bấy giờ, Sư tử Thiện Nha hướng đến cọp Thiện Bác nói kệ rằng:

Hình sắc và nơi sanh

Sức mạnh cũng lại hơn

Thiện Nha không bằng ta

Thiện Bác có nói không?

Thiện Bác tự nghĩ rằng, ‹Chắc là do dã can gây sự loạn đấu giữa chúng ta.› Cọp Thiện Bác nói kệ để trả lời cho Sư tử Thiện Nha rằng:

Thiện Bác không nói vậy:

Hình sắc và nơi sanh,

Sức mạnh cũng lại hơn;

Thiện Nha không thể sánh.

Nếu nhận lời vô ích,

Tin theo lời bỉ thử,

Tự phá hoại tình thâm,

Bèn thành kẻ oan gia.

Bằng lẽ thật để biết;

Phải diệt trừ sân não.

Đây là lời thành thật,

Khiến ta được lợi ích.

Nay nên khéo hàng phục,

Trừ diệt ác tri thức.

Cần giết dã can này,

Chính nó gây loạn đấu.

Sư tử Thiện Nha liền giết dã can[558]

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Hai con thú này bị con dã can phá, nên khi họp nhau một chỗ, gặp nhau mà không vui, huống là đối với người, bị người khác phá rối, làm sao không bực lòng? Nhóm sáu tỳ-kheo, sao gây loạn đấu bên này bên kia, việc tranh cãi này

trước đây không sanh ra nay lại sanh ra, và khi đã có việc tranh cãi rồi thì không thể chấm dứt?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy»:

Tỳ-kheo nào, nói hai lưỡi[559], ba-dật đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Hai lưỡi[560]: gây chuyện cho tỳ-kheo loạn đấu với tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni ,ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, Quốc vương, Đại thần, ngoại đạo, dị học sa-môn, bà-la-môn.

Tỳ-kheo-ni lại loạn đấu với tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, Quốc vương, Đại thần, ngoại đạo, dị học sa-môn, bà-la-môn, tỳ-kheo.

Thức-xoa-ma-na lại loạn đấu với thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, Quốc vương, Đại thần, ngoại đạo, dị học sa-môn, bà-la-môn, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni.

Sa-di loạn đấu với sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, Quốc vương, Đại thần, ngoại đạo, dị học sa-môn, bà-la-môn, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni.

Ưu-bà-tắc lại loạn đấu với ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, Quốc vương, Đại thần, ngoại đạo, [637a1] dị học sa-môn, bà-la-môn, tỳ-

kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc.

Ưu-bà-di lại loạn đấu với ưu-bà-di, Quốc vương, Đại thần, ngoại đạo, dị học sa-môn, bà-la-môn, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc.

Quốc vương lại loạn đấu với Quốc vương, Đại thần, ngoại đạo, dị học sa-môn, bà-la-môn, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

Đại thần lại loạn đấu với Đại thần, ngoại đạo, dị học sa-môn, bà-la-môn, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, quốc vương.

Tất cả ngoại đạo Sa-môn, Bà-la-môn lại loạn đấu với tất cả ngoại đạo Sa-môn, Bà-la-môn, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, Quốc vương, Đại thần.

- Loạn đấu: như người nào đó nói[561], «Ông là dòng dõi Chiên-đà-la, dòng dõi hốt phân, dòng dõi thợ đan, dòng dõi đóng xe, họ Câu-tấu, Câu-thi, Bà-tô-trú, Ca-diếp, Đề-lê-dạ, Bà-la-đọa, mua bán heo dê, giết bò, thả chim ưng, lưới chim, thợ săn, làm giặc, bắt giặc, giữ thành, giữ ngục, thợ rèn, thợ giày, thợ cao; ông phạm ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kiết-la, ác thuyết.»

- Nói kết sử: từ sân nhuế cho đến 500 kết, trọc đầu, mù lòa, què quặt, điếc câm. Tỳ-kheo nào phá hoại đều là tỳ-kheo loạn đấu. Nói rõ ràng phạm ba-dật-đề, nói không rõ ràng phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la, đó gọi là phạm.

Sự không phạm: vì phá ác tri thức, phá ác bạn đảng, phá phương tiện phá hoại Tăng, phá việc trợ giúp để phá hoại

Tăng, phá hai người ba người tác yết-ma, phá tác yết-ma phi pháp, yết-ma phi luật; hoặc vì người phá Tăng, phá tháp, phá miếu, phá Hòa thượng, đồng Hòa thượng, phá A-xà-lê, đồng A-xà-lê, phá tri thức, phá thân hữu, phá những người nói nhiều mà vô nghĩa, vô lợi, muốn dùng phương tiện làm việc vô nghĩa; phá những người như vậy thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

IV. NGỦ CHUNG BUỒNG NGƯỜI NỮ[562]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật từ nước Xá-vệ đến nước Câu-tát-la, giữa đường, đến nơi thôn không có trú xứ của tỳ-kheo, hỏi thăm, «Có ai cho tôi chỗ trọ?» Được nghe nơi kia có nhà của dâm nữ thường cho khách tạm trú ban đêm tại nhà. Bấy giờ, ngài A-na-luật đến nhà dâm nữ, hỏi:

«Thưa đại tỷ, tôi muốn xin trọ lại một đêm, có được không?»

Dâm nữ nói:

«Được! Nhà rộng, Tôn giả cứ tùy ý nghỉ.»

Tôn giả A-na-luật bước vào nhà, trải tọa cụ bằng cỏ, xếp tréo chân ngồi, nhất tâm tư duy, buộc niệm trước mặt.

Hôm ấy, cũng có các trưởng giả ở nước Câu-tát-la có việc cần cũng đến nơi thôn đó tìm nơi nghỉ lại đêm. Cũng lại được nghe nhà dâm nữ kia thường tiếp khách tạm trú. Các trưởng giả đến nhà đó, hỏi:

«Chúng tôi cần nghỉ lại một đêm, cô có thể cho chúng tôi tá túc được không?»

Dâm nữ trả lời:

«Trước đây tôi đã hứa cho một sa-môn ở lại. Các ông hỏi vị sa-môn ấy, có thể được cùng nghỉ thì các ông cứ nghỉ.»

Các trưởng giả đến chỗ Tôn giả A-na-luật nói rằng:

«Chúng tôi đã xin người chủ nhà được ở lại một đêm và đã được sự chấp thuận. Vậy chúng ta cùng nghỉ, không có gì trở ngại?»

Tôn giả A-na-luật trả lời:

«Tôi đã trải nệm cỏ rồi. Nhà còn rộng, các ông cứ tùy ý nghỉ, chớ nghi ngại.»

Lúc ấy, các trưởng giả liền vào nhà. Vì bạn bè các trưởng giả nhiều nên ngồi quá chật. Bấy giờ, dâm nữ thấy vậy sanh lòng thương mến, trong lòng nghĩ rằng, «Vị A-na-luật này là con nhà hào quý, từ lâu quen sung sướng không thể chịu khổ được. Nay cùng với các trưởng giả chung nhà quá chật.» Nghĩ vậy, bèn đi đến chỗ A-na-luật, nói rằng, «Tôn giả từ lâu quen sung sướng không thể chịu khổ được. Nay cùng với các trưởng giả chung nhà quá chật. Tôn giả có thể vào trong buồng[563] tôi nghỉ được không?» Tôn giả trả lời đồng ý.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật vào trong buồng, nơi chỗ ngồi đó, xếp tréo chân ngồi, buộc niệm trước mặt. Lúc ấy trong nhà dâm nữ, đèn thắp suốt đêm không tắt.

Đầu đêm, dâm nữ đến chỗ Tôn giả A-na-luật nói rằng:

«Gần đây có các trưởng giả bà-la-môn có nhiều của cải quý báu, đến nói với tôi, ‹Cô có thể làm vợ tôi?› Tôi liền nói với các trưởng giả ấy rằng, ‹Các ông xấu xí lắm. Tôi không thể làm vợ các ông. Nếu là người xinh đẹp, tôi sẽ làm vợ họ.› Tôi

xem Tôn giả tướng mạo xinh đẹp. Tôn giả có thể làm chồng tôi được không?»

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật tuy nghe những lời nói ấy nhưng vẫn lặng thinh không trả lời và cũng không nhìn ngó. Tại sao vậy? Vì Tôn giả đã chứng đắc giải thoát vô thượng gồm cả hai phần[564]. Đến cuối đêm, lúc bình minh sắp xuất hiện, cô ta lại nói với A-na-luật rằng:

«Các trưởng giả dòng bà-la-môn có nhiều của cải quý báu nói với tôi: ‹Cô vì tôi làm vợ.› Tôi dứt khoát không hứa khả. Nhưng Tôn giả với nhan mạo đoan chánh, có thể vì tôi làm chồng được không?»

Tôn giả A-na-luật cũng lại im lặng, không trả lời và cũng không nhìn ngó cô ta. Tại sao vậy? Vì chính Tôn giả là người đã chứng đắc giải thoát vô thượng gồm cả hai phần.

Lúc bấy giờ, dâm nữ liền thoát y đến trước mặt và nắm Tôn giả. Tôn giả liền dùng sức thần túc vụt mình lên hư không. Dâm nữ thấy vậy hết sức xấu hổ, vì sự lõa hình của mình, bèn ngồi xổm xuống; rồi vội vàng lấy áo khoác lại. Xong xuôi, chắp tay ngửa mặt lên không trung, hướng về Tôn giả A-na-luật nói:

«Xin sám hối! Xin sám hối!» Nói như vậy ba lần. Rồi, thỉnh nguyện Tôn giả trở lại chỗ ngồi.

Tôn giả hạ mình, ngồi trở lại chỗ ngồi như cũ. Người dâm nữ này đảnh lễ dưới chân Tôn giả xong, lui ngồi qua một bên. Tôn giả vì cô mà nói các pháp vi diệu, như ý nghĩa về bố thí, về trì giới, về ý nghĩa sanh thiên. Tôn giả chê trách dục là bất tịnh, là thấp hèn, là hữu lậu, là kết phược[565]. Tôn giả khen ngợi sự an lạc của xuất ly[566], ích lợi của giải thoát.

Lúc ấy, dâm nữ liền từ chỗ ngồi dứt hết trần cấu, được sự trong sạch của con mắt pháp. Khi dâm nữ thấy pháp, đắc pháp rồi, thỉnh nguyện, «Nguyện xin Tôn giả chấp thuận con được làm người ưu-bà-di, quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ nay trở

đi, suốt đời không sát sanh cho đến không uống rượu. Ngày hôm nay, xin Tôn giả nhận lời thỉnh cầu thọ thực của con.» Tôn giả mặc nhiên chấp thuận. Người dâm nữ kia biết Tôn giả đã mặc nhiên chấp nhận lời thỉnh cầu rồi, liền sửa soạn đồ ăn thức uống ngon bổ để cúng dường. Tôn giả thọ thực xong, cô lấy một chiếc ghế nhỏ đến ngồi trước Tôn giả A-na-luật. Tôn giả vì cô mà nói các pháp, dùng nhiều hình thức khuyến dụ, khiến cho lòng cô sanh hoan hỷ. Thuyết pháp xong, Tôn giả rời chỗ ngồi ra về. Về đến Tăng già-lam, đem nhân duyên này nói với các tỳ-kheo một cách đầy đủ.

Khi ấy, trong chúng có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, cơ hiềm A-na-luật rằng:

«A-na-luật, sao thầy cùng với phụ nữ ngủ chung buồng?»[567]

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn hỏi A-na-luật:

«Thật sự ông có một mình cùng với người nữ ngủ chung buồng hay không?»

A-na-luật thưa:

«Thật vậy, bạch đức Thế tôn!»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện [638a1] quở trách A-na-luật rằng:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. A-na-luật sao lại cùng với phụ nữ ngủ chung buồng?»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách A-na-luật rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, cùng với phụ nữ ngủ một nhà, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Phụ nữ: người nữ có hiểu biết[568], mạng căn chưa đoạn.

Nhà[569]: xung quanh có tường vách ngăn che, bên trên có lợp; hoặc trước trống, không có bức vách; hoặc có vách nhưng bên trên không che lợp; hoặc tuy có che nhưng không giáp hết; hoặc tuy có che khắp nhưng có chỗ trống. Đó gọi là nhà.

Hoặc tỳ-kheo đã ngủ trước, phụ nữ đến sau; hoặc phụ nữ đến trước, tỳ-kheo đến sau; hoặc hai người cùng đến. Nếu nghiêng mình mà nằm, hông dính chiếu, phạm ba-dật-đề. Mỗi lần trở mình là một ba-dật-đề.

Nếu cùng thiên nữ, a-tu-la nữ, long nữ, dạ-xoa nữ, ngạ quỷ nữ, chung nhà mà ngủ, đột-kiết-la. Trong loài súc sanh cái, có khả năng biến hóa hay không có khả năng biến hóa, ngủ chung buồng, đột-kiết-la. Nếu cùng với người huỳnh môn, hai căn, ngủ chung buồng, đột-kiết-la. Ban ngày, phụ nữ đứng, tỳ-kheo nằm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la, đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu tỳ-kheo không biết trong nhà kia có phụ nữ mà ngủ, hoặc tỳ-kheo đến trước, phụ nữ đến sau, tỳ-kheo không biết; hoặc nhà có lợp mà chung quanh không có ngăn, hoặc lợp hết mà ngăn phân nữa, hoặc lợp hết mà ngăn một ít, hoặc ngăn hết mà không lợp, hoặc ngăn hết mà lợp một ít, hoặc nửa lợp, nửa ngăn, hoặc một ít lợp một ít ngăn, hoặc không lợp không ngăn, nơi đất trống thì không phạm. Ở trong nhà này, hoặc đi, hoặc ngồi cũng không phạm, hoặc đầu bị choáng váng té xuống đất, hoặc bị bệnh mà nằm thì không phạm; hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị người trói, hoặc mạng nạn, tịnh hạnh nạn cũng không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

V. NGỦ CHUNG BUỒNG VỚI NGƯỜI CHƯA THỌ CỤ TÚC[570]

A. DUYÊN KHỞI

1. SỰ KIỆN SÁU TỲ KHEO

Một thời, đức Thế tôn ở tại thành Khoáng dã[571]. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo cùng với các trưởng giả ngủ nơi nhà giảng[572].

Lúc ấy, trong nhóm sáu, có một vị khi ngủ với tâm tán loạn không hề hay biết, lăn mình qua, hình thể loã lồ. Lúc ấy có tỳ-kheo lấy y tủ lại. Sau đó lại lăn mình nữa, lộ hình như trước. Một tỳ-kheo khác cũng lấy y tủ lại. Vị ấy giây lát lại lăn mãi, dựng hình lên. Các trưởng giả thấy liền sanh cơ hiềm, cười lớn, chế giễu.

Bấy giờ, vị tỳ-kheo ngủ thức dậy, ôm lòng hổ thẹn, sắc mặt bạc nhợt. Các tỳ-kheo cũng hổ thẹn. Trong số ấy có vị thiểu dục tri túc, biết tàm quý, sống đầu đà, ưa học giới, hiềm

trách tỳ-kheo này rằng, «Sáu tỳ-kheo này sao lại cùng với các trưởng giả ngủ chung?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Này nhóm sáu tỳ-kheo, sao các ông cùng với các trưởng giả ngủ chung?» Lúc bấy, giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Sáu tỳ-kheo này là những người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy»:

Tỳ-kheo nào, cùng ngủ chung với người chưa thọ đại giới, ba-dật-đề.

---o0o---

2. SỰ KIỆN LA-HẦU-LA

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy.

Một thời, đức Phật ở nước Câu-thiệm-tỳ[573].] Các tỳ-kheo nói như vầy, «Đức Phật không cho phép chúng ta cùng ngủ chung với người chưa thọ đại giới. Vậy bảo La-vân[574] đi chỗ khác.»

Lúc ấy, La-vân không có nhà để ngủ, phải đến ngủ nơi nhà vệ sinh. Khi ấy đức Phật biết, liền đến nơi nhà vệ sinh, tằng hắng. La-vân cũng tằng hắng lại. Đức Thế tôn biết mà vẫn cố hỏi:

«Ai ở trong này?»

La-vân trả lời:

«Con là La-vân.»

Lại hỏi:

«Con làm gì ở đây?»

Đáp rằng:

«Các tỳ-kheo nói, không được cùng với người chưa thọ cụ túc giới ngủ chung, nên đuổi con ra.»

Đức Thế tôn liền nói:

«Các tỳ-kheo này sao lại ngu si, không có từ tâm, đuổi trẻ nít ra khỏi phòng? Đó là con của Phật, mà không thấu rõ được ý Ta hay sao? »

Đức Phật liền đưa ngón tay bảo La-vân nắm và dẫn vào phòng, cho ngủ đêm đó. Sáng sớm, tập hợp các tỳ-kheo, Ngài bảo rằng:

«Các ông không có từ tâm, nên mới đuổi con nít đi. Đây là con của Phật[575], mà không thấu rõ được ý Ta hay sao?[576] Từ nay về sau, cho phép các tỳ-kheo cùng người chưa thọ đại giới cùng ngủ hai đêm. Nếu đến đêm thứ ba khi dấu hiệu bình minh chưa xuất hiện nên thức dậy tránh đi. Nếu đến đêm thứ tư, hoặc tự mình đi, hay bảo người chưa thọ đại giới đi[577].»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, ngủ chung với người chưa thọ đại giới, quá hai đêm, đến đêm thứ ba[578], ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Người chưa thọ (đại) giới: trừ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ngoài ra đều là người chưa thọ đại giới.

Ngủ chung buồng: Như trước đã nói.

Nếu tỳ-kheo đến trước, người chưa thọ đại giới đến sau; người chưa thọ giới đến trước, tỳ-kheo đến sau; hoặc cả hai đều đến một lượt, nếu hông chấm đất là phạm, nghiêng mình một chút phạm. Nếu nam cõi trời, nam a-tu-la, nam càn-thát-bà, nam dạ-xoa, nam ngạ quỷ và trong loài súc sanh có thể biến hóa hay không thể biến hóa, cùng ngủ quá hai đêm, ba đêm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu tỳ-kheo trước không biết ở tại ấy, mà người chưa thọ giới đến sau; hoặc người chưa thọ giới đến trước, mà tỳ-kheo đến sau; hoặc nhà có lợp mà bốn phía không ngăn che; hoặc lợp hết mà ngăn che một nữa, hoặc ngăn che hết mà lợp một phần; hoặc ngăn phân nửa lợp phân nửa; hoặc ngăn một phần, lợp một phần; hoặc chỗ đất trống không; hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành; tất cả đều không phạm. Hoặc đầu bị choáng váng té xuống đất; hoặc bệnh nằm, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói nhốt, hoặc mạng nạn, tịnh hạnh nạn, thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

VI. ĐỌC KINH CHUNG[579]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Một thời đức Phật ở thành Khoáng dã. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo cùng các trưởng giả tập hợp tại giảng đường tụng kinh Phật, cao tiếng lớn giọng như âm thanh bà-la-môn đọc sách không khác, làm loạn tâm các vị tọa thiền.

Trong số các tỳ-kheo đã nghe có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, cơ hiềm nhóm sáu tỳ-kheo, «Sao lại cùng các trưởng giả tập hợp nơi giảng đường tụng kinh như âm thanh bà-la-môn đọc sách?»

Lúc ấy, các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Sao các ông lại cùng với trưởng giả tập hợp nơi [639a1] giảng đường tụng kinh, âm thanh như bà-la-môn không khác?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi bảo các tỳ-kheo:

«Đây là những người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, tụng đọc chung với người chưa thọ giới, ba-dật-đề[580].

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên

Người chưa thọ đại giới: như giới trước (tức ngoài tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni ra).

Cú nghĩa, phi cú nghĩa, cú vị, phi cú vị; tự nghĩa, phi tự nghĩa[581].

- Cú nghĩa: là cùng người đọc tụng, không trước, không sau, như tụng:

Chớ làm các việc ác,

Hãy làm các điều lành;

Tự lắng sạch tâm ý,

Chư Phật dạy như vậy.

- Phi cú nghĩa: như một người nói 'Chớ làm các việc ác' chưa xong, người thứ hai nói lại câu 'Chớ làm các việc ác.'

- Cú vị: hai người cùng tụng, không trước không sau, như tụng, «Mắt vô thường. Tai vô thường. Cho đến, ý vô thường.»

- Phi cú vị: như một người chưa nói xong «Mắt vô thường...», người thứ hai lập lại lời nói trước, «Mắt vô thường...»

- Tự nghĩa: hai người cùng tụng, không trước không sau, như tụng, ‹A-la-ba-giá-na.›

- Phi tự nghĩa: như một người chưa nói xong âm «A…», người thứ hai lập lại âm «A…» trước đó.

- Cú pháp: lời Phật nói, Thinh văn nói, Tiên nhơn nói, Chư thiên nói.

Nếu tỳ-kheo cùng người chưa thọ đại giới đồng tụng một lời nói, hai lời nói, ba lời nói, hoặc truyền trao bằng miệng,

hoặc truyền trao bằng chữ viết, tất cả nếu rõ ràng, phạm ba-dật-đề; nói không rõ ràng, phạm đột-kiết-la.

Cùng thiên tử, a-tu-la tử, dạ-xoa tử, long tử, càn-thát-bà tử, súc sanh có thể biến hóa, tụng một lời nói, hai lời nói, ba lời nói, dù nói rõ ràng hay không rõ ràng đều phạm đột-kiết-la. Nếu vị thầy không dạy rằng: «Để tôi nói xong ông sẽ nói,» thì thầy phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la, đó gọi là phạm.

Sự không phạm: «Tôi nói xong rồi, ông mới nói.» Một người tụng rồi, một người chép. Hoặc hai người đồng nghiệp đồng tụng; hoặc nói giỡn chơi, hoặc nói vội vàng, hoặc nói một mình, hoặc nói trong mộng, hoặc muốn nói việc này lại nói việc khác. Tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

VII. NÓI THÔ TỘI[582]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật. Bấy giờ, tại thành La-duyệt có tỳ-kheo đang hành ba-lợi-bà-sa, ma-na-đỏa, nên ngồi dưới hết. Nhóm sáu tỳ-kheo hỏi các bạch y rằng:

«Các người có biết tại sao người đó lại ngồi dưới chót không?»

Các bạch y thưa:

«Chúng con không biết.»

Nhóm sáu tỳ-kheo nói:

«Người ấy phạm tội như vậy. Do phạm tội như vậy nên chúng Tăng phạt khiến ngồi dưới hết.»

Vị tỳ-kheo có lỗi nghe, lấy làm hổ thẹn, và các tỳ-kheo khác khi nghe những lời này cũng hổ thẹn. Trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, cơ hiềm nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao lại đem việc tỳ-kheo phạm tội thô ác nói với người bạch y?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Sao các ông lại đem việc tỳ-kheo phạm tội thô ác nói với người bạch y?» Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Đây là những người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy[583]:

Tỳ-kheo nào, có tỳ-kheo phạm tội thô ác, đem nói với người chưa thọ đại giới, ba-dật-đề.

Khi đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, bấy giờ có tỳ-kheo hoặc không biết thô ác, hay không thô ác, sau mới biết là thô ác; hoặc có người đã tác pháp sám hối ba-dật-đề, hoặc có người lo sợ. Đức Phật dạy: «Không biết thì không phạm.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, biết tỳ-kheo phạm tội thô ác, đem nói với người chưa thọ đại giới, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất được Tăng sai đến giữa triều thần của Vua và trong nhân dân kể rõ tội lỗi của Điều-đạt[584], rằng những gì Điều-đạt làm, đừng nói đó là Phật, Pháp, Tăng, nên biết đó là việc làm của Điều-đạt. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong liền sanh lòng cẩn thận và lo sợ[585]. Các tỳ-kheo biết như vậy, nên đến bạch đức Thế tôn. Đức Thế tôn dạy:

«Chúng Tăng sai thì không phạm.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, biết tỳ-kheo khác có tội thô ác, đem nói với người chưa thọ đại giới, trừ tăng yết-ma, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Chưa thọ đại giới: (ngoài tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni ra) như giới trước.

Tội thô ác: ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng: đồng nhất yết-ma, đồng nhất thuyết giới.

Nếu tỳ-kheo biết vị khác có tội thô ác, đến nói với người chưa thọ đại giới, trừ Tăng yết-ma, ba-dật-đề. Nói rõ ràng, ba-dật-đề; không rõ ràng, đột-kiết-la.

Ngoài tội thô ác ra, đem các tội khác nói với người chưa thọ đại giới, đột-kiết-la.

Tự mình phạm tội thô ác đem nói với người chưa thọ đại giới, đột-kiết-la. Trừ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, đem tội thô ác của người khác nói với người chưa thọ đại giới, đột-kiết-la.

Tội thô ác tưởng là tội thô ác, ba-dật-đề. Tội thô ác mà nghi, đột-kiết-la. Chẳng phải tội thô ác mà tưởng là tội thô ác, đột-kiết-la. Chẳng phải tội thô ác mà nghi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu không biết, hoặc Tăng sai. Thô ác mà tưởng chẳng phải thô ác, hoặc bạch y trước đó đã biết tội thô ác này rồi, thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

VIII. NÓI PHÁP THƯỢNG NHÂN[586]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở tịnh xá Lầu các, bên bờ ao Di hầu, tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ tỳ-kheo nơi vườn Bà cầu, đối với người chưa thọ đại giới mà tự nói mình chứng ngộ pháp thượng nhơn. Vì nhơn duyên này Phật tập hợp Tăng tỳ-kheo, biết mà cố hỏi tỳ-kheo nơi vườn Bà cầu:

«Có thật như vậy không?»

Thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, có thật như vậy.»

Đức Phật quở:

«Các ông là người si. Nếu là thật đi nữa còn không đem nói với người, huống chi là không thật.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo nơi vườn Bà Cầu, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, đối với người chưa thọ đại giới mà tự nói mình chứng ngộ pháp thượng nhơn, nói rằng, ‹Tôi thấy điều này, tôi biết điều này.› Nếu đây là sự thật, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Chưa thọ đại giới: như giới trước.

Pháp về con người[587]: giới của con người, ấm của con người, nhập của con người[588].

Pháp thượng nhơn[589] : chỉ cho các pháp xuất yếu.

Tự mình nói: nói mình đắc thân niệm, thiện tư duy, có giới, có dục, có không phóng dật, có tinh tấn, có định, có chánh định, có đạo, có tu hành, có trí tuệ, có kiến, có đắc, có quả. Nếu vị ấy thật sự có điều này, mà đến người chưa thọ đại giới nói rõ ràng, phạm ba-dật-đề; nói không rõ ràng đột-kiết-la.

Nếu dùng dấu tay, chữ viết, hoặc [640a1] ra hiệu khiến cho người biết rõ ràng, ba-dật-đề, không rõ ràng, đột-kiết-la.

Nếu hướng đến các trời, a-tu-la, dạ-xoa, càn-thát-bà, rồng, ngạ quỉ, súc sanh có thể biến hóa mà nói pháp thượng nhơn, dù rõ ràng hay không rõ ràng đều phạm đột-kiết-la.

Nếu thật sự đã đạt được pháp thượng nhơn, lại hướng đến người đã thọ đại giới, nhưng họ chẳng đồng ý mà nói thì

phạm đột-kiết-la; hoặc tự xưng là «Tôi đã đạt được căn, lực, giác, đạo, thiền định, giải thoát, nhập tam muội;» hướng đến người mà nói thì phạm ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu là Tăng thượng mạn; hoặc tự nói là do nghiệp báo chứ không nói là do mình tu mà được; hoặc thật sự đã đạt được pháp thượng nhơn, đến tỳ-kheo đồng ý mà nói; hoặc nói căn, lực, giác, đạo, giải thoát, nhập tam muội, mà không nói với người là «Tôi chứng đắc;» hoặc nói đùa giỡn, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này lại nói việc khác. Tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

IX. THUYẾT PHÁP QUÁ NĂM LỜI[590]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ca-lưu-đà-di, vào lúc thích hợp, khoác y, bưng bát, đến nhà một trưởng giả. Trước mặt bà mẹ chồng, ông ghé bên tai nói pháp cho con dâu. Bà mẹ chồng thấy vậy liền hỏi cô dâu:

«Vừa rồi tỳ-kheo nói gì vậy?»

Cô dâu trả lời:

«Tỳ-kheo nói pháp cho con nghe.»

Bà mẹ chồng nói với cô dâu rằng:

«Nếu nói pháp thì phải nói lớn cho chúng ta cùng nghe. Sao lại ghé bên tai nói cho một mình cô nghe thôi?»

Cô dâu nói:

«Vừa rồi tỳ-kheo nói như chuyện anh em không có gì khác. Đâu có điều gì là lỗi!»

Lúc ấy, tỳ-kheo khất thực nghe được, liền quở trách Ca-lưu-đà-di, «Sao Tôn giả lại ghé tai nói pháp cho cô dâu trước mặt bà mẹ chồng?»

Khi ấy, tỳ-kheo khất thực xong trở về trong Tăng-già-lam, đem nhơn duyên này nói đầy đủ cho các tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, cơ hiềm Ca-lưu-đà-di: «Sao lại ghé tai nói pháp cho cô dâu trước mặt bà mẹ chồng?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, biết mà ngài cố ý hỏi Ca-lưu-đà-di:

«Thật sự ông có ghé tai nói pháp cho cô dâu trước mặt bà mẹ chồng?»

Thưa rằng:

«Có thật như vậy.»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao lại ghé tai nói pháp cho cô dâu trước mặt bà mẹ chồng?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Ca-lưu-đà-di này là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các

tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, nói pháp cho người nữ, ba-dật-đề.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy.

Bấy giờ, có người nữ thỉnh cầu các vị tỳ-kheo rằng:

«Cúi xin chư tôn vì chúng con nói pháp.»

Lúc ấy các tỳ-kheo đều có tâm dè dặt về việc Thế tôn chế giới, tỳ-kheo không được nói pháp cho người nữ.

Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn bảo:

«Từ nay trở đi, cho phép các tỳ-kheo nói pháp cho người nữ năm, sáu lời.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, nói pháp cho người nữ nghe quá năm, sáu lời, ba-dật-đề.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Tỳ-kheo lại có tâm dè dặt, vì không có mặt người nam có hiểu biết nên thôi, không nói pháp cho người nữ. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, nếu có mặt người nam có trí, cho phép nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời, trừ có mặt người nam có hiểu biết, ba-dật-đề.

Khi ấy có các người nữ thỉnh các tỳ-kheo rằng:

«Bạch đại đức, xin ngài trao năm giới cho con.»

Các tỳ-kheo có tâm dè dặt vì không có mặt người nam có hiểu biết, nên không trao năm giới cho người nữ. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép không có mặt người nam có hiểu biết vẫn được trao năm giới cho người nữ.»

Bấy giờ, có người nữ thỉnh các tỳ-kheo:

«Đại đức vì con nói pháp năm giới.»

Bấy giờ, không có mặt người nam có hiểu biết, tỳ-kheo có tâm dè dặt, không nói pháp năm giới cho người nữ. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, cho phép các tỳ-kheo, không có mặt người nam có hiểu biết, được nói pháp năm giới cho người nữ.»

Khi ấy, các người nữ muốn thọ pháp bát quan trai, các tỳ-kheo có tâm dè dặt, vì không có mặt người nam có hiểu biết, nên không dám cho thọ thực pháp. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo không có mặt người nam có hiểu biết, được trao pháp bát quan trai cho người nữ.»

Khi ấy, các người nữ thỉnh các tỳ-kheo:

«Đại đức vì con nói pháp bát quan trai.»

Khi ấy không có mặt người nam có hiểu biết, tỳ-kheo có tâm dè dặt, không nói pháp bát quan trai. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo, không có mặt người nam có hiểu biết, được nói pháp bát quan trai cho người nữ.»

Lúc ấy các người nữ bạch các tỳ-kheo:

«Đại đức, chúng con nghe pháp bát thánh đạo.»

Khi ấy không có mặt người nam có hiểu biết, tỳ-kheo có tâm dè dặt, không nói pháp bát thánh đạo. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo, không có mặt người nam có hiểu biết, được nói pháp bát thánh đạo cho người nữ.»

Khi ấy có các người nữ bạch với các tỳ-kheo:

«Đại đức, xin ngài vì con nói mười pháp bất thiện.»

Khi ấy không có mặt người nam có hiểu biết, tỳ-kheo có tâm dè dặt, không nói pháp mười bất thiện. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo, không có mặt người nam có hiểu biết, được nói pháp mười bất thiện cho người nữ.»

Khi ấy có các người nữ bạch các tỳ-kheo:

«Đại đức, vì chúng con nói mười pháp thiện.»

Khi ấy không có mặt người nam có hiểu biết, tỳ-kheo có tâm dè dặt, không nói mười pháp thiện. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo, không có mặt người nam có hiểu biết, được nói mười pháp thiện cho người nữ.»

Khi ấy có những người nữ đến vấn nghĩa các tỳ-kheo. Tỳ-kheo có tâm dè dặt, không nói pháp mười bất thiện. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo, không có mặt người nam có hiểu biết, các tỳ-kheo được trả lời sự vấn nghĩa của người nữ. Nếu họ không hiểu nên vì họ nói rộng ra.»

Từ nay về sau, muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời, trừ có mặt người nam có hiểu biết, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Người nữ: nghĩa cũng như trên

Năm lời: sắc vô ngã; thọ, tưởng, hành, thức vô ngã.

Sáu lời: mắt vô thường; tai, mũi, lưỡi, thân, ý vô thường.

Người nam có hiểu biết: hiểu rõ việc thô ác hay không thô ác.

Tỳ-kheo nói pháp cho người nữ quá năm sáu lời, trừ có mặt người nam có trí, nói rõ ràng phạm ba-dật-đề, không rõ ràng phạm đột-kiết-la.

Đối với thiếu nữ, a-tu-la nữ, long nữ, dạ-xoa nữ, càn-thất-bà nữ, ngạ quỷ nữ, súc sanh cái có thể biến hóa, vì chúng nói pháp quá năm sáu lời, rõ ràng hay không đều phạm đột-kiết-la.

Trong loài súc [641a1] sanh, loài không thể biến hóa, vì chúng nó nói quá năm sáu lời đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức xoa ma na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: chỉ nói năm sáu lời, nếu nói quá mà có mặt người nam có hiểu biết. Không có mặt người nam có hiểu biết mà trao năm giới cho ưu-bà-di, nói pháp năm giới, trao pháp bát quan trai, nói pháp bát quan trai, nói bát chánh đạo, nói pháp thập bất thiện, và người nữ vấn nghĩa, không có mặt người nam có hiểu biết vẫn được trả lời. Nếu họ không hiểu được, vì họ nói rộng ra. Hoặc nói đùa giỡn, nói vội vàng, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này lại nói việc khác. Tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

X. ĐÀO PHÁ ĐẤT[591]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở thành Khoáng dã. Bấy giờ nhóm sáu tỳ-kheo vì đức Phật sửa chữa giảng đường, đào đất xung quanh giảng đường[592]. Các cư sĩ thấy chê bai: «Sa-môn Thích tử không biết xấu hổ, đoạn mạng sống của kẻ khác; bên ngoài tự xưng là ta biết chánh pháp, cứ xem việc hôm nay, có gì là chánh pháp? Tự mình đào đất, đoạn mạng sống của các loài khác!»

Các tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, khiển trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao vì đức Phật sửa chữa giảng đường mà lại tự tay đào đất để các trưởng giả cơ hiềm?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh

tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao lại tự mình đào đất, khiến cho các trưởng giả cơ hiềm?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo, rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

«Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, tự tay đào đất, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy.

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo sửa chữa giảng đường, chỉ sai người đào đất, bảo rằng: «Đào chỗ này, bỏ chỗ này.» Các trưởng giả thấy rồi cơ hiềm: «Sao sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, bảo người đào đất đoạn mạng sống của loài khác, không có từ tâm. Bên ngoài tự xưng là ta biết chánh pháp, cứ xem việc hôm nay, có gì là chánh pháp? »

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, khiển trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Tại sao sửa chữa giảng đường của Phật, lại chỉ sai người đào đất, bảo rằng: ‹Đào chỗ này, bỏ chỗ này;› khiến cho các trưởng giả cơ hiềm?»

Quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, vị thiểu dục đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao sửa chữa giảng

đường lại chỉ sai người đào đất, bảo rằng: ‹Đào chỗ này, bỏ chỗ này;› khiến cho các trưởng giả cơ hiềm?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo, rồi bảo các tỳ-kheo rằng:

«Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới»:

Tỳ-kheo nào, tự tay đào đất, hoặc sai người đào[593], ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Đất: đất đã đào hay đất chưa đào[594]. Nếu đất đào rồi trải qua bốn tháng mưa thấm trở lại như cũ, hoặc lấy bừa bừa, hoặc dùng xuổng đào, hoặc dùng vồ đập, hoặc dùng liềm, dao cắt; cho đến dùng móng tay bấm làm cho đất bị tổn thương, tất cả đều phạm ba-dật-đề. Lấy nọc đóng vào đất, ba-dật-đề. Đốt lửa trên đất, ba-dật-đề. Đất hay có ý tưởng là đất, ba-dật-đề. Nếu không dạy rằng: «Xem cái này, biết cái này![595]» phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu có nói, «xem cái này, biết cái này!» Hoặc kéo cây, kéo tre, hoặc rào ngã đỡ lên; hoặc lật đá để lấy phân; hoặc bờ đất bị sập; hoặc lấy đất ổ chuột; hoặc dọn đất nơi chỗ đi kinh hành; hoặc dọn đất trong nhà; hoặc dọn chỗ tới lui kinh hành; hoặc quét đất; hoặc cây tích trượng chống xuống đất; hoặc không cố ý đào. Tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách[596].

---o0o---

XI. PHÁ HOẠI THỰC VẬT[597]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở thành Khoáng dã. Thế tôn vì nhơn duyên trên tập hợp các Tăng tỳ-kheo, bảo rằng:

«Có một tỳ-kheo ở nơi Khoáng dã, khi sửa chữa phòng ốc, cố ý tự tay mình chặt cây phải không?»

Thưa:

«Bạch đức Thế tôn, thật vậy, có chặt.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao sửa chữa phòng ốc lại tự tay chặt cây? »

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, phá hoại mầm giống thực vật[598], ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Thực vật (quỷ): không phải loài người.

Mầm giống (thôn): chỉ chung cho tất cả cỏ cây. Chặt đốn cho nó ngã xuống nên gọi là phá hoại.

Mầm giống (thôn) có năm loại: củ, nhánh, lóng, phú la, hạt[599].

- Củ: như loại ha-lê-đà, củ gừng, ưu-thi-la, mậu-tha-trí-tra, lư-kiện-đà-lâu và các loại củ khác có thể sanh ra mầm cây[600].

- Nhánh: như loại liễu, xá-ma-la, bà-hê-tha[601] và các loại nhánh khác có thể sanh ra cây con.

- Lóng: như loại hoa tô-man-na, tô-la-bà, bồ-hê-na, la-lặc-liệu[602] và các loài từ lóng khác có khả năng sanh ra cây.

- Phú la[603]: như loại cây mía, tre, lau, củ ngó[604] và các loại phú-la khác có thể sanh ra cây.

- Hạt: như các loại hột sinh ra cây.

Các loài đang có sự sống hay tưởng đang có sự sống, tự mình cắt đứt sự sống, hoặc sai người khác chặt đứt sự sống, hoặc tự tay sao, hoặc sai người sao, hoặc tự tay nấu, hoặc sai người nấu, ba-dật-đề.

Nếu nghi đang có sự sống, tự tay chặt đứt, sai người chặt đứt sự sống; tự mình sao, sai người sao, tự tay nấu, sai người nấu, đột-kiết-la.

Đang có sự sống tưởng là chẳng có sự sống, tự tay chặt đứt, sai người chặt đứt sự sống, cho đến nấu, đột-kiết-la.

Chẳng có sự sống tưởng là có sự sống, tự tay chặt đứt, sai người chặt đứt sự sống, cho đến nấu, cũng phạm đột-kiết-la.

Chẳng có sự sống mà nghi, tự tay chặt đứt, [642a1] sai người chặt đứt sự sống, cho đến nấu, cũng phạm đột-kiết-la.

Cỏ cây bảy thứ sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, xanh nhạt, tía. Cây cỏ đang tươi sống khởi ý nghĩ cây cỏ tươi sống, tự tay chặt đứt, sai người chặt đứt, cho đến nấu, ba-dật-đề.

Nghi là cây cỏ đang tươi sống, tự tay chặt, sai người chặt, cho đến nấu, ba-dật-đề.

Cây cỏ đang tươi sống tưởng chẳng phải cây cỏ tươi sống, tự tay chặt, sai người chặt, cho đến nấu, đột-kiết-la.

Chẳng phải cây cỏ đang tươi sống tưởng là cây cỏ tươi sống, tự mình chặt, sai người chặt, cho đến nấu, đột-kiết-la.

Nghi là chẳng phải cây cỏ đang tươi sống, tự tay chặt, sai người chặt, cho đến nấu, đột-kiết-la.

Đóng nọc trên cây ba-dật-đề. Dùng lửa đốt trên cây cỏ đang tươi sống, ba-dật-đề. Chặt cây cỏ đa phần đang tươi sống, ba-dật-đề. Chặt cây cỏ phân nửa khô, phân nửa đang tươi sống, đột-kiết-la. Nếu không nói: ‹Xem cái này, biết cái này!› đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: có nói, ‹xem đây, biết đây!› nếu chặt cây cỏ khô héo vì dọn rào dậu, dẹp đá gạch nên kéo cành tre, cày trên cỏ cây tươi sống; hoặc vì lấy phân, hoặc cỏ bò lấp đường dùng gậy vẹt cho trống để đi; hoặc dùng gạch đá làm trụ mà thương tổn đến cây cỏ; hoặc dọn đất đi kinh hành; hoặc quét chỗ thường đi tới đi lui; hoặc nhầm cỏ cây sống mà chặt, hoặc dùng cây gậy chống xuống đất mà cây cỏ bị đứt tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XII. NÓI QUANH[605]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở vườn Cù-sư-la, tại Câu-thiểm-tỳ.

Bấy giờ, Tôn giả tỳ-kheo Xiển-đà[606] phạm tội. Các tỳ-kheo hỏi:

«Thầy có tự biết là mình phạm tội không?»

Xiển-đà đem những việc khác để trả lời với các tỳ-kheo:

«Thầy nói với ai vậy? Nói chuyện gì? Luận bàn về lý lẽ gì? Nói với tôi hay nói với ai? Ai phạm tội vậy? Tội do đâu sanh? Tôi không thấy tội. Sao nói tôi có tội?»

Các tỳ-kheo nghe. Lúc ấy, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, cơ hiềm tỳ-kheo Xiển-đà:

«Tại sao thầy tự biết phạm tội, mà khi các tỳ-kheo hỏi, lại đem các việc khác để trả lời với các tỳ-kheo, rằng: ‹Thầy nói với ai vậy? Nói chuyện gì? Luận bàn về lý lẽ gì? Nói với tôi hay nói với ai? Ai phạm tội vậy? Tội do đâu sanh? Tôi không thấy tội. Sao nói tôi có tội?›»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo Xiển-đà:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Này Xiển-đà tỳ-kheo, tại

sao ông phạm tội, khi các tỳ-kheo hỏi: ‹Thầy tự biết có tội không?› ông lại đem những việc khác để trả lời với các tỳ-kheo rằng: ‹Thầy nói với ai vậy? Nói chuyện gì? Luận bàn về lý lẽ gì? Nói với tôi hay nói với ai? Ai phạm tội vậy? Tội do đâu sanh? Tôi không thấy tội, sao nói tôi có tội?›»

Bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Xiển-đà tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

Từ nay về sau cho phép Tăng tác bạch rồi nên gọi đương sự làm pháp dư ngữ[607] . Nên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Xiển-đà này phạm tội. Các tỳ-kheo hỏi, ‹thầy có tự biết là mình phạm tội không?› Xiển-đà đem những việc khác để trả lời với các tỳ-kheo, ‹thầy nói với ai vậy? Nói chuyện gì? Luận bàn về lý lẽ gì? Nói với tôi hay nói với ai? Ai phạm tội vậy? Tội do đâu sanh? Tôi không thấy tội, sao nói tôi có tội?› Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sẽ gọi Xiển-đà tỳ-kheo đến làm pháp dư ngữ. Đây là lời tác bạch[608].»

«Tác bạch như vậy gọi là pháp dư ngữ.»

«Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, nói dư ngữ, ba-dật-đề.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy.

Bấy giờ Tôn giả tỳ-kheo Xiển-đà bị chúng Tăng cấm chế không được nói dư ngữ, sau đó lại gây phiền nhiễu chúng Tăng bằng cách kêu đến thì không đến, không kêu lại đến; nên đứng lên thì không đứng lên, không nên đứng lên lại đứng lên; nên nói thì không nói, không nên nói lại nói.

Các tỳ-kheo nghe vậy, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, cơ hiềm Xiển-đà tỳ-kheo: «Tại sao sau khi chúng Tăng tác pháp dư ngữ rồi lại cố ý gây phiền nhiễu chúng Tăng bằng cách kêu đến thì không đến, không kêu lại đến; nên đứng lên thì không đứng lên, không nên đứng lên lại đứng lên; nên nói thì không nói, không nên nói lại nói?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo Xiển Đà:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Này Xiển-đà tỳ-kheo, tại sao sau khi chúng Tăng chế cấm tác pháp dư ngữ, rồi lại cố ý gây phiền nhiễu chúng Tăng bằng cách kêu đến thì không đến, không kêu lại đến; nên đứng lên thì không đứng lên, không nên đứng lên lại đứng lên; nên nói thì không nói, không nên nói lại nói?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Xiển-đà tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, bạch rồi, gọi tỳ-kheo Xiển-đà đến tác pháp xúc não[609] như sau:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Xiển-đà, Tăng gọi đến tác pháp dư ngữ rồi lại xúc não chúng Tăng bằng cách kêu đến không đến, không kêu lại đến; nên đứng lên không đứng lên, không nên đứng lên lại đứng lên; nên nói không nói, không nên nói lại nói. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, chế cấm tỳ-kheo Xiển-đà gọi là tác pháp xúc não. Đây là lời tác bạch.

«Bạch như vậy rồi, gọi là tác pháp xúc não.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, nói dư ngữ và gây phiền nhiễu người khác, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Dư ngữ[610] : Tăng chưa tác bạch mà nói lãng, như nói, «Thầy nói với ai? Nói chuyện gì? Bàn luận chuyện gì? Nói với tôi hay nói với ai? Tôi không thấy tội này.» Nói như vậy đều phạm đột-kiết-la. Nếu tác bạch rồi mà nói như vậy, tất cả đều phạm ba-dật-đề.

Gây phiền nhiễu[611] : Nếu trước khi tác bạch, gọi đến thì không đến, không gọi mà đến; nên đứng lên thì không đứng lên, không nên đứng lên lại đứng lên; nên nói thì không nói, không nên nói lại nói; tất cả đều phạm đột-kiết-la. Nếu bạch rồi mà nói như vậy, tất cả đều phạm ba-dật-đề. Nếu Thượng tọa kêu đến mà không đến, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nghe lại lời nói trước không hiểu vì có sự mập mờ, cho nên hỏi lại: «Thầy nói với ai?.. cho đến, Tôi không thấy tội này.»

Nếu vì sự tác yết-ma phi pháp, yết-ma phi tỳ-ni; hoặc Tăng, hoặc chùa tháp, hoặc Hòa thượng, đồng Hòa thượng, hoặc A-xà-lê, đồng A-xà-lê, hoặc tri thức quen biết cũ, [643a1] muốn làm yết-ma không lợi ích, không đem lại sự hòa hợp, khi ấy gọi đến mà không đến, thì không phạm.

Nếu vì sự tác yết-ma phi pháp, yết-ma phi tỳ-ni; hoặc Tăng, hoặc chùa tháp, hoặc Hòa thượng, đồng Hòa thượng, hoặc A-xà-lê, đồng A-xà-lê, hoặc tri thức quen biết cũ, muốn làm

yết-ma không lợi ích, khi ấy muốn biết lời dạy, tuy bảo đừng đến, mình lại đến, mà không phạm.

Hoặc nhất tọa thực, hoặc không tác pháp dư thực mà ăn, hoặc bệnh, tuy được bảo đứng lên mà không đứng lên, vẫn không phạm.

Hoặc nhà bị sập đổ, hoặc bị cháy, hoặc rắn độc vào nhà, hoặc gặp giặc, hoặc hổ lang, sư tử, hoặc bị cường lực bắt dẫn đi, hoặc bị người khác trói, hoặc mạng nạn, hoặc phạm hạnh nạn; tuy bảo đừng đứng lên mà đứng lên, thì không phạm.

Hoặc được người hỏi với ác tâm, hoặc hỏi pháp thượng nhơn, bảo, «Thầy hãy nói điều nay»; khi ấy không nói mà không phạm.

Hoặc khi tác yết-ma phi pháp, yết-ma phi tỳ-ni; hoặc Tăng, hoặc chùa tháp, hoặc Hòa thượng, đồng Hòa thượng, hoặc A-xà-lê, đồng A-xà-lê, hoặc tri thức quen biết cũ, muốn làm yết-ma không lợi ích; khi ấy bảo đừng nói mà nói, không phạm.

Hoặc nói nhỏ, hoặc nói vội vàng, hoặc nói trong mộng, hoặc nói một mình, hoặc muốn nói việc này nhầm nói việc kia thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XIII. NÓI XẤU TĂNG SAI[612]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt.

Bấy giờ, tôn giả Đạp-bà-ma-la Tử[613] được Tăng sai phụ trách việc phân phối ngọa cụ cho Tăng và thỉnh Tăng đi thọ thực. Khi ấy, các tỳ-kheo Từ và Địa[614], đứng nơi khoảng cách Tôn giả trong tầm mắt thấy mà tai không nghe, cùng nhau bàn nói: «Đạp-bà-ma-la Tử có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.»

Các tỳ-kheo nói:

«Đạp-bà-ma-la Tử này được chúng giao phụ trách việc phân phối ngọa cụ cho Tăng và mời Tăng đi thọ thực. Các thầy chớ nên nói tôn giả là người có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.»

Tỳ-kheo Từ và Địa trả lời:

«Chúng tôi không nói trước mặt mà cơ hiềm nơi chỗ khất kín[615].»

Các tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách tỳ-kheo Từ, Địa:

«Tôn giả Đạp-bà-ma-la Tử này được chúng giao phụ trách việc phân phối ngọa cụ cho Tăng và mời Tăng đi thọ thực. Sao các thầy lại nói Tôn giả là người có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo Từ, Địa:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Thế nào, tỳ-kheo Từ, Địa! Đạp-bà-ma-la Tử này được chúng giao phụ trách việc phân phối ngọa cụ cho Tăng và mời Tăng đi thọ thực; sao

các ngươi lại nói ông ấy là người có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Từ, Địa rồi bảo các tỳ-kheo:

«Tỳ-kheo Từ, Địa này là người ngu si, trồng nhiều giống hữu lậu, lần đầu tiên phạm giới này[616]. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp cửu trú.»

Muôn nói giới, nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào biếm nhẽ, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Các tỳ-kheo Từ, Địa sau đó lại tạo phương tiện khác. Ở chỗ Đạp-bà-ma-la Tử mà nghe nhưng không thấy, họ nói với nhau: «Đạp-bà-ma-la Tử này là người có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.»

Các tỳ-kheo nói với Từ, Địa rằng:

«Phật há đã không chế giới rằng, biếm nhẽ[617] là phạm Ba-dật-đề hay sao?» Tỳ-kheo Từ, Địa trả lời:

«Chúng tôi không biếm nhẽ, mà là mạ lị. »[618]

Các tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, chỉ trích tỳ-kheo Từ, Địa rằng:

«Tôn giả Đạp-bà-ma-la Tử này được chúng giao phụ trách việc phân phối ngọa cụ cho Tăng và mời Tăng đi thọ thực, sao các thầy lại mạ lị tôn giả? »

Các tỳ-kheo quở trách rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo Từ, Địa:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Đạp-bà-ma-la Tử này được chúng giao phụ trách việc phân phối ngọa cụ cho Tăng và mời Tăng đi thọ thực, sao các ông lại mạ lị.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Từ, Địa rồi bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới:

Tỳ-kheo nào, biếm nhẽ và mắng chửi, ba-dật-đề[619].

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Hoặc biếm nhẽ trước mặt, hoặc mạ lị sau lưng.

- Biếm nhẽ trước mặt: là đứng nơi địa điểm có thể thấy mà không nghe, mà nói «có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.»

- Mạ lị sau lưng: là đứng nơi chỗ tai có thể nghe, mắt không thấy, mà nói «có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.» Tỳ-kheo chê bai và mắng chửi tỳ-kheo, nói rõ ràng phạm ba-dật-đề, nói không rõ ràng đột-kiết-la. Nếu Thượng tọa bảo người chê bai và mắng chửi, nếu nhận lời chê bai và mắng chửi, thì phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: người kia thật có việc như vậy, tức là có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh. Sợ sau đó có sự hối hận nên nói để khiến như pháp mà phát lồ; khi ấy nói, «có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh,» thì không phạm. Hoặc nói vui chơi, nói một mình, nói trong

mộng, muốn nói việc này lại nhầm nói việc khác thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XIV. TRẢI TOẠ CỤ TĂNG KHÔNG CẤT[620]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một trưởng giả muốn thỉnh chúng Tăng dùng cơm. Trong thời gian chờ đợi cho đến giờ ăn, lúc ấy có nhóm mười bảy tỳ-kheo mang tọa cụ của Tăng đem trải nơi đất trống, rồi kinh hành, chờ đến giờ ăn. Khi đến giờ, không thu dọn tọa cụ của Tăng, liền đến chỗ mời ăn, nên tọa cụ của Tăng bị gió thổi, bụi đất phủ lên, trùng chim cắn phá hư hại, nhơ nhớp không sạch.

Các tỳ-kheo thọ thực xong trở về trong Tăng-già-lam, thấy tọa cụ của Tăng bị gió thổi, bụi đất phủ lên, trùng chim cắn phá hư hại, ô uế không sạch, liền hỏi rằng:

«Ai đã trải tọa cụ của Tăng mà bỏ đi không thu dọn, khiến gió thổi, bụi đất phủ lên, trùng chim cắn phá hư hại, nhơ nhớp không sạch?»

Chư Tăng nói:

«Nhóm mười bảy tỳ-kheo trải đó.»

Trong số các tỳ-kheo nghe đó, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, cơ hiềm nhóm mười bảy tỳ-kheo:

«Sao các ông trải tọa cụ của Tăng mà bỏ đi không thu dọn, để gió thổi, bụi đất phủ lên, trùng chim cắn phá hư hại, nhơ nhớp không sạch thế này?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm mười bảy tỳ-kheo rằng:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các ông mang tọa cụ của Tăng trải mà bỏ đi không thu dọn, gió thổi, bụi đất phủ lên, trùng chim cắn phá hư hại, nhơ nhớp không sạch?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm mười bảy tỳ-kheo rồi bảo các tỳ-kheo:

«Đây là những người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, mang giường giây, giường cây, hoặc ngọa cụ, đệm ngồi[621] của Tăng, bày nơi đất trống hoặc bảo người bày, khi bỏ đi không tự mình dọn cất, không sai người dọn cất, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Vật của chúng Tăng, dành cho Tăng, thuộc về Tăng.

- Vật của Tăng: vật đã xả [644a1] cho Tăng.

- Vật dành cho Tăng: vật vì Tăng mà làm nhưng chưa xả cho Tăng.

- Vật thuộc về Tăng: vật đã nhập vào Tăng, đã xả cho Tăng.

Giường dây :[622] có năm loại, giường nằm chân xoay, giường nằm chân thẳng, giường nằm chân cong, giường nằm ráp mộng, giường nằm không có chân.

Giường cây[623]: cũng như vậy.

Ngọa cụ: hoặc dùng để ngồi, hoặc dùng để nằm.

Đệm: dùng để ngồi.

Nếu tỳ-kheo đem giường nằm, ghế ngồi, ngọa cụ, nệm ngồi của Tăng bày nơi đất trống, hoặc bảo người bày; khi đi, nếu ở đó có cựu trú tỳ-kheo hoặc Ma-ma-đế[624], hoặc người quản sự[625], nên nói, «Nay tôi giao cho ông. Ông coi sóc giữ gìn cho.» Nếu không có người nào thì phải dọn cất nơi chỗ vắng rồi đi. Nếu không có chỗ vắng, mà tự biết chỗ đó không bị phá hoại, được an ổn, thì lấy cái thô (xấu) phủ lên trên cái tốt rồi đi. Nếu đi rồi về lại liền thì đi. Nếu mưa gấp về gấp, tọa cụ không bị hư hoại thì nên đi. Nếu mưa vừa, vừa về lại kịp thì nên đi. Nếu mưa lâm râm đi một chút về kịp thì nên đi. Vị Tỳ-kheo kia nên tuần tự làm theo phương tiện như vậy rồi đi. Không theo phương tiện như vậy mà đi; khi bắt đầu ra khỏi cửa, ba-dật-đề. Nếu một chân trong cửa, một chân ngoài cửa, ý muốn đi mà không đi lại hối hận, tất cả đều đột-kiết-la.

Nếu hai người cùng ngồi trên giường nằm, ghế ngồi, vị hạ tọa phải thu dọn rồi đi. Hạ tọa nếu có ý nghĩ là để Thượng tọa dọn cất, nhưng cuối cùng Thượng tọa không dọn cất thì hạ tọa phạm ba-dật-đề và còn trái với oai nghi nên phạm thêm đột-kiết-la. Thượng tọa có ý nghĩ là để hạ tọa dọn cất, hạ tọa không dọn cất thì Thượng tọa phạm ba-dật-đề.

Nếu hai người đồng đi một lượt, không ai trước ai sau mà không dọn cất thì cả hai đều phạm ba-dật-đề. Ngoài ra cho đến giường giây, giường nằm, ghế ngồi, ghế dựa để tắm, hoặc lớp trong hay lớp ngoài của ngọa cụ, hoặc đồ trải đất,

hoặc lấy dây buộc bằng lông hay dây gai bỏ nơi đất không thu dọn mà bỏ đi, tất cả phạm đột-kiết-la. Nếu trải ngọa cụ của Tăng nơi đất, không thu dọn mà vào phòng ngồi tư duy cũng phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la, đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu lấy giường giây, giường cây, ghế ngồi hoặc ghế dựa, ngọa cụ, nệm ngồi của Tăng, tự mình bày nơi đất, hoặc sai người bày, khi đi có nói với vị cựu trú, hoặc Ma-ma-đế, người quản sự, giữ gìn vật này thu dọn giúp. Nếu không có ai thì thu xếp nơi chỗ vắng rồi đi. Nếu không có chỗ vắng an toàn mà tự mình biết chỗ nào đó không bị quên mất, không sợ hư nát thì dùng vật thô phủ lên trên vật tế mà đi. Nếu đi rồi trở về liền, hoặc gặp mưa to gió lớn, đi gấp về gấp được, hoặc mưa vừa vừa, vừa đi vừa trở về, hoặc mưa lâm râm đi thong thả trở về kịp, theo thứ tự phương tiện rồi đi thì không phạm.

Hoặc bị thế lực trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, không làm theo thứ tự như vậy, thì không phạm. Hoặc hai người cùng ngồi trên một giường giây, vị hạ tọa thu dọn. Ngoài ra cho đến các loại giường không khác như giường cây, giường dây, ghế ngồi, ghế dựa, ghế ngồi tắm, hoặc lớp trong hay lớp ngoài của ngọa cụ, hoặc đồ trải đất, dây buộc lông mịn, bỏ nơi đất thu dọn mà đi. Hoặc nơi đất trống trải tọa cụ của Tăng, thu dọn rồi vào phòng tư duy thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XV. TRẢI NGỌA CỤ TRONG PHÒNG TĂNG[626]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có vị tỳ-kheo khách nói với các vị tỳ-kheo cựu trú rằng:

«Tôi trải ngọa cụ trong phòng của Tăng kế bên để nghỉ.»

Sau đó, không nói với vị tỳ-kheo cựu trú mà đi. Ngọa cụ của Tăng bị hư mục, trùng kiến cắn biến sắc. Trong những lúc tiểu thực, đại thực, nói pháp ban đêm, nói giới, vị cựu trú tỳ-kheo không thấy vị khách tỳ-kheo có mặt, nên vị tỳ-kheo cựu trú nghĩ: «Sao không thấy vị tỳ-kheo khách? Phải chăng vị ấy qua đời, hoặc đi xa, hoặc trả lại giới để làm bạch y, hoặc bị cướp bắt, hoặc bị ác thú ăn, hoặc bị nước trôi?» Vị cựu trú liền đến phòng đó, thấy ngọa cụ của chúng Tăng bị hư mục, trùng kiến cắn biến sắc. Thấy như vậy rồi, vị cựu trú hiềm trách vị tỳ-kheo khách kia rằng:

«Sao tỳ-kheo khách nói với tôi là dùng ngọa cụ của chúng Tăng trải trong phòng kế bên để ngủ, khi ra đi lại không nói với tôi, khiến cho tọa cụ của chúng Tăng bị trùng kiến cắn phá biến sắc hư mục?»

Trong số các tỳ-kheo nghe, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, cơ hiềm tỳ-kheo khách kia rằng:

«Sao khách tỳ-kheo nói với cựu trú tỳ-kheo là lấy ngọa cụ của chúng Tăng trải trong phòng kế bên để ngủ, khi ra đi lại không nói với tôi, khiến cho tọa cụ của chúng Tăng bị trùng kiến cắn phá biến sắc hư mục?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo khách:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao ông ta bày ngọa cụ của

chúng Tăng trải trong phòng kế bên để ngủ, khi ra đi lại không nói với cựu trú tỳ-kheo, khiến cho tọa cụ của chúng Tăng bị trùng kiến cắn phá biến sắc hư mục?»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo khách, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, ở trong phòng của Tăng, trải ngọa cụ của Tăng, hoặc tự mình trải, hoặc bảo người trải, hoặc ngồi, hoặc nằm, khi đi không tự dọn cất, không bảo người dọn cất, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên

Vật của chúng Tăng: Như trước đã nói.

Ngọa cụ, giường nằm, ghế ngồi, đệm nằm, tọa cụ, gối, đồ trải dưới đất, cho đến đồ nằm bằng lông, mà tỳ-kheo kia nếu muốn trải ngọa cụ của chúng Tăng trong phòng của Tăng, hoặc tự mình trải, bảo người trải, hoặc ngồi, hoặc nằm, khi đi không tự dọn cất, không sai người dọn cất. Trong đó, nếu có cựu trú tỳ-kheo, có người kinh doanh, hoặc Ma-ma-đế, nên nói, «dọn cất giùm tôi.» Trong trường hợp không có người để giao phó mà không sợ mất, nên di chuyển giường ra cách vách, kê chân giường lên cao, đem gối, nệm, ngọa cụ để bên trong, rồi lấy ngọa cụ khác phủ lên trên mà đi. Nếu sợ bị hư hoại thì nên lấy ngọa cụ, nệm kết lông, gối, máng, lên trên giá móc áo, dựng đứng giường

lên mà đi. Tỳ-kheo kia nên làm như vậy rồi mới đi. Nếu không làm như vậy mà đi, ra ngoài giới, phạm ba-dật-đề.

Một chân ngoài giới, một chân trong giới, rồi ăn năn không đi, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Nếu tính đi mà không đi, đột-kiết-la. Nếu đi rồi về liền, hoặc hai đêm ở ngoài giới, đến đêm thứ ba, bình minh chưa xuất hiện, hoặc tự mình về trong phòng, hoặc sai người đến, hoặc nói với Ma-ma-đế, hoặc vị tri sự rằng, «thầy coi chừng vật này.» Nếu tỳ-kheo đi ra, ngủ ngoài giới hai đêm, đến đêm thứ ba khi bình minh chưa xuất hiện, không tự mình về trong phòng, không sai người nói: «Thầy coi chừng vật này,» phạm ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu tự tay trải ngọa cụ của chúng Tăng, hoặc sai người trải để ngồi hoặc nằm. Khi đi nơi đó có cựu trú tỳ-kheo hoặc Ma-ma-đế, hoặc vị tri sự, [645a1] nói rằng: «Thầy coi chừng vật này; ở trong đây mà làm Ma-ma-đế.» Nếu không có người để giao phó mà đoán biết không bị hư hại thì dời giường cách vách, đem ngọa cụ gối, nệm để lên trên giường, phủ hai lớp rồi đi. Nếu sợ bị hư hoại thì nên đem ngọa cụ máng trên giá y, dựng đứng giường lên rồi đi, làm như vậy rồi đi thì không phạm.

Nếu phòng xá bị sập đổ, lửa cháy, rắn độc ở bên trong, trộm cướp, hổ lang, sư tử, kẻ có cường lực bắt, hoặc bị trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, hoặc không lâu sẽ trở ngại, hoặc ngủ ngoài giới hai đêm, đến đêm thứ ba, bình minh chưa xuất hiện, tự mình về hoặc sai người nói với cựu trú tỳ-kheo, «Thầy coi chừng vật này mà làm Ma-ma-đế.» Hoặc bị thủy đạo trở ngại, hoặc trên tuyến đường có giặc cướp, hổ lang, sư tử, hoặc nước lụt, bị kẻ thế lực cầm giữ, hoặc bị trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, mà hai đêm ở ngoài giới, đến đêm thứ ba, bình minh đã xuất hiện tự mình không đến được, không thể sai người đến nói: «Thầy coi chừng vật này mà làm Ma-ma-đế giùm tôi.› Tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XVI. CHEN LẤN CHỖ NGỦ[627]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo[628] và nhóm mười bảy tỳ-kheo ở tại nước Câu-tát-la, trên tuyến đường đi đến nơi tụ lạc khác, nơi đó không có trú xứ của tỳ-kheo. Lúc này, nhóm mười bảy tỳ-kheo nói với nhóm sáu tỳ-kheo rằng:

«Các thầy hãy đi trước tìm chỗ nghỉ ngơi.»

Nhóm sáu tỳ-kheo nói rằng:

«Các ông tự đi tìm. Chúng tôi dính gì đến việc các ông?»

Nhóm sáu tỳ-kheo là bậc Thượng tọa của nhóm mười bảy tỳ-kheo, nên nhóm mười bảy mới thưa với nhóm sáu tỳ-kheo như vầy:

«Các thầy là Thượng tọa đối với chúng con. Thượng tọa nên tìm nơi nghỉ trước. Chúng con sẽ tìm sau.»

Nhóm sáu tỳ-kheo bảo:

«Các ông hãy đi. Chúng tôi không cần tìm chỗ nghỉ.»

Lúc ấy, nhóm mười bảy tỳ-kheo liền đi tìm nơi để nghỉ. Tìm xong, tự trải ngọa cụ nghỉ ngơi. Nhóm sáu tỳ-kheo biết nhóm mười bảy tỳ-kheo đã tìm ra được chỗ nghỉ và đã trải ngọa cụ rồi, đến bảo rằng:

«Các ông đứng lên. Phải theo thứ tự lớn nhỏ mà nghỉ ngơi.»

Nhóm mười bảy nói:

«Chúng con không thể đứng lên để nhường cho các thầy được.»

Nhóm sáu hỏi rằng:

«Các ông nay bao nhiêu tuổi?»

Nhóm mười bảy thưa:

«Các trưởng lão thật sự là bậc Thượng tọa của chúng con. Trước đây, chúng con đã thưa với các trưởng lão là đi tìm nơi nghỉ ngơi trước. Sau đó, chúng con sẽ tìm chỗ nghỉ ngơi. Nay chúng con tìm rồi, không thể nào dời đi được.»

Khi ấy nhóm sáu tỳ-kheo cưỡng bức, trải tọa cụ vào giữa để ngủ. Nhóm mười bảy tỳ-kheo lớn tiếng la rằng:

«Chư tôn đừng làm vậy! Chư tôn đừng làm vậy! »

Lúc ấy, các tỳ-kheo nghe được. Trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, cơ hiềm nhóm sáu tỳ-kheo rằng:

«Này nhóm sáu tỳ-kheo, sao nhóm mười bảy tỳ-kheo tìm chỗ nghỉ trước, các thầy đến sau lại cưỡng bức trải ngọa cụ vào giữa để ngủ?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Này nhóm sáu tỳ-kheo, sao nhóm mười bảy tỳ-kheo tìm chỗ nghỉ trước, các thầy đến sau lại cưỡng bức trải ngọa cụ vào giữa để ngủ?»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, nơi chỗ nghỉ của tỳ-kheo đã đến trước, mình đến sau cố chen vào khoảng giữa trải ngọa cụ để nghỉ, với ý nghĩ rằng: ‹người kia nếu hiềm chật thì tự tránh đi nơi khác;› hành động với nhơn duyên như vậy chứ không gì khác, chẳng phải oai nghi, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ các tỳ-kheo không biết trước đó chỗ này đã có vị nào tìm nghỉ hay chưa tìm nghỉ, sau đó mới biết là có người tìm trước, nên tác pháp sám hối ba-dật-đề, hoặc có ý dè dặt. Phật dạy:

«Không biết thì không phạm.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, đã biết đó là chỗ nghỉ trước của tỳ-kheo, mình đến sau cố chen vào khoảng giữa trải ngọa cụ để nghỉ, với ý nghĩ rằng: ‹người kia nếu hiềm chật thì tự tránh đi nơi khác;› hành động với nhơn duyên như vậy chứ không gì khác, chẳng phải oai nghi, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Khoảng giữa: tức một bên đầu, một bên chân hay một bên của hai bên hông.

Ngọa cụ: trải cỏ, trải lá lên mặt đất, trải giạ để nằm.

Tỳ-kheo nào đã biết tỳ-kheo khác chọn chỗ nghỉ rồi, mình đến sau cố chen vào giữa trải ngọa cụ để nghỉ; tùy theo mỗi lần trở mình, hông dính giường, phạm ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la, đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trước không biết, hoặc nói với người nằm trước, hoặc cửa mở, hoặc nơi rộng rãi không trở ngại, hoặc có người thân cũ. Người thân cũ nói rằng: «Cứ trải bên trong ngủ đi. Tôi sẽ nói với người chủ cho.» Hoặc bị té xuống đất, hoặc bị bệnh xoay chuyển ngã lên trên. Hoặc bị thế lực bắt, hoặc bị trói nhốt, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XVII. ĐUỔI TỲ KHEO RA NGOÀI[629]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo và nhóm mười bảy tỳ-kheo từ thị trấn Khoáng dã nước Câu-tát-la, trên đường đi đến một trú xứ nhỏ[630]. Lúc ấy, nhóm mười bảy tỳ-kheo nói với nhóm sáu tỳ-kheo rằng:

«Quý trưởng lão tìm nơi trải ngọa cụ trước đi.»

Nhóm sáu bảo:

«Các ông cứ tự đi! Chúng tôi dính gì đến việc các ông?»

Nhóm sáu tỳ-kheo là bậc Thượng tọa đối với nhóm mười bảy tỳ-kheo, do vậy nhóm mười bảy thưa:

«Quý trưởng lão là bậc Thượng tọa của chúng con. Quý ngài nên đi trải ngọa cụ trước, chúng con sẽ trải sau.»

Nhóm sáu nói rằng:

«Các ông cứ đi. Chúng tôi không trải.»

Nhóm mười bảy tỳ-kheo thích sạch sẽ, vào chùa quét phòng xá cho sạch, trải ngọa cụ tốt, ngủ nghỉ ở đó.

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo biết nhóm mười bảy tỳ-kheo đã vào chùa quét dọn phòng xá sạch sẽ, trải ngọa cụ tốt rồi, liền vào phòng nói rằng:

«Trưởng lão, hãy đứng dậy. Theo thứ tự mà ngồi.»

Nhóm mười bảy tỳ-kheo thưa rằng:

«Chúng con không dậy.»

Nhóm sáu tỳ-kheo liền hỏi:

«Các ông nay bao nhiêu tuổi?»

Nhóm mười bảy tỳ-kheo thưa:

«Quý trưởng lão thật sự là bậc Thượng tọa đối với chúng con. Nhưng trước đây chúng con đã thưa, chư Thượng tọa hãy trải ngọa cụ trước. Chúng con theo thứ lớp sẽ trải sau. Nay chúng con đã ngồi rồi; không thể dậy được. Lúc này trời đã tối rồi, tất cả nên cùng ngủ đi.»

Lúc bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo với ý giận, không vui, dùng sức mạnh xô kéo nhóm mười bảy tỳ-kheo, đuổi họ ra khỏi phòng. Nhóm mười bảy tỳ-kheo cao giọng kêu la:

«Chư hiền, đừng làm vậy! Chư hiền, đừng làm vậy!»

Lúc ấy, có tỳ-kheo phòng gần nghe, liền hỏi:

«Các thầy cớ gì kêu to tiếng như vậy?»

Nhóm mười bảy tỳ-kheo trình bày đầy đủ sự việc. Trong số người nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các ngài giận, không vui, dùng sức mạnh xô kéo nhóm mười bảy tỳ-kheo, đuổi họ ra khỏi phòng của Tăng?»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ [646a1] dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Này nhóm sáu tỳ-kheo, tại sao các ông giận, không vui, dùng sức mạnh xô kéo nhóm mười bảy tỳ-kheo, đuổi họ ra khỏi phòng của Tăng?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, giận tỳ-kheo khác, không vui, tự mình kéo ra hay bảo người khác kéo tỳ-kheo ấy ra khỏi tăng phòng[631],ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tăng phòng: cũng như trước.

Tỳ-kheo nào giận tỳ-kheo khác, không vui, tự mình kéo hoặc bảo người kéo tỳ-kheo ấy ra khỏi phòng Tăng, tùy theo sự lôi kéo nhiều hay ít, tùy thuộc vào việc ra khỏi phòng, ba-dật-đề. Hoặc kéo nhiều người ra khỏi nhiều cửa, phạm nhiều ba-dật-đề. Hoặc kéo nhiều người ra một cửa, phạm nhiều ba-dật-đề. Hoặc kéo một người ra nhiều cửa, phạm nhiều ba-dật-đề. Hoặc kéo một người ra khỏi một cửa, phạm một ba-dật-đề. Nếu cầm đồ của người khác ra ngoài, phạm đột-kiết-la. Hoặc cầm đồ của người khác quăng ra ngoài cửa, phạm đột-kiết-la. Hoặc đóng cửa để người ở ngoài, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la, đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Không có tâm giận hờn, đi ra theo thứ tự; hoặc cùng ngủ hai đêm, đến đêm thứ ba bảo người chưa thọ giới đi ra; hoặc vì người phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc vì người bị cử tội, hoặc vì người bị tẩn, hoặc đang bị tẩn, vì những nhơn duyên như vậy, hay có mạng nạn, phạm hạnh nạn, đuổi hạng người như vậy thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XVIII. GHẾ NGỒI KHÔNG VỮNG[632]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có các tỳ-kheo ở trên lầu gác[633],ngồi trên giường chân ráp[634], không được an toàn lắm, phía dưới gác có tỳ-kheo đang ngủ. Vì sàn gác mỏng nên chân giường bị sút, rớt xuống trúng tỳ-kheo bên dưới bị

thương đến chảy máu. Tỳ-kheo bên dưới ngửa mặt lên giận dữ mắng:

«Tỳ-kheo gì mà ở tầng gác trên, ngồi trên giường chân ráp không an toàn khiến cho giường sút chân, đả thương thân tôi đến nỗi chảy máu?»

Các tỳ-kheo nghe được. Trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách tỳ-kheo kia, «Sao tỳ-kheo ở trên tầng gác, ngồi trên giường chân ráp không an toàn khiến chân giường sút ra, rớt trúng thân hình của tỳ-kheo kia làm bị thương đến chảy máu?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo kia rằng:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao tỳ-kheo ở trên tầng gác, ngồi trên giường chân ráp không an toàn khiến chân giường sút ra, rớt trúng thân hình của tỳ-kheo kia làm bị thương đến chảy máu?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo kia rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, hoặc trong phòng, hoặc trên tầng gác, nằm hay ngồi[635] trên giường, ghế bằng chân ráp, ba-dật đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nhà[636]: chỉ cho phòng Tăng hay phòng riêng.

Tầng gác[637]: người đứng dưới không đụng đầu.

Giường chân ráp: loại giường chân giáp vào lỗ mộng.

Tỳ-kheo ở trên tầng gác, hoặc ngồi hay nằm trên giường chân ráp, tùy thuộc vào hông dính nơi giường, hay tùy theo sự trở mình, phạm ba-dật-đề. Trừ giường chân ráp ra, hoặc giường độc tọa[638], hoặc giường một tấm ván, hoặc giường tắm[639], tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la, đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu ngồi giường chân xoay, giường chân thẳng, giường chân cong, giường không chân, hoặc giường chân lớn, hoặc giường chân ráp mà có cột cẩn thận, hoặc trên tầng gác có ván lót, hoặc cây chạm hoa để che, hoặc phủ dày, hoặc lật ngửa giường mà ngồi hay tháo chân giường mà ngồi, tất cả không phạm,

Người không phạm: phạm đầu tiên khi chưa kiết giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XIX. DÙNG NƯỚC CÓ TRÙNG[640]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở tại nước Câu-thiểm-di[641]. Bấy giờ có tỳ-kheo Xiển-đà[642] xây cất nhà lớn[643], tự mình lấy nước có trùng hòa vào bùn, và bảo người hòa. Các trưởng giả thấy thế hiềm trách rằng, «Sa-môn Thích tử không biết tàm quý, không có từ tâm, hại mạng chúng sanh. Bên ngoài tự nói, ta

tu chánh pháp, nếu nhìn vào việc hiện tại thì đó có chi gọi là chánh pháp? Dùng nước có trùng hòa vào bùn, và bảo người hòa, hại mạng chúng sanh.»

Trong các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Xiển-đà rằng: «Sao xây cất phòng ốc, lấy nước có trùng hòa vào bùn, hay bảo người hòa, hại mạng chúng sanh?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Xiển-đà rằng:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Này Xiển-đà! Sao xây cất phòng ốc, lấy nước có trùng hòa vào bùn, hay bảo người hòa, hại mạng chúng sanh?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Xiển-đà rồi bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, tự mình dùng nước có trùng hòa vào bùn, hoặc sai người hòa, ba-dật đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo trước đó chưa biết nước có trùng hay nước không có trùng, sau đó mới biết là nước có trùng, nên có vị làm pháp sám ba-dật-đề, hoặc có vị vì dè dặt. Phật dạy: «Không biết, không phạm.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, biết nước có trùng, mà tự mình rưới lên bùn[644] hoặc cỏ, hoặc bảo người rưới, ba-dật đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nếu biết nước có trùng, mà dùng cỏ hay đất ném vào trong đó, ba-dật-đề. Ngoài nước ra, nếu nước tương, nước tương trong[645], trong dấm, trong nước ngâm gạo mà có trùng, tự mình hoặc bảo người tưới lên bùn hoặc cỏ, ba-dật-đề.

Nếu tự mình hoặc bảo người dùng đất hoặc cỏ bỏ vào nước tương, nước tương trong, dấm, nước ngâm gạo mà có trùng, ba-dật-đề.

Nếu nước có trùng, tưởng là nước có trùng, ba-dật-đề. Nước có trùng mà nghi, đột-kiết-la. Nước không có trùng, tưởng là nước có trùng, đột-kiết-la. Nước không có trùng mà nghi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Không biết là có trùng; nghĩ rằng không có trùng; hoặc là trùng lớn, dùng tay khua động khiến cho nó tránh đi; hoặc là nước đã lọc tưới đất, hoặc sai người tưới; tất cả đều [647a1] không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XX. CẤT NHÀ LỚN[646]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, nước Câu-thiểm-tỳ. Bấy giờ, Tôn giả Xiển-đà tỳ-kheo xây cất phòng xá lớn[647], cỏ lợp còn dư, lợp thêm, lợp đến lớp thứ ba rồi mà vẫn còn dư. Khi ấy Xiển-đà có ý nghĩ rằng: «Ta không thể thường xuyên đến nơi đàn-việt cầu xin cỏ.» Bèn tiếp tục lợp mãi, cho đến lúc (không chịu được nổi), nhà bị sập. Các cư sĩ thấy thế chê trách: «Sa-môn Thích tử không biết tàm quý nên cầu xin không chán. Bên ngoài tự xưng rằng, ta biết chánh pháp. Như nay xem ra thì có gì là chánh pháp? Làm phòng xá lớn, lợp mãi không thôi, đến nỗi nhà bị sập. Dù đàn-việt muốn cho, nhưng người nhận phải biết đủ chứ!»

Trong các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Xiển-đà: «Sao cất phòng xá lớn, lợp mãi không thôi khiến cho nhà bị sập đổ?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo Xiển-đà:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Này Xiển Đà! Sao cất phòng xá lớn, lợp mãi không thôi khiến cho nhà bị sập đổ?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Xiển-đà tỳ-kheo rồi bảo các tỳ-kheo:

«Xiển-đà tỳ-kheo, kẻ ngu si này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, làm phòng xá lớn, cánh cửa, khung cửa sổ và các thứ trang trí[648], chỉ dẫn lợp[649] tranh ngang bằng hai, ba lớp[650]; nếu lợp quá, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Phòng xá lớn[651]: là nhà dùng nhiều vật liệu.

Các thứ trang trí khác: tức là chạm trổ, vẽ vời.

Lợp: có hai loại, lợp bề dọc, lợp bề ngang.

Tỳ-kheo kia chỉ dẫn lợp hai lớp rồi, khi lớp thứ ba chưa xong, nên đi đến chỗ mắt không thấy, tai không nghe. Nếu lợp hai lớp rồi, lớp thứ ba chưa xong mà tỳ-kheo không đi đến chỗ mắt không thấy, tai không nghe, khi lớp thứ ba lợp xong, phạm ba-dật-đề. Nếu bỏ chỗ tai nghe, đến chỗ mắt thấy, bỏ chỗ mắt thấy đến chỗ tai nghe, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: chỉ bảo lợp lớp thứ hai xong, lớp thứ ba lợp chưa xong bèn đi đến chỗ mắt không thấy tai không nghe. Nếu đường bộ, đường thủy bị đứt đoạn, nạn giặc, nạn ác thú, nước lụt, hoặc bị thế lực bắt, hoặc bị trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn; chỉ bảo lợp xong lớp thứ hai đến lớp thứ ba chưa xong, khi ấy không đi đến chỗ mắt không thấy tai không nghe; tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXI. GIÁO GIỚI NI KHÔNG ĐƯỢC TĂNG SAI[652]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ cùng với sự tụ hội của chúng đại tỳ-kheo gồm năm trăm vị. Các ngài hạ an cư ở đó. Họ đều là những vị nổi tiếng như Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả Kiếp-tân-na, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la, Tôn giả Ma-ha Châu-na, Tôn giả A-na-luật, Tôn giả Ly-việt, Tôn giả A-nan, Tôn giả Nan-đà, Tôn giả Na-đề cùng với năm trăm vị như vậy.

Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo, tỳ-kheo-ni Sai-ma, tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc, tỳ-kheo-ni Đề-xá Cù-đàm-di, tỳ-kheo-ni Ba-lê-giá-la-di, tỳ-kheo-ni Tố-di, tỳ-kheo-ni Sổ-na, tỳ-kheo-ni Tô-la, tỳ-kheo-ni Giá-la-di, tỳ-kheo-ni Bà-giá-la, tỳ-kheo-ni Thi-la-bà-giá-na, tỳ-kheo-ni A-la-bà, tỳ-kheo-ni Ma-la-tỳ, tỳ-kheo-ni Châu-nể, tỳ-kheo-ni Bà-nể. Cùng năm trăm tỳ-kheo-ni như vậy; Đại Ái Đạo là vị đứng đầu. Tất cả đều an cư trong vườn Vua[653], nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ, Đại Ái Đạo đi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Sau khi ngồi, Đại Ái Đạo bạch đức Thế tôn rằng:

«Cúi xin đức Thế tôn cho phép các tỳ-kheo thuyết pháp giáo giới cho chúng tỳ-kheo-ni.»

Đức Phật bảo Đại Ái Đạo Cù-đàm-di rằng:

«Từ nay cho phép các tỳ-kheo thuyết pháp giáo giới cho tỳ-kheo-ni.»

Đại Ái Đạo đảnh lễ dưới chân Phật rồi cáo lui. Lúc bấy giờ, đức Thế tôn bảo A-nan rằng:

«Từ nay trở đi, Ta cho phép theo thứ lớp mà sai Thượng tọa đại tỳ-kheo giáo giới cho tỳ-kheo-ni và thuyết pháp cho họ.»

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe đức Phật dạy rồi, liền đến chỗ tỳ-kheo Ban-đà[654] thưa rằng:

«Trưởng lão, ngài đi giáo giới và thuyết pháp cho tỳ-kheo-ni.»

Ban-đà bảo A-nan rằng:

«Tôi chỉ tụng được một bài kệ. Làm sao giáo giới tỳ-kheo-ni? Làm sao thuyết pháp?»

Tôn giả A-nan lại nói với Ban-đà:

«Trưởng lão, ngài đi giáo giới và thuyết pháp cho tỳ-kheo-ni.»

Ban-đà lại bảo A-nan rằng:

«Tôi chỉ tụng được một bài kệ. Làm sao giáo giới tỳ-kheo-ni? Làm sao thuyết pháp?»

Lần thứ ba, Tôn giả A-nan lại thưa với Ban-đà rằng:

«Đức Thế tôn có dạy, sai tỳ-kheo bậc Thượng tọa giáo giới tỳ-kheo-ni và thuyết pháp cho họ. Vậy trưởng lão nên giáo giới tỳ-kheo-ni và thuyết pháp cho họ.»

Lúc ấy, Tôn giả Ban-đà im lặng vâng lời Phật.

Nhóm sáu tỳ-kheo-ni khi nghe tin Tôn giả Ban-đà tỳ-kheo theo thứ tự ngày mai sẽ đến giáo thọ; họ nói với nhau, «Ban-đà ngu ám này, chỉ tụng được một bài kệ. Tụng xong chắc chắn sẽ nín thinh. Còn gì để nói nữa?»

Sáng sớm hôm đó, Tôn giả Ban-đà khoác y, bưng bát, vào thành Xá-vệ khất thực; rồi trở về trong Tăng-già-lam, sửa lại y phục, dẫn theo một tỳ-kheo, đến chỗ tỳ-kheo-ni an cư trong vườn Vua. Các tỳ-kheo-ni từ xa trông thấy Tôn giả Ban-đà đến, tất cả đều ra trước đón rước, có vị phủi bụi y phục, có vị bưng bát, trải tọa cụ, có vị chuẩn bị nước sạch và

đồ rửa chân. Tôn giả Ban-đà liền đến chỗ ngồi an tọa. Các tỳ-kheo-ni đều sắp hàng đảnh lễ dưới chân ngài, rồi ngồi qua một bên.

Lúc bấy giờ Đại Ái Đạo bạch với Tôn giả Ban-đà rằng:

«Bây giờ chính là lúc thích hợp. Xin ngài giáo giới và thuyết pháp cho các tỳ-kheo-ni.»

Tôn giả Ban-đà liền nói bài kệ:

Người chứng tịch tịnh thì hoan hỷ;

Thấy pháp, được an vui.

Thế gian không sân, tối hoan lạc,

Không tổn hại chúng sanh.

Thế gian vô dục, tối an lạc,

Ra khỏi các ái dục.

Nếu điều phục ngã mạn

Ấy là lạc đệ nhất!

Tôn giả Ban-đà nói bài kệ này xong liền vào đệ tứ thiền. Lúc ấy, nhóm sáu tỳ-kheo-ni cùng nhau trêu cợt rằng:

«Trước đây tôi đã nói lời này: ‹Ban-đà tỳ-kheo là người si, chỉ tụng được một bài kệ. Nếu đến nói cho chúng ta, thì khi nói xong bài kệ ấy rồi, có gì để nói nữa?› Quả như lời nói, hiện tại ngài ấy đang im lặng.»

Khi ấy, các tỳ-kheo-ni La-hán nghe Ban-đà nói xong, tất cả rất vui mừng, vì biết Ban-đà [648a1] có đại thần lực. Rồi Đại Ái Đạo lại thỉnh Tôn giả Ban-đà giáo giới, thuyết pháp cho các tỳ-kheo-ni. Ban-đà tỳ-kheo lại cũng đọc lại bài kệ đã đọc rồi vào đệ tứ thiền trở lại, ngồi im lặng.

Lúc ấy, nhóm sáu tỳ-kheo-ni lại cùng nhau bàn tán: «Tôn giả Ban-đà là người ám độn, chỉ tụng được một bài kệ. Nếu đến nói cho chúng ta, thì khi nói xong bài kệ ấy rồi, có gì để nói nữa? Quả như lời nói, hiện tại ngài ấy đang im lặng.»

Ở đây chỉ có các tỳ-kheo-ni La-hán mới biết Ban-đà là vị A-la-hán có đại thần lực. Bấy giờ, Tôn giả Ban-đà khởi ý nghĩ: «Nay ta nên quan sát tâm niệm của mỗi người khi nghe ta nói có hoan hỷ hay không?»

Sau khi quan sát, Tôn giả thấy tâm niệm của các tỳ-kheo-ni hoặc có người hoan hỷ, hoặc không có người hoan hỷ. Tôn giả liền nghĩ lại: «Nay ta nên làm cho họ tỏ dấu hiệu hối hận.» Tôn giả liền thăng lên hư không, hoặc hiện thân nói pháp, hoặc ẩn hình nói pháp, hoặc hiện nửa thân nói pháp, hoặc không hiện nửa thân nói pháp, hoặc từ thân tuôn ra khói lửa, hoặc không hiện như vậy. Tôn giả Ban-đà ở trong hư không vì các tỳ-kheo-ni hiện các thần biến để nói pháp rồi, liền từ hư không mà đi.

Lúc Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo sai người tin cậy đến nói với nhóm sáu tỳ-kheo-ni rằng:

«Theo thứ tự, chúng tôi sẽ giáo giới thuyết pháp cho các tỳ-kheo-ni.»

Nhóm sáu tỳ-kheo-ni liền bạch với Tăng tỳ-kheo-ni: «Theo thứ tự nhóm sáu tỳ-kheo sẽ đến giáo giới, thuyết pháp.»

Đêm đã qua, sáng sớm hôm đó, nhóm sáu tỳ-kheo khoác y, bưng bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong về lại trong Tăng-già-lam, sửa soạn y phục, nhiếp trì oai nghi, đến chỗ các tỳ-kheo-ni an cư trong vườn nhà Vua, an tọa nơi tòa. Khi ấy các tỳ-kheo-ni kính lễ dưới chân rồi, tất cả đều về chỗ mà ngồi.

Khi nhóm sáu tỳ-kheo giáo giới tỳ-kheo-ni, lại đem bao nhiêu việc khác mà nói, không luận bàn đến giới, định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến; không luận bàn đến thiểu

dục tri túc, sự xuất yếu, sự tấn tu, xả ly, hướng đến pháp thiện, không ở chốn náo nhiệt, luận mười hai nhân duyên; mà chỉ luận bàn câu chuyện về Vua chúa, về nhân dân, về quân mã, luận về đấu tranh, chuyện về Đại thần, chuyện cỡi ngựa, chuyện phụ nữ, chuyện tràng hoa, chuyện tiệc rượu, chuyện dâm nữ, chuyện giường nằm, chuyện y phục, chuyện ăn uống ngon bổ, chuyện tắm gội vui chơi, chuyện chòm xóm, chuyện linh tinh, chuyện tư duy thế sự, chuyện vào biển cả[655].

Trong khi luận bàn những vấn đề như vậy, hoặc giỡn cười, hoặc múa hát, hoặc đánh trống, khảy đàn, thổi tù và, hoặc làm tiếng kêu chim khổng tước, chim hạc, hoặc cùng chạy, hoặc đi một chân, đi cà nhót, hoặc đánh trận giả.

Nhóm sáu tỳ-kheo-ni nghe thấy những việc như vậy rất là hoan hỷ, nói rằng: «Nhóm sáu tỳ-kheo giáo thọ như vậy là hết sức thích hợp.»

Các vị tỳ-kheo-ni La-hán vì lòng cung kính nên im lặng không nói. Rồi thì, Đại Ái Đạo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên. Trong giây lát, bạch đức Thế tôn:

«Theo thứ tự, nhóm sáu tỳ-kheo đến giáo thọ tỳ-kheo-ni lại đem bao nhiêu việc khác ra mà nói, không nói giới, không luận về định… cho đến không nói tránh chỗ ồn ào, và không luận bàn về mười hai nhân duyên, mà chỉ luận bàn câu chuyện về Vua chúa, cho đến chuyện tư duy thế sự, chuyện vào biển cả. Rồi lại cười giỡn ca múa… cho đến việc đi một chân, đi cà nhót, cùng đánh trận giả.»

Lúc bấy giờ, Đại Ái Đạo bạch đức Thế tôn rõ ràng mọi việc rồi, đảnh lễ dưới chân Phật và cáo lui.

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, biết mà ngài vẫn hỏi nhóm sáu tỳ-kheo rằng:

«Có thật sự các ông giáo giới tỳ-kheo-ni như vậy chăng?»

Nhóm sáu tỳ-kheo thưa:

«Bạch đức Thế tôn, thật có như vậy.»

Đức Thế tôn quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rằng:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao các ông lại giáo thọ tỳ-kheo-ni như vậy?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau ở trong chúng Tăng nên sai người giáo thọ tỳ-kheo-ni bằng cách bạch nhị yết-ma. Nên sai vị có khả năng yết-ma, dựa vào sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sai tỳ-kheo tên là…, giáo thọ tỳ-kheo-ni. Đây là lời tác bạch.»

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng sai tỳ-kheo này tên là…, giáo thọ tỳ-kheo-ni. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng sai tỳ-kheo tên là…, giáo thọ tỳ-kheo-ni thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.»

«Tăng đã chấp thuận sai tỳ-kheo tên là…, giáo thọ tỳ-kheo-ni rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Được ghi nhận như vậy.»

Khi ấy nhóm sáu tỳ-kheo nói rằng:

«Tăng không sai chúng ta giáo thọ tỳ-kheo-ni.»

Rồi họ ra ngoài giới, cùng tác pháp sai lẫn nhau đi giáo thọ tỳ-kheo-ni. Sau đó, họ sai người đến nói với nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

«Hãy vì chúng tôi thưa với ni Tăng rằng, Nhóm sáu tỳ-kheo được Tăng sai sẽ đến giáo giới tỳ-kheo-ni.»

Các tỳ-kheo nghe được, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo rằng:

«Tăng không sai các thầy giáo thọ tỳ-kheo-ni. Sao ra ngoài giới cùng nhau sai giáo giới tỳ-kheo-ni, rồi sai người nói với tỳ-kheo-ni rằng, Tăng đã sai chúng tôi giáo giới tỳ-kheo-ni?»

Lúc ấy, nhóm sáu tỳ-kheo-ni vì nhóm sáu tỳ-kheo mà bạch với Tăng tỳ-kheo-ni rằng:

«Chúng Tăng đã sai nhóm sáu tỳ-kheo giáo giới tỳ-kheo-ni.»

Khi ấy, Đại Ái Đạo nghe nói như vậy, liền đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật; đứng qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn, rồi đảnh lễ và cáo lui.

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, Ngài biết mà vẫn hỏi nhóm sáu tỳ-kheo rằng:

«Các ông thật sự có ra ngoài giới cùng sai lẫn nhau giáo thọ Tăng tỳ-kheo-ni không?»

Nhóm sáu thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, thật như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rằng:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Thật là những người si. Tăng không sai giáo thọ tỳ-kheo-ni mà sao lại ra ngoài giới cùng sai lẫn nhau giáo thọ tỳ-kheo-ni, rồi lại sai người nói

với nhóm sáu tỳ-kheo-ni rằng, ‹Vì chúng tôi thưa với ni Tăng, Tăng sai chúng tôi giáo thọ tỳ-kheo-ni, nay chúng tôi sẽ đến giáo thọ Tỳ-kheo-ni?›»

Đức Thế tôn quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, nếu có tỳ-kheo thành tựu mười pháp[656] , nhiên hậu mới được giáo thọ tỳ-kheo-ni. Mười pháp là: Giới luật đầy đủ; đa văn, tụng thuộc luật của hai bộ; quyết đoán không nghi; khéo thuyết pháp; tộc tánh xuất gia; nhan mạo đoan chánh, chúng tỳ-kheo-ni thấy liền sanh tâm hoan hỷ; đủ khả năng vì chúng tỳ-kheo-ni nói pháp khuyên bảo khiến họ hoan hỷ; không vì Phật xuất gia mặc pháp phục mà phạm trọng pháp; đủ hai mươi tuổi, hoặc hơn hai mươi tuổi. Đủ những điều kiện như vậy mới cho giáo giới tỳ-kheo-ni.

«Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo-ni kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, không được Tăng sai mà giáo giới tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trên.

Tăng: cùng một thuyết [649a1] giới, cùng một yết-ma.

Sai: trong Tăng được sai bằng bạch nhị yết-ma.

Giáo thọ: dạy tám điều không thể vượt qua[657] . Tám điều ấy là:

1/ Tỳ-kheo-ni dù một trăm tuổi hạ, khi thấy tỳ-kheo mới thọ giới cũng phải đứng dậy đón chào, lễ bái, mời ngồi. Pháp này

nên tôn trọng cung kính tán thán; trọn đời không được trái phạm.

2/ Tỳ-kheo-ni không được mắng tỳ-kheo, không được phỉ báng nói phá giới, phá kiến, phá oai nghi. Đây là pháp nên tôn trọng, cung kính, tán thán; trọn đời không được trái phạm.

3/ Tỳ-kheo-ni không được cử tội tỳ-kheo nói, «Việc thầy đã làm như vậy, việc thầy đã làm không phải vậy.» Không được tác pháp tự ngôn, không được ngăn người khác tác pháp mích tội[658]. Không được ngăn tỳ-kheo thuyết giới, tự tứ. Tỳ-kheo-ni không được nói lỗi lầm của tỳ-kheo. Tỳ-kheo được nói lỗi lầm của tỳ-kheo-ni. Đây là pháp nên tôn trọng, cung kính, tán thán; trọn đời không được trái phạm.

4/ Thức-xoa-ma-na đã học những điều cần học rồi, phải đến chúng Tăng cầu thọ đại giới. Đây là pháp nên tôn trọng, cung kính, tán thán; trọn đời không được trái phạm.

5/ Nếu tỳ-kheo-ni phạm trọng pháp, phải nửa tháng đến trong hai bộ Tăng hành pháp ma-na-đỏa. Đây là pháp nên tôn trọng, cung kính, tán thán; trọn đời không được trái phạm.

6/ Tỳ-kheo-ni mỗi nửa tháng phải đến trong chúng Tăng cầu thỉnh vị giáo thọ. Đây là pháp nên tôn trọng, cung kính, tán thán; trọn đời không được trái phạm.

7/ Tỳ-kheo-ni không nên an cư nơi không có tỳ-kheo. Đây là pháp nên tôn trọng, cung kính, tán thán; trọn đời không được trái phạm.

8/ Tỳ-kheo-ni hạ an cư xong phải đến trong chúng Tăng cầu ba việc tự tứ là thấy, nghe và nghi. Đây là pháp nên tôn trọng, cung kính, tán thán; trọn đời không được trái phạm.

Khi thuyết giới, Thượng tọa nên hỏi:

«Chúng tỳ-kheo-ni có sai vị nào đến thỉnh giáo thọ không?»

Nếu có, liền đứng dậy bạch với Tăng rằng:

«Tỳ-kheo-ni Tăng hòa hợp, xin lễ dưới chân Tăng tỳ-kheo, cầu thỉnh người giáo giới.»

Khi thuyết giới, Thượng tọa nên hỏi rằng:

«Có vị nào đi giáo giới tỳ-kheo-ni?»

Nếu có người thì nên sai. Nếu người giáo giới tỳ-kheo-ni nhiều, thì nên hỏi vị sứ giả của Tăng tỳ-kheo-ni rằng:

«Trong chúng Tăng có nhiều vị giáo giới tỳ-kheo-ni, vậy cô thỉnh vị nào?»

Hoặc ni kia thưa:

«Con xin thỉnh thầy gì đó.»

Hoặc vị sứ giả của ni nói:

«Con xin tùy theo xử phân của Tăng.»

Như vậy thì Tăng nên theo thứ tự, sai các vị đã thường giáo thọ tỳ-kheo-ni đi giáo thọ.

Vị được sai đúng giờ hẹn mà đến. Tỳ-kheo-ni cũng phải đúng giờ hẹn mà nghinh đón. Nếu tỳ-kheo đúng giờ hẹn mà không đến thì phạm đột-kiết-la. Đến giờ hẹn mà tỳ-kheo-ni không đón cũng phạm đột-kiết-la. Khi nghe vị giáo thọ đến, tỳ-kheo-ni phải ra nửa do tuần để đón, cung cấp những thứ cần dùng, có đủ đồ để rửa; nấu cháo, các thức ăn uống. Nếu ni không sửa soạn đầy đủ như vậy thì phạm đột-kiết-la.

Nếu không được Tăng sai, hoặc chẳng phải ngày giáo thọ mà đến, vì ni nói Tám pháp không thể vượt qua, phạm đột-kiết-la.

Nếu không được Tăng sai mà đến nói pháp, thì phạm ba-dật-đề.

Nếu Tăng tỳ-kheo bệnh, (tỳ-kheo-ni) nên sai người đến hỏi thăm. Nếu tỳ-kheo không hòa hợp, chúng không đủ tức số, (tỳ-kheo-ni) cũng nên sai người đến lễ bái thăm hỏi. Nếu không làm như vậy, phạm đột-kiết-la. Nếu tỳ-kheo-ni Tăng bệnh, (tỳ-kheo) cũng nên sai người đến làm lễ thăm hỏi. Nếu chúng tỳ-kheo-ni không hòa hợp, không đủ túc số, (tỳ-kheo) cũng nên sai người đến làm lễ thăm hỏi. Không làm như vậy phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: chúng Tăng sai giáo thọ tỳ-kheo-ni; khi thuyết giới Thượng tọa hỏi: «Có ai sai tỳ-kheo-ni đến (thỉnh giáo giới) không?» Nếu có, vị ấy đứng dậy bạch Tăng rằng: «Tăng tỳ-kheo-ni hòa hợp, lễ dưới chân Tăng tỳ-kheo, cầu xin người giáo thọ tỳ-kheo-ni.» Thượng tọa nên hỏi Tăng: «Vị nào có thể giáo hối tỳ-kheo-ni?» Nếu có thì nên sai vị ấy đến giáo thọ. Nếu có nhiều người có thể đến giáo thọ, thì Thượng tọa nên hỏi ni: «Muốn thỉnh vị giáo thọ nào?» Nếu tỳ-kheo-ni thưa: «Chúng con xin được thỉnh vị Tăng có tên như vậy.» Tăng nên theo sự yêu cầu mà sai. Hoặc tỳ-kheo-ni thưa, «Chúng con nhất trí theo sự phân định của Tăng.» Lúc bấy giờ, Tăng nên theo thứ tự sai trong số những vị thường đã giáo thọ ni. Chúng Tăng nên ấn định thì giờ để đến. Tỳ-kheo-ni theo giờ ấn định mà nghinh đón. Khi vị giáo thọ tỳ-kheo-ni đến, ni chúng phải ra nửa do tuần để nghinh đón; an trí chỗ ngồi, sửa soạn đồ để rửa, nấu cháo, đồ ăn thức uống. Hoặc được Tăng sai, đến ngày hội họp vì nói tám pháp, không trái phạm. Nên theo thứ tự đến nói pháp. Hoặc chúng Tăng bệnh, tỳ-kheo-ni sai người tin cậy đến lễ bái chúng Tăng. Chúng Tăng không đủ túc số, phân bộ không hòa hợp, nên sai người đến lễ bái. Hoặc tỳ-kheo-ni bệnh, hoặc chúng không đủ túc số, không hòa hợp, (tỳ-kheo) cũng sai người tin cậy đến lễ bài hỏi chào chúng Tăng. Hoặc

đường thủy bị trở ngại, đường bộ bị hiểm nạn, giặc cướp, hổ lang, sư tử, nước lớn, bị thế lực bắt, bị trói nhốt, mạng nạn, phạm hạnh nạn, không thể cho người tin cậy đến lễ bái hỏi chào, những trường hợp trên đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách[659].

---o0o---

XXII. GIÁO THỌ NI SAU MẶT TRỜI LẶN

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà được chúng Tăng sai giáo thọ tỳ-kheo-ni. Giáo thọ tỳ-kheo-ni xong, Tôn giả ngồi im lặng.

Bấy giờ Đại Ái Đạo thưa:

«Tôn giả Nan-đà, chúng con muốn được nghe pháp. Xin Tôn giả vì chúng con mà nói thêm nữa.»

Tôn giả Nan-đà nói pháp cho họ xong, cũng ngồi im lặng.

Đại Ái Đạo lại thưa thỉnh lần nữa:

«Chúng con muốn được nghe pháp. Xin Tôn giả vì chúng con mà nói.»

Tôn giả Nan-đà thuyết pháp cho họ với âm thanh tốt nên thính giả thích nghe. Vì vậy mãi đến mặt trời lặn mới thôi.

Khi tỳ-kheo-ni ra khỏi tịnh xá Kỳ-hoàn để về thành Xá-vệ thì cửa thành đã đóng, không vào được, phải dựa vào hào ở ngoài cửa thành mà nghỉ đêm. Sáng sớm, cửa thành vừa mở thì các cô ni vào trước. Các trưởng giả thấy thế, đều nói, «Sa-môn Thích tử không có tàm quý, không có hạnh thanh tịnh. Tự xưng rằng ta tu chánh pháp. Như vậy thì có gì là

chánh pháp? Các ông xem những tỳ-kheo-ni này, suốt đêm cùng ngủ với tỳ-kheo, sáng ngày họ mới cho ra về.»

Các tỳ-kheo nghe được, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Nan-đà rằng, «Sao thầy thuyết pháp cho tỳ-kheo-ni mãi cho đến mặt trời lặn, khiến cho các trưởng giả chê trách?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn [650a1] hỏi Tôn giả Nan-đà:

«Thật sự ông có giáo giới cho tỳ-kheo-ni đến mặt trời lặn hay không?»

Tôn giả thưa:

«Bạch đức Thế tôn, có thật như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Tôn giả Nan-đà:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Này Nan-đà, sao ông thuyết pháp giáo giới cho tỳ-kheo-ni mãi đến mặt trời lặn?»

Quở trách rồi, Phật bảo các tỳ-kheo:

«Nan-đà kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, tuy được Tăng sai, nhưng giáo thọ tỳ-kheo-ni cho đến mặt trời lặn[660], ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tăng: như giới trước.

Giáo thọ: Trong chúng tăng, được sai bằng pháp bạch nhị yết-ma.

Vị tỳ-kheo được Tăng sai giáo thọ tỳ-kheo-ni nên trở về trước khi mặt trời lặn. Nếu tỳ-kheo nào giáo thọ tỳ-kheo-ni cho đến mặt trời lặn, ba-dật-đề. Trừ giáo thọ ra, nếu dạy kinh, tụng kinh hoặc tham vấn bao nhiêu việc khác cho đến mặt trời, đột-kiết-la. Trừ tỳ-kheo-ni ra, nếu vì các phụ nữ khác tụng kinh, dạy kinh, tham vấn việc khác đến mặt trời lặn, đột-kiết-la.

Sáng lặn tưởng là sáng lặn, ba-dật-đề. Nghi là mặt trời lặn, đột-kiết-la. Mặt trời lặn tưởng là mặt trời chưa lặn, đột-kiết-la. Mặt trời chưa lặn tưởng là mặt trời lặn, đột-kiết-la. Nghi là mặt trời chưa lặn, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: giáo thọ tỳ-kheo-ni, mặt trời chưa lặn liền dừng. Trừ phụ nữ ra, nếu vì người khác dạy tụng kinh, thọ kinh, hoặc tham vấn việc khác, không phạm.

Nếu nói pháp trên thuyền đò, tỳ-kheo-ni nghe cùng với khách lái buôn đồng hành ban đêm; hoặc đến trong chùa tỳ-kheo-ni nói pháp; hoặc đến ngày thuyết giới, ni đến trong Tăng thỉnh vị giáo thọ, gặp khi nói pháp ni liền nghe; tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXIII. GIÁO THỌ NI VÌ LỢI DƯỠNG[661]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có tỳ-kheo-ni nghe vị giáo thọ sư đến, nghinh đón cách nửa do tuần, sắp đặt phòng xá, chuẩn bị cơm, cháo, đồ ăn, thức uống, giường, tọa cụ, nơi tắm rửa.

Lúc bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo nghĩ rằng, «Các tỳ-kheo kia không sai chúng ta đi giáo thọ tỳ-kheo-ni.» Rồi sanh tâm ganh ghét, nói rằng, «Các tỳ-kheo kia giáo thọ tỳ-kheo-ni không phải với tâm chơn thật, mà chỉ vì đồ ăn, thức uống, nên giáo thọ tỳ-kheo-ni tụng kinh, thọ kinh tham vấn.»

Bấy giờ, trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo, «Sao lại nói như vậy, rằng, ‹Các Tỳ-kheo kia không sai chúng ta đi giáo thọ tỳ-kheo-ni.› Rồi sanh tâm ganh ghét, nói rằng, ‹Các tỳ-kheo kia giáo thọ tỳ-kheo-ni không phải với tâm chơn thật. Mà chỉ vì đồ ăn, thức uống, nên giáo thọ tỳ-kheo-ni tụng kinh, thọ kinh tham vấn.›?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo, sao các ông lại nói rằng, ‹Các tỳ-kheo kia không sai chúng ta đi giáo thọ tỳ-kheo-ni.› Rồi sanh tâm ganh ghét, nói rằng, ‹Các tỳ-kheo kia giáo thọ tỳ-kheo-ni không phải với tâm chơn thật. Mà chỉ vì đồ ăn, thức uống, nên giáo thọ tỳ-kheo-ni tụng kinh, thọ kinh tham vấn.›?»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, nói với các tỳ-kheo như vầy: ‹tỳ-kheo vì sự ăn uống[662] mà giáo thọ tỳ-kheo-ni,› ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo kia nói như vầy: «Các tỳ-kheo vì sự ăn uống nên giáo thọ tỳ-kheo-ni. Vì sự ăn uống nên dạy tụng kinh, tham vấn.» Nói rõ ràng phạm ba-dật-đề; không rõ ràng phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: việc kia sự thật là như vậy, vì sự ăn uống nên giáo thọ tỳ-kheo-ni, vì sự cúng dường ăn uống nên dạy tụng kinh, thọ kinh, tham vấn. Hoặc nói đùa giỡn, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này nhầm nói việc khác; tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXIV. CHO Y CHO TỲ-KHEO-NI[663]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có một tỳ-kheo khất thực, oai nghi đầy đủ. Lúc ấy, có một tỳ-kheo-ni gặp ông, liền sanh thiện tâm, nhiều lần thỉnh vị tỳ-kheo kia, nhưng vị tỳ-kheo kia không nhận lời.

Một thời gian sau, chúng Tăng Kỳ-hoàn chia y vật. Tỳ-kheo kia đem phần y của mình ra khỏi cửa ngõ Kỳ-hoàn thì lại gặp tỳ-kheo-ni này vừa mới đến. Tỳ-kheo kia nghĩ rằng: «Tỳ-kheo-ni này nhiều lần mời ta mà ta không nhận lời. Nay ta nên đem phần y này trả lễ sự mời thỉnh kia. Nhưng chắc cô không nhận. Việc này cũng đủ đáp trả nhau.» Nghĩ xong, tỳ-kheo kia nói với tỳ-kheo-ni rằng:

«Đại muội, đây là phần y của tôi. Đại muội cần thì có thể lấy dùng.»

Tỳ-kheo-ni liền nhận. Tỳ-kheo kia hiềm trách tỳ-kheo-ni này rằng, «Ta đã nhiều lần nói với người khác rằng, ‹Tỳ-kheo-ni này nhiều lần thỉnh tôi. Đem phần ăn của cô để dành cho tôi, tôi không nhận. Do đó tôi nghĩ rằng, tỳ-kheo-ni này nhiều lần thỉnh tôi. Đem phần ăn của cô để dành cho tôi, tôi không nhận; nay tôi đem phần y này biếu cho tỳ-kheo-ni này với ý nghĩ rằng, cô cũng không nhận, đủ để đáp trả nhau. Nhưng cô lại nhận.›»

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nghe được, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách tỳ-kheo kia rằng: «Sao tỳ-kheo đem y cho tỳ-kheo-ni mà tâm không xả, lại đi nói với người khác?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên

đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo kia:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao tỳ-kheo cho y đến tỳ-kheo-ni mà tâm không xả, lại đi nói với người khác?»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, cho y đến tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Trong số tỳ-kheo có vị dè dặt, không dám cho y đến tỳ-kheo-ni thân lý, bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau [651a1] được phép cho y tỳ-kheo-ni thân lý, nếu cho y tỳ-kheo-ni không thân lý, ba-dật-đề.»

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ trong Kỳ-hoàn, hai bộ Tăng cùng phân chia y vật, phần y của tỳ-kheo thì tỳ-kheo-ni nhận được; phần y của tỳ-kheo-ni thì tỳ-kheo nhận được.

Lúc tỳ-kheo-ni nhận lộn phần y đó bèn mang đến trong Tăng-già-lam bạch các tỳ-kheo:

«Đại đức, đem y này trao đổi được không?»

Tỳ-kheo trả lời:

«Này các cô, chúng tôi không được phép cho y đến tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến.»

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau, nếu là trao đổi, cho phép cho y đến tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến.»

Từ nay về sau nên nói giới này như vầy:

Tỳ-kheo nào, cho y đến tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, trừ trao đổi, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Thân quyến, chẳng phải thân quyến: như đã giải trước[664].

Y: có mười loại như trước đã nói[665].

Trao đổi: đem y đổi y, đem y đổi phi y, đem phi y đổi y, đem kim đổi dao hoặc chỉ may, cho đến một ngọn cỏ thuốc.

Nếu tỳ-kheo cho y cho tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, trừ trao đổi, ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: cho y cho thân quyến, cùng nhau trao đổi, hoặc cho tháp, cho Phật, cho Tăng; tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXV. MAY Y CHO TỲ-KHEO-NI[666]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tỳ-kheo-ni[667] muốn may tăng-già-lê; vì cần may y nên đến trong Tăng-già-lam, thưa với Tôn giả Ca-lưu-đà-di[668]:

«Thưa Đại đức, con đem vải may y[669] này đến, muốn may tăng-già-lê. Xin Tôn giả may cho con.»

Ca-lưu-đà-di nói:

«Tôi không thể may được.»

Cô ni hỏi:

«Tại sao Đại đức không may cho con?»

Ca-lưu-đà-di nói:

«Các cô ưa đến hối thúc nên tôi không may.»

Tỳ-kheo-ni thưa:

«Con không đến hối. Khi nào Đại đức may xong cũng được.»

Ca-lưu-đà-di trả lời:

«Được.»

Tỳ-kheo-ni trao vải y cho Ca-lưu-đà-di rồi về.

Ca-lưu-đà-di có tay nghề cao về pháp may y, liền cắt may. Ca-lưu-đà-di vẽ hình nam nữ giao hợp may vào y. Khi cô ni đến trong Tăng-già-lam, hỏi Ca-lưu-đà-di rằng:

«Thưa Đại đức, pháp y của con may xong chưa?»

Ca-lưu nói:

«Xong rồi.»

Tỳ-kheo-ni thưa:

«Nếu xong, cho con nhận.»

Ca-lưu-đà-di xếp y lại cho cô ni, và dặn rằng:

«Này cô, y này không được tự tiện mở ra xem; cũng không được đưa cho người xem. Khi được báo giờ[670] mới đem ra mặc, và khi đi phải đi sau tỳ-kheo-ni Tăng.

Tỳ-kheo-ni y theo lời dặn, không mở ra xem, cũng không nói cho ai biết. Một thời gian sau, khi đi nghe giáo giới, cô ni liền mặc y này và đi sau Tăng tỳ-kheo-ni. Các cư sĩ thấy tất cả đều cơ hiềm, cười chê, hoặc vỗ tay chỉ trỏ, hoặc gõ cây, hoặc huýt gió, hoặc lớn tiếng cười to, nói:

«Mọi người hãy xem y mà tỳ-kheo-ni này khoác! Mọi người hãy xem y mà Tỳ-kheo-ni này khoác!»

Khi ấy, tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề[671] thấy vậy rồi, liền bảo tỳ-kheo-ni này rằng:

«Hãy cởi chiếc y ấy và xếp lại gấp!»

Cô ni liền cởi và xếp, vắt trên vai mà đi, sau khi thọ thực xong, về lại trong Tăng-già-lam, tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề bảo tỳ-kheo-ni này rằng:

«Lấy chiếc y mà cô vừa mặc khi nãy đem cho tôi xem!»

Cô ni kia liền đem chiếc y ấy ra trình. Bà hỏi:

«Ai may y này cho cô?»

«Thưa, ngài Ca-lưu-đà-di may.»

«Sao cô không mở ra xem hay đưa cho đồng bạn coi thử may có tốt, có bền chắc hay không?»

Lúc ấy tỳ-kheo-ni mới đem lời dặn của Ca-lưu-đà-di thưa lại đầy đủ.

Khi ấy, trong chúng tỳ-kheo-ni có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Ca-lưu-đà-di: «Tại sao may y cho tỳ-kheo-ni lại may như vậy?»

Lúc bấy giờ, tỳ-kheo-ni bạch lại các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo liền đến bạch đức Thế tôn. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, biết mà Phật vẫn hỏi Ca-lưu-đà-di rằng:

«Thật sự ông có may y cho tỳ-kheo-ni như vậy không?»

Ca-lưu-đà-di thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, thật như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao may y cho tỳ-kheo-ni lại may như vậy?»

Quở trách Ca-lưu-đà-di rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, may y cho tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề.

Thế tôn đã vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Các tỳ-kheo dè dặt không dám may y cho tỳ-kheo-ni thân quyến, đến bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép tỳ-kheo may y cho tỳ-kheo-ni thân quyến.»

Từ nay nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, may y[672] cho tỳ-kheo-ni không phải thân quyến, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Chẳng phải thân quyến, thân quyến: như trên đã nói.

Y: Có mười loại như đã giải ở trước.

Nếu tỳ-kheo kia may y cho tỳ-kheo-ni không phải thân quyến, tùy theo dao cắt rọc nhiều hay ít, phạm ba-dật-đề. Cứ một lần may, mỗi mũi kim là một phạm ba-dật-đề.

Hoặc mặc thử để xem, hoặc kéo ra ủi cho thẳng, hoặc dùng tay vuốt, hoặc kéo góc cho ngay, hoặc kết, hoặc viền, hoặc cột chỉ, hoặc nối chỉ; tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: may y cho tỳ-kheo-ni thân quyến; may cho Tăng, may cho tháp; hoặc mượn mặc rồi giặt, nhuộm trả lại cho chủ, thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXVI. NGỒI VỚI TỲ-KHEO-NI Ở CHỖ KHUẤT[673]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tôn giả Ca-lưu-đà-di tướng mạo đoan chánh và tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà cũng có dung nhan xinh đẹp khác người. Cả Ca-lưu-đà-di và tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà đều có dục ý với nhau.

Một buổi sáng nọ, Ca-lưu-đà-di khoác y, bưng bát, đến chỗ Thâu-la-nan-đà. Cả hai người cùng ngồi một chỗ ở ngoài cửa. Các cư sĩ thấy thế, cùng nhau cơ hiềm, nói với nhau rằng: «Mọi người xem. Hai người này cùng ngồi với nhau giống như đôi vợ chồng; cũng như cặp uyên ương.»

Lúc bấy giờ các tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Ca-lưu-đà-di: «Sao lại cùng với tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà ngồi chung một chỗ ở bên ngoài cửa?»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo. Phật biết mà vẫn hỏi Ca-lưu-đà-di:

«Thật sự ông có cùng với tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà ngồi chung một chỗ ở bên ngoài cửa hay không?»

Ca-lưu-đà-di thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, có thật như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di:

[652a1] «Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao lại cùng với

tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà ngồi chung một chỗ ở bên ngoài cửa?»

Quở trách Ca-lưu-đà-di rồi, Phật bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, một mình cùng với một tỳ-kheo-ni ngồi chỗ khuất kín, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trên.

Một chỗ[674]: chỗ chỉ có một tỳ-kheo và một tỳ-kheo-ni.

Chỗ khuất kín[675]: chướng ngại khuất kín đối với sự thấy, khuất kín đối với sự nghe.

Khuất kín đối với sự thấy là bị bụi, bị sương, hoặc khói, mây hay bóng tối làm không thấy.

Khuất kín đối với sự nghe là chỗ cho đến cả tiếng nói với giọng bình thường vẫn không nghe được.

Ngăn che[676]: hoặc do cây, do tường, do bờ rào, màn vải hay do các vật khác làm chướng ngại không thấy được.

Nếu tỳ-kheo một mình ở chỗ khuất kín, cùng ngồi với một tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Hoặc mù mà không điếc, điếc mà không mù, phạm đột-kiết-la. Cùng đứng, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu khi ấy tỳ-kheo có bạn, hoặc có người trí, phải có cả hai điều này: không mù, không điếc, hay không điếc không mù; hoặc trên lộ trình đi qua mà bị xỉu té, hoặc bị bệnh ngã xuống, hoặc bị thế lực bắt, hoặc bị trói nhốt, hay mạng nạn, phạm hạnh nạn, tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXVII. HẸN ĐI CHUNG ĐƯỜNG VỚI TỲ-KHEO-NI[677]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo cùng với nhóm sáu tỳ-kheo-ni ở tại Câu-tát-la du hành trong nhơn gian[678]. Các cư sĩ thấy cùng nhau cơ hiềm, «Sa-môn Thích tử không có tàm quý, không tu phạm hạnh. Bên ngoài tự xưng, ‹Ta tu theo Chánh pháp.› Như vậy có gì là chánh pháp? Trong khi cùng với tỳ-kheo-ni du hành trong nhơn gian, nếu khi ham muốn nổi lên, thì xuống ngay bên đường chứ gì?»

Các tỳ-kheo nghe được, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao lại cùng du hành trong nhơn gian với nhóm sáu tỳ-kheo-ni?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách khách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao lại cùng du hành trong nhơn gian với nhóm sáu tỳ-kheo-ni?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, cùng đi với tỳ-kheo-ni khoảng cách từ một thôn đến một thôn, ba-dất-đề.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, các tỳ-kheo không cùng hẹn trước với tỳ-kheo-ni, mà tình cờ gặp giữa đường, vì e sợ, không dám cùng đi.

Đức Phật dạy:

«Không hẹn trước thì không phạm.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, cùng hẹn và cùng đi với tỳ-kheo-ni khoảng cách từ một thôn đến một thôn, ba-dật-đề.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ có số đông tỳ-kheo ở nước Xá-vệ muốn đến Tỳ-xá-ly. Trong lúc đó cũng có số đông tỳ-kheo-ni ở nước Xá-vệ cũng muốn đến Tỳ-xá-ly, nên các tỳ-kheo-ni thưa hỏi các tỳ-kheo rằng:

«Đại đức muốn đi đâu?»

Các tỳ-kheo nói:

«Chúng tôi muốn đến Tỳ-xá-ly.»

Tỳ-kheo-ni thưa:

«Chúng con cũng muốn đến đó.»

Các tỳ-kheo bảo:

«Này các cô, nếu các cô muốn đến đó thì, một là các cô đi trước, chúng tôi đi sau; hai là các cô đi sau, chúng tôi đi trước. Tại sao vậy? Vì đức Thế tôn đã chế giới, chúng tôi không được cùng đi một đường với tỳ-kheo-ni.»

Các tỳ-kheo-ni liền thưa:

«Như vậy chư Đại đức là bậc tôn kính đối với chúng con. Xin các Ngài đi trước, chúng con sẽ đi sau.»

Các tỳ-kheo-ni đi sau, bị giặc cướp đoạt hết y bát. Các tỳ-kheo đem việc này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn dạy:

«Từ nay về sau, hoặc cùng đi với khách buôn, hoặc nếu nơi nghi ngờ có sợ hãi, cùng đi không phạm.»

Từ nay nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, cùng hẹn và cùng đi chung đường với tỳ-kheo-ni từ một thôn đến một thôn, trừ trường hợp khác, ba-dật-đề. Trường hợp khác là, cùng đi với khách buôn; hoặc khi có nghi ngờ, có sợ hãi. Đó gọi là trường hợp khác.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Hẹn: cùng bảo nhau đi đến thôn đó, thành đó, quốc độ có.

Chỗ có nghi ngờ[679]: nghi có giặc cướp.

Sợ hãi: là chỗ có giặc cướp.

Đường: là khoảng cách giữa hai thôn có ranh giới cho lối đi[680].

Nếu tỳ-kheo hẹn và cùng đi một đường với tỳ-kheo-ni cho đến ranh giới giữa hai thôn, tùy theo số chúng nhiều và phân giới nhiều hay ít, mỗi mỗi đều phạm ba-dật-đề. Chẳng phải thôn mà đi chỗ đồng không, cho đến mười dặm, phạm ba-dật-đề[681]. Chưa đến một thôn hay ít hơn mười dặm, phạm đột-kiết-la. Nếu đi trong phạm vi một phân giới chung cho nhiều thôn, phạm đột-kiết-la. Phương tiện muốn đi, cùng hẹn chuẩn bị hành lý, tất cả phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: không cùng hẹn; có nhiều bạn cùng đi; chỗ có sợ hãi, có nghi ngờ; hoặc đến nơi đó được an ổn; hoặc bị thế lực bắt, hoặc bị trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn; tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXVIII. ĐI CHUNG THUYỀN VỚI TỲ-KHEO-NI[682]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo và nhóm sáu tỳ-kheo-ni[683] đi chung trên một thuyền xuôi ngược dòng nước.

Các cư sĩ thấy cơ hiềm, cùng nhau họ bàn tán: «Sa-môn Thích tử không biết tàm quý, không tu phạm hạnh. Bên

ngoài tự xưng, ta tu chánh pháp, như vậy có gì là chánh pháp? Trong khi cùng tỳ-kheo-ni đi chung trên một thuyền xuôi ngược dòng nước, nếu khi ham muốn nổi lên thì dừng thuyền bên cạnh bờ sông mà tuỳ ý chứ gì?»

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nghe được, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao lại cùng với nhóm sáu tỳ-kheo-ni đi chung trên một thuyền xuôi ngược dòng nước?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao lại cùng với nhóm sáu tỳ-kheo-ni đi chung trên một thuyền xuôi ngược dòng nước?»

Đức Thế tôn quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, đi chung thuyền với tỳ-kheo-ni, ngược dòng nước hay xuôi dòng nước, ba-dật-đề.

Thế tôn [653a1] vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, các tỳ-kheo vì không hẹn mà gặp, nên e sợ. Đức Phật dạy:

«Không hẹn thì không phạm.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, cùng hẹn và cùng đi chung thuyền với tỳ-kheo-ni, ngược dòng nước hay xuôi dòng nước, ba-dật-đề.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Lúc ấy có số đông tỳ-kheo muốn từ bờ bên này vượt qua bờ bên kia sông hằng. Vào thời điểm ấy, có số đông tỳ-kheo-ni cũng muốn từ bờ bên này vượt qua bờ bên kia sông hằng, nên các tỳ-kheo-ni đến thưa:

«Chư Đại đức muốn đi đâu?»

Tỳ-kheo nói:

«Chúng tôi muốn qua sông Hằng.»

Tỳ-kheo-ni thưa hỏi:

«Chúng con có thể cùng qua được không?»

Các tỳ-kheo nói:

«Các cô qua trước, chúng tôi qua sau. Nếu không thì các cô qua sau, chúng tôi qua trước. Tại sao vậy? Vì đức Thế tôn chế giới, không được đi chung một thuyền với tỳ-kheo-ni qua sông. Cho nên không được.»

Tỳ-kheo-ni thưa:

«Chư Đại đức là bậc tôn kính của chúng con. Thỉnh các ngài qua trước, chúng con sẽ qua sau.»

Lúc ấy, vào mùa hạ, mưa lớn, nước lớn, thuyền đến bờ bên kia, trong khi chưa trở lại thì trời đã sẫm tối. Các tỳ-kheo-ni phải ngủ lại bờ bên này, đêm ấy gặp phải giặc cướp. Các tỳ-kheo đến bạch với đức Phật, Phật dạy:

«Cùng qua ngang thì không phạm.»

Từ nay về sau ta sẽ kiết giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, cùng hẹn và cùng đi chung thuyền với tỳ-kheo-ni, ngược dòng nước hay xuôi dòng nước[684], trừ sang ngang, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trên.

Cùng hẹn: cũng như trên.

Thuyền: như trước đã giải trên[685].

Nếu tỳ-kheo nào hẹn và đi chung thuyền với tỳ-kheo-ni, đi ngược dòng hay xuôi dòng nước, trừ qua ngang, nếu vào trong thuyền, ba-dật-đề. Một chân trong thuyền, một chân ngoài đất, hoặc phương tiện muốn vào mà không vào, hoặc cùng hẹn chuẩn bị hành trang, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la, đó gọi là phạm.

Sự không phạm: không hẹn, hoặc ngang qua đến bờ bên kia (đò ngang); hoặc vào trong thuyền, thuyền sư lạc hướng phải đi ngược dòng hay đi xuôi dòng nước; hoặc đến bờ bên kia được an ổn; hoặc bị thế lực bắt, hoặc bị trói, mạng nạn, phạm hạnh nạn, tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXIX. THỨC ĂN DO TỲ-KHEO-NI KHUYẾN HOÁ[686]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một cư sĩ thỉnh ngài Xá-lợi-phất và Mục-liên thọ thực.

Đêm ấy, cư sĩ chuẩn bị đầy đủ các thức ăn ngon, sáng ngày trải tọa cụ tốt, sửa soạn chỗ ngồi, cho đến lúc đi báo giờ[687].

Lúc bấy giờ, tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà trước đó có thân quen với nhà cư sĩ. Sáng hôm đó, Thâu-la-nan-đà khoác y, bưng bát, đến nhà cư sĩ kia; thấy cư sĩ đã trải nhiều tọa cụ tốt nơi đất trống rồi, liền hỏi cư sĩ rằng:

«Trải nhiều tọa cụ như thế này là muốn thỉnh các tỳ-kheo phải không?»

Cư sĩ trả lời:

«Đúng như vậy.»

Cô hỏi:

«Thỉnh những tỳ-kheo nào?»

«Thưa, tôi thỉnh ngài Xá-lợi-phất và Mục-liên.»

Tỳ-kheo-ni nói rằng:

«Những vị được thỉnh đó đều là những người hèn mọn. Trước kia, nếu hỏi tôi thì tôi sẽ vì cư sĩ thỉnh những vị rồng trong loài rồng.»

Cư sĩ hỏi rằng:

«Rồng trong loài rồng là những vị nào?»

Tỳ-kheo-ni trả lời rằng:

«Như Tôn giả Đề-bà-đạt, Tam-văn-đà-la-đạt, Khiên-đà-la-đạt-bà, Cù-bà-ly, Ca-lưu-la-đề-xá[688]…»

Trong khi cô đang nói thì ngài Xá-lợi-phất và Mục-liên vừa đến nơi. Tỳ-kheo-ni vừa thấy liền trở lời, nói với cư sĩ rằng:

«Rồng trong loài rồng đã đến.»

Cư sĩ liền hỏi tỳ-kheo-ni rằng:

«Vừa rồi cô nói là hạng người hèn mọn, sao bây giờ cô lại nói là rồng trong loài rồng? Từ nay về sau cô đừng đến nhà tôi nữa.»

Lúc bấy giờ cư sĩ thỉnh hai ngài ngồi. Hai ngài đến chỗ ngồi an tọa. Cư sĩ đem những đồ ăn, thức uống ngon ngọt, bổ dưỡng cúng dường. Hai ngài thọ thực xong, thu dọn chén bát rồi, thí chủ đảnh lễ dưới chân, lấy cái ghế nhỏ ngồi qua một bên, bạch rằng:

«Con muốn được nghe pháp.»

Hai ngài vì gia chủ nói các pháp vi diệu, khuyến khích khiến cho họ hoan hỷ. Vì thí chủ nói pháp rồi, hai ngài từ tòa cáo lui, về lại trong Tăng-già-lam. Đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế tôn biết mà vẫn hỏi tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên:

«Hôm nay hai Thầy thọ thực có được đầy đủ không?»

Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên bạch Phật rằng:

«Thức ăn tuy đầy đủ nhưng khi chúng con ở nhà cư sĩ thì vừa là hạng người hèn mọn, vừa là rồng trong loài rồng.»

Đức Phật hỏi rằng:

«Vì sao có việc như vậy?»

Hai Tôn giả đem nhơn duyên trên bạch đầy đủ lên đức Phật rằng:

«Đó là Đề-bà-đạt khiến tỳ-kheo-ni bè đảng khuyến hóa sự cúng dường để được nhận ẩm thực.»

ĐứcThế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, biết mà Ngài vẫn hỏi tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt:

«Thật sự các ông có sai tỳ-kheo-ni đến nhà đàn-việt khen ngợi các ông để khuyến hóa thức ăn hay không?»

Các tỳ-kheo bè đảng thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, có thật như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo bè đảng Đề-bà-đạt rằng:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao các ông sai tỳ-kheo-ni khuyến hóa đàn-việt để nhận thức ăn của họ?»

Quở trách tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, sai tỳ-kheo-ni khuyến hóa, nhận được thức ăn, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ các tỳ-kheo không biết có khuyến hóa hay không khuyến hóa, sau đó mới biết nên hoặc có vị tác pháp sám ba-dật-đề, hoặc có vị nghi ngờ. Đức Phật dạy:

«Trước đó không biết thì không phạm.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, đã biết tỳ-kheo-ni giáo hóa[689], nhận được thức ăn, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, trong thành La-duyệt có đại trưởng giả là thân hữu tri thức của Lê-sư-đạt[690], nói rằng:

«Nếu Đại đức Lê-sư-đạt đến thành La-duyệt thì chúng ta sẽ vì việc mới đến của Lê-sư-đạt mà cúng dường chúng Tăng.»

Tỳ-kheo-ni, người trong nhà của trưởng giả nghe lời nói ấy, im lặng để bụng.

Sau đó, khi Tôn giả Lê-sư-đạt đến thành La-duyệt. Tỳ-kheo-ni nghe Tôn giả Lê-sư-đạt đến, liền đến nói với trưởng giả rằng: «Trưởng giả muốn biết không? Lê-sư-đạt đã đến thành La-duyệt.» Ông trưởng giả liền sai người tin cậy đến trong Tăng-già-lam thỉnh Tôn giả và chúng Tăng nhận bữa cơm cúng dường sáng ngày mai.

Trong đêm đó trưởng giả sửa soạn đầy đủ các thứ đồ ăn thức uống ngon ngọt bổ dưỡng, sáng sớm, khi đến giờ, mời các ngài thọ thực.

Lúc ấy, các tỳ-kheo khoác y, bưng bát, đến nhà ông trưởng giả an tọa nơi chỗ ngồi. Ông trưởng giả đến chỗ Lê-sư-đạt nói rằng:

«Chính vì Tôn giả nên tôi cúng dường chúng Tăng bữa trai hôm nay.»

Lê-sư-đạt hỏi ông trưởng giả:

«Tại sao biết tôi đến đây?»

Ông trưởng giả trả lời:

«Tỳ-kheo-ni được gia đình tôi cúng dường báo cho biết.»

Lê-sư-đạt nói với ông trưởng giả rằng:

«Nếu [654a1] thật như vậy thì tôi không thể ăn thức ăn này.»

Ông trưởng giả thưa:

«Không phải do cô tỳ-kheo-ni này nói nên tôi thiết lập bữa ăn hôm nay, mà chính trước đây tôi có thệ nguyện, nếu Tôn giả đến thì tôi thiết trai cúng dường cho chúng Tăng.»

Lê-sư-đạt nói với ông trưởng giả:

«Tuy ông có nguyện như vậy nhưng tôi cũng không thể nhận ăn bữa ăn hôm nay được.»

Lê-sư-đạt liền thôi không ăn.

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật một cách đầy đủ, đức Phật bảo:

«Nếu trước đó đàn-việt đã có ý thì không phạm. Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, ăn thức ăn được biết là do tỳ-kheo-ni khen ngợi giáo hóa, trừ đàn-việt có chủ ý trước[691], ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Giáo hóa[692]: như nói, «Vị này sống a-luyện-nhã, sống với hạnh khất thực, mặc y phấn tảo, tác pháp dư thực[693] rồi không ăn, nhất tọa thực[694], nhất đoàn thực[695], ở nơi gò mã, ngồi nơi đất trống, ngồi dưới gốc cây, thường ngồi không nằm[696], trì ba y, tán thán kệ, đa văn pháp sư, trì luật, tọa thiền…

Thức ăn: đồ ăn nhận được khoảng từ sáng đến trưa.

Tỳ-kheo kia ăn thức ăn được biết là do tỳ-kheo-ni giáo hóa, mỗi miếng nuốt là phạm một ba-dật-đề. Trừ thức ăn bằng cơm ra, các thứ khác được biết do khuyến hoá mà được, như áo lót, đèn dầu, dầu thoa chân, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Biết là giáo hóa, tưởng giáo hóa, ba-dật-đề. Giáo hóa mà nghi, đột-kiết-la. Không giáo hóa tưởng giáo hóa, đột-kiết-la. Không giáo hóa mà nghi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc không biết, hoặc đàn-việt có ý trước; hoặc giáo hóa mà tưởng là không giáo hóa; hoặc tỳ-kheo-ni tự làm, đàn-việt khiến tỳ-kheo-ni phụ trách, không cố ý giáo hóa mà khất thực được; tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXX. ĐI CHUNG ĐƯỜNG VỚI NGƯỜI NỮ[697]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có người Tỳ-xá-ly gả con gái cho người nước Xá-vệ. Sau đó, nàng dâu cùng mẹ chồng cãi lộn, nên cô trở về bổn quốc.

Ngay lúc ấy, Tôn giả A-na-luật cũng từ nước Xá-vệ muốn đến nước Tỳ-xá-ly. Lúc ấy, người phụ nữ kia hỏi tôn giả A-na-luật rằng:

«Tôn giả muốn đến đâu?»

Tôn giả trả lời:

«Tôi muốn đến Tỳ-xá-ly.»

Người phụ nữ liền thưa:

«Cho con đi theo được không?»

Tôn giả chấp thuận.

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-na-luật cùng người phụ nữ này đi chung một đường.

Lúc người phụ nữ ra đi thì trước đó phu chủ của cô đã không có ở nhà. Ngày hôm sau trở về nhà, không thấy vợ mình đâu, liền hỏi bà mẹ rằng:

«Vợ của con làm gì? ở đâu?»

Bà mẹ ông trả lời ?

«Nó cãi lộn với ta, bỏ nhà trốn đi rồi. Không biết hiện ở đâu!»

Bấy giờ người phu chủ vội vã đuổi theo. Trên đường đi bắt gặp được vợ. Ông chồng đến hỏi Tôn giả A-na-luật rằng:

«Tại sao ông dẫn vợ của tôi chạy trốn?»

Lúc ấy A-na-luật liền nói:

«Thôi! Thôi! Đừng nói vậy. Chúng tôi không có vậy đâu!»

Ông trưởng giả nói rằng:

«Tại sao nói không như vậy? Hiện tại ông cùng đi chung với vợ tôi!»

Vợ ông nói với chồng rằng:

«Em cùng Tôn giả này đi, cũng như anh em cùng đi. Không có gì là tội lỗi.»

Người chồng nói rằng:

«Hôm nay người này dẫn mày chạy trốn cho nên mới nói như vậy.»

Người đàn ông ấy vừa nói xong liền đánh Tôn giả A-na-luật gần chết.

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật liền bước xuống đường, vào nơi chỗ vắng vẻ, kiết già phu tọa, thẳng mình chánh ý, buộc niệm trước mặt, nhập hỏa quang tam-muội. Lúc ấy trưởng giả thấy vậy liền khởi thiện tâm, ông nghĩ rằng: «Nếu Tôn giả A-na-luật này từ nơi tam-muội xuất, thì tôi sẽ lễ bái sám hối.»

Khi ấy Tôn giả A-na-luật từ tam-muội xuất, ông trưởng giả bèn thưa để sám hối:

«Cúi xin Đại đức nhận sự sám hối của con.»

Tôn giả A-na-luật chấp nhận sự sám hối của ông. Lúc ấy trưởng giả kính lễ dưới chân Tôn giả xong, ngồi qua một bên. Tôn giả vì trưởng giả nói các pháp vi diệu khiến ông ta phát tâm hoan hỷ. Nói pháp xong, Tôn giã từ chỗ ngồi đứng dậy đi.

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-na-luật thọ thực xong, đến trong Tăng-già-lam, đem nhơn duyên này kể đầy đủ lại cho các tỳ-kheo.

Trong số các tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách A-na-luật: «Sao ngài A-na-luật lại một mình đi chung một đường cùng với người phụ nữ?»

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, biết mà Ngài vẫn hỏi A-na-luật:

«Thật sự ông có đi chung một đường với người phụ nữ hay không?»

Tôn giả thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, có thật như vậy. »

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách A-na-luật rằng:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao ông đi chung một đường cùng với người nữ? »

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách A-na-luật rồi, bảo các tỳ-kheo:

«A-na-luật này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới ban đầu. Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, đi chung đường với người nữ, nhẫn đến trong khoảng giữa hai thôn, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Lúc ấy có các tỳ-kheo không hẹn nhưng giữa đường tình cờ gặp, vì e sợ, không dám đi chung.

Đức Phật dạy: «Không hẹn thì không phạm.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, cùng hẹn và đi chung đường với người nữ, nhẫn đến trong khoảng giữa hai thôn[698], ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Người nữ: như trên đã nói.

Cùng hẹn: cũng như đã nói trên[699].

Đường: như trước đã giải[700].

Nếu tỳ-kheo hẹn và đi chung đường với người phụ nữ, nhẫn đến khoảng giữa hai thôn, tùy theo giới vức hoặc nhiều hay ít, mỗi mỗi đều phạm ba-dật-đề. Nếu trong khoảng đồng trống không có thôn mà đi khoảng mười dặm, phạm ba-dật-đề. Nếu đi chưa tới một thôn, hay chưa tới mười dặm, phạm đột-kiết-la. Nếu đi chung trong phần giới của thôn, phạm đột-kiết-la. Nếu phương tiện muốn đi mà không đi, hoặc hẹn chuẩn bị mà không đi, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột kiết la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc trước đó không cùng hẹn; hoặc việc cần đến đó được an ổn, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXXI. LỮ QUÁN MỘT BỮA ĂN[701]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời đức Thế tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ nước Câu-tát-la có thôn không có trú xứ[702], nên có cư sĩ xây cất trú xứ[703] cho tỳ-kheo, thường cung cấp đồ ăn, thức uống. Nếu trụ nơi trú xứ này sẽ được nhận sự cúng dường một bữa ăn.

Lúc bấy giờ có nhóm sáu tỳ-kheo muốn đến thôn không có trú xứ nước Câu-tát-la. Khi đến trú xứ kia trải qua một đêm. Nhóm sáu tỳ-kheo nhận được đồ ăn thức uống ngon ngọt bổ dưỡng. Lại qua đêm thứ hai cũng nhận được đồ ăn thức uống ngon ngọt bổ dưỡng, nên nhóm sáu tỳ-kheo khởi ý nghĩ rằng: «Sỡ dĩ chúng ta du hành là vì thức ăn. Nay thì đã được.» Rồi họ thường xuyên ăn ở trú xứ này.

Bấy giờ, các cư sĩ đều cùng cơ hiềm, «Sa-môn Thích tử này không biết chán, không biết đủ, không biết tàm quý. Bên ngoài [655a1] tự xưng ta biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Họ thường xuyên đến nhận thức ăn ở nơi trú xứ này. Làm như chúng ta phải thường xuyên cung cấp thức ăn cho sa-môn Thích tử này. Bản nguyện của chúng ta là cung cấp cho những vị tạm trú một đêm mà thôi.»

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nghe được; trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo rằng: «Nhóm sáu tỳ-kheo, sao các Thầy cứ ở nơi trú xứ này để nhận thức ăn hoài vậy?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rằng:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao các ông cứ ở nơi trú xứ này để nhận thức ăn hoài vậy?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, nơi trú xứ cúng một bữa, chỉ nên nhận một bữa; nếu nhận quá một bữa, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất ở nước Câu-tát-la du hành cũng đến nơi thôn không có trú xứ ấy, trụ lại một đêm, sáng ngày nhận được thức ăn ngon.

Hôm ấy, Tôn giả lâm bệnh nhưng nghĩ, đức Thế tôn đã chế giới, tỳ-kheo nơi ngủ trọ một đêm chỉ nhận một bữa ăn, nếu nhận quá, ba-dật-đề. Vì vậy, dù bị bệnh, Tôn giả vẫn dời đi chỗ khác. Do vậy bệnh tình càng nguy kịch. Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép tỳ-kheo bệnh nhận quá một bữa ăn.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, nơi trú xứ cúng một bữa, tỳ-kheo không bệnh chỉ nên nhận một bữa; nếu nhận quá một bữa, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Trú xứ: nơi đó được ở một đêm.

Bữa ăn: nhẫn đến bữa ăn đúng thời.

Bệnh: rời khỏi thôn đó thì bệnh bị tăng.

Nếu tỳ-kheo không bệnh, đối với nơi nghỉ tạm một đêm đó, mà nhận quá bữa ăn, mỗi miếng ăn phạm một ba-dật-đề. Ngoài thức ăn ra, nhận các thứ áo lót, dầu thắp đèn, dầu thoa chân, tất cả phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nghỉ một đêm nhận một bữa ăn; bệnh thì được nhận hơn một bữa ăn. Nếu cư sĩ mời: «Mời Đại đức ở lại. Con sẽ cúng thức ăn. Chúng con vì sa-môn Thích tử cho nên thiết lập nơi nghỉ đêm này và cung cấp đồ ăn thức uống. Nếu không có sa-môn Thích tử thì cũng sẽ cúng cho người khác vậy.»

Hoặc đàn-việt theo thứ tự mời thọ thực, hoặc các cậu, các cô, các chị, các bà theo thứ tự mời thọ thực thì không phạm. Hoặc hôm nay thọ của người này, ngày mai thọ của người khác. Hoặc bị nước lụt, đạo lộ gặp nguy hiểm; hoặc có giặc cướp, hổ lang sư tử, hoặc bị thế lực bắt, hoặc bị trói nhốt, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, nhận quá bữa ăn không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXXII. TRIỂN CHUYỂN THỰC[704]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở trong vườn Trúc khu Ca-lan-đà, thành La-duyệt-kỳ. Từ thành La-duyệt đức Thế tôn cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị du hành trong nhơn gian.

Vào lúc đó, trong nước mùa màng không thu hoạch được, giá lúa gạo tăng cao, khất thực khó được, Người người có sắc diện đói.

Bấy giờ, có năm trăm hành khất đi theo sau đức Thế tôn. Lúc ấy, có người bà-la-môn tên là Sa-nậu[705] vận chuyển năm trăm cỗ xe chở đầy đồ ăn thức uống đi theo sau đức

Thế tôn, hết mùa đông đến mùa hạ, chờ ngày nào không có ai cúng thì thiết trai cúng dường Phật và Tăng.

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn, từ nước Ma-kiệt-đà, tuần tự giáo hóa đến quốc giới của A-na-tần-đầu[706]. Nhân dân trong nước kia tranh nhau cúng dường thức ăn cho Phật và Tăng tỳ-kheo, không có ngày nào thiếu vắng. Người bà-la-môn chờ mãi không có ngày trống nào để thiết trai cúng dường, liền đến chỗ Tôn giả A-nan thưa với Tôn giả rằng:

«Tôi là Sa-nậu có chở đầy đồ ăn thức uống trong năm trăm cỗ xe. Đã trải qua cả mùa đông sang mùa hạ, theo sau đức Thế tôn, chờ ngày nào không có người cúng thì thiết trai cúng dường. Song đến nay tôi vẫn không được cúng dường, vì không có ngày nào mà không có người cúng. Chúng tôi là người thế tục, có nhiều việc khó khăn; hoặc phải phục dịch theo lệnh nhà quan, cho đến đối với ngày đoán sự phải có mặt, lại phải lo liệu lý về gia nghiệp, và phải cung cấp của cải gạo thóc cho nhà quan. Mãi chạy theo những công việc công có tư có nên không hề có thời gian dừng nghỉ. Cúi xin Tôn giả vì tôi bạch lên đức Phật. Đức Phật dạy thế nào chúng tôi sẽ phụng hành thế đó. Nếu đức Phật và Tăng không thể nhận phẩm vật cúng dường của chúng tôi, thì chúng tôi sẽ dùng thức ăn hiện ở trên năm trăm chiếc xe này, trải trên đường đi. Cầu Phật và Tăng bước lên trên mà đi qua, tức là nhận sự cúng dường của chúng tôi rồi vậy.»

Tôn giả A-nan bảo:

«Chờ một chút. Tôi vào bạch đức Thế tôn ngay bây giờ.»

Bấy giờ Tôn giả đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên đức Thế tôn:

«Kính bạch đức Thế tôn, có bà-la-môn Sa-nậu vừa đến chỗ con thưa như vầy, ‹Tôi có chở đầy đồ ăn thức uống trong năm trăm cỗ xe. Đã trải qua cả mùa đông sang mùa hạ, theo sau đức Thế tôn, chờ ngày nào không có người cúng thì

thiết trai cúng dường. Song đến nay tôi vẫn không được cúng dường, vì không có ngày nào mà không có người cúng. Chúng tôi là người thế tục, có nhiều việc khó khăn; hoặc phải phục dịch theo lệnh nhà quan, cho đến đối với ngày đoán sự phải có mặt, lại phải lo liệu lý về gia nghiệp, và phải cung cấp của cải gạo thóc cho nhà quan. Mãi chạy theo những công việc công có tư có nên không hề có thời gian dừng nghỉ. Cúi xin Tôn giả vì tôi bạch lên đức Phật. Đức Phật dạy thế nào chúng tôi sẽ phụng hành thế đó. Nếu đức Phật và Tăng không thể nhận phẩm vật cúng dường của chúng tôi, thì chúng tôi sẽ dùng thức ăn hiện ở trên năm trăm chiếc xe này, trải trên đường đi. Cầu Phật và Tăng bước lên trên mà đi qua, tức là nhận sự cúng dường của chúng tôi rồi vậy.› Con có nói với người bà-la-môn Sa-nậu rằng, ‹Chờ tôi một chút. Tôi vào bạch đức Phật.› Cho nên con đến thưa, xin tôn ý đức Thế tôn.»

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

«Ông có thể đến nói với người bà-la-môn, sáng mai đem đồ ăn ẩm thực đó nấu thành cháo cúng các tỳ-kheo ăn trước khi thọ bữa ăn chính.»

Bấy giờ, Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, liền đến chỗ người bà-la-môn nói rằng:

«Ông có thể dùng những thức ăn ấy nấu cháo cúng các tỳ-kheo ăn trước khi thọ bữa ăn chính.»

Bấy giờ người bà-la-môn quan sát thấy trong những thứ đã được cúng dường không hề có bánh, nên trong đêm ấy sửa soạn các loại mỹ vị như: dầu bơ, hạt vừng, sữa tươi, nước sạch, gừng, tiêu, tất bát[707] để nấu các loại cháo và làm các thứ bánh[708]. Đêm đã qua, Sa-nậu đem cháo cúng dường Phật và Tăng tỳ-kheo. Song các tỳ-kheo không dám thọ nhận, và nói với bà-la-môn rằng: «Đức Thế tôn chưa cho phép tỳ-kheo nhận bơ dầu cho đến ba món thuốc[709] mà nấu thành cháo.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch lên đức Phật một cách đầy đủ. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo nhận dầu bơ cho đến ba món thuốc nấu thành cháo để ăn. Ăn cháo có năm điều lành: Trừ đói, trừ khát, làm tiêu thức ăn qua đêm, điều hòa tiểu tiện và trừ bệnh phong. Ăn cháo có năm việc hay như vậy.»

Bấy giờ, người bà-la-môn đem bánh[710] dâng. Các tỳ-kheo không dám nhận và bảo người bà-la-môn rằng:

«Đức Thế tôn chưa cho phép tỳ-kheo nhận bánh.»

Các tỳ-kheo liền đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay cho phép các tỳ-kheo nhận bánh để ăn.»

Bấy giờ, [656a1] các cư sĩ ở nước A-na-tân-đầu nghe đức Thế tôn cho phép nhận bánh và cháo để ăn, đều hết sức vui mừng, họ nói với nhau:

«Chúng ta có cơ hội được làm phước cúng dường.»

Họ cúng dường xong lại có một vị Đại thần mà tín tâm nông cạn, thấy đức Phật và chư Tăng nhận được nhiều phẩm vật cúng dường, bèn nói như vầy:

«Đây không phải là thửa ruộng ít phước. Trong lúc gạo khan hiếm mà đức Phật và Tăng tỳ-kheo nhận được phẩm vật cúng dường nhiều đến mức như thế này. Nay ta nên sắm sửa các loại đồ ăn thức uống ngon bổ cúng dường mỗi vị một tô thịt.»

Bấy giờ, vị Đại thần liền sai người đến trong Tăng-già-lam thưa:

«Bạch đại đức Tăng! Cúi xin quý ngài ngày mai nhận lãnh bữa cúng dường của tôi.»

Đêm ấy Đại thần cho sửa soạn các loại đồ ăn thức uống ngon ngọt bổ dưỡng và sáng ngày đi báo đã đến giờ.

Hôm đó, đức Thế tôn ở lại Tăng-già-lam; sai người nhận phần ăn[711].

Bấy giờ, có các cư sĩ nơi nước A-na-tân-đầu trước đó đã nghe đức Phật cho phép các tỳ-kheo ăn cháo, nên trong đêm đó cũng sửa soạn các thứ cháo như trên đầy đủ, sáng sớm đem đến trong Tăng-già-lam dâng cúng các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo trước đó cũng đã nhận sự mời ăn của người khác, và lại ăn loại cháo đặc này, sau mới đến nhà vị Đại thần. Khi ấy vị Đại thần tín tâm mỏng ấy dâng các loại đồ ăn thức uống lên các tỳ-kheo, các tỳ-kheo nói:

«Thôi, thôi, sớt một ít thôi!»

Vị Đại thần thưa các tỳ-kheo:

«Tôi vì các tỳ-kheo nên sắm sửa các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ dâng cúng, mỗi vị một tô thịt. Các Đại đức chớ nên nghĩ rằng lòng tin mỏng mà không dùng cho no. Quý ngài cứ ăn. Tôi cũng có tín tâm vậy.»

Các tỳ-kheo bảo:

«Không phải vì vậy mà chúng tôi dùng ít đâu. Vì nhân dân trong thành nghe tin đức Phật cho phép các tỳ-kheo ăn cháo và bánh, nên đêm vừa rồi họ đã sắm sửa đầy đủ các thứ dầu bơ, hạt vừng, sữa tươi, nước sạch, gừng, tiêu, tất bát để nấu cháo. Sáng ngày đã đem đến trong Tăng-già-lam dâng cúng các tỳ-kheo. Chúng tôi đã ăn cháo trước rồi nên bây giờ không thể ăn nhiều được. Đại thần chớ nên ngại như vậy.»

Bấy giờ, vị Đại thần tín tâm nông cạn liền cơ hiềm rằng:

«Tôi cố tâm vì chúng Tăng làm các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ cúng dường mỗi vị một tô thịt với ý nghĩ, mong

muốn chúng Tăng dùng hết. Sao chư Tăng lại ăn cháo đặc trước khi đến thọ thực chúng tôi?»

Bấy giờ, vị Đại thần sân hận, liền cất đi các thứ bánh thịt, những thứ mỹ vị; chỉ bố thí cơm canh mà thôi. Rồi vị Đại thần liền đi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

«Vừa rồi con thiết trai cúng dường; được phước nhiều hay tội nhiều?»

Đức Phật bảo vị Đại thần:

«Sự cúng dường mà ông sửa soạn mang lại phước rất nhiều. Chính đó là nhân lành để sanh thiên. Các tỳ-kheo dù chỉ nhận một vắt cơm của ông đi nữa, nhưng phước đức ấy cũng vô lượng.»

Rồi đức Thế tôn tuần tự nói các pháp bố thí, trì giới, sanh thiên. Ngài quở trách dục là tai hại, là ô uế[712]; khen ngợi ích lợi thiết thực của sự xuất ly, và giải thoát. Đức Phật vì Đại thần nói các pháp này rồi, ngay nơi chỗ ngồi, vị Đại thần đoạn trừ các trần cấu, đặng sự trong sạch của con mắt pháp, thấy pháp, đắc pháp, ở trong chánh pháp mà được tăng thượng quả[713] . Ông bạch Phật rằng:

«Từ nay về sau con xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Xin nhận con làm người ưu-bà-tắc; trọn đời không sát sinh, cho đến không uống rượu. »

Sau bữa ăn, đức Phật vì nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo. Phật biết mà vẫn hỏi các tỳ-kheo:

«Sáng sớm hôm nay các ông ăn cháo đặc của người khác rồi, sau đó mới thọ thực do vị Đại thần dâng cúng phải không?»

Đáp:

«Kính bạch đức Thế tôn, thật như vậy.»

Bấy giờ, đức Thế tôn mới dùng vô số phương tiện, quở trách các tỳ-kheo rằng:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Các ngươi ngu si, sao lại ăn cháo đặc trước rồi mới nhận sự cúng dường? Không được, đã nhận lời thỉnh trước mà còn ăn cháo đặc[714]. Cháo đặc là cháo lấy cọng cỏ kẻ ngang qua mà nó không hiệp lại. Cháo như vậy không được ăn, nếu ăn thì trị như pháp.»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn từ nước A-na-tần-đầu du hành trong nhân gian cùng với chúng tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ trong nước gặp lúc lúa thóc khan hiếm, khất thực khó được. Người người có sắc diện đói. Nhưng lại có năm trăm hành khất thường đi sau đức Thế tôn.

Bấy giờ, đức Thế tôn tuần tự du hành trong nước Ma-kiệt-đà, trở về thành La-duyệt. Trên đường đi đức Phật và chúng Tăng nhận được nhiều sự cúng dường. Trong thành La-duyệt có một vị nhạc sư tín tâm nông cạn, thấy đức Phật và Tăng tỳ-kheo nhận được nhiều sự cúng dường liền nghĩ rằng: «Đây không phải là thửa ruộng ít phước. Trong khi lúa gạo khan hiếm thế này mà Phật và Tăng tỳ-kheo nhận được quá nhiều phẩm vật cúng dường. Hôm nay ta hãy dùng vật sở hữu trong một năm, sắm sửa các đồ ăn thức uống béo bổ để cúng dường Phật và Tăng tỳ-kheo, riêng mỗi vị một tô thịt.» Nghĩ xong liền đến trong Tăng-già-lam bạch với các tỳ-kheo rằng:

«Sáng mai tôi xin được cúng dường một bữa ăn.»

Rồi trong đêm đó, ông sắm sửa mọi thức ăn ngon bổ xong, sáng ngày nhạc sư đến báo các ngài đã đúng giờ ăn. Bấy giờ, trong thành La-duyệt nhằm ngày tiết hội, các cư sĩ tranh nhau đem cơm, bánh bột[715], cơm khô, cá và thịt đến

trong Tăng-già-lam để dâng cúng các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo nhận được thức ăn và ăn, xong sau đó mới đến thọ thỉnh nơi nhà nhạc sư. Bấy giờ nhạc sư đích thân tiếp các đồ ăn thức uống để cúng dường. Các tỳ-kheo nói:

«Thôi, thôi, cư sĩ đừng sớt nhiều thức ăn quá! »

Vị nhạc sư nói:

«Tôi tích lũy vật sở hữu một năm, cố tâm vì Tăng tỳ-kheo sắm sửa những thức ăn ngon bổ để dâng cúng mỗi vị một tô thịt. Xin quý vị đừng nghĩ rằng tín tâm của tôi mỏng, sợ sanh lòng bất tín mà không ăn nhiều. Xin các ngài cứ thật tình thọ dụng. Tôi có lòng tin ưa thật sự.»

Các tỳ-kheo trả lời vị nhạc sự rằng:

«Chúng tôi không phải nghĩ như vậy nên không ăn nhiều. Mà vì vừa rồi chúng tôi đã nhận thức ăn của các người trong thành Vương-xá, cho nên bây giờ chỉ ăn ít thôi. Ngoài ra không có ý gì. Ông chớ nghi ngại như vậy.» Khi vị nhạc sự tín tâm mỏng nghe những lời như vậy, liền sanh cơ hiềm: ‹Sao, tôi dùng tất cả những vật sở hữu trong một năm, một lòng vì chúng Tăng sắm sửa các thức ăn ngon bổ cúng dường mỗi vị một tô thịt, mà các tỳ-kheo lại đi nhận cơm, bánh bột, cơm khô, thịt và cá của người khác trước khi đến thọ thức ăn của tôi?› Vì vậy vị nhạc sư hờn giận, liền dọn cất hết các thức ăn béo bổ, chỉ để lại cơm canh mà thôi.»

Sau đó, vị nhạc sư đi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Sau khi ngồi xong, liền thưa hỏi đức Phật:

«Vừa rồi con thiết trai cúng dường, phước nhiều hay tội nhiều?»

Đức Phật bảo:

«Sự dâng cúng của ông vừa rồi là nhân lành sẽ được sanh thiên. Các tỳ-kheo dù chỉ nhận một vắt cơm đi nữa, thì phước đức cũng đã là vô lượng, huống là ông dâng cúng như vậy, phước này không thể lường được.»

Bấy giờ, đức Thế tôn vì nhạc sư nói diệu pháp: Bố thí, trì giới, sanh thiên. Đức Phật chỉ trích dục là tai hại, là ô uế. Nhạc sư nghe Phật nói pháp rồi liền từ chỗ ngồi các trần cấu đều hết sạch, đặng sự trong sạch của con mắt pháp, thấy pháp, đắc pháp, ở trong chánh pháp đặng quả tăng thượng, liền bạch đức Phật:

«Từ nay về sau con nguyện được làm người ưu-bà-tắc, trọn đời không sát sinh cho đến không uống rượu.»

Bấy giờ, đức Phật vì nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo. Đức Phật biết mà vẫn hỏi các tỳ-kheo:

«Có thật các ông nhận và ăn năm loại thức ăn[716] của người khác rồi sau mới thọ sự thỉnh mời của người đã thỉnh trước hay không?»

Các tỳ-kheo thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, có thật như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Các ngươi ngu si, sao lại thọ năm loại thức ăn của người khác rồi sau mới đến thọ thỉnh của người đã thỉnh trước?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Không nên nhận năm loại ăn của người khác mà ăn, rồi sau mới đến nhận lời mời của người thỉnh trước. Từ nay về sau

Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, ăn nhiều lần, ba-dật-đề.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh, nơi mời thọ thực không có thức ăn cho người bệnh, không có thuốc cho căn bệnh. Hoặc có thức ăn thích hợp đối với bệnh, có thứ thuốc đúng căn bệnh, nhưng các tỳ-kheo e sợ không dám dùng, sợ phạm tội ăn nhiều lần. Các tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch lên Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các Tỳ-kheo bệnh ăn nhiều lần.»

Từ nay nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, ăn nhiều lần, trừ trường hợp đặc biệt, ba-dật-đề. Trường hợp đặc biệt là khi bị bệnh.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ có một cư sĩ thỉnh Phật và Tăng tỳ-kheo thọ thực. Lại cũng có một cư sĩ khác cũng thỉnh Phật và Tăng tỳ-kheo thiết trai cúng dường, và dâng y. Cư sĩ ấy đến trong Tăng-già-lam thưa với các tỳ-kheo rằng:

«Tôi muốn thỉnh Phật và Tăng tỳ-kheo cúng dường thức ăn.»

Tỳ-kheo trả lời:

«Chúng tôi đã nhận lời mời của cư sĩ khác rồi!»

Cư sĩ thưa:

«Bạch Đại đức, tôi muốn dâng cúng thức ăn và y. Cúi xin chúng Tăng nhận sự mời thỉnh của tôi.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo e sợ, liền đến bạch lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo, trường hợp có người dâng cúng y thì được phép lần lượt ăn.»

Từ nay nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, ăn nhiều lần, trừ trường hợp đặc biệt, ba-dật-đề. Trường hợp đặc biệt là khi bị bệnh, khi thí y. Đó gọi là trường hợp đặc biệt.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Ăn nhiều lần[717]: được mời ăn. Mời có hai cách: thỉnh theo thứ tự của Tăng, và thỉnh riêng.

Thức ăn: cơm, lương khô, cơm khô, cá và thịt[718].

Bệnh: không thể ngày ăn một bữa mà đủ no được.

Thí y: Tự tứ rồi, không thọ y Ca-thi-na là một tháng, có thọ y Ca-thi-na thì năm tháng.

Nếu có nhiều chỗ mời thọ thực và dâng y, như hôm nay nhận được nhiều chỗ thỉnh, thì mình nên nhận một chỗ, còn các chỗ kia mình nhường lại cho các vị khác. Nói như thế này để nhường: «Thưa trưởng lão, lẽ ra tôi phải đến đó nhưng xin cúng dường cho ngài.»

Nếu tỳ-kheo không xả chỗ mời trước mà nhận chỗ mời sau thì mỗi một miếng ăn phạm một ba-dật-đề. Không xả chỗ mời sau mà nhận chỗ thỉnh trước thì mỗi một miếng ăn phạm một đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, Sa-di ni cũng đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: khi bệnh, khi thí y. Nếu trong một ngày mà có nhiều chỗ thỉnh, mình chỉ nhận một chỗ, còn các nơi khác nhường lại cho các vị khác; hoặc thỉnh chẳng phải dùng thức ăn, hoặc ăn không đủ, hoặc không thỉnh ăn, hoặc ăn xong lại nhận được thức ăn, hoặc một chỗ gồm cả bữa ăn trước và bữa ăn sau thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách[719].

---o0o---

XXXIII. BIỆT CHÚNG THỰC[720]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại La-duyệt-kỳ. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa đã sai người hại Phật, lại xúi giục A-xà-thế giết cha, tiếng ác lan truyền, nên lợi dưỡng bị cắt đứt[721]

Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa cùng với năm tỳ-kheo đi khất thực từng nhà. Năm tỳ-kheo này tên là: Tam-văn-đà-la-đạt, Khiên-đà-la-đạt-bà, Cù-bà-ly, Ca-lưu-la-đề-xá…[722]

Các tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đa sai người hại Phật, xúi giục A-xà-thế giết cha, tiếng ác lan truyền, nên lợi dưỡng bị đoạn tuyệt, đã cùng với năm tỳ-kheo đi khất thực từng nhà một[723].

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn hỏi Đề-bà-đạt-đa:

«Có thật ông cùng với năm tỳ-kheo đến từng nhà khất thực hay không?»

Đề-bà đáp lời:

«Có thật như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Đề-bà-đạt-đa:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Đề-bà-đạt-đa, sao ông cùng với năm tỳ-kheo đi đến từng nhà khất thực?»

Bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Đề-bà đạt-đa rồi bảo các tỳ-kheo:

«Đề-bà-đạt-đa ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào ăn chúng riêng[724], ba-dật-đề.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, các tỳ-kheo bệnh có nơi thỉnh thọ thực không có những thức ăn và món thuốc theo chứng bệnh, và có nơi có các thức ăn tốt cùng các loại thuốc theo chứng bệnh, nhưng họ e sợ không dám thọ nhận vì sợ phạm điều ăn theo chúng riêng. Đức Thế tôn biết nên bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép tỳ-kheo bệnh được ăn chúng riêng.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào ăn chúng riêng, trừ trường hợp đặc biệt, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt, là khi bệnh.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ các tỳ-kheo đã tự tứ; trong tháng Ca-đề[725], là thời gian may y. Các ưu-bà-tắc khởi ý nghĩ, ‹Các tỳ-kheo này tự tứ rồi, đang may y trong tháng Ca-đề. Ta nên làm thức ăn cúng dường chúng

Tăng. Tại sao vậy? Vì sợ các tỳ-kheo này may y vất vả nên không thể ăn được.› Các vị ưu-bà-tắc ấy đến trong Tăng-già-lam, bạch với các tỳ-kheo:

«Sáng mai, chúng con cúng dường cơm. Xin chư tôn nhận lời cho.»

Các tỳ-kheo trả lời:

«Chỉ mời được ba vị[726] ăn chứ chúng tôi không được phép ăn thành chúng riêng.»

Các ưu-bà-tắc thưa với các tỳ-kheo rằng:

«Bọn chúng tôi đều có ý nghĩ rằng, chư tôn tự tứ rồi, đang may y trong tháng Ca-đề. Sợ các tỳ-kheo vất vả không thể ăn được cho nên mời chư tôn thọ thực. Các tỳ-kheo lại nói, chỉ mời được ba vị, vì không được phép ăn chúng riêng.»

Các tỳ-kheo đến bạch đức Thế tôn. Đức Thế tôn bảo:

«Từ nay về sau, cho phép khi may y được ăn chúng riêng.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, ăn chúng riêng, trừ các trường hợp khác, ba-dật-đề. Các trường hợp khác là khi bệnh, thời may y. Đó là các trường hợp khác.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ có các cư sĩ muốn cúng thức ăn và y, lại đến trong Tăng-già-lam, bạch với các tỳ-kheo:

«Sáng mai tôi muốn cúng đồ ăn. Xin chúng Tăng nhận lời.»

Các tỳ-kheo trả lời:

«Chỉ mời được ba vị ăn chứ chúng tôi không được phép ăn thành chúng riêng.»

Cư sĩ thưa:

«Đại đức, tôi muốn cúng thức ăn và y. Xin quý ngài nhận [658a1] lời mời cho.»

Nhưng vị tỳ-kheo kia nói, «Chỉ mời được ba vị ăn vì không được phép ăn thành chúng riêng.»

Bấy giờ các tỳ-kheo đến bạch với đức Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo khi thọ sự dâng y được ăn riêng chúng.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, ăn chúng riêng, trừ các trường hợp khác, ba-dật-đề. Các trường hợp khác là khi bệnh, thời may y, thời thí y. Đó là các trường hợp khác.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ có số đông tỳ-kheo và các cư sĩ đi cùng đường đến nước Câu-tát-la. Giờ khất thực đến, các tỳ-kheo nói với cư sĩ:

«Chúng tôi muốn vào xóm khất thực. Xin chờ một chút, chúng tôi sẽ trở lại, rồi cùng nhau đi.»

Các cư sĩ trả lời:

«Hãy đi theo chúng tôi. Chúng tôi sẽ cung cấp đồ ăn thức uống.»

Các tỳ-kheo nói:

«Chỉ được trao thức ăn cho ba vị thôi. Chúng tôi không được phép ăn chúng riêng.»

Các cư sĩ thưa:

«Đại đức, đường này nguy hiểm có sự nghi ngờ khủng bố. Hãy đến đây! Chúng tôi sẽ cung cấp đồ ăn thức uống cho. Chớ nên đi sau vì quý thầy ít người quá.»

Các Tỳ-kheo nói:

«Chỉ được trao thức ăn cho ba vị thôi. Chúng tôi không được phép ăn chúng riêng.»

Rồi các tỳ-kheo liền vào trong thôn khất thực. Các cư sĩ đi trước; tỳ-kheo đi sau, theo không kịp, bị giặc cướp đoạt y phục. Các tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau trên đường có nguy hiểm, cho phép tỳ-kheo được ăn chúng riêng.»

Từ nay trở đi, nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, ăn chúng riêng, trừ các trường hợp khác, ba-dật-đề. Các trường hợp khác là khi bệnh, thời may y, thời thí y, khi đi đường. Đó là các trường hợp khác.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ có số đông tỳ-kheo cùng các cư sĩ đi trên thuyền xuôi theo dòng nước. Giờ khất thực đến, nói với các cư sĩ rằng:

«Cho thuyền dừng lại thời gian ngắn. Chúng tôi cần vào trong thôn khất thực, và sẽ trở lại cùng đi.»

Các cư sĩ nói:

«Chớ đi! Chúng tôi sẽ cung cấp đồ ăn thức uống cho.»

Tỳ-kheo nói rằng:

«Chỉ được cung cấp ba vị mà thôi. Chúng tôi không được phép ăn chúng riêng.»

Các cư sĩ nói rằng:

«Nơi khoảng bờ sông này có nhiều giặc cướp, nơi có nghi ngờ khủng bố. Các thầy ít người, không nên đi sau, sẽ bị giặc cướp đoạt. Các thầy chớ đi! Chúng tôi sẽ cung cấp đồ ăn thức uống cho.»

Các tỳ-kheo nói rằng:

«Chỉ được cung cấp ba vị mà thôi. Chúng tôi không được phép ăn chúng riêng.»

Rồi các tỳ-kheo vẫn lên bờ để khất thực. Bạn đồng thuyền đi trước; các tỳ-kheo đi sau, bị giặc cướp đoạt y phục. Các tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên đức Phật. Đức Phật bảo các tỳ-kheo rằng:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo khi đi thuyền được ăn chúng riêng.»

Từ đây trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, ăn chúng riêng, trừ các trường hợp khác, ba-dật-đề. Các trường hợp khác là khi bệnh, thời may y, thời thí y, khi đi đường, khi đi thuyền. Đó là các trường hợp khác.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ có số đông tỳ-kheo từ nước Câu-tát-la du hành đến một thôn nhỏ. Các cư sĩ nghĩ rằng, «Chúng Tăng thì lại nhiều mà thôn xóm thì lại nhỏ. Chúng ta hãy làm thức ăn cho chúng Tăng dùng, đừng để cho chúng Tăng vất vả, khổ cực.»[727] Họ liền đến trong Tăng-già-lam thưa với các tỳ-kheo rằng:

«Bạch chư Đại đức, ngày mai xin nhận thức ăn của chúng tôi.»

Các tỳ-kheo nói rằng:

«Chỉ được mời ba vị mà thôi. Chúng tôi không được phép ăn chúng riêng.» Các cư sĩ nói:

«Chúng tôi nghĩ rằng chúng Tăng thì nhiều mà thôn xóm lại nhỏ. Chỉ sợ không đủ thức ăn khiến chúng Tăng phải vất vả thôi.»

Tỳ-kheo lại nói rằng:

«Chỉ được mời ba vị mà thôi. Chúng tôi không được phép ăn chúng riêng.»

Bấy giời các tỳ-kheo đến bạch đức Thế tôn. Đức Thế tôn bảo rằng:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo, khi đại chúng tập hợp đông, được ăn chúng riêng.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, ăn chúng riêng, trừ các trường hợp khác, ba-dật-đề. Các trường hợp khác là khi bệnh, thời may y, thời thí y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại chúng tập hợp. Đó là các trường hợp khác.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ có người con của chị Vua Bình-sa[728] tên là Ca-la[729] dâng thức ăn cho các sa-môn, trước khi xuất gia trong phái dị học ngoại đạo, đến chỗ Vua Bình-sa thưa:

«Tôi đã vì các sa-môn thiết trai cúng dường rồi. Nay muốn xuất gia.»

Vua Bình-sa hỏi rằng:

«Muốn xuất gia nơi nào?»

Đáp rằng:

«Muốn xuất gia trong phái Ni-kiền Tử.»

Nhà Vua lại hỏi:

«Có làm thức ăn cúng dường sa-môn của ta không?»

Ca-la bảo:

«Tâu Đại vương, đó là hạng sa-môn nào?»

Nhà Vua bảo:

«Đó chính là sa-môn họ Thích.»

Ca-la nói:

«Tôi chưa làm thức ăn cúng dường các vị đó.»

Nhà Vua nói rằng:

«Ngươi nay nên dọn đồ ăn cúng dường sa-môn Thích tử.»

Ca-la liền đến trong Tăng-già-lam thưa với các tỳ-kheo rằng:

«Nay tôi muốn làm đồ ăn cúng dường Tăng tỳ-kheo. Xin quý ngài nhận lời mời của tôi.»

Các tỳ-kheo nói rằng:

«Chỉ được cúng cho ba vị. Chúng tôi không được ăn chúng riêng.»

Bấy giờ, Ca-la nói với các tỳ-kheo:

«Tôi làm đồ cúng dường các sa-môn trước khi xuất gia trong phái ngoại đạo. Rồi tôi đến chỗ Vua Bình-sa thưa, ‹Tôi đã làm đồ cúng dường các sa-môn. Nay tôi muốn xuất gia.› Vua hỏi tôi, ‹Muốn xuất gia nơi nào?› Tôi trả lời, ‹Muốn xuất gia trong phái Ni-kiền Tử.› Nhà Vua lại hỏi tôi, ‹Đã làm đồ ăn cúng dường sa-môn của ta chưa?› Bấy giờ tôi hỏi, ‹Đó là hạng sa-môn nào?› Vua nói với tôi, ‹Đó chính là sa-môn Thích tử.› Vua bảo tôi, ‹Ngươi hãy đến đó làm đồ ăn cúng dường sa-môn Thích tử, sau đó mới xuất gia.› Vì lý do ấy

cho nên tôi dến trong Tăng-già-lam mời các Đại đức. Cúi mong các vị nhận thỉnh lời mời của tôi.»

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo nghe kể như vậy liền đến bạch đức Thế tôn. Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo khi có sa-môn thí thực[194] thì được phép ăn chúng riêng.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, ăn chúng riêng, trừ các trường hợp khác, ba-dật-đề. Các trường hợp khác là khi bệnh, thời may y, thời thí y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại chúng tập hợp, khi sa-môn thí thực. Đó là các trường hợp khác.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Ăn chúng riêng: hoặc bốn người hay hơn bốn người.

Thức ăn: chỉ cho cơm, lương khô, cơm khô, cá và thịt[730].

Bệnh: cho đến cái gót chân bị trẹo.

Thời may y: sau khi tự tứ rồi, nếu không thọ y Ca-thi-na thì khoảng một tháng; nếu có thọ y Ca-thi-na thì khoảng năm tháng, cho đến trên y chỉ may một đường như răng con ngựa.

Thời thí y: sau khi tự tứ rồi, nếu không thọ y Ca-thi-na thì khoảng một tháng; nếu có thọ y Ca-thi-na thì khoảng năm tháng; và các trường hợp thí thực và y khác.

Khi đi đường: cho đến chỉ đi trong nửa do tuần gồm cả đi tới và đi lui.

Khi đi thuyền: cho đến nương trên thuyền xuôi hay ngược dòng nước trong vòng nửa do tuần.

Khi đại chúng tập hợp[731]: thức ăn đủ cho bốn người mà dư một người là có sự khốn đốn. Năm người, mười người, cho đến trăm người mà dư một người là khốn đốn.

Sa-môn thí thực[732]: đây chỉ cho những người xuất gia theo ngoại đạo bên ngoài sa-môn Thích tử.

Nếu tỳ-kheo không có lý do ăn chúng riêng, tỳ-kheo ấy nên đứng dậy thưa: «Tôi không có nhân duyên gì trong bữa ăn chúng riêng này. Tôi muốn ra khỏi chúng.»

Đức phật nói:

«Cho phép ra.»

Nếu những người nào không có lý do cũng được phép cho ra khỏi chúng. Nếu hai người, ba người, thì tùy ý thọ thực. Nếu bốn người hay hơn bốn người thì nên chia ra làm hai bộ, thay nhau vào ăn.

Nếu tỳ-kheo có nhân duyên để ăn theo chúng riêng mà muốn vào, thì hãy đứng dậy thưa: «Tôi có nhân duyên ăn riêng chúng. Tôi muốn vào.»

Đức Phật dạy:

«Nên chấp thuận. Tùy theo thứ tự Thượng tọa mà ngồi vào.»

Nếu tỳ-kheo nào ăn riêng chúng, mỗi miếng ăn phạm một ba-dật-đề. Nếu có lý do mà không nói, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Không phạm: khi bệnh, thời gian may y, thời gian thí y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại chúng tập họp, khi sa-môn

thí, hoặc ba người, bốn người đổi nhau ăn, hoặc đi có nhân duyên; tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXXIV. NHẬN QUÁ BA BÁT[733]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một người nữ tên Già-nhã-na[734], trước đó ở nơi đại thôn, sau lấy chồng người nước Uất-thiền. Qua vài tháng thì có mang, nên trở về nhà cha mẹ ở. Lúc ấy có các tỳ-kheo đến nhà đó khất thực; cô đích thân dâng thức ăn, trái cây cho các tỳ-kheo.

Sau đó một thời gian, người chồng sai người đến kêu về. Cô nói với sứ giả rằng:

«Hãy ở lại đây chờ một chút! Để tôi sửa soạn đầy đủ đồ ăn thức uống và trang điểm y phục rồi sau đó cùng đi.»

Lúc ấy có các tỳ-kheo đến nhà này khất thực, người nữ thấy, nên đem đồ ăn thức uống vừa sửa soạn, cúng hết cho các tỳ-kheo và thưa:

«Đại đức có thể nhận thức ăn này.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo nhận hết thức ăn, không để lại chút nào. Sau đó, cô phải sửa soạn và trang điểm trở lại xong mới ra đi[735].

Trong khi cô chưa kịp trở lại đó, thì chồng cô đã lấy vợ khác và sai sứ giả nói với cô rằng, «Nay tôi đã lấy vợ khác rồi, về hay không về tùy ý.»

Cha của Già-nhã-na nghe như vậy, đến trong Tăng-già-lam. Các tỳ-kheo thấy liền nói:

«Già-nhã-na, con gái của ông có tín tâm bền chặt và ưa bố thí.»

Cha của cô nói:

«Như tôn giả nói, con của tôi thật có tín tâm bền chặt. Nhưng cũng vì thế mà ngày nay nó gặp phải điều mà phụ nữ không vui.»

Các tỳ-kheo hỏi:

«Gặp chuyện gì?»

Cha của Già-nhã-na nói:

«Chồng của nó đã lấy vợ khác rồi.»

Khi ấy, ngoài cửa thành Ba-la-nại có nhiều đoàn khách thương đang nghỉ đêm cùng với xe cộ. Hôm đó có một tỳ-kheo khất thực, đến giờ mặc y bưng bát vào trong doanh trại của đoàn thương khách này khất thực.

Tỳ-kheo kia theo thứ tự đi xin, và đến đứng im lặng trước mặt thương chủ có lòng tin sâu đậm. Thương chủ thấy vậy, hỏi:

«Ngài đứng nơi đây có việc gì?»

Tỳ-kheo trả lời:

«Tôi khất thực.»

Thương chủ liền nói:

«Ngài đưa bình bát đây.»

Tỳ-kheo trao bình bát cho. Thương chủ lấy thức ăn ngon cho vào đầy cả bình bát. Tỳ-kheo khất thực mang thức ăn ra khỏi trại. Cách đó không xa, lại có một tỳ-kheo khất thực cũng muốn vào trong doanh trại khất thực, nên hỏi vị tỳ-kheo vừa nhận được thức ăn:

«Xin thức ăn được không?»

Đáp rằng:

«Được.»

Lại hỏi:

«Nhận được từ người nào?»

Đáp rằng:

«Nhận được từ thương chủ nọ.»

Bấy giờ, vị tỳ-kheo khất thực liền đến đứng yên lặng trước thương chủ nọ. Thương khách hỏi:

«Ngài đứng đây làm gì?»

Tỳ-kheo đáp rằng?

«Tôi khất thực.»

Thương khách nói:

«Đưa bình bát của ngài đây.»

Tỳ-kheo liền trao bát cho. Thương chủ lấy thức ăn ngon cho vào đầy cả bát rồi trao lại cho tỳ-kheo. Tỳ-kheo nhận được thức ăn vừa mang ra khỏi trại. Đi khỏi trại không xa, lại gặp một tỳ-kheo cũng muốn vào nơi doanh trại khất thực, nên hỏi:

«Xin thức ăn được không?»

Đáp rằng:

«Được.»

Lại hỏi:

«Nhận được từ người nào?»

Đáp rằng:

«Nhận được từ thương chủ nọ.»

Các tỳ-kheo khất thực thông tin cho nhau như vậy, đã khiến cho thương chủ hết cả lương thực đi đường.

Bấy giờ, thương chủ phải vào trong thành Ba-la-nại sắm lại lương thực. Trong khi đó các đồng bạn đã đi. Thương chủ phải đi sau, nên không theo kịp, dọc đường bị giặc cướp.

Các tỳ-kheo nghe được, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách các tỳ-kheo rằng: «Sao tỳ-kheo lại ăn hết thức ăn của người đàn bà đem về nhà chồng và lương thực đi đường của thương khách?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo đó:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao tỳ-kheo lại ăn hết thức ăn của người đàn bà đem về nhà chồng và lương thực đi đường của khách buôn?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo ấy rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, đến nhà bạch y được mời cúng thức ăn như bánh, hoặc lương khô[736], nếu cần tỳ-kheo nên nhận hai, ba bát; nhận hai, ba bát rồi về trong Tăng-già-lam nên phân cho các tỳ-kheo khác dùng; nếu nhận quá hai, ba bát về đến trong Tăng-già-lam không chia cho các tỳ-kheo khác dùng, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ có các tỳ-kheo bệnh, e sợ không dám nhận thức ăn quá mức, đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các Tỳ-kheo bệnh được nhận thức ăn quá mức đã ấn định.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, đến nhà bạch y được mời cúng thức ăn như bánh, hoặc lương khô, nếu cần tỳ-kheo nên nhận hai, ba bát; nhận hai, ba bát rồi về trong Tăng-già-lam nên phân cho các tỳ-kheo khác dùng; nếu tỳ-kheo không bệnh nhận quá hai, ba bát về đến trong Tăng-già-lam không chia cho các tỳ-kheo khác dùng, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nhà bạch y: nhà có nam, có nữ.

Bệnh: không thể ăn một bữa mà no đủ.

Nếu tỳ-kheo đến nhà bạch y, được mời cúng thức ăn như bánh, hoặc lương khô, nên hỏi người chủ rằng, «Có phải là thức ăn người phụ nữ đem về nhà chồng, hay lương thực đi đường của khách buôn?» Nếu họ nói là thức ăn người phụ nữ đem về nhà chồng và lương thực đi đường của khách buôn, thì nên ăn xong rồi ra về. Về lại trong Tăng-già-lam, bạch với các tỳ-kheo, «Nơi nhà kia có thức ăn của người phụ nữ đem về nhà chồng, hay lương thực đi đường của khách buôn. Nếu muốn ăn, hãy ăn xong rồi ra về. Nếu muốn mang thức ăn về, thì mang hai, ba bát[737]. Còn tôi hiện giờ không mang thức ăn về.»

Nếu muốn mang về một bát ăn, khi về đến trong Tăng-già-lam phải phân chia cho các tỳ-kheo cùng ăn. Nên nói với tỳ-kheo khác rằng, «Nơi nhà kia có thức ăn của người phụ nữ đem về nhà chồng, hay lương thực đi đường của khách buôn. Nếu có ai muốn đến đó, ăn tại đó. Nếu muốn mang thức ăn về, thì mang hai bát[738]. Còn tôi hiện giờ mang về một bát.»

Nếu mang hai bát thức ăn về trong Tăng-già-lam, phải phân chia cho các tỳ-kheo cùng ăn. Rồi lại nói với các tỳ-kheo khác rằng, «Nơi nhà kia có thức ăn của người phụ nữ đem về nhà chồng, hay lương thực đi đường của khách buôn. Nếu có ai muốn đến đó, ăn tại đó. Nếu muốn mang thức ăn về, thì mang một bát[739]. Còn tôi hiện giờ mang về hai bát.»

Nếu mang hết ba bát về phân chia cho các tỳ-kheo khác dùng thì nói với các tỳ-kheo khác rằng, «Nơi nhà kia có thức ăn của người phụ nữ đem về nhà chồng, hay lương thực đi đường của khách buôn. Nếu có ai muốn đến đó, ăn tại đó. Nếu muốn mang thức ăn về, thì cẩn thận chớ mang về[740]. Vì tôi hiện giờ mang về đủ ba bát rồi.»

Nếu tỳ-kheo không có bệnh, nhận thức ăn quá hai ba bát nơi nhà đó mang về, ra khỏi cửa phạm ba-dật-đề. [660a1] Một chân trong cửa, một chân ngoài cửa, phương tiện muốn đi mà đứng lại, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Nếu mang về

trong Tăng-già-lam không chia cho các tỳ-kheo khác dùng mà ăn một mình, phạm đột-kiết-la. Nếu không nói với các tỳ-kheo khác, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Không phạm: nhận hai, ba bát; vì bệnh mà nhận quá; có hỏi để biết là thức ăn của người phụ nữ đem về nhà chồng hay lương thực đi đường của khách buôn; mang về trong Tăng-già-lam chia cho các tỳ-kheo khác dùng; bạch với các tỳ-kheo khác biết nơi chốn như vậy. Hoặc tự họ đưa đến trong Tăng-già-lam thì được phép nhận. Hoặc họ đưa đến trong chùa của tỳ-kheo-ni, nhận thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXXV. DƯ THỰC PHÁP[741]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế tôn vì các tỳ-kheo dạy về pháp ăn một lần[742], khen ngợi pháp ăn một lần.

Khi các tỳ-kheo nghe đức Thế tôn dạy về pháp ăn một lần, khen ngợi pháp ăn một lần, nên các tỳ-kheo ăn thức ăn khư-xà-ni[743], hoặc ăn năm loại chánh thực[744], hoặc uống nước trái cây, hoặc uống thuốc, dồn lại ăn uống một lần không dám ăn lại, khiến cho hình thể gầy còm, nhan sắc tiều tụy.

Bấy giờ đức Thế tôn biết mà vẫn cố hỏi A-nan:

«Các tỳ-kheo này tại sao hình thể gầy còm, nhan sắc tiều tụy?»

Tôn giả A-nan bạch Phật:

«Đức Thế tôn đã dùng vô số phương tiện vì các tỳ-kheo dạy về pháp ăn một bữa, khen ngợi pháp ăn một bữa. Các tỳ-kheo nghe rồi, tại một chỗ ngồi ăn thức ăn khư-xà-ni, hoặc ăn năm loại thức ăn, hoặc uống nước trái cây, hoặc uống thuốc, dồn lại ăn một lần, rồi không dám ăn lại nữa. Do vậy hình thể gầy còm, nhan sắc tiều tụy.»

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo tại một chỗ ngồi ăn cho thật no.»

Các tỳ-kheo nghe đức Phật cho phép tại một chỗ ngồi cứ ăn cho đến khi nào thật no. Khi ấy các tỳ-kheo hoặc ăn thức ăn khư-xà-ni, hoặc ăn năm loại thức ăn, hoặc uống nước trái cây, hoặc uống thuốc, dồn lại ăn một lần, rồi không dám ăn lại nữa. Do vậy hình thể gầy còm, nhan sắc tiều tụy. Bấy giờ đức Thế tôn biết mà vẫn hỏi tôn giả A-nan:

«Các tỳ-kheo này tại sao hình thể khô héo, nhan sắc tiều tụy?»

Tôn giả A-nan bạch Phật:

«Các tỳ-kheo nghe đức Thế tôn cho phép các tỳ-kheo tại một chỗ ngồi cứ ăn cho đến khi nào đầy đủ; hoặc ăn thức ăn khư-xà-ni, hoặc ăn năm loại thức ăn, hoặc uống nước trái cây, hoặc uống thuốc, dồn lại ăn một lần, rồi không dám ăn lại nữa. Do vậy hình thể gầy còm, nhan sắc tiều tụy.»

Đức Thế tôn bảo tôn giả A-nan:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo ăn năm loại thức ăn hoặc cơm, hoặc bánh in, hoặc cơm khô, cá và thịt, khiến cho thật no. Đối với trong năm món ăn này, sẽ tùy thuộc vào thứ nào đã nhận được theo đó ăn cho thật no.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo bệnh, tuy đã nhận được thức ăn ngon như, cơm, bánh bột, cơm khô, cá và thịt, mà không đủ sức

khỏe để ngồi ăn luôn một lần cho nên hình thể bị gầy còm, nhan sắc tiều tụy. Đức Thế tôn biết mà vẫn hỏi tôn giả A-nan:

«Tại sao các tỳ-kheo bệnh hình thể gầy còm, nhan sắc tiều tụy?»

Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

«Tỳ-kheo bệnh này tuy nhận được năm món ăn ngon, nhưng không đủ sức khỏe ngồi ăn một lần cho đủ no nên hình thể gầy còm, nhan sắc tiều tụy.»

Đức Phật bảo A-nan:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo bệnh ăn nhiều lần[745]. Người bệnh không cần có phép túc thực[746] .»

Lúc ấy các tỳ-kheo bệnh nhận được thức ăn ngon bổ không thể ăn hết, cho người nuôi bệnh. Người nuôi bệnh ăn đủ rồi không dám ăn bèn đem bỏ. Các loài chim tranh nhau đến, giành ăn kêu la inh ỏi. Đức Thế tôn biết mà vẫn hỏi tôn giả A-nan rằng:

«Tại sao các loài chim kêu la inh ỏi thế?»

Tôn giả A-nan bạch Phật:

«Các tỳ-kheo bệnh này nhận được thức ăn ngon bổ ăn không hết, còn dư đem cho người nuôi bệnh. Người nuôi bệnh ăn đủ rồi không dám ăn, đem bỏ. Cho nên các loài chim giành nhau ăn kêu la inh ỏi như thế.»

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

«Từ nay về sau cho phép người nuôi bệnh được ăn thức ăn dư của người bệnh, khỏi phải làm pháp dư thực .»

Lúc bấy giờ các tỳ-kheo sáng sớm nhận được thức ăn, đem cất; rồi vào thôn khất thực. Ăn xong, trở về lấy thức ăn cất

cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo ăn đủ rồi, không dám ăn nữa, đem bỏ các loài chim tranh nhau ăn kêu la. Đức Thế tôn biết mà vẫn hỏi tôn giả A-nan:

«Tại sao các loài chim kêu la như thế?»

Tôn giả A-nan bạch Phật:

«Các tỳ-kheo sáng sớm nhận được thức ăn, đem cất; rồi vào thôn khất thực. Ăn xong, trở về lấy thức ăn cất cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo ăn đủ rồi không dám ăn nữa, đem bỏ cho nên các loài chim tranh nhau ăn kêu la như vậy.»

Đức Phật bảo A-nan:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo lấy thức ăn nhận được làm pháp dư thực rồi ăn. Tác pháp dư thực bằng cách đem thức ăn ấy đến trước một Đại đức ăn chưa xong nói, ‹Thưa đại đức, tôi đã ăn đủ rồi, biết cho, xem cho.› Đây là tác pháp dư thực. Vị tỳ-kheo kia nên lấy một ít để ăn, rồi nói với vị tác pháp rằng, ‹Thầy tùy ý lấy ăn.› Nên tác pháp dư thực như vậy rồi mới ăn.»

Về sau, có một trưởng lão, vốn là tỳ-kheo được nhiều người biết, vào trong thôn khất thực, được nhiều thức ăn, tập trung lại một chỗ cùng ăn. Ăn xong, đem thức ăn dư về trong Tăng-già-lam cho các vị tỳ-kheo. Các tỳ-kheo ăn đủ rồi không dám ăn, đem bỏ. Các loài chim tranh nhau ăn, kêu la inh ỏi. Đức Thế tôn biết mà vẫn hỏi A-nan:

«Tại sao các loài chim kêu la như thế?»

Tôn giả A-nan bạch:

Có một trưởng lão, vốn là tỳ-kheo được nhiều người biết, vào trong thôn khất thực, được nhiều thức ăn, tập trung lại một chỗ cùng ăn. Ăn xong, đem thức ăn dư về trong Tăng-già-lam cho các vị tỳ-kheo. Các tỳ-kheo ăn đủ rồi không

dám ăn, đem bỏ. Các loài chim tranh nhau ăn, kêu la như vậy.»

Đức Phật bảo A-nan:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo, thức ăn từ nơi khác đem về nên làm pháp dư thực để ăn. Tác pháp dư thực bằng cách đem thức ăn ấy đến trước một Đại đức ăn chưa xong nói, ‹Thưa đại đức, tôi đã ăn đủ rồi, biết cho, xem cho.› Đây là tác pháp dư thực. Vị tỳ-kheo kia nên lấy một ít để ăn, rồi nói với vị tác pháp rằng, ‹Thầy tùy ý lấy ăn.› Vị tỳ-kheo kia nên tác pháp dư thực như vậy rồi mới ăn.»

Khi ấy trong nước Xá-vệ có một tỳ-kheo tham ăn, không biết ăn đủ là thế nào, ăn không đủ là thế nào; không biết pháp dư thực, hay không dư thực; nhận được thức ăn là ăn.

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách tỳ-kheo kia, ‹Sao lại tham ăn, không biết thế nào là ăn đủ, thế nào là không ăn đủ, không biết dư thực, hay không dư thực; nhận được thức ăn là ăn?›

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn hỏi tỳ-kheo kia rằng:

«Thật sự ông có tham ăn, không biết thế nào là ăn đủ, thế nào là không ăn đủ; không biết dư thực, hay không dư thực; nhận được thức ăn là ăn?»

Tỳ-kheo kia thưa rằng:

«Bạch đức Thế tôn, thật vậy.»

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy

thuận, làm điều không nên làm. Tỳ-kheo, sao lại tham ăn như vậy?»

Đức Thế tôn quở trách xong, bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo [661a1] kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, ăn đã đủ, hoặc khi thọ thỉnh[747], không làm pháp dư thực[748] mà ăn nữa, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Thức ăn : gồm năm thứ: cơm, bánh bột, cơm khô, cá và thịt. Đối với trong năm thức ăn này, bất cứ ăn một thứ nào, hoặc cơm, hoặc bánh bột, hoặc cơm khô, hoặc cá và thịt khiến cho no đủ. Có năm loại ăn đủ[749]: biết là cơm, biết được đem đến, biết ngăn, biết oai nghi, biết xả oai nghi. Ăn đủ rồi, đã xả oai nghi, không làm pháp dư thực mà nhận được và ăn, mỗi miếng ăn phạm một ba-dật-đề.

Lúc bấy giờ, tôn giả Ưu-ba-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trống vai bên hữu, quỳ gối chấm đất, chắp tay bạch Phật:

«Tỳ-kheo đang đi, có bao nhiêu chỗ được xem là túc thực?»

Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

«Có năm chỗ được xem túc thực. Thế nào là năm? Ưu-ba-ly, Tỳ-kheo biết mình đang đi, biết thức ăn là cơm, biết đã được đem đến, biết ngăn, biết oai nghi, biết xả oai nghi. Biết túc thực rồi, đã xả oai nghi[750] , không tác pháp tàn thực, nhận được thức ăn mà ăn, mỗi miếng ăn phạm một ba-dật-đề.

«Trong đó[751], Ưu-ba-ly, tỳ-kheo biết mình đang đi, biết bánh bột, biết cơm khô, cá và thịt, biết sự mang đến, biết ngăn, biết oai nghi, biết xả oai nghi. Túc thực rồi, đã xả oai nghi, không làm pháp dư thực, nhận được thức ăn mà ăn, mỗi miếng ăn phạm một ba-dật-đề.

«Trong đó, Ưu-ba-ly, trong khi ấy, tỳ-kheo biết khi đi, biết thức ăn là bánh bột, biết người mang đến, biết ngăn, biết oai nghi, biết xả oai nghi. Túc thực rồi đã xả oai nghi, không làm pháp dư thực, nhận được thức ăn mà ăn, mỗi miếng ăn phạm một ba-dật-đề.

«Trong đó, Ưu-ba-ly, trong khi ấy, tỳ-kheo biết khi đi, biết cơm khô, biết cá và thịt, cơm, bánh bột, biết người mang đến, biết ngăn, biết oai nghi, biết xả oai nghi. Túc thực rồi đã xả oai nghi, không làm pháp dư thực, nhận được thức ăn mà ăn, mỗi miếng ăn phạm một ba-dật-đề.

«Trong đó, Ưu-ba-ly, tỳ-kheo biết khi đi, biết thức ăn là cơm khô, biết người mang đến, biết ngăn, biết oai nghi, biết xả oai nghi. Túc thực rồi đã xả oai nghi, không làm pháp dư thực, nhận được thức ăn mà ăn, mỗi miếng ăn phạm một ba-dật-đề.

«Trong đó, Ưu-ba-ly, tỳ-kheo biết khi đi, biết cá và thịt, cơm, bánh bột, biết người mang đến, biết ngăn, biết oai nghi, biết xả oai nghi. Túc thực rồi đã xả oai nghi, không làm pháp dư thực, nhận được thức ăn mà ăn, mỗi miếng ăn phạm một ba-dật-đề.

«Trong đó, Ưu-ba-ly, tỳ-kheo biết khi đi, biết thức ăn là cá, biết người mang đến, biết ngăn, biết oai nghi, biết xả oai nghi. Túc thực rồi đã xả oai nghi, không làm pháp dư thực, nhận được thức ăn mà ăn, mỗi miếng ăn phạm một ba-dật-đề.

«Trong đó, Ưu-ba-ly, tỳ-kheo biết khi đi, biết thịt, cơm, bánh bột, cơm khô, biết người đem đến, biết ngăn, biết oai nghi, biết xả oai nghi. Túc thực rồi đã xả oai nghi, không làm pháp

dư thực, nhận được thức ăn mà ăn, mỗi miếng ăn phạm một ba-dật-đề.

«Trong đó, Ưu-ba-ly, tỳ-kheo biết khi đi, biết thức ăn là thịt, biết người mang đến, biết ngăn, biết oai nghi, biết xả oai nghi. Túc thực rồi đã xả oai nghi, không làm pháp dư thực, nhận được thức ăn mà ăn, mỗi miếng ăn phạm một ba-dật-đề.

«Trong đó, Ưu-ba-ly, tỳ-kheo biết khi đi, biết cơm, bánh bột, cơm khô, cá và thịt biết người mang đến, biết ngăn, biết oai nghi, biết xả oai nghi. Túc thực rồi đã xả oai nghi, không làm pháp dư thực, nhận được thức ăn mà ăn, mỗi miếng ăn phạm một ba-dật-đề.

«Ưu-ba-ly, như vậy gọi là năm chỗ túc thực của tỳ-kheo trong khi đang đi. Đứng, ngồi, nằm cũng như vậy.»

Thức ăn khư-xà-ni[752], gồm có thức ăn khư-xà-ni củ, thức ăn nhánh, lá, hoa, trái khư-xà-ni, thức ăn dầu, mè, đường mía, (thức ăn) nghiền nát[753]. Tỳ-kheo nào túc thực rồi, không tác pháp dư thực, nhận được thức ăn mà ăn, mỗi miếng phạm một ba-dật-đề.

Nếu túc thực rồi vì người khác làm pháp dư thực mà không thành pháp dư thực, phạm đột-kiết-la.

Nếu biết người khác túc thực rồi, tác pháp dư thực mà không thành pháp dư thực, phạm đột-kiết-la.

Nếu tỳ-kheo tự tay cầm thức ăn, tác pháp dư thực mà không thành pháp dư thực, đột-kiết-la.

Nếu cầm thức ăn để dưới đất, tác pháp dư thực không thành pháp dư thực, phạm đột-kiết-la.

Nếu tỳ-kheo khiến tịnh nhơn cầm thức ăn, tác pháp dư thực không thành pháp dư thực, phạm đột-kiết-la.

Nếu tỳ-kheo tác pháp dư thực trước tịnh nhơn, phạm đột-kiết-la. Lấy thức ăn không ngon phủ lên trên thức ăn ngon, tác pháp dư thực không thành pháp dư thực, phạm đột-kiết-la.

Nếu tỳ-kheo nhận pháp dư thực của người khác đem hết đi, không thành pháp dư thực, phạm đột-kiết-la.

Nếu túc thực tưởng là túc thực, ba-dật-đề. Nếu túc thực mà nghi, đột-kiết-la. Nếu tỳ-kheo không túc thực tưởng là túc thực, phạm đột-kiết-la. Không túc thực mà nghi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Không phạm: thức ăn mà tưởng chẳng phải thức ăn, không nhận tác pháp dư thực; chẳng phải thức ăn, không tác pháp dư thực; tự tay giữ lấy, làm pháp dư thực; không để dưới đất tác pháp dư thực; cho đến tay rờ đụng đồ đựng thức ăn; hoặc vì người, người vì mình, tác pháp dư thực; hoặc bị bệnh không tác pháp dư thực; thức ăn dư của người bệnh, không tác pháp dư thực; hoặc đã tác pháp dư thực. Tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXXVI. MỜI NGƯỜI TÚC THỰC[754]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ trong nước Xá-vệ có hai anh em đều làm tỳ-kheo. Một người ham thích ăn uống, không biết túc thực hay không túc thực; dư thực hay không dư thực; nhận được thức ăn là ăn. Có vị tỳ-kheo khác nói rằng: «Chưa từng có một người nào như thầy, ham thích ăn uống, không biết

túc thực, không túc thực; dư thực, không dư thực; nhận được thức ăn là ăn liền.»

Tỳ-kheo kia nghe câu nói như vậy, ôm lòng thù hận. Sau đó, một thời gian, thấy vị tỳ-kheo này ăn rồi không làm pháp dư thực liền ân cần mời ăn. Tỳ-kheo này ăn. Tỳ-kheo tham ăn kia nói rằng:

«Chưa từng thấy có thầy nào ham thích thức ăn như thầy, không biết túc thực hay không túc thực; không biết dư thực hay không dư thực; nhận được thức ăn là ăn, không biết nhàm chán, không biết đủ.»

Tỳ-kheo này nói:

«Tuy tôi đã ăn nhưng chưa đủ.»

Tỳ-kheo kia nói:

«Thầy trước đó đã ăn no đủ rồi.»

Tỳ-kheo này nói:

«Thầy đã biết tôi ăn đủ rồi phải không?»

Đáp rằng:

«Vâng, tôi biết.»

Tỳ-kheo này hỏi rằng:

«Thầy biết tôi như vậy mà cố mời tôi ăn phải không?»

Đáp rằng:

«Vâng, tôi biết.»

Khi ấy tỳ-kheo này hiềm trách tỳ-kheo kia rằng:

«Tại sao biết tỳ-kheo khác đã ăn đủ rồi mà ân cần mời ăn, muốn cho người khác phạm giới?»

Bấy giờ các tỳ-kheo nghe việc này, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách tỳ-kheo kia: «Tại sao biết người khác đã ăn đủ rồi mà ân cần mời ăn, muốn khiến cho họ phạm tội?»

Lúc bấy giờ các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo. Biết mà Phật vẫn hỏi tỳ-kheo kia rằng:

«Có thật ông biết người kia đã ăn đủ rồi mà ân cần mời ăn, muốn cho người kia phạm giới hay không?»

Vị tỳ-kheo kia thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, có thật như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách vị tỳ-kheo kia:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao biết người khác đã ăn đủ rồi lại ân cần mời ăn, muốn cho họ phạm giới?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo kia rồi bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, biết tỳ-kheo khác đã ăn đủ, ân cần mời ăn, nói rằng, ‹Trưởng lão hãy dùng món ăn này!› chỉ vì mục đích muốn cho người khác phạm giới chứ không gì khác, ba-dật đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Lúc ấy các tỳ-kheo chưa biết đã ăn hay chưa ăn, không biết đã ăn đủ hay chưa ăn đủ, sau đó mới biết là đã ăn đủ, hoặc tác pháp sám ba-dật-đề, hoặc có vị e sợ. Đức Phật bảo:

«Không biết thì không phạm.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, biết tỳ-kheo khác đã ăn đủ, hoặc thọ thỉnh[755], mà ân cần mời ăn, nói rằng, ‹Trưởng lão hãy dùng món ăn này!› chỉ vì mục đích muốn cho người khác phạm giới chứ không gì khác, ba-dật đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Thức ăn: có năm thứ như trước đã giải.

Mời: cũng có năm cách như đã nói trên[756].

Tỳ-kheo kia biết tỳ-kheo khác đã ăn đủ, không làm pháp dư thực, mà ân cần mời ăn, nói rằng, «Trưởng lão, hãy dùng món ăn này.» Vị kia nhận ăn, mỗi miếng, cả hai đều phạm ba-dật-đề. Nếu mời ăn, tỳ-kheo được mời không ăn, đem bỏ, thì người mời phạm đột-kiết-la. Nếu tỳ-kheo mời ăn, người kia nhận mà không ăn, đem cất thì kẻ mời phạm đột-kiết-la. Nếu tỳ-kheo mời, người kia nhận rồi chuyển cho người khác, thì người mời phạm đột-kiết-la. Tỳ-kheo không tác pháp dư thực, đem cho người. Người ấy tác pháp dư thực rồi ăn. Người cho phạm đột-kiết-la. Nếu đem thức ăn người

bệnh cho, muốn người khác phạm. Người cho phạm đột-kiết-la. Đem thức ăn dư của người bệnh cho người khác, muốn người khác phạm thì người cho phạm đột-kiết-la. Nếu tác pháp dư thực rồi, đem cho người khác muốn cho người khác phạm, thì người cho phạm đột-kiết-la.

Ăn đủ tưởng là ăn đủ, ba-dật-đề. Đủ mà nghi, đột-kiết-la. Không ăn đủ tưởng là ăn đủ, đột-kiết-la. Không ăn đủ mà nghi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Không phạm: nếu trước không biết; hoặc ăn đủ tưởng là không ăn đủ; hoặc cho để bỏ mà ăn; hoặc cho để cất mà ăn; hoặc bảo đem cho người mà lấy ăn; hoặc chưa làm pháp dư thực mà cho; bảo làm pháp dư thực mà ăn; người kia không làm pháp dư thực mà ăn; hoặc đem thức ăn dư của người bệnh mà cho, không khiến cho người khác phạm; tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXXVII. PHI THỜI THỰC[757]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt. Bấy giờ nhân dân trong thành La-duyệt làm lễ tiết hội, tổ chức kỹ nhạc.

Khi ấy, hai Thích tử Nan-đà, Bạt-nan-đà đến xem kỹ nhạc. Thích tử Nan-đà, Bạt-nan-đà vì tướng mạo đoan chánh nên mọi người đều muốn ngắm nhìn. Khi ấy có một người trong đám đông nói:

«Quý vị chỉ ngắm suông Sa-môn Thích tử. Sao không cung cấp thức ăn? Phải cúng dường, sau đó mới ngắm!»

Lúc ấy, mọi người đều cho thức ăn. Hai Thích tử Nan-đà, Bạt-nan-đà ăn xong, tiếp tục coi ca nhạc mãi cho đến chiều tối mới về đến núi Kỳ-xà-quật. Các tỳ-kheo thấy, hỏi:

«Các thầy sao lại đi vào lúc tối mịt thế?»

Nan-đà, Bạt-nan-đà đem nhân duyên ấy thuật lại các tỳ-kheo.

Cũng trong khi sẩm tối ấy, Ca-lưu-đà-di[758] khoác y, bưng bát vào thành La-duyệt khất thực. Trong lúc trời đang nhá nhem tối, Ca-lưu-đà-di lại đến khất thực nhằm nhà người đàn bà đang mang thai. Người đàn bà ấy mang thức ăn ra cửa ngõ, gặp lúc trời chớp, chợt thấy sắc diện của Ca-lưu-đà-di[759],hoảng sợ hét to: ‹Quỷ! quỷ!› Do đó trụy thai. Ca-lưu-đà-di nói rằng:

«Đại muội, tôi chẳng phải là quỷ mà là Sa-môn Thích tử.»

Người đàn bà nổi giận nói:

«Sa-môn Thích tử, hãy lòi ruột ra đi, chứ đừng đi khất thực ban đêm!»

Ca-lưu-đà-di nghe câu nói ấy, trở về đến trong Tăng-già-lam, đem nhơn duyên này kể lại cho các tỳ-kheo nghe.

Trong số đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách việc làm Nan-đà, Bạt-nan-đà thích tử, cùng Ca-lưu-đà-di: «Này Nan-đà, Bạt-nan-đà và Ca-lưu-đà-di, sao các thầy lại đi khất thực vào lúc phi thời cùng xem ca nhạc?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp

Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Nan-đà, Bạt-nan-đà Thích tử, cùng Ca-lưu-đà-di:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nan-đà, Bạt Nan-đà, Ca-lưu-đà-di, sao các ông lại khất thực lúc phi thời, cùng xem ca nhạc?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Nan-đà, Bạt-nan-đà Thích tử, cùng Ca-lưu-đà-di rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, không được xem kỹ nhạc. Xem kỹ nhạc phạm đột-kiết-la.

«Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, nhận thức ăn[760] phi thời và ăn, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Thời : từ khi sáng xuất hiện cho đến giữa ngày. Đây là thời giờ đúng pháp để ăn. Bốn châu thiên hạ cũng ăn như vậy.

Phi thời: từ giữa ngày cho đến khi bình minh chưa xuất hiện.

Thức ăn : có hai loại: khư-xà-ni và bồ-xà-ni[761], mỗi thứ có năm loại như trên.

Nếu tỳ-kheo nào nhận được thức ăn phi thời và ăn, mỗi miếng phạm một ba-dật-đề. Nếu phi thời, quá phi thời, ba-dật-đề. Bảy ngày[762], mà để quá bảy ngày, ba-dật-đề. Thuốc trọn đời[763], không nhơn duyên mà dùng, đột-kiết-la. Phi thời

tưởng là phi thời, ba-dật-đề. Phi thời mà nghi, đột-kiết-la. Phi thời tưởng là thời đột-kiết-la. Thời tưởng là phi thời đột-kiết-la. Thời mà nghi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Không phạm: Bấy giờ, có tỳ-kheo khất thực thấy người ta làm đường đen[764], trong đó có chất kế-ni[765], vì e sợ nên cẩn thận không dám dùng phi thời. Đức Phật dạy, «Cho phép dùng, không phạm. Phương pháp chế biến phải như vậy.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh uống thuốc xổ. Tỳ-kheo nấu cháo. Thời gian chờ cháo chín quá giờ. Nên nấu lúa mạch, đừng cho nó bể vỏ, lọc lấy nước mà dùng thì không phạm. Thức ăn trong cổ ói ra, mà nuốt vào không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XXXVIII. THỨC ĂN CÁCH ĐÊM[766]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt. Bấy giờ, tôn giả Ca-la[767] cũng đang tọa thiền tư duy ở trong đó. Hằng ngày, đến giờ Tôn giả khoác y, bưng bát, vào thành La-duyệt, khất thực.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt khất thực dễ dàng, nên Ca-la khởi ý nghĩ: «Phiền gì hằng ngày ta phải vào thành khất thực cho vất vả. Ta hãy ăn những thức ăn được trước; [663a1] thức ăn đang được thì mang về.» Sau đó, làm theo như điều suy nghĩ[768]. Tôn giả liền thực hiện theo ý nghĩ ấy.

Bấy giờ các tỳ-kheo không thấy Ca-la vào giờ tiểu thực, và đại thực, nên các cùng nhau bàn tán, «Chúng ta không thấy Ca-la vào tiểu thực, và đại thực. Phải chăng thầy ấy đã qua

đời, hay đi xa, hoặc thôi tu, hay bị giặc giết, bị ác thú hại, cũng có thể bị nước cuốn trôi lắm!»

Sau đó một thời gian lại thấy Ca-la xuất hiện. Các tỳ-kheo hỏi:

«Mấy hôm nay thầy đi đâu mà vào giờ tiểu thực, và đại thực không thấy thầy? Chúng tôi tưởng thầy đã qua đời hay đi xa, hoặc bị ác thú hại, hay là thôi tu, hoặc bị ác thú hại.»

Bấy giờ, Ca-la đem sự việc trên kể lại cho các tỳ-kheo nghe. Trong số đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Ca-la: «Sao lại chứa cất thức ăn cách đêm mà ăn?»

Lúc bấy giờ các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo. Biết mà ngài vẫn hỏi Ca-la:

«Thật sự ông có cất thức ăn cách đêm để ăn hay chăng?»

Ca-la thưa:

«Thật như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Ca-la:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Ca-la, sao ông lại cất đồ ăn cách đêm mà ăn? Ý nghĩ của ông tuy là thiểu dục tri túc, nhưng chúng sanh đời sau sẽ bắt chước làm theo.»

Đức Thế tôn quở trách Ca-la rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, ăn thức ăn cách đêm[769], ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên

Thức ăn cách đêm[770] : nhận được hôm nay để đến ngày mai. Tất cả sa-môn Thích tử, đã thọ đại giới, mà ăn thức ăn như vậy, đều không thanh tịnh.

Thức ăn có hai loại: Thức ăn chánh và thức ăn phi chánh[771]. Thức ăn phi chánh là thức ăn bằng củ, cho đến thức ăn được nghiền vụn[772]. Thức ăn chính là thịt, cá, cơm khô, lương khô và cơm.

Tỳ-kheo ăn thức ăn cách đêm, mỗi miếng phạm một ba-dật-đề. Thức ăn phi thời, quá phi thời ăn, ba-dật-đề. Nhận thuốc bảy ngày, quá bảy ngày dùng, ba-dật-đề. Thuốc dùng suốt đời, không có lý do bệnh mà dùng, đột-kiết-la.

Cách đêm khởi ý tưởng cách đêm, ba-dật-đề. Cách đêm mà nghi, đột-kiết-la. Chẳng phải cách đêm mà tưởng là cách đêm, đột-kiết-la. Chẳng phải cách đêm mà nghi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Không phạm: thức ăn nhận được dư cách đêm, còn dư đem cho cha mẹ. Hay cho người làm tháp, người làm phòng xá, tính giá công bằng thức ăn; sau đó, tỳ-kheo khất thực nơi người làm ấy mà được lại thức ăn. Nơi bát có lỗ nứt, thức ăn nhét vào, khi rửa cạy sợ bể thì nên cẩn thận như pháp mà rửa, nếu nó không ra thì không phạm. Nếu ban đêm nhận sữa, dầu, bơ, mỡ dùng để nhểu vào lỗ mũi; nếu khi nhểu vào sữa dầu chảy ra lại nên bỏ. Tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách[773].

---o0o---

XXXIX. BỎ VÀO MIỆNG VẬT KHÔNG ĐƯỢC CHO[774]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ trong thành Xá-vệ có một tỳ-kheo[775] nghĩ rằng, «Ta nên thường đi khất thực với chiếc y phấn tảo.»[776] Và vị ấy liền thực hành theo ý nghĩ.

Bấy giờ, có các cư sĩ trong thành Xá-vệ, vì cha mẹ, anh em, chị em, hay chồng vợ, con trai con gái của họ qua đời, làm đồ ăn thức uống thiết lễ cúng tế ở ngả tư đường, hoặc nơi cửa ngõ, hoặc bên bờ sông, dưới gốc cây, hoặc bên hòn đá, hoặc trong miếu thờ.

Bấy giờ, vị tỳ-kheo khất thực kia tự lấy phẩm vật họ cúng đó ăn. Các cư sĩ thấy vậy đều cơ hiềm, «Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn; phạm điều lấy vật không cho. Bên ngoài tự xưng rằng ta tu chánh pháp. Như vậy thì có chánh pháp gì? Chúng ta vì cha mẹ, anh em, chị em… qua đời, sắm đồ ăn thức uống tế tự cúng dường, mà họ lại lấy ăn. Hình như chúng ta vì họ làm đồ ăn thức uống, đặt nơi đó, để cúng dường cho họ vậy! Sự thật, chúng ta vì cha mẹ, cho đến anh chị em của chúng ta qua đời cho nên mới thiết lập thức ăn này để tế tự, mà họ lại tự ý lấy ăn.»

Khi ấy, các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách tỳ-kheo khất thực rằng:

«Tỳ-kheo khất thực, sao các cư sĩ trong thành Xá-vệ, vì cha mẹ, cho đến anh chị em của họ qua đời; họ sửa soạn thức ăn để tế tự cúng dường, mà thầy lại tự tiện lấy ăn?»

Bấy giờ các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo kia:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tỳ-kheo khất thực, sao ông tự tiện lấy thức ăn cúng tế của các cư sĩ trong thành Xá-vệ mà ăn?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo khất thực kia rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Tỳ-kheo khất thực ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, cho vào miệng thức ăn, hoặc thuốc không được trao nhận[777], ba-dật-đề.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, các tỳ-kheo đối trong vấn đề ấy có nghi, không dám tự tay lấy tăm xỉa răng và nước uống. Đức Phật bảo:

«Tỳ-kheo tự tay lấy tăm xỉa răng và nước uống, không phạm.»

Từ nay trở đi, nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, cho vào miệng thức ăn, hoặc thuốc không được trao nhận[778], trừ nước và tăm xỉa răng[779], ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Không được cho[780]: tức là chưa được trao nhận.

Nhận: có năm cách nhận. Tay trao tay mà nhận; hoặc tay trao dùng vật mà nhận; dùng vật trao tay mà nhận; dùng vật trao dùng vật nhận, từ xa dùng vật trao cho người nhận lấy, giữa người trao và người nhận đều biết có khoảng cách không xúc ngại; vật cho được rơi vào trong tay. Đó gọi là năm cách nhận.

Lại có năm cách nhận thức ăn : cho qua thân và nhận qua thân, cho qua y (áo, vải) và nhận qua y; cánh tay này co lại để trao, cánh tay kia co lại để nhận; dùng vật đựng để cho, dùng vật đựng để nhận; hoặc có nhân duyên để dưới đất cho. Đó gọi là năm cách nhận thức ăn[781].

Thức ăn khư-xà-ni: Thức ăn từ rễ, cho đến thức ăn được nghiền nhỏ mịn.

Thức ăn:[782] gồm có cơm, bánh bột, cơm khô, thịt và cá.

Thức ăn xà-da-ni: gồm có tô, du, sanh tô, mật, thạch mật[783].

Tỳ-kheo nào, thức ăn không được trao mà tự tay lấy bỏ vào miệng, trừ nước và tăm xỉa răng, [664a1] mỗi miếng phạm một ba-dật-đề. Phi thời, quá phi thời ăn, ba-dật-đề. Nhận thuốc bảy ngày, quá bảy ngày dùng, ba-dật-đề. Thuốc dùng suốt đời, không có nhơn duyên, không được trao cho nhận mà dùng, đột-kiết-la. Không được trao cho nhận, tưởng không được trao cho nhận, ba-dật-đề. Không được trao cho nhận mà nghi, đột-kiết-la. Nhận mà khởi ý tưởng không nhận, đột-kiết-la. Nhận mà có nghi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Lấy nước và tăm xỉa răng; hoặc sữa, dầu, mỡ không được trao nhận mà nhểu vào mũi; chảy vào miệng rồi nhổ ra hết, còn dư[784], không phạm. Hoặc tỳ-kheo khất thực, chim ngậm thức ăn bay rơi vào bát, hay gió thổi rớt vào bát, muốn trừ bỏ thức ăn ấy, cho đến chỉ bằng một móng tay cũng có thể trừ bỏ, còn dư, không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XL. YÊU SÁCH MỸ THỰC[785]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử có một thương chủ là đàn-việt. Đến giờ khất thực, Bạt-nan-đà Thích tử khoác y, bưng bát, đến nơi nhà thương chủ đó, nói như vầy:

«Nay tôi muốn có được thức ăn mỹ diệu[786].»

Thương chủ hỏi:

«Nay, Đại đức có bệnh gì mà phải nghĩ đến thức ăn ấy?»

Đáp rằng:

«Tôi không có bệnh hoạn gì cả. Mà muốn được thức ăn như vậy thôi.»

Thương chủ thưa:

«Chúng con là nhà buôn, buôn bán để sinh sống, còn không thể có được thức ăn như vậy, huống là người xuất gia.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo khất thực nghe những lời này, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Tại sao thầy chỉ vì tự thân mà cầu xin thức ăn mỹ diệu[787] như thế?»

Khi tỳ-kheo khất thực thọ thực rồi, trở về trong Tăng-già-lam, đem nhơn duyên này nói lại cho các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Tại sao Thầy chỉ vì tự thân mà cầu xin thức ăn mỹ diệu như vậy?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Bạt-nan-đà, sao chỉ vì tự thân mà cầu xin thức ăn mỹ diệu như vậy?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Bạt-nan-đà ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Nếu có các thức ăn mỹ diệu như sữa, bơ, cá và thịt, tỳ-kheo nào, với thức ăn ngon như vậy, chỉ vì tự thân, đòi hỏi để được ăn, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ các tỳ-kheo bệnh nghe vậy, vì e sợ không dám xin, không dám vì tỳ-kheo bệnh xin, nhận được không dám ăn.

Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép tỳ-kheo bệnh được xin; người kia vì tỳ-kheo bệnh được xin. Xin được rồi, cho phép ăn.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Nếu có[788] các thức ăn mỹ diệu[789] như sữa, bơ, cá và thịt, tỳ-kheo nào không bịnh, với thức ăn[790] ngon như vậy, chỉ vì tự thân, đòi hỏi để được ăn, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Thức ăn mỹ diệu: sữa, bơ, cá và thịt.

Bệnh: cho đến không đủ sức ngồi để ăn xong một bữa[791].

Tỳ-kheo nào không bệnh, vì tự thân, xin thức ăn mỹ diệu này mà ăn, mỗi miếng ăn phạm một ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Người bệnh tự xin; vì người bệnh xin; khất thực được mà ăn; hoặc mình vì người, người vì mình xin; hoặc không xin mà được, thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XLI. CHO NGOẠI ĐẠO ĂN[792]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời đức Phật dẫn một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử từ nước Câu-tát-la du hành đến nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ, có các đàn-việt cúng dường Phật và chúng Tăng rất nhiều bánh. Bấy giờ, đức Thế tôn bảo Tôn giả A-nan:

«Ông đem bánh này chia cho chúng Tăng.»

Tôn giả vâng lời Phật dạy đem chia. Chia xong còn dư. Đức Phật bảo tôn giả đem cho người đi xin. Tôn giả vâng lời dạy của Phật đem cho mỗi người một cái. Trong số người hành khất kia có một người nữ ngoại đạo lõa thể[793], nhan mạo xinh đẹp. Khi tôn giả A-nan phân phối bánh, bánh dính vào nhau tưởng là một, phát cho cô ta. Cô ta hỏi người đứng gần rằng:

«Bà được mấy cái?»

Người kia trả lời:

«Tôi được một cái.»

Trả lời xong bà ấy lại hỏi cô ta:

«Cô được mấy cái?»

Cô ta nói:

«Tôi được hai cái.»

Người đàn bà kia liền nói với cô:

«Tỳ-kheo đó cùng cô tư thông, cho nên cô mới được hai cái.»

Bấy giờ tôn giả A-nan nghe những lời nầy, liền ôm lòng ưu sầu. Các tỳ-kheo nghe cũng không vui.

Trong số những người tụ hội kia, có một Phạm chí[794], nhận thức ăn này xong, lại trên đường đến Câu-tát-la. Trên đường

đi gặp một người bà-la-môn chí tín, làm nghề xem tướng, hỏi:

«Ông từ đâu đến?»

Phạm chí trả lời:

«Tôi từ Xá-vệ đến.»

Bà-la-môn hỏi:

«Sao, trong nước Xá-vệ khất cầu thức ăn dễ dàng lắm không? Có thể còn thừa mang theo không?»

Phạm chí nói:

«Có thể xin được.»

Bà-la-môn hỏi:

«Xin nơi ai mà dễ được vậy?»

Phạm chí trả lời:

«Xin từ cư sĩ trọc đầu.»

Người bà-la-môn lại hỏi:

«Cư sĩ trọc đầu là ai?»

Phạm chí nói:

«Chính là sa-môn Cù-đàm.»

Người bà-la-môn bất bình nói:

«Ông là người gì mà ăn của người ta lại nói lời ác như vậy?»

Người bà-la-môn kia đến trong Tăng-già-lam, đem sự việc đã nghe kể lại cho các tỳ-kheo.

Các tỳ-kheo này đem nhơn duyên nầy bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn vì nhơn duyên trên tập hợp Tăng tỳ-kheo bảo rằng:

«Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, cho thức ăn đến lõa hình ngoại đạo nam hoặc nữ, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Các ngoại đạo đều có lời oán trách:

«Một người, hai người ngoại đạo có lỗi, chớ chúng tôi đâu có tội gì mà không cho thức ăn?»

Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau, các tỳ-kheo nào muốn cho thức ăn, nên để dưới đất mà cho, hoặc sai người cho.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy.

Tỳ-kheo nào, tự tay cho thức ăn đến lõa hình ngoại đạo nam hoặc nữ[795], ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Ngoại đạo: chỉ cho người lõa hình dị học[796].

Ba-tư-ba-la-xà[797]: là người xuất gia trong chúng ngoại đạo ấy.

Thức ăn khư-xà-ni: thức ăn bằng rễ củ, cho đến thức ăn bằng quả, thức ăn bằng dầu cho đến thức ăn được nghiền nát.

Thức ăn[798]: cơm, bánh bột, cơm khô, cá và thịt.

Nếu tỳ-kheo tự tay cho thức ăn đến lõa hình, nam nữ ngoại đạo, ba-dật-đề. Nếu cho mà họ nhận phạm ba-dật-đề; họ không nhận phạm đột-kiết-la. Phương tiện muốn cho mà không cho, hối hận, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu để dưới đất mà cho; hoặc sai người cho; hoặc biếu cho cha mẹ; [665a1] cho thợ làm tháp, người thợ làm phòng, tính theo giá trị mà trả công; hoặc bị thế lực cưỡng bức thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XLII. TRƯỚC SAU BỮA ĂN ĐI ĐẾN NHÀ KHÁC KHÔNG BÁO[799]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một trưởng giả hào tộc là bạn thân hữu trước kia của Bạt-nan-đà Thích tử, nghĩ rằng: «Nếu Bạt-nan-đà Thích tử đến thành này, ta sẽ vì Bạt-nan-đà thiết trai cúng dường chúng Tăng.»

Sau đó, Bạt-nan-đà Thích tử vào đến thành. Trưởng giả biết, liền sai người đến trong Tăng-già-lam mời các tỳ-kheo sáng ngày mai thọ thực.

Trong đêm ấy, trưởng giả sửa soạn đầy đủ các đồ ăn thức uống ngon bổ, sáng ngày đến báo đã đến giờ. Các tỳ-kheo khoác y, bưng bát, đến nhà ông trưởng giả an tọa nơi chỗ ngồi. Các tỳ-kheo bảo ông trưởng giả rằng:

«Chúng Tăng đã tập họp rồi. Đồ ăn thức uống đã sửa soạn xong, hãy dọn ra.»

Ông trưởng giả thưa:

«Xin chư tôn chờ một lát. Đợi Thích tử Bạt-nan-đà đến.»

Các tỳ-kheo bảo:

«Chúng Tăng đã tập họp rồi. Đồ ăn thức uống nếu đã sửa soạn xong, thì cứ dọn ra. Sao lại phải đợi? Mặt trời gần xế rồi. E rằng các tỳ-kheo thọ thực không kịp no.»

Khi ấy, ông trưởng giả thưa với các tỳ-kheo:

«Trước đây, tôi có lời nguyện, nếu Thích tử Bạt-nan-đà đến thành nầy, tôi sẽ vì Bạt-nan-đà Thích tử thiết cơm cúng dường chúng tăng. Vậy xin chư tôn chờ một chút, đợi Bạt-nan-đà.»

Hôm ấy, Bạt-nan-đà vào giờ tiểu thực lại đến nhà khác, mãi gần giữa ngày mới lại. Khi ấy, các tỳ-kheo thấy gần quá giữa ngày, tuy được ăn uống nhưng không được no lắm.

Trong số các tỳ-kheo có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Bạt-nan-đà thích tử, sao giờ tiểu thực thầy lại đến nhà khác, gần giữa trưa mới đến, khiến cho các tỳ-kheo thọ thực không được đầy đủ?»

Các Tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp

Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Bạt-nan-đà thích tử, tại sao giờ tiểu thực, ông lại đến các nhà khác, gần quá giữa ngày mới đến, khiến cho các tỳ-kheo thọ thực không được đầy đủ?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, trước đã nhận lời mời, vào giờ tiểu thực[800] lại đến nhà khác, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Khi ấy, trong thành La-duyệt có một Đại thần là bạn thân quen trước kia của Thích tử Bạt-nan-đà. Một hôm vị Đại thần kia có được một số quả ngọt[801], liền sai một người và dặn rằng:

«Bạt-nan-đà Thích tử là bạn thân quen trước kia của ta. Ngươi mang quả nầy đến trong Tăng-già-lam cho ông ấy thấy rồi nói rõ rằng, ‹Tôi với ông là bạn cũ. Nhờ ông mang số quả nầy phân chia trong chúng Tăng.›»

Người sứ kia vâng lời, mang cam đến trong Tăng-già-lam, thưa với các tỳ-kheo:

«Thưa chư Đại đức, đây là trái cây mới, cho Tăng.»

Các tỳ-kheo bảo:

«Nếu cúng cho chúng Tăng thì nên chia liền đi.»

Người kia thưa:

«Vị Đại thần trong thành La-duyệt sai tôi rằng, ‹Ngươi mang số quả nầy đến trong Tăng-già-lam nhờ Thích tử Bạt-nan-đà chia cho Tăng.› Bây giờ, cần phải chờ Thích tử Bạt-nan-đà đến rồi sẽ chia cho Tăng.»

Bấy giờ, Bạt-nan-đà sau bữa ăn đã đến nhà khác rồi. Khi trở về thì đã quá giờ, khiến chúng Tăng không dùng được số quả tươi ấy.

Các tỳ-kheo nghe biết, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà:

«Tại sao sau bữa ăn, lại đến nhà khác, quá giờ mới trở lại, khiến cho các tỳ-kheo dùng không được số quả mới như vậy?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Thích tử Bạt-nan-đà, tại sao sau khi ăn xong, ông lại đến nhà khác, quá giờ mới trở lại, khiến cho các tỳ-kheo dùng không được số quả mới?»

Từ nay về sau, nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, trước đã nhận lời mời, trước bữa ăn hay sau bữa ăn lại đến nhà khác, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, trong thành La-duyệt có nhiều chỗ thỉnh Tăng, nhưng các tỳ-kheo

e sợ, không dám nhận lời thỉnh vào thành. Bạch Phật. Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo báo cho nhau để vào thành.»

Tỳ-kheo không biết nên báo cho ai. Phật dạy:

«Nên báo cho tỳ-kheo. Nếu ở một mình trong phòng thì báo cho vị tỳ-kheo phòng gần.»

Từ nay về sau, nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, trước đã nhận lời mời, trước bữa ăn hay sau bữa ăn lại đến nhà khác mà không báo, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh, trước đó bảo nhà đàn-việt nấu canh, nấu cháo, nấu cơm; vị ấy e sợ, không dám vào thành, ngại phạm sau bữa ăn mà đến nhà khác. Bạch Phật, Phật dạy:

«Cho phép Tỳ-kheo bệnh, không báo, được vào thành.»

Từ nay, nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, trước đã nhận lời mời, trước bữa ăn hay sau bữa ăn lại đến nhà khác mà không báo cho tỳ-kheo khác, trừ trường hợp đặc biệt, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt là khi bệnh.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, thời gian may y đã đến. Các tỳ-kheo cần những thứ như nồi lớn, nồi nhỏ, bình, thìa, bát, búa, chén, chậu, bát nhỏ, ấm, giây phơi, đồ treo y, y-ni-diên-đà, vải lông. Các tỳ-kheo vì e sợ, nên không dám vào thành, ngại phạm không báo mà vào thôn. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo khi may y, không báo được vào thôn.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, trước đã nhận lời mời, trước bữa ăn hay sau bữa ăn lại đến nhà khác mà không báo cho tỳ-kheo khác, trừ trường hợp đặc biệt, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt là khi bệnh, thời gian may y.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, thời gian thí y đã đến. Hoặc có chỗ đã được thí y, có chỗ đang tìm cầu. Các tỳ-kheo kia e sợ không dám vào thành, lo ngại phạm không báo mà vào thành. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, thời gian thí y cho phép các tỳ-kheo không báo vẫn được phép vào thành.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, trước đã nhận lời mời, trước bữa ăn hay sau bữa ăn lại đến nhà khác [666a1] mà không báo cho tỳ-kheo khác[802], trừ trường hợp đặc biệt, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt là khi bệnh, thời gian may y. Đó là những trường hợp đặc biệt.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Trước bữa ăn: từ bình minh xuất hiện, đến khi ăn.

Sau bữa ăn: từ khi ăn cho đến giữa ngày[803].

Nhà: nơi có nam nữ cư trú.

Các Tỳ-kheo khác: những người sống chung đồng trong một cương giới.

Bệnh: như trên đã nói.

Thời gian may y: sau tự tứ, không thọ y Ca-thi-na thì một tháng, có thọ y Ca-thi-na thì năm tháng. Ngoài ra những khi khuyến hóa cúng thức ăn kể cả thí y, cũng thuộc về thời gian thí y.

Nếu tỳ-kheo nào báo đến thôn mà giữa đường trở lại, thời lời báo trước không còn giá trị; nếu muốn đi nữa, thì phải báo trở lại. Nếu tỳ-kheo nào báo đến trong thôn mà không đến chỗ đã báo đó, lại đến nhà khác, thì lời báo trước không còn giá trị; nếu muốn đến đó thì phải báo trở lại mới được đi.

Nếu báo đến nhà bạch y mà lại đến nơi nhà kho và tụ lạc hay phòng biên[804]; hoặc đến Tăng-già-lam của tỳ-kheo-ni hay đến nhà bạch y rồi về liền cũng mất đi lời báo trước; phải báo trở lại mới được đi. Nếu tỳ-kheo đã nhận lời mời rồi trước bữa ăn hay sau bữa ăn đến nhà khác, mà không báo cho tỳ-kheo để vào thôn, trừ trường hợp đặc biệt, Ba-dật-đề. Một chân trong cửa, một chân ngoài cửa, phương tiện trang nghiêm, muốn đi mà không đi, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: khi bệnh, thời gian may y, thời gian thí y, đã báo cho tỳ-kheo khác; hoặc không có tỳ-kheo, không báo[805]; đến nơi nhà kho, tụ lạc, phòng biên; hoặc đến Tăng-già-lam của tỳ-kheo, đến dặn nhà bạch y được dặn báo; hoặc nơi nhiều nhà, trải tọa cụ, thỉnh tỳ-kheo; hoặc bị thế lực ép buộc; hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XLIII. NGỒI TRONG NHÀ ĐANG CÓ ĂN[806]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ca-lưu-đà-di, khi còn ở đời quen thân với người vợ của ông bạn bạch y. Bà ấy tên là Trai, có nhan sắc đẹp xinh đẹp. Ca-lưu-đà-di cũng có tướng mạo đẹp đẽ. Khi ấy Ca-lưu-đà-di để ý đến Trai ưu-bà-tư. Trai ưu-bà-tư cũng để ý đến Ca-lưu-đà-di.

Hôm ấy đến giờ khất thực Ca-lưu-đà-di khoác y, bưng bát, đến nhà Trai ưu-bà-tư, an tọa nơi chỗ ngồi. Trong lúc ấy, Trai ưu-bà-tư tắm rửa trang điểm thân hình, phu chủ hết lòng yêu kính, nên không bao giờ rời nhau.

Phu chủ hỏi Ca-lưu-đà-di:

«Ông cần gì?»

Ca-lưu-đà-di trả lời:

«Tôi cần thức ăn.»

Người chồng liền bảo vợ đem thức ăn cho. Như lời nói của chồng, bà vợ đem thức ăn trao cho Ca-lưu-đà-di. Ca-lưu-đà-di ăn xong, vẫn ngồi một chỗ không đi. Người chồng hỏi Ca-lưu-đà-di rằng:

«Vừa rồi ông nói cần thức ăn. Đã ăn rồi, sao không đi?»

Khi ấy,Trai ưu-bà-tư ra dấu hiệu khiến Ca-lưu-đà-di đừng đi. Phu chủ của bà nổi giận nói với Ca-lưu-đà-di rằng:

«Tỳ-kheo làm trở ngại việc của ta[807]. Nói cần ăn, cho ăn rồi, sao không đi. Lại muốn làm gì đây? Tôi giao nhà cho ông mà đi. Ở lại đó, muốn làm gì thì làm!»

Người chồng giận, nói như vậy, rồi bỏ nhà ra đi.

Vào lúc bấy giờ, có tỳ-kheo khất thực vừa đến nhà đó, nghe như vậy, hiềm trách Ca-lưu-đà-di rằng:

«Tại sao thầy lại ngồi lì tại nhà đang có thức ăn[808]?»

Tỳ-kheo khất thực ra khỏi thành Xá-vệ, về đến trong Tăng-già-lam, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ với các tỳ-kheo. Trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Ca-lưu-đà-di rằng:

«Tại sao thầy lại ngồi lì tại nhà đang có thức ăn?»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo. Biết mà Ngài vẫn hỏi Ca-lưu-đà-di:

«Thật sự ông có ngồi yên tại nhà đang có thức ăn?»

Ca-lưu-đà-di thưa:

«Bạch đức Thế tôn, có thật như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao ông lại ngồi yên nơi nhà cho ăn có của quý?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, tại nhà có thức ăn[809] có vật báu[810], mà cố nán ngồi, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Thức ăn: nam dùng nữ làm thức ăn, nữ dùng nam làm thức ăn, cho nên gọi là thức ăn.

Nhà: như trên đã nói.

Vật báu: Xa cừ, mã não, chơn châu, hổ phách, kim ngân.

Nếu tỳ-kheo tại nhà có thức ăn, có vật báu, duỗi cánh tay mà đụng cánh cửa thì được ngồi. Nếu tỳ-kheo nơi nhà có thức ăn có vật báu mà cố nán ngồi, ba-dật-đề. Mù mà không điếc, đột-kiết-la. Điếc mà không mù, cũng đột-kiết-la. Đứng mà không ngồi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức xoa ma ni, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu vào trong nhà ăn có vật báu, ngồi duỗi cánh tay ra đụng cửa; hoặc có hai tỳ-kheo làm bạn; hoặc có người quen; hoặc có người khách ở chỗ đó mà không mù không điếc, không điếc không mù; hoặc đi ngang qua mà không đứng lại; hoặc bất ngờ bệnh phát té xuống đất; hoặc bị thế lực bắt; hoặc bị trói nhốt; hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XLIV. NGỒI VỚI NGƯỜI NỮ Ở CHỖ KHUẤT[811]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, tôn giả Ca-lưu-đà-di, khi còn là người thế tục, có quen thân với người vợ của ông bạn bạch y. Bà ấy tên là Trai, có nhan sắc xinh đẹp. Ca-lưu-đà-di cũng có tướng mạo đẹp đẽ. Ca-lưu-đà-di để ý Trai ưu-bà-tư. Trai ưu-bà-tư cũng để ý Ca-lưu-đà-di.

Đến giờ khất thực, Ca-lưu-đà-di khoác y, bưng bát, đến nhà của Trai ưu-bà-tư, tự nghĩ rằng, «Đức Thế tôn cấm trong nhà có ăn có vật báu không được ngồi và được ngồi chỗ nào duỗi cánh tay ra đụng cửa.» Nên ông ngồi phía sau cánh cửa.

Khi Ca-lưu-đà-di cùng với Trai ưu-bà-tư đang nói chuyện, thì có tỳ-kheo khất thực đến, nghe có tiếng Ca-lưu-đà-di đang nói, mà không thấy Ca-lưu-đà-di ở chỗ nào, bèn hiềm trách Ca-lưu-đà-di:

«Tại sao, trong nhà có ăn [667a1] có của báu mà lại ngồi chỗ khuất khiến cho chúng tôi không biết đang làm gì?»

Khất thực tỳ-kheo ra khỏi thành Xá-vệ, trở về đến trong Tăng-già-lam, đem nhơn duyên này kể lại cho các tỳ-kheo nghe. Trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Ca-lưu-đà-di rằng:

«Tại sao, trong nhà đang ăn có vật báu, lại ngồi chỗ khuất?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo. Biết mà Ngài vẫn hỏi Ca-lưu-đà-di:

«Có thật, trong nhà đang ăn có vật báu, mà ông ngồi chỗ khuất hay không?»

Ca-lưu-đà-di thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, có đúng như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao, trong phòng ăn có vật báu, lại ngồi chỗ khuất?»

Quở trách Ca-lưu-đà-di rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, trong nhà ăn có vật báu[812] mà ngồi nơi khuất, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Thức ăn: nữ là thức ăn của nam, nam là thức ăn của nữ.

Vật báu: Xà cừ, mã não, chơn châu, hổ phách, kim ngân.

Chỗ khuất: hoặc cây, tường, vách, rào dậu, hoặc y, các vật khác che ngăn.

Tỳ-kheo vào trong phòng ăn có vật báu, ngồi nơi chỗ khuất, duỗi tay đụng cửa, khiến tỳ-kheo khất thực thấy. Tỳ-kheo nào trong phòng ăn có vật báu, mà ngồi nơi chỗ khuất, ba-

dật-đề. Đui mà không điếc, đột-kiết-la. Điếc mà không đui, đứng mà không ngồi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la, đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu nơi nhà có ăn có vật báu mà ngồi chỗ duỗi cánh tay đụng cửa, khiến tỳ-kheo khất thực thấy; hoặc có hai tỳ-kheo làm bạn; hoặc có người quen biết gần bên; hoặc cùng một chỗ với người khách mà không đui không điếc; hoặc đi ngang qua chứ không đứng lại; hoặc bất ngờ bị bệnh té xỉu hay bị thế lực bắt; hoặc bị trói nhốt; hoặc mạng nạn; phạm hạnh nạn; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XLV. NGỒI MỘT MÌNH VỚI NGƯỜI NỮ TẠI CHỖ TRỐNG[813]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, tôn giả Ca-lưu-đà-di, khi chưa xuất gia, có thân quen với người vợ của ông bạn bạch y. Người đàn bà ấy tên là Trai[814], có nhan sắc xinh đẹp. Ca-lưu-đà-di cũng có tướng mạo đẹp đẽ. Ca-lưu-đà-di để ý Trai ưu-bà-tư. Trai ưu-bà-tư cũng để ý Ca-lưu-đà-di[815].

Đã đến giờ khất thực, Ca-lưu-đà-di khoác y, bưng bát, đến nhà của Trai ưu-bà-tư, ngồi chỗ trống cùng nhau nói chuyện. Một tỳ-kheo khất thực đến, thấy Ca-lưu-đà-di cùng Trai ưu-bà-tư ngồi một chỗ nói chuyện, liền hiềm trách Ca-lưu-đà-di: «Sao thầy lại cùng với Trai ưu-bà-tư ngồi tại chỗ trống cùng nhau nói chuyện?»

Tỳ-kheo khất thực xong, về lại trong Tăng-già-lam, đem nhơn duyên này kể lại cho các tỳ-kheo nghe. Trong số đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Ca-lưu-đà-di rằng:

«Sao thầy lại cùng với Trai ưu-bà-tư ngồi tại chỗ trống cùng nhau nói chuyện?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn hỏi Ca-lưu-đà-di:

«Thật sự ông có cùng với Trai ưu-bà-tư ngồi một chỗ trống nói chuyện hay không?»

Ca-lưu-đà-di thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, đúng như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Ca-lưu-đà-di, sao ông lại cùng với Trai ưu-bà-tư chỗ trống nói chuyện?»

Quở trách Ca-lưu-đà-di rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, một mình ngồi với người nữ tại chỗ trống, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Người nữ: người có trí, mạng căn không đoạn.

Một mình: một người nữ, một Tỳ-kheo.

Chỗ khuất[816] : khuất đối với thấy, khuất đối với nghe.

- Khuất đối với thấy: do bụi, sương, bóng tối, mà không thấy mặt.

- Khuất đối với nghe: không nghe được tiếng nói bình thường.

Tỳ-kheo nào một mình ngồi với người nữ tại chỗ trống, ba-dật-đề. Nếu đui mà không điếc, đột-kiết-la. Điếc mà không đui, đột-kiết-la. Đứng mà không ngồi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Có hai tỳ-kheo làm bạn, hoặc có người quen biết gần bên, hoặc có người khách nơi đó mà không đui không điếc, không điếc không đui, hoặc đi ngang qua chứ không đứng lại, hoặc bất ngờ bị bệnh té xuống hay bị thế lực bắt buộc, hoặc bị trói nhốt, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XLVI. ĐUỔI ĐI KHÔNG CHO THỨC ĂN[817]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử cùng với các tỳ-kheo khác[818] cãi nhau, bắt phải sám hối. Bạt-nan-đà ôm hận trong lòng. Sau đó, Bạt-nan-đà Thích tử nói với vị tỳ-kheo rằng:

«Thầy đi theo tôi vào trong thôn. Tôi sẽ cho thầy thức ăn.»

Tỳ-kheo kia đồng ý.

Giờ khất thực đến, Bạt-nan-đà khoác y, bưng bát, cùng với tỳ-kheo kia vào thành Xá-vệ. Dẫn đến vùng không có thức ăn. Bạt-nan-đà đi vòng quanh khắp nơi. Mãi đến khi gần quá giữa ngày, Bạt-nan-đà toan tính:

«Nếu tỳ-kheo nầy ra khỏi thành Xá-vệ, về đến trong Kỳ-hoàn thì đã quá ngọ.»

Bạt-nan-đà bèn nói với tỳ-kheo kia rằng:

«Chưa từng có người nào đại ác như thầy!»

Tỳ-kheo kia hỏi rằng:

«Tôi đã tạo ra những tội gì?»

Bạt-nan-đà trả lời:

«Hôm nay, thầy đã làm cho tôi không nhận được thức ăn. Trưởng lão hãy đi đến chỗ khác nhanh lên. Tôi mà ngồi hay nói chuyện với thầy thì bị bất hạnh. Tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình lại an lạc.»

Bạt-nan-đà nói với tỳ-kheo này như vậy rồi, vào chỗ có thức ăn trong thành Xá-vệ nhận ăn. Trong khi tỳ-kheo kia ra khỏi thành Xá-vệ về đến Kỳ-hoàn thì đã quá giữa ngày, nên không thể ăn được, phải nhịn đói.

Các tỳ-kheo nghe biết. Trong số đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Sao Thầy bảo tỳ-kheo kia cùng đi với thầy vào tụ lạc, thầy sẽ cho thức ăn. Cuối cùng thầy không cho thức ăn cho tỳ-kheo kia lại nói rằng, ‹Trưởng lão hãy đi đến chỗ khác nhanh lên. Tôi mà ngồi hay nói chuyện với thầy thì bị bất hạnh. Tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình lại an lạc.› Đuổi tỳ-kheo kia trở lại trong Kỳ-hoàn. Đã quá giữa ngày, [668a1] cuối cùng phải nhịn đói?»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao lại bảo tỳ-kheo kia cùng đi với thầy vào tụ lạc, thầy sẽ cho thức ăn. Cuối cùng thầy không cho thức ăn cho tỳ-kheo kia lại nói rằng, ‹Trưởng lão hãy đi đến chỗ khác nhanh lên! Tôi mà ngồi hay nói chuyện với thầy thì bị bất hạnh. Tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình lại an lạc.› Đuổi tỳ-kheo kia trở lại trong Kỳ-hoàn. Đã quá giữa ngày, cuối cùng phải nhịn đói?»

Bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà Thích tử rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, nói với tỳ-kheo khác như vầy, ‹Đại đức, hãy cùng tôi vào tụ lạc, tôi sẽ cho Đại đức ăn.› Tỳ-kheo ấy cuối

cùng không cho tỳ-kheo kia thức ăn, nói rằng: ‹Trưởng lão hãy đi đến chỗ khác nhanh lên! Tôi mà ngồi hay nói chuyện với thầy thì bị bất hạnh. Tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình lại an lạc.› Chỉ với mục đích ấy chứ không gì khác, là cố tình đuổi đi, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Thôn[819]: có bốn loại như đã nói ở trên.

Thực: thời thực, (ăn đúng lúc)

Tỳ-kheo kia nói với tỳ-kheo này rằng, «Vào tụ lạc, tôi sẽ cho thầy thức ăn.» Cuối cùng tỳ-kheo kia không cho thức ăn cho tỳ-kheo nầy, lại nói, «Trưởng lão hãy đi đến chỗ khác nhanh lên! Tôi mà ngồi hay nói chuyện với thầy thì bị bất hạnh. Tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình lại an lạc.» Tỳ-kheo kia phương tiện đuổi đi đến chỗ không thấy nghe, phạm ba-dật-đề; đến chỗ không thấy mà nghe, phạm đột-kiết-la; đến chỗ không nghe mà thấy, phạm đột-kiết-la. Phương tiện đuổi đi, tự bỏ chỗ thấy nghe, phạm ba-dật-đề; bỏ chỗ thấy đến chỗ nghe; bỏ chỗ nghe đến chỗ thấy, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trao cho thức ăn rồi bảo đi; hoặc bệnh, hoặc không có oai nghi, người thấy không vui nên nói, ‹Thầy đi! Tôi sẽ đưa thức ăn đến trong Tăng-già-lam.› Hoặc vị kia phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc trong chúng cử tội, hay bị tẩn, hoặc đáng bị tẫn, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, phương tiện bảo đi, không vì thù hận mà khiến đi, thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XLVII. THUỐC BỐN THÁNG[820]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, Ca-duy-la-vệ, tại Thích-suý-sấu[821]. Bấy giờ, Ma-ha-nam giòng họ Thích phát nguyện cung cấp thuốc cho chúng Tăng. Thí chủ cung kính các Thượng tọa, nên cúng dường thứ tốt, dù họ cần hay không cần cũng cúng.

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo cùng bảo nhau rằng, «Ma-ha-nam Thích tử này, nguyện cung cấp thuốc cho chúng Tăng, cung kính bậc Thượng tọa, cúng dường thứ tốt. Đối với chúng ta, không có lòng cung kính, nên dùng thứ xấu để cho chúng ta. Khi yêu cầu còn không cho; huống chi lúc không yêu cầu.» Rồi bảo nhau: «Chúng ta hãy đến nhà đó yêu cầu thứ khó kiếm, và loại thuốc không thể có[822].»

Bàn xong họ liền đến nhà của Ma-ha-nam nói rằng:

«Chúng tôi cần thứ thuốc như vậy, như vậy.»

Ma-ha-nam nói:

«Nếu trong nhà tôi có thì sẽ cúng dường. Nếu không, tôi sẽ ra chợ mua để cung cấp.»

Nhóm sáu tỳ-kheo nói rằng:

«Trong nhà ông, không thể có thứ thuốc như vậy, như vậy hay sao?»

Ma-ha-nam nói:

«Trong nhà có thì cúng liền. Nếu không, sẽ ra chợ mua để cúng.»

Khi ấy, nhóm sáu tỳ-kheo lại nói:

«Ông nguyện cúng dường thuốc cho chúng Tăng. Mà ông cung kính bậc Thượng tọa, nên ông cúng thứ tốt. Dù họ cần hay không cần ông cũng cúng. Còn đối với Hạ tọa, ông không ân cần cung kính, nên cho thứ xấu. Có yêu cầu còn không được; huống chi không yêu cầu? Trong nhà ông không có thuốc, tại sao ông lại nguyện cúng thuốc cho chúng Tăng? Ông là người có thiên vị, lại vọng ngữ nữa.»

Ma-ha-nam nói:

«Trước đây, tôi có nguyện cung cấp cho chúng Tăng thuốc mà trong nhà có. Nếu trong nhà không có, sẽ ra chợ mua cho. Tại các thầy lại nói tôi là người thiên vị và lại vọng ngữ, không có lòng chí thành? Trưởng lão hãy đi đi! Từ nay trở đi tôi không cung cấp thuốc cho chúng Tăng nữa.»

Lúc ấy, các tỳ-kheo nghe việc này, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Ma-ha-nam Thích tử ưa cung kính, thích bố thí, thường cung cấp thuốc cho chúng Tăng, tại sao các thầy lại mạ nhục, nói ông ấy có thiên vị và vọng ngữ, khiến cho ông không cung cấp thuốc cho chúng Tăng nữa?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao Ma-ha-nam Thích tử có tín tâm, ưa bố thí, thường cung cấp thuốc cho chúng Tăng, mà các ông mạ nhục, nói ông ấy có thiên vị và

vọng ngữ, khiến cho ông ta không cung cấp thuốc cho chúng Tăng nữa?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, có nhân duyên được thỉnh cầu cúng dường thuốc bốn tháng[823] thì có thể nhận, nếu nhận quá, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, có các tỳ-kheo bị bệnh có tâm e sợ không dám nhận thuốc quá, nên bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay trở đi cho phép các tỳ-kheo bệnh được nhận thuốc quá bốn tháng.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, không bệnh, được nhận thuốc thỉnh cầu cúng dường bốn tháng, nếu nhận quá, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, có các cư sĩ thường thỉnh cung cấp thuốc cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo có tâm e sợ không dám nhận sự thường thỉnh cung cấp thuốc ấy, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay trở đi cho phép các tỳ-kheo nhận sự thường thỉnh cung cấp thuốc.» Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, không bệnh, được nhận thuốc thỉnh cầu cúng dường bốn tháng, nếu nhận quá, ba-dật-đề. Trừ thường thỉnh.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, Ma-ha-nam Thích tử lại nghĩ, «Nay, ta không thể vì một hay hai người mà chấm dứt sự cung cấp thuốc cho chúng Tăng. Nay, ta nên thỉnh chúng Tăng cung cấp thuốc trở lại.» Nghĩ như vậy rồi, Ma-ha-nam liền trong Tăng-già-lam thưa với các tỳ-kheo rằng:

«Nguyện xin chư Đại đức Tăng nhận lại sự cung cấp thuốc của tôi.»

Các tỳ-kheo vì cẩn thận nên sợ, không dám nhận sự cung cấp thuốc trở lại. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay trở đi cho phép các tỳ-kheo nhận thuốc được thỉnh cầu cung cấp trở lại.»

Các tỳ-kheo tính cọng lại những ngày trước. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Không nên tính lại những ngày trước. Nên tính kể từ ngày cung cấp trở lại.» Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, không bệnh, được nhận thuốc thỉnh cầu cúng dường bốn tháng, nếu nhận quá, ba-dật-đề. Trừ thường thỉnh, thỉnh trở lại.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, có các cư sĩ thỉnh tỳ-kheo nhận thuốc chia phần. Các tỳ-kheo vì sợ nên cẩn thận không dám nhận, bạch Phật, đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo được nhận thuốc chia phần.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, không bệnh, được nhận thuốc thỉnh cầu cúng dường bốn tháng, nếu nhận quá, ba-dật-đề. Trừ thường thỉnh, thỉnh trở lại, thỉnh chia phần.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Lúc bấy giờ, có các cư sĩ thỉnh tỳ-kheo cung cấp thuốc trọn đời. Các tỳ-kheo vì sợ nên cẩn thận không dám nhận thuốc trọn đời, bạch Phật, đức Phật dạy:

«Từ nay trở đi cho phép các tỳ-kheo được nhận thuốc trọn đời.»

Từ nay về sau vì các tỳ-kheo kiết giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, không bệnh, được nhận thuốc thỉnh cầu cúng dường bốn tháng, nếu nhận quá, ba-dật-đề. Trừ thường thỉnh, thỉnh trở lại, thỉnh chia phần, thỉnh trọn đời[824].

---o0o---

B. GIỚI TƯƠNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Bốn tháng: là bốn tháng mùa hạ.

Nhơn duyên[825]: nguyện cung cấp thuốc.

Bệnh: thầy thuốc bảo uống thứ thuốc đó.

Thường thỉnh: Thí chủ thưa, «Tôi nguyện thường xuyên cúng thuốc.»

Thỉnh trở lại: chấm dứt rồi, thỉnh trở lại.

Thỉnh chia phần: thí chủ đem thuốc đến Tăng-già-lam cúng rồi phân chia.

Thỉnh trọn đời: Thí chủ thưa, «Tôi sẽ cúng thuốc trọn đời.»

Thỉnh: có bốn cách. Có giới hạn ngày mà không giới hạn thuốc; có giới hạn thuốc, ngày cũng có giới hạn; có giới hạn thuốc, không có giới hạn ngày; ngày không giới hạn thuốc cũng không giới hạn.

Thế nào gọi là có giới hạn ngày mà không giới hạn thuốc? Thí chủ có quy định thời gian mà không ấn định số thuốc. Như nói, «Tôi nguyện cúng thuốc với chừng đó ngày.» Đó gọi là thỉnh có giới hạn ngày mà không giới hạn thuốc.

Thế nào gọi là có giới hạn thuốc, không giới hạn ngày? Thí chủ xin cúng một số thuốc, nhưng không giới hạn thời gian. Nói như vầy, «Tôi cúng loại thuốc như vậy.» Đó gọi là thỉnh thuốc có giới hạn mà thời gian không giới hạn.

Thế nào gọi là có giới hạn thuốc, ngày cũng có giới hạn? Thí chủ nguyện cúng một số thuốc trong thời gian đã được ấn định. Nói như vầy, «Tôi hứa cúng thuốc như vậy trong khoảng thời gian như vậy.» Đó là thuốc và thời gian được ấn định.

Thế nào gọi là không giới hạn thuốc, không giới hạn ngày. Thí chủ xin cúng thuốc, chứ không nói số thuốc bao nhiêu và thời gian bao lâu. Nói như vầy, «Tôi xin cúng thuốc cho thầy.» Đó gọi là thỉnh thuốc và thời gian không hạn định.

Trong bốn cách thỉnh trên, thời gian có hạn định, thuốc không hạn định, và thời gian có hạn định, thuốc có hạn định, tức là thọ thỉnh bốn tháng mùa hạ.

Trong bốn cách thỉnh trên, thuốc có hạn định, thời gian không hạn định. Thời gian không hạn định, thuốc cũng không hạn định, tùy theo thời gian dâng cúng mà nhận. Tỳ-kheo kia không có bệnh, nên nhận sự cung cấp thuốc trong bốn tháng mùa hạ. Nếu nhận quá, trừ thường thỉnh, thỉnh lại, thỉnh phân chia, thỉnh trọn đời, mỗi lần nuốt là phạm một ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nhận sự cung cấp thuốc trong bốn tháng; có bệnh nên nhận quá; thường thỉnh, thỉnh lại, thỉnh phân chia, thỉnh trọn đời; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XLVIII. XEM QUÂN TRẬN[826]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một vùng trong nước Vua Ba-tư-nặc[827], người dân phản loạn, nhà Vua phải đích thân thống lãnh lục quân để chinh phạt.

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo đến đó xem coi quân trận. Vua Ba-tư-nặc hỏi rằng:

«Chư tôn có mặt giữa ba quân nầy muốn làm việc gì?»

Lục quần trả lời:

«Chúng tôi không có việc gì cả. Chỉ đến xem coi mà thôi.»

Vua Ba-tư-nặc nghe nói như vậy lòng không vui. Nhà Vua lại hỏi:

«Muốn đi đâu?»

Lục quần nói:

«Chúng tôi sẽ đến nước Xá-vệ yết kiến đức Thế tôn.»

Nhà Vua nói:

«Nếu quý Đại đức đến nước Xá-vệ, xin nhân danh tôi lễ bái, thăm hỏi đức Thế tôn, rằng nằm ngồi có khinh an không? Đi đứng được mạnh khỏe chăng? Giáo hóa có nhọc nhằn lắm không? Tôi xin gởi gói đường phèn này dâng cúng đức Thế tôn, và quý Đại đức đem nhơn duyên nầy bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.»

Lúc Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo liền đến Tịnh xá Kỳ-hoàn ở nước Xá-vệ, kính lễ dưới chân đức Thế tôn, rồi ngồi qua một bên, nhân danh Vua Ba-tư-nặc lễ bái vấn tấn đức Thế tôn rằng: «nằm ngồi có khinh an không? Đi đứng được mạnh khỏe chăng? Giáo hóa có nhọc mệt lắm không? Dâng gói đường phèn lên đức Thế tôn, và đem nhơn duyên trên bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.»

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Các ông thật là người ngu si, sao lại xem coi thế lực quân trận của nhà Vua?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, đi xem quân trận, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bây giờ, có một vùng trong nước Vua Ba-tư-nặc, nhân dân phản loạn, nhà Vua sai hai vị Đại thần, là anh em với nhau, người anh tên là Lị-sư-đạt-đa, người em tên là Phú-la-na[828], cầm quân đi chinh phạt. Hai vị Đại thần này khát ngưỡng, muốn diện kiến tỳ-kheo nên sai sứ đến thỉnh các Đại đức tỳ-kheo đến để hai vị gặp. Các tỳ-kheo vì có tâm cẩn thận sợ nên bảo, đức Thế tôn đã chế giới: «Nếu Tỳ-kheo nào đi xem quân trận, ba-dật-đề.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đến bạch đức Thế tôn. Phật bảo:

«Nếu cần có sự cáo bạch hay được mời gọi, thì cho phép đến.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, đi xem quân trận[829], ba-dật-đề. Trừ nhơn duyên hợp thời.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Trận: hoặc chiến, hoặc đấu.

Quân: hoặc một quân, hai quân, ba quân, bốn quân.

- Một quân: một quân voi, một quân ngựa, một quân xe, một quân bộ. Hoặc toàn là quân ngựa, quân voi, quân bộ, quân xe.

- Hai quân: hai voi, hai ngựa, hai xe, hai bộ, hoặc gồm có voi và ngựa, hoặc voi và xe, hoặc voi và bộ, hoặc ngựa và xe, hoặc ngựa và bộ, hoặc xe và bộ.

- Ba quân: ba voi, ba ngựa, ba xe, ba bộ, hoặc voi, ngựa và xe, hoặc voi, ngựa và bộ, hoặc ngựa, xe và bộ.

- Bốn quân: bốn voi, bốn ngựa, bốn xe, bốn bộ, hoặc voi, ngựa, xe và bộ.

Tỳ-kheo kia đến xem quân trận, từ đường nầy đến đường kia, từ đường đến chẳng phải đường, từ chẳng phải đường đến đường; từ thấp đến cao, từ cao đến thấp, đến mà thấy thì phạm ba-dật-đề. Đến mà không thấy, phạm đột-kiết-la.

Nếu phương tiện chuẩn bị, muốn xem mà không đi, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Nếu tỳ-kheo đi nơi đường trước, quân

trận mới đến sau, tỳ-kheo nên tránh qua bên lề đường, không tránh phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: tỳ-kheo có việc cần đến; hoặc được mời đi; hoặc bị thế lực bắt; hoặc đi phía trước quân trận đến sau, có tránh qua bên lề đường; hoặc đường nước, đường bộ bị đứt đoạn, nạn giặc, nạn ác thú, nước lụt, hoặc bị thế lực [670a1] trói dẫn đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, không tránh bên lề đường thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XLIX. NGỦ LẠI TRONG QUÂN[830]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo có nhân duyên đến trong quân trại và ngủ lại. Các cư sĩ thấy, bèn nói với nhau rằng: «Chúng ta vì ân ái nên ngủ đêm nơi đây. Còn các sa-môn nầy, ở lại đây có việc gì?»

Các tỳ-kheo nghe việc này, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo, «Đức Thế tôn chế giới, khi có duyên sự mới đến trong quân trại. Sao các thầy lại ngủ đêm trong quân trại?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo, có nhơn duyên mới được vào trong quân trại. Các ông không có việc gì sao lại ngủ lại trong quân trại?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, có nhân duyên được phép đến trong quân trại, ngủ lại hai, ba đêm; nếu quá, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo nào có nhơn duyên muốn đến trong quân trại, được phép ngủ lại hai đêm; cho đến đêm thứ ba, khi bình minh chưa xuất hiện, nên đi đến chỗ không thấy không nghe. Tỳ-kheo kia ở trong quân trận đủ hai đêm rồi; đến đêm thứ ba, khi bình minh chưa xuất hiện, không lìa khỏi chỗ tai nghe, mắt thấy, lúc bình minh xuất hiện, phạm ba-dật-đề.

Nếu lìa khỏi chỗ mắt thấy mà đến chỗ tai nghe, phạm đột-kiết-la. Lìa chỗ tai nghe, đến chỗ mắt thấy, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hai đêm rồi, đến đêm thứ ba, khi bình minh chưa xuất hiện, lìa khỏi chỗ tai nghe, mắt thấy; hoặc đường thủy, đường bộ bị đứt đoạn; hoặc nạn ác thú, hoặc đạo tặc, nước lụt, hoặc bị thế lực bắt ở lại, hoặc bị trói nhốt, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn; thảy đều được ngủ hai đêm trong quân đội; đến đêm thứ ba, khi bình minh xuất hiện, không lìa khỏi chỗ thấy nghe, không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách[831].

---o0o---

L. XEM QUÂN ĐỘI CHIẾN ĐẤU[832]

A. DUYÊN KHỞI

[671a7] Khi đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo nghe đức Thế tôn chế giới cho phép tỳ-kheo, có nhơn duyên được ở trong quân đội hai đến ba đêm. Họ lại ở trong quân đội để xem quân trận chiến đấu, xem voi, ngựa của các bên. Trong nhóm sáu này có người do xem coi quân trận chiến đấu mà bị tên bắn trúng. Các tỳ-kheo đồng bạn liền dùng y băng bó khiêng về. Các cư sĩ thấy thế, hỏi tỳ-kheo:

«Vị nầy bệnh hoạn gì?»

Các tỳ-kheo trả lời:

«Không bệnh hoạn gì cả. Vừa rồi đi xem quân trận chiến đấu nên bị trúng tên.»

Bấy giờ, các cư sĩ cùng nhau cơ hiềm:

«Chúng tôi vì ân ái cho nên mới diễn tập quân trận này. Các thầy là người xuất gia, đến trong quân đội có việc gì?»

Các tỳ-kheo nghe qua, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm

sáu tỳ-kheo, «Đức Thế tôn chế giới cho phép các tỳ-kheo có nhơn duyên đến trong quân trại, ngủ lại hai đến ba đêm. Các thầy đã ngủ trong quân trại hai, ba đêm rồi. Sao các Thầy lại còn đi xem quân trận chiến đấu, để phải bị thương?»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo, tại sao Thế tôn chỉ cho phép các tỳ-kheo, có nhơn duyên mới được đến trong quân trại ngủ lại hai, ba đêm. Mà các ông ngủ lại trong quân đội hai, ba đêm rồi, lại còn đi xem quân trận chiến đấu, để phải bị thương?»

Bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, ở trong quân trại hai, ba đêm, hoặc khi xem quân đội chiến đấu, hoặc xem thế lực quân bộ, quân voi, quân ngựa[833], ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Đấu: Chiến đấu giả, hay chiến đấu thật.

Quân: từ một binh chủng cho đến bốn binh chủng. Hoặc có quân của Vua, quân của giặc, quân của cư sĩ.

Thế lực: sức của voi hạng nhất, sức của ngựa hạng nhất, sức của xe hạng nhất, sức của bộ binh hạng nhất.

Trận[834]: có trận đồ hình vuông, có trận đồ hình tròn, có trận đồ hình bán nguyệt, có trận đồ hình ngói lợp[835], có trận đồ hình giảm tướng[836], trận của tượng vương, mã vương, nhơn vương.

Tỳ-kheo nào đến xem quân đội chiến đấu, thế lực của voi ngựa. Từ đường này đến đường kia, từ đường đến chẳng phải đường, từ chẳng phải đường đến đường, từ cao xuống thấp, từ thấp lên cao, đến xem mà thấy, phạm ba-dật-đề. Xem mà không thấy, phạm đột-kiết-la.

Phương tiện chuẩn bị, muốn đến mà không đến, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Nếu tỳ-kheo đi trước trên đường, quân đội đến sau thì nên tránh, không tránh thì phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: có nhơn duyên, hoặc có người mời, người thỉnh; hoặc bị thế lực bắt dẫn đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn; hoặc đi trước, quân đội đến sau, tránh bên lề đường; hoặc đường bộ, đường thuỷ bị đứt đoạn, đạo tặc, ác thú, nước lụt; hoặc bị cưỡng bức bắt trói, mạng nạn, tịnh hạnh nạn; tất cả không tránh bên lề đường thảy không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LI. UỐNG RƯỢU[837]

A. DUYÊN KHỞI

Khi đức, đức Phật ở nước Chi-đà[838], cùng với chúng đại tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Lúc bấy giờ, tôn giả Sa-già-đà[839] vì đức Phật làm người cúng dường[840] của Phật. Bấy giờ, Sa-già-đà ghé đến chỗ ở của Phạm chí bện tóc, nói với Phạm chí rằng:

«Tôi muốn tạm nghỉ ở đây một đêm, tại phòng bậc nhất[841], nơi trú xứ của ông. Ông có thuận ý hay chăng?»

Phạm chí trả lời:

«Không có gì trở ngại đối với tôi. Song trong phòng ấy có con độc long. Sợ nó làm tổn hại ông thôi.»

Tỳ-kheo nói:

«Miễn là ông cho phép nghỉ. Có thể nó không hại tôi.»

Phạm chí bện tóc nói:

«Phòng ấy rộng rãi lắm. Tùy ý ông cứ ở.»

Bấy giờ, trưởng lão Sa-già-đà vào phòng đó, tự trải cỏ làm nệm, ngồi kiết già, cột niệm trước mặt. Con độc long kia thấy Sa-già-đà ngồi kiết già, liền phóng khói lửa ra. Sa-già-đà cũng phóng khói lửa. Độc long giận, tuôn lửa ra nơi thân. Sa-già-đà cũng tuôn lửa ra nơi thân.

Bấy giờ, phòng kia giống như một trận cháy lớn vậy. Sa-già-đà tự nghĩ: «Nay ta có nên dập tắt lửa nơi con rồng nầy, mà không làm tổn thương đến thân nó chăng?» Nghĩ xong, Sa-già-đà liền dập tắt lửa nơi con rồng mà không thương tổn nó.

Bấy giờ, hỏa quang của độc long không có màu sắc. Còn hỏa quang của Sa-già-đà thì chuyển đổi đủ thứ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, lục bích, pha lê.

Trong đêm ấy, Sa-già-đà hàng phục con độc long này, đựng vào trong bình bát. Sáng sớm tinh sương, đem đến cho Phạm chí bện tóc, nói rằng:

«Con độc long đã bị tôi hàng phục và hiện đang đựng ở trong bình bát. Đem cho ông xem đây.»

Trong lúc đó, ông chủ Câu-thiểm-di[842] cũng đang ngủ tại nhà Phạm chí bện tóc, nghĩ rằng, «Thật là điều chưa từng có! Đệ tử của đức Thế tôn mà còn có đại thần lực như vậy, huống là Như Lai.» Ông liền thưa với Sa-già-đà rằng:

«Khi nào đức Thế tôn đến nơi Câu-thiểm-di, xin ngài cho tôi biết. Tôi muốn kính lễ đức Như Lai.»

Sa-già-đà nói:

«Tốt lắm!»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn từ nước Chi-đà, du hành trong nhơn gian, đến nước Câu-thiểm-di . Vị quốc chủ của nước nghe đức Thế tôn hướng dẫn một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử đến nơi đó, liền cỡi xe đến nghinh đón đức Thế tôn.

Từ xa, thấy đức Thế tôn, nhan sắc đoan chánh, các căn tịnh định, tâm của Ngài vắng lặng, đạt mức tối thượng điều phục cao nhất, như con voi chúa đã được điều phục, giống như vực sâu trong vắt. Thấy vậy, tâm sanh chí tín. Với tâm cung kính, vị Quốc chủ liền xuống xe, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện nói pháp, khuyến hóa, khiến quốc chủ được hoan hỷ. Khi ấy, quốc chủ Câu-thiểm-di nghe đức Phật nói pháp khuyến hóa, tâm đại

hoan hỷ rồi, xoay lại nhìn chúng Tăng, không thấy tôn giả Sa-già-đà, liền hỏi các tỳ-kheo rằng:

«Sa-già-đà hiện đang ở đâu?»

Các tỳ-kheo trả lời:

«Sa-già-đà đi sau. Sẽ đến bây giờ.»

Khi ấy, Sa-già-đà cùng với nhóm sáu tỳ-kheo đến sau. Quốc chủ Câu-thiểm-di thấy Sa-già-đà đến, liền ra nghinh tiếp, đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên.

Sa già-đà lại dùng tất cả phương tiện nói pháp khuyến hóa, khiến tâm quốc chủ hoan hỷ. Quốc chủ Câu-thiểm-di nghe Sa-già-đà dùng mọi phương tiện nói pháp khuyến hoá, được hoan hỷ rồi, bạch với tôn giả rằng:

«Ngài cần gì xin cho tôi được biết.»

Tôn giả Sa-già-đà trả lời:

«Thôi, được rồi! Như thế tức là [672a1] cúng dường tôi rồi đó.»

Quốc chủ lại thưa:

«Nguyện xin được biết, ngài cần thứ gì.»

Nhóm sáu tỳ-kheo nói với quốc chủ rằng:

«Ông biết chăng? Y, bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim, đối với tỳ-kheo là vật dễ có được. Còn có vật đối với tỳ-kheo rất khó được, ông nên cho.»

Quốc chủ liền thưa:

«Đối với tỳ-kheo, vật gì là vật khó có được?»

Nhóm sáu tỳ-kheo trả lời:

«Vật cần muốn có là rượu đen[843] .»

Quốc chủ nói:

«Cần thứ đó thì sáng mai đến nhận, nhiều hay ít tùy ý.»

Bấy giờ, quốc chủ kính lễ Sa-già-đà, đi nhiễu quanh rồi cáo lui.

Sáng sớm hôm sau, Sa-già-đà mặc y, bưng bát đến nhà của quốc chủ Câu-thiểm-di, an tọa nơi chỗ ngồi. Khi ấy quốc chủ đem các thức ăn ngon bổ, trong đó có cả rượu đen để dâng cúng, khiến cho được no đủ.

Sa-già-đà ăn uống no đủ rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Giữa đường, bị rượu làm cho say nên té xuống đất và ói thức ăn ra. Các loài chim tranh ăn kêu la. Đức Thế tôn biết mà vẫn hỏi Tôn giả A-nan:

«Tại sao các loài chim kêu la như thế?»

Tôn giả A-nan bạch Phật:

«Đại đức Sa-già-đà nhận sự mời thỉnh của quốc chủ Câu-thiểm-di, ăn uống các thứ, trong đó có rượu đen, bị say nằm bên đường và ói mửa ra, cho nên các loài chim tranh ăn kêu la.»

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

«Tỳ-kheo Sa-già-đà người si nầy, ngay lúc này không thể hàng phục được con rồng nhỏ, huống là hàng phục con rồng lớn!»

Đức Phật bảo A-nan:

«Người uống rượu có mười điều tai hại: 1. Nhan sắc xấu xí. 2. Kém sức khỏe. 3. Mắt nhìn không tỏ. 4. Hiện tướng hung dữ. 5. Phá hỏng tài sản, gia nghiệp. 6. Tăng thêm bệnh hoạn. 7. Thêm đấu tranh kiện tụng. 8. Không ai khen, tiếng

xấu truyền khắp. 9. Trí tuệ giảm thiểu. 10.Thân hoại mạng chung đọa vào ba đường ác.

«A-nan, đó gọi là mười điều tai hại của việc uống rượu.»

Đức Phật bảo A-nan:

«Từ nay về sau, người nào đã tôn giáo pháp của Ta làm thầy thì cho dù chỉ dùng đầu ngọn cỏ thấm rượu rồi để vào miệng cũng không được.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Sa-già-đà rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Sa-già-đà ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, uống rượu, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Rượu : rượu nấu bằng cây[844], rượu nấu bằng lúa, rượu nấu bằng gạo, chỉ chung cho tất cả các loại rượu bằng gạo, bằng đại mạch, hoặc các phương pháp biến chế rượu khác.

- Rượu nấu bằng cây: như rượu nước quả lê, rượu quả diêm phù, rượu mía, rượu quả xá-lâu già[845], rượu nước quả uy nhuy[846], rượu nho.

- Rượu nước quả lê: dùng mật hay đường mía trộn vào để làm. Cho đến rượu nho cũng pha chế như vậy.

Rượu: có sắc rượu, hương rượu, vị rượu, đều không nên uống. Hoặc có loại rượu chẳng có sắc rượu mà có hương vị rượu, thì không nên uống. Hoặc có thứ rượu chẳng có sắc rượu, chẳng có hương rượu, mà có vị rượu, thì không nên uống. Hoặc có thứ rượu chẳng có sắc rượu, chẳng có hương rượu, chẳng có vị rượu, cũng không nên uống. Chẳng phải rượu mà có sắc rượu, hương vị rượu thì được uống. Chẳng phải rượu, chẳng có sắc rượu mà có hương rượu, vị rượu, thì được uống. Chẳng phải rượu, chẳng có sắc rượu, chẳng có hương rượu, mà có vị rượu thì được uống. Chẳng phải rượu, chẳng có hương rượu chẳng có vị rượu, thì được uống.

Tỳ-kheo nào uống rượu, nấu rượu, hòa rượu, hoặc ăn, hoặc uống, ba-dật-đề. Nếu uống rượu có vị ngọt[847], đột-kiết-la. Nếu uống rượu có vị chua, phạm đột-kiết-la. Ăn mem rượu, hèm rượu, đột-kiết-la[848].

Rượu, khởi ý tưởng là rượu, ba-dật-đề. Rượu mà nghi, ba-dật-đề. Rượu mà không có ý tưởng là rượu, ba-dật-đề. Không phải rượu mà có ý tưởng là rượu, đột-kiết-la. Không phải rượu mà nghi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu có bệnh như vậy, như vậy; trị các thứ thuốc khác không lành, dùng rượu để làm thuốc; hoặc dùng rượu thoa nơi mụt ghẻ; tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LII. ĐÙA GIỠN TRONG NƯỚC[849]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm mười bảy tỳ-kheo đang đùa giỡn trong sông A-kỳ-la-bà-đề[850];từ bờ bên này, đến bờ bên kia, hoặc thuận dòng hoặc nghịch dòng, hoặc lặn nơi này, trồi lên nơi kia, hoặc khoa tay vẽ trên nước, hoặc tạt nước qua lại với nhau.

Vừa lúc đó, Vua Ba-tư-nặc cùng với Mạt-lợi phu nhân[851] ở trên lầu cao, từ xa trông thấy nhóm mười bảy tỳ-kheo đùa giỡn trong ao kia; từ bờ bên này đến bờ bên kia, hoặc thuận dòng, hoặc nghịch dòng, hoặc lặn chỗ này, trồi lên chỗ kia, hoặc khoa tay vẽ trên nước, hoặc tạt nước qua lại với nhau. Thấy vậy, nhà Vua nói với Mạt-lợi phu nhân rằng:

«Khanh xem, những người mà khanh thờ kính kia kìa.»

Lúc ấy Mạt-lợi phu nhơn liền trả lời với nhà Vua rằng:

«Các tỳ-kheo đó tuổi còn nhỏ, mới xuất gia, ở trong Phật Pháp chưa bao lâu. Hoặc là lớn tuổi nhưng thiếu sự hiểu biết.»

Rồi Mạt-lợi phu nhơn vội vàng xuống lầu bảo bà-la-môn Na-lăng-ca[852] rằng:

Người nhân danh ta, đến trong Kỳ-hoàn thăm hỏi đức Thế tôn, đi đứng được khoẻ mạnh không? Giáo hóa có nhọc nhằn không? Đem gói thạch mật nầy dâng cúng đức Thế tôn, và đem nhơn duyên nầy trình lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Người bà-la-môn kia liền nhận lời của phu nhơn, đến chỗ đức Thế tôn; thăm hỏi rồi, ngồi qua một bên, bạch đức Thế tôn rằng:

«Mạt-lợi phu nhơn sai con đến thăm hỏi đức Thế tôn, ‹Đi đứng có vững vàng không? Nếp sống được khinh an không? giáo hóa có nhọc nhằn không? Phu nhơn gởi gói đường phèn nầy dâng cúng Thế tôn.›» Và trình sự việc lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Bấy giờ, đức Thế tôn vì nhơn duyên nầy tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách nhóm mười bảy tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm mười bảy tỳ-kheo, tại sao các ông đùa giỡn trong nước, nơi sông A-kỳ-bà-đề. Từ bờ bên nầy đến bờ bên kia, hoặc thuận dòng, hoặc nghịch dòng, hoặc lặn chỗ này trồi lên chỗ kia, hoặc khoa tay vẽ trên nước, hoặc tát nước qua lại với nhau?»

Đức Thế tôn quở trách nhóm mười bảy tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, đùa giỡn trong nước, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Giỡn trong nước: buông lung theo ý muốn, từ bờ nầy bơi qua bờ bên kia, hoặc thuận dòng, hoặc ngược dòng, hoặc lặn chỗ này, nổi lên chỗ kia, hoặc khoa tay vẽ trên nước, hoặc tạt nước qua lại với nhau, cho đến dùng bình bát đựng nước, đùa giỡn bằng mọi cách đều phạm ba-dật-đề. Ngoài nước ra, nước trái cây, nước sữa trong, hoặc rượu đắng, nước vo gạo, đựng trong đồ để đùa giỡn thì cũng phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trên đường đi phải lội qua sông, từ bờ bên nầy đến bờ bên kia; hoặc kéo cây gỗ trong nước; hoặc kéo tre, kéo nứa, lên xuống dòng nước; hoặc lấy đá, lấy cát; hoặc mất vật gì lặn xuống đáy nước để tìm, lặn xuống nỗi lên; hoặc muốn học bơi, nên phải dùng tay quạt nước, tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LIII. THỌC CÙ NÔN[853]

A. DUYÊN KHỞI

[673a1] Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một vị trong nhóm sáu tỳ-kheo cù nôn một vị trong nhóm mười bảy tỳ-kheo, đến nỗi khiến cho họ mạng chung[854].

Các tỳ-kheo nghe việc này trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo rằng, «Tại sao cù nôn nhóm mười bảy tỳ-kheo cho đến bỏ mạng?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo! Tại sao các ông cù nôn nhóm mười bảy tỳ-kheo cho đến phải chết?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, dùng ngón tay cù nôn nhau, ba-dật-đề

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Ngón tay: Tay có mười ngón, chân có mười ngón.

Nếu tỳ-kheo nào dùng ngón tay, ngón chân thọc lét nhau, ba-dật-đề[855].Ngoài ngón tay ngón chân ra dùng cây gậy, chốt cửa, phất trần và tất cả các vật khác để thọc lét nhau, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, ca-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu không cố ý cù nôn; hoặc đang ngủ, cần xúc chạm để kêu dậy; hoặc ra vào tới lui, hay quét đất đụng nhằm; hoặc lấy cây gậy vướng phải; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LIV. BẤT KÍNH[856]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la nước Câu-thiểm-tỳ. Bấy giờ, có Xiển-đà[857] suýt phạm giới. Các tỳ-kheo can gián rằng, «Thầy chớ có nghĩ như vậy. Đó là điều không nên.» Xiển-đà không nghe lời các tỳ-kheo can gián, liền phạm giới.

Các tỳ-kheo nghe việc này, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Xiển-đà rằng, «Nầy Xiển-đà! Tại sao, khi thầy sắp phạm giới, các tỳ-kheo can gián mà không nghe, để cho phạm?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Xiển-đà:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Xiển-đà! Tại sao các tỳ-kheo can gián mà ông không nghe theo, để cho phạm giới?»

Dùng vô số phương tiện quở trách Xiển-đà rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, không nhận lời can gián[858], ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Không nhận lời can gián: người khác can, bảo đừng làm như vậy mà cứ làm, vì vậy cho nên phạm căn bản bất tùng ngữ (không nghe lời), đột-kiết-la. Nếu tự biết mình làm như vậy là sai, song cố làm, phạm căn bản bất tùng ngữ, ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề, Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: người vô trí đến can, nên nói: «Ông cần hỏi thầy Hòa thượng của ông để học vấn, tụng kinh, mà biết pháp can gián, sau đó mới có thể can gián. Khi ấy, tôi mới nghe theo.» Hoặc nói giỡn chơi, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc nầy lại nhằm nói việc khác; tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LV. DỌA NHÁT TỲ-KHEO[859]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Một thời đức Phật ở nước Ba-la-lê-tỳ[860]. Bấy giờ tôn giả Na-ca-ba-la[861] tỳ-kheo làm thị giả đức Thế tôn, cung cấp các thứ cần dùng. Phật bảo Na-ca-ba-la:

«Ông lấy cái áo mưa đem đây. Ta muốn đến chỗ kinh hành để đi kinh hành.»

Tôn giả vâng lời, lấy áo mưa đem đến cho đức Thế tôn. Đức Thế tôn mang áo mưa, đến chỗ kinh hành để đi kinh hành.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhơn biến hóa làm nhà kinh hành bằng vàng[862], rồi chắp tay đứng trước đức Thế tôn thưa rằng:

«Đức Thế tôn của con đi kinh hành! Đức Thiện Thệ của con đi kinh hành!»

Pháp thường của chư Phật, khi kinh hành, người cúng dường đứng đầu con đường kinh hành.

Khi ấy, tỳ-kheo Na-ca-ba-la đứng nơi đầu đường đi kinh hành, biết phần đầu của đêm đã qua, bạch Đức Thế tôn rằng:

«Đầu hôm đã qua, thỉnh Thế tôn vào phòng.»

Thế tôn im lặng. Giữa đêm, cuối đêm đã qua, bình minh đã xuất hiện, các loài chim bắt đầu thức dậy. Khi trời đã sáng tỏ, lại bạch đức Thế tôn:

«Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm đã qua, bình minh xuất hiện, các loài chim bắt đầu thức dậy, trời đã sáng tỏ. Cung thỉnh đức Thế tôn trở lại phòng.»

Bấy giờ, đức Thế tôn vẫn im lặng.

Khi ấy, Na-ca-ba-la nghĩ rằng: «Nay ta có nên dọa Phật, để khiến cho đức Phật vào phòng nghỉ hay không?» Tức thì, Na-ca-ba-la liền lật ngược chiếc y trùm lên trên đầu, đến chỗ đức Phật giả làm tiếng phi nhơn khủng bố, «Sa-môn! Ta là quỷ đây.»

Đức Thế tôn bảo rằng:

«Ta biết, đây là tâm của người ngu, cũng là người ác.»

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn bạch Phật:

«Trong chúng cũng có hạng người như vậy hay sao?»

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhơn rằng:

«Người này ở trong đời nầy sẽ được pháp thanh tịnh[863].»

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhơn nói kệ khen Phật:

Thánh độc hành không phóng dật,

Ai khen chê không dao động;

Sư tử rống nghe không sợ,

Như gió qua cỏ không ngại.

Dẫn đạo tất cả các chúng,

Quyết định tất cả trời người.

Bấy giờ, đức Thế tôn cũng dùng kệ trả lời:

Thiên đế nghĩ ta sợ,

Nên nói lời này chăng!

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhơn kính lễ dưới chân Phật, rồi ẩn hình lui đi. Đêm ấy trôi qua, bình minh vừa ló dạng, đức Thế tôn tập hợp Tăng tỳ-kheo, đem nhơn duyên nầy kể lại cho các tỳ-kheo nghe và nói:

«Na-ca-ba-la nầy là người si, lại muốn dọa cho Ta sợ!»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Na-ca-ba-la rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, dọa tỳ-kheo khác, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Dọa[864] : tức là dùng sắc, tiếng, hương, vị, xúc và pháp để dọa người sợ.

- Thế nào gọi là dùng sắc khủng bố? Hoặc làm thành hình con voi, hình con ngựa, hoặc làm thành hình con quỷ, hình cầm thú. Dùng những hình sắc như vậy để khủng bố người, khiến cho người thấy, dù sợ sệt hay không sợ sệt đều phạm ba-dật-đề. Dùng những hình sắc như vậy để khủng bố người mà người ấy không thấy, phạm đột-kiết-la.

- Thế nào gọi là dùng tiếng để khủng bố người? Hoặc dùng tiếng tù và, tiếng trống, tiếng ba-la[865], tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng lạc đà kêu rống. Dùng những âm thinh như vậy để khủng bố, [674a1] khiến cho người kia nghe, dù họ sợ sệt hay không sợ sệt đều phạm ba-dật-đề. Nếu dùng âm thanh như vậy để khủng bố mà người kia không nghe, phạm đột-kiết-la.

- Thế nào gọi là dùng hương để khủng bố người? Hoặc dùng hương của rễ cây, hương của cây tát-la[866], hương của nhựa cây, hương của vỏ cây, hương của bì phu, hương lá, hương bông, hương quả, hoặc là mùi thơm hoặc là mùi thối. Nếu dùng các loại hương nầy để khủng bố người, người kia ngửi mùi hoặc sợ hoặc không sợ đều phạm ba-dật-đề. Nếu dùng các loại hương như vậy để khủng bố người, người ấy không ngửi, phạm đột-kiết-la.

- Thế nào gọi là dùng vị khủng bố người? Nghĩa là dùng vị trao cho người, như vị chua, vị ngọt, vị đắng, vị chát, vị mặn, vị ca-sa. Dùng những vị như vậy để khủng bố người, khiến cho họ nếm vị ấy, dù họ sợ hay không đều phạm ba-

dật-đề. Nếu đem những vị ấy để khủng bố người mà họ không thưởng thức, phạm đột-kiết-la.

- Thế nào gọi là dùng sự xúc chạm để khủng bố người? Như dùng sức nóng, sức lạnh, sức nhẹ, sức nặng, hoặc mịn, hoặc thô, hoặc trơn, hoặc rít, hoặc mềm, hoặc cứng. Dùng các vật như vậy để chạm xúc, khủng bố người, khiến cho người kia xúc chạm, dù họ sợ hay không đều phạm ba-dật-đề. Dùng những vật xúc chạm như vậy để khủng bố, mà người không xúc chạm, phạm đột-kiết-la.

- Thế nào gọi là dùng pháp để khủng bố người? Nói với người trước, «Tôi thấy tướng thầy như vậy; hoặc thấy mộng như vậy, thầy sẽ chết, hoặc mất y bát, hoặc thôi tu. Hòa thượng và A-xà-lê của thầy cũng sẽ chết, hoặc mất y bát, hoặc thôi tu, hoặc cha mẹ thầy lâm bệnh nặng, hoặc qua đời.» Dùng những pháp như vậy khủng bố người, khiến họ biết, dù sợ hay không sợ đều phạm ba-dật-đề. Nếu dùng những pháp như vậy để khủng bố người, mà người ấy không biết, đột-kiết-la.

Nếu tỳ-kheo dùng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để khủng bố người, nói rõ ràng, phạm ba-dật-đề. Nói không rõ ràng, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Hoặc ngồi chỗ tối, không đèn không lửa; hoặc nơi nhà đại tiểu tiện. Nhìn từ xa bảo là voi là giặc, hoặc ác thú đâm ra sợ sệt, cho đến trong nhà tối chỗ không đèn, không lửa, nơi đại tiểu tiện nghe tiếng người đi; hoặc tiếng động chạm của cây cỏ, hoặc tiếng tằng hắng tạo ra sợ sệt; hoặc dùng sắc chỉ cho người, không tạo ra sự sợ sệt; hoặc dùng thinh, hương, vị, xúc trao cho người, không có ý tạo cho họ sợ; hoặc thật có việc như vậy, hoặc thấy tướng như vậy, hoặc thấy trong mộng; hoặc (thầy) sẽ chết, mất y bát thôi tu; hoặc cha mẹ bệnh nặng sẽ chết, liền nói như vầy,

«Tôi thấy thầy có các biến tướng như vậy;» hoặc nói đùa, hoặc nói gấp vội, hoặc nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc nầy lại nói việc khác; tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LVI. NỬA THÁNG TẮM[867]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành La-duyệt-kỳ, nơi đó có một cái ao[868]. Bấy giờ Vua Bình-sa nước Ma-kiệt[869] cho phép các tỳ-kheo được vào tắm giặt trong ao.

Một hôm, vào lúc cuối đêm khi bình minh chưa xuất hiện, nhóm sáu tỳ-kheo vào tắm giặt trong ao. Cũng vào lúc đó, khi bình minh chưa xuất hiện, Vua Bình-sa cùng với các thể nữ muốn đến nơi ao để tắm rửa. Khi nhìn, nhà Vua nghe tiếng nhóm sáu tỳ-kheo đang tắm rửa nơi ao, liền hỏi quân hầu cận hai bên rằng:

«Ai đang tắm trong ao?»

Tâu:

«Đó là các tỳ-kheo.»

Nhà Vua ra lệnh:

«Không nên khua động lớn tiếng. Đừng để cho các tỳ-kheo không kịp tắm phải ra về.»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo dùng các loại thuốc bột mịn, thoa tắm với nhau, cho đến khi mặt trời mọc mà chưa tắm xong. Rốt cuộc nhà Vua không tắm được phải hồi cung. Các Đại thần đều giận và cơ hiềm. Họ nói với nhau rằng:

«Những sa-môn họ Thích này không biết tàm quý. Bên ngoài tự xưng là ta tu chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Cuối đêm dẫn nhau vào ao nước, dùng các loại thuốc bột mịn tắm rửa nhau, mãi cho đến khi ánh sáng xuất hiện. Cuối cùng khiến nhà Vua không tắm rửa được phải hồi cung.»

Các tỳ-kheo nghe việc này, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao vào trong ao nước lúc cuối đêm, lại dùng các thứ thuốc bột mịn tắm rửa cho nhau, mãi đến khi ánh sáng xuất hiện, khiến nhà Vua không tắm được?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các ông vào trong ao tắm lúc cuối đêm, lại dùng thuốc bột mịn tắm rửa cho nhau, mãi đến trời sáng, khiến cho nhà Vua không tắm được phải về?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo rằng:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa,cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo, nửa tháng nên tắm một lần; nếu quá, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, các tỳ-kheo lúc trời nóng bức, thân thể bị mọc nhọt, mồ hôi tiết ra

hôi hám, e sợ không dám tắm, ngại vi phạm giới quá nửa tháng tắm.

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật cho phép các tỳ-kheo lúc trời nóng bức được tắm rửa thường xuyên. Từ nay nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo, nửa tháng nên tắm một lần; nếu quá, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt là thời gian nóng bức.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Trong số các tỳ-kheo bệnh, thân thể bị mụn nhọt, mồ hôi tiết ra hôi hám, hoặc khi đại tiểu tiện, đổ đồ bất tịnh, e sợ không dám tắm, lo ngại phạm quá nửa tháng tắm rửa. Các tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật dạy:

«Cho phép các tỳ-kheo bệnh được tắm rửa theo nhu cầu.»

Từ nay, nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo, nửa tháng nên tắm một lần; nếu quá, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt là thời gian nóng bức, khi bệnh.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Các tỳ-kheo khi làm việc, thân thể bị mồ hôi tiết ra hôi hám, các tỳ-kheo có tâm e sợ, không dám tắm, bạch Phật. Phật cho phép các tỳ-kheo lúc làm việc được tắm rửa theo yêu cầu.

Từ nay nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo, nửa tháng nên tắm một lần; nếu quá, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt là thời gian nóng bức, khi bệnh, lúc làm việc.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, có các tỳ-kheo đi trong cơn mưa gió, thân hình bị mọc nhọt, mồ hôi ra nhớp nhúa, đất bụi không sạch, vì cẩn thận sợ không dám tắm, bạch Phật. Phật cho phép tỳ-kheo khi mưa gió được tắm rửa theo yêu cầu.

Từ nay nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo, nửa tháng nên tắm một lần; nếu quá, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt là thời gian nóng bức, khi bệnh, lúc làm việc, khi mưa gió.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, các tỳ-kheo đi đường bị nóng, sanh ghẻ, mồ hôi đổ nhớp đầy bụi ô uế, không sạch, sợ và cẩn thận không dám tắm, bạch Phật. Phật dạy, «Cho phép các tỳ-kheo [675a1] khi đi đường được tắm rửa theo yêu cầu.»

Từ nay nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo, nửa tháng nên tắm một lần; nếu quá, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt là thời gian nóng bức, khi bệnh, lúc làm việc, khi mưa gió, lúc đi đường, đó là những trường hợp đặc biệt.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Thời gian nóng: bốn mươi lăm ngày cuối mùa xuân và tháng đầu mùa hạ là thời gian nóng bức.

Bệnh: cho đến thân thể bị xú uế, như vậy gọi là bệnh.

Làm việc: cho đến như việc quét đất phía trước phòng.

Khi mưa gió: cho đến một trận gió lốc, một giọt mưa rớt trên thân.

Lúc đi đường: cho đến chỉ đi trong vòng nửa do tuần, kể cả đi tới và đi lui.

Nếu tỳ-kheo nửa tháng tắm một lần, trừ trường hợp đặc biệt; nếu quá, kể cả chỉ dội nước ướt khắp thân, ba-dật-đề;

hoặc nước dội chỉ ướt nửa thân cũng phạm ba-dật-đề, hoặc chuẩn bị phương tiện muốn tắm mà không tắm; tất cả đề phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nửa tháng tắm một lần; lúc nóng, lúc bệnh, lúc làm việc, lúc gió, lúc mưa, lúc đi đường, nên tắm rửa thường xuyên; hoặc bị thế lực bắt, cưỡng bức bảo tắm thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LVII. ĐỐT LỬA[870]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở tại thành Khoáng dã[871]. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo bảo nhau, «Trước mặt Thượng tọa, chúng ta nói năng không được tự do.» Họ liền cùng nhau ra ngoài phòng, nơi đất trống, tập trung cây cỏ dưới gốc đại thọ, đốt lửa để sưởi ấm. Bấy giờ, trong gốc cây có một con rắn độc, bị hơi lửa xông nóng, từ trong bộng cây chạy ra. Các tỳ-kheo thấy đều hoảng sợ, la hét, «Rắn độc! Rắn độc!» Rồi lấy củi đang cháy quăng lung tung. Lửa văng, cháy giảng đường của Phật.

Các tỳ-kheo nghe thấy việc này, trong đó có vị thiểu dục, tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo rằng, «Sao các Thầy cùng bảo nhau rằng, trước mặt Thượng tọa chúng ta nói năng không được tự do. Rồi các Thầy ra ngoài phòng tập trung cây cỏ, nơi đất trống, dưới gốc đại thọ, đốt lửa để sưởi ấm, khiến cho rắn độc ở trong bộng cây chạy ra, các thầy hoảng sợ, lấy củi đang

cháy quăng tứ tung, lửa văng, đốt cháy giảng đường của đức Phật?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo, sao các ông cùng bảo nhau rằng, trước mặt Thượng tọa chúng ta nói năng không được tự do. Rồi các thầy ra ngoài phòng tập trung cây cỏ, nơi đất trống, dưới gốc đại thọ, đốt lửa để sưởi ấm, khiến cho rắn độc ở trong bộng cây chạy ra, các thầy hoảng sợ, lấy củi đang cháy quăng tứ tung, lửa văng, đốt cháy giảng đường của Phật?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, vì mình tự nhóm lửa nơi đất trống, hoặc sai người nhóm, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh, cẩn thận sợ không dám tự nhóm lửa, không nhờ người nhóm. Tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy:

«Cho phép tỳ-kheo bệnh được tự nhóm lửa nơi đất trống hay nhờ người nhóm.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, không bệnh, vì mình tự nhóm lửa nơi đất trống, hoặc sai người nhóm, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, có các tỳ-kheo muốn nấu cháo cho tỳ-kheo bệnh, hoặc nấu canh, nấu cơm, hoặc nơi nhà ấm[872], nơi nhà trù, nơi nhà tắm, hoặc xông bát, nhuộm y, hoặc thắp đèn, thắp hương; các tỳ-kheo đều cẩn thận sợ không dám làm. Đức Phật dạy:

«Những việc trên cho phép được nhóm lửa.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, không bệnh, vì mình tự nhóm lửa nơi đất trống, hoặc sai người nhóm, ba-dật-đề. Trừ có nhân duyên.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Bệnh: cần lửa để sưởi ấm.

Nếu tỳ-kheo không bệnh, vì mình tự nhóm lửa nơi đất trống, hoặc đốt cỏ cây nhánh lá, gai, cây gai, sô ma hoặc phân bò, trấu… đốt bất cứ thứ gì cũng đều phạm ba-dật-đề.

Nếu lấy lửa để trên cỏ cây nhánh lá, gai, cây gai, phân bò, trấu… nếu cháy đều phạm ba-dật-đề.

Nếu lấy cây bị đốt phân nửa quăng vào trong lửa, đột-kiết-la; đốt than đột-kiết-la.

Nếu không nói với người đối diện, «Người xem cho, biết cho!» đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nói với người đối diện, «Xem cho!» Hoặc người bệnh tự nhóm lửa, hay nhờ người nhóm lửa, có nhơn duyên chăm sóc người bệnh, vì người bệnh nấu cháo, nấu canh, nấu cơm, hoặc ở nơi nhà trù, nơi nhà ấm, nơi nhà tắm; hay xông bát, hoặc nấu thuốc nhuộm y, đốt đèn, đốt hương, tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LVIII. GIẤU VẬT DỤNG CỦA TỲ-KHEO[873]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Một thời đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh chúng Tăng thọ thực vào sáng ngày mai. Liền trong đêm đó sắm sửa các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ, sang rạng ngày hôm sau đến báo tin giờ thọ thực.

Bấy giờ, nhóm mười bảy tỳ-kheo mang y bát, tọa cụ, ống đựng kim đến để một bên rồi thong thả kinh hành, chờ giờ ăn đến. Nhóm sáu tỳ-kheo rình lúc nhóm mười bảy đi kinh hành quay lựng lại chỗ để đồ, liền lấy y bát, tọa cụ, ống kim của họ giấu. Khi nhóm mười bảy tỳ-kheo nghe báo tin giờ thọ thực đã đến, thì phát hiện, nên hỏi:

«Y bát, tọa cụ, ống kim của chúng tôi để tại đây, ai đem đi đâu?»

Các tỳ-kheo khác hỏi:

«Các ông ở đâu đến?»

Nhóm mười bảy trả lời:

«Chúng tôi ở đây. Mang y bát, tọa cụ, ống đựng kim để một bên, rồi đi kinh hành, chờ đến giờ ăn.»

Trong khi đó, nhóm sáu tỳ-kheo đang đùa giỡn ở trước. Các tỳ-kheo khác quan sát, thấy nhóm sáu đang đùa giỡn, khẳng định những người này lấy y bát đi giấu.

Các tỳ-kheo nghe biết, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo, «Sao các thầy lấy y, bát, tọa cụ, ống kim của nhóm mười bảy giấu đi?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo, sao các ông rình lúc nhóm mười bảy tỳ-kheo đi kinh hành quay lưng lại, lấy y bát tọa cụ ống kim của họ giấu đi?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết [676a1] giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, giấu y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của tỳ-kheo khác, tự mình giấu hoặc bảo người giấu, cho đến giỡn chơi, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo giấu y bát tọa cụ ống đựng kim của tỳ-kheo khác, hoặc sai người giấu, kể cả giỡn chơi, Ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức xoa-ma na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu thật biết rõ vật của người kia, thể tất cho nhau mà lấy cất; hoặc để nơi đất trống, bị mưa gió làm tổn hoại nên lấy cất; hoặc người chủ của vật tánh bừa bãi, bỏ y bát tọa cụ ống kim một cách lung tung, nhằm mục đích cảnh giới họ nên lấy cất; hoặc mượn y của người kia mặc mà người kia không thu xếp, sợ mất nên lấy cất; hoặc vì y bát các vật nầy mà đưa đến mạng nạn, phạm hạnh nạn nên lấy cất; tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LIX. TỰ TIỆN DÙNG Y KHÔNG HỎI CHỦ[874]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo chơn thật thí[875] y cho tỳ-kheo thân hậu; sau đó, không nói với chủ mà lấy mặc.

Các tỳ-kheo nghe biết, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống phạm hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo rằng: «Tại sao trước đây, các thầy đã đem y thí cho tỳ-kheo thân hậu, sau không nói với chủ mà lấy mặc?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo, sao các ông, trước đã đem y thí cho tỳ-kheo thân hậu rồi, sau không nói với chủ mà lấy mặc?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, đã cho y đến tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, về sau không nói với chủ mà lấy mặc[876], ba-dật- đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Y: có mười loại như trước đã nói.

Cho y: tức là tịnh thí y. Tịnh thí y có hai cách: Chơn thật tịnh thí và triển chuyển tịnh thí.

- Chơn thật tịnh thí: người cho nói, «Đây là y dư của tôi chưa tác tịnh. Nay vì để tịnh, tôi cho trưởng lão, để làm chơn thật tịnh thí[877].»

- Triển chuyển tịnh thí: người cho nói, «Đây là y dư của tôi chưa tác tịnh. Nay vì để tịnh, tôi cho trưởng lão.» Vị được cho nên nói như vầy, «Trưởng lão nghe cho. Trưởng lão có y dư như vậy, chưa tác tịnh. Nay cho tôi để được tịnh, tôi xin nhận.» Nhận rồi nên hỏi, «Trưởng lão muốn cho ai?» Người cho nên nói, «Cho vị có tên như vậy.» Vị kia nên nói, «Trưởng lão có cái y dư nầy, chưa tác tịnh. Nay cho tôi để được tịnh, nên tôi nhận. Nhận rồi tôi chuyển cho Tỳ-kheo có tên như vậy. Như vậy y nầy là sở hữu của tỳ-kheo có tên như vậy. Trưởng lão vì Tỳ-kheo có tên như vậy cất giữ hộ trì, tùy ý xử dụng[878].»

Chơn thật tịnh thí thì phải hỏi chủ, sau đó mới lấy dùng. Còn triển chuyển tịnh thí thì nói hay không nói, tùy ý lấy dùng. Nếu tỳ-kheo y đã chơn thật tịnh thí, không nói với chủ mà lấy dùng, phạm ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nói với chủ rồi mới lấy dùng, nếu chơn thật tịnh thí. Nói hay không nói trước khi lấy dùng, nếu là triển chuyển tịnh thí.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LX. HOẠI SẮC Y MỚI[879]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo mặc y màu trắng mà đi. Các cư sĩ đều cơ hiềm, «Sa-môn Thích tử nầy không biết tàm quý. Thu nhận thọ dụng không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng, tôi tu chánh pháp. Nhưng như vậy, có gì

là chánh pháp? Tại sao mặc đồ mới màu trắng mà đi, giống như nhà Vua, hay Đại thần của Vua?»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo, «Sao các thầy mặc y mới màu trắng mà đi?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo, sao các ông mặc áo màu trắng mà đi?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, nhận được y mới, tùy ý sử dụng một trong ba màu hoặc là xanh, hoặc đen, hoặc mộc lan làm cho hoại sắc; nếu không làm cho hoại sắc bằng ba thứ hoặc xanh, hoặc đen, hoặc lam[880] mà mặc nguyên y mới, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Mới: là y mới, hoặc mới nhận được từ người, đều gọi là y mới.

Y: có mười loại như đã nói trước.

Hoại sắc : nhuộm thành màu xanh, đen, mộc lan.

Tỳ-kheo kia nhận được y (vải) mới không nhuộm làm thành ba hoại sắc xanh, đen, mộc lan. Tỳ-kheo được y mới, không nhuộm ba màu xanh, đen, mộc lan, mà mặc y mới với màu khác, ba-dật-đề. Nếu có y kép không tác tịnh mà cất chứa, phạm đột-kiết-la. Y đơn không tác tịnh phạm đột-kiết-la. Nếu chẳng phải y, đãy đựng y bát, đãy đựng guốc dép, đãy đựng kim chỉ, giây ngồi thiền, giây lưng, mão, bít tất, nhiếp, khăn lau, khăn gói giày dép, không tác tịnh mà chứa cất đều phạm đột-kiết-la. Nếu đem y chứa nhuộm mà gởi nhà bạch y, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu nhận được y màu trắng, dùng ba màu xanh, đen và mộc lan để nhuộm. Y kép, y đơn tác tịnh rồi mới chứa. Nếu chẳng phải đãy đựng y bát, cho đến khăn gói giày dép, đều tác tịnh rồi mới chứa cất; hoặc y nhuộm rồi mới đem gởi nhà bạch y; hoặc y đã phai màu nhuộm lại, đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXI. ĐOẠN SINH MẠNG[881]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-Vệ. Bấy giờ, tôn giả [677a1] Ca-lưu-đà-di không thích thấy quạ, nên làm cung bằng tre để bắn quạ, bắn mãi không thôi, đã sát hại rất nhiều quạ, chất thành đống trong Tăng-già-lam.

Bấy giờ, các cư sĩ đến trong Tăng-già-lam lễ bái, thấy đống quạ chết lớn này, mọi người đều cùng nhau cơ hiềm bàn với nhau rằng, «Sa-môn Thích tử không biết xấu hổ, không có lòng thương, giết mạng chúng sanh. Bên ngoài tự xưng là ta tu chánh pháp. Như vậy, có gì là chánh pháp? Bắn giết loài quạ cho đến chất đống.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Ca-lưu-đà-di rằng, «Sao thầy bắn giết loài quạ, nhiều đến nỗi dồn thành đống to?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp tỳ-kheo. Biết mà Ngài cố hỏi Ca-lưu-đà-di:

«Có thật sự ông không ưa thấy loài quạ, nên làm cung bằng tre để bắn chúng, nhiều đến nỗi dồn thành đống to hay không?»

Ca-lưu-đà-di thưa:

«Sự thật như vậy!»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Ca-lưu-đà-di, sao lại bắn giết các loài quạ, chất thành đống như vậy?»

Quở trách Ca-lưu-đà-di rồi, Phật bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, đoạn mạng sống loài vật, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ các tỳ-kheo khi đứng, khi ngồi, đi tới đi lui, phần nhiều giết chết nhiều loại tiểu trùng, nên có vị tác pháp sám ba-dật-đề, có vị e sợ. Các tỳ-kheo đến bạch đức Thế tôn. Thế tôn dạy:

«Không biết thì không phạm.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, cố ý đoạn mạng sống loài vật, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Loài vật: chỉ cho loài không thể biến hóa mà đoạn mạng sống của nó; hoặc tự mình đoạn[882], hay sai người đoạn, hoặc sai sứ giết, hoặc sai người đi và về mà giết, hoặc trùng sứ mà giết, hoặc sai sứ luân chuyển giết, hoặc tự mình tìm để sai, hoặc sai người tìm để sai, hoặc tự tìm người cầm dao, sai người tìm cầm dao, hoặc dùng thân ra dấu hiệu, hoặc dùng miệng nói, hoặc dùng thân và miệng, hoặc khiến người dạy, hoặc khiến người viết thư, hoặc sai khiến người viết thư, hoặc đào hầm để sập chết, hoặc đặt dao nơi chỗ thường tới lui, hoặc thuốc độc, hoặc an trí dụng cụ giết ở trước, làm tất cả phương tiện như vậy, hoặc các cách khác, với dụng tâm giết súc sanh, do đó mà nó chết, ba-dật-đề.

Phương tiện muốn giết mà không giết, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: không có ý giết; hoặc dùng ngói, đá, dao, gậy, quăng ném chỗ khác mà trúng nhầm đoạn mạng của chúng; hoặc tỳ-kheo có bổn phận xây cất nhà phòng lỡ tay rớt gạch đá trúng nó phải chết, hoặc ngói gỗ, cây gậy, hoặc trụ cột, rui mè, kèo… cầm những thứ như vậy, sút tay rớt xuống, nó bị chết. Hoặc dìu người bệnh đứng dậy mà họ bị chết, hoặc nằm trở lại mà họ chết, hoặc khi tắm rửa bị chết, hoặc khi uống thuốc mà chết, khi đỡ vào phòng chết, khi ra phòng chết, hoặc khi giữa ngày ngồi mà chết, hoặc nơi chỗ râm mà chết, đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXII. UỐNG NƯỚC CÓ TRÙNG[883]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo lấy nước có tạp trùng dùng uống. Các cư sĩ thấy, đều cơ hiềm, «Những sa-môn Thích tử nầy không có từ tâm, sát hại mạng loài trùng. Bên ngoài tự xưng là ta tu chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Dùng nước có tạp trùng.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo, «Tại sao các thầy không có từ tâm, uống nước có trùng, hại mạng sống?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh

tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao uống và dùng nước có tạp trùng, hại mạng sống?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, uống nước hoặc dùng nước có tạp trùng, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, các tỳ-kheo không biết nước có trùng hay không có, sau mới biết là có, nên tác pháp sám ba-dật-đề, hoặc có vị e sợ nên bạch Phật. Phật dạy:

«Không biết thì không phạm.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, biết nước có tạp trùng mà uống nước hoặc dùng, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo kia biết nước có tạp trùng mà uống hoặc dùng, phạm ba-dật-đề. Ngoài nước ra, tạp trùng trong nước gạo, trong chất đắng, chất rượu, trong sữa trong, trong nước lúa mạch mà uống hoặc dùng, đều phạm ba-dật-đề.

Nước có trùng, tưởng là có trùng mà dùng, ba-dật-đề. Nước có trùng mà nghi, đột-kiết-la. Nước không trùng, tưởng là nước có trùng, đột-kiết-la. Nước không trùng mà nghi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: trước không biết có trùng; tưởng là không trùng, hoặc có loài trùng lớn, khua động nước nó tránh đi; hoặc nước lọc rồi mới uống thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách[884].

---o0o---

LXIII. CỐ GIEO NGHI HỐI[885]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm mười bảy tỳ-kheo đến hỏi nhóm sáu tỳ-kheo:

«Kính thưa trưởng lão! Thế nào là vào sơ thiền? Đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiền? Thế nào là vào không, vô tướng, vô nguyện? Thế nào là đắc quả Tu-đà-hoàn? Quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán?»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo bảo rằng:

«Như những điều các ông đã hỏi, thời các ông đã phạm pháp ba-la-di, chẳng phải là tỳ-kheo[886].»

Bấy giờ, nhóm mười bảy tỳ-kheo liền đến chỗ [678a1] vị tỳ-kheo Thượng tọa, hỏi rằng:

«Nếu có các tỳ-kheo hỏi như vầy, ‹Thế nào là vào sơ thiền? Đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiến? Thế nào là vào không, vô

tướng, vô nguyện? Thế nào là đắc quả Tu-đà-hoàn? Quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán?› Thì bị phạm tội gì?»

Vị Thượng tọa bảo:

«Hỏi như vậy không phạm tội gì cả.»

Nhóm mười bảy tỳ-kheo nói:

«Chúng con có đến nhóm sáu tỳ-kheo hỏi, ‹Thế nào là vào sơ thiền? Đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiến? Thế nào là vào không, vô tướng, vô nguyện? Thế nào là đắc quả Tu-đà-hoàn? Quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán?› Các thầy nhóm sáu tỳ-kheo lại nói, ‹Các ông tự xưng được pháp thượng nhơn[887], phạm ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo!›»

Vị Thượng tọa tỳ-kheo kia quán sát, biết nhóm sáu tỳ-kheo muốn gieo nghi ngờ hoang mang cho nhóm mười bảy tỳ-kheo.

Các tỳ-kheo nghe biết, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo, «Tại sao các thầy gieo nghi ngờ hoang mang cho nhóm mười bảy tỳ-kheo?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các ông lại gieo nghi ngờ hoang mang cho nhóm mười bảy tỳ-kheo?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện khiển trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, gieo nghi ngờ hoang mang cho người khác, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Lúc bấy giờ, có số đông tỳ-kheo tập họp lại một chỗ, cùng bàn luận về pháp luật, nhưng có một tỳ-kheo bỏ đi. Sau khi ra đi, vị ấy khởi tâm nghi nói rằng, «Các tỳ-kheo kia có cho là ta đã gieo nghi ngờ cho họ hay không?» Các tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật dạy:

«Không cố tâm làm thì không phạm.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, cố ý gieo nghi ngờ hoang mang cho người khác, khiến cho không an tâm, dù chỉ trong chốc lát[888],ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nghi ngờ[889] : làm cho nghi ngờ về sự sanh, tuổi tác, thọ giới, yết-ma, phạm tội, các pháp[890].

- Làm cho nghi ngờ về sự sanh: Như hỏi, «Thầy sanh bao lâu rồi?» Người ấy trả lời, «Tôi sanh vào lúc ấy.» Lại nói, «Thầy không sanh vào lúc đó đâu. So với thời gian sanh của người khác, thầy chẳng phải sanh lúc đó.» Đó gọi là gieo nghi ngờ về sự sanh.

- Thế nào gọi là gieo nghi ngờ khi hỏi đến tuổi tác? Như hỏi, «Thầy bao nhiêu tuổi?» Vị ấy trả lời: «Tôi được chừng ấy tuổi.» Lại nói, «Thầy chẳng phải tuổi đó đâu. So với người khác thọ giới, thầy chưa tới tuổi đó.» Đó gọi là hỏi về tuổi tác để gieo nghi ngờ cho người.

- Thế nào gọi là hỏi để gieo nghi ngờ về việc thọ giới? Như hỏi, «Khi thầy thọ giới, chưa đủ hai mươi tuổi. Lại nữa, trong cương giới biệt chúng.» Đó gọi là gieo nghi ngờ khi thọ giới.

- Thế nào gọi là gieo nghi ngờ về yết-ma? Như hỏi, «Khi thầy thọ giới, tác bạch bất thành, yết-ma bất thành, phi pháp biệt chúng?» Đó gọi là hỏi để gieo nghi ngờ khi tác pháp yết-ma.

- Thế nào gọi là gieo nghi ngờ về tội phạm? Như nói, «Thầy phạm ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kiết-la, ác thuyết.» Đó gọi là gieo nghi ngờ về tội phạm.

- Thế nào gọi là gieo nghi ngờ về các pháp? Như nói, «Thầy hỏi pháp như vậy, tức phạm ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.» Đó gọi là gieo nghi ngờ đối với pháp.

Nếu tỳ-kheo nào cố ý làm cho tỳ-kheo khác nghi; hoặc bằng sự sanh, hoặc về tuổi tác, cho đến gieo nghi ngờ đối với pháp, nói rõ ràng thì phạm ba-dật-đề; nói không rõ ràng phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Sự thật là như vậy, không cố ý tạo nên. Người kia không phải sanh lúc đó; sợ sau này họ nghi hối, vô cớ mà để cho họ thọ sự cúng dường của người, nhận sự kính lễ của đại Tỳ-kheo, nên nói «Thầy chẳng phải sanh vào lúc ấy. So với thời gian sanh của những người khác, nên biết thầy chẳng phải sanh vào thời gian đó.»

Sự thật là như vậy, người kia không phải với số tuổi đó; sợ sau này họ có sự nghi hối, vô cớ mà họ thọ sự lợi dưỡng của người, nhận sự kính lễ của đại tỳ-kheo, cho nên nói «Thầy không phải với số tuổi tác đó. Như tuổi của các tỳ-kheo khác, thì thầy chưa phải là số tuổi đó.»

Sự thật là như vậy, nếu tuổi không đủ hai mươi, trong cương giới biệt chúng; sợ sau họ có sự nghi hối, vô cớ mà họ nhận lợi dưỡng của người, thọ sự kính lễ của đại tỳ-kheo, khiến cho họ biết để trở về trường hợp cũ, sẽ thọ giới lại, nên nói: «Thầy chưa đủ hai mươi tuổi, trong cương giới biệt chúng.»

Sự thật là như vậy, bạch không thành, yết-ma không thành, phi pháp biệt chúng; sợ sau này họ có sự nghi hối, vô cớ mà thọ lợi dưỡng của người, nhận kính lễ của đại tỳ-kheo, nên nói để cho họ biết, trở về lại vị trí cũ, rồi thọ giới lại, nên nói: «Thầy bạch không thành, yết-ma không thành tựu, phi pháp biệt chúng.»

Sự thật là như vậy, phạm ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, thâu-lan-giá, đột-kiết-la, ác thuyết; sợ sau họ có sự nghi hối, vô cớ họ thọ lợi dưỡng của người, nhận sự kính lễ của tỳ-kheo trì giới, muốn khiến cho họ biết để như pháp sám hối, nên mới nói «Thầy phạm ba-la-di cho đến ác thuyết.»

Lại nữa, nếu người kia tánh cạn cợt, không biết cách nói năng, cho nên mới nói «Thầy nói như vậy tức là tự xưng pháp thượng nhơn, phạm ba-la-di, chẳng phải hạnh của tỳ-kheo.»

Hoặc nói đùa giỡn, nói gấp gáp, nói một mình, nói trong mộng, hoặc muốn nói việc nầy nhằm nói việc khác. Tất cả trên, không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXIV. CHE GIẤU THÔ TỘI[891]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử quen thân cùng một tỳ-kheo. Song Bạt-nan-đà Thích tử thường hay phạm tội, nên đến nói với tỳ-kheo kia, «Trưởng lão! Tôi thật có phạm tội như vậy, như vậy. Ngài chớ nên nói với người.» Tỳ-kheo kia thuận ý.

Sau đó một thời gian, Bạt-nan-đà Thích tử cùng với tỳ-kheo kia mâu thuẫn nhau. Bấy giờ, tỳ-kheo kia đến nói với các tỳ-kheo khác:

«Bạt-nan-đà Thích tử phạm tội như vậy, như vậy.»

Các tỳ-kheo hỏi tỳ-kheo kia:

«Sao thầy biết?»

Tỳ-kheo kia nói:

«Chính Bạt-nan-đà Thích tử đã nói với tôi.»

Các tỳ-kheo nói:

«Sao thầy không cho các tỳ-kheo khác biết?»

Vị tỳ-kheo kia nói:

«Trước đây tôi thuận tình với Bạt-nan-đà nên không nói. Nay tôi không thuận tình nên nói.»

Các tỳ-kheo nghe biết, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, chê trách Tỳ-kheo kia: «Tại sao thầy che dấu tội của Bạt-nan-đà Thích tử?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo kia:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tỳ-kheo, sao lại che dấu tội của Bạt-nan-đà Thích tử?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo kia rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói [679a1] giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, che giấu thô tội của tỳ-kheo khác, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, có tỳ-kheo kia không biết có phạm tội thô hay không phạm tội thô, sau mới biết là có phạm tội thô, nên có vị tác pháp sám ba-dật-đề. Có vị nghi hỏi. Phật dạy:

«Không biết thì không phạm.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, đã biết tỳ-kheo khác phạm thô tội mà che giấu[892],ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tội thô: là bốn tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo kia biết tỳ-kheo khác phạm tội thô; biết lúc tiểu thực, ăn xong mới nói, phạm đột-kiết-la. Sau bữa trưa biết, đến phần đầu của nửa đêm mới nói, phạm đột-kiết-la. Phần đầu của đêm biết, giữa đêm nói, phạm đột-kiết-la. Giữa đêm biết, đến sau đêm muốn nói mà chưa nói, khi bình minh xuất hiện, phạm ba-dật-đề.

Trừ tội thô, che dấu các tội khác, phạm đột-kiết-la. Tự mình che giấu tội thô, phạm đột-kiết-la.

Trừ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, che giấu tội thô của người khác, phạm đột-kiết-la.

Tội thô, tưởng tội thô, ba-dật-đề. Tội thô mà nghi, đột-kiết-la. Chẳng phải tội thô, tưởng tội thô, đột-kiết-la; chẳng phải tội thô mà nghi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trước không biết là tội thô, tưởng là không tội thô, hoặc cho người khác biết, hoặc không có người để nói; tâm niệm rằng ‹tôi sẽ nói,› trong thời gian chưa nói, bình minh xuất hiện, hoặc nói sẽ đưa đến mạng nạn, phạm hạnh nạn, nên không nói; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXV. TRUYỀN CỤ TÚC, NGƯỜI CHƯA ĐỦ HAI MƯƠI TUỔI[893]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Thế tôn ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành La-duyệt.

Lúc bấy giờ, trong thành La duyệt có 17 đồng tử[894], trước là bạn thân với nhau. Lớn nhất 17 tuổi, nhỏ nhất 12 tuổi. Nhà giàu nhất là 80 trăm ngàn[895]; nghèo nhất 80 ngàn. Trong số đó, có một đồng tử tên là Ưu-ba-li[896]. Cha mẹ nó chỉ sanh có một mình nó, vì vậy rất thương yêu, không khi nào muốn nó vắng mặt. Cha mẹ nó nghĩ, «Chúng ta nên cho đứa con này học kỹ thuật gì, để sau này khi chúng ta qua đời, nó sẽ có được cuộc sống bảo đảm, khỏi phải thiếu thốn, không phải lao lực?» Rồi lại nghĩ, «Nên cho học viết chữ[897] trước. Sau này khi chúng ta qua đời, nó sẽ có được cuộc sống bảo đảm, khỏi phải thiếu thốn, không phải lao lực.» Cha mẹ nó lại nghĩ, «Cho con học viết chữ, cũng làm cho thân sức mệt nhọc[898]. Nên cho nó học kỹ thuật gì, để sau này khi chúng ta qua đời, nó sẽ có được cuộc sống bảo đảm, khỏi phải thiếu thốn, không phải lao lực?» Lại suy nghĩ, «Nay, nên cho con học kỹ thuật toán số. Sau này khi chúng ta qua đời, nó sẽ có được cuộc sống bảo đảm, khỏi phải thiếu thốn, không phải lao lực.» Rồi cha mẹ nó lại nghĩ, «Nay, cho học toán số, cũng làm cho thân sức mệt nhọc[899]. Nên cho nó học kỹ thuật gì, để sau này khi chúng ta qua đời, nó sẽ có được cuộc sống bảo đảm, khỏi phải thiếu thốn, không phải lao lực? Nên cho con học kỹ thuật họa tượng. Sau này khi chúng ta qua đời, nó sẽ có được cuộc sống bảo đảm, khỏi phải thiếu thốn, không phải lao lực.» Sau đó, lại nghĩ, «Nay ta cho học họa, sợ mệt nhọc cho con mắt của nó. Nên cho nó học kỹ thuật gì, để sau này khi chúng ta qua đời, nó sẽ có được cuộc sống bảo đảm, khỏi phải thiếu thốn, không mệt nhọc cho con mắt?» Lại nghĩ, «Sa-môn Thích tử khéo tự nuôi thân, an lạc, không có các khổ não. Ta nên cho con ta xuất gia tu đạo trong pháp của sa-môn Thích tử. Sau này khi chúng ta qua đời, nó sẽ có được cuộc sống bảo đảm, khỏi phải thiếu thốn, thân không khổ nhọc.»

Sau đó một thời gian, nhóm mười bảy cậu bé[900] nói với đồng tử Ưu-ba-li rằng:

«Bạn có thể theo tụi mình đi xuất gia làm đạo?»

Đồng tử Ưu-ba-li trả lời:

«Mình xuất gia làm gì? Bạn cứ xuất gia đi.»

Bạn thứ hai, bạn thứ ba, trong bọn 17 đồng tử[901], bảo đồng tử Ưu-ba-li:

«Hãy cùng nhau xuất gia làm đạo. Vì sao? Như bây giờ chúng ta cùng vui đùa với nhau. Khi ấy, chúng ta cũng sẽ vui chơi nô đùa với nhau như bây giờ.»

Khi ấy, đồng tử Ưu-ba-li nói với các đồng tử kia rằng:

«Các bạn đợi mình một chút. Mình phải thưa với cha mẹ mình đã.»

Đồng tử Ưu-ba-li liền đến chỗ cha mẹ thưa:

«Nay con muốn xuất gia làm đạo. Xin ba má cho phép con.»

Cha mẹ Ưu-ba-li liền trả lời:

«Ba má chỉ sanh một mình con. Lòng rất thương yêu. Cho đến, dù chết còn không muốn rời, đâu thể sống mà xa cách[902].»

Đồng tử Ưu-ba-li xin cha mẹ ba lần như vậy:

«Xin ba má cho phép con được xuất gia.»

Cha mẹ của Ưu-ba-li cũng trả lời như vậy ba lần, rằng:

«Ba má chỉ sanh một mình con. Lòng rất thương yêu. Cho đến, dù chết còn không muốn rời, đâu thể sồng mà xa cách.»

Lúc bấy giờ, cha mẹ nghe Ưu-ba-li ba lần ân cần cầu xin xuất gia, hai ông bà liền nghĩ, «Trước đây chúng ta cũng đã có ý nầy, ‹nên cho con của ta học kỹ thuật nào để sau khi

chúng ta qua đời, khiến nó được sự sống đảm bảo, khỏi bị thiếu hụt, không khổ cực thân xác?› Chúng ta định cho nó học viết chữ cho đến học họa để sau khi chúng ta mất đi nó có cuộc sống bảo đảm, không thiếu hụt, thân nó không vất vả. Nhưng lại lo ngại cho con mắt và thân thể phải khổ nhọc. Chúng ta đã nghĩ, chỉ có sa-môn Thích tử mới khéo tự nuôi thân, không có các khổ não. Nếu cho con của chúng ta xuất gia trong đó, quyết định nó sẽ được cuộc sống bảo đảm không có các khổ não.»

Bấy giờ, cha mẹ bảo con mình rằng:

«Nay đã đúng lúc, cha mẹ cho phép con đi xuất gia.»

Bấy giờ, đồng tử Ưu-ba-li trở lại chỗ 17 đồng tử* nói:

«Cha mẹ mình đã cho mình đi xuất gia, nếu các bạn muốn, thì nay đã đúng lúc.»

Các đồng tử liền đến trong Tăng-già-lam, thưa với các tỳ-kheo:

«Bạch chư Đại đức! Chúng con muốn xuất gia học đạo. Xin chư tôn độ cho chúng con được làm đạo.»

Các tỳ-kheo liền độ cho xuất gia, thọ đại giới.

Bấy giờ, các đồng tử vì trước kia đã quen sống sung sướng, không kham ngày ăn một bữa. Nửa đêm đói bụng, lớn tiếng kêu khóc:

«Cho cơm tôi với! Cho cơm tôi với.»

Các tỳ-kheo bảo:

«Trẻ con, hãy đợi trời sáng, nếu chúng Tăng có thức ăn sẽ cùng ăn. Nếu không có, sẽ cùng đi xin. Tại sao vậy? Nơi đây, từ trước đến nay hoàn toàn không có chỗ nấu ăn.»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn ngồi tư duy nơi chỗ vắng trong đêm, nghe tiếng trẻ nít khóc. Biết mà Ngài vẫn cứ hỏi tôn giả A-nan:

«Trẻ con ở đâu mà nửa đêm có tiếng khóc ?»

Bấy giờ, tôn giả A-nan đem nhơn duyên trên bạch đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn bảo tôn giả A-nan:

«Không nên trao đại giới cho người chưa đủ hai mươi tuổi. Tại sao vậy? Người chưa đủ hai mươi tuổi, không kham nổi sự nóng, lạnh, đói khát, gió mưa, mòng muỗi, độc trùng và các lời hung dữ. Nếu thân có các khổ đau thì không thể chịu được. Lại nữa, không kham trì giới; không kham ăn một bữa. A-nan, nên biết, tuổi đủ hai mươi mới kham nổi những việc như trên.»

Bấy giờ, đêm đã qua, đức Thế tôn tập hợp Tăng tỳ-kheo, do nhơn duyên này, bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa,cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, người đủ hai mươi tuổi mới cho thọ đại giới; nếu người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thọ đại giới, thì người này không đắc giới, tỳ-kheo kia bị quở trách là người si, phạm ba-dật-đề.

Đức Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Có tỳ-kheo kia không biết người kia đủ hai mươi tuổi hay [680a1] không đủ hai mươi. Sau mới biết là không đủ hai mươi, nên hoặc tác pháp sám ba-dật-đề, hoặc có sự nghi. Đức Phật dạy: «Không biết thì không phạm.»

Từ nay về sau nên kiết giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, người đủ hai mươi tuổi mới cho thọ đại giới; nếu biết người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thọ đại giới, thì người này không đắc giới, tỳ-kheo kia bị quở trách là người si[903], hạm ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Người thọ giới kia, chưa đủ hai mươi tuổi. Hòa thượng biết không đủ hai mươi tuổi. Chúng Tăng và người thọ giới cũng biết không đủ hai mươi. Khi hỏi trước chúng, «Ngươi tuổi đủ hai mươi?» Người chưa thọ giới trả lời: hoặc đủ hai mươi, hoặc không đủ hai mươi, hoặc nghi, hoặc không biết rõ số năm, hoặc nín thinh. Hoặc chúng Tăng không hỏi. Hòa thượng phạm ba-dật-đề. Chúng Tăng phạm đột-kiết-la.

Người thọ giới kia, tuổi chưa đủ hai mươi. Hòa thượng biết tuổi chưa đủ hai mươi. Chúng Tăng và người thọ giới bảo tuổi đủ hai mươi. Khi hỏi giữa chúng, «Ngươi tuổi đủ hai mươi chưa?» Người chưa thọ giới trả lời: Hoặc đủ hai mươi, hoặc chưa đủ, hoặc nghi, hoặc không biết, hoặc nín thinh. Hoặc Tăng không hỏi. Hòa thượng phạm ba-dật-đề. Chúng Tăng không phạm.

Người thọ giới kia, tuổi chưa đủ hai mươi. Hòa thượng biết tuổi chưa đủ hai mươi. Chúng Tăng và người thọ giới nghi. Khi hỏi giữa chúng: «Ngươi tuổi đủ hai mươi chưa?» Người chưa thọ giới trả lời: Hoặc đủ hai mươi, hoặc chưa đủ, hoặc nghi, hoặc không biết, hoặc nín thinh. Hoặc Tăng không hỏi. Hòa thượng phạm ba-dật-đề. Chúng Tăng phạm đột-kiết-la.

Người thọ giới kia, tuổi chưa đủ hai mươi. Hòa thượng cũng biết tuổi chưa đủ hai mươi. Chúng Tăng và người thọ giới không biết. Khi hỏi giữa chúng: «Ngươi tuổi đủ hai mươi chưa?» Người chưa thọ giới trả lời: Hoặc đủ hai mươi, hoặc chưa đủ, hoặc nghi, hoặc không biết, hoặc nín thinh. Hoặc

Tăng không hỏi. Hòa thượng phạm ba-dật-đề. Chúng Tăng không phạm.

Người thọ giới kia, tuổi chưa đủ hai mươi. Hòa thượng bảo tuổi đủ hai mươi. Chúng Tăng và người thọ giới biết tuổi chưa đủ hai mươi. Khi hỏi giữa chúng: «Ngươi tuổi đủ hai mươi chưa?» Người chưa thọ giới trả lời: Hoặc đủ hai mươi, hoặc chưa đủ, hoặc nghi, hoặc không biết, hoặc nín thinh. Hoặc Tăng không hỏi. Hòa thượng không phạm. Chúng Tăng phạm đột-kiết-la.

Người thọ giới, tuổi chưa đủ hai mươi. Hòa thượng bảo tuổi đủ hai mươi. Chúng Tăng và người thọ giới bảo tuổi đủ hai mươi. Khi hỏi giữa chúng: «Ngươi tuổi đủ hai mươi chưa?» Người chưa thọ giới trả lời: Hoặc đủ hai mươi, hoặc chưa đủ, hoặc nghi, hoặc không biết, hoặc nín thinh. Hoặc Tăng không hỏi. Hòa thượng không phạm. Chúng Tăng cũng không phạm.

Người thọ giới kia, tuổi chưa đủ hai mươi. Hòa thượng bảo tuổi đủ hai mươi. Chúng Tăng và người thọ giới nghi. Khi hỏi giữa chúng: «Ngươi tuổi đủ hai mươi chưa?» Người chưa thọ giới trả lời: Hoặc đủ hai mươi, hoặc chưa đủ, hoặc nghi, hoặc không biết, hoặc nín thinh. Hoặc Tăng không hỏi. Hòa thượng không phạm. Chúng Tăng phạm đột-kiết-la.

Người thọ giới kia, tuổi chưa đủ hai mươi. Hòa thượng bảo tuổi đủ hai mươi. Chúng Tăng và người thọ giới không biết. Trong chúng khi hỏi: «Ngươi tuổi đủ hai mươi chưa?» Người chưa thọ giới trả lời: Hoặc đủ hai mươi, hoặc chưa đủ, hoặc nghi, hoặc không biết, hoặc nín thinh. Hoặc Tăng không hỏi. Hòa thượng không phạm. Chúng Tăng cũng không phạm.

Người chưa thọ giới kia, tuổi chưa đủ hai mươi. Hòa thượng nghi. Chúng Tăng và người thọ giới biết không đủ hai mươi. Trong chúng khi hỏi: «Ngươi tuổi đủ hai mươi chưa?» Người chưa thọ giới trả lời: Hoặc đủ hai mươi, hoặc chưa đủ, hoặc

nghi, hoặc không biết, hoặc nín thinh. Hoặc Tăng không hỏi. Hòa thượng phạm ba-dật-đề. Chúng Tăng phạm đột-kiết-la.

Người thọ giới kia, tuổi chưa đủ hai mươi. Hòa thượng nghi. Chúng Tăng và người thọ giới bảo tuổi đủ hai mươi. Trong chúng khi hỏi: «Ngươi tuổi đủ hai mươi chưa?» Người chưa thọ giới trả lời: Hoặc đủ hai mươi, hoặc chưa đủ, hoặc nghi, hoặc không biết, hoặc nín thinh. Hoặc Tăng không hỏi. Hòa thượng phạm ba-dật-đề. Chúng Tăng không phạm.

Người thọ giới kia, tuổi chưa đủ hai mươi. Hòa thượng nghi. Chúng Tăng và người thọ giới cũng nghi. Trong chúng khi hỏi: «Ngươi tuổi đủ hai mươi chưa?» Người chưa thọ giới trả lời: Hoặc đủ hai mươi, hoặc chưa đủ, hoặc nghi, hoặc không biết, hoặc nín thinh. Hoặc Tăng không hỏi. Hòa thượng phạm ba-dật-đề. Chúng Tăng phạm đột-kiết-la.

Người thọ giới kia, tuổi chưa đủ hai mươi. Hòa thượng nghi. Chúng Tăng và người thọ giới không biết. Trong chúng khi hỏi: «Ngươi tuổi đủ hai mươi chưa?» Người chưa thọ giới trả lời: Hoặc đủ hai mươi, hoặc chưa đủ, hoặc nghi, hoặc không biết, hoặc nín thinh. Hoặc Tăng không hỏi. Hòa thượng phạm ba-dật-đề. Chúng Tăng không phạm.

Người thọ giới kia, tuổi chưa đủ hai mươi. Hòa thượng không biết. Chúng Tăng và người thọ giới biết tuổi chưa đủ hai mươi. Trong chúng khi hỏi: «Ngươi tuổi đủ hai mươi chưa?» Người chưa thọ giới trả lời: Hoặc đủ hai mươi, hoặc chưa đủ, hoặc nghi, hoặc không biết, hoặc nín thinh. Hoặc Tăng không hỏi. Hòa thượng không phạm. Chúng Tăng phạm đột-kiết-la.

Người thọ giới kia, tuổi chưa đủ hai mươi. Hòa thượng không biết. Chúng Tăng và người thọ giới bảo tuổi đủ hai mươi. Trong chúng khi hỏi: «Ngươi tuổi đủ hai mươi chưa?» Người chưa thọ giới trả lời: Hoặc đủ hai mươi, hoặc chưa đủ, hoặc nghi, hoặc không biết, hoặc nín thinh. Hoặc Tăng không hỏi. Hòa thượng và chúng Tăng không phạm.

Người thọ giới kia, tuổi chưa đủ hai mươi. Hòa thượng không biết. Chúng Tăng và người thọ giới nghi. Trong chúng khi hỏi: «Ngươi tuổi đủ hai mươi chưa?» Người chưa thọ giới trả lời: Hoặc đủ hai mươi, hoặc chưa đủ, hoặc nghi, hoặc không biết, hoặc nín thinh. Hoặc Tăng không hỏi. Hòa thượng không phạm. Chúng Tăng phạm đột-kiết-la.

Người thọ giới kia, tuổi không đủ hai mươi. Hòa thượng không biết. Chúng Tăng và người thọ giới cũng không biết. Trong chúng khi hỏi: «Ngươi tuổi đủ hai mươi chưa?» Người chưa thọ giới trả lời: Hoặc đủ hai mươi, hoặc chưa đủ, hoặc nghi, hoặc không biết, hoặc nín thinh. Hoặc Tăng không hỏi. Hòa thượng và chúng Tăng không phạm.

Tỳ-kheo kia biết người chưa đủ hai mươi tuổi, mà trao đại giới. Ba lần yết-ma xong, Hòa thượng phạm ba-dật-đề. Bạch rồi, hai yết-ma xong, Hòa thượng phạm ba đột-kiết-la. Bạch rồi, một yết-ma xong, Hòa thượng phạm hai đột-kiết-la. Bạch xong, Hòa thượng phạm một đột-kiết-la. Bạch chưa xong, Hòa thượng phạm đột-kiết-la. Nếu chưa bạch, tác phương tiện, hoặc cạo tóc, hoặc muốn tập chúng Hòa thượng và tất cả đều đột-kiết-la. Hoặc chúng tăng tập họp, Hòa thượng đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: trước không biết; tin người thọ giới nói; hoặc người gần xác chứng; hoặc tin lời cha mẹ; hoặc thọ giới rồi nghi. Đức Phật dạy:

«Cho phép tính năm tháng trong thai, tính tháng nhuần, hoặc tính tất cả 14 ngày thuyết giới để làm niên[904] số thì không phạm.»

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXVI. KHƠI LẠI TRÁNH SỰ[905]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Lúc ấy, nhóm sáu tỳ-kheo khơi dậy lại sự tranh chấp sau khi đã được chấm dứt như pháp rồi; nói rằng: «Thầy không khéo [681a1] quán sát, nên không thành quán sát; không khéo giải quyết, nên không thành giải quyết, không khéo chấm dứt, nên không thành chấm dứt. Do vậy, khiến cho trong Tăng chưa có sự tranh cãi thì gây nên sự tranh cãi. Sự tranh cãi đã có rồi thì không trừ diệt được.›

Bấy giờ, các tỳ-kheo nghĩ rằng: «Tại sao trong Tăng chưa có sự tranh cãi, lại gây nên sự tranh cãi. Sự tranh cãi đã có thì không trừ diệt được?»

Các tỳ-kheo quán sát biết do nhóm sáu tỳ-kheo khơi dậy lại sự tranh chấp sau khi đã được chấm dứt như pháp rồi, nói rằng: «Thầy không khéo quán sát, nên không thành quán sát; không khéo giải quyết, nên không thành giải quyết; không khéo chấm dứt, nên không thành chấm dứt. Do vậy, khiến cho trong Tăng chưa có sự tranh cãi thì gây nên sự tranh cãi. Sự tranh cãi đã có rồi thì không trừ diệt được.»

Các tỳ-kheo nghe biết, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo rằng:

«Sao các thầy khơi dậy lại sự tranh chấp sau khi đã được chấm dứt như pháp rồi; nói rằng: ‹Thầy không khéo quán sát, nên không thành quán sát; không khéo giải quyết, nên không thành giải quyết; không khéo chấm dứt, nên không thành chấm dứt. Do vậy, khiến cho trong Tăng chưa có sự tranh cãi thì gây nên sự tranh cãi. Sự tranh cãi đã có rồi thì không trừ diệt được.›?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên

đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao các ngươi khơi dậy lại sự tranh chấp sau khi đã được chấm dứt như pháp rồi; nói rằng: ‹Thầy không khéo quán sát, nên không thành quán sát; không khéo giải quyết, nên không thành giải quyết; không khéo chấm dứt, nên không thành chấm dứt. Do vậy, khiến cho trong Tăng chưa có sự tranh cãi thì gây nên sự tranh cãi. Sự tranh cãi đã có rồi thì không trừ diệt được.›?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, đấu tranh đã được dập tắt như pháp rồi, sau đó lại khơi dậy, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo không biết việc đấu tranh đã được dập tắt như pháp hay không như pháp, sau đó mới biết là đã được dập tắt như pháp rồi, nên có vị tác pháp sám ba-dật-đề, hoặc có vị nghi. Đức Phật dạy:

«Không biết thì không phạm.»

Từ nay về sau nên kiết giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, biết tránh sự đã được dập tắt như pháp rồi[906], sau đó lại khơi dậy[907], ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Như pháp: Tức là như pháp, như luật, như lời Phật dạy.

Tránh: có bốn thứ: Ngôn tránh, mích tránh, phạm tránh và sự tránh[908].

Tỳ-kheo kia biết tránh sự đã như pháp diệt rồi, sau đó khởi dậy, nói như vầy: «Không khéo quán sát, nên không thành quán sát. Không khéo giải quyết, nên không thành giải quyết. Không khéo chấm dứt, nên không thành chấm dứt.» Nói rõ ràng, phạm ba-dật-đề; nói không rõ ràng, phạm đột-kiết-la. Trừ việc đấu tranh này, nếu gợi lại về sau các việc đấu tranh mắng nhiếc khác, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Nếu tự khơi lại việc đấu tranh của mình, phạm đột-kiết-la.

Ngoài tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni ra, nếu cùng với các người khác đấu tranh mắng nhiếc nhau, sau đó khơi lại, đột-kiết-la.

Quán sát, khởi tưởng quán sát, ba-dật-đề. Quán sát mà nghi, đột-kiết-la. Không thành quán sát, tưởng có quán sát, đột-kiết-la. Không thành quán sát mà nghi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu trước không biết; hoặc quán sát, tưởng không quán sát. Hoặc sự thật là không khéo quán sát, nên không thành quán sát; không khéo giải quyết, nên không thành giải quyết; không khéo chấm dứt, nên không thành chấm dứt; bèn nói: «Không khéo quán sát, cho đến không thành chấm dứt.» Hoặc nói vui đùa, hoặc nói vội gấp, nói trong mộng, muốn nói việc này nhầm nói việc kia. Tất cả không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXVII. ĐI CHUNG VỚI CƯỚP[909]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có số đông tỳ-kheo từ nước Xá-vệ muốn đến Tỳ-xá-ly. Lúc ấy, có đoàn con buôn cùng đi[910]. Đoàn con buôn này muốn tìm cách lén qua ải trốn thuế Vua. Đoàn buôn hỏi các tỳ-kheo rằng:

«Chư Đại đức muốn đi đâu?»

Các tỳ-kheo trả lời:

«Chúng tôi muốn đến Tỳ-xá-ly.»

Bọn khách buôn nói:

«Chúng tôi có thể cùng đi chung với các ngài được không?»

Các tỳ-kheo nói:

«Được.»

Lúc bấy giờ, các tỳ-kheo cùng bọn khách buôn đi chung đường lén qua ải. Nhưng người giữ ải bắt được, bèn áp giải đến Vua Ba-tư-nặc, và tâu:

«Những người nầy muốn lén qua ải để đóng thuế.»

Nhà Vua hỏi rằng:

«Bọn khách buôn nầy muốn lén qua ải mà trốn thuế. Còn các sa-môn này lại có việc gì?»

Nhân viên quan thuế thưa:

«Họ cùng đi chung với bọn người này.»

Nhà Vua hỏi các tỳ-kheo:

«Thật sự các Đại đức có cùng bọn khách buôn này đi chung hay không?»

Các tỳ-kheo trả lời:

«Thật sự có như vậy.»

Nhà Vua lại hỏi:

«Các ngài có biết bọn con buôn này trốn thuế không?»

Các tỳ-kheo nói:

«Có biết.»

Nhà Vua phán:

«Nếu thật sự có biết, theo pháp luật thì đáng tội chết.»

Bấy giờ, nhà Vua lại tự nghĩ: «Ta là Vua Quán đảnh, đâu nên sát hại sa-môn Thích tử!» Nhà Vua dùng vô số phương tiện khiển trách các tỳ-kheo rồi, trước mọi người, ra lệnh thả các tỳ-kheo. Vâng lệnh Vua, họ liền phóng thích các tỳ-kheo. Bấy giờ, trong đám thần thuộc của Vua đều lớn tiếng nói rằng:

«Sa-môn Thích tử phạm trọng pháp của nhà Vua, tội đáng chết, song nhà Vua chỉ la rầy sơ sơ rồi thả!»

Các tỳ-kheo nghe biết, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, chê trách nhóm sáu tỳ-kheo[911]: «Tại sao các Thầy cùng đi chung với bọn khách buôn?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên

đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo:

«Tại sao các ông cùng đi với bọn con buôn?»

Dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo rồi, Ngài bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, kết bạn với bọn giặc cướp cùng đi chung đường, cho đến khoảng cách giữa hai thôn, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Các tỳ-kheo không biết họ là đồng bọn giặc cướp hay không, sau đó mới biết họ là đồng bọn cướp, nên có vị tác pháp sám ba-dật-đề, có vị nghi. Đức Phật dạy:

«Không biết thì không phạm.»

Từ nay nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, biết đó là đồng bọn giặc cướp mà cùng đi chung đường, cho đến khoảng cách giữa hai thôn, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Có tỳ-kheo không giao hẹn mà cùng đi nên nghi. Phật dạy:

«Không giao hẹn thì không phạm.»

Từ nay nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, biết đó là đồng bọn giặc cướp mà giao hẹn cùng đi chung đường, cho đến khoảng cách giữa hai thôn[912], ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Bọn giặc: hoặc đi làm giặc rồi trở về, hay mới bắt đầu đi.

Giao hẹn: cùng hứa nhau đến nơi thành nào đó, hoặc thôn nào đó.

Đường: Các con đường đi trong khoảng giữa hai thôn.

Nếu tỳ-kheo biết là bọn giặc, cùng giao hẹn đồng đi chung trên một đường, khoảng giữa khoảng cách của thôn, trong các nẻo đường đó, mỗi đường phạm một ba-dật-đề. Nơi không có thôn, chỗ khoảng đồng không, không có ranh giới của thôn, đi đến mười lý[913] thì phạm ba-dật-đề.

Nếu giao hẹn cùng đi chung nửa đường khoảng giữa hai thôn, phạm đột-kiết-la; dưới mười lý, phạm đột-kiết-la. Đi trong phạm vi của một thôn, phạm đột-kiết-la.

Phương tiện muốn đi mà không đi, cùng giao hẹn mà không đi, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu trước không biết; không cùng giao hẹn đồng đi; vì sự an ổn mà đến đó. Hoặc bị thế lực bắt, hoặc bị trói dẫn đi, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXVIII. KIÊN TRÌ ÁC KIẾN[914]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tỳ-kheo tự là A-lê-tra[915], sanh ác kiến như vầy: «Tôi hiểu pháp mà đức Thế tôn nói pháp, trong đó có chỗ nói phạm dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo[916].»

Khi ấy, các tỳ-kheo nghe tỳ-kheo A-lê-tra khởi sanh ác kiến rằng, «Tôi hiểu pháp do đức Thế tôn nói, phạm dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo.» Các tỳ-kheo nghe đó, muốn trừ bỏ ác kiến ấy của tỳ-kheo A-lê-tra, nên liền đến chỗ A-lê-tra, cung kính chào hỏi xong, ngồi qua một bên. Các tỳ-kheo nói với tỳ-kheo A-lê-tra rằng:

«Có thật thầy hiểu pháp do đức Thế tôn nói, phạm dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo không?»

A-lê-tra trả lời:

«Thật sự tôi hiểu pháp do đức Thế tôn nói phạm dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo muốn trừ bỏ ác kiến ấy của A-lê-tra, nên ân cần nói:

«Nầy A-lê-tra, chớ nói lời như vậy. Chớ xuyên tạc đức Thế tôn. Xuyên tạc đức Thế tôn là không tốt. Đức Thế tôn không nói như vậy. A-lê-tra, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện nói pháp, dạy bảo đoạn ái dục, biết dục tưởng, dạy trừ ái dục, đoạn ái dục tưởng; trừ sự thiêu đốt do ái dục, vượt qua sự ràng buộc bởi ái. Đức Thế tôn đã dùng vô số phương tiện nói: ‹Dục như hầm lửa lớn, dục như cây đuốc, cũng như trái chín, dục như vật vay mượn, dục như xương khô, dục như miếng thịt, như cảnh thấy trong mộng, dục như dao bén, dục như đồ gốm mới nặn đựng nước để giữa nắng, dục như

đầu rắn độc, dục như nắm lưỡi gươm bén, dục như cây kích nhọn.› Đức Thế tôn nói về dục như vậy.

«A-lê-tra, pháp mà Đức Thế tôn khéo nói là như vầy: đoạn trừ dục, không còn dục, trừ cáu bẩn, không cáu bẩn, điều phục khát ái, diệt trừ hang ổ[917], thoát ly tất cả các sự trói buộc, ái tận Niết-bàn. Pháp mà Đức Phật nói là như vậy. Sao thầy lại nói, phạm dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo?»

Các tỳ-kheo ân cần khuyên nói với A-lê-tra như vậy. Tỳ-kheo A-lê-tra vẫn kiên trì ác kiến, lại nói một cách quả quyết khẳng định rằng: «Đây là điều chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo không thể trừ bỏ ác kiến đó của tỳ-kheo A-lê-tra, nên đến chỗ đức Thế tôn đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên nầy bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn bảo một tỳ-kheo:

«Ngươi thừa lệnh của Ta, đi gọi tỳ-kheo A-lê-tra đến đây.»

Tỳ-kheo kia vâng lời dạy, liền đến chỗ tỳ-kheo A-lê-tra nói rằng:

«Đức Thế tôn sai gọi thầy.»

Bấy giờ, tỳ-kheo A-lê-tra nghe Phật gọi liền đi đến chỗ Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên. Phật hỏi Tỳ-kheo A-lê-tra:

«Thật sự ông có nói, ‹Tôi biết pháp do Phật nói, hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo› hay không?»

A-lê-tra trả lời:

«Kính bạch Đại đức! Sự thật con có nói như vậy.»

Đức Phật bảo A-lê-tra:

«Sao ông lại hiểu pháp Ta nói là như vậy? Ta đã dùng vô số phương tiện nói đoạn dục ái... » như trên đã nói.

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách A-lê-tra rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Cho phép chúng Tăng vì tỳ-kheo A-lê-tra tác pháp can gián cho bỏ việc nầy, bằng bạch tứ yết-ma ha gián[918] . Nên ha gián như vầy: Trong chúng nên sai một vị có khả năng làm yết-ma, như trên mà tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo A-lê-tra này, nói như vầy: ‹Tôi biết pháp do đức Phật nói, hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo›. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng đối với tỳ-kheo A-lê-tra mà tác pháp ha gián, cho bỏ việc này. Rằng, ‹Nầy A-lê-tra, ngươi chớ nên nói như vậy. Chớ nên xuyên tạc đức Thế tôn. Xuyên tạc đức Thế tôn là không tốt. Đức Thế tôn không nói như vậy. Đức Thế tôn đã dùng vô số phương tiện nói dâm dục là pháp chướng đạo. Nếu phạm dâm dục là pháp chướng đạo.› Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo A-lê-tra nầy nói như vầy: ‹Tôi biết pháp do đức Phật nói, hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo›. Nay Tăng tác pháp can gián, để bỏ việc này. Rằng, ‹Nầy A-lê-tra, Thầy chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc đức Thế tôn, xuyên tạc đức Thế tôn là không tốt. Đức Thế tôn không nói như vậy. Đức Thế tôn đã dùng vô số phương tiện nói dâm dục là pháp chướng đạo, nếu phạm dâm dục tức là pháp chướng đạo.› Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng vì tỳ-kheo A-lê-tra tác pháp can gián cho bỏ việc này, thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.» (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

«Tăng đã vì tỳ-kheo A-lê-tra tác pháp can gián rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc nầy ghi nhận như vậy.»

Nên tác pháp khiển trách tỳ-kheo A-lê-tra như vậy để bỏ việc ấy, bằng bạch tứ yết-ma. Các tỳ-kheo bạch Phật[919]. Đức Phật dạy:

«Nếu có tỳ-kheo khác mà cũng nói như vậy, ‹Tôi biết pháp do đức Phật nói, hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo;› thì chúng Tăng cũng can gián bằng pháp bạch tứ yết-ma như vậy. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, nói như vầy: ‹Tôi biết, theo pháp do đức phật nói, sự hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo.› Các tỳ-kheo kia nên can gián tỳ-kheo này rằng: ‹Đại đức, chớ nói như vậy; chớ xuyên tạc đức Thế tôn; xuyên tạc đức Thế tôn là không tốt. Đức Thế tôn không nói như vậy. Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện nói rằng sự hành dâm dục là pháp chướng đao.› Khi các tỳ-kheo kia can gián tỳ-kheo này mà tỳ-kheo này không bỏ, thì các tỳ-kheo kia nên can gián ba lần cho bỏ sự này. Nếu can gián ba lần, bỏ thì tốt, không bỏ, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo kia nói như vầy: «Tôi biết pháp do Phật nói, hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo». Tỳ-kheo kia can gián Tỳ-kheo nầy rằng: «Thầy chớ nên nói như vậy, chớ xuyên tạc đức Thế tôn, xuyên tạc đức Thế tôn là không tốt! Đức Thế tôn không nói như vậy. Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện nói rằng, sự hành dâm dục là pháp chướng đạo. Nay, thầy nên bỏ việc này, đừng để Tăng quở trách mà phạm tội.»

Nếu vị ấy nghe theo lời can gián thì tốt; bằng không, nên tác bạch. Bạch rồi nên nói: «Tôi đã tác bạch xong. Còn có các yết-ma nữa. Thầy nên bỏ việc nầy, đừng để Tăng quở trách mà phạm tội.»

Vị ấy nghe theo lời can thì tốt. Bằng không, nên tác pháp sơ yết-ma. Tác pháp sơ yết-ma rồi nên nói: «Tôi đã tác pháp sơ yết-ma rồi. Còn hai pháp yết-ma nữa. Thầy nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách mà phạm tội.»

Nếu nghe theo lời thì tốt. Bằng không thì nên tác pháp yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai rồi nên nói: «Đã tác yết-ma lần thứ hai rồi. Còn lại một pháp yết-ma nữa. [683a1] Thầy nên bỏ việc này, đừng để chúng Tăng quở trách mà phạm tội.»

Nếu nghe lời can càng tốt. Bằng không, xướng yết-ma lần thứ ba xong, vị ấy phạm ba-dật-đề[920].

Tác bạch rồi, yết-ma lần thứ hai xong mà bỏ thì phạm ba đột-kiết-la. Tác bạch rồi, yết-ma lần thứ nhất xong mà bỏ thì phạm hai đột-kiết-la. Tác bạch rồi mà bỏ, phạm một đột-kiết-la. Nếu tác bạch chưa xong mà bỏ, phạm đột-kiết-la. Nếu chưa tác bạch mà nói: tôi biết pháp do đức Phật nói, hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Khi tỳ-kheo kia can gián tỳ-kheo này, có tỳ-kheo khác ngăn, hoặc tỳ-kheo-ni ngăn, hay là kẻ khác ngăn rằng: «Thầy đừng bỏ việc ấy.» Chúng Tăng can gián, dùng cách không can gián để ngăn, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Khi mới bắt đều nói liền bỏ; hoặc là can gián phi pháp biệt chúng, hay can gián phi pháp hòa hợp, pháp biệt chúng, pháp tương tợ biệt chúng, pháp tương tợ

hòa hợp, phi pháp, phi tỳ-ni, phi Phật sở thuyết; hoặc không can gián; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXIX. HỖ TRỢ TỲ-KHEO BỊ XẢ TRÍ[921]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Một thời đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, tỳ-kheo A-lê-tra sanh ác kiến, chúng Tăng can gián mà cố không bỏ.

Các tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo A-lê-tra: «Tại sao thầy phát sanh ác kiến, chúng Tăng can gián, mà thầy không bỏ?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo A-lê-tra:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. A-lê-tra! Tại sao ông phát sanh ác kiến, chúng Tăng can gián mà ông cố không bỏ?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo A-lê-tra rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, chúng Tăng đối với tỳ-kheo A-lê-tra tác cử vì không bỏ ác kiến[922], bằng bạch tứ yết-ma. Chúng Tăng nên vì tỳ-kheo A-lê-tra tác cử. Tác cử tội rồi tác ức niệm. Tác ức niệm như vậy rồi dữ tội[923]. Trong chúng nên cử một

vị có khả năng tác pháp yết-ma, như trên mà tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe. A-lê-tra này phát sanh ác kiến. Chúng Tăng ha gián mà cố ý không bỏ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Nay Tăng đối với A-lê-tra tác pháp Yết-ma không bỏ ác kiến. Đây là lời tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe. Tỳ-kheo A-lê-tra này sanh ác kiến. Chúng Tăng can gián mà cố tâm không bỏ. Nay Tăng vì tỳ-kheo A-lê-tra tác pháp yết-ma không bỏ ác kiến. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng vì tỳ-kheo A-lê-tra tác pháp yết-ma không bỏ ác kiến, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.» (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

«Tăng đã chấp thuận tác pháp yết-ma không bỏ ác kiến cho tỳ-kheo A-lê-tra rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Được ghi nhận như vậy.»

Khi Tăng tác pháp yết-ma không bỏ ác kiến cho tỳ-kheo A-lê-tra, nhóm sáu tỳ-kheo lại cung cấp những thứ cần dùng, cùng chung yết-ma, cùng ngủ, cùng nói chuyện.

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn quở trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Tỳ-kheo A-lê-tra bị Tăng cho pháp cử yết-ma vì không bỏ ác kiến. Tại sao các thầy lại cung cấp những thứ cần dùng, cùng ngủ, cùng nói chuyện?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo, tỳ-

kheo A-lê-tra bị Tăng cho pháp cử yết-ma vì không bỏ ác kiến, tại sao các ông cung cấp các thứ cần dùng, cùng ngủ, cùng nói chuyện?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu, chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, cùng với người chưa được tác pháp (giải)[924], có ác kiến như vậy mà chưa bỏ[925], lại cung cấp những thứ cần dùng, cùng yết-ma, cùng ngủ, cùng nói chuyện, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi. Khi ấy các tỳ-kheo không biết có nói như vậy hay không nói như vậy, sau mới biết là có nói như vậy, nên có vị tác pháp sám ba-dật-đề, hoặc có vị nghi. Đức Phật dạy:

«Không biết thì không phạm.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, biết người nói lời như vậy, chưa được tác pháp (giải), có tà kiến như vậy mà chưa bỏ, lại cung cấp những thứ cần dùng, cùng yết-ma, cùng ngủ, cùng nói chuyện, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nói lời như vậy: là như nói: «Tôi nghe đức Thế tôn nói pháp, hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo»

Chưa tác pháp giải: nếu bị cử, mà chưa được giải.

Thấy như vậy: như hiểu biết rằng pháp do Đức Thế tôn nói chẳng phải pháp chướng đạo.

Không bỏ ác kiến: chúng Tăng can gián mà không bỏ ác kiến.

Cung cấp những thứ cần dùng: có hai thứ là pháp và tài.

- Pháp: dạy tu tập tăng thượng giới, tăng thượng ý, tăng thượng trí, học vấn, tụng kinh.

- Tài: cung cấp y phục, ẩm thực, giường, ngọa cụ, thuốc thang chữa bệnh.

Đồng yết-ma: tức đồng thuyết giới.

Cùng ngủ: nhà có bốn vách, lợp tất cả và ngăn che tất cả; hoặc lợp tất cả hoặc lợp tất cả mà không ngăn tất cả; hoặc tất cả có ngăn mà không lợp tất cả; hoặc không lợp hết, không ngăn hết. Nếu tỳ-kheo vào trong nhà trước, sau đó có người nói như vậy mới đến; hay là người nói như vậy vào trước, tỳ-kheo đến sau; hoặc hai người đều vào ngủ, tùy theo hông dính chiếu tất cả đều phạm ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm

Sự không phạm: Tỳ-kheo không biết nên vào ngủ; tỳ-kheo ở trong nhà trước, người nói như vậy đến sau, vào nhà tỳ-kheo không biết; hoặc là nhà có lợp tất cả mà không ngăn bốn bên; hoặc lợp tất cả mà ngăn phân nửa; hoặc lợp tất cả mà ngăn một ít thôi; hoặc ngăn tất cả mà không lợp; hoặc ngăn tất cả mà lợp một phần hai, hoặc ngăn tất cả mà lợp một ít thôi; hoặc lợp một phần hai, ngăn một phần hai, hoặc lợp một ít; hoặc không lợp không ngăn, hoặc đất trống, tất cả những trường hợp như vậy mà không biết; thảy đều không phạm. Hoặc bị bệnh té xuống đất; hoặc bị bệnh

chuyển mình; hoặc bị thế lực bắt; hoặc bị trói nhốt; hoặc bị mạng nạn; phạm hạnh nạn thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXX. BAO CHE SA-DI BỊ ĐUỔI[926]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử có hai ông sa-di, một ông tên là Yết-na[927], ông thứ hai tên là Ma-hầu-ca. Hai người này không biết hổ thẹn, cùng nhau làm việc bất tịnh. Chúng tự [684a1] nói với nhau: «Chúng tôi nghe pháp từ Phật nói, rằng hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách hai sa-di rằng:

«Sao hai ngươi lại nói với nhau rằng, ‹Pháp tôi nghe từ đức Phật, hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo›?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách hai sa-di:

«Việc các ngươi làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao các ngươi nói với nhau rằng, pháp mà các ngươi nghe từ đức Thế tôn, trong đó hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách hai sa-di rồi, bảo các tỳ-kheo:

Từ nay về sau, cho hai sa-di nầy pháp ha gián[928] cho bỏ việc nầy, bằng bạch tứ yết-ma, tác pháp ha gián như sau: Bảo hai sa-di đứng trước chúng Tăng, nơi mắt thấy mà tai không nghe. Trong chúng sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe. Hai sa-di kia cùng nhau nói rằng: ‹Tôi nghe pháp từ đức Phật nói, hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo› Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, quở trách hai sa-di kia cho bỏ việc này. Rằng, ‹Nầy, sa-di! Chớ nói như vậy. Chớ xuyên tạc Thế tôn. Xuyên tạc Thế tôn là không tốt. Đức Thế tôn không nói như vậy. Nầy sa-di, đức Thế tôn đã dùng vô số phương tiện nói, hành dâm dục là pháp chướng đạo.› Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Hai sa-di kia cùng nói với nhau rằng, ‹pháp tôi nghe từ đức Thế tôn, hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo.› Nay, Tăng tác pháp can gián quở trách hai sa-di kia cho họ bỏ việc này, rằng, ‹Nầy, sa-di! Chớ nói như vậy. Chớ xuyên tạc Thế tôn. Xuyên tạc Thế tôn là không tốt. Đức Thế tôn không nói như vậy. Nầy sa-di, đức Thế tôn đã dùng vô số phương tiện nói, hành dâm dục là pháp chướng đạo.› Các trưởng lão nào chấp thuận, nay Tăng quở trách hai sa-di kia khiến cho họ bỏ việc nầy thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.» (lần thứ hai và thứ ba cũng nói như vậy).

«Tăng đã chấp thuận quở trách hai sa-di nầy rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Được ghi nhận như vậy.»

Hai sa-di kia, đã bị chúng Tăng quở trách, nhưng cố tâm không bỏ việc nầy.

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách hai Sa-di: «Tại sao các ngươi đã được Tăng quở trách mà vẫn cố tâm không bỏ ác kiến?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách hai sa-di:

«Việc các ngươi làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Này hai sa-di! Tại sao đã bị chúng Tăng quở trách mà các ngươi không chịu bỏ ác kiến?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách hai sa-di rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Chúng Tăng nên cho hai sa-di pháp diệt tẫn[929] vì không bỏ ác kiến, bằng bạch tứ yết-ma, diễn tiến như sau:

«Đem hai sa-di đến trước chúng, bảo họ đứng chỗ thấy mà không nghe. Trong chúng sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, theo sự việc trên tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe. Hai sa-di nầy, đã bị chúng Tăng quở trách mà vẫn cố tâm không bỏ ác kiến. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng tác pháp diệt tẫn hai sa-di này vì không bỏ ác kiến. Từ nay về sau hai sa-di này không nên nói: ‹Đức Phật là Thế tôn của tôi.› Không được đi theo các tỳ-kheo. Như các sa-di khác, được phép cùng các tỳ-kheo ngủ hai, ba đêm, các ông không được điều đó. Các ông phải đi cho khuất, không nên ở nơi đây. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng, xin lắng nghe. Hai sa-di nầy đã bị chúng Tăng quở trách, mà vẫn cố tâm không bỏ ác kiến, nay chúng Tăng trao pháp yết-ma diệt tẫn hai sa-di này, vì không bỏ ác kiến. Từ nay về sau, hai sa-di nầy không được nói: ‹Đức Phật là Thế tôn của tôi.› Không được đi theo các tỳ-kheo. Như các sa-di khác được phép cùng các tỳ-kheo ngủ hai, ba đêm, nay hai ông không được điều đó. Các ông phải đi khỏi chỗ này, không được ở nơi đây. Các trưởng lão nào đồng ý,

Tăng tác pháp diệt tẫn đối với hai sa-di này vì không bỏ ác kiến, thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói: Đây là yết-ma lần thứ nhất» (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

«Tăng đã đồng ý tác pháp diệt tẫn đối với hai sa-di vì không chịu bỏ ác kiến rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Được ghi nhận như vậy.»

Khi ấy, nhóm sáu tỳ-kheo biết Tăng đã tác pháp yết-ma diệt tẫn cho hai sa-di này vì không chịu bỏ ác kiến, nhưng họ vẫn dụ dẫn đem về nuôi dưỡng, cùng ngủ đêm.

Các tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Tại sao các thầy biết Tăng đã tác pháp yết-ma diệt tẫn hai sa-di này vì không xả bỏ ác kiến, mà vẫn dụ dẫn đem về nuôi dưỡng, cùng ngủ với chúng?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các ông biết Tăng đã tác pháp yết-ma diệt tẫn hai sa-di này vì không bỏ ác kiến, mà lại dụ dẫn đem về nuôi dưỡng, cùng ngủ chung?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Sa-di nào, nói như vầy: ‹Tôi nghe pháp từ đức Thế tôn, nói rằng hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo›. Các tỳ-kheo nên can gián sa-di này như vầy: Ông chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc đức Thế tôn, xuyên tạc đức Thế tôn là không tốt! đức Thế tôn không nói như vậy, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện nói rằng hành dâm dục là pháp chướng đao.› Khi tỳ-kheo kia can gián như vậy, sa-di này vẫn kiên trì không bỏ. Tỳ-kheo kia nên can gián đến ba lần, khiến cho bỏ việc ấy. Can gián ba lần, bỏ thì tốt; không bỏ, tỳ-kheo kia nên nói với sa-di ấy rằng: ‹Từ nay về sau, ông không được nói: ‘Đức Phật là Thế tôn của tôi.’ không được đi theo các tỳ-kheo khác. Các sa-di khác được cùng tỳ-kheo ngủ hai ba đêm; nhưng ông không được việc ấy nữa. Ông phải ra khỏi nơi này, không nên ở đây nữa.’› Nếu tỳ-kheo biết sa-di đã bị tẫn ở trong chúng như vậy, mà vẫn đem về nuôi dưỡng, cùng ngủ chung, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Hai sa-di kia bị tẫn xuất khỏi thành, liền ra ngoài thôn xóm để xin ở, nhưng ngoài thành cũng bị tẫn xuất nên lại vào trong thành xin ở. Các tỳ-kheo không biết người ấy bị tẫn xuất hay không bị tẫn xuất, sau đó mới biết là họ bị tẫn xuất, hoặc tác pháp sám ba-dật-đề, hoặc có sự nghi. Đức Phật dạy:

«Không biết thì không phạm.»

Từ nay nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, biết sa-di nói như vầy: ‹Tôi nghe pháp từ đức Phật, nói rằng: ‘hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo’. Các tỳ-kheo nên can gián sa-di này như vầy: ‘Ông đừng xuyên tạc đức Thế tôn, xuyên tạc đức Thế tôn là không tốt. Đức Thế tôn không nói như vậy. Này sa-di, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện nói rằng hành dâm dục là pháp chướng đạo.’ Khi các tỳ-kheo kia can gián sa-di này mà vẫn kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo nên can gián cho đến ba lần,

khiến cho sa-di bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt; nếu không bỏ, các tỳ-kheo nên nói với sa-di ấy rằng: 'Từ nay về sau, ông không được nó rằng: 'Đức Phật là Thế tôn của tôi.' Không được đi theo các tỳ-kheo khác. Các sa-di khác được phép cùng ngủ hai, ba đêm với tỳ-kheo, nhưng nay ông không được phép đó. Ông phải ra khỏi nơi này, không nên ở đây nữa.'› Nếu tỳ-kheo biết sa-di đã bị tẫn ở trong chúng như vậy, mà vẫn dụ đem về nuôi dưỡng, cùng ngủ chung, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Diệt tẫn: Tăng tác pháp bạch tứ yết-ma để đuổi.

Nuôi dưỡng: hoặc tự mình nuôi, hoặc cho người nuôi.

Dụ: hoặc tự mình dụ hoặc sai người dụ.

Cùng ngủ chung: như đã nói ở trước.

Nếu tỳ-kheo vào ngủ trước, người bị diệt tẫn đến sau; hoặc người bị diệt tẫn vào trước, tỳ-kheo đến sau; hoặc cả hai người cùng đến, tùy theo hông dính xuống chiếu, chuyển mình, ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trước không biết; hoặc tỳ-kheo đến trước, người bị diệt tẫn đến sau, tỳ-kheo không biết. Hoặc phòng ở bốn bên, không ngăn, trên có lợp… (nt) nơi đất trống thì không phạm. Hoặc cơn đảo lộn phát sanh té xuống đất, hoặc bệnh động chuyển, hoặc bị thế lực bắt, trói, mạng nạn, phạm hạnh nạn thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách[930].

---o0o---

LXXI. KHÔNG CHỊU HỌC GIỚI[931]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la tại nước Câu-thiểm-tỳ. Lúc ấy, tỳ-kheo Xiển-đà[932] được các tỳ-kheo khác như pháp can gián, mà lại nói: «Nay tôi không học giới này. Tôi sẽ hỏi các tỳ-kheo trì luật có trí tuệ khác đã.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách tỳ-kheo Xiển-đà: «Tại sao các tỳ-kheo như pháp can gián, thầy lại nói rằng, ‹Nay tôi không học giới này, tôi phải hỏi các tỳ-kheo trì luật có trí tuệ khác đã.›?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo Xiển-đà:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tỳ-kheo Xiển-đà, tại sao các tỳ-kheo như pháp can gián, ông lại nói, ‹Nay tôi không học giới này, tôi phải hỏi các tỳ-kheo trì luật có trí tuệ khác đã.›?»

Dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Xiển-đà rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào[933], khi được các tỳ-kheo khác như pháp can gián lại nói như vầy: ‹Tôi nay không học giới này, tôi sẽ nạn vấn các tỳ-kheo trì luật có trí tuệ khác đã›, ba-dật-đề. Nếu vì muốn biết hay vì muốn học thì mới nên nạn vấn.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Như pháp: là như pháp, như luật, như lời Phật dạy.

Tỳ-kheo kia như pháp can gián tỳ-kheo này, tỳ-kheo này nói: «Nay tôi không học giới này. Tôi sẽ nạn vấn các tỳ-kheo trì luật có trí tuệ khác.» Nếu nói rõ ràng thì phạm ba-dật-đề, nói không rõ ràng phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: tỳ-kheo can gián kia ngu si, không hiểu rõ; tỳ-kheo này nên nói: «Thầy trở về hỏi Hòa thượng, A-xà-lê của thầy đã. Thầy phải học hỏi thêm, tụng kinh thêm.» Hoặc là sự thật đúng như vậy. Hoặc nói vui đùa, nói gấp vội, nói một mình, nói trong mộng, hoặc muốn nói việc này nhầm nói việc khác. Thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXII. KHINH CHÊ HỌC GIỚI[934]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Một thời đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Lúc ấy, có số đông tỳ-kheo tập hợp lại một chỗ tụng chánh pháp, tụng tỳ-ni[935]. Nhóm sáu tỳ-kheo cùng bảo nhau rằng: «Các tỳ-kheo này tập họp một chỗ tụng chánh pháp, tụng tỳ-ni. Các tỳ-kheo kia tụng luật thông suốt, tất sẽ thường xuyên cử tội ta. Nay, ta nên đến nơi chỗ các tỳ-kheo kia nói rằng, ‹Trưởng lão, tụng các giới vụn vặt[936] này làm gì? Nếu muốn tụng thì nên tụng bốn sự. Nếu quyết muốn tụng nữa thì tụng bốn sự và mười ba sự. Còn lại, không nên tụng. Tại sao vậy? Nếu các trưởng lão tụng những giới này thì khiến cho người hoài nghi, ưu não.›»

Rồi Lục quần bèn đến nói với tỳ-kheo kia rằng:

«Trưởng lão, tụng các giới vụn vặt này làm gì? Nếu muốn tụng thì nên tụng bốn sự. Nếu quyết muốn tụng nữa thì tụng bốn sự và mười ba sự. Còn lại, không nên tụng. Tại sao vậy? Nếu các trưởng lão tụng những giới này thì khiến cho người hoài nghi, ưu não.»

Các tỳ-kheo quan sát liền biết, nhóm sáu tỳ-kheo này muốn diệt pháp nên nói như vậy.

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao, các thầy muốn diệt pháp, nên nói như vậy phải không?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao, các ngươi muốn diệt pháp, nên nói như vậy phải không?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười [686a1] cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, khi thuyết giới[937], nói như vầy: ‹Đại đức, thuyết những giới vụn vặt như vậy để làm gì? Khi nói các giới ấy, khiến cho người sanh ra hoài nghi, phiền muộn xấu hổ;› vì khinh chê giới, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo kia, khi tự mình nói giới hay người khác nói giới, hoặc khi tụng giới mà nói như vầy: «Trưởng lão, tụng những giới vụn vặt này để làm gì? Nếu muốn tụng nên tụng bốn việc; nếu quyết tụng nữa thì chỉ nên tụng bốn việc và mười ba việc. Tại sao vậy? Vì khi tụng các giới này thì khiến cho người sanh lòng hoài nghi, phiền não xấu hổ.» Nói như vậy mà rõ ràng, thì phạm ba-dật-đề, không rõ ràng phạm đột-kiết-la.

Chê bai tỳ-ni ba-dật-đề. Chê bai A-tỳ-đàm, đột-kiết-la, chê bai các thứ khế kinh khác, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu nói trước tụng A-tỳ-đàm, sau đó mới tụng luật, trước tụng các khế kinh, sau mới tụng luật. Hoặc có bệnh, đợi cho lành, sau đó mới tụng luật. Đối trong Phật

pháp phải cần cầu phương tiện, đắc bốn quả A-la-hán, sau đó sẽ tụng luật. Nói lời nói cố tâm không cho chánh pháp bị tiêu diệt, hoặc nói vui giỡn, hoặc nói gấp vội, nói trong mộng, nói một mình, muốn nói việc này nhầm nói việc khác thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXIII. VÔ TRI HỌC GIỚI[938]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Một thời đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây kỳ-đà nước Xá-vệ. Có một tỳ-kheo trong nhóm lục quần, khi đang nghe giới, phạm tội và tự biết mình phạm tội, sợ tỳ-kheo thanh tịnh phát giác nêu lên, bèn đến trước vị thanh tịnh tỳ-kheo nói:

«Nay tôi mới biết, pháp này chép trong giới kinh, mỗi nửa tháng, nửa tháng nói một lần, rút ra từ giới kinh.»

Các tỳ-kheo xét biết, đây là khi đang thuyết giới nhóm sáu tỳ-kheo phạm tội, tự mình biết rõ tội chướng, sợ tỳ-kheo thanh tịnh phát giác nêu tội nên tự đến trước tỳ-kheo thanh tịnh nói: «Nay tôi mới biết, pháp này chép trong giới kinh, mỗi nửa tháng, nửa tháng nói một lần, rút ra từ giới kinh.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao, các thầy, khi đang thuyết giới, phạm tội, tự mình biết rõ tội chướng, sợ tỳ-kheo thanh tịnh phát giác nêu tội nên tự đến trước tỳ-kheo thanh tịnh nói: ‹Nay tôi mới biết, pháp này chép trong giới kinh, mỗi nửa tháng, nửa tháng nói một lần, rút ra từ giới kinh.›?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao khi nói giới, tự biết có phạm tội, sợ tỳ-kheo thanh tịnh phát giác nêu tội nên tự đến trước tỳ-kheo thanh tịnh nói: ‹Nay tôi mới biết, pháp này chép trong giới kinh, mỗi nửa tháng, nửa tháng nói một lần, rút ra từ giới kinh.›?»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách một vị trong nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, khi thuyết giới, nói như vầy: ‹Nay tôi mới biết, pháp này ghi trong giới kinh mỗi nửa tháng tụng một lần, xuất từ trong giới kinh.› Các tỳ-kheo khác biết tỳ-kheo này không những hai, ba lần mà nhiều lần có ngồi trong chỗ thuyết giới. Tỳ-kheo kia, không phải do vì không rõ[939]. Nếu có phạm tội thì nên xử trị như pháp, lại chồng thêm tội vô tri[940],bảo rằng: ‹Trưởng lão, thật không ích lợi, không có sở đắc tốt đẹp nào cho ngài, vì khi tụng giới ngài không dụng tâm suy nghĩ, không một lòng nhiếp niệm để nghe pháp. Vị kia, là kẻ vô tri[941], ba-dật-đề[942].

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo kia: Khi chính mình thuyết giới, hay người khác thuyết giới, hoặc khi tụng giới, nói như vầy: «Này, trưởng lão! Nay tôi mới biết pháp này có ghi trong giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần xuất từ trong giới kinh.› Các tỳ-kheo biết tỳ-kheo này không những hai, ba lần mà là nhiều lần dự Bố-tát. Tỳ-kheo kia không phải do vì không biết rõ, mà tuỳ theo chỗ phạm tội mà xử trị như pháp, lại tăng thêm tội vô tri, rằng[943], «Trưởng lão! Thật không lợi, không có sở đắc tốt đẹp nào cho ngài, vì khi tụng giới ngài không khéo dụng ý tư duy, không một lòng nghe pháp.» Vì vô tri cho nên bị tác pháp chồng thêm, ba-dật-đề. Nếu không tác pháp, tỳ-kheo đó phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Vị ấy chưa từng nghe nói giới, nay mới nghe; hoặc chưa từng nghe nói rộng, nay mới nghe; hoặc nói vui đùa, nói gấp vội, nói một mình, nói trong mộng; muốn nói việc này nhầm nói việc khác; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách. bức bách

---o0o---

LXXIV. PHỦ NHẬN YẾT-MA[944]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt. Lúc ấy, tôn giả tỳ-kheo Đạp-bà-ma-la Tử được chúng Tăng sai phụ trách giường nằm, chỗ ngồi, ngọa cụ của chúng Tăng, và phân phối ẩm thực. Tôn giả bận lo việc của Tăng, việc của tháp, nên những lễ hội bố thí của các gia chủ bên ngoài, nhân xây cất chùa mới, xây cất phòng mới, đào ao mới, đào giếng mới, Tôn giả không rảnh để đến dự. Do vậy, y phục của tôn giả bị rách nát, cáu bẩn, không sạch sẽ.

Một hôm, có người dâng cho chúng Tăng một chiếc y quý giá. Chúng Tăng cùng bảo nhau rằng, «Tôn giả tỳ-kheo Đạp-bà-ma-la Tử được chúng Tăng sai phụ trách giường nằm, chỗ ngồi, ngọa cụ của chúng Tăng, và phân phối ẩm thực. Tôn giả bận lo việc của Tăng, việc của tháp, nên những lễ hội bố thí của các gia chủ bên ngoài, nhân xây cất chùa mới, xây cất phòng mới, đào ao mới, đào giếng mới, Tôn giả không rảnh để đến dự. Do vậy, y phục của tôn giả bị rách nát, cáu bẩn, không sạch sẽ. Chúng ta nên đem y này trao cho tôn giả.»

Rồi chúng Tăng, sau khi tác bạch nhị Yết-ma, đem y trao cho Tôn giả.

Trong lúc bạch yết-ma, nhóm sáu tỳ-kheo cũng có mặt trong chúng. Khi trao y cho tôn giả rồi, nhóm sáu tỳ-kheo lại nói:

«Các tỳ-kheo này, theo chỗ quen thân của mình, mà lấy y của chúng đem cho.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo rằng:

«Sao, các thầy cùng có mặt trong chúng khi tác yết-ma trao y cho vị kia; sau lại nói, ‹Các tỳ-kheo, theo chỗ quen biết riêng của mình, lấy y của chúng tăng đem cho.›?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao các ông cùng tập hợp một chỗ tác bạch yết-ma đem y trao cho vị kia. Sau khi y đã được trao, các ông lại nói, ‹Các tỳ-kheo, theo chỗ quen biết riêng của mình, lấy y của chúng tăng đem cho.›?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm [687a1] mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, sau khi cùng chung yết-ma rồi, lại nói như vầy: ‹Các tỳ-kheo theo chỗ thân hậu mà lấy vật của chúng Tăng đem cho,› ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Thân hậu: đồng Hòa thượng, đồng A-xà-lê; cùng ăn, ở, chuyện trò, gần gũi với nhau.

Vật của Tăng: như trên đã nói.

Vật: Y, bát, ống đựng kim, ni-sư-đàn, cho đến đồ uống nước.

Tỳ-kheo kia, trước cùng chúng Tăng yết-ma rồi, sau hối hận, nói: «Các tỳ-kheo, theo chỗ thân hậu, lấy y vật của Tăng cho người thân hậu của mình.» Nói rõ ràng, phạm ba-dật-đề, không rõ ràng phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: sự việc thật như vầy: lấy vật của Tăng đem cho người quen biết của mình, thì nói mà không phạm. Hoặc là nói vui đùa, nói gấp vội, nói một mình, nói trong mộng,

hoặc muốn nói việc này nhầm nói việc kia, tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXV. KHÔNG DỮ DỤC[945]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Lúc ấy, có số đông tỳ-kheo tập hợp lại một chỗ cùng nhau luận bàn pháp Tì-ni.

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo nói với nhau rằng: «Hãy xem các tỳ-kheo này cùng nhau tập hợp lại một chỗ, hình như muốn vì chúng ta tác yết-ma.» Tức thì, nhóm sáu người liền đứng dậy bỏ ra đi. Các tỳ-kheo nói rằng:

«Các Thầy ở lại, chớ nên đi. Chúng Tăng hữu sự, mà lại cố ý bỏ đi, không chịu ở lại.»

Trong số các tỳ-kheo, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Chúng Tăng đang tập hợp, muốn luận pháp sự. Sao các thầy lại đứng dậy bỏ đi?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao, chúng Tăng tập hợp muốn luận pháp sự, các ông lại đứng dậy bỏ đi?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách lục quần xong, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, khi Tăng đoán sự chưa xong, đứng dậy bỏ đi, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Các tỳ-kheo, hoặc có vị bận việc của Tăng, hoặc bận việc của tháp, hoặc bận việc chăm sóc tỳ-kheo bệnh, nghi. Đức Phật dạy:

«Từ nay cho phép dữ dục.»

Từ nay nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, khi tăng đoán sự chưa xong, không dữ dục mà bỏ đi[946], ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tăng: cùng một thuyết giới, cùng một yết-ma.

Sự: có mười tám sự phá Tăng: Pháp, phi pháp… cho đến thuyết, phi thuyết[947]. Nếu tỳ-kheo đoán sự chưa xong mà bỏ đứng dậy đi ra, chân bước ra khỏi cửa, ba-dật-đề; một chân ngoài cửa, một chân trong cửa, phương tiện muốn đi mà không đi; hẹn đi mà không đi, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la, Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: có bận việc Tăng, việc tháp, việc chùa chăm sóc người bệnh, dữ dục thì không phạm.

Hoặc bị câm không nói dữ dục[948] được.

Hoặc yết-ma phi pháp, yết-ma phi tì-ni.

Hoặc đang phương tiện tác yết-ma không trụ xứ, tổn giảm, không lợi, liên hệ sự việc Tăng, sự việc chùa Tháp; nhằm đến Hòa thượng, đồng Hòa thượng, A-xà-lê, đồng A-xà-lê, tri thức thân hậu[949]; các trường hợp như vậy, không dữ dục mà bỏ đi, không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXVI. DỮ DỤC RỒI HỐI[950]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Khi ấy, trong nhóm sáu tỳ-kheo có sự vi phạm, sợ chúng Tăng cử tội, nên sáu người cứ đi chung với nhau. Trong giờ đại thực, tiểu thực, khi chúng Tăng tập hợp thuyết pháp, hoặc lúc nói giới, sáu người không xa rời nhau, khiến cho các tỳ-kheo không do đâu để tác pháp yết-ma được.

Sau đó một thời gian, vào lúc nhóm sáu tỳ-kheo may y. Các tỳ-kheo cùng bảo nhau, «Nhóm sáu tỳ-kheo hiện đang ở đây may y. Nếu cần tác pháp yết-ma thì nay chính là lúc.»

Các tỳ-kheo liền sai một vị đến kêu:

«Chúng Tăng hữu sự. Mời các thầy đến.»

Nhóm sáu tỳ-kheo hỏi:

«Tăng có việc gì? Chúng tôi không thể ngưng việc may y để đến được.»

Tăng trả lời:

«Nếu các thầy không thể đến được, thì cử một hai vị mang dục đến.»

Nhóm sáu tỳ-kheo liền sai một tỳ-kheo nhận dục mang đến. Chúng Tăng tác pháp yết-ma cho một tỳ-kheo này. Tác pháp yết-ma xong, tỳ-kheo ấy liền trở về chỗ nhóm sáu tỳ-kheo. Lục quần hỏi:

«Chúng Tăng làm việc gì?»

Tỳ-kheo này đáp:

«Bất lợi cho bản thân tôi.»

Lục quần hỏi:

«Chuyện gì mà bất lợi cho bản thân thầy?»

Vị ấy nói:

«Chúng Tăng tác yết-ma nhắm đến tôi.»

Nhóm sáu tỳ-kheo, trước đó dữ dục rồi, sau lại hối hận, nói:

«Chúng Tăng tác yết-ma như vậy, chẳng phải là yết-ma. Yết-ma không thành. Chúng tôi dữ dục việc kia chứ không dữ dục việc này.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Tại sao các thầy dữ dục rồi, sau lại ăn năn nói: Chúng tôi dữ dục việc kia, chứ không dữ dục việc này?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các ông trước đã dữ dục sau lại ăn năn nói: Tôi dữ dục việc này chứ không dữ dục việc kia?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, dữ dục rồi, sau lại hối hận, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nếu tỳ-kheo dữ dục rồi sau ăn năn nói: «Các thầy tác yết-ma, phi yết-ma, yết-ma không thành. Tôi dữ dục việc kia chứ không dữ dục việc này;» nói rõ ràng, ba-dật-đề; nói không rõ, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Sự thật là như vậy, phi yết-ma, yết-ma không thành cho nên nói như thế. Phi yết-ma không thành thì không phạm. Hoặc nói giỡn chơi, nói gấp vội nói một

mình, nói trong mộng, muốn nói việc này, nhầm nói việc kia, tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXVII. NGHE LÉN ĐẤU TRANH[951]

A. DUYÊN KHỞI

[688a1] Một thời, đức Một thời đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Khi ấy, nhóm sáu tỳ-kheo nghe những lời đấu tranh của các tỳ-kheo rồi đem đến nói với người kia, khiến cho Tăng chưa có việc tranh cãi thì khởi lên việc tranh cãi, đã có việc tranh cãi thì không trừ diệt được.

Các tỳ-kheo nghĩ như vậy: «Vì nguyên nhân nào khiến cho Tăng chưa có việc tranh cãi thì phát khởi việc tranh cãi; đã có việc tranh cãi thì không trừ diệt được?» Các tỳ-kheo quán sát, liền biết điều đó là do nhóm sáu tỳ-kheo nghe những lời đấu tranh của các tỳ-kheo, rồi đem đến nói với người kia, cho nên như vậy.

Các tỳ-kheo nghe việc này, trong số đó có vị thiểu dục, tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Tại sao các Thầy nghe những lời đấu tranh của các tỳ-kheo, rồi đem đến nói với ngươì kia, khiến cho Tăng chưa có việc tranh cãi thì phát khởi việc tranh cãi; đã có việc tranh cãi, thì không trừ diệt được?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các ông nghe những lời đấu tranh của các tỳ-kheo, rồi đem việc ấy đến nói với người kia, khiến cho Tăng chưa có sự tranh cãi, khởi lên sự tranh cãi; đã có sự tranh cãi thì không trừ diệt được?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Đây là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người ban đầu phạm giới này. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo chế giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, sau khi các tỳ-kheo cùng tranh cãi nhau, nghe[952] lời người này đem qua nói với người kia, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Đấu tranh: có bốn loại. Đó là ngôn tránh, mích tránh, phạm tránh và sự tránh.

Nghe: lén nghe người kia nói.

Nếu tỳ-kheo nào đến nghe những lời tranh cãi của tỳ-kheo khác, từ đường này đến đường kia; từ đạo đến phi đạo; từ phi đạo đến đạo; từ cao đến thấp, từ thấp đến cao, đến mà có nghe, phạm ba-dật-đề, không nghe phạm đột-kiết-la.

Nếu phương tiện muốn đi mà không đi, hoặc hẹn đi mà không đi, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Hoặc hai người nói chuyện ở chỗ tối; nên búng ngón tay hay tằng hắng để cảnh giác họ, không làm vậy thì phạm đột-kiết-la. Hoặc hai người

ở chỗ kín nói, cũng phải khảy móng tay hay tằng hắng, không làm như vậy thì phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu hai người nói chuyện với nhau ở chỗ tối tằng hắng hay búng ngón tay, hoặc hai người ở chỗ kín nói chuyện, búng ngón tay, tằng hắng. Trên đường đi, hai người đi trước cùng nói chuyện, mình từ sau đi đến, tằng hắng, búng ngón tay. Hoặc muốn tác yết-ma phi pháp, yết-ma phi tì-ni, các yết-ma không trụ xứ, tổn giảm, không lợi liên hệ chúng Tăng, liên hệ tháp, liên hệ Hòa thượng, đồng Hòa thượng hoặc A-xà-lê, đồng A-xà-lê, thân hậu tri thức. Đối với các yết-ma như vậy, muốn được biết nên đến nghe thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXVIII. SÂN ĐÁNH TỲ-KHEO[953]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong nhóm sáu tỳ-kheo có một vị vì sân nhuế đánh (người) nhóm mười bảy tỳ-kheo. Người bị đánh lớn giọng kêu rằng:

«Thôi, thôi, đừng đánh tôi!»

Lúc ấy tỳ-kheo ở phòng gần nghe hỏi rằng:

«Chuyện gì mà la to thế?»

Tỳ-kheo bị đánh nói:

«Vừa rồi tôi bị tỳ-kheo kia đánh.»

Bấy giờ, có các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách người nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao lại sân nhuế đánh đập (người) nhóm mười bảy tỳ-kheo?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các ông lại đánh (người) nhóm mười bảy tỳ-kheo?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo.

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, vì nóng giận, không hoan hỉ, đánh tỳ-kheo, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Đánh: hoặc dùng tay, đá hay gậy.

Tỳ-kheo dùng tay, đá hay gậy đánh tỳ-kheo, tất cả đều phạm ba-dật-đề[954]. Ngoài cây, tay, đá ra, dùng các thứ khác như chìa khóa cửa, móc câu, cán phủ phất, cán thủ lư, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Hoặc có bệnh cần đấm bóp; hoặc ăn bị nghẹn cần vuốt cho xuống; hoặc nói không nghe cần đụng vào người, khiến cho họ nghe; hoặc lúc ngủ mà đụng phải; hoặc khi đi kinh hành tới lui mà đụng nhau; hoặc khi quét đất, đầu cán chổi dài đụng nhầm phải; tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXIX. NHÁ ĐÁNH TỲ-KHEO[955]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Khi ấy, nhóm sáu tỳ-kheo dùng tay tát nhóm mười bảy tỳ-kheo. Vị bị tát[956], lớn tiếng la rằng:

«Thôi, thôi đừng làm vậy!»

Tỳ-kheo ở phòng gần nghe, liền hỏi:

«Vì sao kêu la lớn tiếng như thế?»

Nhóm mười bảy nói:

«Tỳ-kheo này khoa tay đánh tôi, nên tôi phải la lớn.»

Các tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách vị nhóm sáu tỳ-kheo rằng: «Tại sao thầy khoa tay đánh nhóm mười bảy tỳ-kheo?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên

đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các ông dùng tay đánh nhóm mười bảy tỳ-kheo?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, vì giận hờn không vui, dùng tay (nhá) đánh[957] tỳ-kheo, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tay: chỉ cho hai bàn tay.

Tỳ-kheo kia vì giận hờn lấy tay đánh tỳ-kheo khác ba-dật-đề. Trừ tay ra, nếu dùng then cửa, phất trần, thủ hương, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Người khác muốn đánh, đưa tay chận lại. Hoặc voi đến, giặc cướp đến, ác thú đến, kẻ cầm gai nhọn [689a1] đến, lấy tay ngăn chận lại thì không phạm. Hoặc muốn qua sông; hoặc muốn vượt qua chỗ bùn lầy, nước

đọng, gần nhau đưa tay ngoắt tỳ-kheo khác đến, chạm trúng họ thì không phạm. Hoặc người kia không nghe, mình dùng tay ra hiệu khiến cho họ nghe; hoặc khi ngủ; hoặc khi tới lui qua lại, hay quét đất; hoặc quơ cây gậy đụng nhầm, chớ không cố ý làm, tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXX. VU KHỐNG TĂNG TÀN[958]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xa Vệ. Khi ấy, nhóm sáu tỳ-kheo vì giận hờn, vu khống nhóm mười bảy tỳ-kheo bằng pháp Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ[959].

Khi ấy, các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo, «Tại sao các thầy vì giận hờn, vu khống nhóm mười bảy tỳ-kheo bằng pháp Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các ông vì giận hờn lại dùng tăng-già-bà-thi-sa vô căn cứ để hủy báng nhóm 17 Tỳ-kheo?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, vì giận hờn, vu khống (tỳ-kheo khác) bằng pháp tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Căn cứ : có ba: chứng cứ do thấy, do nghe, do nghi.

- Chứng cứ do thấy: thật thấy vị ấy lộng âm xuất tinh, hoặc thấy cùng phụ nữ thân xúc chạm nhau, hoặc thấy cùng phụ nữ nói thô ác, hoặc thấy đối trước người phụ nữ tự khen thân mình, hoặc thấy khi đang cùng nhau làm môi giá. Hoặc là người khác thấy, rồi nghe từ người đó. Đó gọi là chứng cứ do thấy.

- Chứng cứ do nghe: nghe vị ấy lộng âm xuất tinh, hoặc cùng phụ nữ thân gần gũi nhau, hoặc nghe cùng phụ nữ nói thô ác, hoặc nghe đối trước người phụ nữ tự khen thân mình, hoặc nghe cùng nhau môi giá. Hoặc là người khác nghe, từ người đó mà nghe. Đó gọi là chứng cứ do nghe.

- Chứng cứ do nghe nghi: có hai nhân duyên sanh nghi: Do thấy sanh nghi, và do nghe sanh nghi.

* Thế nào là thấy sanh nghi? Thấy người kia cùng người phụ nữ, khi từ trong rừng đi ra, hay khi vào trong rừng, hoặc trần truồng không có y, đồ bất tịnh tiết ra nhớp thân; hoặc thấy cùng ác tri thức hành sự, hoặc cùng vui đùa. Đó gọi là do thấy sanh nghi.

* Thế nào là nghe sanh nghi? Hoặc nghe nơi chỗ đó, nghe tiếng động nơi giường, nghe tiếng nệm cỏ, nghe tiếng thở mạnh, nghe tiếng nói, nghe tiếng giao hội; hoặc nghe người kia tự nói: «Tôi phạm xuất tinh. Tôi cùng người nữ thân chạm nhau. Tôi cùng người nữ nói lời thô ác. Tôi đối trước người nữ tự khen thân mình. Tôi làm mai môi nam nữ.» Trong khi nghe những việc như vậy mà sanh nghi.

Ngoài ba căn ra, dùng các việc khác vu khống. Đó gọi là không căn cứ. Tỳ-kheo nào, vì giận hờn, vu khống bằng pháp tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ, nói rõ ràng phạm ba-dật-đề; nói không rõ ràng phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: có thấy, có nghe, có nghi, nói đúng sự thật, muốn khiến cho người kia ăn năn mà không vu khống; hoặc nói vui, nói gấp vội, nói một mình, nói trong mộng, hoặc muốn nói việc này nhầm nói việc khác thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXXI. THÂM NHẬP VƯƠNG CUNG[960]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Khi ấy, trong thành Xá-vệ có một bà-la-môn thuộc dòng họ lớn, tên là Da-nhã-đạt[961], có nhiều của cải quý báu, sanh nghiệp không lường, ruộng đất, gạo lúa không thể kể xiết, vàng bạc, xa cừ, mã não chơn châu, hổ phách thủy tinh, lưu ly, voi ngựa, tôi tớ, kho tàng đầy đủ dư dật; oai tướng đầy đủ. Da-nhã-đạt có một tớ gái tên là Hoàng Đầu[962], thường trông coi vườn Mạt-lợi[963].Đứa tớ gái kia thường ưu sầu nói: «Đến khi nào ta mới thoát khỏi kiếp sống tôi tớ?»

Một sớm mai nọ, đứa tớ gái kia nhận phần cơm khô của mình, mang vào trong vườn. Vào lúc đó, giờ khất thực đã đến, đức Thế tôn mặc y bưng bát vào thành khất thực. Người tớ gái Hoàng Đầu từ xa trông thấy đức Như Lai, tâm tự nghĩ rằng: «Nay ta nên đem phần cơm khô này dâng cúng cho Sa-môn kia, may ra, ta có thể thoát khỏi kiếp tôi đòi.» Nghĩ xong, Hoàng Đầu liền đem phần cơm dâng cúng đức Như Lai.

Đức Thế tôn dũ lòng thương nhận sự cúng dường rồi trở về tịnh xá. Người tớ gái Hoàng Đầu tiếp tục trên đường đến vườn Mạt-lợi.

Lúc bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc, điểm bốn binh chủng du ngoạn săn bắn. Đoàn tùy tùng phân tán ra đuổi theo bầy hươu. Lúc này thời tiết đang nóng bức, nhà Vua mệt mỏi. Từ xa Vua trông thấy vườn Mạt-lợi gần đó, liền cho lệnh quay xe đến. Để xe bên ngoài, nhà Vua đi bộ vào trong vườn.

Bấy giờ, Hoàng Đầu từ xa thấy Vua Ba-tư-nặc đến, liền khởi sanh ý nghĩ: «Người đang tiến đến với dáng bộ cử chỉ, chẳng phải là người thường.» Liền tiến đến trước mặt để nghinh đón, với lời kính cẩn chào hỏi:

«Chào Đại nhơn mới đến! Mời ngài đến ngồi trên chỗ ngồi này.»

Hoàng Đầu liền cởi áo trải ra, mời nhà Vua ngồi. Hoàng Đầu thưa hỏi:

«Ngài cần nước rửa chân hay không?»

Nhà Vua nói:

«Cần.»

Hoàng Đầu liền lấy lá sen múc nước đem đến cho nhà Vua. Nhà Vua tự dùng nước rửa. Hoàng Đầu chà, kỳ chân cho nhà Vua và thưa:

«Ngài có cần nước để rửa mặt không?»

Nhà Vua nói:

«Cần.»

Hoàng Đầu lại lấy lá sen múc đầy nước đem đến để nhà Vua rửa mặt.

Hoàng Đầu thưa tiếp:

«Ngài cần nước để uống hay không?»

Nha Vua nói:

«Muốn uống.»

Hoàng Đầu liền đến nơi ao; rửa tay sạch sẽ, rồi lấy lá sen tốt, múc đầy nước đem đến cho nhà Vua uống. Hoàng Đầu lại thưa Vua rằng:

«Không biết, Ngài có cần nghỉ một chút hay không?»

Nhà Vua nói:

«Cần yên nghỉ một chút.»

Hoàng Đầu lại liền cởi một chiếc áo trải ra, mời Vua nằm nghỉ. Khi nhà Vua nằm xong, Hoàng Đầu đến một bên quỳ thẳng gối xoa bóp cơ thể để giải tỏa mỏi mệt cho nhà Vua. Thân của Hoàng Đầu mềm mại dịu dàng như thân của thiên nữ. Khi nhà Vua được xoa bóp êm dịu, khởi ý nghĩ: «Chưa từng có một người nữ nào thông minh như thế này. Ta không bảo mà làm tất cả việc theo ý muốn của ta.» Nhà Vua liền hỏi:

«Người là con gái nhà ai?»

Hoàng Đầu trả lời:

«Tôi là người ở của gia đình Da-nhã-đạt. Chủ tôi sai tôi giữ vườn Mạt-lợi này.»

Trong khi nhà Vua hỏi Hoàng Đầu như vậy thì Đại thần của Vua Ba-tư-nặc tìm theo dấu vết của xe, đến nơi vườn Mạt-lợi, quỳ lạy dưới chân Vua xong, đứng qua một bên. Nhà Vua ra lệnh cho một người:

«Người hãy đến kêu Bà-la-môn Da-nhã-đạt đến chỗ Vua.»

Người nhận lệnh nhà Vua liền đến kêu bà-la-môn. Bà-la-môn đến quỳ lạy dưới chân nhà Vua xong, đứng qua một bên.

Nhà Vua hỏi:

«Người nữ này là tôi tớ của ngươi phải không?»

Bà-la-môn trả lời:

«Đúng như vậy.»

Nhà Vua nói:

«Nay ta muốn lấy người này làm vợ, ý ngươi thế nào?»

Người bà-la-môn tâu:

«Người này là tôi đòi, làm sao làm vợ của nhà Vua được?»

Nhà Vua khẳng định:

«Điều đó không can gì. Ngươi chỉ cho biết là phải trả giá bao nhiêu mà thôi.»

Người bà-la-môn tâu:

«Dù là giá đáng trăm ngàn lượng vàng; tôi đâu dám nhận. Tôi xin dâng hiến lên Đại vương.»

Nhà Vua nói:

«Không thể được. Nay ta lấy làm vợ, tại sao lại không tính giá?»

[690a1] Nhà Vua liền ra lệnh xuất trăm ngàn lượng vàng giao cho người bà-la-môn. Giao xong, nhà Vua liền sai người về cung, lấy các thứ anh lạc, áo xiêm đồ phục sức. Sau khi tắm gội, trang điểm thân mình, rồi ngồi chung xe với Vua trở về cung, cùng với các Đại thần hộ vệ tháp tùng.

Bấy giờ, Hoàng Đầu mới nghĩ: «Người này không phải là ai khác mà chính là Vua Ba-tư-nặc.» Hoàng Đầu được đưa vào ở trong cung, tập học các thứ kỹ thuật thơ toán, in, họa các thứ hình tượng, ca vũ hý nhạc, không bộ môn nào không biết. Vì từ trong vườn Mạt-lợi đem về, nên bà được đặt tên Mạt-lợi phu nhân. Cho đến khi tuổi lớn, Vua càng ái kính. Sau đó một thời gian, trong số năm trăm người nữ, Mạt-lợi được nhà Vua lập làm Đệ nhất Phu nhân.

Khi ở trên điện cao, Mạt-lợi Phu nhân tự nghĩ rằng: «Do nhơn duyên nghiệp báo gì mà ta được thoát khỏi kiếp tôi đòi, nay được sống khoái lạc thế này?» Rồi nghĩ tiếp: «Phải chăng, do trước đây ta đã dùng phần ăn của ta là cơm khô trộn với mật, dâng cúng sa-môn; vì nhơn duyên ấy mà nay ta được thoát khỏi thân tôi đòi, thọ sự khoái lạc thế này?» Mạt-lợi phu nhân liền hỏi người hầu cận:

«Trong thành Xá-vệ có sa-môn hình mạo như vậy chăng?»

Người hầu cận thưa:

«Có. Đó chính là đức Như Lai Vô sở trước, Chí chơn Đẳng chánh giác.»

Phu nhân nghe rồi, lấy làm hoan hỷ, liền muốn đến chỗ đức Phật, nên đến thưa với Vua Ba-tư-nặc:

«Tâu đại vương! Tôi muốn đến yết kiến và lễ bái thăm hỏi đức Phật.»

Nhà Vua nói:

«Nên biết là đúng thời.»

Mạt-lợi phu nhân liền sửa soạn xe ngựa đến năm trăm chiếc, cùng năm trăm thể nữ thị tùng, ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến tịnh xá Kỳ-hoàn. Đến nơi, Mạt-lợi xuống xe, đi bộ vào. Từ xa thấy đức Như Lai tướng mạo đoan chánh, các căn tịnh định, thành tựu vô thượng điều phục, như voi chúa đã được điều phục, như hố thẳm trong lặng, thanh tịnh không nhớp. Phu nhân thấy vậy liền sanh hoan hỷ, đến chỗ đức Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

«Do nhân duyên nào, thọ thân người nữ, nhan sắc xấu xí, người thấy không ưa, của cải thiếu thốn, không có oai lực? Do nhân duyên nào nhan sắc xấu xí, người thấy không ưa, của cải không thiếu, không có oai lực lớn? Do nhân duyên nào nhan sắc xấu xí, người thấy không ưa, của cải không thiếu, có oai lực lớn? Do nhơn duyên nào, nhan sắc xinh đẹp, người thấy hoan hỷ, của cải không thiếu, có oai lực lớn?»

Bấy giờ, đức Thế tôn mới giảng cho Mạt-lợi phu nhân nghe:

«Hoặc có người nữ, lòng nhiều sân nhuế, đối với người ưa gây não hại cho người. Hoặc vì ít lời mà nổi thịnh nộ. Hoặc vì nhiều lời nên sân nhuế cũng nhiều. Cũng không bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người già cô quả bần cùng, mỗi khi họ đến cầu xin, y phục, ẩm thực voi ngựa xe cộ, hương hoa anh lạc, phòng xá ngọa cụ, đèn đuốc. Tất cả đều không bố thí. Thấy người khác được lợi dưỡng sanh tâm tật đố. Cho nên, này Mạt-lợi nữ nhơn, do nhiều sân nhuế nên tướng mạo xấu xí, người thấy không ưa. Do không bố thí nên của cải thiếu thốn. Do thấy người được lợi dưỡng sanh tâm tật đố, nên không có oai lực.

«Này Mạt-lợi Phu nhơn! Người nữ mà tâm nhiều sân nhuế, đối với người ưa gây phiền não. Hoặc vì ít lời mà nổi thịnh nộ. Hoặc vì nhiều lời nên sân nhuế cũng nhiều. Nhưng hay

bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người già cô quả, bần cùng, mỗi khi họ đến cầu xin, y phục ẩm thực, voi ngựa xe cộ, hương hoa anh lạc, phòng xá ngọa cụ đều cung cấp cho họ. Nhưng thấy người khác được lợi dưỡng sanh tâm tật đố. Cho nên, người nữ đó, do nhiều sân nhuế mà tướng mạo xấu xí; nhờ bố thí nên của cải không thiếu; và do tâm tật đố nên không có oai lực.

«Này Mạt-lợi Phu nhơn! Người nữ mà tâm nhiều sân nhuế, ưa gây não hại cho người, nói ít hiện sân nhuế nhiều, nói nhiều cũng hiện sân nhuế nhiều, mà hay bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người già cô đơn, bần cùng, khi họ đến cầu xin, y phục, ẩm thực, hoa hương anh lạc, cho đến phòng xá ngọa cụ, đèn đuốc, đều cung cấp cho họ; thấy người được lợi dưỡng, tâm không sanh tật đố. Cho nên, người nữ này, do sân nhuế nên tướng mạo xấu xí; nhờ bố thí nên của cải không thiếu, và do thấy người được tài lợi không sanh tật đố nên có oai lực lớn.

«Này Mạt-lợi! Người nữ mà không có sân nhuế, không gây não hại chi người; nói ít, nói nhiều cũng không hiện sân nhuế; hay bố thí Sa-môn, Bà-la-môn, người cô quả, già nua, bần cùng, khi họ đến xin voi ngựa xe cộ, y phục ẩm thực, cho đến đèn đuốc đều cung cấp cho họ; thấy người được lợi dưỡng không sanh tật đố. Này, Mạt-lợi nữa nhơn! Vì không sân nhuế nên nhan sắc đoan chánh, vì bố thí nên của cải không thiếu và vì không tật đố nên có oai lực lớn.

«Này Mạt-lợi! Do những nhơn duyên này cho nên người nữ tướng mạo xấu xí, của cải thiếu thốn, không có oai lực. Do những nhơn duyên này, người nữ tướng mạo xấu xí; nhưng của cải không thiếu, mà lại không có oai lực. Do những nhơn duyên này, người nữ tướng mạo xấu xí; nhưng của cải không thiếu, có oai lực lớn. Do nhơn duyên này, người nữ tướng mạo đoan chánh, của cải không thiếu, có oai lực lớn.»

Lúc bấy giờ, Mạt-lợi phu nhơn, lại bạch đức Phật:

«Kính bạch Đại đức! Đời trước con nhiều sân nhuế, ưa gây não hại cho người, nói ít mà hiện nhiều sân nhuế, nói nhiều cũng hiện nhiều sân nhuế. Tại sao vậy? Vì đời này, con thọ thân hình xấu xí, người không ưa thích. Nhờ vậy cho nên biết được.

«Bạch Đại đức! Đời trước con hay làm việc bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người già cô đơn bần cùng. Khi họ đến cầu xin, y phục ẩm thực, cho đến đèn đuốc, đều cung cấp cho họ, cho nên ngày nay của cải không thiếu.

«Bạch Đại Đức! Đời trước con thấy người khác được lợi dưỡng, không sanh tâm tật đố, cho nên ngày nay có oai lực lớn. Trong cung của Vua Ba-tư-nặc có năm trăm người nữ, đều là dòng họ Sát-lợi, mà con là người được tôn quý tự tại trong đó.

«Kính bạch Đại đức! Từ nay về sau, con không sân nhuế, không gây não hại cho người, không dựa vào nói ít nói nhiều mà hiện sân nhuế; thường bố thí Sa-môn, Bà-la-môn, người già cô quả bần cùng; khi họ đến cầu xin y phục, voi ngựa, xe cộ, cho đến đèn đuốc, con đều cung cấp cho họ. Nếu thấy người được lợi dưỡng thì tâm con không sanh tật đố.

«Kính bạch đức Thế tôn! Từ nay về sau, trọn đời con nguyện quy y Phật Pháp, Tăng, làm người ưu-bà-tư. Từ nay về sau, con nguyện thọ trì không sát sanh, cho đến không uống rượu.»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn vì Mạt-lợi phu nhân dùng vô số phương tiện nói pháp khai hóa, khiến được hoan hỷ. Những pháp ấy là bố thí, trì giới, và sanh thiên. Nói dục là tội lỗi, dục là bất tịnh, là hữu lậu ô nhiễm, là trói buộc. Khen ngợi sự ích lợi của xuất ly, giải thoát. Mạt-lợi liền từ nơi chỗ ngồi mà sạch hết các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt, thấy pháp, đắc pháp, được chứng quả. Rồi Phu nhơn lại bạch đức Phật:

«Nay con, lần thứ hai, lần thứ ba, quy y Phật, Pháp, Tăng làm người ưu-bà-tư, từ nay về sau trọn đời con không sát sanh, cho đến không uống rượu.» Mạt-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh kính lễ dưới chân đức Phật, nhiễu Phật ba vòng rồi cáo lui.

Khi về đến cung, Mạt-lợi khuyến dụ Vua Ba-tư-nặc, khiến nhà Vua tin ưa Phật pháp. Sau khi Vua đã có tín tâm, Vua cho phép các tỳ-kheo ra vào trong cung, các, không trở ngại.

Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di, đến giờ, mặc y, bưng bát vào hoàng cung của Vua Ba-tư-nặc. Trong lúc ấy, nhà Vua và phu nhơn còn đang ngủ ngày. Phu nhơn từ xa thấy Ca-lưu-đà-di đến, liền đứng dậy mặc áo vào. Rồi lấy chiếc áo rất quý lau chỗ ngồi để mời Ca-lưu ngồi. Phu nhơn để tuột y, [691a1] rớt xuống đất, lộ hình, nên xấu hổ, ngồi xuống. Ca-lưu-đà-di thấy, xoay mình ra khỏi hoàng cung. Nhà Vua liền hỏi phu nhân:

«Vừa rồi, tỳ-kheo thấy hình của khanh?»

Phu nhân thưa với nhà Vua:

«Tuy thấy, nhưng như anh chị em chứ không chi khác. Việc ấy không bận tâm.»

Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di trở về lại trong Tăng-già-lam; rồi đem nói với tỳ-kheo: «Đệ nhất bảo của Vua Ba-tư-nặc, nay tôi được thấy rõ.»

Tỳ-kheo hỏi:

«Thầy được thấy bảo vật gì?»

Ca-lưu-đà-di nói:

«Tôi thấy Mạt-lợi phu nhân lộ hình. Tôi thấy tất cả!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Ca-lưu-đà-di: «Sao lại vào trong cung, đến chỗ ở của thể nữ?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, biết mà Ngài cố hỏi Ca-lưu-đà-di:

«Sự thật ông có vào trong vương cung, đến chỗ ở của thể nữ không?»

Ca-lưu-đà-di thưa:

«Kính bạch đức Thế tôn, sự thật có như vậy.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện, quở trách Ca-lưu-đà-di:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao ông vào trong cung nội, chỗ ở của thể nữ?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, khi nhà Vua quán đảnh dòng Sát-đế-lợi[964] hưa ra khỏi, bảo vật chưa được thu cất mà vào; nếu quá khỏi ngạch cửa cung, phạm ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Vua quán đảnh dòng Sát-đế-lợi[965]: lấy nước trong bốn đại hải, lấy cái sừng bên hữu con bò trắng, thu thập tất cả hạt giống, đựng đầy bên trong, để trên chiếc xe của nhà Vua, khiến các Tiểu vương khiêng. Nhà Vua cùng Đệ nhất Phu nhân ngồi trên xe. Đại Bà-la-môn dùng nước rưới trên đảnh của Vua. Nếu là dòng Sát-lợi, khi làm phép rưới nước trên đầu tức là lập vương vị. Do vậy, gọi là Vua quán đảnh dòng Sát-lợi. Nếu là dòng bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà-la được làm phép lấy nước rưới lên đầu để lập vương vị, nhà Vua ấy cũng gọi là Vua quán đảnh dòng Sát-lợi.

Chưa ra khỏi: tức là nhà Vua chưa ra khỏi, thể nữ chưa trở về chỗ cũ.

Chưa giấu bảo vật: vàng bạc chơn châu, xa cừ mã não, thủy tinh lưu ly, bối ngọc[966]. Tất cả các vật báu anh lạc chưa đem cất.

Tỳ-kheo nào, khi dòng Vua Sát-lợi quán đảnh, chưa ra khỏi, chưa cất của quý, mà vào ngạch cửa của vương cung, ba-dật-đề. Một chân ngoài, một chân trong, ý muốn đi, hoặc cùng hẹn mà không đi, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Trừ dòng Vua Sát-lợi, nếu vào các nhà Túc tán tiểu vương[967],trưởng giả hào quý, bước qua ngạch cửa đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nhà Vua đã ra khỏi, thể nữ về chỗ cũ; bảo vật, anh lạc đã cất; hoặc có việc cần đến tâu với nhà Vua; hoặc bị gọi đến, hoặc bị thế lực bắt đi; hoặc mạng nạn; phạm hạnh nạn; tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXXII. CẦM NẮM BẢO VẬT[968]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Lúc ấy, có cư sĩ đệ tử của ngoại đạo, ở nước Câu-tát-la, trên đường đi, ghé nghỉ một bên đường, bỏ quên một cái đãy, trong đó đựng một ngàn lượng vàng. Bấy giờ, có số đông tỳ-kheo cũng đi trên đường này, sau đó cũng dừng nghỉ bên đường, nơi chỗ người cư sĩ nghỉ. Các tỳ-kheo thấy chiếc đãy đựng vàng để nơi đất, cùng bảo nhau rằng: «Ta nên mang đi. Nếu có người chủ nào biết, sẽ trả lại cho họ.» Nói xong, liền mang đi theo.

Người cư sĩ quên gói vàng kia đi chừng vài dặm, nhớ lại, liền gấp gáp đi trở lui.

Các tỳ-kheo từ xa thấy, nói với nhau:

«Người vội vàng đi ngược chiều đó chắc là người chủ vàng.»

Khi đến, các tỳ-kheo hỏi:

«Ông muốn đi đâu?»

Người cư sĩ nói:

«Các ông cứ đi. Chuyện gì phải hỏi việc của tôi?»

Các tỳ-kheo nói:

«Chúng tôi muốn ông khỏi phải phiền đến chỗ đó.»

Người cư sĩ ngạc nhiên nói:

«Tôi vừa nghỉ nơi chỗ đó, bỏ quên túi vàng, nên bây giờ trở lại để lấy.»

Các tỳ-kheo liền lấy túi vàng đưa ra và hỏi:

«Vật này không phải của ông à?»

Người cư sĩ nói:

«Chính là đãy của tôi đây. Mà sao vật đựng bên trong thiếu?»

Các tỳ-kheo nói:

«Thật sự chúng tôi chỉ lượm được cái gói như vậy mà thôi»

Người cư sĩ liền đến nhà quan khiếu nại.

Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc đích thân ngồi ghế đoán sự. Nhà Vua cho mời các tỳ-kheo đến hỏi:

«Này Đại đức! Việc này thế nào? Theo lời người kia nói như vậy có đúng hay không?»

Các tỳ-kheo thưa với nhà Vua:

«Chúng tôi chỉ lượm được cái túi như vậy thôi chứ không thấy gì khác.»

Người cư sĩ nói:

«Số vàng của tôi chừng ấy lượng.»

Nhà Vua liền sai người mang đủ số vàng như người cư sĩ nói và bảo người ấy bỏ vào cái đãy đó, nhưng cái đãy lại chứa không hết. Nhà Vua liền nói với người cư sĩ:

«Như vậy, đây không phải là vật của ngươi, ngươi đi tìm nơi khác.»

Nhà Vua liền trị tội vu khống và tịch biên tài sản, tất cả số vàng đều nhập vào kho nhà quan.

Bấy giờ, có các tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách các tỳ-kheo:

«Sao tự tay cầm lấy vàng bạc để khiến cho cư sĩ phải bị nhà quan trị tội, lại bị tịch biên tài sản, tất cả sự nghiệp đều vào kho nhà quan?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo ấy rằng:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao các ông tự tay cầm vàng bạc, khiến cho nhà Vua trị phạt cư sĩ, tịch biên tài sản?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, hoặc vật báu, hoặc cầm đồ trang sức quý báu tự tay cầm nắm, hay sai người cầm nắm, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ trong thành Xá-vệ, theo pháp thường của thế tục, ngày lễ hội của phụ nữ, Tỳ-xá-khư Mẫu[969] tự trang điểm anh lạc, đi ngang qua tịnh xá Kỳ-hoàn. Lòng kính tin của bà phát khởi, bà nghĩ:

«Ta cần gì đến nơi lễ hội của người nữ. Nay ta nên đến chỗ đức Thế tôn để lễ bái thăm hỏi Ngài.»

Tỳ-xá-khư Mẫu liền quay trở lại, vào tịnh xá Kỳ-hoàn. Bà lại tự nghĩ: «Ta không nên mang những đồ trang sức bằng anh lạc này đến gặp đức Thế tôn. Nay ta nên cởi ra, sau đó mới đến lễ bái Ngài.»

Bấy giờ, bà đem đến nơi gốc cây cởi y báu và chuỗi anh lạc, gom lại thành một đống lớn. Rồi bà đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, và đứng qua một bên. Bấy giờ, đức Thế tôn phương tiện nói pháp, khai hóa hoan hỷ. Tỳ-xá-khư Mẫu nghe đức Như Lai nói pháp rồi sanh lòng hoan hỷ kính lễ dưới chân Phật, rồi nhiễu quanh [692a1] và cáo lui.

Bấy giờ, tâm bà còn để nơi pháp, đi thẳng ra khỏi cửa Kỳ-hoàn, quên đến lấy những đồ trang sức y báu và chuỗi anh lạc. Về đến nhà, bà mới nhớ, bèn nghĩ: «Nếu ta sai người đến lấy, sợ không có thì có thể làm nhục các tỳ-kheo.» Do vậy bà không sai sứ đến lấy.

Có một tỳ-kheo thấy Tỳ-xá-khư Mẫu khi vào Kỳ-hoàn thì đến nơi gốc cây, nhưng khi bà ra về thì không đến nơi chỗ đó. Vị tỳ-kheo kia liền đến chỗ gốc cây, thấy những đồ trang sức, chuỗi anh lạc, y báu tập trung một chỗ, tâm sanh nghi, không dám lấy, bèn nghĩ: «Đức Thế tôn chế giới: tỳ-kheo nào tự cầm nắm vật báu, hoặc đồ trang sức quý báu, hay bảo người khác cầm nắm, Ba-dật-đề.» Tỳ-kheo kia đến bạch Phật, đức Phật bảo:

«Từ này về sau, cho phép trong Tăng-già-lam , thấy có vật bỏ quên, để khỏi mất, phải lấy cất.»

Từ nay nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, tự cầm nắm kim bảo, hoặc đồ trang sức quý báu[970], hay bảo người cầm nắm, ba-dật-đề. Trừ trong tăng-già-lam.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Khi ấy, có số đông tỳ-kheo từ nước Câu-tát-la, trên đường đi, ghé vào một thôn không có trú xứ, hỏi thăm rằng:

«Nơi đây chỗ nào có phòng xá trống, có thể tạm nghỉ lại đêm?»

Những người ở đó nói:

«Nơi đây có nhà người thợ kim hoàn[971], có phòng xá trống. Có thể đến đó nghỉ được.»

Các tỳ-kheo đến nơi nhà thợ kim hoàn, nói rằng:

«Chúng tôi muốn xin nghỉ nhờ một đêm, có được không?»

Thợ kim hoàn trả lời:

«Được.»

Các tỳ-kheo vào nhà trải nệm cỏ an tọa, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Hôm ấy, người thợ kim hoàn có những thứ vàng đã chế biến, có vàng chưa chế biến, có thứ đồ vàng mới chế biến một phần; có đồ bằng bạc đã chế biến, có thứ bạc chưa chế biến, có đồ bạc chế biến chưa thành, để trong nhà đó. Tối đó, các tỳ-kheo vì bảo vệ những thứ đó nên suốt đêm không ngủ, vì sợ kẻ trộm đến lấy. Sáng ngày, thợ kim hoàn đi vào nhà, hỏi thăm các tỳ-kheo:

«Thưa quý Ngài, đêm qua, ngủ có được ngon giấc không?»

Các tỳ-kheo trả lời:

«Ngủ không được.»

Ông thợ vàng liền hỏi:

«Sao ngủ không được?»

Các tỳ-kheo trả lời:

«Ông để một số vật quý ở trong nhà. Chúng tôi suốt đêm lo giữ hộ nên không ngủ được.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch, đức Thế tôn bảo rằng:

«Từ nay về sau, cho phép các tỳ-kheo, khi tạm nghỉ đêm nơi nhà người khác, trong nhà đó, nếu có vật quý, để khỏi mất, nên lấy cất.»

Từ nay nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, tự mình cầm lấy bảo vật, hay đồ trang sức bằng bảo vật, hoặc bảo người khác cầm nắm, ba-dật-đề. Trừ trong tăng-già-lam, hay chỗ ký túc. Nếu trong tăng-già-lam, hoặc chỗ ký túc, mà tự mình cầm nắm bảo vật, hay đồ trang sức bằng bảo vật, hoặc bảo người khác cầm, nên nghĩ như vầy: ‹Nếu sở hữu chủ nhận ra, sẽ nhận lại.› Chỉ với nhân duyên như vậy chứ không gì khác.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Vật váu: vàng, bạc, chơn châu hổ phách, xa cừ, mã não, lưu ly, bối ngọc sanh tượng.

Trang sức, bằng bảo vật: Đồng, sắt, chì, thiếc, bạch lạp; dùng các vật quí báu làm đồ trang sức.

Nếu tỳ-kheo ở trong Tăng-già-lam, hoặc trong nhà, đối với những vật báu, đồ trang sức bằng vật báu, tự tay mình cầm hay bảo người khác cầm, nên phải biết tướng trạng của cái đãy, nên biết tướng trạng của mặt trong, nên biết tướng của cách cột, nên mở đãy ra xem, để biết bao nhiêu cái dính liền với nhau, bao nhiêu cái rời ra, bao nhiêu cái vuông, bao nhiêu cái tròn, bao nhiêu cái cũ, bao nhiêu cái mới. Nếu có

người tìm hỏi thì nên hỏi họ: Vật của ngươi giống như cái gì? Nếu họ nói đúng thì trả lời cho họ. Nếu họ nói không đúng thì nên nói với họ rằng: «Tôi không thấy cái vật như vậy.» Nếu có hai người đều đến tìm hỏi thì nên hỏi: «Vật của ông hình trạng của nó như thế nào?» Nếu họ nói đúng thì nên trả lại. Nếu họ nói không đúng thì nên nói với họ rằng: «Tôi không thấy vật như vậy.» Nếu cả hai người đều nói đúng thì đem vật ấy ra trước mặt họ và nói: «Đây là vật của các người. Lấy đi.»

Nếu tỳ-kheo ở trong Tăng-già-lam hoặc trong nhà, đối với vật báu, hay đồ trang sức bằng vật báu tự tay mình cầm, hay bảo người khác cầm, hoặc không biết hình tướng của cái đãy, hình tướng của cái gói, hình tướng cách cột, thì phạm đột-kiết-la. Nếu không mở ra xem để biết bao nhiêu cái dính liền nhau, bao nhiêu cái không dính chùm với nhau, bao nhiêu cái vuông, bao nhiêu cái tròn, bao nhiêu cái mới, bao nhiêu cái cũ, thì tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu đến trong Tăng-già-lam, hoặc chỗ nghỉ đêm, đối với vật báu, đồ trang sức bằng vật báu, tự tay mình cầm, hay bảo người khác cầm; biết tướng của cái đãy, tướng của mặt trong, tướng của cách cột, mở gói ra xem, biết bao nhiêu cái dính liền với nhau bao nhiêu cái chưa dính liền với nhau, bao nhiêu cái vuông, bao nhiêu cái tròn, bao nhiêu cái mới, bao nhiêu cái cũ. Nếu hai người đều đến hỏi, thì nên hỏi: «Vật của người tình trạng thế nào?» Họ nói đúng trả lại. Nếu họ nói không đúng, nói với họ: «Tôi không thấy vật như vậy.» Nếu hai người đều nói đúng, đem vật ấy ra trước họ, nói: «Vật của các người đó. Lấy đi.» Nếu đó là các phẩm vật trang nghiêm cúng dường tháp, chùa, để giữ lâu bền, nên thu cất. Thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách[972].

---o0o---

LXXXIII. PHI THỜI VÀO XÓM[973]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích Tử vào thôn lúc phi thời, cùng các cư sĩ đánh cờ[974]. Tỳ-kheo thắng, các cư sĩ thua nên không bằng lòng, ghét nói:

«Tỳ-kheo buổi sáng vào thôn vì khất thực. Còn phi thời vào thôn, có việc gì?»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích Tử: «Sao lại vào thôn lúc phi thời, cùng đánh cờ chơi với các cư sĩ ?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà Thích Tử:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Bạt-nan-đà Thích Tử, sao ông lại vào thôn lúc phi thời, cùng đánh cờ chơi với các cư sĩ?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà Thích tử rồi bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, vào thôn lúc phi thời, ba-dật-đề.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Có tỳ-kheo hoặc vì việc của Tăng, hoặc vì việc của tháp, của chùa, hoặc vì nuôi bệnh, không biết phải làm sao? Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo có duyên sự thì phải dặn lại rồi vào tụ [693a1] lạc.»

Các tỳ-kheo không biết dặn lại ai. Đức Phật dạy:

«Nên dặn lại tỳ-kheo. Nếu ở riêng một phòng thì dặn lại tỳ-kheo ở phòng gần.»

Từ nay về sau nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào[975], hi thời vào tụ lạc mà không báo cho tỳ-kheo khác[976], ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Thời: lúc bình minh xuất hiện cho đến giữa trưa.

Phi thời: từ quá giữa trưa cho đến lúc bình minh hôm sau chưa xuất hiện.

Thôn tụ lạc[977]: có bốn loại thôn như đã nói trên.

Có tỳ-kheo: người đồng ở hay khách mới đến.

Nếu tỳ-kheo vào xóm lúc phi thời, có tỳ-kheo mà không báo lại, bắt đầu bước chân vào cửa ngõ thôn, phạm ba-dật-đề. Một chân trong cửa thôn, một chân ngoài cửa thôn, phương tiện muốn đi mà không đi, hoặc hẹn mà không đi, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: tỳ-kheo lo việc của chúng Tăng, việc chùa tháp, việc nuôi bệnh, có báo lại tỳ-kheo khác; hoặc trên đường đi qua thôn; hoặc có việc cần nói; hoặc bị gọi; hoặc bị thế lực bắt; hoặc bị trói buộc dẫn đi; hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXXIV. GIƯỜNG CAO QUÁ LƯỢNG[978]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bây giờ, tôn giả Ca-lưu-đà-di đoán biết đức Thế tôn sẽ đi qua con đường này[979], liền trải dọn giường chõng cao đẹp ngay giữa đường. Ca-lưu-đà-di từ xa trông thấy đức Thế tôn đến, bạch Phật rằng:

«Thế tôn xem giường chõng của con đây! Thiện Thệ xem giường chõng của con đây!»

Đức Thế tôn dạy:

«Nên biết, kẻ ngu si này trong lòng chứa đầy điều xấu ác.»

Đức Thế tôn vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, bảo các tỳ-kheo rằng:

«Ca-lưu-đà-di ngu si này trải dọn giường cao rộng lớn chỉ vì mình.»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, làm giường dây hay giường gỗ, chân giường chỉ cao bằng tám ngón tay của đức Như lai[980], đã trừ phần từ lỗ mộng để ráp thanh giường trở lên. Nếu quá, ba-dật-đề, phải cắt bỏ.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Giường: có năm thứ giường như trên đã nói[981].

Nếu tỳ-kheo tự làm giường dây, giường cây, bề cao của chân giường cắt rồi bằng 8 ngón tay của đức Như Lai, nếu quá, ba-dật-đề. Làm mà không thành phạm đột-kiết-la. Sai người làm, cắt xong quá tám ngón tay, ba-dật-đề, làm mà không thành phạm đột-kiết-la. Nếu vì người khác làm, thành không thành, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Làm với chiều cao bằng tám ngón tay hoặc thấp hơn tám ngón tay; người khác làm thành đem cho; cắt bỏ khúc dư rồi dùng; hoặc tháo chân bỏ thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXXV. ĐỆM BÔNG[982]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo đem nệm lớn, nệm nhỏ giường cây, giường dây, độn đâu-la-miên[983] vào trong. Các cư sĩ thấy đều cùng nhau cơ hiềm, nói: «Sa-môn Thích tử này không biết xấu hổ, không có lòng thương, đoạn mạng sống của chúng sanh. Bên ngoài tự xưng rằng tôi tu chánh pháp mà độn đâu-la-miên vào trong giường cây, giường dây, nệm lớn, nệm nhỏ, giống như quốc vương, như Đại thần. Như vậy có gì là Chánh pháp?»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm tách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao độn đâu-la-miên vào trong giường dây, giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao độn đâu-la-miên vào trong giường dây, giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ, khiến cho cư sĩ cơ hiềm?»

Quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, dùng bông đâu-la, dồn làm đệm lớn, đệm nhỏ, giường dây, giường cây, đã dồn thành, ba-dật-đề[984].

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Đâu-la: bông cây bạch dương, bông cây dương liễu, bông bồ đài.

Giường cây: có năm thứ như trên.

Giường dây: cũng có năm thứ như đã giải ở trước.

Nệm lớn: dùng để nằm.

Nệm nhỏ: dùng để ngồi.

Nếu tỳ-kheo dùng đâu-la-miên dồn vào trong giường cây, giường dây, nệm lớn, nệm nhỏ, tự mình làm mà thành ba-dật-đề; không thành, phạm đột-kiết-la. Nếu bảo người làm mà thành thì phạm ba-dật-đề, không thành phạm đột-kiết-la. Nếu vì người khác làm, thành hay không thành đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc cỏ cưu-la-da, cỏ văn nhã, cỏ ta-bà[985] hoặc dùng lông chim, kiếp bối, giẻ rách các thứ, hoặc dùng làm vật lót vai, làm gối để trên xe thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXXVI. ỐNG ĐỰNG KIM[986]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật thành La-duyệt. Bấy giờ, có người thợ[987] tin ưa Phật pháp. Vì làm ống đựng kim cho tỳ-kheo bằng các loại xương, răng, sừng… khiến cho người thợ này bỏ phế công ăn việc làm của nhà, của cải bị khánh tận, không đủ cơm ăn áo mặc.

Bấy giờ, người đời đều nói: «Người thợ này khi chưa cúng dường sa-môn Thích tử thì của cải dồi dào. Từ khi cúng dường sa-môn Thích tử đến nay, nhà bị nghèo khốn, cơm không có để ăn. Sở dĩ cúng dường, hy vọng là được phước, mà lại gặp phải tai ương!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách các tỳ-kheo: «Sao các thầy khiến ông thợ làm ống đựng kim bằng xương, ngà, sừng, đến độ họ bỏ công việc làm, của cải bị khánh tận?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Này các tỳ-kheo, sao các ông lại khiến người thợ công nghiệp làm ống đựng kim bằng xương, ngà, sừng, đến độ tài sản của họ khánh tận?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo rồi bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo

kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, dùng xương, răng[988], sừng, làm ống đựng kim, đục khoét, và làm thành, phạm ba-dật-đề[989]

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nếu tỳ-kheo tự mình đục khoét xương, ngà, sừng để làm ống đựng kim mà thành, phạm ba-dật-đề; không thành phạm đột-kiết-la. Nếu dạy người khác làm mà thành, [694a1] ba-dật-đề; không thành, đột-kiết-la. Nếu vì người khác làm, thành hay không thành đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu làm bằng sắt, bằng đồng, bằng chì, bằng thiếc, bạch lạp, tre, cây, trúc hoặc cỏ xá-la… thì không phạm. Hoặc làm chóp bịt đầu tích trượng, hoặc làm chóp bịt cán lọng, hoặc làm chóp bịt cán vá, hoặc làm móc để móc, hoặc làm dao cạo bẩn, làm cái như ý, làm khoen nút, thìa, cán gáo, câu móc y, đồ để nhỏ thuốc con mắt, đồ nạo lưỡi, cây xỉa răng, đồ móc tai, thiền trấn[990], ống xông lỗ mũi. Làm các vật dụng linh tinh trên đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXXVII. NI-SƯ-ĐÀN QUÁ LƯỢNG[991]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Ngày hôm ấy, đức Thế tôn không đi thọ thỉnh, đàn-việt đem thức ăn đến dâng.

Như thường pháp của chư Phật, ngày nào không đi thọ thỉnh Phật đi xem các phòng xá. Hôm ấy, đức Phật đến các phòng xá, thấy nhiều chỗ khác nhau ngọa cụ của chúng Tăng trải trên đất bị dính dơ bởi bất tịnh. Lúc ấy, trời sắp mưa lớn. Đức Thế tôn liền dùng thần lực khiến cho các ngọa cụ của chúng Tăng khỏi bị thấm ướt bởi nước mưa. Khi các tỳ-kheo trở về, đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, nói:

«Vừa rồi, Ta có đi xem các phòng xá, thấy nhiều chỗ khác nhau, ngoạ cụ của chúng Tăng trải trên đất bị dính dơ bởi sự bất tịnh. Lúc ấy trời sắp mưa, Ta dùng thần lực khiến cho ngọa cụ khỏi bị thấm ướt bởi nước mưa. Các ông nên biết, sự nhơ nhớp này là của người có dục, chẳng phải là người không có dục; là người sân nhuế, chẳng phải là kẻ không sân nhuế, là người si, chẳng phải là người không si. Những người ly dục, tiên nhân ngoại đạo ly dục còn không có việc này, huống chi là A-la-hán. Nếu tỳ-kheo chánh niệm không tán loạn thì ngủ cũng không có việc này, huống chi là A-la-hán. Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo, vì để ngăn che thân, ngăn che y, ngăn che ngọa cụ, cho sắm ni-sư-đàn.»

Khi đức Thế tôn cho phép sắm ni-sư-đàn, nhóm sáu tỳ-kheo liền sắm nhiều ni-sư-đàn, vừa rộng, vừa dài. Các tỳ-kheo thấy hỏi:

«Đức Thế tôn chế giới cho phép chứa ba y, không được dư, đây là y của ai?»

Nhóm sáu tỳ-kheo nói:

«Đó là ni-sư-đàn của chúng tôi.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm

sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy lại sắm nhiều ni-sư-đàn, vừa rộng vừa dài?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao các ông may ni-sư-đàn vừa rộng vừa lớn?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo xong, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, làm ni-sư-đàn, cần phải làm đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài hai gang tay, và rộng một gang tay rưỡi của Phật. Nếu quá, ba-dật-đề, phải cắt bỏ.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Khi ấy tôn giả Ca-lưu-đà-di thân hình thì lớn, ni-sư-đàn lại nhỏ; không đủ để ngồi. Tôn giả biết đức Thế tôn sẽ đi qua con đường đó, bèn đứng bên đường, lấy tay kéo ni-sư-đàn ra, muốn cho nó dài rộng thêm. Đức Thế tôn thấy Ca-lưu-đà-di lấy tay kéo ni-sư-đàn ra; biết mà Phật vẫn cố hỏi:

«Vì sao kéo ni-sư-đàn như vậy.»

Tôn giả thưa:

«Con muốn khiến cho nó dài rộng thêm, cho nên kéo như vậy.»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn nhơn việc này, vì các tỳ-kheo tùy thuận nói pháp, khen ngợi hạnh đầu đà, thiểu dục tri túc, an lạc của sự xuất ly, và bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo may ni-sư-đàn dài rộng thêm, mỗi bên nửa gang tay.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, làm ni-sư-đàn, cần phải làm cho đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài hai gang, rộng một gang tay rưỡi Phật[992]; lại thêm một bên nửa gang tay nữa làm lề. Nếu quá, ba-dật-đề, phải cắt bỏ.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Ni-sư-đàn[993]: đồ trải xuống để ngồi. Nếu tỳ-kheo làm ni-sư-đàn, chiều dài quá mức định, chiều rộng không quá; hoặc chiều rộng quá, chiều dài không quá; hay là chiều rộng cũng như chiều dài đều quá, tự mình may mà thành, ba-dật-đề. Không thành, phạm đột-kiết-la. Bảo người khác may mà thành, ba-dật-đề; không thành, đột-kiết-la. Vì người khác may, thành hay không thành đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: may đúng lượng, hoặc giảm hơn; hoặc từ người khác nhận được vật đã làm thành, cắt bỏ đúng mức định; hoặc may xấp lại thành hai lớp thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXXVIII. PHÚ SANG Y [994]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có các tỳ-kheo bị bệnh ghẻ nhọt. Các loại ghẻ phát sinh, máu mủ chảy ra nhớp thân, nhớp y, nhớp ngọa cụ. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo chứa y che ghẻ [995].»

Các tỳ-kheo sắm y che ghẻ bằng loại vải thô, nên nhiều lông dính vào mụt ghẻ, lúc gỡ ra bị đau. Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo dùng thứ vải cao giá, mềm mịn, làm y che ghẻ; rồi khoác niết-bàn-tăng lên[996]. Nếu khi đến nhà bạch y, được mời ngồi, thì nói: «Tôi có nhọt.» Nếu người chủ nói: «Thầy cứ ngồi.» Thì vén niết-bàn-tăng lên, dùng y này phủ lên trên mụt ghẻ rồi ngồi.

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo nghe đức Thế tôn cho phép may y che ghẻ bèn may nhiều y che ghẻ, vừa dài vừa rộng. Các tỳ-kheo thấy, hỏi:

«Đức Thế tôn chế giới, chỉ cho chứa ba y, không được quá. Vậy y này của ai?»

Nhóm sáu tỳ-kheo nói:

«Y che ghẻ của chúng tôi đấy!»

Các tỳ-kheo nghe, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy may nhiều y che ghẻ, vừa dài vừa rộng thế?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên

đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các ông may nhiều y che ghẻ, vừa dài vừa rộng?»

Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, làm y che ghẻ, cần phải làm đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài bốn gang, rộng hai gang tay Phật, sau khi đã cắt. Nếu quá, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Y che ghẻ: y dùng phủ lên thân khi có các loại ghẻ.

Nếu chiều dài [695a1] đúng lượng, chiều rộng không đúng lượng; hay chiều dài không đúng lượng, chiều rộng đúng lượng; hoặc cả chiều dài và chiều rộng đều không đúng lượng, tự mình may mà thành, ba-dật-đề; không thành đột-kiết-la. Bảo người may mà thành, phạm ba-dật-đề; không thành đột-kiết-la. Nếu vì người mà (may) thành không hay thành đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: may đúng lượng hoặc giảm hơn; hoặc nhận được từ người khác mà cắt may đúng lượng; hay may xấp thành hai lớp; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

LXXXIX. ÁO TẮM MƯA[997]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-xá-khư Mẫu [998] nghe đức Như Lai cho phép các tỳ-kheo may áo tắm mưa[999], liền may một số áo tắm mưa rất nhiều, sai người mang đến trong Tăng-già-lam cúng cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo nhận xong liền đem phân chia.

Đức Phật dạy:

«Loại y này không nên phân chia như vậy. Từ nay về sau, nếu nhận được y tắm mưa, theo thứ bậc Thượng tọa mà trao. Nếu không đủ thì ghi nhớ. Khi nhận được lần kế tiếp, theo thứ tự đó mà trao cho đủ.»

Sau đó, được y quý giá, theo thứ tự trao. Đức Phật dạy:

«Không nên như vậy. Nên đổi cho bậc Thượng tọa. Rồi lấy y mà Thượng tọa đã nhận trước kia, chuyển đến vị thứ tọa. Nếu không đủ hết, thì nên lấy y vật có thể phân của Tăng, đem trao cho đủ hết.»

Lúc ấy, nhóm sáu tỳ-kheo nghe đức Như Lai chế giới cho phép các tỳ-kheo may y tắm mưa, liền tự mình may nhiều y tắm mưa, vừa dài vừa rộng. Các tỳ-kheo thấy, hỏi: «Đức Như Lai chế giới, cho phép tỳ-kheo chứa ba y, không được quá. Vậy y này là y của ai?»

Nhóm sáu tỳ-kheo nói:

«Đó là y tắm mưa của chúng tôi.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy lại may nhiều tắm mưa vừa dài vừa rộng thế?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các ông may nhiều y tắm mưa vừa dài vừa rộng?»

Dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, may áo tắm mưa phải may đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài sáu gang rộng hai gang rưỡi tay Phật, sau khi đã cắt. Nếu quá, ba-dật-đề.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Áo tắm mưa: áo dùng để các tỳ-kheo mặc tắm khi trời mưa.

Nếu tỳ-kheo may áo tắm mưa bề dài không đúng lượng, bề rộng đúng lượng, hoặc bề rộng không đúng lượng, bề dài đúng lượng; hay cả bề dài và bề rộng đều không đúng lượng, tự tay mình may mà thành, ba-dật-đề; không thành, phạm đột-kiết-la. Nếu bảo người may mà thành, ba-dật-đề, không thành đột-kiết-la. Nếu vì người may, thành không thành đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: may đúng lượng hoặc giảm hơn; hay là nhận được từ người khác, cắt may đúng như pháp; hoặc may xấp lại thành hai lớp; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

XC. LƯỢNG Y NHƯ LAI[1000]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Ni-câu-loại, Thích-súy-sấu[1001]. Bấy giờ, chiều cao của Tôn giả Nan-đà thấp hơn đức Phật chỉ bốn ngón tay. Các tỳ-kheo từ xa thấy Nan-đà đến đều tưởng nhầm là đức Phật đến, nên liền đứng dậy để nghinh đón. Khi đến nơi mới biết là Nan-đà[1002]. Các tỳ-kheo đều ôm lòng xấu hổ, Nan-đà cũng xấu hổ.

Các tỳ-kheo đem việc này bạch đầy đủ lên đức Phật. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, quy định tỳ-kheo Nan-đà mặc y màu đen[1003] .»

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo may y bằng hay quá với mức lượng của đức Phật.

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy may y bằng của y đức Phật hay quá mức lượng?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo, sao các ông may y bằng hay quá mức lượng y của Như Lai?»

Dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, may bằng lượng y của Như Lai, hoặc may quá lượng đó, ba-dật-đề. Trong đây lượng y của Như Lai là dài mười gang và rộng sáu gang tay Phật. Đó gọi là lượng y của Như Lai.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Y: có mười loại như đã nói ở trên.

Nếu tỳ-kheo may y, bằng lượng y của đức Như Lai, trong đó dài không đúng lượng, rộng đúng lượng, hoặc rộng không

đúng lượng, dài lại đúng lượng, hay là cả dài và rộng đều không đúng lượng, tự mình may mà thành, phạm ba-dật-đề; không thành đột-kiết-la. Nếu bảo người may mà thành thì phạm ba-dật-đề; không thành đột-kiết-la. Nếu vì người khác may, thành hay không thành cũng phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nhận từ người khác, vật đã may thành; cắt may như pháp. Hoặc không cắt bỏ mà xấp lại may thành hai lớp. Thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

CHƯƠNG VI - ĐỀ-XÁ-NI[1004]

I. NHẬN THỨC ĂN PHI THÂN LÝ NI NƠI TỤC GIA[1005]

A. DUYÊN KHỞI

[695c17] Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ lúa gạo kham hiếm, nhân dân đói kém, người chết vô số, khất thực khó được.

Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc[1006] đến giờ khất thực đắp y bưng bát vào thành Xá-vệ khất thực. Ngày đầu nhận được thức ăn, mang đến cho tỳ-kheo. Ngày thứ hai, ngày thứ ba nhận được thức ăn, Liên Hoa sắc cũng mang đến cho tỳ-kheo.

Sau đó một thời gian, tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc mặc y bưng bát vào thành Xá-vệ khất thực. Lúc ấy có một ông trưởng giả đi xe cùng đoàn tuỳ tùng đến yết kiến Vua Ba-tư-nặc. Đám tuỳ tùng xua đuổi người dẹp đường để đoàn xe ông trưởng giả đi. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc tránh qua bên lề đường, bị sụp chân vào chỗ bùn, té úp mặt xuống đất. Ông

trưởng giả thấy, động lòng thương liền dừng xe, bảo người hầu cận ông xuống đỡ Liên Hoa Sắc đứng dậy và dìu ra khỏi chỗ bùn. Ông trưởng giả hỏi:

«Dì bị bệnh gì mà té ngã như thế?»

Liên Hoa sắc trả lời:

«Tôi không có bệnh hoạn gì cả, Chỉ vì đói nên như vậy.»

Ông trưởng giả hỏi:

«Vì sao mà đói, khất thực khó được hay chăng?»

Liên hoa sắc trả lời:

«Khất thực dễ được. Nhưng ngày thứ nhất tôi xin được, đem về cho tỳ-kheo. Ngày thứ hai, thứ ba, thức ăn tôi xin được cũng đem cho tỳ-kheo. Cho nên đói.»

[696a1] Ông trưởng giả hiềm trách, nói:

«Sa-môn Thích tử thọ nhận không biết đủ, không nhàm chán, không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Nhận thức ăn của tỳ-kheo-ni không biết chút nhường nhịn. Người cho tuy không nhàm chán nhưng người nhận phải biết đủ chứ!»

Ông trưởng giả liền dẫn tỳ-kheo-ni này về nhà. Cho tắm rửa. Giặt y phục. Bảo người nấu cháo cho ăn. Cung cấp vật cần dùng; rồi nói: «Từ nay về sau, cô cứ đến nhà tôi mà ăn. Khỏi phải đi dâu. Nếu có nhận được thêm nơi nào khác, thì tuỳ ý cho người.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách những tỳ-kheo kia rằng: «Sao các thầy nhận thức ăn nơi tỳ-kheo-ni?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức

Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo kia:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các ông lại nhận thức ăn từ tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc kia mà không biết vừa phải?»

Dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo kia rồi Phật bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, vào thôn xóm, tự mình nhận thức ăn từ tỳ-kheo-ni để ăn, tỳ-kheo ấy cần phải đối trước tỳ-kheo khác phát lồ rằng[1007]: ‹Đại đức, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại đức xin phát lồ sám hối.› Đây là pháp hối quá.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, các tỳ-kheo nghi, không dám nhận thức ăn nơi tỳ-kheo-ni bà con. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo được nhận thức ăn từ tỳ-kheo-ni bà con.»

Các tỳ-kheo bệnh lại có sự nghi, không dám nhận thức ăn từ tỳ-kheo-ni không phải bà con. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép tỳ-kheo bệnh được nhận thức ăn từ tỳ-kheo-ni chẳng phải bà con.»

Bấy giờ, các tỳ-kheo lại có sự nghi, nên khi tỳ-kheo-ni chẳng phải bà con đem thức ăn để dưới đất, không dám nhận, hoặc khiến người trao cho cũng không dám nhận, đức Phật dạy:

«Từ nay về sau, cho phép các tỳ-kheo được nhận thức ăn như vậy.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, vào thôn xóm[1008], nếu không bệnh[1009] mà tự tay nhận thức ăn từ tỳ-kheo-ni không phải thân quyến mà ăn, tỳ-kheo ấy cần phải đối trước tỳ-kheo khác[1010] phát lồ rằng: ‹Đại đức[1011], tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại đức xin phát lồ sám hối.› Đây là pháp hối quá[1012].

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Bà con và chẳng phải bà con: như trên đã giải.

Bệnh: cũng như trên.

Thức ăn: có hai loại như trên đã giải.

Tỳ-kheo kia vào trong thôn xóm, đến tỳ-kheo-ni chẳng phải bà con, nếu không có bệnh mà tự tay nhận thức ăn để ăn. Ăn như vậy, mỗi miếng phạm một ba-la-đề đề-xá-ni.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nhận thức ăn từ tỳ-kheo-ni bà con; hoặc có bệnh; hay để dưới đất mà cho; hoặc khiến người trao; hoặc cho trong Tăng-già-lam; hoặc cho ngoài thôn xóm; hay là cho trong chùa ni. Trao như vậy, nhận để ăn thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

II. THỌ THỰC DO NI CHỈ DẪN[1013]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ, Khi ấy, có số đông tỳ-kheo và nhóm sáu tỳ-kheo cùng ngồi ăn ở trong nhà bạch y[1014]. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni đòi cơm canh cho nhóm sáu tỳ-kheo, nói rằng: «Đem canh nơi vị này! Đem cơm nơi vị kia.» Còn thì bỏ qua các vị khác ở trung gian mà chỉ đem thức ăn cho sáu tỳ-kheo này thôi.

Các tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy lại ăn thức ăn do nhóm sáu tỳ-kheo-ni yêu sách?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các ông ăn thức ăn do tỳ-kheo-ni yêu sách, trong khi các tỳ-kheo khác không được?»

Dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, khi ăn trong nhà bạch y, trong đó có tỳ-kheo-ni, chỉ bảo rằng: ‹Đem canh cho vị này, dâng cơm cho vi kia.› Tỳ-kheo nên nói với tỳ-kheo-ni ấy rằng: ‹Này cô, hãy thôi đi! Hãy để yên cho các tỳ-kheo ăn xong!› Nếu không có một tỳ-kheo nào nói với tỳ-kheo-ni kia rằng: ‹Này cô, hãy thôi đi! Hãy để yên cho các tỳ-kheo ăn xong!› Tỳ-kheo cần đối trước tỳ-kheo khác mà phát lồ rằng: ‹Bạch Đại đức, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay tôi đối trước Đại đức xin phát lồ sám hối.› Đây gọi là pháp hối quá.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Trong nhà: nơi có nam nữ ở.

Thức ăn: như trên đã nói.

Tỳ-kheo kia thọ thực nơi nhà bạch y, trong đó có tỳ-kheo-ni chỉ bảo rằng: «Đem canh cho vị này! Đem cơm cho vị kia.» Tỳ-kheo kia nên nói: «Này cô, hãy thôi đi! Để yên cho các tỳ-kheo ăn xong.» Nếu không có một tỳ-kheo nào nói như vậy: «Này cô, hãy thôi đi! Để yên cho các tỳ-kheo ăn xong;» mỗi miếng ăn phạm một ba-la-đề-đề-xá-ni.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu có nói: «Này cô, hãy thôi đi! Để yên cho các tỳ-kheo ăn xong.» Nếu tỳ-kheo-ni tự mình là đàn-việt hoặc đàn-việt thiết trai nhờ tỳ-kheo-ni chiếu liệu; hoặc không có tâm thiên lệch đối với các tỳ-kheo, như vậy thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

III. THỌ THỰC TỪ HỌC GIA[1015]

A. DUYÊN KHỞI

1. ĐỆ TỬ KIẾN ĐẾ

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật tại thành La-duyệt. Khi ấy, có gia đình cư sĩ, vợ chồng đều có lòng tin, làm người đệ tử đức Phật. Thường pháp của người đệ tử chư Phật đã kiến đế[1016], đối với các tỳ-kheo không có cái gì tiếc nuối, kể cả thịt trong thân mình. Mỗi khi các tỳ-kheo đến nhà thì luôn dùng thức ăn và các vật dụng cúng dường. Cúng dường như vậy cho đến nỗi nghèo khổ, cơm áo đều thiếu thốn. Những người hàng xóm đều nói như vầy: «Gia đình kia trước đây rất giàu có, của cải dư dật. Từ khi cúng dường sa-môn Thích tử đến nay, của cải khô cạn, bần cùng đến thế. Như vậy việc cung kính cúng dường chỉ đem lại sự nghèo khổ!»

Các tỳ-kheo nghe biết, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách các tỳ-kheo: «Sao các thầy đến mãi nơi cư sĩ để nhận thức ăn và đồ cúng dường, không biết đủ, đến nỗi khiến cho của cải gia đình họ phải cạn kiệt như thế?»

Các tỳ-kheo đến [697a1] chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy

đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao các ông lại đến mãi nơi nhà cư sĩ để nhận thức ăn cúng dường, đến nỗi khiến gia đình họ nghèo túng như vậy?»

---o0o---

2. YẾT-MA HỌC GIA

Dùng vô số phương tiện quở trách các Tỳ-kheo rồi, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

«Từ nay về sau cho phép Tăng tác pháp học gia cho gia đình kia, bằng pháp bạch nhị yết-ma. Tác pháp như vầy: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, như trên mà tác bạch như vầy:

«Đại đức tăng xin lắng nghe. Trong thành La-duyệt này có một gia đình cư sĩ, cả vợ lẫn chồng đều đắc tịnh tín, làm đệ tử của Phật. Gia tài họ bị cạn kiệt. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng tác pháp yết-ma học gia, các tỳ-kheo không được đến gia đình kia nhận thức ăn mà ăn. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. Trong thành La-duyệt này có một gia đình cư sĩ, cả vợ lẫn chồng đều đắc tịnh tín, làm đệ tử của Phật. Gia tài họ bị khô kiệt. Nay Tăng trao cho pháp yết-ma học gia, các tỳ-kheo không được đến nhà đó để nhận thức ăn mà ăn. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng trao cho cư sĩ kia pháp yết-ma học gia thì im lặng. Vị nào không chấp thuận xin nói.

«Tăng đã chấp thuận trao cho cư sĩ kia pháp yết-ma học gia rồi, Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

«Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa,cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy.

Tỳ-kheo nào, đã biết là nhà học gia, Tăng đã cho pháp yết-ma học gia rồi, mà đến nhà ấy nhận thức ăn để ăn, phải đối trước các tỳ-kheo khác phát lồ rằng: ‹Thưa Đại đức, tôi phạm pháp đáng khiển trách, nay đối trước Đại đức xin phát lồ sám hối.› Đây là pháp hối quá.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Trong đó có tỳ-kheo trước có nhận sự thỉnh của gia đình, có sự nghi không dám đến. Đức Phật dạy:

«Có thỉnh trước thì cho phép đến.»

Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh không dám nhận thức ăn của học gia, đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo bệnh được nhận thức ăn nơi học gia để ăn.»

Khi ấy các tỳ-kheo thấy người cho thức ăn để thức ăn xuống đất mà cho, nghi không dám nhận. Hoặc khiến người mang cho; cũng không dám nhận. Đức Phật dạy:

«Cho phép nhận.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, nếu trước đó đã tác yết-ma học gia, đối với học gia đó, không có sự thỉnh trước, không bệnh, tự tay nhận thức ăn và ăn. Tỳ-kheo ấy cần đối trước tỳ-kheo khác phát lồ rằng: ‹Tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay tôi đối trước Đại đức, xin phát lồ sám hối.› Đây là pháp hối quá.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Học gia[1017] : là Tăng trao cho pháp bạch nhị yết-ma.

Nhà cư sĩ: như trên đã nói.

Bệnh: cũng đã nói ở trên.

Tỳ-kheo nào, học gia như vậy, trước đó Tăng đã trao cho pháp yết-ma cho họ rồi mà tỳ-kheo không được thỉnh trước lại không bệnh. Đối với trong nhà học gia như vậy mà nhận thức ăn để ăn, thì mỗi miếng ăn phạm Ba-la-đề-xá-ni.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu đã được thỉnh trước; hoặc có bệnh; hoặc để xuống đất mà cho; hoặc nhận từ nơi người khác; hoặc học gia sau khi dâng cúng tài sản vẫn còn nhiều. Thảy đều thì không phạm.

---o0o---

3. GIẢI YẾT-MA HỌC GIA

Học gia kia, tài sản có lại dồi dào, đến trong Tăng xin giải yết-ma Học gia. Các Tỳ-kheo bạch Phật. đức Phật dạy:

«Nếu tài sản của học gia có lại dồi dào, họ đến giữa Tăng, xin giải pháp yết-ma học gia thì Tăng nên tác pháp bạch nhị yết-ma, giải cho họ. Trong chúng nên sai một người có khả năng tác pháp yết-ma, như trên mà tác bạch như vầy:

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. Trong thành La-duyệt này có một gia đình cư sĩ, cả vợ lẫn chồng đều đắc tịnh tín, làm đệ tử Phật, ưa thích cúng dường nên của cải bị khánh kiệt. Trước đây Tăng đã cho pháp yết-ma học gia. Nay của cải có

lại dồi dào, họ đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma học gia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng giải pháp yết-ma học gia. Đây là lời tác bạch.

«Đại đức Tăng xin lắng nghe. Trong thành La-duyệt này có một gia đình cư sĩ, cả vợ lẫn chồng đều đắc tịnh tín, làm đệ tử Phật, ưa thích cúng dường nên của cải bị khánh kiệt. Trước đây Tăng đã cho pháp yết-ma học gia. Nay của cải có lại dồi dào, họ đến trước Tăng cầu xin giải yết-ma học gia. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng vì cư sĩ kia giải pháp yết-ma học gia thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

«Tăng đã chấp thuận vì cư sĩ kia giải pháp yết-ma học gia rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.»

Khi ấy các tỳ-kheo đều nghi không dám nhận thức ăn từ cư sĩ đã được giải yết-ma học gia, bạch Phật. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo được nhận thức ăn nơi nhà đó. Nhận như vậy không phạm.»

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

IV. THỌ THỰC NGOÀI TRÚ XỨ A-LAN-NHÃ[1018]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Ni-câu-loại, Ca-duy-la-vệ, Thích-suý-sấu. Các phụ nữ trong thành Xá-di[1019] à các phụ nữ Câu-lê[1020] cùng nhau mang thức ăn đến trong Tăng-già-lam, cúng dường.

Bấy giờ bọn giặc[1021] biết được, chận đường nhiễu hại[1022].Các tỳ-kheo nghe, đến bạch đức Thế tôn. Đức Thế tôn dạy.

«Từ nay về sau, các tỳ-kheo nên nói với các phụ nữ, ‹Đừng đi ra. Đường có bọn giặc cướp khủng bố.› Nếu họ đã ra ngoài thành thì nên nói: ‹Đừng đến Tăng-già-lam vì dọc đường có giặc khủng bố.› Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, sống tại a-lan-nhã, chỗ ở đáng nghi ngờ, có sợ hãi, không nhận thức ăn bên ngoài tăng-già-lam, mà chỉ bên trong tăng-già-lam nhận thức ăn để ăn[1023], cần đối trước tỳ-kheo khác mà phát lồ rằng: ‹Đại đức, tôi phạm pháp đáng khiển trách, nay tôi đối trước Đại đức xin phát lồ sám hối.› Đây là pháp hối quá.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, các đàn-việt biết trước là có sự khủng bố mà cố mang thức ăn đến. Các tỳ-kheo nghi không dám nhận để ăn. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo được nhận thức ăn như vậy.»

Khi ấy, các tỳ-kheo bệnh cũng nghi không dám nhận thức ăn như vậy. Đức Phật bảo:

«Từ nay cho phép các tỳ-kheo bệnh được nhận thức ăn như vậy.»

Bấy giờ, có thí chủ cúng dường bằng cách đem thức ăn để dưới đất, hoặc bảo người trao, các tỳ-kheo nghi không dám nhận. Đức Phật dạy:

«Từ nay cho phép các tỳ-kheo được nhận thức ăn như vậy.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, sống nơi a-lan-nhã, xa xôi hẻo lánh, chỗ đáng nghi, có sợ hãi. Tỳ-kheo sống tại trú xứ a-lan-nhã như vậy,

trước không nói cho đàn-việt biết[1024], không thọ nhận thức ăn bên ngoài Tăng-già-lam. Trái lại, không bệnh mà ở bên trong Tăng-già-lam, tự tay nhận thức ăn để ăn, tỳ-kheo ấy cần phải đến đối trước tỳ-kheo khác mà phát lồ rằng: ‹Đại đức, tôi phạm pháp đáng khiển trách. Nay tôi đối trước Đại đức xin phát lồ sám hối.› Đây là pháp hối quá.

---o0o---

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Chỗ a-lan-nhã: là nơi cách thôn năm trăm cung. Cung là cách đo của nước Giá-ma-la.

Nghi có sự khủng bố: là nghi có giặc trộm cướp, khủng bố.

Bệnh: như trên đã nói.

Nếu tỳ-kheo a-lan-nhã ở chỗ xa vắng như vậy, trước không nói với đàn-việt, không nhận thức ăn ngoài Tăng-già-lam mà nhận trong Tăng-già-lam, không bệnh, tự tay nhận lấy thức ăn để ăn; mỗi miếng ăn phạm ba-la-đề-đề-xá-ni.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: trước có nói với đàn-việt; hoặc có bệnh; hoặc để dưới đất mà trao; hoặc bảo người trao; hoặc khi đến thọ giáo sắc, lúc thính pháp, tỳ-kheo tự có thức ăn riêng nay trao cho; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

CHƯƠNG VII - THỨC-XOA-CA-LA-NI[1025]

Điều 1[1026]

[698a9] Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo mặc niết-bàn-tăng[1027], có lúc mặc thấp, có lúc mặc cao[1028], hoặc làm như vòi con voi, hoặc như lá cây đa-la, hoặc có lúc xếp nhỏ lại. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử này không biết xấu hổ. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Sao lại bận niết-bàn-tăng khi thì thấp, khi thì cao, khi thì làm như vòi con voi, khi thì làm như lá cây đa-la, khi thì xếp nhỏ lại, giống như quốc vương, trưởng giả, Đại thần, cư sĩ; giống như những ngày tiết hội, người trong phường chèo mặc y để làm trò?»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy lại bận niết-bàn-tăng khi thì thấp, khi thì cao, khi thì làm như vòi con voi, khi thì làm như lá cây đa-la, khi thì xếp nhỏ lại?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Sao các ông lại bận niết-bàn-tăng khi thì thấp, khi thì cao, khi thì làm như vòi con voi, khi thì làm như lá cây đa-la, khi thì xếp nhỏ lại?»

Dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo

kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Phải bận niết-bàn-tăng cho tề chỉnh[1029], thức-xoa-ca-la-ni[1030].

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Trong đó, bận không tề chỉnh, có nghĩa là khi bận thấp, khi bận cao, hoặc làm như vòi con voi, hoặc làm như lá cây đa-la, hoặc xếp nhỏ lại.

- Bận thấp: cột dây lưng dưới rốn, cao là trên đầu gối.

- Vòi con voi: phía trước thòng xuống một góc.

- Lá cây đa-la: phía trước thòng xuống hai góc.

- Xếp nhỏ lại: xếp nhỏ quấn quanh eo lưng nhăn nhó.

Tỳ-kheo bận niết-bàn-tăng cao hay thấp hoặc làm như cái vòi con voi, hoặc làm như lá cây đa-la, hoặc xếp nhỏ lại. Cố ý làm, phạm đột-kiết-la cần phải sám[1031]. Do cố ý làm cho nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la[1032]. Nếu không cố ý làm thì chỉ phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có khi bệnh như vậy, trong rốn sanh ghẻ nhọt nên phải mặc thấp, nơi ống chân có ghẻ nên phải mặc cao, hoặc trong Tăng-già-lam, hoặc bên ngoài thôn xóm, hoặc lúc làm việc, hoặc khi đi đường thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 2[1033]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo quấn y[1034], hoặc quấn cao, hoặc quấn thấp, hay làm như vòi con voi, hoặc làm như lá cây đa-la, hoặc xếp nhỏ lại. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử này không biết xấu hổ. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Sao lại quấn y khi thì thấp, khi thì cao, khi thì làm như vòi con voi, khi thì làm như lá cây đa-la, khi thì xếp nhỏ lại, giống như Quốc vương, trưởng giả, Đại thần, cư sĩ?»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy quấn ba y khi cao, khi thấp, hoặc làm như vòi con voi, hoặc làm như là cây đa-la, hoặc có khi xếp nhỏ lại?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông quấn y khi cao, khi thấp, hoặc làm như vòi con voi, hoặc làm như lá cây đa-la, hay có lúc xếp nhỏ lại?»

Dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Phải quấn ba y cho tề chỉnh[1035], thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Trong đây, không tề chỉnh: có nghĩa là khi quấn cao, khi mặc thấp, hoặc làm như vòi con voi, hoặc làm như lá cây đa-la, hoặc có lúc xếp nhỏ lại.

Quấn thấp: thòng xuống quá khủy tay, trống bên hông.

Quấn cao: quấn cao quá ống chân.

Làm như vòi con voi: thòng xuống một góc.

Như là cây đa-la: bên trước thòng xuống hai góc, bên sau vén cao lên.

Xếp nhỏ lại: là xếp nhỏ làm thành viền của y.

Nếu tỳ-kheo cố ý quấn cao, quấn thấp, làm thành vòi con voi, làm thành là cây đa-la, hoặc có khi xếp nhỏ lại, cố ý làm thì nên sám đột-kiết-la. Do cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm thì chỉ phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc bị bệnh như vậy, hoặc nơi vai, nơi cánh tay có ghẻ phải mặc thấp, hay nơi ống chân có ghẻ nên phải mặc cao, hoặc ở trong Tăng-già-lam, hay bên ngoài thôn xóm, hoặc trên đường đi, hay lúc lao tác… thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 3[1036]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo vắt ngược ba y mà đi vào nhà bạch y[1037]. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử này không biết tàm quý. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như thế có gì là chánh pháp? Tại sao vắt ngược y đi vào nhà bạch y, giống như quốc vương, Đại thần, trưởng giả, cư sĩ?»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy vắt ngược y đi vào nhà bạch y?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông vắt ngược y đi vào nhà bạch y?»

Dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không vắt ngược y đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni[1038].

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nhà bạch y: chỉ cho thôn xóm.

Vắt ngược y: hoặc vắt ngược y hai bên tả và hữu lên trên vai. Nếu tỳ-kheo cố ý vắt ngược y bên tả và bên hữu lên trên vai đi vào nhà bạch y, cố ý làm nên sám đột-kiết-la. Do vì cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm thì chỉ phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có bệnh như vậy, hoặc bên hông có ghẻ, hoặc ở trong Tăng-già-lam, hoặc ngoài thôn xóm, hoặc trên đường đi, hay lúc làm việc thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 4

Không vắt ngược y khi ngồi trong nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni. (như trên)[1039]

---o0o---

Điều 5

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo lấy y quấn cổ vào nhà bạch y, các cư sĩ thấy, cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn mới lấy y quấn cổ đi vào nhà bạch y, như quốc vương, Đại thần, trưởng giả, cư sĩ.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy quấn y nơi cổ vào nhà bạch y?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên

đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Các ông làm ĐiỀU sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tuỳ thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các ông lấy y quấn nơi cổ vào nhà bạch y?»

Dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không quấn y nơi cổ khi đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Quấn vào cổ: nắm hai chéo y quấn trên vai tả.

Cố ý lấy y quấn vào cổ đi vào nhà bạch y, phạm tội nên sám đột-kiết-la. Do cố ý làm nên phạm tội phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm thì chỉ phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc là bị bệnh như vậy, có ghẻ trên vai, hoặc ở trong Tăng-già-lam hay ngoài xóm làng, hoặc khi làm việc hay lúc đi đường thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 6

Không quấn y nơi cổ khi ngồi nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni. (như trên)

---o0o---

Điều 7[1040]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo lấy y trùm lên đầu, vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì gọi là chánh pháp? Tại sao lấy y trùm đầu đi như kẻ trộm.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy lấy y trùm lên đầu vào nhà bạch y?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông lấy y trùm lên đầu vào nhà bạch y?»

Dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, Phật bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không trùm đầu khi đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni[1041].

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nhà bạch y: là thôn xóm.

Trùm đầu: hoặc lấy lá cây, [699a1] hay dùng vật xé thành mảnh, hoặc dùng y trùm trên đầu đi vào nhà bạch y.

Cố ý phạm nên sám đột-kiết-la. Do cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm thì chỉ phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc bị bệnh như vậy, hoặc bị lạnh trên đầu, hoặc có ghẻ trên đầu, hay mạng nạn, phạm hạnh nạn phải trùm đầu để chạy thì không phạm,

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 8

Không trùm đầu khi vào nhà bạch y mà ngồi, thức-xoa-ca-la-ni. (như trên)[1042]

---o0o---

Điều 9

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo nhún nhảy[1043] đi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Nhún nhảy đi vào nhà như con chim sẻ?»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy nhún nhảy nhảy vào nhà bạch y?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Sao các ông lại nhún nhảy nhảy vào nhà bạch y?»

Dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này,[700a1] là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không nhảy nhót[1044] khi đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nhà bạch y: cũng như trên.

Nhảy nhót đi: hai chân nhảy.

Tỳ-kheo cố ý nhảy nhót đi vào nhà bạch y, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm thì chỉ phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc bệnh như vậy; hoặc bị người đánh; hoặc có giặc, hoặc có ác thú, hoặc bị chông gai, hoặc lội qua rảnh, qua hầm, qua chỗ bùn lầy phải nhảy đi; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 10

Không nhảy nhót vào nhà bạch y ngồi, thức-xoa-ca-la-ni. (như trên)

---o0o---

Điều 11

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh chúng Tăng sáng ngày mai về nhà thọ thực. Đêm ấy cư sĩ chuẩn bị đầy đủ thức ăn ngon bổ. Sáng sớm đến báo giờ đã đến.

Bấy giờ các tỳ-kheo đắp y bưng bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Nhóm sáu tỳ-kheo ngồi chồm hổm tại nhà bạch y. Tỳ-kheo ngồi gần dùng tay đụng vào người, nhóm sáu tỳ-kheo té ngữa lộ hình. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Ngồi chồm hổm trong nhà giống như bà-la-môn lõa hình.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy lại ngồi chồm hổm trong nhà bạch y?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên

đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông ngồi chồm hổm trong nhà bạch y?»

Dùng vô số phương tiện quở trách rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không ngồi chồm hổm trong nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni[1045].

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nhà bạch y: cũng như trên.

Ngồi chồm hổm: ở trên đất hay ở trên giường mà mông không chạm đất.

Tỳ-kheo cố ý ngồi chồm hổm trong nhà bạch y, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm thì chỉ phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có bệnh như vậy; hoặc bên mông có ghẻ; hoặc có đưa vật gì, hoặc lễ bái, sám hối, hoặc thọ giáo giới; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 12[1046]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo chống nạnh tay đi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Vênh váo đắc chí giống như người đời mới cưới vợ!›

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: ‹Sao các thầy chống nạnh tay đi vào nhà bạch y?›

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông chống nạnh tay đi vào nhà bạch y?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không chống nạnh khi đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nhà bạch y: như đã nói ở trên.

Chống nạnh: lấy tay chống lên hông thành góc vuông.

Nếu tỳ-kheo cố ý chống nạnh đi vào nhà bạch y, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm thì chỉ phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có bệnh như vậy; hay dưới hông có sanh ghẻ; hoặc ở trong Tăng-già-lam hay ngoài xóm làng; hoặc lúc làm việc, hay trên đường đi; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 13

Không chống nạnh khi ngồi trong nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

Tay chống lên hông, khuỷ tay thành góc vuông, khi ngồi trong nhà bạch y, trở ngại người ngồi kế, cũng như vậy.

---o0o---

Điều 14[1047]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo đi lắc lư[1048] khi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh

pháp? đi lắc lư khi vào nhà bạch y, giống như Quốc vương, Đại thần!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Tại sao các thầy lắc lư thân mình đi vào nhà bạch y?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông đi lắc lư khi vào nhà bạch y?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không lắc lư thân mình khi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nhà bạch y: cũng nghĩa như trên.

Đi lắc lư: thân nghiêng bên tả, bên hữu khi rảo bước.

Nếu tỳ-kheo cố làm cho thân lắc lư, nghiêng bên tả bên hữu, rảo bước vào nhà bạch y, phạm [701a1] đột-kiết-la cần phải

sám. Do bởi cố tâm làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố tâm làm thì chỉ phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc vì bị chứng bệnh như vậy; hoặc bị người đánh phải nghiêng mình để tránh; hoặc voi dữ đến; hoặc bị giặc, sư tử, ác thú tấn công, hoặc gặp người vác gai. Những trường hợp như vậy phải nghiêng mình để tránh. Hoặc lội qua hầm, qua mương, qua vũng bùn, cần nghiêng thân để lướt qua. Hoặc khi mặc y, xoay nghiêng mình để nhìn xem y có tề chỉnh không, có cao thấp không, có như cái vòi con voi không, có như lá cây đa-la không, có xếp nhỏ lại hay không. Vì vậy mà phải xoay mình để xem. Thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 15

Không lắc lư thân mình khi ngồi trong nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni. (như trên)

---o0o---

Điều 16 [1049]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo vung cánh tay[1050] khi đi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Đi đánh đòng xa khi vào nhà bạch y giống như quốc vương, Đại thần, trưởng giả.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy đi đánh đòng xa khi vào nhà bạch y?»

Quở trách rồi, tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông khoác tay khi đi vào nhà bạch y?»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không vung cánh tay khi đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Vung cánh tay: thòng cánh tay đưa ra trước bước đi.

Nếu tỳ-kheo cố đánh đòng xa đi vào nhà bạch y, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố tâm thì chỉ phạm đột-Kiết-La mà thôi.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc bị chứng bệnh nào đó; hoặc bị người đánh đưa tay chận lại; hoặc gặp voi dữ đến, hoặc sư tử, ác thú, trộm cướp, người vác gai chạy lại nên phải đưa tay chận lại. Hoặc lội qua sông, nhảy qua hầm nước, vũng bùn, hoặc bạn cùng đi không kịp, lấy tay ngoắt kêu. Thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 17

...ngồi. (cũng như trên)

---o0o---

Điều 18[1051]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo không khéo che kín thân đi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Mặc y phục không khéo che kín thân đi vào nhà bạch y, giống như bà-la-môn.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy không khéo che kín thân đi vào nhà bạch y?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh

tùy thuận, làm ĐIỀU không nên làm. Tại sao các ông mặc y không khéo che thân, đi vào nhà bạch y?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Phải che kín thân thể khi đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nhà bạch y: tức xóm làng.

Không khéo che kín thân: là trống trước trống sau.

Nếu tỳ-kheo cố tâm không khéo che thân, đi vào nhà bạch y, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố tâm làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu cố tâm làm thì chỉ phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc bệnh như vậy; hoặc bị trói hay bị gió thổi bay y lìa thân thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 19

...ngồi, (cũng như trên).

---o0o---

Điều 20[1052]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo liếc ngó hai bên khi đi vào nhà bạch y, các cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Như kẻ trộm rình người, liếc ngó hai bên khi đi vào nhà bạch y.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy liếc ngó hai bên khi đi vào nhà bạch y?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông liếc ngó hai bên khi đi vào nhà bạch y?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không liếc ngó hai bên khi đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Nhà bạch y: nơi xóm làng.

Liếc ngó hai bên: nhìn quanh nhìn quất.

Nếu tỳ-kheo cố ý liếc ngó hai bên, đi vào nhà bạch y phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, Sa-di ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc bị bệnh như vậy; hay vì ngước mặt xem thời tiết; hoặc mạng nạn, phạm hạnh [702a1] nạn phải ngó mọi hướng để tìm cách thoát thân; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 21

...ngồi, (cũng như trên).

---o0o---

Điều 22[1053]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo lớn tiếng kêu réo, khi đi vào nhà bạch y. Các cư sĩ nghe thấy cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có

gì là chánh pháp? Kêu la lớn tiếng giống như chúng bà-la-môn!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy kêu la lớn tiếng khi vào nhà bạch y?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông lớn tiếng cao giọng khi vào nhà bạch y?»

Lúc bấy, giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Phải yên lặng[1054] khi đi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Trong đây, không yên lặng, là lớn tiếng cao giọng. Hoặc dặn dò, hoặc lớn tiếng thí thực. Nếu tỳ-kheo cố ý cao tiếng lớn giọng, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh như vậy; hoặc điếc không nghe tiếng nói phải lớn tiếng kêu, hoặc cao tiếng dặn dò, hoặc cao tiếng thí thực, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, cao giọng để tẩu thoát thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 23

... ngồi, (cũng như trên).

---o0o---

Điều 24[1055]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo cười giỡn khi đi vào nhà bạch y. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Vừa đi, vừa cười giỡn khi vào nhà bạch y, giống như con khỉ đột!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Tại sao các Thầy vừa đi vừa cười giỡn khi vào nhà bạch y?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn, Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông vừa đi vừa cười giỡn khi vào nhà bạch y?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được cười giỡn khi vào nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Cười cợt: cười để lộ răng.

Nếu tỳ-kheo cố ý cười cợt khi đi vào nhà bạch y thì phạm nên sám đột-kiết-la. Do bởi cố ý làm nên phạm oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm thì phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-Kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh như vậy; hoặc môi bị đau không phủ được răng; hoặc nghĩ đến pháp, hoan hỷ mà cười; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 25

... ngồi, (cũng như trên).

---o0o---

Điề 26[1056]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ mời chúng Tăng sáng mai thọ thực. Đêm ấy, cư sĩ chuẩn bị đủ các thức ăn ngon bổ, sáng ngày đến thỉnh chúng tăng thọ thực.

Đến giờ, các tỳ-kheo mặc y bưng bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Chính tay cư sĩ sớt thức ăn đến chư Tăng. Nhóm sáu tỳ-kheo không chú ý khi nhận thức ăn, nên cơm canh bị rơi rớt. Cư sĩ thấy vậy, cùng nhau bàn nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Sao lại không chú ý khi nhận thức ăn, nhận nhiều với tâm tham, như thời đói kém!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Tại sao các thầy không để ý khi nhận thức ăn?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông không chú ý khi nhận thức ăn, để cơm canh bị rơi rớt?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Phải dụng ý khi nhận thức ăn, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo kia không dụng ý nhận thức ăn, để thức ăn bị rơi rớt, nếu cố tâm không để ý khi nhận thức ăn, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố tâm làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố tâm thì phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh như vậy; hoặc bát nhỏ nên khi nhận ăn rơi rớt; hoặc rớt trên bàn; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 27[1057]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ mời chúng Tăng sáng ngày thọ thực. Trong đêm chuẩn bị các thức ăn đầy đủ, sáng sớm đến thỉnh chúng Tăng đi thọ thực.

Đến giờ, các tỳ-kheo đắp y, bưng bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Chính tay cư sĩ sớt cơm canh đến chư Tăng. Nhóm sáu tỳ-kheo nhận thức ăn đầy tràn cả bát, làm đổ cơm canh. Cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Nhận [703a1] thức ăn đầy tràn cả bát, giống như những người đói ham nhiều.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy nhận thức ăn đầy tràn cả bát, làm đổ cơm canh?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở rách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông nhận thức ăn đầy tràn cả bát, làm đổ cơm canh?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Thọ nhận thức ăn vừa ngang bát, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Không ngang bằng bình bát: có nghĩa là đầy tràn.

Nếu tỳ-kheo cố ý nhận thức ăn không ngang bằng bình bát, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: ban đầu chưa chế giới, si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách; hay có bệnh, hoặc bát nhỏ, hoặc thức ăn rơi trên bàn.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 28[1058]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh chúng Tăng sáng ngày thọ thực. Trong đêm sắm sửa đầy đủ các thức ăn, sáng sớm đến báo chư Tăng giờ thọ thực.

Đến giờ, các tỳ-kheo mặc y bưng bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Chính tay của cư sĩ sớt thức ăn đến chư Tăng. Nhóm sáu tỳ-kheo nhận cơm quá nhiều, không còn chỗ để chứa canh, cư sĩ thấy vậy, cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Nhận thức ăn quá nhiều không còn chỗ để nhận canh, giống như người đói khát tham ăn!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy nhận cơm quá nhiều, không còn chỗ để nhận canh?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo.

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông nhận cơm quá nhiều đến nỗi không còn chỗ để chứa canh?»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Thọ nhận canh vừa ngang bát[1059], thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo cố ý nhận canh không ngang bằng với bình bát, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc vì có chứng bệnh như vậy, hoặc là cái bát nhỏ nên đổ thức ăn trên bàn, hoặc thọ ngang bằng với bát thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 29[1060]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ mời chúng Tăng thọ thực vào sáng ngày mai. Trong đêm chuẩn bị các thức ăn ngon bổ, sáng sớm đến báo chư tăng giờ thọ thực.

Đến giờ, các tỳ-kheo mặc y, bưng bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Chính tay cư sĩ sớt thức ăn, cơm và canh đến

chư Tăng. Khi cư sĩ sớt cơm xong, vào trong nhà bưng canh. Canh bưng đến thì có tỳ-kheo đã ăn hết cơm.

Cư sĩ hỏi:

«Cơm đâu rồi?»

Tỳ-kheo trả lời:

«Tôi ăn hết rồi.»

Cư sĩ sớt canh rồi, lại vào nhà bưng cơm. Cơm bưng ra thì canh đã ăn hết.

Cư sĩ hỏi:

«Canh đâu rồi?»

Tỳ-kheo trả lời:

«Tôi ăn hết rồi.»

Cư sĩ bèn cơ hiềm, nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Cơm đến, canh chưa đến; đã ăn hết cơm. Canh đến, cơm chưa hết đã ăn hết canh. Giống như người đói khát!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy nhận thức ăn, canh chưa đến cơm đã ăn hết; canh đến cơm chưa đến, canh đã ăn hết?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh

tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông nhận cơm, canh chưa đến cơm ăn đã hết; canh đến, cơm chưa đến, canh đã ăn hết?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Ăn cơm và canh đồng đều, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Không bằng nhau có nghĩa là cơm đến, canh chưa đến, cơm đã hết. Canh đến, cơm chưa đến, canh đã hết. Tỳ-kheo cố ý ăn cơm canh không đều nhau, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm thì phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, Sa-di ni. đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh như vậy; hoặc lúc cần cơm không cần canh, hay là cần canh không cần cơm. Hoặc gần quá giữa ngày, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn cần ăn mau. Thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 30[1061]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ mời chúng Tăng sáng ngày mai thọ thực. Trong đêm sửa soạn đầy đủ các thức ăn ngon bổ, sáng sớm đến báo chư Tăng giờ thọ thực.

Đến giờ, các tỳ-kheo đắp y bưng bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Tự tay cư sĩ sớt thức ăn đến chư Tăng. Nhóm sáu tỳ-kheo không theo thứ tự lấy thức ăn để ăn[1062]. Các cư sĩ thấy cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Không theo thứ tự nhận thức ăn để ăn; ăn giống như heo, chó; ăn giống như lừa, bò, chim, quạ.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, [704a1] ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: ‹Sao các thầy không theo thứ tự lấy thức ăn để ăn?›

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông không theo thứ tự để lấy thức ăn?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa,cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Theo thứ tự mà ăn[1063], thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Không theo thứ tự có nghĩa là trong bát chỗ nào cũng moi để lấy thức ăn. Tỳ-kheo kia cố ý làm, không theo thứ tự lấy thức ăn để ăn, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di ni. đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh như vậy, hoặc sợ nóng nên moi lấy chỗ nguội để ăn, hoặc sắp quá giữa trưa, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn nên cần ăn vội; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 31[1064]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh chúng Tăng sáng ngày mai cúng dường các thức ăn ngon. Trong đêm chuẩn bị đầy đủ, sáng sớm đến mời chư Tăng đi thọ thực.

Đến giờ, các tỳ-kheo đắp y mang bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Chính tay cư sĩ sớt thức ăn đến chư Tăng. Nhóm sáu tỳ-kheo nhận thức ăn bằng cách moi trống giữa bình bát. Cư sĩ thấy cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Nhận thức ăn giống như bò, lừa, lạc đà, heo, chó, chim quạ không khác!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các Thầy lại moi trống giữa bát để ăn?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Phật một cách đầy đủ. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông thọ thực lại moi một lỗ trống giữa bát để ăn?»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không nên moi giữa bát[1065] mà ăn, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Moi giữa bát mà ăn: nghĩa là để chừa xung quanh mà khoét chính giữa bát xuống tới đáy.

Tỳ-kheo kia cố ý moi giữa bát để ăn, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh như vậy, hoặc sợ nóng nên moi chính giữa cho nguội, hoặc quá giữa trưa,

hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, cần ăn gấp nên khoét giữa để ăn thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 32[1066]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ mời chúng Tăng sáng ngày mai cúng dường các thức ăn tốt. Trong đêm sửa soạn đủ rồi, sáng sớm đến thỉnh chư Tăng thọ thực.

Đến giờ, các tỳ-kheo mặc y bưng bát tới nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Chính tay cư sĩ sớt thức ăn ngon đến chư Tăng. Nhóm sáu tỳ-kheo tự mình yêu sách thức ăn như kẻ đói khát. Cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp?»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các Thầy yêu sách thức ăn cho mình?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn, Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông yêu sách thức ăn cho mình?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được yêu sách thức ăn cho mình, thức-xoa-ca-la-ni.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, có các tỳ-kheo bệnh, nghi không dám vì mình yêu cầu thức ăn, cũng không dám vì người khác yêu cầu thức ăn; người khác yêu cầu thức ăn đem cho cũng không dám ăn. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo bệnh được vì mình yêu cầu thức ăn, vì người khác yêu cầu, hoặc người khác vì mình yêu cầu, thì được ăn.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, không bệnh, không được vì mình yêu sách cơm canh, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo kia không bệnh, cố ý tự mình đòi hỏi cơm, canh, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: vì bệnh nên tự đòi, hoặc vì người khác hay người khác vì mình mà đòi, hoặc không đòi hỏi mà tự được thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 33[1067]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh chúng Tăng cúng dường các thứ cơm canh vào ngày mai. Tối đó sửa soạn đủ mọi thứ, sáng ngày đến mời chư tăng đi thọ thực.

Đến giờ, các tỳ-kheo mặc y bưng bát tới nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Cư sĩ đích thân tự tay sớt cơm canh đến chư Tăng. Khi ấy cư sĩ đem canh đến sớt vào bát cho một tỳ-kheo trong nhóm sáu tỳ-kheo rồi, ghi nhớ theo thứ tự để lấy canh sớt tiếp. Sau đó tỳ-kheo này lấy cơm phủ lên trên canh. Khi trở lại, cư sĩ hỏi: «Canh đâu rồi?» Tỳ-kheo nín thinh. Cư sĩ liền cơ hiềm, nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. [705a1] Như vậy có gì là chánh pháp? Lấy cơm phủ lên trên canh, giống như người đói khát!»

Các tỳ-kheo nghe rồi đều hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy thọ thực lại lấy cơm phủ lên canh, mong được nhận canh thêm?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông lấy cơm phủ lên canh để mong nhận thêm canh?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được dùng cơm che lấp canh, thức-xoa-ca-la-ni.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Có tỳ-kheo được mời ăn, canh làm nhớp tay, nhớp bát, nhớp khăn tay. Nên có sự nghi, không dám dùng cơm phủ lên canh. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép khi được mời ăn thì không phạm.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được dùng cơm che lấp canh để mong được thêm[1068], thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo cố ý dùng cơm phủ lên canh, mong nhận được thêm canh, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố tâm làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Hoặc mắc phải chứng bệnh như vậy, hoặc được mời ăn; hoặc khi chỉ cần canh hay chỉ cần cơm; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 34[1069]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ mời các tỳ-kheo sáng mai cúng dường cơm canh và các thức ăn ngon. Trong đêm sửa soạn đầy đủ, sáng sớm đến thỉnh chư Tăng đến thọ thực.

Các tỳ-kheo mặc y mang bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Cư sĩ đích thân tự tay sớt cơm canh và các thức ăn ngon đến chư Tăng. Trong nhóm sáu tỳ-kheo có một vị nhận được phần ăn ít, thấy vị ngồi gần nhận được nhiều, liền nói với cư sĩ:

«Nay ông thỉnh Tăng đến thọ thực, tuỳ ý ông muốn sớt ai nhiều thì sớt, muốn sớt ai ít thì sớt phải không? Ông là một cư sĩ có thiên vị.»

Cư sĩ trả lời:

«Tôi sớt thức ăn với tâm niệm bình đẳng, tại sao nói tôi có thiên vị?»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao các thầy liếc hai bên nhìn vào bát của người ngồi cạnh?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông liếc hai bên nhìn vào bát người ngồi cạnh để biết nhiều hay ít?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không liếc nhìn vào trong bát người ngồi bên cạnh sanh tâm tỵ hiềm[1070], thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Trong đây, liếc nhìn vào bát người ngồi cạnh là để biết ai nhiều ai ít. Tỳ-kheo cố ý liếc nhìn vào trong bát người ngồi cạnh để biết nhiều ít, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di ni đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc bệnh như vậy, hoặc tỳ-kheo ngồi gần bị bệnh, hoặc mắt bị mờ, ngó để biết họ nhận được thức ăn hay chưa, tịnh hay bất tịnh, thọ hay chưa thọ, như vậy thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 35[1071]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh Tăng tỳ-kheo sáng ngày mai cúng dường các thức ăn ngon. Trong đêm ấy sửa soạn đầy đủ, sáng sớm đến mời chư Tăng đi thọ thực.

Các tỳ-kheo mặc y mang bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Cư sĩ đích thân tự tay sớt thức ăn đến chư Tăng. Có vị

tỳ-kheo trong nhóm sáu tỳ-kheo nhận cơm canh rồi, nhìn ngó chung quanh. Bất ngờ tỳ-kheo ngồi cạnh lấy phần canh của vị ấy dấu. Vị tỳ-kheo nhìn lại không thấy canh, hỏi:

«Phần canh tôi vừa nhận đâu rồi?»

Vị Tỳ-kheo ngồi gần nói:

«Thầy đi đâu mới lại hay sao?»

Vị kia trả lời:

«Tôi ngồi đây, để canh trước mặt, mắt nhìn ngó hai bên thì phần canh đâu mất!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao thầy nhận canh rồi lại nhìn ngó hai bên?»

Các Tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Sao ông nhận cơm canh rồi, nhìn ngó hai bên?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Phải chú tâm vào bát mà ăn, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Không chú tâm nơi bình bát, có nghĩa là nhìn ngó hai bên. Tỳ-kheo cố ý không chú tâm nơi bát, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc bệnh như vậy; hoặc tỳ-kheo ngồi cạnh bị bệnh; hoặc mắt bị mờ; vì để nhận thức ăn mà xem ngó, tịnh bất tịnh, được chưa được, thọ chưa thọ; hay xem coi thời giờ; hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn cần xem ngó hai bên để trốn thoát; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 36[1072]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh các tỳ-kheo sáng ngày mai cúng dường thức ăn ngon bổ. Trong đêm ấy, chuẩn bị đầy đủ, sáng sớm đến mời chư Tăng thọ thực.

Các tỳ-kheo mặc y bưng bát đến nhà cư sĩ an tọa nơi chỗ ngồi. Cư sĩ đích thân tự tay sớt thức ăn đến chư Tăng. Nhóm sáu tỳ-kheo vắt nắm cơm lớn, miệng không đủ chứa. Cư sĩ thấy cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, thọ nhận không biết nhàm chán. Ăn giống như heo, chó, lạc đà, lừa, bò, chim, quạ.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao lại vắt nắm cơm lớn như thế?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông vắt năm cơm lớn như thế?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được ăn vắt cơm lớn, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo: nghĩa như trên.

Vắt lớn: tức là miệng không chứa hết.

Tỳ-kheo cố ý vắt cơm lớn, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc chứng bệnh như vậy, hoặc thời giờ muốn quá giữa ngày, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, cần ăn gấp; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 37[1073]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh các tỳ-kheo thọ thực vào sáng mai với những thức ăn ngon. Trong đêm, sửa soạn đầy đủ, sáng sớm đến mời các tỳ-kheo thọ thực.

Các tỳ-kheo mặc y mang bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Cư sĩ đích thân tự tay sớt thức ăn đến chư Tăng. Nhóm sáu tỳ-kheo nhận thức ăn để ăn. Trong khi thức ăn chưa vào miệng đã hả lớn miệng để đợi. Cư sĩ thấy vậy cơ hiềm, nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Tại sao thức ăn chưa đến mà đã hả lớn miệng để chờ? Ăn giống như heo, chó, lạc đà, bò, lừa, chim, quạ!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Tại sao các thầy hả lớn miệng để đợi ăn?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông hả lớn miệng chờ thức ăn?»

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không há miệng lớn đợi cơm mà ăn, thức-xoa-ca-la-ni.

Hả lớn miệng: vắt cơm chưa đến mà đã hả lớn miệng trước để đợi.

Tỳ-kheo cố ý hả lớn miệng đợi vắt cơm, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc chứng bệnh nào đó; hoặc thời giờ sắp quá giữa ngày; hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, cần ăn vội; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 38[1074]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh chúng tăng cúng dường cơm canh, các thức ăn tốt vào sáng ngày mai. Trong đêm lo chuẩn bị đầy đủ, sáng sớm đến mời chư Tăng thọ thực.

Các tỳ-kheo mặc y bưng bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Cư sĩ đích thân tự tay sớt thức ăn để cúng dường. Nhóm sáu tỳ-kheo vừa ngậm thức ăn vừa nói chuyện. Các cư sĩ cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử này không biết xấu hổ, thọ nhận không nhàm chán. Tại sao vừa ngậm thức ăn vừa nói chuyện? Ăn tuồng như heo, chó, lạc đà, chim, quạ!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu

tỳ-kheo: «Tại sao các Thầy vừa ngậm thức ăn vừa nói chuyện?»

Các tỳ-kheo đến bạch đức Thế tôn, Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao các ông ngậm thức ăn nói chuyện?»

Lúc bấy giờ đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các tỳ-kheo:

«Những kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được ngậm cơm mà nói, thức-xoa-ca-la-ni.

Ngậm thức ăn nói chuyện: thức ăn ở trong miệng thì lời nói không rõ, người nghe không hiểu. Nếu tỳ-kheo cố ý ngậm thức ăn nói chuyện, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Không cố ý, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có chứng bệnh như vậy; hoặc bị nghẹn, kêu nước; hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn mà lên tiếng khi đang ăn; không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 39[1075]

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh các tỳ-kheo cúng dường cơm canh và các thức ăn tốt vào sáng ngày mai. Trong đêm, sửa soạn đầy đủ, sáng sớm đến mời chư Tăng thọ thực.

Các tỳ-kheo mặc y mang bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Cư sĩ đích thân tự tay sớt thức ăn đến chư Tăng. Nhóm sáu tỳ-kheo cầm vắt cơm từ xa thảy vào miệng. Cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết xấu hổ, thọ nhận không nhàm chán. Giống như nhà ảo thuật!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách… (như trên) rồi đến chỗ Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo… (như trên), cho đến:

«Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa,cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không vắt cơm thảy vào miệng, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo cố ý vắt cơm từ xa thảy vào miệng, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc chứng bệnh như vậy; hoặc bị cột trói, quăng thức ăn vào miệng không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 40[1076]

[707a1] Một thời đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh các tỳ-kheo thọ thực với các thức ăn ngon bổ vào sáng ngày mai. Trong đêm chuẩn bị đầy đủ xong, sáng sớm đến mời chư Tăng thọ thực.

Các tỳ-kheo mặc y bưng bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Cư sĩ đích thân tự tay sớt thức ăn đến chư Tăng. Nhóm sáu tỳ-kheo thọ thức ăn không như pháp, tay cầm vắt cơm, cắn phân nữa để ăn[1077]. Cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết xấu hổ, thọ nhận không nhàm chán, không biết đủ. Ăn giống như heo, chó, lạc đà, lừa, bò, chim, quạ!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dụ tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo (như trên) cho đến câu đầu tiên phạm giới này, rồi bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không nên để cơm rơi vải khi ăn, thức-xoa-ca-la-ni.

Trong đây, rơi vải[1078], nghĩa là phân nữa vào miệng, phân nữa ở nơi tay. Tỳ-kheo cố ý lấy tay cầm vắt cơm, ăn phân nữa, để lại phân nữa, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi

cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm thì phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có chứng bệnh như vậy; hoặc ăn bánh tráng, hoặc ăn thịt, hay ăn dưa, ăn mía, ăn rau trái, như trái am-bà-la, trái diêm-bặc, trái nho, tim, lá, nhụy của thảo mộc; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách[1079].

---o0o---

Điều 41[1080]

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh chư Tăng cúng dường cơm vào ngày mai. Trong đêm sửa soạn đầy đủ, sáng sớm đến mời chư Tăng đến thọ thực.

Các tỳ-kheo mặc y bưng bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Cư sĩ đích thân tự tay sớt thức ăn đến chư Tăng. Nhóm sáu tỳ-kheo phồng má mà ăn[1081], cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết xấu hổ, ăn giống như con khỉ.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách rồi đến chỗ đức Thế tôn đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu Tăng tỳ-kheo như trên, cho đến:

«Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không phồng má mà ăn, thức-xoa-ca-la-ni[1082].

Trong đây, ăn phồng má tức là đưa thức ăn vào khiến cho hai má phồng lên, giống như tướng trạng của con khỉ. Nếu cố ý làm cho đầy miệng bằng thức ăn, khiến cho hai má phồng lên, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh thế nào đó; hoặc gần qua giữa ngày, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn nên phải ăn vội thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 42[1083]

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ mời các tỳ-kheo cúng dường các thức ăn ngon bổ, vào sáng ngày mai. Trong đêm sửa soạn đủ tất cả, sáng sớm đến thỉnh chư Tăng đến thọ trai.

Các tỳ-kheo đắp y mang bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Cư sĩ đích thân tự tay sớt thức ăn. Nhóm sáu tỳ-kheo nhai cơm có tiếng, cư sĩ cơ hiềm, nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Ăn giống như heo, chó, lạc đà, lừa, chim, quạ!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu [706a1] dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao nhai thức ăn có tiếng?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn liền vì nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo... như trước, cho đến câu «Từ nay về sau ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không nhai thức ăn có tiếng[1084], thức-xoa-ca-la-ni*.

Tỳ-kheo cố ý nhai thức ăn có tiếng, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố tâm làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố tâm làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Hoặc có chứng bệnh thế nào đó; hay ăn cơm khô, cơm cháy, mía, dưa, xoài, trái diêm-bặc, bồ đào, hồ đào, ty đào lê, phong lê… thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 43[1085]

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ mời các tỳ-kheo cúng dường các thức ăn ngon. Trong đêm sửa soạn đầy đủ, sáng sớm đến thỉnh các tỳ-kheo đến thọ trai.

Các tỳ-kheo đắp y mang bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Cư sĩ đích thân tự tay sớt thức ăn. Nhóm sáu tỳ-kheo

lua húp cơm canh có tiếng[1086]. Cư sĩ cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không có tàm quý… cho đến câu ăn như heo, chó, lạc đà, bò, lừa, chim, quạ!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này tập hợp đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-[708a1]kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo... như trước, cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không nên húp thức ăn có tiếng mà ăn, thức-xoa-ca-la-ni*.

Trong đây, húp thức ăn có nghĩa là trương miệng lớn từ xa húp thức ăn vào. Nếu tỳ-kheo cố ý húp thức ăn có tiếng phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc thời có mắc chứng bệnh thế nào đó; hay miệng bị đau, hoặc ăn canh, ăn lạc, lạc tương, tô-tỳ-la tương, hay rượu đắng; thảy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 44[1087]

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ mời các tỳ-kheo cúng

dường các thức ăn ngon vào ngày mai. Trong đêm chuẩn bị đầy đủ, sáng sớm đến thỉnh chư Tăng đến thọ trai.

Các tỳ-kheo mặc y, bưng bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Cư sĩ đích thân tự tay sớt thức ăn đến các ngài. Nhóm sáu tỳ-kheo le lưỡi ra liếm thức ăn. Cư sĩ cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không có tàm quý… cho đến ăn như heo, chó, lạc đà, bò, lừa, chim, quạ!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo (…) rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo... như trên, cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không nên lấy lưỡi liếm thức ăn[1088], thức-xoa-ca-la-ni*.

Lấy lưỡi liếm: tức là dùng lưỡi đưa ra để thu lấy thức ăn.

Nếu tỳ-kheo cố ý le lưỡi liếm thức ăn, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc vì mắc bệnh như vậy, hoặc bị trói, hoặc tay bị bùn, hay đất nhớp, mồ hôi tay nên lấy lưỡi liếm thức ăn; không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 45[1089]

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh các tỳ-kheo cúng dường các thức ăn ngon vào ngày mai. Trong đêm sửa soạn đầy đủ, sáng sớm đến mời chư Tăng đến thọ trai.

Các tỳ-kheo mặc y, bưng bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Cư sĩ đích thân sớt thức ăn đến các ngài. Khi ấy có vị trong nhóm sáu tỳ-kheo rảy tay[1090] khi ăn. Cư sĩ thấy cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không có hổ thẹn… cho đến ăn như nhà Vua, như Đại thần của Vua!»

Bấy giờ các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo... cho đến câu «Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không nên rảy tay khi ăn, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo cố ý rảy tay phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có bệnh thế nào đó, hoặc trong thức ăn có cỏ, có trùng, hoặc trong tay có bất tịnh muốn rảy bỏ đi, hoặc lúc chưa ăn tay xúc chạm vật không sạch cần rảy; không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 46

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có cư sĩ thỉnh các tỳ-kheo cúng dường các thức ăn ngon vào ngày mai. Trong đêm chuẩn bị đầy đủ, sáng sớm đến mời chư Tăng đến thọ trai.

Các tỳ-kheo mặc y bưng bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Cư sĩ đích thân sớt thức ăn đến các tỳ-kheo. Khi ấy có nhóm sáu tỳ-kheo lượm thức ăn rơi mà ăn. Cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không có tàm quý, … ăn như gà, như chim, quạ.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách (…) rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo... như trước, cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không nên tay nhặt thức ăn rơi mà ăn, thức-xoa-ca-la-ni*.

Cơm rơi: Là cơm đã rớt dưới đất.

Nếu tỳ-kheo cố ý lượm cơm rơi ăn, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm, phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc chứng bệnh như vậy, hoặc khi ăn có cỏ, có trùng, hoặc có vật gì bất tịnh, hoặc lúc chưa ăn có cái gì cần bỏ, không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 47[1091]

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có cư sĩ thỉnh các tỳ-kheo cúng dường các thức ăn ngon vào sáng ngày mai. Trong đêm chuẩn bị đầy đủ, sáng sớm đến mời chư Tăng phó trai.

Các tỳ-kheo mặc y bưng bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi. Cư sĩ đích thân sớt thức ăn đến các ngài. Khi ấy có nhóm sáu tỳ-kheo lấy tay không sạch bưng đồ đựng nước uống. Cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không có xấu hổ… cho đến dùng tay không sạch cầm đồ đựng nước uống, giống như Vua, Đại thần của Vua.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo... như trên, cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tay dơ không nên cầm đồ đựng nước uống, [709a1] thức-xoa-ca-la-ni*.

Trong đây, tay dơ có nghĩa là có cơm dính nơi tay.

Nếu tỳ-kheo cố ý dùng tay dơ cầm đồ đựng thức ăn, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc là mắc phải chứng bệnh như vậy, hoặc nhận thức ăn trên cỏ, trên lá thì rửa tay nhận; không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 48[1092]

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có nhóm sáu tỳ-kheo tại nhà cư sĩ ăn xong rửa bát, đổ nước rửa bát, có cả thức ăn dư, bừa bãi ra đất. Cư sĩ thấy vậy cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử không có xấu hổ… (cho đến) nhận nhiều thức ăn như kẻ đói khát, để rồi vất bỏ bừa bãi như Đại thần của Vua!»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách (…) rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo... như trên, cho đến câu «Từ nay về sau ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không nên đổ nước rửa bát[1093] trong nhà bạch y, thức-xoa-ca-la-ni.

Nước rửa bát: ở đây có nghĩa là nước có lẩn cơm và những thức ăn còn thừa.

Nếu tỳ-kheo cố ý đổ nước rửa bát trong nhà bạch y, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố y làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có chứng bệnh thế nào đó, hoặc là rửa mâm, bàn, rồi hứng lấy nước ấy đem đổ ra ngoài; không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 49[1094]

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo đại tiểu tiện và khạc nhổ trên rau cải và cỏ tươi. Cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử không có hổ thẹn, bên ngoài tự xưng là ta biết chánh pháp. Như vậy có gì là Chánh pháp? Đại tiểu tiện và khạc nhổ trên rau cải và cỏ tươi, giống như heo, chó, lạc đà, bò, lừa.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo... như trước, cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Không được đại tiểu tiện, khạc nhổ trên rau cải và cỏ tươi, thức-xoa-ca-la-ni*.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Có tỳ-kheo bệnh, mệt nhọc không thể tránh chỗ rau cải và cỏ tươi được. Đức Phật dạy:

«Tỳ-kheo bệnh, không phạm.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Không được đại tiểu tiện, khạc nhổ trên rau cải và cỏ tươi, trừ bệnh, thức-xoa-ca-la-ni*.

Nếu tỳ-kheo không bệnh cố ý đại tiểu tiện và khạc nhổ trên rau cải và cỏ tươi, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố tâm làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố tâm làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có chứng bệnh thế nào đó, hoặc đại tiểu tiện nơi chỗ không có rau cải và cỏ tươi mà nước chảy đến nơi đó, hay gió thổi, chim ngậm rớt nơi có rau cải hay cỏ tươi; không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 50[1095]

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo đại tiểu tiện và khạc nhổ trong nước. Cư sĩ thấy cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là Chánh pháp? Đại tiểu tiện trong nước giống như heo, chó, bò, lạc đà, lừa.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo (…) rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo... như trên, cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được đại tiểu tiện, khạc nhổ trong nước, thức-xoa-ca-la-ni.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Lúc ấy có tỳ-kheo bệnh, nếu tránh chỗ có nước để đại tiểu tiện và khạc nhổ thì hơi khó nhọc. Đức Phật dạy:

«Người bệnh không phạm.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Không được đại tiểu tiện, khạc nhổ trong nước, trừ bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

Nếu tỳ-kheo cố ý đại tiểu tiện, khạc nhổ trong nước, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý, phạm đột-kiệt-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di ni đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có chứng bệnh như vậy, hoặc là đại tiểu tiện trên bờ sông rồi rơi vào dòng nước, hoặc bị gió thổi, chim ngậm bay đi rơi rớt vào trong nước; không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 51[1096]

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo đứng đại tiểu tiện. Cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là Chánh pháp? Đại tiểu tiện mà đứng, giống như bò, ngựa, heo, dê, lạc đà.»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo (…) rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo… như trước, cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được đứng đại tiểu tiện, thức-xoa-ca-la-ni*.

Thế tôn vì tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ có tỳ-kheo bệnh, không thể ngồi để đại tiểu tiện vì mệt nhọc. Đức Phật dạy:

«Người bệnh thì không phạm.»

Từ nay trở về sau nên nói giới như vầy:

Không được đứng đại tiểu tiện, trừ bệnh, thức-xoa-ca-la-ni*.

Nếu tỳ-kheo cố ý đứng đại tiểu tiện, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý, [710a1] phạm đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có chứng bệnh như vậy, hoặc bị trói buộc, hoặc nơi chỗ đứng bị nhớp, bùn nhơ; không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 52[1097]

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có nhóm sáu tỳ-kheo nói pháp cho người vén ngược y không cung kính.

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo… như trước, cho đến câu «Từ nay về sau ta vì các Tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được nói pháp cho người vén ngược y không cung kính, thức-xoa-ca-la-ni*.

Bấy giờ các tỳ-kheo nghi không dám nói pháp cho người bệnh mà họ vén ngược y. Đức Phật dạy:

«Người bệnh thì không phạm.»

Từ nay trở đi nên nói giới như vầy:

Không được nói pháp cho người vén ngược y không cung kính, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni*.

Tỳ-kheo cố ý nói pháp cho người lật ngược y không cung kính, không bệnh, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la, đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc bị chứng bệnh thế nào đó, hoặc vì nhà Vua hay Đại thần của nhà Vua mà nói thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 53

Không được nói pháp cho người quấn y nơi cổ, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 54[1098]

Không được nói pháp cho người trùm đầu[1099], trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni *.

(như trên)

---o0o---

Điều 55[1100]

Không được nói pháp cho người quấn đầu[1101], trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 56[1102]

Không được nói pháp cho người chống nạnh, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 57[1103]

Không được nói pháp cho người mang dép da[1104], trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 58[1105]

Không được nói pháp cho người mang guốc gỗ[1106], trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 59[1107]

Không được nói pháp cho người cởi xe cộ[1108], trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 60

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có nhóm sáu tỳ-kheo ngủ nghỉ trong tháp Phật.

Các tỳ-kheo thấy, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Sao ngủ nghỉ trong tháp Phật?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo… như trước, cho đến câu «Từ nay về sau Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không đươc ngủ nghỉ trong tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni*.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy, có tỳ-kheo nghi, vì để giữ tháp vẫn không dám ngủ trong tháp Phật. Đức Phật dạy:

Vì bảo vệ tháp thì không phạm. Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Không được ngủ nghỉ trong tháp Phật, trừ vì canh giữ, thức-xoa-ca-la-ni*.

Nếu tỳ-kheo cố ý ngủ nghỉ trong tháp Phật, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la, Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc vì mắc chứng bệnh thế nào đó, hoặc vì bảo vệ mà ngủ nghỉ, hoặc vì sức mạnh bắt, hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn nên phải ngủ nghỉ; không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 61

Một thời đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có nhóm sáu tỳ-kheo cất dấu tài vật trong tháp Phật.

Các tỳ-kheo biết, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo… như trên, cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Không được cất dấu tài vật của cải trong tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni*.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ có tỳ-kheo nghi, vì để bền chắc vẫn không dám chứa cất của cải trong tháp Phật. Đức Phật dạy:

«Vì bảo đảm thì không phạm.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Không được chôn dấu tài vật trong tháp Phật, trừ để cho bền chắc , thức-xoa-ca-la-ni*.

Tỳ-kheo cố ý đem của chôn dấu trong tháp Phật, trừ vì muốn chắc chắn, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh thế nào đó, hay vì bảo đảm chắc chắn nên đem của cải chôn cất trong tháp Phật, hoặc vì cường lực bắt, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn; không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 62

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo mang guốc dép vào trong tháp Phật.

Các tỳ-kheo thấy, trong đó có vị thiểu dưc tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Tại sao các thầy mang guốc dép vào trong tháp Phật?»

Các tỳ-kheo quở trách rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo… như trên, cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được mang dép da vào trong tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni*.

Tỳ-kheo cố ý mang dép da vào trong tháp Phật, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm [711a1] đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh thế nào đó.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 63

Không được tay cầm giày dép da vào trong tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 64

Không được mang giày dép da đi quanh tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 65

Không được mang giày phú-la[1109] vào trong tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 66

Không được xách giày phú la vào trong tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 67

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo ngồi ăn dưới tháp, ăn xong lưu lại thức ăn thừa và cỏ rác, làm dơ đất, rồi bỏ đi.

Các tỳ-kheo thấy, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo… như trước, cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được ngồi ăn dưới tháp, thức-xoa-ca-la-ni*.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ các tỳ-kheo làm tháp rồi thí thực, làm phòng rồi thí thực, hoặc thí ao giếng, nhiều người tập hợp, chỗ ngồi chật hẹp không dám ngồi dưới tháp ăn vì chưa được đức Phật cho phép, đến bạch. Phật dạy:

«Cho phép ngồi ăn, nhưng không được bỏ cỏ rác, và thức ăn dư làm dơ đất.»

Bấy giờ có một tỳ-kheo nhất tọa thực, hoặc tỳ-kheo tác pháp dư thực không ăn, hay có tỳ-kheo bệnh không dám lưu lại thức ăn dư và cỏ làm dơ đất, đức Phật cho phép dồn lại một bên chân rồi đem ra ngoài bỏ. Phật dạy:

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Không được ngồi ăn dưới tháp lưu lại cỏ và thức ăn dư làm dơ đất, thức-xoa-ca-la-ni*.

Nếu tỳ-kheo cố ý ngồi dưới tháp ăn, rồi bỏ lại đồ ăn dư làm dơ đất, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có chứng bệnh thế nào đó, hoặc gom lại một chỗ rồi đem ra ngoài bỏ thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 68

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo khiêng tử thi đi qua dưới tháp làm cho thần bảo vệ tháp giận.

Các tỳ-kheo biết, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo: «Tại sao các thầy khiêng tử thi đi qua dưới tháp Phật?»

Quở trách rồi, tỳ-kheo thiểu dục đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo… như trước, cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được khiêng tử thi đi qua dưới tháp, thức-xoa-ca-la-ni*.

Nếu tỳ-kheo cố tâm khiêng tử thi đi qua dưới tháp, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố tâm làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố tâm làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có chứng bệnh thế nào đó, hoặc khi cần phải đi qua con đường này, hoặc bị cường lực dẫn đi thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 69

Không được chôn tử thi dưới tháp, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 70

Không được thiêu tử thi dưới tháp, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 71

Không được đối diện tháp thiêu tử thi, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 72

Không được thiêu tử thi quanh bốn phía tháp, làm mùi hôi xông vào, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 73

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo mang áo và giường của người chết đi qua dưới tháp, làm cho vị thần nơi trú xứ đó giận.

Các tỳ-kheo biết, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách, rồi đến chỗ đức Thế tôn đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo… như trước, cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được mang áo và giường của tử thi đi qua dưới tháp, thức-xoa-ca-la-ni*.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, có các tỳ-kheo mặc y phấn tảo, nghi không dám mang loại y như vậy đi ngang qua dưới tháp. Tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật dạy:

«Cho phép giặt, nhuộm, xông mùi hương rồi mang qua.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Không được mang áo và giường của người chết đi ngang qua dưới tháp, trừ khi đã giặt, nhuộm và xông hương, thức-xoa-ca-la-ni.

Nếu tỳ-kheo cố ý mang y phấn tảo của người chết, không giặt, không nhuộm, không xông hương, đi ngang qua dưới tháp, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố tâm làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố tâm làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc là có chứng bệnh thế nào đó, hoặc đã giặt nhuộm xong thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 74

Không được đại tiểu tiện dưới tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 75

Không được đại tiểu tiện trước tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 76

Không được đại tiểu tiện quanh bốn phía tháp Phật khiến mùi hôi xông vào, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 77

Không được đem tượng Phật đến chỗ đại tiểu tiện, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

Có 3 trường hợp sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh thế nào đó, hoặc trên đường phải [712a1] đi ngang qua đó, hay bị cường lực bắt đi; không phạm.

---o0o---

Điều 78

Không được nhăm nhành dương[1110] dưới tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 79

Không được nhăm nhành dương dưới tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

(như trên)

---o0o---

Điều 80

Không được nhăm nhành dương xung quanh bốn phía tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 81

Không được khạc nhổ dưới tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

Điều 82

Không được khạc nhổ trước tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni*.

---o0o---

Điều 83

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo khạc nhổ xung quanh bốn phía tháp Phật.

Các tỳ-kheo thấy, cơ hiềm: «Tại sao các thầy khạc nhổ xung quanh bốn phía tháp?»

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo… cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được khạc nhổ quanh bốn phía tháp, thức-xoa-ca-la-ni*.

Nếu tỳ-kheo cố ý khạc nhổ xung quanh bốn phía tháp, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh thế nào đó, hoặc do chim quạ ngậm đến bên tháp, hoặc là gió thổi đến thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 84

Một thời, đức Một thời đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo ngồi duỗi chân về phía tháp.

Các tỳ-kheo thấy, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách, liền đến chỗ đức Thế tôn đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo… cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được ngồi duỗi chân về phía tháp, thức-xoa-ca-la-ni*.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Có tỳ-kheo nghi, cách xa tháp không dám ngồi duỗi chân, đức Phật dạy:

«Trung gian có khoảng cách thì cho phép.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Không được ngồi duỗi chân về phía tháp, trừ có khoảng cách, thức-xoa-ca-la-ni*.

Nếu tỳ-kheo cố ý ngồi duỗi chân về phía tháp, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh thế nào đó, hoặc trung gian có khoảng cách, hay bị cường lực bắt thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 85

Một thời, đức Phật ở nước Câu-tát-la, trên đường du hành đến thôn Đô tử bà-la-môn. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo an trí tháp Phật nơi phòng dưới, mình ở phòng trên.

Các tỳ-kheo biết, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế tôn.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo… cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được an trí tháp Phật nơi tầng dưới, mình ở tầng trên, thức-xoa-ca-la-ni*.

Tỳ-kheo cố ý để tháp Phật nơi tầng dưới, mình ở tầng trên, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di ni đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh thế nào đó. Hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn, thỉnh tháp Phật để nơi phòng dưới, mình ở nơi phòng trên thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 86[1111]

Không được nói pháp cho người ngồi mình đứng, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)[1112]

Có người nghi không dám vì người bệnh nói pháp. Đức Phật dạy:

«Từ nay về sau nên nói giới như vầy»:

Không được nói pháp cho người ngồi mà mình đứng, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni*.

Tỳ-kheo nào người ngồi mình đứng, cố ý vì họ nói pháp phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi, đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Hoặc mắc chứng bệnh thế nào đó, hoặc Vua, Đại thần của Vua bắt nói thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 87[1113]

Không được nói pháp cho người nằm mà mình ngồi, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

(như trên)

---o0o---

Điều 88

Không được nói pháp cho người ngồi chính giữa, còn mình ngồi một bên, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

(như trên)

---o0o---

Điều 89[1114]

Không được nói pháp cho người ngồi chỗ cao, còn mình ngồi chỗ thấp, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

(như trên)

---o0o---

Điều 90[1115]

Không được nói pháp cho người đi trước, còn mình đi phía sau, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

(như trên)

---o0o---

Điều 91[1116]

Không được nói pháp cho người ở chỗ kinh hành cao, còn mình ở chỗ kinh hành thấp, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

(như trên)

---o0o---

Điều 92[1117]

Không được nói pháp cho người ở giữa đường, còn mình ở bên đường, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.

(như trên)

---o0o---

Điều 93

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo nắm tay nhau đi

ngoài đường, hoặc ngăn chận những nam nữ khác. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: «Sa-môn Thích tử không biết tàm quý, bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp, mà đi ngoài lộ nắm tay nhau như nhà Vua, Đại thần của Vua, hào quý trưởng giả. Như vậy có gì là Chánh pháp?»

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo rồi, đến chỗ đức Thế tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhơn duyên này bạch lên đức Thế tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo… cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không nên nắm tay nhau khi đi đường, thức-xoa-ca-la-ni.

Tỳ-kheo cố ý làm, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di-ni, đột-kiết-la.

Sự không phạm: hoặc mắc chứng bệnh thế nào đó, hoặc có vị tỳ-kheo mắt bị mờ, cần dìu để đi thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 94[1118]

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một tỳ-kheo nhập hạ an cư ở trên một cây đại thọ. Từ trên cây đại thọ đại tiểu tiện xuống,

khiến vị thọ thần nổi giận, muốn đoạn mạng căn vị tỳ-kheo kia.

Các tỳ-kheo nghe, hiềm trách rồi đến bạch đức Thế tôn. Đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách vị tỳ-kheo này:

«Việc các ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao lại từ trên cây đại tiểu tiện xuống?»

Quở trách rồi, Phật bảo các tỳ-kheo:

«Từ nay về sau, không được an cư trên cây. Không được đại tiểu tiện xung quanh cây. Nếu chỗ đã có sẵn thì đại tiểu tiện không phạm.»

Dùng vô số phương tiện quở trách rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được leo lên cây cao quá đầu người, thức-xoa-ca-la-ni.

Thế tôn vì các tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ có các tỳ-kheo từ nước Câu-tát-la du hành, trên đường đi gặp phải ác thú khủng bố, leo cao lên cây ngang người với ý nghĩ: «Đức Thế tôn chế giới không được leo cây cao quá đầu người.» Do đó không dám leo lên, nên họ bị ác thú hại. Các tỳ-kheo đem nhơn duyên này bạch Phật, Phật dạy:

«Từ nay về sau cho phép các tỳ-kheo vì mạng nạn, phạm hạnh nạn, được phép leo lên cây cao quá đầu người.»

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Không được leo lên cây cao quá đầu người, trừ khi có nhân duyên, thức-xoa-ca-la-ni*.

Tỳ-kheo cố ý leo lên cây cao quá đầu người, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố tâm làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có chứng bệnh như thế nào đó, hay vì mạng nạn, phạm hạnh nạn, leo lên cây cao quá đầu người thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 95

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà bỏ bình bát vào trong đãy, xỏ vào đầu gậy vác trên vai mà đi. Các Cư sĩ thấy, tưởng là người của nhà quan, đứng tránh bên đường, tìm chỗ vắng núp để xem. Thì ra, khi đến mới biết đó là Bạt-nan-đà. Các cư sĩ cơ hiềm: «Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, tại sao bỏ bình bát vào đãy, xỏ vào gậy, vác trên vai mà đi giống như người của nhà quan khiến chúng ta phải tránh bên lề đường?»

Các tỳ-kheo nghe, quở trách rồi đến bạch lên đức Thế tôn, đức Thế tôn dùng nhơn duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà:

«Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm ĐiỀU không nên làm. Tại sao ông bỏ bình bát vào trong đãy, xỏ vào đầu gậy, vác trên vai đi, khiến cho các cư sĩ phải tránh bên lề đường?»

Dùng vô số phương tiện quở trách rồi, Phật bảo các tỳ-kheo:

«Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được bỏ bình bát vào đãy, xỏ vào đầu gậy quẩy trên vai mà đi, thức-xoa-ca-la-ni*.

Nếu tỳ-kheo cố ý làm phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh như thế nào đó, hoặc bị cường lực bắt ép hoặc bị trói, hay vì mạng nạn, phạm hạnh nạn thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 96[1119]

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có vị trong nhóm sáu tỳ-kheo vì người cầm gậy, không cung kính mà nói pháp.

Các tỳ-kheo biết, quở trách như trên rồi, đến bạch đức Thế tôn. Đức Thế tôn cũng quở trách… như trên, cho đến câu «Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.»

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Không được nói pháp cho người cầm gậy, thức-xoa-ca-la-ni*.

Có vị nghi, không dám vì người bệnh cầm gậy nói pháp, đức Phật dạy:

Vì người bệnh thì không phạm. Từ nay về sau ta vì các tỳ-kheo kiết giới:

Không được nói pháp cho ngươì cầm gậy, không cung kính, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni*.

Tỳ-kheo nào cố ý vì người cầm gậy mà nói pháp, phạm đột-kiết-la cần phải sám. Do bởi cố ý làm nên phạm phi oai nghi đột-kiết-la. Nếu không cố ý làm, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc bị chứng bệnh thế nào đó, hay vì nhà Vua, Đại thần của Vua nói thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

---o0o---

Điều 97[1120]

Không được nói pháp cho người cầm kiếm, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

ĐiỀU 98[1121]

Không được nói pháp cho người cầm mâu[1122], trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

ĐiỀU 99[1123]

Không được nói pháp cho người cầm dao, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

ĐiỀU 100[1124]

Không được nói pháp cho người cầm dù, trừ người bệnh, thức-xoa-ca-la-ni*.

(như trên)

---o0o---

CHƯƠNG VIII - BẢY DIỆT TRÁNH[1125]

Bảy pháp hối quá như vậy nửa tháng, nửa tháng tụng một lần, chép ra từ trong giới kinh. Nếu có việc tranh cãi khởi lên, liền phải trừ diệt.

ĐiỀu 1.

Nên sử dụng pháp hiện tiền tỳ-ni thì sử dụng pháp hiện tiền tỳ-ni.

ĐIỀU 2.

Nên sử dụng pháp ức niệm tỳ-ni thì sử dụng pháp ức niệm tì-ni.

ĐIỀU 3.

Nên sử dụng pháp bất si tỳ-ni thì sử dụng pháp bất si tỳ-ni.

ĐIỀU 4.

Nên sử dụng pháp tự ngôn trị thì sử dụng pháp tư ngôn trị.

ĐIỀU 5.

Nên sử dụng pháp mích tội tướng thì sử dụng pháp đa mích tội tướng.

ĐIỀU 6.

Nên sử dụng pháp đa nhơn mích tội thì sử dụng pháp đa nhơn mích tội.

ĐIỀU 7.

Nên sử dụng pháp như thảo phú địa thì sử dụng pháp như thảo phú địa[1126].

---

[1] Ngũ phần 10 (T22n1421, tr.77b06); Thập tụng 20 (T23n1435, tr.141b12); Căn bản 50 (T23n1442, tr.904b5). Pali: adhikaraṇasamathā, Vin. iv. 207.

[2] Bản Hán, hết quyển 21.

[1] . (T22n1428, tr.567b26)

[2] . Tứ phần 54, tr.968a4 «Tập pháp tì-ni ngũ bách nhân»: trong đại hội kết tập tại Vương-xá, Ưu-ba-li được chấp thuận làm thuyết trình viên về Luật tạng.

[3] . Thân chứng (Skt. kāya-sākṣin, Pali: kāya-sakkhin), Câu-xá 24, tr.126a17: vị Bất-hoàn (A-na-hàm) khi chứng đắc diệt định, chuyển danh là thân chứng 得滅定不還轉名為身證.

[4] . Thập cú nghĩa 十句義, xem cht. 31, ch.i sau

[5] . Hán: hỉ vĩnh an 喜永安; cú nghĩa 2&3: khiến Tăng hoan hỷ và an lạc.

[6] . Cú nghĩa 1.

[7] . Cú nghĩa 6: điều phục những ai chưa được điều phục.

[8] . Trong đây không đề cập hai cú nghĩa 8 & 9: đoạn trừ hữu lậu hiện tại, đoạn trừ hữu lậu vị lai.

[9] . Cấm giới kinh 禁戒經, hay Giới kinh, chỉ Ba-la-đề-mộc-xoa 波羅提木叉 (Skt. Prātimokṣa-sutra, Pali: Pāṭimokkha-sutta)

[10] . Trung A-hàm 3, «14. kinh La-vân,» (T1, tr.436a-437b). Pali, M. 61. Ambalaṭṭhikā-Rāhulovāda-sutta (M.i.414-424): Phật hỏi Rāhula, cái gương để làm gì?

[11] . Trường A-hàm 6, «kinh Tiểu duyên,» (T1, tr.36tt). Pali: D. 24. Agañña-suttanta (D.iii.tr. 93): Vào thời thái cổ, do tranh chấp ruộng đất, nhân dân bầu lên một người để giải

quyết, gọi là vị trọng tài được bầu lên bởi đại hội (Mahāsammato-rājā; Hán dịch: Đại bình đẳng vương 大平王).

[12] . Y-la diệp 伊羅葉; Skt. erapatra, hoặc elāpattra, H: hương diệp 香葉, hoắc hương diệp 藿香葉, một loại tiểu đậu khấu (Cardamon). Ở đây chỉ tên một con voi chúa, hay rồng, Pali: erakapatta. Tiền thân là Tỳ-kheo thời Phật Ca-diệp (Pali: Kassapa), bị té thuyền, vớ nhằm lá eraka. Ông chết đuối với tâm ưu uất nên tái sinh làm thân rồng. (Pháp cú truyện giải, Dh.A.iii.230-6). Theo tài liệu Hán, Phúc cái chánh hạnh sở tập kinh 11 (T32n1671): tiền thân là tỳ-kheo phạm 2 tội, ngắt lá y-la và khất thực sau giờ ngọ, do đó sinh làm thân rồng với 7 đầu trên đó mọc cây y-la.

[13] . Tam cấu nhân 三垢人, ba hạng người dơ bẩn: như cái chậu rửa chân còn lưu một ít nước dơ; cái chậu đã đổ hết nước dơ, và cái chậu dơ bị lật úp. Xem, Trung A-hàm 3, «La-vân kinh,» (T1, tr.436a). Pali, M. i. 141-424. Tam cấu, cũng thường chỉ tham, sân, si.

[14] . Đế Thích đường 帝釋堂. Đây chỉ Chánh pháp điện 正法殿, cũng gọi là Thiện pháp đường hay Thiện pháp giảng đường 善法講堂, Hội trường của chư thiên Tam-thập tam (Đao-lị thiên). Pali: Sudhammāsabhā. Đế Thích còn có cung điện riêng khác nữa, gọi là Tối thắng giảng đường (Pali: Vejayanta-pāsāda)

[15] . Sở hành 所行, cũng thường nói là sở hành cảnh giới 所行境界, hay hành xứ 行處; Skt. (= pali) gocara, môi trường hay phạm vi nhận thức và hành động.

[16] . Chánh pháp đường 正法堂, xem cht. 14 trên.

[17] . Giác ý 覺意, hay giác chi 覺支, bồ-đề phần 菩提分; Pali: bojjhaṅga (Skt.bodhyaṅga).

[18] . Ương-quật-ma-(la) 鴦崛魔(=摩)羅, Pali: Aṅgulimāla (Skt. Aṅgulimālya) dịch: Chỉ Man 指鬘, tên tướng cướp lừng danh thời Phật. Sau được Phật hóa độ thành tỳ-kheo và đắc quả A-la-hán. Xem Tạp A-hàm 36.16 (T2, tr.280c); Hiền ngu kinh 11 (T4, tr. 423b); Ương-quật-ma kinh (T2, tr.508b); Ương-quật-ma-la kinh (T2, tr.512b); Avadāśataka (Skt.) No.27; DhpA (Pali).i. tr.146; iii.185; Therag.vv.864-891.

[19] . Hán: thần tiên ngũ thông nhân 神仙五通人.

[20] . Đoạn phụ chú của vị truyền luật. Không thuộc chính văn của Luật.

[21] . (T22n1428, tr.568c6 四波羅夷法之一)

[22] . Tô-la-bà quốc 蘇羅婆國; Ngũ phần: Tu-lại-bà quốc 須賴婆國; cả hai phiên âm từ Skt. Śūrasena (Pali: Sūrasena), 1 trong 16 đại quốc thời Phật; xem Trường A-hàm 5, «Kinh Xà-ni-sa;» D.18. Javasabha. Tăng kỳ: Xá-vệ quốc 舍衛國, (Skt. Śrāvasti, Pali: Sāvatthī). Thập tụng: Phật tại Tì-da-li 毘耶離, Skt. Vaiśāli (Pali: Vesālī).

[23] . Tì-lan-nhã 毘蘭若. Pali: Verañjā, thị trấn gần Sāvatthī, trên đường đi Vesālī.

[24] . Na-lân-la-tân-châu-mạn-đà-la 那隣羅濱洲曼陀羅; Pali: Naḷerupucimanda, cây pucimanda (Nimba) có miếu thờ dạ-xoa Naḷeru. Ngũ phần: trú lâm thọ hạ 住林樹下.

[25] . Vô trước nhân 無著人 , một dịch nghĩa khác của từ A-la-hán.

[26] . Ba-li quốc 波離國; Ngũ phần: Ba-lị quốc 波利國. Pali (Vin.iii. 6): Uttarāpathakā assavāṇijā, những người buôn ngựa từ Uttarāpatha, địa danh chỉ chung vùng Bắc Ấn.

[27] . Uất-đan-việt 鬱單越; Skt.(=Pali): Uttarāpatha.

[28] . Tự nhiên canh mễ 自然粳米, một thứ lúa tự nhiên mọc, không do người trồng; xem Trường A-hàm 6, kinh Tiểu duyên, Đại 1 tr. 38a1. Cf., D.iii.88 (Aggañña-suttanta): akaṭṭha-pāko sāli pātur ahosi akaṇo athuso, xuất hiện loại lúa chín tự nhiên không do gieo trồng, không vỏ, không cám.

[29] . Pali (Vin.iii. 7), Mahāmoggallāna bạch Phật: «Phần dưới kia của đại địa này rất sung túc. Con sẽ chuyển ngược đại địa để các tỳ-kheo có thể có thức ăn.»

[30] . Nguyên Hán: trượng phu 丈夫.

[31] . Tỳ-bà-thi Phật 毘婆尸佛; Ngũ phần: Duy-vệ Phật 維衛佛. Pali: Vipassī

[32] . Thức Phật 式佛; Ngũ phần: Thi-khí Phật 尸葉佛. Pali: Sikhī.

[33] . Câu-lưu-tôn Phật 拘留孫佛; Ngũ phần: Câu-lâu-tôn Phật 拘樓孫佛. Pali: Kakusandha.

[34] . Ca-diệp Phật 迦葉佛. Pali: Kassapa.

[35] . Tuỳ-diệp Phật 隨葉佛. Pali: Vissabhu.

[36] . Câu-na-hàm Mâu-ni Phật 拘那含牟尼佛 Konāgamana.

[37] . Pali, Pārājikā I, tr.7: các Thế tôn Vipassī, Sikkhī và Vessabhu, phạm hạnh không tồn tại lâu dài. Các Thế tôn

Kakusandha, Koṇāgamana, Kassapa có phạm hạnh tồn tại lâu dài. Ngũ phần (T22n1421, tr.1b26) cũng nói như Pali.

[38] . 12 bộ phận Thánh điển : Khế kinh 契經, Kỳ-dạ kinh 祇夜經, Thọ ký 授記經, Cú kinh 句經, Nhân duyên kinh因緣經, Bản sanh kinh本生經, Thiện đạo kinh善道經, Phương đẳng kinh 方等經, Vị tằng hữu kinh 未曾有經, Thí dụ kinh 譬喻經, Ưu-bà-đề-xá kinh 優波提舍經. Liệt kê theo Pali, chỉ có 9: suttaṃ geyyaṃ veyyākaraṇaṃ gāthā udānaṃ itivuttakaṃ jātakaṃ abbhutadhammaṃ vedallaṃ.

[39] . Có điểm ngữ pháp đáng lưu ý trong bản Hán dịch. Trong bản Pali (Vin. iii. 8): (...) kilāsuno ahesuṃ sāvakānaṃ vitthārena dhammaṃ desetuṃ, «(Các đức Thế tôn này) không tích cực (=mệt mỏi) thuyết pháp cho các đệ tử.» Tính từ kilāsuno (mệt mỏi = không tích cực, chủ cách, số nhiều, Hán: bì yếm 疲厭) phẩm định các danh từ Thế tôn (bhagavā) chứ không phẩm định cho danh từ sāvakānaṃ (chỉ định cách, số nhiều, Hán: chư đệ tử 諸弟子) như trong Hán dịch.

[40] . Ngũ phần (T22n1421, tr.1c10): «Thuyết pháp cho đệ tử bằng tâm niệm chứ không nói ra miệng rằng...»

[41] . Khủng úy lâm 恐畏林. Ngũ phần: khủng bố lâm 恐怖林. Pali.: aññtarasmiṃ bhiṃsanake vanasaṇḍe, trong một khu rừng có nhiều sự kinh sợ kia. Hình như không chỉ khu rừng có tên là Kinh sợ (Khủng bố hay Khủng uý). Trong thời Thích tôn, cũng có một khu rừng mang tên như vậy, Pali: Bhesakalāvana (Khủng bố lâm) thuộc nước Bhagga (Bà-kỳ); Cf. A.ii. 61, iii. 295; S.iii. 1, iv. 116.

[42] . Pali kết luận: «Do nguyên nhân này, phạm hạnh (brahmacariya) của các Thế tôn Vipassī, Sikkhī, Vessabhu không tồn tại lâu dài (na ciraṭṭhitikaṃ ahosi).»

[43] . Pali: buddhānubhānaṃ sāvakānaṃ, các đệ tử đã giác ngộ theo Phật.

[44] . Hán: thả chỉ 且止. Pali: āgamehi tvaṃ Sāriputta, «Hãy chờ đợi, này Xá-lợi-phất.»

[45] . Con trai của Tu-đề-na ở thôn Ca-lan-đà 迦蘭陀村須提那子. Ngũ phần: con trai của trưởng giả Na-lan-đà tên là Tu-đề-na. Tăng kỳ: thành Tỳ-da-ly có con trai trưởng giả tên là Da-xá 耶舍. Thập tụng: Con trai trưởng giả tên là Tu-đề-na Gia-lan-đà 加蘭陀 Căn bản: Con trai của Yết-lan-đạc-ca tên là Tô-trần-na 羯蘭鐸迦子蘇陳那. Pali (Vin.iii. 11): Sudinno nāma Kalanda(ka)putto seṭṭhiputto, Sudinna, con trai của phú hộ Kalandaka.

[46] . Tứ phần, Căn bản: Chủng Tử 種子. Tăng kỳ, Thập tụng: Tục Chủng 續種. Pali: Bījaka.

[47] . Pali, Vin.iii.19, về sau, Bījaka và mẹ đều xuất gia, và cả hai đều đắc quả A-la-hán.

[48] . Nguyên Hán: cố nhị 故二. Pali: purāṇadutiyakā.

[49] . Nghĩa 義; đây hiểu là phù hợp với mục đích giải thoát.

[50] . Các thí dụ về tai hại của dục, xem Trung A-hàm 54 (T1, tr.763c17); Cf. Pali, M.22. Alagaddūpama.

[51] . Tập thập cú nghĩa 集十句義. Ngũ phần, Thập tụng: dĩ thập lợi cố 以十利故; Tăng-kỳ: thập sự lợi ích 十事利益. Pali: dasa atthavase paṭicca, căn cứ trên 10 ý nghĩa (mục đích).

[52] . Ngũ phần (T22n1421, tr.3c1): 1. Tăng hoà hiệp; 2. Tăng đoàn kết; 3. Chế ngự người xấu; 4. Để cho người biết hổ thẹn được yên vui; 5. Đoạn hữu lậu đời này; 6. Diệt hữu lậu đời sau; 7. Khiến người chưa tin có tín tâm; 8. Khiến người có tín tâm được tăng trưởng; 9. Để Chánh pháp lâu dài; 10. Phân biệt tì-ni phạm hạnh tồn tại lâu dài. Tăng kỳ (T22n1425, tr.228c24): 1. Nhiếp Tăng; 2. Cực nhiếp Tăng; 3. Để Tăng an lạc; 4. Chiết phục người không biết hổ thẹn;

5. Để người có tàm quý sống yên vui; 6. Người chưa tin được tin; 7. Người đã tin thì tin thêm; 8. Trong đời này được lậu tận; 9. Các lậu đời vị lai không sinh; 10. Để chánh pháp cửu trụ. Căn bản (T23n1442, tr.629b22), như Pali. Pali, Vin.iii. tr.32: saṅghasuṭṭhutāya (vì sự ưu mỹ của Tăng); saṅghaphāsutāya (vì sự an lạc của Tăng); dummaṅkūnaṃ puggalānaṃ niggahāya (để chế phục hạng người không biết hổ thẹn) ; pesalānaṃ bhikhūnaṃ phāsuvihārāya (để các tỳ-kheo nhu hòa sống an lạc); diṭṭhadhammikānaṃ āsavānaṃ saṃvarāya (để ngăn chặn hữu lậu đời này); sampāratikānaṃ āsavānaṃ paṭighātāya (để đối trị hữu lậu đời sau); appasannānaṃ pasādāya (vì tịnh tín của người chưa có tín); pasannānaṃ bhiyyobhāvāya (vì sự tăng trưởng của người có tín); saddhammaṭṭhitiyā (vì sự trường tồn của chánh pháp); vinayānuggahāya (để nhiếp hộ tì-ni).

[53] . Bạt-xà Tử 跋闍子 . Tăng kỳ (T22n1425, tr.231b24), Phật trụ Tì-xá-li, có hai người Li-xa 離車子. Thập tụng (T23n1435, tr.1c22), Phật tại Xá-vệ, tỳ-kheo tên Bạt-kì Tử 跋耆子. Ngũ phần (T22n1421, tr.4a1), một số đông các tỳ-kheo; nhưng sự kiện được đề cập sau nhân duyên vượn cái. Pali, Vin.iii.23, sambahulā vesālikā vajjiputtakā bhikkhū, một số đông các tỳ-kheo người Vajji ở Vesālī. Nhưng sự kiện đề cập sau nhân duyên vượn cái như Ngũ phần.

[54] . Nguyên Hán: Giới luy bất tự hối 戒羸不自悔 . Thập tụng: giới luy bất xuất 戒羸不出. Pali: dubbalyaṃ anāvikatvā, không tuyên bố sự bất lực của mình (không kham nổi đời sống tỳ-kheo).

[55] . Khất thực tỳ-kheo 乞食比丘; Tỳ-kheo sống chỉ bằng khất thực; một trong 12 hạnh đầu đà. Ngũ phần (T22n1421, tr.3c6): a-lan-nhã tỳ-kheo 阿練若比丘; Thập tụng (T23n1435, tr.2a1), một tỳ-kheo sống một mình trong rừng, ở Câu-tát-

la. Pali (Vin. iii. 22), một tỳ kheo sống trong rừng Đại lâm (Mahāvana), Vesāli.

[56] . Hán: thư di hầu 雌獼猴; Pali: makkaṭī.

[57] . Hán: án hành trú xứ 案行住處; Ngũ phần: án hành ngoạ cụ 案行臥具. Pali, nt., senāsanacarikaṃ āhiṇḍantā, du hành để tìm chỗ ngủ nghỉ.

[58] . Khất cầu tỳ-kheo 乞求比丘; Ngũ phần: khất tỳ-kheo 乞比丘; Thập tụng (T23n1435, tr.2b30): khất tỳ-kheo, vì xin ăn nơi người khác. Như bà-la-môn khi đi xin ăn cũng tự nói ‹Ta là tỳ-kheo.› Pali: bhikkhakoti bhikkhu, tỳ-kheo, là người hành khất.

[59] . Cát tiệt y 割截衣; Ngũ phần: hoại sắc cát tiệt y 壞色割截衣. Pali: bhinnapaṭadharoti bhikkhu, tỳ-kheo, là người mặc y từ những miếng vải rách.

[60] . Pali: samaggena saṅghena ñatticatutthena kammena akuppena ṭhānārahena upasampanno ti bhikkhu, tỳ-kheo, là người thọ cụ túc (=đã thành tựu) với sự hợp cách không di động do bạch tứ yết-ma bởi Tăng hoà hiệp.

[61] . Hán: cộng tỳ-kheo 共比丘. Pali: bhikkhūnaṃ, sở hữu cách số nhiều của bhikkhu: (học xứ) của các tỳ-kheo. Bản Hán hiểu là chỉ định cách: ‹đối với (=dành cho) các Tỳ-kheo›.

[62] . Đồng giới 同戒; Ngũ phần: đồng học giới pháp 同學戒法; Thập tụng: đồng nhập tỳ-kheo học pháp 同入比丘學法 ; Căn bản: đồng đẳng học xứ. Pali: sikkhā-sājīva-samāpanno, đã chấp nhận đời sống và học xứ (của các tỳ-kheo); giải thích (Vin. iii. 23): sikkhā (học) chỉ cho ba học: tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ (adhisīla, adhicitta, adhipaññā); sājīvaṃ (đời sống): chỉ các học xứ mà Phật đã qui định (bhagavatā paññattaṃ sikkhāpadaṃ).

[63] . Nghĩa là, cảm thấy xấu hổ khi nghĩ mình là tỳ-kheo. Cf. Pali, Vin.iii.24: bhikkhubhāvaṃ aṭṭīyamāno harāyamāno, khó chịu và xấu hổ vì mình là tỳ-kheo.

[64] . Cf. Pali, nt., sāmaṇerabhāvaṃ patthayamāno, ước muốn làm sa-di (hơn là làm tỳ-kheo).

[65] . Cf. Pali, nt., titthayasāvakabhāvaṃ patthayamāno, ước muốn làm đệ tử của ngoại đạo

[66] . Chư phạm hạnh 諸梵行 ; cũng nói là đồng phạm hạnh (Pali: sabrahmacārin) đây chỉ các tỳ-kheo đồng học, hay bạn đồng tu.

[67] . Hán: giới luy 戒羸 . Pali, nt., dubbalyaṃ, sự yếu đuối (của mình).

[68] . Bất tịnh hạnh (hành) 不淨行 , cũng nói là phi phạm hạnh. Phạm hạnh (Skt.=Pali: brahmacariya) nguyên nghĩa, sống cuộc đời (đoạn dục để) phụng sự Phạm thiên. Trong Phật giáo, chỉ sự đoạn trừ dâm dục. Luận trí độ 20: «Chư thiên đoạn trừ dâm dục đều được gọi là Phạm.» Hán dịch «tịnh hạnh» theo nghĩa ly dục thanh tịnh.

[69] . Ngũ phần (T22n1421, tr.4c21): «Ba-la-di, gọi là đọa pháp, là ác pháp, là đoạn đầu pháp.» Tăng kỳ (T22n1425, tr.237b24): «Ba-la-di, là đối với pháp trí mà thối thất, đọa lạc, không có đạo quả phần.» Thập tụng (T23n1435, tr.4b13): «Ba-la-di, là đọa lạc, không bằng 墮不如; là tội cực ác, sâu nặng.» Căn bản (T23n1442, tr.630c6): «Ba-la-thị-ca 波羅市迦, là tội cực trọng, rất đáng ghê tởm, rất đáng bị ruồng bỏ... mất thể tính Bí-sô, trái ngược với thể tính Niết-bàn; là sự đọa lạc, sụp đổ, bị kẻ khác đánh bại không còn cứu được nữa.» Pali, Vin.iii.28: pārājiko hotī ti seyyathāpi nāma puriso sīrascchinno abhobbo tena sarīrabandhanena jīvituṃ, «Pārājika, người phạm ba-la-di, như một người mà cái đầu đã bị chặt không thể sống với thân được ráp nối lại.»

[70] . Bất cộng trú 不共住. Pali, nt., asaṃvāso ti saṃvāso nāma ekakammaṃ ekuddeso samasikkhatā, «Bất cộng trú: đồng

nhất yết-ma, đồng nhất thuyết giới, đồng đẳng học xứ, đó là cộng trú.»

[71] . Nhị hình 二形 . Ngũ phần, Thập tụng: nhị căn 二根. Pali: ubhatovyañjana, lưỡng tính, ái nam ái nữ.

[72] . Huỳnh môn 黃門 , bất năng nam 不能男. Căn bản: bán-trạch-ca 半擇迦. Pali: paṇḍaka, người bị hoạn/ thiến.

[73] . Phi nhân 非人 , chỉ các loại trời, thần, và tương tự. Pali: amanussa.

[74] . Đạo 道, chỉ các đường đại và tiểu tiện; phi đạo 非道, chỉ các đường khác. Pali: magga: passāva-magga, vacca-magga.

[75] . Thâu-lan-giá 偷蘭遮 . Ngũ phần: thâu-la-giá 偷羅遮. Pali: thulla/thūlaccaya; Skt. sthūlātyaya, dịch: thô tội, đại tội, trọng tội; Thiện kiến 9: «Thâu-lan (Pali: thulla, thūla; Skt. sthūla), nghĩa là lớn. Giá 遮, chỉ sự chướng ngại đạo, về sau đọa ác đạo.»

[76] . Thập tụng (T23n1435, tr.2c29), nhân duyên Nan-đề: Phật tại Xá-vệ. Bấy giờ Nan-đề tu thiền trong rừng, bị Ma thiên thần dụ, dẫn đến chỗ hành dâm với con ngựa cái đã chết. Ngay sau đó tức thì tỉnh ngộ, chạy thẳng về tinh-xá, khẩn thiết xin Tăng đừng diệt tẫn. Phật khiến các tỳ-kheo tác pháp bạch tứ yết-ma cho Nan-đề sám tội ba-la-di, gọi là «Yết-ma dữ học pháp 與學法 .» Nhân đó, Phật quy định các điều kiện và các phận sự cho tỳ-kheo được dữ học pháp. Cf. Tứ phần 35 (T22n1428, tr.809a8), về yết-ma dữ học pháp cho Nan-đề.

[77] . Tăng kỳ (T22n1425, tr.238a23) phần kết, «Thế tôn trú tại thành Tỳ-da-ly, sau thành đạo năm thứ 5, nửa tháng thứ năm, ngày 12, sau bữa ăn trưa, bóng ngả về phía đông cỡ nửa người đang ngồi, nhân trường hợp Trưởng lão Da-xá Ca-lan-đà Tử, chế giới này.»

[78] . La-duyệt thành Kỳ-xà-quật sơn 羅閱城耆闍崛山. Ngũ phần (T22n1421, tr.5b1), Phật tại Vương-xá thành王舍城. Căn bản (T23n1442, tr.635c24): Phật tại Vương-xá, bên bờ ao Yết-lan-đạc, trong vườn Trúc lâm 王舍城羯蘭鐸迦池竹林園中. Pali, Vni.iii.41: rājagahe viharati gijjhakūṭe pabbate.

[79] . Đàn-ni-ca đào sư tử 檀尼迦陶師子 . Ngũ phần, Thập tụng: Đạt-ni-ca 達尼迦. Tăng kỳ: ngoã sư tử trưởng lão Đạt-nị-già 瓦師子長老達膩伽. Căn bản: Đản-ni-ca bí-sô đào sư tử 但尼迦苾芻陶師子. Pali: dhaniyo kumbhakāraputto.

[80] . Nhàn tĩnh xứ 閑靜處 , cũng nói là a-lan-nhã (Pali: arañña), thường chỉ khu rừng vắng, không thú dữ. Ngũ phần: Ất-la sơn 乙羅山. Căn bản: tại a-lan-nhã 阿蘭若. Pali: Isigilipassa, hang Tiên nhân.

[81] . Hán: toàn thành ngõa ốc 全成瓦屋. Pali: sabbamattikāmayaṃ kūṭikaṃ, căn nhà làm toàn bằng đất sét.

[82] . Ngũ phần (T22n1421, tr.5b21): Tỳ-kheo làm nhà toàn bằng gạch nung, phạm thâu-lan-giá.

[83] . Pali còn thêm: mā pacchimā janatā pāṇesu pātavyataṃ āpajjati, chớ để người sau gây hại cho các sinh vật.

[84] . Ma-kiệt quốc Bình-sa vương 摩竭國瓶沙王. Thập tụng: Ma-kiệt quốc chủ Vi-đề-hi Tử A-xà-thế vương

摩竭國主韋提希子阿闍世王. Căn bản: Ma-yết-đà quốc Thắng Thân chi tử Vị Sinh Oán Vương 摩揭陀國勝身之子未生怨王. Pali, Vin.iii.43, chuyện xảy ra dưới triều vua Seniya Bimbisāra vua nước Magadha.

[85] . Thủ tài nhân 守材人. Ngũ phần: điển tài lệnh 典材令. Tăng kỳ: mộc tượng đại thần Da-thâu-đà 木匠大臣耶輸陀. Thập tụng: tài mộc sư 材木師. Căn bản: chưởng mộc đại thần 掌木大臣. Pali: dārugaha gaṇaka.

[86] . Cf. Vin.iii. 43: devagahadārūni nagarapaṭisaṅkhārikāni, gỗ được giữ cho Vua để tu sửa thành.

[87] . Ngũ phần: Vũ xá đại thần 雨舍大臣. Pali: Vassakāra, đại thần của nước Magadha.

[88] . Sát-lợi vương Thủy kiêu đầu chủng 剎利王水澆頭種.

[89] . Ca-lâu 迦樓. V.iii. 45: purāṇavohāriko mahāmatto, (tỳ-kheo) nguyên là đại thần tư pháp.

[90] . Vin. nt., ... coraṃ gahetvā hanati vā bandhati vā pabbājeti vā, «... sau khi bắt tên trộm hoặc sát hại, hoặc cột trói, hoặc trục xuất.»

[91] . Vin.nt., pādena... tena kho pana samayena rājagahe pañcamāsako pādo hoti, «bằng 1 pāda... thời bấy giờ, ở Rājagaha, 1 pāda = 5 māsaka.»

[92] . Ngũ phần, giới này được kết hai lần. Tăng kỳ, giới được kết ba lần; thời gian kết giới: Thành đạo năm thứ 6, mùa đông, nửa tháng phần hai, ngày 10 (tức ngày 20 tháng âm lịch), sau bữa trưa, lúc bóng sáng ngả về đông dài bằng 2 người rưỡi. Thập tụng, Căn bản, cũng như Tứ phần, giới kết một lần. Pali, giới kết hai lần.

[93] . Pali còn thêm yếu tố: chỗ mà một thương đội đóng trại hơn 4 tháng cũng được gọi là làng (gāma).

[94] . Nhàn tĩnh xứ. Ngũ phần, Tăng kỳ, Thập tụng: không địa 空地. Căn bản: không nhàn xứ 空閑處. Pali, Vin.ii.48: araññaṃ, khu rừng, và giải thích, trừ làng và các khu phụ cận làng, còn lại đều là arañña (ṭhapetvā gāmañ ca gāmūpacārañ ca avasesaṃ araññaṃ nāma).

[95] . Bất dữ thủ 不與取 . Pali: adinnaṃ nāmaṃ yaṃ adinnaṃ anissaṭṭhaṃ apariccattaṃ rakkhittaṃ gopitaṃ mamāyitaṃ parapariggahitaṃ (Vin.iii.46), vật không được cho, là những gì không được cho, không được tặng, không bị vất bỏ, được bảo vệ, được canh chừng.

[96] . Đạo tâm thủ 盜心取 ; Ngũ phần (T22n1421, tr.6a22): vật sở thuộc của người khác, được người khác bảo vệ, không được cho mà lấy, gọi là đạo tâm 盜心. Pali: theyyasaṅkhātan ti theyyacitto avaharaṇacitto, với tâm lén trộm, với tâm cướp giựt, gọi là (lấy) bằng cách lén trộm.

[97] . Ngũ tiền 五錢 ; Tăng kỳ (T22n1425, tr.244b1): Vương pháp không nhất định. Hoặc trộm nhỏ mà chết. Hoặc trộm lớn mà không chết. Theo phép vua Bình-sa, 19 tiền là 1 kế-lị-sa-bàn (Pali: kahāpaṇa); 1 kế-lị-sa-bàn phân làm tư; trộm vật giá trị ¼ thì bị tội chết. Căn bản: ngũ ma-sái 五摩灑. Pali, Vin.iii. tr.48: pañcamāsakaṃ. Theo nghĩa đen, 1 māsaka (Skt. māṣaka) là vật có giá trị trao đổi bằng 1 hạt đậu (đỗ).

[98] . Hán: tam chủng 三種, khác với trên chỉ 3 trường hợp; từ đây trở xuống, chủng (loại), chỉ các yếu tố hội đủ để cấu thành tội phạm.

[99] . Nên hiểu là 4 yếu tố hội đủ để cấu thành tội phạm.

[100] . Thập tụng: trọng vật 重物 , chỉ vật giá trị 5 tiền hoặc quá 5 tiền.

[101] . Hán: xứ 處, xác định nguyên vị trí của vật trộm để xác định yếu tố cấu thành tội phạm.

[102] . Pali: saṅketakammaṃ, hẹn nhau ăn trộm.

[103] . Pali: ocarako, trinh sát

[104] . Pali: oṇirakkho, người canh giữ tài vật (do người khác ký thác), lấy trộm vật mình canh giữ.

[105] . Tăng kỳ 3 (T22n1425, tr.245a28), 16 vật: đất, vật trong đất, nước, vật trong nước, thuyền, vật trong thuyền, cộ, vật trong cộ, loài bốn chân, vật trên (thân) loài bốn chân, hai chân, vật trên (thân) loài hai chân, không chân, vật trên (thân) loài không chân, hư không (?), vật trong hư không.

[106] . Địa xứ 地處. Pali: bhūmaṭṭhaṃ.

[107] . Nguyên Hán: sanh tượng 生像, Pali, theo nghĩa đen: jātarūpa.

[108] . Địa thượng xứ 地上處. Pali: thalaṭṭhaṃ, vật trên đất liền.

[109] . Hán: thừa 乘, cũng đọc là thặng. Ngũ phần: thừa thừa vật 乘乘物, xe cộ và vật trong xe cộ. Pali: yānaṃ yānaṭṭhaṃ xe cộ và vật trong/trên xe cộ.

[110] . Không xứ 空處; Ngũ phần: hư không vật 虛空物, chỉ vật được đặt vào hư không do bởi thần lực, hoặc vật ngậm bởi chim có chủ, hoặc vật có chủ mà gió thổi đến. Tăng kỳ: hư không hư không trung vật 虛空虛空中物, chỉ các loại cây lá, hoa quả. Pali: ākāsaṭṭhaṃ, vật trong hư không, chỉ những vật phi hành trong hư không (ākāsagataṃ): chim chóc, giải lụa, vải vóc, cho đến vàng (từ trên người) bị rơi xuống đất.

[111] . Thượng xứ 上處; trong liệt kê nói là thọ thượng 樹上. Pali: vehāsaṭṭhaṃ, nghĩa gần như trong hư không, nhưng được giải thích là vật trên giường, trên ghế, trên tượng, trên cọc, v.v...

[112] . Nguyên Hán: long nha 龍牙. Xem cht.39, Ni-tát-kỳ 15.

[113] . Pali: gāmaṭṭhaṃ, trong thôn xóm, vật được cất tại bốn chỗ: trong đất (bhūmaṭṭhaṃ), trên đất liền (thalaṭṭhaṃ), trong hư không (ākāsaṭṭhaṃ), trong khoảng trống (vehāsaṭṭhaṃ).

[114] . Xứ sở 處所, chỉ phạm vi cư trú của người. Pali: vihāraṭṭhaṃ, vật trong khu vực cư trú, có bốn chỗ, như trong thôn xóm, xem cht. 93 trên.

[115] . Bản Cao-ly: đài thuyền 臺船; Tống-Nguyên-Minh: hồ thuyền 壺船 Pali: nāvā nāma yāya tarati, thuyền, chỉ phương tiện qua sông.

[116] . Nhất mộc thuyền 一木船, loại ghe thuyền được làm từ một khúc cây/gỗ.

[117] . Quả thuyền 果船.

[118] . Huyền thuyền 懸船.

[119] . Nguyên Hán âm: thất-thâu ma-la 失收摩羅; Pali: suṃsumāra (Skt. śiśumāra), cá sấu.

[120] . Các loại hoa trong nước : ưu-bát-la 優钵羅 (Pali: uppala, Skt. utpala, sen/súng xanh, thanh thụy liên hoa); bát-đầu-ma 钵頭摩 (Pali: paduma, Skt. padma, sen/súng đỏ); câu-vật-đầu 拘勿頭 (Pali=Skt. kumuda, sen trắng, hay hồng), phân-đà-lị/lợi 分陀利 (Pali=Skt. puṇḍarīka, sen trắng).

[121] . Pali: suṅkaghāṭa, trạm thuế (tại các cửa khẩu biên giới).

[122] . Các thủ đoạn đánh tráo vật ký thác để sang đoạt.

[123] . Hán: dương chi 楊支 . Pali: dantapoṇaṃ, đồ chà răng, thường được làm bằng gỗ thông.

[124] . Hán: uất-châu-long-già 鬱周隆伽; Pali: uccāliṅga, loại mao trùng (sâu róm).

[125] . Hán: bách túc 百足; Pali: satapadī.

[126] . Đồng tài nghiệp 同財業.

[127] . Cộng yếu 共要; Pali: saṃketakamma.

[128] . Giáo thủ vật 教取物, dạy đi lấy vật không nhất thiết bảo đi ăn trộm.

[129] . Bản Hán, hết quyển 1.

[130] . Tứ phần, quyển 2 (T22n1428, tr.575c6); Ngũ phần 2 (T22n1421, tr.7a27); Tăng-kỳ 4 (T22n1425, tr.253c9); Tát-bà-đa 3 (T23n1440, tr.518a21); Thập tụng 2 (T23n1435, tr.7b21).

[131] . Tỳ-xá-ly 毘舍離; Sk. Vaiśālī (Pl.) Vesāli.

[132] . Di hầu giang biên 獼猴江邊; Thập tụng 2, Bạt-kỳ quốc Bạt-cầu-ma hà thượng 跋耆國跋求摩河上 tức Pali, sông Vaggumudā, thuộc nước Vajji, gần chỗ Phật nhập Niết-bàn. Pali, Vn.iii.70, Vesāliyam viharati mahāvane kūṭāgārasālāyaṃ, trú tại Vesālī, trong rừng Đại lâm, trong một ngôi nhà sàn.

[133] . Thuyết bất tịnh hành 說不淨行. Ngũ phần 2, nt., tu bất tịnh quán 修不淨觀; Pali, Vn.iii.nt., asubhabhāvana.

[134] . Nguyên Hán: tự hỉ nam tử...自喜男子; Thập tụng 2, nt., niên thiếu tự hỷ nghiêm sức 年少自喜嚴飾; Vn.iii.dd., maṇḍanajātiko, thích trang điểm.

[135] . Bà-cầu hà 婆裘河; tức Pali, sông Vaggumudā.

[136] . Vật-lực-già Nan-đề 物刀伽難提 (Sk. Mṛga-nandī?); Ngũ phần (T22n1421, tr.7b5), Di-lân chiên-đà-la 彌鄰旃陀羅, một người chiên-đà-la tên là Di-lân; Thập tụng 2 (T23n1435, tr.7c4), Lộc Trượng phạm chí 鹿杖梵志, một người phạm chí tên Lộc Trượng (Skt. Mṛgadaṇḍa, tức Pali Migadaṇḍa, thay vì Migalaṇḍa). Pali, Vn.iii.68, Migalaṇḍika samaṇakuttaka, một người giả trang Sa-môn tên là Migalaṇḍa.

[137] . Phụ chú trong bản Hán: «Nói Sa-môn chủng, chỉ dòng họ.» Tức Pali samaṇa-kūla: dòng họ Sa-môn, thay vì samaṇakuttaka, giả trang Sa-môn.

[138] . Bà-cừu viên 婆裘園; Thập tụng 2 (T23n1435, tr.7b21), Bạt-cầu-ma hà 跋求摩河; Pali, Vn.iii.68: Vaggumudā nadī, sông Vaggumudā

[139] . Tăng-kỳ 4 (T22n1425, tr.253c9): một tỳ-kheo bệnh lâu ngày, đau đớn không chịu nổi, bèn nhờ tỳ-kheo nuôi bệnh giết giùm.

[140] . Thập tụng (T23n1435, tr.7c7): Ma thiên thần 魔天神; Ngũ phần (T2n1421, tr.7b9): Tự tại thiên ma 自在天魔. Pali, Vn.iii.68: mārakāyikā devatā, một thiên thần thuộc hạ của Māra.

[141] . Thập tụng: đến trú xứ kia. Pali, Vn.iii.68: vihārena vihāraṃ pariveṇena pariveṇaṃ, từ tinh xá đến tinh xá, từ phòng đến phòng.

[142] . Thập tụng 2 (T23n1435, tr.7c15): ngày 15 trong tháng, lúc thuyết giới.

[143] . A-na-ba-na tam-muội 阿那般那三昧; Thập tụng 2 (T23n1435, tr.8a13): a-na ban-na niệm 阿那般那念; Ngũ phần 2 (T22n1421, tr.7c6): an-ban niệm 安般念; Pali, Vn. iii. 70: ānāpānassati-samādhi, sự tập trung trên hơi thở ra vào.

[144] . Hán: đoạn nhân mạng 斷人命; Pali: manussaviggahaṃ jīvitā voropeyya, tước đoạt sinh mạng của con người.

[145] . Ngũ phần 2, giới này được kết bởi ba lần: Lần thứ nhất, tỳ-kheo giết người, nhân duyên cũng gần như Tứ phần với một vài chi tiết khác biệt. Lần thứ hai, tỳ-kheo bệnh muốn tự sát, nhân vì có giới cấm giết người nên các tỳ-kheo đưa dao cho người bịnh tự sát; Phật kết thêm lần nữa. Thứ ba, tỳ-kheo bệnh muốn tự sát nhưng các tỳ-kheo không dám giúp phương tiện, bèn đi tìm thợ săn, khuyến khích giết giùm; Phật kết thêm lần nữa. Pali, Phật kết hai lần; lần thứ nhất, giết và giúp phương tiện tự sát; thứ hai, khuyến khích người tự sát. Tăng-kỳ và Thập tụng, kết một lần như Tứ phần. Đại tỳ-kheo giới bản (T1426, tr. 549c15): giới được kết sau khi thành Phật năm thứ sáu, ngày 9, nửa tháng phần thứ ba, mùa đông.

[146] . Hán: nhân 人. Pali: manussaviggaha, thân thể con người. Ngũ phần giới bản: nhược nhân, nhược tợ nhân 若人若似人. Thập tụng: nhược nhân nhược loại nhân 若人若類人 (người và loại tợ của người).

[147] . Hán: sơ thức 初識. Pali: paṭhaṃ paṭisandhicittaṃ, kết sanh tâm đầu tiên.

[148] . Hán: sát 殺. Văn kết giới nói: đoạn nhân mạng 斷人命, không nói từ sát.

[149] . Ỷ phát 倚發; bản Thánh: ỷ bát 倚撥.

[150] . Giáo sát 教殺. Pali: adhiṭṭhāyā, bằng sự giám thị (giám sát giết), tức giết bằng sự ra lịnh, hay chỉ đạo.

[151] . Bản Cao-li: ... khán giáo 看教...; bản Tống-Nguyên-Minh: ... khán sát 看殺...

[152] . Hán: tiền nhân 前人; đây chỉ thuộc hạ.

[153] . Hán: tùy ngữ trụ 隨語住; có lẽ chính xác là tùy ngữ vãng 隨語往, đi theo lời (chỉ đạo).

[154] . Hán: vãng lai sứ 往來使; Pali: gatapaccāgatena dūtena, bởi sứ giả đi và quay trở lại.

[155] . Hán: trùng sứ 重使. Pali: dūtaparamparāya, sứ giả này tiếp theo sứ giả khác, một chuỗi sứ giả.

[156] . Hán: triển chuyển sứ 展轉使. Pali: visakkiyena dūtena, bởi sứ giả lần lượt giết nhau (để phi tang thủ phạm).

[157] . Thân hiện tướng 身現相. Đây chỉ sự ra dấu để khuyến khích người tự sát. Pali, Vin.i.76: kāyena saṃvaṇṇeti.

[158] . Khẩu thuyết 口說; khuyên người tự sát bằng lời nói. Pali: vācāya saṃvaṇṇeti.

[159] . Khiển sứ 遣使; tức là sai người đi khuyến khích người kia tự sát. Pali: dūtena saṃvaṇṇeti, khuyến khích (chết) bằng sứ giả.

[160] . Khiển thư 遣書. Pali: lekhāya saṃvaṇṇeti, khuyến khích (chết) bằng cách viết (thư).

[161] . Hán: chấp thư 執書, nghĩa đen «cầm thư.» Pali: lekhaṃ chindati, «khắc văn tự;» VA. 452 giải thích: paṇṇe vā potthake vā akkharāni likkhati, «viết các chữ cái lên lá hay sách.» Văn luật, Vin.i.76, còn nói: akkharakkharāya āpatti dukkaṭassa, mỗi âm tiết là một tội đột-kiết-la.

[162] . Khanh hãm 坑陷; Ngũ phần 2 (T22, tr.9a1): ưu-bà-đầu 優婆頭 Tăng kỳ 4 (T22, tr. 256a6): ô-mãn-thổ 烏滿吐; Pali: opāta.

[163] . Ỷ phát 倚發; bản Tống-Nguyên-Minh: ỷ bát 倚撥. Thập tụng 2: cơ bát 機撥 (phát động bằng máy móc hay bẫy cài); Ngũ phần 2: a-ba-xa 阿波奢. Pali: apassena: vật để tựa, bẫy ngụy trang.

[164] . Hán: ỷ phát, xem cht. 143 trên.

[165] . Phi dược 非藥.

[166] . An sát cụ 安殺具. Ngũ phần: ưu-ba-hại 優波害; Tăng-kỳ: a-ba-khâm-mãn 阿波欽滿; Pali: upanikkhipana (skt, upanikṣepana)

[167] . Tăng-kỳ, (T22n1425, tr.257c4): hội đủ 5 yếu tố, phạm ba-la-di: 1. người; 2. có ấn tượng đó là người; 3. phương tiện để giết; 4. cố ý giết chết; 5. người ấy chết.

[168] . Tăng-kỳ 4 (T22n1425, tr.257c16): Phật tại Xá-vệ thành. Thập tụng 2 (T23n1435, tr.11a6): Phật an cư mùa hạ tại Duy-da-li. Pali, Vin. iii.87: Vesāliyaṃ viharati mahāvane kūṭāgārasālāyaṃ, trú tại Vesāli, trong rừng Mahāvana, trong một ngôi nhà sàn (Trùng các giảng đường).

[169] . Pali, nt: nạn đói kém tại Vajjī.

[170] . Ngũ phần 2 (T22n1421, tr.9b17): năm đại tặc 五大賊; Thập tụng 2 (T23n1435, tr.12a12): ba đại tặc 三大賊.

[171] . Đồng ý tỳ-kheo 同意比丘, xem cht. 169, ch.i (Tăng-già-bà-thi-sa 8). Ngũ phần 2, Pali: hỏi ý kiến A-nan.

[172] . Để bản: đoan nghiêm 端嚴. Bản Thánh: đoan nghiêm vi diệu pháp 端嚴微妙法.

[173] . Nhân pháp 人法 đồng nghĩa với nhân ấm 人陰: pháp ở đây được hiểu là uẩn, xứ và giới. Tăng kỳ (T22n1425, tr.260c24): nhân pháp, chỉ ngũ dục, 5 hạ phần kết... cho đến, 10 thiện và bất thiện nghiệp đạo.

[174] . Ngũ phần (T22n1421, tr.9c24): quá nhân pháp 過人法, chỉ hết thảy pháp xuất yếu , tức các thiền, giải thoát, tam-

muội, chánh thọ, các Thánh đạo và Thánh quả. Tăng kỳ (T22n1425, tr.261a7): quá nhân pháp, chỉ 10 trí,... vô sanh trí,... cho đến 10 vô học pháp, 10 lậu tận lực. Pali, Vin.i.91: uttaramanusadhammo nāma jhānaṃ vimokkho samādhi samāpatti ñāṇadassanaṃ..., «Pháp của bậc thượng nhân, chỉ cho thiền, giải thoát, chánh định, chánh thọ, tri kiến...»

[175] . Hán: tự ngôn 自言, tức nói những điều liên hệ đến mình, nói gợi ý về mình. Pali: attupanāyikam

[176] . Niệm tại thân 念在身; đây chỉ thân niệm xứ. Tham chiếu, Trường A-hàm 9 (T1, tr.50c9), Trung A-hàm 24 (T1, tr.582b20), Pháp uẩn túc luận 5 (T26, tr.475c27); Pali, D.ii. tr. 94, 290 (No 22. Mahāsatipaṭṭhāna, i. tr.56 (Satipaṭṭhāna): idha bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassaṃ, «Tỳ-kheo sống quán thân nơi thân, bằng nhiệt tâm, bằng chánh trí, chánh niệm, có thể chế ngự tham ưu ở đời.»

[177] . Đắc 得, bản Thánh: phục 復.

[178] . Hữu giác hữu quán tam-muội 有覺有觀三昧 hay hữu tầm hữu tứ tam-ma-địa (đẳng trì; pali: savitakka-savicāra-samādhi), chánh định với sự có mặt của tầm và tứ; chỉ trạng thái sơ thiền. Cf. Câu-xá 28, (T29, tr.149c5).

[179] . Vô giác hữu quán tam-muội 無覺有觀三昧 , hay vô tầm duy từ tam-ma-địa, trạng thái trung gian tĩnh lự, giữa sơ và nhị thiền. Cf. Câu-xá 28, (T, tr.149c5).

[180] . Chỉ các trang thái định từ nhị thiền trở lên.

[181] . Không, vô tướng, vô tác tam-muội 空無相無作三昧, hay không, vô tướng, vô nguyện tam-ma-địa, chỉ ba giải thoát môn . Cf. Câu-xá 28, (T29, tr.149c22).

[182] . Chánh thọ , cũng dịch là đẳng chí (Pali. samāpatti: tam-ma-bát-để).

[183] . Trừ nhập chánh thọ 除入正受, chỉ 8 thắng xứ (Pali: aṭṭha abhibhāyatanāni); Cf. Câu-xá 29, (T29, tr.151c12); Cf. Pali, D.iii. tr.260, Saṅgīti-suttanta.

[184] . Nhất thiết nhập 一切入 , chỉ 10 biến xứ định (Pali: dasa kasiṇāyatanāni). Cf. Câu-xá 29 (T29, tr.151c24); D.iii. 268 (Saṅgītisuttanta).

[185] . Pháp trí 法智 (skt. dharma-jñāna), trí tuệ nhận thức bốn Thánh đế thuộc Dục giới. Xem Câu-xá 26, (T29, tr. 135b6).

[186] . Tỉ trí 比智 hay loại trí (Skt. anvaya-jñāna), trí nhận thức bốn Thánh đế thuộc thượng giới. Xem Câu-xá 26, (T29, tr. 135b6).

[187] . Đẳng trí 等智 , có lẽ chỉ hiện quán biên thế tục trí (Skt. abhisamayāntyākhya-laukika-jñāna), tức trí thuộc phàm phu địa tu quán 16 hành tướng của bốn Thánh đế. Xem Câu-xá 26, (T29, tr. 183b15).

[188] . Kiến 見, chỉ tri kiến trong giai đoạn kiến đạo (darśnamārga).

[189] . Chỉ tỳ-kheo không thân thiết.

[190] . Các luật khác không nói đến trường hợp không phạm này.

[191] . Ca-lưu-đà di; Ngũ phần 2: trưởng lão Ưu-đà-di 長老優陀夷; Tăng-kỳ 5: Tỳ-kheo Thi-lị-da-bà 時有比丘名尸利耶婆. Pali: Udāyin hành thủ dâm, rồi bảo Seyyasaka làm theo. Sớ giải nói Udāyin này là Lāḷudāyi, Hoà thượng của Seyyasaka.

[192] . Hán: dục ý xí thạnh 欲意熾盛.

[193] . Ngũ phần 2. tr.10b22: không có tâm giác pháp 無覺法心.

[194] . Minh tướng 明相; Ngũ phần: minh tưởng 明想

[195] . Hán: lộng 弄. Tứ phần: cố lộng âm xuất tinh 故弄陰出精. Ngũ phần: cố xuất bất tịnh 故出不淨; Tăng kỳ, Thập tụng: cố

xuất tinh 故出精. Pali: sañcetanikā sukkavisaṭṭhi, cố ý làm xuất tinh.

[196] . Ngũ phần: 10 loại. Thập tụng: 5 loại. Pali, 10 loại: nīlaṃ pītakaṃ lohitaaṃ oḍātaṃ takkavaṇṇaṃ dakavaṇṇaṃ telavaṇṇaṃ khīravaṇṇaṃ dadhivaṇṇaṃ sappivaṇṇaṃ; không giải thích chi tiết.

[197] . Lạc sắc 酪色, tức Pali dadhivaṇṇamṃ.

[198] . Lạc tương sắc 酪漿色, tức Pali sappivaṇṇaṃṃ.

[199] . Ngũ phần: 10 mục đích cố ý xuất tinh, đại để như Tứ phần. Căn bản Tì-nại-da, có 5 mục đích.

[200] . Tăng kỳ 5: Mắt thấy, v.v…, sanh ý tưởng dâm dục; sau đó, bằng sự hồi tưởng (ức niệm), dục tâm phát sanh. Thập tụng 3: ba yếu tố thành phạm: phát tâm, thân động, xuất tinh.

[201] . Hán: thất bất tịnh 失不淨, «làm thất thoát cái bất tịnh,» tức xuất bất tịnh hay xuất tinh. Các bản: thất 失; bản Thánh: xuất 出.

[202] . Thọ sắc 受色. Ngũ phần: nội sắc chỉ cho tự thân 己身. Thập tụng: nội thọ sắc 內受色 sắc có chấp thọ thuộc nội thân (xem Câu-xá 1, tr.2c), chỉ sự thủ dâm bằng cách dùng tay, chân, miệng, v.v… Cf. Tăng kỳ: thân, thân phần, thân hiệp 身身分身合 thân: tất cả dao động của thân làm xuất tinh; thân phần; dùng tay hay chân, hay một bộ phận của thân mình làm xuất tinh; thân hiệp: dùng các phương tiện ngoài như đất, nước, chăn, gối... Pali, Vin.iii.112: ajjhatarūpe moceti, xuất trong nội sắc; thích từ: ajjhatarūpeti ajjhattaṃ upādinne rūpe, nội sắc, sắc được chấp thủ nội thân.

[203] . Thập tụng: ngoại bất thọ sắc 外不受色. Ngũ phần, ngoại sắc: thân người khác 他身.

[204] . Pali, id., ākāse kaṭiṃ kampento moceti, xuất trong khi làm dao động phần mông trong không gian.

[205] . Niết-bàn-tăng 涅槃僧 ; Skt.=Pali: nivāsana, quần, hạ y 下衣, nội y 內衣.

[206] . Hán, hết quyển 2.

[207] . Tăng kỳ 5: Phật tại Vương-xá, Ca-lan-đà Trúc viên. Sa-di-ni Chi-lê 支梨, đệ tử của tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la 優钵羅, được sai mang y đến cho Ưu-đà-di; bị Ưu-đà-di dẫn vào phòng riêng rồi ôm. Tiếp theo, một chuỗi sự kiện với nhiều người khác nhau.

[208] . Dâm dục ý 淫欲意; Ngũ phần 2 (T22n1421, tr.11a28): dục thạnh biến tâm 欲盛變心. Tăng kỳ 5 (T22n1425, tr.265c23): dâm dục biến tâm 淫欲變心; thích từ: tâm quá khứ diệt tận, biến dịch, nói là biến. Nhưng biến dịch ở đây chỉ cho sự biến dịch đối với căn, lực, giác chi, đạo chủng. Pali, Vin.iii.120: otiṇṇo vipariṇatena cittena, bị ức chế bởi tâm biến đổi; thích từ: otiṇṇo, chỉ tâm tham ái bị buộc chặt bởi sự khát vọng dục tình.

[209] . Ngũ phần, nt.: người nữ , kể cả trẻ mới sinh. Pali, ibid, người nữ, kể cả trẻ mới sinh, chỉ loài người chứ không phải dạ-xoa, quỷ, súc sinh.

[210] . Hán: thân tương xúc 身相觸; Ngũ phần: thân tương ma xúc 身相摩觸. Pali, Vin.iii.119: kāyasaṃsaggaṃ samāpajjeyya, tiến đến chỗ giao hội của thân thể. Sớ giải: hatthaggahaṇādi kāyasampayogaṃ, sự kết hợp thân thể bằng sự nắm tay v.v…

[211] . Hán: trùng ma 重摩, không có giải thích. Căn bản: cực xúc 極觸. Pali: parāmasanā. xoa bóp cùng khắp; Sớ giải: parāmasanā nāma itocito ca saṃpaṇā, xoa bóp cùng khắp, nghĩa là sờ mó chỗ này, chỗ kia.

[212] . Căn bản Tì-nại-da 11, tr.683c, 9 động tác phạm tăng-già-bà-thi-sa: xúc 觸, cực xúc 極觸, bằng 憑, tróc 捉, khiên 牽, duệ 曳, thướng 上, há 下, biến bão 遍抱. So sánh Pali, Vin.iii.121, các động tác xúc chạm: āmasanā parāmasanā omasanā ummasanā olaṅghaṇā ullaṅghaṇā kaḍḍhanā patikaḍḍhanā abhiniggahaṇā abhinippīḷaṇā gahaṇaṃ chupaṇaṃ, vuốt ve, vuốt khắp, vuốt xuống, vuốt lên, khom xuống, ngữa lên, ôm chặt, áp sát, cầm nắm, sờ mó.

[213] . Ma 摩. Ngũ phần: ma xúc 摩觸. Thập tụng: ma tróc 摩捉. Căn bản: xúc 觸. Pali: āmasanā, do động từ masati (Skt. mṛś): sờ mó, vuốt ve.

[214] . Khiên 牽. Căn bản: khiên, từ xa kéo lại gần (mình).

[215] . Hán: nại 捺. Pali: chupanaṃ nāma phuṭṭhamattaṃ, sờ mó, chỉ xúc chạm thôi.

[216] . Hán: thân y xúc thân y anh lạc cụ 身衣觸身衣瓔珞具 Tham chiếu Pali, Vin.iii.122: ...itthiyā kāyapaṭibaddhena kāyapaṭibaddhaṃ āmasati, bằng trang phục nơi thân (của tỳ-kheo) mà xúc chạm trang phục nơi thân của người nữ...

[217] . Nhị hình 二形; Ngũ phần, Tăng-kỳ, Thập tụng: hoàng môn 黃門; Pali: paṇḍaka.

[218] . Thảo cốc 草 [艹/告]; Tống-Nguyên-Minh: thảo nghiết 草秸. Đây chỉ cây cỏ rỗng ruột có thể gợi dục. Các luật khác không nói các trường hợp đột-kiết-la này.

[219] . Tứ phần, quyển 3 (T22, tr.581btt); Căn bản, quyển 11 (T23n1442, tr.684a15); Tát-bà-đa, quyển 3 (T23, tr.520b9); Thập tụng, quyển 3 (T23, tr.15c18); Ngũ phần, quyển 2 (T22n1421, tr.11b23); Tăng-kỳ, quyển 5 (T22n1425, tr.267c19); Pali, Saṅghādisesa 3, mātugāmaṃ dutthullāhi vācāhi obhāseyya,Vin. iii. 127.

[220] . Tăng kỳ: Phật tại Vương-xá.

[221] . Tăng kỳ: «nói lời xấu xa, tuỳ thuận pháp dâm dục, như nam nữ thiếu niên.» Căn bản: «nói lời thô bỉ xấu xa, không đứng đắn, liên hệ pháp dâm dục, như vợ chồng.» Pali, Vin.iii.128: duṭṭhullāhi vācāhi obhāseyya, yathā taṃ yuvā yuvatiṃ mehunūpasaṃhitāhi, nói những lời thô tục giống như thiếu niên nam nữ.

[222] . Căn bản, nhiễm triền tâm 染纏心.

[223] . Pali, Vin.iii.128: duṭṭhullā nāma vācā vaccamaggapassāmaggamethunadhammap-paṭisaṃyuttā vācā, những lời thô bỉ, là những lời liên hệ đến pháp dâm dục, liên hệ các đường đại, tiểu tiện.

[224] . Thập tụng (T23n1435, tr.16a16), chín trường hợp phạm: tán (khen ngợi), hủy (chê bai), khất (xin), nguyện (yêu cầu), vấn (hỏi), phản vấn (hỏi ngược), biện (biện giải), giáo (chỉ dẫn), mạ (mắng chửi) 讚毀乞願問反問辦教罵. Căn bản (T23n1442, tr.684b4), chín trường hợp 九事: nói đẹp, nói xấu, trực tiếp yêu cầu, phương tiện yêu cầu, hỏi thẳng, hỏi quanh co, dẫn sự, tán thán, sân chửi 謂善說惡說直乞方便乞直問曲問引事讚歎瞋罵. Pali, liên hệ đến hai đường, có 9 sự, như hai Luật bộ trên, dve magge ādissa vaṇṇampi bhaṇati, avaṇṇampi bhaṇati,yācatipi, āyācatipi, pucchatipi, paṭipucchatipi, ācikkhatipi, anusāsatipi, akkosatipi.

[225] . Hán: chỉ ấn 指印, tức Pali: aṅgulimuddikā, nhẫn dùng làm tín vật.

[226] . Nguyên Hán: bất tịnh ố lộ quán 不淨惡露觀, xem Trường A-hàm 9, kinh Thập thượng (T1, tr.52a7, 8); Pali: asubha-bhāvanā.

[227] . Dư thực pháp 餘食法, Tứ phần 14 (T22, tr.660a) ba-dật-đề 35: Tỳ-kheo ăn xong, được mời ăn thêm; không tác dư thực pháp mà ăn thêm, ba-dật-đề.

[228] . Nhất tọa thực 一坐食, mỗi ngày chỉ ăn một buổi trong một lần ngồi. Tứ phần 14, tr.660a: ba-dật-đề 35.

[229] . Bối nặc 唄匿; Pali. bhāṇaka, (người) đọc tụng, ca vịnh.

[230] . Ngũ phần, Tăng-kỳ, Thập tụng: Phật tại Xá-vệ. Căn bản: Thất-la-phiệt.

[231] . Ca-la 迦羅 ; Ngũ phần: trưởng giả Ca-lưu 長者名迦留; Thập tụng: Ca-la, con của trưởng giả Lộc Tử 鹿子長者兒名曰迦羅; Căn bản: Trưởng giả Hắc Lộc Tử 黑鹿子. Pali: āyasmā udāyī sāvatthiyaṃ kulūpako hoti, trưởng lão Udāyī thường xuyên lai vãng một gia đình trong Sāvatthi.

[232] . Ngũ phần, giới được kết hai lần: lần đầu, Ca-lưu mai mối làm vợ chồng. Lần thứ hai, nhóm sáu tỳ-kheo môi giới tư thông. Pali, học xứ này được kết hai lần. Lần đầu, do Udāyī mai nối làm vợ chồng. Lần thứ hai, do Udāyī mai mối cho tư thông.

[233] . Vãng lai, trong văn luật: vãng lai bỉ thử 往來彼此. Ngũ phần: hành môi pháp 行嫫法; Thập tụng: hành môi giá pháp 行嫫嫁法; Tăng kỳ: hành hoà hợp nam nữ 行和合男女. Pali: sañcarittaṃ samāpajjeyya, hành động làm môi giới.

[234] . Ngũ phần: nữ có mười hạng; nam có mười hạng. Thập tụng, mười bốn hạng nữ có giám hộ. Căn bản: bảy hạng phụ nữ, mười trường hợp tư thông. Thập tụng: mười bốn hạng nữ có giám hộ. Pali (Vin. iii. 139), 10 hạng nữ (không hay chưa chồng) và 10 loại vợ.

[235] . Hán: tỳ 婢. Pali: dāsī, giải thích: dāsī ceva hoti bhariyā ca, vừa là nô tỳ vừa là vợ.

[236] . Phóng khứ tỳ 放去婢.

[237] . Ngũ phần: pháp hộ 法護 , xuất gia theo chánh pháp, tu hành phạm hạnh. Nên hiểu là người nữ được bảo vệ bởi luật pháp. Căn bản: hữu pháp hộ 有法護, người nữ goá chồng, thủ tiết, không ai dám xâm phạm. Pali: dhammarakkhitā nāma sahadhammikā rakkhanti gopenti issariyaṃ kārenti vasaṃ vattenti (Vin. iii. 139), được giám hộ bởi pháp, tức là, những bạn đồng pháp (=đồng đạo) bảo vệ, canh chừng, làm chủ, kiểm soát.

[238] . Tự lạc 自樂 ; Ngũ phần: tự nhiệm 自任, người nữ sống theo sở thích. Tăng kỳ: tuỳ ý trú 隨意住, người nữ giao ước sống với người nam theo ý muốn, khi nào không còn muốn sẽ tùy ý bỏ đi. Căn bản: tự lạc phụ 自樂婦, hạng làm vợ do thân hành đi đến chỗ người nam mình thích, nói, «Tôi vui lòng làm vợ của ông.» Pali: chandavāsinī nāma piyo piyaṃ vāseti, hạng làm vợ được cầm giữ cho mục đích ham muốn, tức là người yêu cầm giữ người yêu.

[239] . Pali: paṭavāsinī nāma paṭaṃ datvā vāseti, hạng làm vợ được cầm giữ sau khi được cho áo.

[240] . Đồng nghiệp 同業; Thập tụng: hiệp sinh 合生, đề nghị người nam hiệp chung tài sản để sống chung; Căn bản: cộng hoạt 共活. Pali: kammakārī, vợ như là người chấp tác.

[241] . Thập tụng: thủy đắc 水得, người nam rót nước lên tay người nữ để xác nhận là vợ. Pali: odapattakinī nāma

udakapattaṃ āmasitvā vāseti, người nữ bưng bát nước, sau khi người nam trao cho bình nước, rồi nhận làm vợ.

[242] . Phóng khứ tỳ 放去婢; Tăng kỳ 6 (T22, tr.273b7): phóng 放, có hai. Hoặc bán: theo pháp của nước Phả-lê, nếu không thích vợ nữa có thể đem bán. Hoặc ly hôn: theo phép một số nước, nếu vợ chồng không yêu nhau nữa, đến quan nộp 3 tiền rưỡi và hai trương lụa thì có thể ly dị.

[243] . Biên phương đắc 邊方得; Căn bản: vương kỳ phụ 王旗婦. Pali: dhajāhaṭā, vợ cướp được do chinh phạt.

[244] . Pali, Vin. iii. 144, kuṭikāsikkhapadaṃ.

[245] . Tăng kỳ: Phật tại tinh xá Khoáng dã 曠野精舍; Thập tụng: Phật tại A-la-tì quốc 阿羅毘國

[246] . Khoáng dã quốc 曠野國; Ngù phần 3: A-trà-bệ ấp 阿荼髀邑; Thập tụng 3: A-tì-la tỳ-kheo 阿羅毘比丘. Pali: āḷavakā bhikkhū, các Tỳ-kheo người Āḷavī, một thị trấn nằm giữa Sāvatthī (Xá-vệ) và Rājagaha (Vương-xá).

[247] . Tăng kỳ, nt: Tôn giả Xá-lợi-phất.

[248] . Để bản: lãi kế 蠡髻; Tống-Nguyên-Minh: loa kế 螺髻. Pali: dve bhātaro isayo, hai anh em Tiên nhân

[249] . Ma-ni-kiền-đại 摩尼犍大. Pali: maṇikaṇṭho nāgarājā, Long vương Maṇikaṇṭha.

[250] . Anh lạc 瓔珞; Ngũ phần 2, hạt ngọc ma-ni 摩尼珠. Pali: ngọc maṇi.

[251] . Tăng kỳ 6: Tỳ-kheo tên Bạt-cừ 跋懅.

[252] . Để bản in thừa mấy chữ: Tỳ-kheo báo ngôn 比丘報言

[253] . Lại-tra-bà-la 賴吒婆羅, tức Lại-tra-hoà-la trong Trung A-hàm 31, con nhà phú hộ ở Xá-vệ, điển hình cho tín tâm bất động của thanh niên con nhà giàu có, quyết tâm xuất gia (T1, tr.623a). Cf. Pali, Raṭṭhapāla-sutta, M.ii.54ff.

[254] . Nguyên Hán: ốc 屋, nhà. Ngũ phần2 (T22, tr.14a20): phòng 房, mà bên trong có thể đi, đứng, nằm, ngồi. Thập tụng: xá, 舍, nhà ấm, nhà mát, điện đường, lầu gác, v.v... Pali (Vin. iii. 149): kuṭi, túp lều, hay chòi tranh.

[255] . Ngũ phần 2: không có chủ, nghĩa là không có đàn-việt (thí chủ).

[256] . Tự vị kỹ 自為己. Ngũ phần 2: vị thân 為身, làm cho mình, không phải cho người khác, hay làm cho Tăng.

[257] . Tăng kỳ 6 (T22n1425, tr.277c25): trường 長 (dài), tức chiều dọc; quảng 廣 (rộng), tức chiều ngang. Tu-già-đà chích thủ 修伽跎擿手, gang tay Phật (Thiện Thệ), bằng 2 thước 4 tấc. Căn bản: gang tay Phật gấp ba người thường. 12 gang tay người thường có 18 khuỷu. Pali: vidaṭṭhati = Skt. vitasti = 12 lóng tay, khoảng 9 inch.

[258] . Nạn xứ 難處; Ngũ phần: chỗ ngã tư đường nhiều người tụ tập; chỗ dâm nữ, chợ búa… Pali: sārambha, chỗ có nguy hiểm.

[259] . Phương xứ 妨處; Thập tụng 3 (T23n1435, tr.20c18): đất chung quanh túp lều ấy trong phạm vi một tầm mà là đất có tháp, đất của quan, của cư sỹ, ngoại đạo, trú xứ ni; có đá lớn, sông suối, hầm hố v.v… gọi là phương xứ. Tăng kỳ 6 (T22, tr.278b9): phi phương xứ, thất có bên phía, mỗi bên đủ chỗ cho cái thang 12 nấc 十二桄 梯 mà khoảng cách giữa 2 nấc là 1 khuỷu. Ngũ phần 2 (T22, tr.14a29): hữu hành xứ 有行處, chỗ có lối đi. Căn bản12: hữu tranh cạnh 有諍競, đất có tranh chấp, gần đó có quan sở, có nhà trưởng giả, nhà ngoại đạo, chùa ni… Pali: aparikkammana, chỗ không có lối đi.

[260] . Thảo xa 草車; Pali: yuttena sakaṭena, xe tải có bò kéo

[261] . Tăng kỳ 2: trước làm cầu thỉnh yết-ma, tức đề nghị Tăng họp để giải quyết đề nghị của tỳ-kheo hữu sự. Sau đó mới xin khất cầu yết-ma, nêu đề nghị Tăng giám sát việc cất thất hợp pháp.

[262] . Tăng kỳ 2: yết-ma Tăng sai, cử tỳ-kheo đại diện, tối đa 3 người. Tứ phần và Ngũ phần, không có văn yết-ma Tăng sai.

[263] . Hán: dữ xử phân 與處分; Pali: kuṭivatthudesana, chỉ định chỗ có thể cất thất.

[264] . Pali, Vin.iii.153: Tỳ-kheo sai bảo người cất thất, chỗ không được Tăng chỉ định, chỗ có nguy hiểm, không có lối đi, phạm một tăng-già-bà-thi-sa, hai đột-kiết-la.

[265] . Căn bản 12 (T23n1442, tr.689a24): tạo đại tự 造大寺. Tăng kỳ: đại phòng xá 大房舍. Pali, Vin. iii. 155: vihārakāra, làm tinh xá.

[266] . Cù-sư-la 瞿師羅. Pali: Ghositārāma.

[267] . Câu-thiểm-di 拘睒彌; Ngũ phần3: Câu-xá-di 拘舍彌. Căn bản 12: Kiều-thiểm-tì 憍閃毘.

[268] . Ưu-điền 優填. Tăng kỳ 6: có thí chủ tên A-bạt-tra 阿跋吒. Pali không đề cập tên vua. Theo các tài liệu Pali, thời Phật, vua nước Kosambī là Parantapa; người kế vị là Udena.

[269] . Xiển-đà 闡陀. Thập tụng: Xiển-na 闡那. Pali: Channa.

[270] . Ni-câu-luật thần thọ 尼拘律神樹. Pali: cetiya-rukkham, cây có miếu thần.

[271] . Pali, Vin. iii. 156: mahallako nāma vihāro sassāmiko vuccati, tinh xá có thí chủ làm cho được xem là lớn.

[272] . Thảo xa 草車; Pali: yuttena sakaṭena, xe tải có bò kéo.

[273] . Đạp-bà-ma-la Tử 沓婆摩羅子; Ngũ phần 3, Đà-bà Lực Sỹ Tử 陀婆力士子; Tăng-kỳ, Đà-phiêu Ma-la Tử 陀驃摩羅子; Thập

tụng 4, Đà-phiêu Lực Sỹ Tử 陀驃力士子; Căn bản 13, Thật Lực Tử 實力子. Pali: Dabba Mallaputta.

[274] . Đồng ý (tỳ-kheo) 同意者. Pali (Vin. iii. 159): sabhāgānān bhikkhūnaṃ, những tỳ kheo chung trong một nhóm.

[275] . Tỳ-kheo chỉ hành khất thực, không nhận thí chủ mời: một hạnh đầu đà.
[276] . Chỉ tỳ-kheo trì y pháp tảo: một hạnh đầu đà.
[277] . Nghĩa là, tỳ-kheo ăn xong rồi, không ăn thêm nữa, dù ăn chưa đủ no.
[278] . Bối nặc 唄匿; xem ch.ii, cht.39

[279] . Từ Địa 慈地, theo văn, hình như một người. Nhưng khi dùng các đại từ, văn Hán dịch nói ngã đẳng 我等 hay nhữ đẳng 汝等. Như vậy, Từ Địa không chỉ một tỳ-kheo, mà chỉ một nhóm tỳ-kheo. Ngũ phần 3: Từ Địa huynh đệ 慈地兄弟, nghĩa là hai người. Tăng kỳ 7: nhóm sáu tỳ-kheo. Thập tụng 4: Di-đa-la-phù-ma 彌多羅浮摩, một người. Căn bản 13: hai tỳ-kheo Thiện Hữu và Đại Địa 善友大地. Pali: Mettiyabhummajakā bhikkhū, các tỳ-kheo đồng bọn của Mettiya và Bhummaka, trong nhóm sáu tỳ-kheo.

[280] . Từ 慈. Pali: Mettiyā.
[281] . Hết quyển 3.

[282] . Căn bản 13 (T23n1442, tr.697c17), mười yếu tố phạm: 1-3. Không thấy, không nghe, không nghi, mà nói dối thật có thấy, nghe, nghi. 4-5, Nghe, nghi, rồi quên, nhưng nói là

không quên. 6-7. Nghe mà tin, nghe mà không tin, nhưng nói tôi thấy. 8-9. Nghe mà nghi, nghe mà không nghi, nhưng nói tôi thấy. 10. Chỉ tự nghi mà nói tôi thấy. Thập tụng 4 (T23n1435, tr.23b03) mười một yếu tố đối với tỳ-kheo không thanh tịnh: 1-3. Không thấy, không nghe, không nghi. 4-6. Thấy, nghe, nghi rồi quên. 7-8. Nghe rồi tin hoặc không tin. 9. Nghe mà nói là nghi. 10. Nghi mà nói là thấy. 11. Nghi mà nói là nghe.

[283] . Lời chua trong bản Hán.

[284] . Bốn ba-la-di.

[285] . Mười ba già nạn, có một trong các yêu tố này, không đắc giới tỳ-kheo.

[286] . Vin.iii. 166: Rājagahe viharati Veḷuvane Kalandanivāpe.

[287] . Pali: aññabhāgiyassa adhikaraṇassa, đối với tránh sự thuộc phần sự khác; vấn đề thuộc về thiên tội khác, hay tránh sự cơ sở khác.

[288] . Đoạn này và các đoạn kế tiếp, giải thích ý nghĩa thủ phiến 取片 Phiến, được hiểu là chứng cớ giả để vu khống, Pali: lesa. Cf. Vin.iii. 168: leso nāma dasa lesā, có 10 chứng cớ giả: đồng sinh (huyết thống), đồng danh, đồng tính, đồng tướng, đồng tội, đồng bát, đồng y, đồng Hoà thượng, đồng A-xà-lê, đồng tọa ngọa cụ .

[289] . Tứ sự pháp 四事法; tức bốn tránh sự: ngôn tránh, mích tránh, phạm tránh, sự tránh; cf. Tứ phần quyển 21. Pali, Vin, iii. 164: cattāri adhikaraṇāni: vivādādhikaraṇaṃ anuvādādhikaraṇaṃ āpattādhikaraṇaṃ kiccādhikaraṇaṃ.

[290] . Cf. Vin.iii.166: kathaṃ adhikaraṇaṃ adhikaraṇassa aññabhāgiyaṃ, thế nào là tránh sự thuộc phần sự (hay bộ

phận) khác của tránh sự? Đó là, ngôn tránh là phần sự khác đối với mích tránh, tội tránh và sự tránh…

[291] . Di-ni-sưu quốc A-nô-di giới 彌尼搜國阿奴夷界. Ngũ phần, Di-na ấp A-nậu lâm 彌那邑阿㝹林. Pali, Anupiyā, thị trấn thuộc xứ Malla, gần Kapilavatthu.

[292] . A-na-luật 阿那律. Pali, Anurudddha, anh em với Mahānāma, con Vua Amitodana (Hộc Phạn Vương). Vin. ii 183 (Cūḷavagga 7. Saṅghabheda).

[293] . Ma-ha-nam 摩訶男. Pali, Mahānama. Xem cht. 102 trên.

[294] . Bạt-đề 跋提. Pali, Bhaddiya, Vin.ii. 181.

[295] . A-nậu-di; ở trên âm là A-nô-di.

[296] . Tỳ-la-trà 毘羅荼 . Pali, Vin.i. 202: Belaṭṭhasīsa. Vị này nguyên là một người bà-la-môn ở Sāvatthi, xuất gia với Uruvela-Kassapa trước khi Phật thành đạo. Khi Uruvela-Kassapa theo Phật, ông cũng theo.

[297] . Bình-sa 瓶沙王 . Pali: Bimbisāra/ Seniya Bimbisāra, Vua nước Ma-kiệt-đà.

[298] . Vị Sanh Oán 未生怨. Pali: Ajātasattu/ Ajātasattu Vedehiputta, A-xà-thế Vi-đề-hy Tử.

[299] . Câu-thiểm-tỳ 拘睒毘國. Pali: Kosambī.

[300] . Ca-hưu-câu-la Tử 迦休拘羅子 . Vin.ii. 185, Kakudha/ Kakudha Koliya; nguyên là thị giả của ngài Đại Mục-kiền-liên . Cf. A.iii. 122ff.

[301] . Hoá tự tại 化自在天 ; Vin.ii. 185: adhunā kālaṅkato aññataraṃ manomayaṃ kāyaṃ upapanno, tái sinh với thân khác do ý sinh.

[302] . Cf. Vin. ibid., Phật cảnh giác Mục-liên: «Hãy giữ kín lời nói!»

[303] . Lời chua trong bản Hán.

[304] . Pali: quấn quanh mình một chuỗi rắn.
[305] . Pali, «Chớ ganh tị!», Vin.ii. 188.
[306] . Hán: thế thóa chi thân 涕唾之身. Pali, Vin.ii. 189: chavassa kheḷāsakassa, cái xác chết dính đàm dãi.
[307] . Trư khảm 豬坎. Pali: Sūkarakhatalena, hang đá trên sườn Linh thứu (Gijjhakūṭa).
[308] . Ngũ chủng tôn 五種尊. Pali: pañca satthāro.
[309] . Pali: aparisuddhājīvo, phương tiện sinh sống không thanh tịnh.
[310] . Pali: aparisuddhaññāṇadassano, tri kiến không thanh tịnh.
[311] . Pali: aparisuddhaveyyākaraṇa, sự giải thuyết (thọ ký) không thanh tịnh.
[312] . Pali: aparisuddhadhammadesana, sự thuyết pháp không thanh tịnh.
[313] . Đồng bọn của Đề-bà-đạt-đa: Tam-văn-đạt-đa 三聞達多, Kiền-trà-đạt-bà 騫荼達婆, Câu-bà-ly 拘婆離, Ca-lưu-la-đề-xá 迦留羅提舍. Pali, Vin.ii. 196: Kokālika, Kaṭamoraka-tissa, Khaṇḍadeviyāputta, Samuddadatta.
[314] . Xem Ba-đật-đề, điều 33, cấm biệt chúng thực.
[315] . Phá Tăng luân; Pali: saṅghabhedam, cakkabhedam: phá tăng và phá luân.
[316] . Nguyên Hán: tô diêm 酥鹽.

[317] . Ngũ phần 25 (T22n1421, tr.164a): 1. không ăn muối. 2, không ăn sữa đặc. 3. không ăn cá thịt. 4. Chỉ xin ăn, không nhận mời. 5. Xuân, Hạ, 8 tháng ngồi giữa chỗ trống; Đông 4 tháng sống trong am cỏ. Thập tụng 36 (T23n1435, tr.295a): 1. Mặc nạp y. 2. Chỉ khất thực. 3. Chỉ một lần ăn. 4. Ngồi giữa trời trống. 5. Không ăn thịt. Pali, Vin. ii. 197 , Vin. iii. 171: 1. Sống trong rừng. 2. Chỉ khất thực. 3. Mặc phấn tảo. 4. Sống dưới bóng cây. 5. Không ăn cá.

[318] . Tứ Thánh chủng 四聖種. Pali, cattāro ariyavaṃsā; cf. D.iii. 224.
[319] . Bản Hán, hết quyển 4.
[320] . Hán: phương tiện thọ hoại hoà hiệp Tăng pháp kiên trì bất xả 方便受壞和合僧法堅持不捨. Pali (Vin. iii.172): adhikaraṇaṃ samādāya paggayha tiṭṭheyya, sau khi gây ra một nguyên nhân tranh chấp, rồi chấp chặt không bỏ.
[321] . Pali: samānasaṃvāsako samānasīmayaṃ, đồng nhất trú xứ trong cùng một cương giới.

[322] . Trụ phá Tăng pháp 住破僧法; nhóm từ được giải thích không có trong Giới văn. Trong Giới văn, nhóm từ này Hán dịch là kiên trì (bất xả) 堅持不捨; Pali: tiṭṭheyya (na paṭinissajeyya): trụ vững, ngoan cố không chịu bỏ.

[323] . Hán: phương tiện dục phá hoà hiệp Tăng 方便欲破和合僧; Pali: samaggassa saṅghassa bhedāya parakkameyya, hoạt động nhằm đến sự tan vỡ của hoà hiệp Tăng.
[324] . Hán: thọ phá Tăng pháp 受破僧法; Pali: bhedanasaṃvattanikaṃ adhikaraṇaṃ samādāya, tiếp nhận, hay duy trì, tránh sự (điểm tranh chấp) có xu hướng phá vỡ Tăng.
[325] . Pali: vattabbo, cần được nói; tức thuyết phục cá nhân. Tỳ-kheo không nghe thuyết phục này, phạm đột-kiết-la (dukkaṭa)
[326] . Sau ba lần thuyết phục, vẫn cố chấp, Tăng tiến hành yết-ma ha gián; Pali: samanubhāsitabbo.
[327] . Hán: thuận tùng 順從; từ được thích nghĩa, nhưng trong Giới văn không có. Pali: anuvattaka, (người) đi theo, thuận tùng; được giải thích: người kia có quan điểm gì, xu hướng gì, sở thích gì, thì người này cũng đồng quan điểm, xu hướng, sở thích như vậy.

[328] . Hán: trợ bạn đảng ngữ 助伴黨語; từ được giải thích mà không có trong Giới văn. Pali: vaggavādaka.

[329] . Bản Hán dịch nhảy một đoạn, nên văn thiếu mạch lạc.
[330] . Ngũ phần, Tăng-già-bà-thi-sa 13; Pali, Saṅghādisesa 13.
[331] . Kỳ-liên 羈連. Pali: Kiṭāgiri.

[332] . A-thấp-bà 阿濕婆. Pali: Assaji. Đây là tỳ-kheo trong nhóm Lục quần (chabbagiyā); không phải Assaji Thera trong năm tỳ kheo đầu tiên (pañcavaggiya).
[333] . Phú-na-bà-sa 富那婆娑. Pali: Punabbasu.

[334] . Hán: tự tác lộng thân 自作弄身; nghĩa đen: đem thân mình ra làm trò đùa. Nhưng cụ thể không hiểu là làm trò gì.
[335] . Ca-thi quốc 迦尸國. Pali: Kāsī, 1 trong 16 nước lớn thời Phật. Thủ phủ là Bārāṇasī.
[336] . Tẫn yết-ma 擯羯磨. Pali: pabbājaniyakamma; đuổi Tỳ-kheo ra khỏi địa phương nơi mà họ đang mang tiếng xấu.
[337] . Hán: tác cử 作舉; tiến hành luận tội và buộc tội. Pali: codetabba.
[338] . Tác ức niệm 作憶念, khiến cho nhớ lại tội; khiến nhận tội. Pali: sāretabba.
[339] . Dữ tội 與罪, xác định tội. Pali: āpattiṃ ropetabba

[340] . Gia 家; được hiểu là gia đình, hay gia tộc. Pali: kula; được giải thích có bốn: khattiya-kulaṃ, brāhma-kulaṃvessakulaṃ. sudda-kulaṃ, tức gồm bốn giai cấp.

[341] . Ô tha gia 污他家. Pali: kuladusāko, giải thích: gây tai tiếng cho một gia đình bằng những biếu xén như là hình thức hối lộ.

[342] . Nương tựa nơi đó mà sống. Pali: upanissāya viharati, giải thích: nhờ nơi đó mà có được bốn nhu yếu là ẩm thực, y phục, ngọa cụ và y dược.
[343] . Tức làm cho mang tiếng xấu.
[344] . Hành ác hạnh 行惡行. Pali: pāpasamācāro, giải thích: trồng hoa hay sai người trồng hoa; tưới cây hay sai người tưới cây…
[345] . Giải thích những hành vi, cử chỉ tượng tự với đùa giỡn. Những điều nầy, một số liên hệ các ba-dật-đề, một số liên hệ các pháp chúng học.
[346] . Pali, Saṅghādisesa 12.

[347] . Pali: Kosambiyaṃ Ghositārāme.

[348] . Xiển-đà 闡陀, thường gọi là Xa-nặc, quân hầu ngựa của Thái tử. Pali: Channa

[349] . Hán: ác tánh bất thọ nhân ngữ 惡性不受人语. Pali: dubbacajātiko, bản tính khó nói; khó nói chuyện với.

[350] . Bản Hán có thể nhảy một câu: «Tỳ-kheo nói như vậy, là tự thân trở thành người không thể nói chuyện với.»

[351] . Ngũ phần 4 (T22n1421, tr.22c14). Tăng kỳ 7 (T22n1425, tr.289c18). Thập tụng 4 (T23n1435, tr.28b8). Căn bản 16 (T23n1442, tr.710a24). Pali, Aniyakaṇḍaṃ, Vin. iii. 186tt.

[352] . Trai ưu-bà-tư 齋優婆私. Tăng kỳ 7: Con gái của một người bà-la-môn quen biết. Thập tụng: người quen cũ là ưu-bà-di Quật-đa. Căn bản 16: ưu-bà-di Cấp-đa 笈多. Pali: con gái của một nhà thí chủ; không nói tên cô gái.

[353] . Tỳ Xá-khư Mẫu 毘舍佉母. Pali: Visakhā Migaramātā. Bà có nhiều con và cháu, tất cả đều giàu có. Vì vậy, trong mọi lễ hay tiệc, bà đều được mời. Bà đến nhà này cũng do được mời.

[354] . Tín nhạo ưu-bà-tư 信樂優婆私. Trong giới văn, nói là trụ tín ưu-bà-tư 住信優婆私. Tăng kỳ7 (T22n1425, tr.290c13): khả tín ưu-bà-di 可信優婆夷; có 16 điều để gọi là ưu-bà-di đáng tin: 3 quy y, 4 bất hoại tịnh, tăng chưa được lợi, giúp cho được lợi; đã được lợi, giúp cho tăng trưởng; tăng mang tiếng xấu, tìm cách dập tắt; không tùy ái, không tùy sân, không tùy bố, không tùy si; ly dục hướng thành tựu giới. Pali: saddheyyavacasā upāsikā, ưu-bà-di mà lời nói đáng tin; giải thích: đây chỉ người nữ đã đắc quả, đắc hiện quán, đã học hiểu giáo pháp.

[355] . Tăng kỳ 7: tác yết-ma mịch tội tướng mà xử trị.

[356] . Pali, aniyato, vì không xác định là ba-la-di, hay tăng-già-bà-thi-sa, hay ba-dật-đề, nên gọi là bất định.

[357] . Trai-ưu-bà-tư 齋優婆私. Xem cht.2 trên.

[358] . Pali, aniyato, vì không xác định là ba-la-di, hay tăng-già-bà-thi-sa, hay ba-dật-đề, nên gọi là bất định.

[359] . Cf, Tăng kỳ 8, tr.292b10: «Ni-tát-kỳ ba-dạ-đề, y dư cần phải xả trước Tăng; sau đó sám tội ba-dật-đề. Xả mà không sám hối, phạm tội việt tì-ni. Ba-dạ-đề, nghĩa là có thể đọa ác đạo.» Thập tụng 5, tr.30b12: «Ni-tát-kỳ ba-dạ-đề, y ấy cần phải xả. Tội ba-dạ-đề cần phải sám hối.» Căn bản 16: «Ni-tát-kỳ ba-dật-để-ca, vật ấy cần phải xả; tội ấy cần phải sám.» Pali (Vin.iii. 193): nissaggiya pācittiya.

[360] . Pali: Atirekacīvara, Vin. iii. 195.

[361] . Pali: Vesāliyaṃ viharati Gotamake cetiye, tại Vesāli (Tỳ-da-ly), trong tháp Gotamaka.

[362] . Quý giá phấn tảo y 貴價糞掃衣. Ngũ phần 4: 2 tấm vải kiếp-bối.

[363] . Pali: muốn cúng lại cho Xá-lợi-phất.

[364] . Y dĩ cánh 衣已竟. Pali: niṭṭhittacīvarasmiṃ, y đã hoàn tất; tức y đã may xong; bao gồm trường hợp y bị mất, y bị cướp, y bị cháy. Ngũ phần 4: giặt, nhuộm, và may xong.

[365] . Thiếu giải thích trong bản Hán. Ngũ phần 4 (T22n1421, tr.23b28): ca-thi-na đã được xả do bạch nhị yết-ma. Pali (Vin.iii. 196): ubbhatasmiṃ kaṭhine, được giải thích: ca-thi-na đã được xả do tám nguyên nhân; hoặc do Tăng tác pháp xả.

[366] . Hầu hết, Hán dịch y 衣 (Pali: cīvara), cần được hiểu là vải để may y, chứ không phải là áo mặc theo nghĩa đen của từ Hán.

[367] . Mười loại y: y thi (vải dệt thô), y kiếp-bối (vải), y khâm-bà la, y sô-ma (bố), y sấm-ma, y phiến-na, y ma (vải gai), y bí-di-la, y cưu-di-la, y sấm-la-bán-ni 絁衣劫貝衣欽婆羅衣芻摩衣讖摩衣扇那衣麻衣翅夷羅衣鳩夷羅衣讖羅半尼衣. Pali: cīvaraṃ, y ở đây chỉ sáu loại y (= vải) được chấp nhận: khomaṃ (vải lanh), kappāsikaṃ (vải bông), koseyyaṃ (lụa), kambalaṃ (lông thú), sāṇaṃ (vải gai thô), bhaṅgaṃ (vải bố).

[368] . Trường y 長衣 . Căn bản 16 (T23n1442, tr.711c25): «Ngoài những y đang thọ trì, còn lại gọi là y dư.» Pali: atirekacīvaraṃ, giải thích: y không được phân phối (anadiṭṭhita) và chưa được tác tịnh (avikappita).

[369] . Minh tướng 明相 , tướng sáng, dấu hiệu sáng. Pali: arnuggamane, khi mặt trời mọc.

[370] . Trong ngoặc: nguyên tiểu chú trong bản Hán.

[371] . Tiểu chú trong bản Hán.

[372] . Tịnh thí 淨施 , hay tác tịnh. Tăng kỳ 8 (T22n1425. tr.292b14): «Được phép chứa y dư trong vòng 10 ngày không tác tịnh. Quá 10 ngày, ni-tát-kỳ ba-dạ-đề.» Căn bản 16 (T23n1442, tr.711c26): «y dư trên 10 ngày, nếu tác phân biệt pháp (tác tịnh), được phép chứa.» Tứ phần, ba-dật-đề 59: có hai cách tịnh thí, chân thật và triển chuyển. Chân thật tịnh thí là biếu luôn. Triển chuyển tịnh thí chỉ cho trên danh nghĩa, người cho vẫn dùng với ý niệm «mượn tạm.» Pali, Pācittiya 59 (Vin.iv.122): vikappana, tác tịnh hay tịnh thí, có hai cách: sammukhavikappana, hiện tiền tác tịnh và parammukhavikappana, khiếm diện tác tịnh.

[373] . Pali, Vin.iii.197 (Pācittiya 1): Sau khi xả y dư, cần sám ba-dật-đề. Y phải được trả lại, nói: imaṃ cīvaraṃ āyasmato dammī'ti, «Y này tôi trả lại cho Trưởng lão.»

[374] . Sau khi đã xả như pháp.

[375] . Ba-lợi-ca-la 波利迦羅. Skt (=Pali). parikara, giây đai, giây nịt, để buộc y phục.

[376] . Phi y 非衣; không dùng làm y.

[377] . Tức triển chuyển tịnh thí. Xem cht. 14 trên

[378] . Hán: thủ trước 取著; chưa rõ nghĩa. Cf, Tứ phần 17, tr.676b13 (ba-dật-đề 59): «Vật đã chân thật tịnh thí, cần phải hỏi chủ sau đó mới dùng (Hán: thủ trước). Nếu là triển chuyển tịnh thí, không cần hỏi, tùy ý dùng (tùy ý thủ trước).» Cf, Tăng kỳ 8 (T.1425, tr.293a10): người khác nhận dùm y được cúng, nhưng chưa đưa; quá hạn, vẫn không phạm.

[379] . Cf, Tăng kỳ 8, nt., hoặc thầy, hoặc đệ tử nghe có người cho y, nhưng y chưa đưa đến. Quá hạn vẫn không phạm.

[380] . Cf. Tăng kỳ 8, nt., nhờ người may y. May đã xong, nhưng chưa giao. Quá hạn, vẫn không phạm.

[381] . Pali: Ticīvaravippavaseyya, Vin.iii. 198.

[382] . Càn tiêu bệnh 乾痟病 , chứng gầy còm, hay nhức đầu kinh niên? Từ điển Khang hy: tiểu 痟, chứng bịnh nhức đầu. Ngũ phần 4, một tỳ-kheo trì y phấn tảo, muốn đi xa, nhưng y quá nặng. Tăng kỳ 8: Xá-lợi-phất muốn về thăm quê; gặp phải lúc mưa dầm, tăng-già-lê nặng vì ướt sủng, nên không đi được. Căn bản 17: Ngày Tăng bố-tát, Đại Ca-diếp không đến được vì ở cách sông, gặp khi trời mưa, qua sông nước lớn, y bị ướt. Pali, Pācittiya 2: aññataro bhikkhu Kosambiyaṃ gilāno hoti, một tỳ-kheo ở Kosambi bị bịnh.

[383] . Một giới… nhiều giới; Thập tụng 5: một giới, biệt giới; Căn bản 17: một thế phần, nhiều thế phần. Nghĩa là, mỗi nơi có một hay nhiều phạm vi phụ cận. Pali: ekūpacāra, nānūpacra. Xem thêm cht. 29 dưới.

[384] . Hán: tràng 場.

[385] . Như trên? Các đoạn trên, chưa chỗ nào đề cập.

[386] . Chương i, Ba-la-di ii, phần thích nghĩa.

[387] . Tăng viện với một hay nhiều khu phụ cận. Pali, Vin.iii. 200: vihāro ekūpacāro nanūpacāro: tinh xá có một vùng phụ cận, hay nhiều vùng phụ cận. Căn bản 17, gọi là có một thế phần hay có nhiều thế phần. Một nhà có thể chỉ có một thế phần, nếu chỉ có một gia trưởng. Một nhà nhưng có nhiều thế phần, nếu có nhiều gia trưởng. Anh em chia nhau ở từng khu vực riêng.

[388] . Pali, Mahāvagga, Vin.i.111: 7 abhantara (a-bàn-đà). Khoảng cách giữa 2 cây là 1 abhantara.

[389] . Căn bản 17, tr.714c21: theo phép trồng xoài của Sanh Văn bà-la-môn (Pali. Jaṇussoṇī).

[390] . Xem cht.17, Ni-tát-kỳ 1 trên.

[391] . Pali: Nissaggiya 3, akālacīvaram uppajjeyya. Vin.iii. 202.

[392] . Y, ở đây đồng nghĩa như chữ vải. Xem cht. 7, ba-dật-đề 1 trên.

[393] . Căn bản: Ni-tát-kỳ 5. Pali, Nissaggtiya 5, Cīvarapaṭigganhaṇa, Vin. iii. 207ff.

[394] . Liên Hoa Sắc 蓮華色. Tăng kỳ 8, Ưu-bát-la tỳ-kheo-ni. Pali, Uppavaṇṇā.

[395] . Uất-thiền quốc 鬱禪國. Ngũ phần 5, Ưu-thiện-na ấp. Chuyện kể trong đây, Tứ phần và Ngũ phần gần giống nhau. Nhưng không được kể trong Pali.

[396] . Trong các tài liệu Pali, Uppavaṇṇā Therī nổi tiếng về bốn biện tài vô ngại (paṭisambhidā) và biến hoá thần thông (iddhivikubbana).

[397] . Không nhàn xứ 空閑處. Rừng hay a-lan-nhã. Lúc này Phật chưa qui định tỳ-kheo-ni không được sống trong rừng (ni bất trụ lan-nhã).

[398] . Ngũ phần 4, tr.25b29: trong rừng An-đà viên. Tại đây, một người bà-la-môn lẽn vào thất của Liên Hoa Sắc, cưỡng hiếp lúc bà đang ngủ. Giật mình thức dậy, bà vận thần thông bay đi. Người bà-la-môn rơi từ trên giường xuống địa ngục. Pali: rừng Andhavana.

[399] . Tỳ-kheo-ni không được bận y rách, và phải đủ 5 y: ngoài 3 y như tỳ kheo, còn có thêm tăng-kỳ-chi (Pali: samkacchika, yếm che ngực) và áo tắm.

[400] . Pali: bhikkhuniyā hatthato cīvaraṃ paṭigganheyya, nhận y từ chính tay tỳ-kheo-ni.

[401] . Hai bộ Tăng: Tăng tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni tăng.

[402] . Thân lý 親里. Pali: aññātikāya.

[403] . Căn bản 18: thân tộc; giải thích: cha mẹ của hai người đều có quan hệ thân tộc từ bảy đời.

[404] . Hán: mậu dịch 貿易. Pali: pārivattaka, trao đổi, giao dịch, không hàm ý buôn bán đổi chác. Được phép trao đổi với nhau trong năm chúng: tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni, thức-xoa-ma-na. Cf. Vin.iii. 209.

[405] . Căn bản, Ni-tát-kỳ 4. Pali: Nissaggiya 4, puṇacīvaradhovāpa. Vin. iii. 205ff.

[406] . * Bản Hán, hết quyển 6.

[407] . Pali, Nissaggiya 6 aññātakaviññatti, Vin. iii. 210.

[408] . Pali: seṭṭhiputta, con trai của một nhà phú hộ.

[409] . Tức chỉ còn quấn một chiếc xà-rông mà thôi, để mình trần.

[410] . Nguyên Hán: trừ dư thời 除餘時. Pali: aññatra samayā

[411] . Pali, giới văn: acchinnacīvaro vā, naṭṭacīvaro vā, y bị cướp và y bị hủy hoại. Phần giải thích nói, bị hủy hoại hoặc do lửa cháy, do nước cuốn, chuột mối gặm, hay sờn rách vì bận nhiều.

[412] . Pali, Nissaggiya 7, tatuttari, Vin.iii. 213.

[413] . Tự tứ thỉnh 自恣請. Pali: abhihaṭṭhuṃ pavāreyya

[414] . Pali, thêm yếu tố: aññatakassa gahapatissa vā gahapatāniyā, cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến.

[415] . Y giá 衣價. Pali: cīvaracetāpannaṃ, vật ngang giá cho y; giải thích: vàng, bạc, ngọc ngà, trân châu; hoặc mảnh vải, hoặc chỉ, hoặc gòn.

[416] . Cầu 求. Từ được giải thích, không có trong giới văn. Pali: vikappaṃ āpajjeyya, đề nghị.

[417] . Pali, Nissaggiya 9, dutiya-upakkhaṭa, Vin.iii. 217.

[418] . Pali, thêm yếu tố: không phải thân quyến.

[419] . Pali, Nissggiya 10, rājasikkhāpadaṃ, Vin.iii. 219.

[420] . Pali: paññāsaṃ baddho, phạt 50. Được giải thích là phạt 50 kahāpaṇa (tiền vàng).

[421] . Pali: ayaṃ tattha samīcī, đây là điều hợp cách. Và giải thích: ayaṃ tattha anudhammatā, ở đây điều này tùy thuận pháp tánh. Bản Hán đọc: ayaṃ tattha samayaṃ.

[422] . Pali: brāhmaṇo nāma jātiyā brāhmaṇo.

[423] . Pali, Nissaggiya 11, kosiya, Vin.iii. 223.

[424] . Khoáng Dã quốc 曠野國. Pali: Āḷavī.

[425] . Ngoạ cụ 臥具 Pali: santhata, đồ trải lót: chiếu, thảm, hay miếng vải. Các bộ khác: phu cụ 敷具.

[426] . Tạp dã tàm miên 雜野蠶綿 . Pali: kosiyamissakaṃ santhata, ngọa cụ chen tạp với lụa.

[427] . Nguyên Hán: miên 綿; bông gòn. Pali: các tỳ-kheo này đến nhà nuôi tằm (kosiyakāraka) đề nghị: luộc tằm (bāhu … pacatha) cho họ xin để lấy tơ làm chăn trải.

[428] . Ngũ phần 5, ni-tát-kỳ 21: tỳ-kheo làm ngọa cụ bằng kiêu-xa-da 憍賒耶; và giải thích: kiêu-xa-da là tơ (nguyên Hán, miên 綿: bông gòn) được làm từ con tằm. Tăng kỳ 9, ni-tát-kỳ 13: Tỳ-kheo lấy kiêu-xá-da 憍舍耶 tạp với lông dê thuần đen làm phu cụ. Thập tụng 24: kiêu-thi-da 憍施耶. Căn bản 20: dùng tơ tằm sống (dã tàm ty 野蠶絲) làm phu cụ.

[429] . Kiếp-bối 劫貝 (Pali: kappāsa, bông gòn), câu-giá-la 拘遮羅 (Pali: koseyya, tơ lụa, vải quyến), cỏ nhũ diệp, hoặc sô-ma 芻摩 (Pali: khoma, ma bố, vải gai), hoặc gai.

[430] . Ngũ phần 5, Ni-tát-kỳ 22. Tăng kỳ 9, Ni-tát-kỳ 11. Pali, Nissaggiya 12, suddhakāḷaka, Vin.iii. 223

[431] . Tỳ-xá-ly Lê-xa Tử 毘舍離梨車子. Pali không có chi tiết này.

[432] . Hán: thuần hắc nhu dương mao 純黑羺羊毛. Khang hy: nhu dương, tức hồ dương (một loại dê của người Hồ). Pali: suddhakāḷakānaṃ eḷakalomānaṃ, lông de thuần đen; eḷaka, một loại sơn dương.

[433] . Hán: chiên 氈; vật dụng bện bằng da thú hay giạ. Đây chỉ áo choàng bằng giạ.

[434] . Chiên ngọa cụ 氈臥具. Xem cht. 14, ni-tát-kỳ 10.

[435] . Hán: sanh hắc 生黑. Pali: jātiyā kālakaṃ.

[436] . Ngọa cụ 臥具. Căn bản 21 (T23n1442, tr.736b4): phu cụ 敷具 Ngũ phần 5, ni-tát-kỳ 23 (T.1421, tr.35a24); Tăng kỳ 9, Ni-tát-kỳ 12. Pali, Nissaggiya 13, dve bhāgā suddha-kāḷakānaṃ, Vin. iii. 226ff.

[437] . Thuần bạch dương mao 純白羊毛. Ngũ phần, nt.,Thập tụng, Căn bản, nt.: thuần hắc nhu dương mao 純黑羺羊毛. Pali: suddhakāḷakānaṃ eḷakalomāṇaṃ, lông dê toàn đen.

[438] . Hán: mang sắc 彤色. Thích từ không có trong giới văn. Ngũ phần 5 (T22n1421, tr.35b04), Thập tụng 4 (T23n1435, tr.48b11): đệ tứ phần hạ 第四分下; được giải thích: hạ, chỉ lông đầu, lông bụng, lông gót chân. 第四分下. Căn bản 21 (T23n1442, tr.736b09): đệ tứ phần thô 第四分麁, giải thích: thô, chỉ lông đầu, lông bụng và lông chân. Pali: catutthaṃ gocariyānam, phần thứ tư màu nâu đỏ (hạt sắc).

[439] . Bát-la 缽羅. Ngũ phần nt., Thập tụng nt.: ba-la 波羅. (Pali: pala, đơn vị trọng lượng) Căn bản 21 (T23n1442, tr.736b16): thí dụ, ngọa cụ nặng 10 cân, thì 5 cân toàn đen, 2,5 cân trắng và 2,5 cân thô. Cf. Pali (Vin.iii.227): 2 tūla (cân) đen, 1 tūla trắng, 1 tūla nâu đỏ.

[440] . Ngũ phần, Ni-tát-kỳ 24, (T.1421, tr.35b). Pali: Nissaggiya 14, santhanachabbassāni, Vin.iii. 227.

[441] . Xem Ni-tát-kỳ 2, cht. 24.

[442] . Tọa cụ 坐具. khăn trải để ngồi. Pali: nisīdana (ni-sư-đàn). Căn bản 21: phu cụ 敷具. Ngũ phần 5, ni-tát-kỳ 25 (T22n1421, tr.35c13). Pali: Nissaggiya 15, nisīdanadubbaṇṇa-karaṇa, Vin.iii. 230.

[443] . Thỉnh thực 請食. Thập tụng 7 (T23n1435, tr.49b16): nghinh thực phần 迎食分. Cư sĩ thỉnh Phật và các tỳ-kheo đến nhà thọ thực. Phật để các tỳ-kheo đi, Ngài ở lại tinh xá. Một tỳ-kheo mang thức ăn về cho Phật. Căn bản 21 (T23n1442, tr.737b23): thủ thực 取食 Pali, Vin.iii. 230: Phật độc cư ba tháng, không gặp bất cứ ai, trừ tỳ-kheo tống thực.

[444] . Long nha quyết 龍牙橛 . Xem, Thập tụng (T.1435, tr.60c22): tượng nha dặc 象牙杙.

[445] . Ngũ phần, ni-tát-kỳ 26. Pali: Nissaggiya 16: eḷakalomaharaṇa.

[446] . Bạt-nan-đà Thích tử 跋難陀釋子. Căn bản 21: Ô-ba-nan-đà, tức Pali: Upananda, dòng họ Thích-ca, thuộc nhóm sáu tỳ-kheo (Chabbaggiya). Pali. Vin. iii. 233: một tỳ-kheo đi từ Kosala đến Sāvatthi.

[447] . Câu-giá-la 拘遮羅, cỏ nhũ diệp 乳葉草, sô ma 芻摩, ma 麻, xí-la-bà-ny 廁羅婆尼. Các loại y.

[448] . Ngũ phần 5, Ni-tát-kỳ 27 (T22n1421, tr.36a26). Pali: Nissaggiya 17, elākaloma-dhovāpana, Vin. iii. 234ff.

[449] . Thích-sí-sấu 釋翅瘦 . Pali: Sakkesu viharati Kapilavatthusmiṃ Nỉgodhārāme, giữa những người họ Thích, trong tinh xá cây Đa, Ca-tỳ-la-vệ.

[450] . Pali, Nissaggiya 18, jātarūparajata, Vin. 111. 236. Ngũ phần, ni-tát-kỳ 30 (T22n1421, tr.37a27).

[451] . Xem ni-tát-kỳ 16 trên.

[452] . Sanh tượng; chỉ vàng nguyên, chưa chế biến. Pali: jātarūpa.

[453] . Căn bản 21 (T23n1442, tr.740a20): Bảo Kế 寶髻. Tăng kỳ 10 (T22n1425, tr.310c7): Chu-la tụ lạc chủ 周羅聚落主. Cf. Pali, Maṇicūḷa-sutta, S.iv. 325, Vin.ii.296.

[454] . Chỉ thọ nhận tiền bạc. Pali, S.iv. 325: na... kenaci pariyāyena jātarūparajataṃ sāditabbaṃ, tuyệt đối không thọ nhận vàng bạc.

[455] . Tức nhật thực hay nguyệt thực.

[456] . Ngũ phần: hoặc phát tâm nhận. Pali: upanikkhittaṃ vā sādeyya, nhận để gởi (ký thác). Các bộ có điểm bất đồng rất tế nhị khi giải thích điều luật này.

[457] . Hán: tri thị khán thị 知是看是; tương tự Pali: āvuso, imaṃ jānāhi, «Này ông, hãy nhận biết cái này.» Khi xả vật phạm, nếu có tịnh nhân hay cư sĩ đi đến, tỳ-kheo nói như vầy, tức là nhắc người ấy cất số tiền để ở đó mà tỳ-kheo không được phép cầm nắm. Cũng không được sai khiến người ấy nhận và cất giữ hộ.

[458] . Pali: Nissaggiya 19: rūpiyasaṃvohāra. Ngũ phần 5, ni-tát-kỳ 29 (T22n1421, tr.36c21). Tăng kỳ, ni-tát-kỳ 20 (T22n1425, tr.312c03). Căn bản 22 (T23n1442, tr.741c21): «Xuất nạp cầu lợi.»

[459] . Hán: chủng chủng 種種. Thập tụng (T23n1435, tr.51c13): chủng chủng dụng bảo 種種用寶. Pali (Vin.iii.239): nānappakārakaṃ, giải thích: katampi akatampa katākatampi, đã được chế biến thành các thứ trang sức, hoặc chưa được chế biến, hoặc nửa chế biến nửa chưa chế biến.

[460] . Vàng thành và vàng chưa thành, Hán: thành kim, vị thành kim 成金,未成金; Thập tụng: tác bất tác. Pali, nt.: katam, akatam: đã được chế biến thành nữ trang và chưa được chế biến.

[461] . Pali: rūpiya, chỉ chung vàng và bạc; giải thích: satthuvaṇṇo (vàng ròng) kahāpaṇo (tiền vàng) lohamasaki (tiền đồng) dārumasako (tiền gỗ) jatumasako (tiền hồ giao).

[462] . Pali (Vin.iii.242): Nissaggiya 20, kayavikkaya.. Ngũ phần, ni-tát-kỳ 28. Tăng kỳ, ni-tát-kỳ 19.

[463] . Hán: (nhất) Vô trú xứ thôn 一無住處村; chỉ thôn không có chùa của Tăng. Không rõ là từ chung hay tên thôn. Các bản không có chi tiết này.

[464] . Bản Hán, hết quyển 8.

[465] . Pali, Nissaggiya 21, atirekapatta, Vin. iii. 240. Ngũ phần, ni-tát-kỳ 20.

[466] . Đoạn sau, nói là Bạt-nan-đà.

[467] . Tô-ma quốc 蘇摩國. Một trong 16 đại quốc thời Phật, theo liệt kê của Trung A-hàm 55 (T1n26, tr.772b17). Liệt kê này không đồng nhất với Trường A-hàm 5 (Kinh Xà-ni-sa), và các bản Pali (A.vii.43 v.v.). Phiên Phạn ngữ 8 (T54n2130, tr.1035a18): Tô-ma, dịch là Nguyệt 月. Bát sản xuất tại nước Tô-ma được xem là 1 trong 6 loại bát hợp pháp.

[468] . Căn bản 22: không phân biệt. Xem cht. 14, Ni-tát-kỳ 1. Pali không có chi tiết này.

[469] . Ô-già-la quốc 烏伽羅國; địa danh sản xuất bát. Pali không đề cập. Có thể Pali là Ugga-nigama, một thị trấn trong Vương quốc Kosala.

[470] . Ưu-già-xa quốc 憂伽賒國; địa danh chưa rõ.

[471] . Pali: bát có hai loại, ba cỡ, như bản Hán, nhưng không nói xuất xứ của bát. Các bộ khác cũng không nói xuất xứ như Tứ phần.

[472] . Thiết bát, nê bát 鐵缽泥缽. Pali: ayopatta, mattikapatta.

[473] . Pali, Vin.iii. 243, bát có ba cỡ . Lớn, lượng một āḷhaka cơm; trung, một nāḷika cơm; nhỏ, một pattha. Thập tụng 7 (T.1435, tr. 53b): cỡ lớn, ba bát-tha cơm; cỡ nhỏ, một bát-tha.

[474] . Tiểu chú trong bản Hán.

[475] . Cho chóng hư. Xem Ni-tát-kỳ 1.

[476] . Pali, Nissaggiya 22, ūnapañcabandhana. Ngũ phần, ni-tát-kỳ 19.

[477] . Pali: yo ca tassā bhikkhuparisāya pattapariyanto, tối hạ bát của chúng tỳ-kheo đó. Ngũ phần 5 (T. 1421, tr.34a), Thập tụng 8 (T. 1435, tr.54b), Căn bản 22 (T. 1442, tr.745c): chúng trung tối hạ bát.

[478] . Nguyên Hán: thử thị thời 此是時. Ngũ phần, Thập tụng: thị pháp ưng nhĩ. Căn bản: thử thị kỳ pháp. Pali: ayaṃ tattha sāmīcī, đó là tiến trình hợp thức; giải thích: ayaṃ tattha anudhammatā, điều đó là sự tuỳ thuận pháp tánh trong đây.

[479] . Thập tụng, nt., gọi là yết-ma Tăng sai «hành mãn thủy bát nhân,» người thực hiện nghi thức bát đầy nước. Tức Tăng sai tỳ-kheo đổi bát. Đưa bát phạm xả, vì là tốt nhất, cho Thượng tọa lớn nhất. Nếu Thượng tọa nhận bát mới này, lấy bát cũ của Thượng tọa trao cho vị Thượng tọa kế. Lần lượt xuống đến tối hạ tọa. Cho đến khi, trong chúng không ai muốn đổi nữa, thì lấy bát được đổi cuối cùng trao cho tỳ-kheo phạm xả. Pali gọi đây là yết-ma Tăng sai người nhận bát để đổi (bhikkhu pattagāhāpako).

[480] . Văn hơi tối. Tham khảo Pali: na ca tassa anuddayatāya na gahetabbo. yo na gaṇheyya, āpatti dukkaṭassa, «(vị kế tiếp) không nên vì sự thương tưởng vị ấy (?) mà không nhận. Ai không nhận, phạm đột-kiết-la.» Câu văn Pali cũng không rõ, vì đại từ tassa có thể chỉ tỳ-kheo phạm xả, cũng có thể chỉ cho vị Thượng tọa vừa đổi bát. Bản dịch Anh hiểu nghĩa thứ hai. Nhưng hiểu nghĩa thứ nhất, thì tỳ-kheo này không nhận bát, để cuối cùng tỳ-kheo phạm xả vẫn nhận được bát tốt như ý muốn. Vì vậy, tỳ-kheo nào không nhận vì lý do này phạm đột-kiết-la.

[481] . Phi bát dụng 非缽用; sử dụng không đúng chức năng của bát.

[482] . Cho chóng vỡ.

[483] . Pali, Nissaggiya 26: Suttaviññatti. Ngũ phần, Ni-tát-kỳ 11. Tăng kỳ, Ni-tát-kỳ 26. Thập tụng, Căn bản, Ni-tát-kỳ 23.

[484] . Pali: tantavāyehi, bởi những người thợ dệt, không phân biệt thân lý hay không thân lý.
[485] . Pali: sáu loại chỉ để dệt sáu loại y cho phép. Ngũ phần cũng không phân biệt.

[486] . Các bản Tống-Nguyên-Minh không có câu lặp này.

[487] . Pali: Nissaggiya 27, Mahāpeskāra. Ngũ phần, Ni-tát-kỳ 12. Tàng kỳ, Ni-tát-kỳ 27.

[488] . Pali: aññātako gahapati, cư sĩ không phải bà con. Thập tụng, Căn bản: phi thân lý cư sĩ, cư sĩ phụ.

[489] . Tự tứ thỉnh 自恣請. Pali: pubbe pavārito, được yêu cầu nói sở thích.
[490] . Tăng kỳ, Ni-tát-kỳ 24. Pali, Nissaggiya 25, cīvara-acchindana.

[491] . Long nha dặc; xem cht. trên

[492] . Bản Hán, hết quyển 9.
[493] . Pali, Nissaggiya 23, bhesajja. Cf. Mahāvagga vi Bhessajja-kkhando, Vin.i.198. Ngũ phần 5 (T. 1421, tr.30c), Ni-tát-kỳ 15. Tăng kỳ 10 (T. 1425, tr.316b), Ni-tát-kỳ 23. Căn bản (T. 1442, tr.759b), Ni-tát kỳ 30.
[494] . Xem Thập tụng 26, «Y dược pháp» (T. 1435, tr.184b). Pali, Mahāvagga iv «Bhesajja-khandha,» Vin.i. 199.
[495] . Bất linh thô hiện 不令麤現. Pali, Vin.i.198: na ca oḷāriko āhāro paññāyeyya, không thể quan niệm là thức ăn thô (=thực phẩm chính). Có lẽ bản Hán để rơi mất từ āhāra (thực phẩm) nên câu văn bất xác.
[496] . Tô du sanh tô mật thạch mật 酥油生酥蜜石蜜. Pali, nt. sappi navanītaṃ telaṃ madhu phāṇitaṃ, váng sữa, bơ tươi, dầu ăn, mật, đường mía (hay mật mía).

[497] . Thập tụng, ibid., Phật chưa cho phép ăn các thứ này sau ngọ.

[498] . Xem Tứ phần, ba-dật-đề 35, về phép tàn thực.

[499] . Tiểu chú trong bản Hán.

[500] . Xem cht.14, Phần III Ch.vii. Thuốc và các chú thích rải rác trong chương đó.

[501] . Ma-kiệt ngư 摩竭魚 ; một loại cá voi (Pali: makara). Cf. Mahāvagga iv, Vin.i.200: sáu loại mỡ: gấu, cá, cá sấu, heo, lừa.

[502] . Pali, op.cit., vikāle… dukkaṭā, phi thời, phạm đột-kiết-la; tức không được quá ngọ.

[503] . Tư-ha Tỳ-la-trà tượng sư 私訶毘羅嗏象師; phiên âm từ Skt. Siṃha-Vairāṭa. Đồng nhất với Pali, Belaṭṭha Kaccāna, người buôn đường, chuyển kể, Mahāvagga iv, Vin. i. 224f. Cf. Thập tụng 26 (T. 1435, tr.189a): chuyện tượng sư Tỳ-la-tra.

[504] . Đi từ Rājagaha đến Andhakavida, ngược chiều với Phật.

[505] . Hắc thạch mật 黑石蜜. Pali: guḷa, đường (cát) đen; đường mía chưa tinh luyện.

[506] . Số tỳ-kheo được kể là 1250 vị.

[507] . Tất-lăng-già-bà-ta 畢陵伽婆蹉. Pali: Pilindavaccha. Chuyện kể Tất-lăng-già-bà-ta trong Ngũ phần 5 (T22n1421, tr.30c25) và Pali (Vin.iii. 248) giống nhau.

[508] . Hán: tàn dược 殘藥. Pali: paṭisāyanīyāni bhesajjāni, các loại thuốc được uống như ăn. Căn bản: chư dược tùy ý phục thực 諸藥隨意服食, ‹các loại thuốc được tuỳ ý uống hay ăn.› Ngũ phần, Thập tụng: hàm tiêu dược 含消藥, thuốc như thức ăn loại mềm (không cần nhai).

[509] . Tô, du, sanh tô, mật, thạch mật 酥油生酥蜜石蜜. Pali: sappi, navanītaṃ, telaṃ, madhu, phāṇitaṃ, váng sữa bơ lỏng (trong), bơ sống (tươi), dầu, mật, đường mía. Ngũ phần, Thập tụng, Căn bản, kể bốn: tô (gồm cả thục tô và sanh tô), du, đường, mật. Đường được giải thích là đường cát (sa đường).

[510] . Tiểu chú trong bản Hán. Dưới đây cũng vậy.

[511] . Pali, Nissaggiya 24, vassikáāṭika. Ngũ phần, ni-tát-kỳ 17. Tăng kỳ, ni-tát-kỳ 26. Căn bản, Ni-tát-kỳ 28.

[512] . Tỳ-xá-khư Mẫu 毘舍佉母, xem cht.2, ch.iii, Bất-định 1.

[513] . Chuyện kể, xem Mahāvagga viii,Vin. i. 291ff. Cf. Thập tụng 27, «Y pháp» (T23n1435, tr.195b11).

[514] . Hán: như tượng niệu há 如象尿下, «như voi đái.»

[515] . Hán: Như lai bất dữ nhân quá nguyện 如來不與人過願. Cf. Pali (Vin.iii. 192): atikkantavārā kho … thāgatā, «Các đức Như lai siêu quá các ước nguyện.» Nghĩa là chỉ hứa khả những thỉnh nguyện không phi pháp. Câu Phật thường xuyên trả lời khi có người thỉnh nguyện. Xem Thập tụng 27, (T23n1435, tr.195c17) «Các Như Lai… đã vượt qua các ước nguyện (Hán: dĩ quá chư nguyện 已過諸願).»

[516] . Thập tụng, ibid.: «sau khi đã quen nơi chốn, tỳ-kheo ăn đâu, tùy ý.» Pali, Vin.i. 192: icchāmi saṅghassa yāvajīvaṃ āgantikabhattaṃ dātuṃ, «Con muốn trọn đời dâng cúng thực phẩm tỳ-kheo khách cho Tăng.»

[517] . Thập tụng, ibid., «vì vậy (vì đi một mình) có thể đi lạc vào đường hiểm.»

[518] . A-na-tần-đầu 阿那頻頭國. Pali: Andhakavindaka. Cf. Vin.i. 220 (Bhesajja-kkhandha).

[519] . Hán: chúc 粥. Pali: yāgu: cháo gạo hay cháo sữa.

[520] . Vũ dục y 雨浴衣; xem giải thích đoạn sau.

[521] . A-di-la-bạt-đề 阿夷羅跋提. Pali: Aciravatī.

[522] . Nghĩa là, được phép để dành làm lương thực đi đường, để dọc đường, những chỗ lạ, khỏi phải đi khất thực.

[523] . Đây là những trường hợp tỳ-kheo được phép để dành thức ăn.

[524] . Vũ dục y 雨浴衣. Pali: vassikasāṭikā, khăn quấn để tắm khi trời mưa. Khác với udakasāṭikā, dục y 浴衣, khăn tắm để tỳ-kheo-ni quấn người khi tắm sông.

[525] . Tính theo lịch Trung quốc. Đây chỉ 1 tháng trước an cư mùa hạ. Căn bản 24 (T23n1442, tr.757a13): «Xuân tàn còn một tháng, chỉ một tháng trước an cư, tức từ 16 tháng Tư đến 15 tháng Năm.»

[526] . Pali, Nissaggiya 28 accekacīvara. Ngũ phần, ni-tát-kỳ 18. Căn bản, ni-tát-kỳ 26.

[527] . Xem cht.2, Chương 1, ba-la-di 1.

[528] . Lỵ (Lợi)-sư-đạt-đa và Phú-la-na 利師達多富羅那. Pali: Isidatta và Purāṇa, hai quan nội giám của Vua Pasenadi. Vin. iii. 260: Có một vị Đại thần nọ (không nói tên).

[529] . An cư y 安居衣. Pali: vassāvāsika. Căn bản: hạ nội phần y. Thập tụng: hạ an cư y.

[530] . Y cấp thí 急施衣; y được cúng trong lúc khẩn cấp. Pali: acceka-cīvara.

[531] . Vin. 111. 261: y được bố thí do quan tướng sắp ra trận, người sắp đi xa, người đang mang thai, người trước không tín tâm nay vừa phát tín tâm.

[532] . Pali: cīvarakālasamaya.

[533] . Pali, Nissaggiya 29 sāsaṅsika. Ngũ phần, ni-tát-kỳ 16. Căn bản, ni-tát-kỳ 27.

[534] . Hậu ca-đề nhất nguyệt mãn 後迦提一月滿; Pali: cātumāsinīkattikapuṅṅmā, ngày trăng tròn của tháng ca-đề sau, tức ngày trăng tròn đúng sau ngày tự tứ một tháng. Tức tháng thứ tư, tháng cuối cùng của mùa mưa (lịch Ấn độ cổ).

[535] . Pali gọi là kattikacorakā, bọn cướp ca-đề, vì chúng hoạt động vào tháng ca-đề, thường nhất là đêm có trăng. Chủ yếu cướp y các tỳ-kheo nhận được sau an cư.

[536] . Pali, Nissaggiya 30 pariṇata. Ngũ phần, ni-tát-kỳ 14. Căn bản, ni-tát-kỳ 29.

[537] . Bản Hán, hết quyển 10.

[538] . Cf. Ngũ phần 6 (T22n1421, tr.37b14); Tăng kỳ 12 (T22n1425, tr.324c07); Thập tụng 7 (T23n1435, tr.63b16); Căn bản 25 (T23n1442, tr.760b16). Pali, Pācittiya 1. Mūsavāda, Vin.iv. 2.

[539] . Thích-súy-sấu 釋翅瘦 (Pl. Sakkesu), giữa những người họ Thích; không phải địa danh. Các Bộ khác đều nói Phật tại Xá-vệ; Pali cũng vậy.

[540] . Tượng Lực 象力. Ngũ phần 6 (T22n1421, tr.37b15), tỳ-kheo pháp sư Sa-lan 法師比丘名沙蘭. Tăng kỳ 12 (T22n1425, tr.324c08): Trưởng lão Thi-lị-da-bà 長老尸利耶婆; Thập tụng 7 (T23n1435, tr.63b22): tỳ-kheo họ Thích Ha-đa 訶哆釋子比丘; Căn bản 25 (T23n1442, tr.760b17): duyên khởi từ Tôn giả La-hầu-la 具壽羅怙羅 (Cụ thọ La-hỗ-la), nhưng chưa chế giới; cho đến duyên khởi bởi tỳ-kheo Pháp Thủ 法手苾芻 mới chế giới. Pali: Hatthako Sakyaputto.

[541] . Ba-dật-đề. Thập tụng 7 (T23n1435, tr.63c19): «Ba-dạ-đề 波夜提, tội danh; có nghĩa là thiêu đốt, ngăn bít. Nếu không sám hối, có thể chướng ngại đạo.» Pali: pācittiya.

[542] . Thấy, nghe, xúc, giác, hay biết, Hán: kiến, văn, xúc, tri 見聞觸知. Bốn chức năng nhận thức, cũng thường nói là kiến, văn, giác, tri. Tăng-kỳ: kiến văn tri thức 見聞知識. Pali: diṭṭhaṃ, sutaṃ, mutaṃ, viññaṃ.

[543] . Cf. Pali, Vin.iv. 2, nói dối với bảy hình thức về một trong bốn chức năng nhận thức: trước khi nói dối, trong khi nói dối, sau khi nói dối đều biết rõ mình sẽ, đang và đã nói dối; (cố ý) diễn tả sai lạc quan điểm, sự tán thành, sở thích và ý hướng; (…) vinidhāya diṭṭhiṃ, vinidhāya khantiṃ, vinidhāya ruciṃ, vinidhāya bhāvaṃ.

[544] . Chủng loại mạ 種類罵. Xem giải thích nơi phần giới tướng.

[545] . Đắc-sát-thi-la 得剎尸羅國. Pali: Takkasilā, thủ phủ của Gandhāra, nổi tiếng về giáo dục. Được đề cập rất nhiều trong các chuyện tiền thân.

[546] . Pali, con bò tên là Nandivisāla.

[547] . Pali, seṭṭhi, nhà phú hộ, hay đại thương gia.

[548] . Pali, sahassena abbhutaṃ karoti, đánh cuộc một nghìn. Không nói «một nghìn» cái gì. Bản dịch Anh phỏng định: kahāpaṇa (tiền vàng). Ngũ phần 6 (T22n1421, tr.37c21), 50 tiền vàng. Căn bản 15 (T23n1442, tr.765a22), 500 tiền vàng.

[549] . Hán: nhất giác 一角, tên gọi diễu cợt con bò. Pali: kūṭa, không sừng; bò cụt sừng.

[550] . Hán: chủng loại huỷ tỷ ngữ 種類毀呰語. Tăng kỳ 12 (T22n1425, tr.325b28): chủng loại hình tướng ngữ 種類形相語; có 7 cách: chủng tánh, nghề nghiệp, tướng mạo, bệnh tật, tội, bệnh, kết sử (ô nhiễm). Pali (Vin.iv. 4): omasavāda. Có 10 cách mắng nhiếc: bằng gia đình (jātiyā), tên tuổi (nāmena), tộc họ (gottena), nghề nghiệp (kammena), công xảo (sippena), chứng (bệnh) tật (bādhena), dấu hiệu (liṅgena), phiền não (thói xấu) (kilesena), tội lỗi (āpattiyā), và sự hèn hạ (hīnena).

[551] . Trúc sư chủng 竹師種: thợ làm đồ tre. Pali: veṇajāti

[552] . Xa sư chủng 車師種. Pali: rathakārajāti

[553] . Câu-tấu 拘湊, Câu-thi 拘尸, Bà-tô-trú 婆蘇晝, Ca-diếp 迦葉, A-đề-lị-dạ 阿提梨夜, Bà-la-đọa 婆羅墮. Pali, giòng họ có thấp và cao. Giòng họ thấp: Kosiya, Bhāradvāja; giòng họ cao: Gotama, Moggallāna, Kaccāyana, Vāsiṭṭha.

[554] . Hán: bá ki 簸箕. Pali: naḷakāra, nghề đan/dệt cói.

[555] . Manh hạt 盲瞎, chỉ chung các khuyết tật và các chứng bịnh.

[556] . Thiện Nha 善牙. Thập tụng 9 (T23n1435, tr.66a27): Hảo Mao 好毛.

[557] . Thiện Bác 善博. Ngũ phần 6 (T22n1421, tr.38b05): Thiện Trảo 善抓. Thập tụng 9 (T23n1435, tr.66a27): Hảo Nha 好牙.

[558] . Tăng kỳ 12 (T22n1425, tr.326b19): truyện kể trong «Tam thú bản sanh kinh»; không nêu chi tiết.

[559] . Ngũ phần, nt.: «Nói hai lưỡi khiến tỳ-kheo loạn đấu.» Pali: bhikkhupesuñña, lời nói ly gián tỳ-kheo.

[560] . Pali, có hai hình thái ly gián ngữ (dvīhākārehi pesuññaṃ hoti): nói với mục đích gây cảm tình, nói với mục đích gây chia rẻ.

[561] . Tức là, thuật lại lời của người này cho người kia. Pali, có 10 loại nói ly gián, như 10 loại nói ác khẩu mạ lỵ: từ chuyện bêu xấu dòng họ, cho đến mắng chưởi.

[562] . Ngũ phần 8 (T22n1421, tr.59b09), ba-dật-đề 56; Tăng-kỳ 19 (T22n1425, tr.381c28), ba-dật-đề 69; Thập tụng (T23n1435, tr.112c22), ba-dật-đề 65; Căn bản 40 (T23n1442, tr.849b25), Ba-dật-đề 65. Pali, Vin.iv. 17, Pācittiya 6.

[563] . Nguyên Hán: xá nội 舍內; chính xác, nên hiểu là buồng trong. Pali: mañcakaṃ abbhantaraṃ, giường ở buồng trong. Xem cht. 32 dưới.

[564] . Hán: nhị câu giải thoát 二俱解脫. Tức với tâm giải thoát và huệ giải thoát. A-la-hán chứng đắc diệt tận định, gọi là có câu (phần) giải thoát. Xem Câu-xá (T22n1558, tr.131b26). Pali: ubhatobhāga-vimutta, cf. D.ii. 71; M.i. 477; S.i. 191.

[565] . Hán: dục bất tịnh độ hữu lậu phược 欲不淨度有漏縛. Cf. Pali, Mahāvagga, Vin. i. 16: bhagavā… anupubbiṃ kathaṃ kathesi seyyathidaṃ dānakathaṃ sīlakathaṃ sagga-kathaṃ, kāmānaṃ ādīnavaṃ okāraṃ saṃkilesaṃ nekkhamme ānisaṃsaṃ, «… rồi Thế tôn tuần tự thuyết pháp, nói về bố thí, về trì giới, về sinh thiên, về sự nguy hiểm, sự thấp hèn, sự ô nhiễm của các dục, và sự ích lợi do thoát ly dục.

[566] . Cf. A.i.80, dvemāni … sukhāni… kāmasukhanca nekkhammasukhañca, có hai sự khoái lạc: khoái lạc do dục vọng, và khoái lạc do thoát ly.

[567] . Nguyên Hán: đồng thất 同室, chung nhà. Chính xác, chung buồng. Pali: sahaseyya. Xem cht. 32 dưới.

[568] . Hán: hữu tri 有知. Cf. định nghĩa của Pali, Vin. iv. 20: (…) manussitthī na yakkhī na oetī na tiracchānagatā…, nữ thuộc loài người, không phải yakkha, không phải quỷ, không phải súc sanh.

[569] . Hán: thất 室. Pali: seyya, buồng ngủ; định nghĩa: hoặc được che lợp kín; hoặc được bao che kín; hoặc che lợp một phần; hoặc bao quanh một phần. Các bản Hán đều dịch là thất.

[570] . Ngũ phần 6, (T22n1421, tr.40a07), ba-dật-đề 7; Tăng kỳ 17, (T22n1425, tr.365b03), ba-dật-đề 42; Thập tụng 15, (T23n1435, tr.105b09), ba-dật-đề 54; Căn bản 39, (T23n1442, tr.838c07), ba-dật-đề 54. Pali: Pāc. 5. Sahaseyya, Vin. iv.15.

[571] . Khoáng Dã 曠野城. Ngũ phần nt., A-trà-tì ấp 阿荼脾邑. Tăng kỳ nt., Khoáng Dã tinh xá 曠野精舍. Thập tụng nt., A-la-tì quốc 阿羅毘國. Căn bản nt., Phật tại Thất-la-phiệt 室羅伐城 (Xá-vệ). Pali, nt., āḷaviyaṃ viharati aggāḷave cetiye, trú tại Āḷavi, trong ngôi miếu lớn của Āḷavi.

[572] . Pali, navakā bhikkhū … upāsakehi saddhiṃ…, các tân tỳ-kheo… cùng với các cư sĩ.

[573] . Câu-thiệm-tỳ 拘睒毘國. Ngũ phần nt., tại nước Câu-xá-di, vườn Cù-sư-la 拘舍彌國瞿羅 園. Tăng kỳ nt., nhân duyên tại Ca-duy-la-vệ. Thập tụng nt., Phật tại Xá-vệ. Căn bản nt.,

Phật tại Kiều-thiểm-tì, trong vườn Diệu âm 憍閃毘妙音園. Pali: Kosambī.

[574] . La-vân: La-hầu-la (Rāhula).

[575] . Y nói, Sa-di đã xuất gia, không còn nhận cha mẹ ngoài đời, mà là con của Phật. Không chỉ riêng La-hầu-la là con Phật. Xem cht. dưới.

[576] . Ngũ phần nt. (T22n1421, tr.40b17): «Sao bầy cáo lại đuổi sư tử?» Thập tụng nt. (T23n1435, tr.105c11): «Sa-di này không cha mẹ. Nếu các ngươi không thương tưởng che chở, làm sao sống nổi?» Căn bản nt. (T23n1442, tr.839c02): «Các cầu tịch (tức sa-di) không có cha mẹ. Duy chỉ các ngươi, những người đồng phạm hạnh, phải thương yêu che chở .»

[577] . Tăng kỳ nt. (T22n1425, tr.365c11): «được phép ngủ chung buồng ba đêm; bốn đêm thì nên biệt trú.»

[578] . Ngũ phần, Thập tụng, Căn bản, «quá hai đêm, ba-dật-đề.» Tăng kỳ: «quá ba đêm, ba-dật-đề.» Pali: uttaridirattatirattaṃ, «quá hai hoặc ba đêm»; được hiểu là «từ hai đến ba đêm». Giải thích ý nghĩa để chấp hành, Pali, Vin.iv. 17, nói: «Nếu đã trải qua hai đêm, thì đến đêm thứ ba nên ra đi trước khi có dấu hiệu bình minh.»

[579] . Đồng thất túc 同室宿. Xem cht.30. ba-dật-đề 4 trên. Pali: sahaseyyaṃ kappeyya.

[580] . Các bộ, ba-dật-đề 6. Pali, Pāc. 4 Padasodhammasikhā.

[581] . Ngũ phần 6, cú pháp: cú, vị và tự, tức mệnh đề, cụm từ, và âm tiết (vì tiếng Phạn đa âm tiết). Thập tụng 6, cú pháp: túc cú (mệnh đề trọn), bất túc cú (mệnh đề không trọn); túc tự (từ ngữ trọn, đa âm tiết), bất túc tự (từ ngữ không trọn), túc vị (âm tiết trọn), bất túc vị (âm tiết không trọn).

[582] . Ngũ phần 6, ba-dật-đề 9; Tăng kỳ 14, ba-dật-đề 8; Thập tụng 10, ba-dật-đề 8. Căn bản 27, ba-dật-đề 7. Pali, Pāc. 9 Duṭṭhullārocana.

[583] . Ngũ phần và Tứ phần, giới được kết ba lần. Thập tụng, kết một lần. Căn bản, kết hai lần. Pali, một lần.

[584] . Xem Ch.ii, Tăng-già-bà-thi-sa x.

[585] . Hán: uý thận 畏慎.

[586] . Tăng kỳ 13, Thập tụng 10, ba-dật-đề 7; Ngũ phần 6, Căn bản 27, ba-dật-đề 8. Pali, Pāc.8 Bhūta-rocanasikhā. Tham chiếu Ch.i ba-la-di iv.

[587] . Hán: nhân pháp, trong quá nhân pháp 過人法 (thượng nhân pháp) Pl. uttarimanussa-dhamma). Xem giải thích, Ch.i ba-la-di 4

[588] . Giới 人界, ấm 人陰, nhập 人入, hay giới (Pl. dhātu), uẩn (khandha), xứ (āyatana): các tổ hợp cấu thành nhân cách.

[589] . Nguyên Hán: quá nhân pháp 過人法.

[590] . Ngũ phần 6, ba-dật-đề 4; Tăng kỳ 13, Thập tụng, Căn bản, ba-dật-đề 5; Pali, Pāc. 7 Dhammadesanasikhā.

[591] . Pali, Pāc. 10 Pathavīkhaṇana. Ngũ phần 8, ba-dật-đề 59; Tăng kỳ 19, ba-dật-đề 73; Thập tụng 16, Căn bản 41, ba-dật-đề 73.

[592] . Ngũ phần, nt.: Phật từ Câu-tát-la đến ấp A-trà-tỳ. Các tỳ-kheo sửa chữa nhà cửa để đón Phật. Tăng kỳ, nt.: doanh sự tỳ-kheo.

[593] . Ngũ phần 8 (T22n1425, tr.60c22): «sai người đào, hoặc bảo, đào chỗ này.» Tăng kỳ 19 (T22n1425, tr.384c): «Sai

người đào, hoặc chỉ điểm chỗ đào.» Thập tụng: «Chỉ dạy người khác đào, bảo, ‹Ngươi hãy đào chỗ này.›»

[594] . Tăng kỳ nt., hai loại đất: sanh 生, chỉ đất tự nhiên; tác 作: đất nền để canh tác. Thập tụng nt., hai loại đất: sinh địa 生地, đất sinh sản vào tháng 8 ở những nước có mưa nhiều; ở nước mưa ít, tháng 4 đất sinh sản. Bất sinh địa 不生地, ngoài sinh địa ra. Pali, Vin. iv. 33: jātā ca pathavī ajātā ca pathavī.

[595] . Ngũ phần nt.: «Hãy biết cái này, hãy xem cái này. Tôi cần cái này. Cho tôi cái này.» Cf. Pali: imaṃ jāna, imaṃ dehi, imaṃ āhara, iminā attha, imaṃ kappaṃ karohi, «Hãy nhận rõ cái này; hãy cho đi cái này; hãy mang đi cái này; tôi cần cái này; hãy làm cho cái này hợp thức.»

[596] . Bản Hán, hết quyển 11.

[597] . Pali, Pāc. 11. bhūtagāma.

[598] . Nguyên Hán: quỷ thần thôn 鬼神村; do dịch nghĩa đen. Pali, bhūtagāma, chủng loại (hạt giống) có mầm sống; Vin.A., (iv.761) giải thích: jāyanti vaḍḍhanti jātā vaḍḍhitā cāti attho, chúng sinh sản, tăng trưởng, và những cái đã sinh sản, đã tăng trưởng. Ngũ phần 6, sát sinh thảo mộc 殺生草木. Tăng kỳ 14: hoại chủng tử phá quỷ thôn 壞種子破鬼村. Thập tụng: chước bạt quỷ thôn chủng tử 斫拔鬼村種子. Căn bản 27: hoại chủng tử hữu tình thôn 壞種子有情村. Pali: bhūtagāmapātavyatāya.

[599] . Hán, năm loại giống: căn chủng, chi chủng, tiết chủng, phú la chủng, chủng tử chủng. 根種枝種節生種覆羅種子種. Ngũ phần nt, bốn loại: từ rễ, từ cọng, lóng, quả 根種子莖種子節種子實種子. Tăng kỳ nt, năm loại: từ rễ, từ cọng, ruột, lóng, quả 根種莖種心種節種子種. Thập tụng 12, năm loại: từ rễ, từ cọng, lóng, tự rụng, từ quả

根種子莖種子節種子自落種子實種子. Pali: bhūtagāmo nāma pañca bījajātāni, mūlabījaṃ khandhabījaṃ phaḷubījaṃ aggabījaṃ bījabījaṃ.

[600] . Ha-lê-đà 呵梨陀 (Pali: haliddi: củ nghệ), ưu-thi-la 憂尸羅 (Pali: usīra: hương căn), ha-tha-trí-tra 貿(呵?)他致吒 (Skt. ativiṣā, Pali: ativisā, mạch đông?), lư-kiện-đà-lâu 盧揵陀樓 (?).

[601] . liễu 柳, xá-ma-la 舍摩羅, bà-la-hê-tha 婆羅醯他(?). Thập tụng nt, giống từ cọng: thạch lựu 石榴, bồ-đào 葡萄 (nho), dương liễu 楊柳, sa-lặc 沙勒. Pali: assattho nỉgrodho pilako udumbaro kacchako kapithano.

[602] . Tô-man-na 蘇蔓那 (Skt. sumanas; Pali: sumanā, tố hương, nhục quan hoa, tương tợ hoa mồng gà), tô-la-bà 蘇羅婆 (Phiên phạn ngữ, T54n2130, tr.1049a16: dịch là hảo đắc 好得, Skt. sulabha?), bồ-hê-na 蒲醯那 (?), la-lặc-liệu 羅勒蓼 (?).

[603] . Phú la 覆羅. Pali: phaḷubījaṃ: ucchu, veḷu, nāḷo, mía, tre và lau.

[604] . Cam giá 甘蔗 (mía), trúc vĩ 竹葦 (tre và lau) ngẫu căn 藕根 (ngó sen).

[605] . Thập tụng 12, Căn bản 28: ba-dật-đề 13. Các bộ khác: ba-dật-đề 12. Pali, Pāc. 12 aññavādaka.

[606] . Xiển-đà tỳ-kheo 闡陀比丘. Xem ch.ii, Tăng-già-bà-thi-sa xiii. Ngũ phần: Nhóm sáu tỳ-kheo phạm tội.

[607] . (T22n1428, tr.642b10): Đương danh tác dư ngữ 當名作餘語. Thập tụng 12 (T23n1435, tr.76b14), ức thức pháp 憶識法. Căn bản 28 (T23n1442, tr.778b7), tác yết-ma

ha trách 羯磨呵責. Pali (Vin.iv. 35): aññavādakaṃ ropetu, khiển trách sự nói lãng.

608 . Thập tụng, Căn bản, Pali, đều nói yết-ma bạch nhị.

609 . Xúc não 觸惱. Pali, nt.: vihesakaṃ ropetu, khiển trách sự gây não loạn.

610 . Dư ngữ 餘語. Trong giới văn, dị ngữ 異語. Pali: aññavādaka, sự nói lãng, nói quanh để chối tội.

611 . Hán: xúc não 觸惱. Pali: vihesako, sự gây rối.

612 . Pali. Pāc. 13 ujjhāpanaka. Thập tụng, Căn bản: ba-dật-đề 12.

613 . Xem Ch.ii, tăng-già-bà-thi-sa viii & ix.

614 . Xem cht. 83, Ch.ii, tăng-già-bà-thi-sa viii. Tăng kỳ 14: Ưu-ba-nan-đà. Căn bản 28: Hai tỳ-kheo Hữu và Địa cùng bàn chuyện với Ô-ba-nan-đà.

615 . Căn bản, nt. đối diện nói xấu.

616 . Căn bản nt., Phật khiến Tăng tác yết-ma ha trách cho Từ, Địa, sau đó mới chế giới.

617 . Hán: cơ hiềm 譏嫌. Ở đây, nói xấu sau lưng. Ngũ phần, vu thuyết 誣說; nói xấu. Tăng kỳ, hiềm trách 嫌責. Thập tụng, sân cơ 瞋譏, giận hờn mà chỉ trích. Căn bản, hiềm hủy 嫌毀. Pali: ujjhāpanaka, sự bêu xấu hay nói xấu; giải thích (Vin.iv. 38): «Muốn làm cho người đó xấu hổ, mất danh dự; gây khó khăn cho người đó.»

618 . Căn bản nt., đối diện nhưng không gọi thẳng tên mà giả thác sự kiện khác.

[619] . Thập tụng: sân cơ sai hội nhân 瞋譏差會人, giận hờn mà nói xấu người được Tăng sai, hay chức sự Tăng. Nếu không phải là chức sự Tăng sai, phạm đột-kiết-la.
[620] . Các bộ khác, như Tứ phần.
[621] . Thằng sàng, mộc sàng, ngọa cụ, tọa nhục 繩床木床臥具坐褥. Tăng kỳ: ngọa sàng tọa sàng, nhục, chẩm 臥床坐床褥枕: giường nằm, giường ngồi, đệm, gối.
[622] . Thằng sàng 繩床. Chỉ các loại giường nằm. Tăng kỳ: ngọa sàng 臥床. Thập tụng: tế thằng sàng 細繩床. Pali: mañca, giải rằng có bốn loại: masāraka, trường kỷ; bundikābaddha, giường trải vạt; kuḷīrapādaka, giường chân cong (chân quỳ); āhaccapādaka, giường chân ráp (tháo gỡ được).
[623] . Mộc sàng 木床. Tăng kỳ: tọa sàng 坐床. Thập tụng: thô thằng sàng 麤繩床. Pali: pīṭhaṃ.
[624] . Ma-ma-đế 摩摩帝; Tăng sử lược (T54n2126, tr.244c18): «Chùa lập ba giềng mối… Tiếng Phạn nói, Ma-ma-đế 摩摩帝, Tất-thế-na 悉替那, Kiết-ma-đà-na 羯磨那陀; Hoa nói là Tự chủ 寺主, Thượng tọa 上座, Duyệt chúng 悅眾…» Theo đó, Ma-ma-đế có thể phiên âm không chỉnh của [vihāra-]svāmin: chủ Tinh-xá, hay tự chủ.
[625] . Kinh doanh nhân 經營人, hay doanh sự tỳ-kheo, tức vị tri sự của Tăng, Skt. karma-dāna.
[626] . Các bộ như nhau.

[627] . Tứ phần & Pali, giống nhau: ba-dật-đề 17. Ngũ phần, Tăng kỳ, Thập tụng, Căn bản: ba-dật-đề 17.

[628] . Thập tụng, nguyên nhân do Ca-lưu-đà-di.
[629] . Ngũ phần, Tăng kỳ, Thập tụng, Căn bản: ba-dật-đề 16. Pali, như Tứ phần.

[630] . Pali, Vin.iv. 43: các tỳ-kheo này dọn tinh xá lớn gần Kỳ hoàn để an cư.

[631] . Tăng kỳ thêm chi tiết: «…cho đến, bảo tỳ-kheo: Ông hãy đi ra!» Thập tụng cũng thêm: «…Đi ra, si nhân! Không nên ở đây.» Căn bản thêm: «Trừ duyên cớ khác…» Pali: saṅghikā vihārā, (kéo) ra khỏi tinh xá của Tăng.

[632] . Các bộ như nhau.

[633] . Trùng các 重閣. Pali: upari-vehāsa-kuṭī, nghĩa không rõ, có lẽ chỉ tầng trên của gác cao, hay gác lững; Ngũ phần: trùng các ốc 重閣屋; nhà có gác cao. Thập tụng 11 (T23n1435, tr.79a22): «Một người được chỗ trên gác; một người được chỗ dưới gác.» Cf. Nam Truyền, Luật tạng 2: «Một tỳ-kheo ở trên lầu, một tỳ-kheo ở dưới lầu.»

[634] . Thoát cước sàng 脫腳床. Pali: āhaccapādakaṃ mañcaṃ, giường có chân tháo gỡ được. Ngũ phần 6 (T22n1421, tr.44b18): tiêm cước sàng 尖腳床, giường chân nhọn.

[635] . Ngũ phần thêm: dụng lực toạ ngoạ 用力坐臥, dùng sức ngồi hay nằm. Căn bản: phóng thân tọa ngọa 放身坐臥, buông người ngồi hay nằm.

[636] . Hán: xá 舍; trong giới văn nói là phòng 房.

[637] . Trùng các 重閣. Pali: vehāsakuṭī, giải thích: majhimassa purisassa áīsaghaṭṭā, (gác cao) mà một người cao trung bình

không đụng đầu. Căn bản: trùng phòng 重房, giải thích: «tầng gác cao nguy hiểm, hủ mục.»

638 . Độc tọa sàng 獨坐床. Có lẻ chỉ một loại ghế ngồi cho một người.

639 . Dục sàng 浴床. Ghế nhỏ, để ngồi mà tắm.

640 . Ngũ phần, ba-dật-đề 20. Pali, Pāc. 20 Sappāṇaka. Các bộ khác, như Tứ phần.

641 . Pali: Phật tại Āḷavī (Khoáng dã).

642 . Xem Ch.ii. Tăng-già-bà-thi-sa xiii. Tăng kỳ, doanh sự tỳ-kheo 營事比丘.

643 . Đại ốc 大屋. Ngũ phần: đại phòng xá 大房舍.

644 . Ngũ phần thêm: «hoặc uống, hoặc dùng vào các việc khác…» Căn bản thêm, «…hoặc hòa với phân bò…»

645 . Lạc tương và thanh lạc tương 酪漿清酪漿.

646 . Pali, Pāc. 19: mahallaka-vihāra. Tăng kỳ, Thập tụng, Căn bản: ba-dật-đề 19. Cf. Ch.ii, Tăng-già-bà-thi-sa vii.

647 . Ngũ phần: có thí chủ cất cho. Tăng kỳ, Xiển-đà đi khuyến hoá để cất phòng.

648 . Ngũ phần: «…từ đất bằng, đắp lên đến chỗ chừa cửa sổ, khiến cho hết sức bền chắc…»

649 . Hán: chỉ thọ phú 指授覆, chỉ dẫn người khác lợp. Pali: adhiṭṭhātabbaṃ, được lợp theo quy định.

650 . Tăng kỳ thêm «…nên làm (trụ) nơi chỗ đất ít cỏ…» Pali: appaharite ṭhitena, «dựng trên chỗ ít cỏ tươi.» Căn bản: «…ở hai bên khung cửa nên đặt ngạch ngang, và các cửa sổ, đồng thời đặt lỗ thoát nước; khi dựng tường, nếu là bùn sình, đắp hai, ba lớp, ngang đến chỗ ngạch ngang thì thôi…»

[651] . Đại xá 大舍. Trong giới văn: đại phòng xá. Tăng kỳ, Thập tụng: đại phòng 大房. Căn bản: đại trú xứ 大住處. Pali: mahallakaṃ…vihāraṃ, tinh xá cỡ lớn.

[652] . Các bộ giống nhau.

[653] . Vương Viên 王園. Pali: Rājakārāma, khu vườn gần Jetavana do vua Pasenadi lập, phía đông nam Xá-vệ. Pali không nói chi tiết này.

[654] . Pali: Cūḷa-Panthaka (Châu-lợi Bàn-đà-già).

[655] . Các đề tài được gọi là tạp luận hay súc sinh luận, Pali: tiracchāna-kathā, cf. D.i. 7, 178, 179, liệt kê 28 loại. Cf. Hán, T1, tr.896b.

[656] . Pali: 8 đức tính.

[657] . Bát bất khả vi pháp 八不可違法; tức 8 kỉnh pháp

[658] . Tự ngôn và mích tội: 2 trong 2 diệt tránh.

[659] . Bản Hán, hết quyển 12

[660] . Tăng kỳ 15: «… từ sau mặt trời lặn cho đến trước khi bình minh xuất hiện…»

[661] . Ngũ phần, Tăng kỳ: ba-dật-đề 24; Thập tụng, Căn bản: ba-dật-đề 23. Pali, Pāc. 24 Āmisa.

[662] . Ngũ phần: «vì lợi dưỡng.» Thập tụng: «vì tài lợi.» Pali: āmisahetu, «vì lợi lộc vật chất.»

[663] . Ngũ phần, Thập tụng: ba-dật-đề 26; Tăng kỳ: ba-dật-đề 28; Căn bản: ba-dật-đề 24. Pali, Pāc. 25. cīvaradāna.

[664] . Xem Ch.iv. Ni-tát-kỳ iv, cht. 41.

[665] . Xem Ch.iv. Ni-tát-kỳ i.

[666] . Ngũ phần, Thập tụng: ba-dật-đề 27. Tăng kỳ: ba-dật-đề 29. Căn bản: ba-dật-đề 25. Pali, Pāc. 6 cīvarasibbana.

[667] . Tăng kỳ: tỳ-kheo-ni Thiện Sinh 善生比丘尼, vợ cũ của Ưu-đà-di. Thập tụng: Quật-đa tỳ-kheo-ni 掘多比丘尼, quen biết cũ với Ca-lưu-đà-di. Căn bản: Cấp-đa bí-xô-ni 笈多苾芻尼.

[668] . Ngũ phần: Ưu-đà-di 優陀夷. Pali: Udāyin, khéo may y

[669] . Y tài, bản Cao-li: 衣財; Tông-Nguyên-Minh: 衣裁.

[670] . Hán: bạch thời đáo 白時到. Được báo đã đến giờ đi thọ thực. Pali: yadā bhikkhuni-saṅgho ovādaṃ āgacchati, khi nào chúng tỳ-kheo-ni đi nghe giáo giới. Có lẽ, ovāda (giáo giới), bản Hán hiểu là sự công bố (giờ thọ thực)?

[671] . Ma-ha Ba-xà-ba-đề 摩訶波闍波提; trên kia nói là Đại Ái Đạo 大愛道.

[672] . Pali: sibbeyya vā sibbāpeya vā, may và khiến (người khác) may.

[673] . Ngũ phần, Tăng kỳ: ba-dật-đề 25; Thập tụng: ba-dật-đề 28; Căn bản: ba-dật-đề 29. Pali, Pāc. 30. rahonisajja.

[674] . Nhất xứ 一處; không có trong giới văn. Pali: eko ekāya, một người với một người.

[675] . Bình chướng xứ 屛障處, trong giới văn: bình xứ 屛處.

[676] . Chướng 障; từ được giải không có trong giới văn

[677] . Ngũ phần, ba-dật-đề 28; Tăng kỳ, ba-dật-đề 26; Thập tụng, ba-dật-đề 24; Căn bản, ba-dật-đề 26. Pali, Pāc. 27 saṃvidhāna.

[678] . Ngũ phần 7 (T22n1421, tr.48b24) các tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni ở Ma-kiệt-đà.

[679] . Hán: hữu nghi xứ 有疑處. Cụm từ không có trong giới văn. Giới văn nói: nhược nghi 若疑. Pali: sāsaṅkasammato.

[680] . Tăng kỳ 15 (T22n1425, tr.348c7): đường, tính từ 1 câu-lô-xá đến 3 do-diên (do tuần).

[681] . Tăng kỳ nt, Thập tụng 11: đoạn đường không có thôn xóm, đi hết 1 câu-lô-xá là 1 ba-dật-đề.

[682] . Thập tụng 12, ba-dật-đề 25; Căn bản 23, ba-dật-đề 27.

[683] . Thập tụng 12: các tỳ-kheo-ni đồng bọn của Đề-bà-đạt-đa.

[684] . Căn bản: hoặc duyên ba 沿波, hoặc tố lưu 泝流. Giải thích: duyên ba, đi xuôi dòng; tố lưu, đi ngược dòng.

[685] . Các đoạn trên, không thấy định nghĩa liên hệ.

[686] . Các bộ, ba-dật-đề 30.

[687] . Bạch thời đáo 白時到. Pali: kālaṃ āroceti.

[688] . Đề-bà-đạt 提婆達, Tam-văn-đà-la-đạt 三聞陀羅達, Khiên-đà-la-đạt-bà 騫馱羅達婆, Cù-bà-ly 瞿婆離, Ca-lưu-la-đề-xá 迦留羅提舍. Xem Ch.ii. Tăng-già-bà-thi-sa x & cht.123, Đề-bà-đạt-đa và đồng bọn.

[689] . Giáo hoá 教化, trên kia nói là khuyến hoá 勸化.

[690] . Lê-sư-đạt 梨師達.

[691] . Tăng kỳ: trừ cựu đàn-việt 除舊檀越.

[692] . Trong giới văn, tán thán giáo hoá 讚歎教化; các bộ: tán thán 讚歎 Pali: bhikkhunī-paripācita, gây ảnh hưởng bởi tỳ-kheo-ni.

[693] . Dư thực pháp 餘食法; xem ba-dật-đề 36.

[694] . Nhất tọa thực, ăn chỉ một lần ngồi, tức ăn một bữa. Cf. Trung A-hàm 50 (T1, tr.744b11); cf. ba-dật-đề 37. Pali, ekāsana-bhojana, M.i.124.

[695] . Nhất đoàn thực 一摶食, mỗi lần ăn một vắt cơm

[696] . Thường tọa tùy tọa 常坐隨坐.

[697] . Ngũ phần, ba-dật-đề 67, Tăng kỳ, ba-dật-đề 68; Thập tụng, ba-dật-đề 70; Căn bản, ba-dật-đề 70; Pali. Pāc. 67.

[698] . Hán: nãi chí thôn gian 乃至村間. Pali: antamaso gāmantarampi.

[699] . Xem ba-dật-đề 27.

[700] . ibid.

[701] . Ngũ phần, ba-dật-đề 33; Tăng kỳ, ba-dật-đề 31; Thập tụng, ba-dật-đề 32; Căn bản, ba-dật-đề 32. Pali Pāc. 31 āvasathapiṇḍa.

[702] . Tức không có tinh xá của Tăng.

[703] . Thập tụng 12: phước đức xá 福德舍 (nhà từ thiện), với phụ chú (T23n1435, tr.89c25): «Chính xác, gọi là nhất túc

xứ 一宿處 (chỗ ngủ trọ một đêm).». Pali: āvasaṭhapiṇḍa, lữ xá có bố thí thức ăn.

[704] . Ăn nhiều lần. Ngũ phần, Thập tụng, Căn bản, ba-dật-đề 31; Tăng kỳ, ba-dật-đề 32; Pali, Pāc. 31 paramparabhojana, ăn từ chỗ này đến chỗ khác.

[705] . Sa-nậu 沙菟. Ngũ phần 7: nhân duyên từ một người làm mướn nghèo khó. Thập tụng 12: một tiểu nhi mồ côi làm thuê. Pali (Vin.iv. 75): aññatarassa daliddassa kammakārassa.

[706] . A-na-tần-đầu 阿那頻頭. Cf. Mahāvagga 6, Vin.i. 220: Andhakavindha, một thị trấn trong Vương quốc Magadha.

[707] . Tất bạt 蓽芨, loại cỏ có bông trắng trổ vào mùa xuân, dùng làm thuốc. Không rõ Pali.

[708] . Pali, nt., yāguñca madhugoḷakañca, cháo (sữa cháo) và kẹo mật (mật viên).

[709] . Tức gừng, tiêu và cỏ tất bát.

[710] . Không rõ loại bánh gì. Pali, nt. madhugoḷaka, mật hoàn.

[711] . Thỉnh thực 請食.

[712] . Hán: thượng hữu lậu 上有漏. Cf. Pali: kāmānaṃ ādīnavaṃ okāraṃ saṃkilesaṃ, sự tai hại, tháp hèn và ô nhiễm của các dục.

[713] . Tăng thượng quả 增上果; chỉ quả Thánh. Đây chỉ quả Tu-đà-hoàn. Chính xác, nên hiểu: ở trong Chánh pháp mà đạt được sự vô uý.

[714] . Trù chúc 稠粥; trên nói là nùng chúc 濃粥.

[715] . Hán: xiếu 麩, mạch yến mài nát vụn (Khang hy). Hoặc đọc là khứu 糗, lương khô (Thiều Chữu).

[716] . Năm loại thức ăn: xem định nghĩa đoạn sau; xem cht.182; cf. xem ba-dật-đề 35.

[717] . Triển chuyển thực 展轉食: ăn luân phiên. Ngũ phần, Thập tụng: sác sác thực 數數食. Tăng kỳ: xứ xứ thực 處處食; ăn nhiều chỗ. Pali: paraṃparabhojana.

[718] . Năm loại thức ăn, Hán: phạn, khứu, can phạn, ngư, cập nhục 飯糗乾飯魚及肉. Pali: odana (cơm chín), kummāsa (bánh bột, hay cháo chua), sattu (bánh khô), maccha (cá), maṃsa (thịt). Cf. Căn bản (T23n1442, tr.821b24), 5 loại thực phẩm bồ-thiện-ni thực 蒲繕尼食: cơm, đậu mạch, lương khô, thịt, bánh 飯麥豆飯糗肉餅.

[719] . Hết quyển 13.

[720] . Ngũ phần 7, ba-dật-đề 32; Tăng kỳ, ba-dật-đề 40, lời chú (T22n1425, tr.362b24) nói: bản Phạn lưu trong tinh xá Kỳ-hoàn bị mọt ăn mất điều 40 biệt chúng thực; Thập tụng, ba dật-đề 36; Căn bản, ba-dật-đề 36. Pali, Pāc. 32 Gaṇabhojana.

[721] . Xem Ch. ii. tăng-già-bà-thi-sa 10.

[722] . Đề-bà-đạt 提婆達, Tam-văn-đà-la-đạt 三聞陀羅達, Khiên-đà-la-đạt-bà 騫駄羅達婆, Cù-bà-ly 瞿婆離, Ca-lưu-la-đề-xá 迦留羅提舍. Xem Ch.ii. tăng-già-bà-thi-sa x & cht.123, Đề-bà-đạt-đa và đồng bọn.

[723] . Bốn tỳ-kheo trở lên, khi chưa đủ yếu tố để thành Tăng (Pl. Saṅgha), thì gọi là biệt chúng (gana).

[724] . Biệt chúng thực 別眾食. Xem giải thích đoạn sau. Ngũ phần 7 (T22n1421, tr.50c24): biệt thỉnh chúng thực 別請眾食.

[725] . Ca-đề nguyệt 迦提月; Xem cht.177, Ch.iv, ni-tát-kỳ 29.

[726] . Xem cht.187 trên.

[727] . Tăng chia làm nhiều chúng riêng. Mỗi chúng thọ thực tại mỗi nơi khác nhau.

[728] . Bình-sa vương 瓶沙王. Xem cht. 113, Ch.i ba-la-di 2; cht. 98, Ch.ii tăng-già-bà-thi-sa 10.

[729] . Ca-la 迦羅. Ngũ phần 7 (T22n1421, tr.50c27): em trai của Vua tên là Ca-lưu 迦留. Thập tụng 13 (T23n1435, tr.94c25), Căn bản 36 (T23n1442, tr.824a01): cậu của Vua. Pali, Vin.iv.747, một người thân tộc của Vua Seniya Bimbisāra xuất gia theo nhóm lõa hình tà mạng (Ājīvaka); không nói tên.

[730] . Năm loại thức ăn, xem cht.182, ba-dật-đề 32 trên.

[731] . Pali: mahāsamayo, bản Anh hiểu là sự khan hiếm cực kỳ, do Pali samaya có nghĩa: thời tiết, cơ hội. Trong Skt., samaya còn có nghĩa «tập hội.»

[732] . Pali: samaṇabhattasamayo, được giải thích: «bữa ăn của sa-môn, nghĩa là bữa ăn được làm bởi sa-môn.» (Vi. iv. 475).

[733] . Tăng kỳ, ba-dật-đề 38; Thập tụng, Căn bản, ba-dật-đề 33. Pali, Pāc. 34.

[734] . Già-nhã-na 伽若那. Tăng kỳ: Hạt Nhãn 瞎眼. Thập tụng: Lai Nhãn 睞眼; vì mắt lé. Pali: Kāṇamātā.

[735] . Pali: ba lần cô chuẩn bị lương thực đi đường đều lần lượt bố thí hết cho ba tỳ-kheo, nên trễ chuyện về nhà chồng. Các bộ khác cũng vậy.

[736] . Hán: bính, khứu 餅糗. Pali: pūvehi vā manthehi, giải thích, pūva, bánh để làm quà; mantha, lương khô để đi đường.

[737] . Tỳ-kheo này không mang về bát nào, nhắc tỳ-kheo khác biết có thể mang về hai hoặc ba bát.

[738] . Tỳ-kheo này đã mang về một bát, nhắc tỳ-kheo kế tiếp biết chỉ được mang về tối đa hai bát.

[739] . Tỳ-kheo này đã mang về hai bát, nhắc tỳ-kheo kế tiếp biết chỉ được mang về một bát nữa thôi.

[740] . Xem các cht. trên.

[741] . Ngũ phần, ba-dật-đề 35; Tăng kỳ, ba-dật-đề 33; Thập tụng, Căn bản, ba-dật-đề 34. Pali, Pāc. 35.

[742] . Nhất thực pháp 一食法 hay nhất tọa thực, ngày ăn một bữa. Pali: ekāsana/ ekabhatta. Bản Hán đọc là eka-asana: một lần ăn, nhất thực. Các bản khác đọc eka-āsana, một chỗ ngồi, nhất tọa (thực). Cf. M.i. 437.

[743] . Khư-xà-ni 佉闍尼. Pali: khādanīya, thức ăn loại cứng (cần phải cắn). Xem giải thích đoạn giới tướng, và cht.182.

[744] . Chánh thực 正食. Pali: bhojanīya, thức ăn loại mềm. Xem cht.182, ba-dật-đề 32.

[745] . Sác sác thực 數數食.

[746] . Túc thực pháp 足食法. Xem cht.184 đoạn sau.

[747] . Tăng kỳ: «… ăn đã đủ, đã rời chỗ ngồi…» Pali: bhuttāvī pavārito, ăn đã xong, và đã no. Bản Hán hiểu pavārito là «được yêu cầu.»

[748] . Dư thực pháp 餘食法. Ngũ phần, và các bộ khác: tàn thực pháp 殘食法.

[749] . Cf. Ngũ phần 7 (T22n1421, tr.52c13), mỗi loại thưc ăn có 5 sự được nói là túc thực: có thức ăn, đã trao cho, đã nhận và đã nhai và nuốt, ăn đã xong, đã rời khỏi chỗ ngồi, gọi là túc thực (ăn đã đủ). Pali, Vin. iv. 82, 5 yếu tố để thành túc thực: 1. được biết là đang ăn (asanaṃ paññāyati), 2. được biết là có thức ăn (bhojanaṃ paññāyati), 3. đứng gần trong tầm tay (hatthapāse ṭhito), 4. mang đến cho (abhiharati), 5. được biết là đã từ chối, vì đã ăn no (paṭikkhepo paññāyati).

[750] . Nghĩa là, không còn «đang đi» nữa.

[751] . Nội dung các đoạn lặp chỉ khác nhau về thức ăn.

[752] . Pali: khādanīya, thức ăn loại cứng (cần phải cắn), được giải thích (Vin. iv. 83): trừ 5 loại thức ăn chính (bhojanīya, loại mềm), trừ thực phẩm loại để qua đêm, 7 ngày, và suốt đời, còn lại đều là thức ăn loại cứng. Thập tụng (T23n1435, tr.91b11), 5 loại khư-đà-ni 佉陀尼: rễ, cọng, lá, mài, quả 根莖葉磨果. Căn bản (T23n1442, tr.821b22): rễ, cọng, lá, hoa, quả 根莖葉花果. Ngũ phần 7 (T22n1421, tr.52c12): phạn (cơm), can phạn (cơm khô), bính xiếu (bánh bột), ngư (cá), nhục (thịt) 飯乾飯餅糗魚肉

[753] . Ma tế mạt 磨細末. Đoạn sau, nói là tế mạt thực 細末食.

[754] . Ngũ phần, ba-dật-đề 36; Tăng kỳ, ba-dật-đề 34; Thập tụng, Căn bản, ba-dật-đề 35. Pali, Pāc, 36.

[755] . Xem cht.212, ba-dật-đề 35.

[756] . Thỉnh 請. Các bản khác: thuyết thỉnh. Giải thích từ «thọ thỉnh» trong giới văn, nhưng đoạn trên không có giải thích. Chính xác, đây giải ý nghĩa «túc thực» (Pali: pavārita) mà bản Hán hiểu là «thọ thỉnh (được yêu cầu).» Xem cht.212, ba-dật-đề 35 trên.

[757] . Ngũ phần, ba-dật-đề 38; Tăng kỳ, ba-dật-đề 36; Thập tụng, Căn bản, ba-dật-đề 37. Pali, Pāc. 37.

[758] . Ca-lưu-đà-di 迦留陀夷. Cf. M.i. 437 (Bhaddālisutta): chuyện tôn giả Bhaddāli. Xem Trung A-hàm 51, kinh 194 Bạt-đà-hòa-lợi, T1, tr.746.

[759] . Pali, Kāḷudāyi (Skt. Kālodāyin): Kāḷa + Udāyī, nghĩa là, Udāyi đen, vì nước da ông ngăm đen.
[760] . Pali: thức ăn loại cứng (khādānīya) và loại mềm (bhojanīya).
[761] . Xem các đoạn trên, và cht. liên hệ
[762] . Loại thức ăn (xem là thuốc) được phép để dùng trong thời hạn bảy ngày.
[763] . Thuốc (thức ăn) cất dùng không kể thời hạn
[764] . Hắc thạch mật 黑石蜜, loại đường cát chưa tinh luyện
[765] . Pali: kiṇṇa, chất gây men
[766] . Ngũ phần, ba-dật-đề 39; Tăng kỳ, ba-dật-đề 37; Thập tụng, Căn bản, ba-dật-đề 38.
[767] . Ca-la 迦羅. Thập tụng 13, tỳ-kheo Thượng Thắng 上勝. Căn bản 36, Cụ thọ Ca-la 具壽哥羅. Pali: Belaṭṭhasīsa, Hoà thượng của A-nan (ānandassa upajjhāyo).
[768] . Văn Hán đoạn này hơi tối. Cf. Căn bản 36 (T23n1442, tr.824c24): Nếu khất thực được thức ăn ướt, lấy bát mà nhận rồi ăn ngay. Nếu là thức ăn khô, lấy khăn gói lại mang về cất. Hôm nào trời mưa không đi khất thực được, lấy ra ăn. Cf. Pali, Vin. iv. 86: Belaṭṭha để dành cơm, phơi khô. Khi cần ăn, mang ra rưới nước vào rồi ăn.
[769] . Tàn túc thực 殘宿食. Căn bản 36: tăng xúc thực 曾觸食. Pali: sannidhikāraṃ khādānīyaṃ vā bhojanīyaṃ vā khādeyya vā bhuñjeyya vā, ăn các thức ăn được tích trữ.
[770] . Hán: túc thực 宿食, trong giới văn: tàn túc thực 殘宿食. Pali: sannidhikarānaṃ khādanīyaṃ vā bhojanīyaṃ vā, tích trữ các loại thức ăn cứng và mềm.
[771] . Chánh thực và phi chánh thực 正食非正食; tức bồ-xà-ni (loại mềm) và khư-đà-ni (loại cứng). Xem giải thích các đoạn trên.
[772] . Xem cht.218 trên.
[773] . Hết quyển 14.

[774] . Ngũ phần 7, ba-dật-đề 39; Tăng kỳ 16, ba-dật-đề 35; Thập tụng 13, Căn bản 36, ba-dật-đề 38. Pali, Pāc.40 dantapona.

[775] . Ngũ Phần 7 (T22n1421, tr.53a20): Đại Ca-diếp lượm và ăn đồ ăn người ta bỏ đống rác; bị chê là ăn đồ dơ. Tăng kỳ 16 (T22n1425, tr.357a05): A-na-luật sống hoàn toàn bằng phấn tảo: lượm giẻ rách làm y, nhặt cơm đống rác mà ăn; bị chỉ trích tranh ăn với chim chóc. Thập tụng 13 (T23n1435, tr.95c25): tỳ-kheo Ma-ha Ca-la; Căn bản 36 (T23n1442, tr.825a27), cụ thọ Ca-la; nhân duyên tương tợ như các bộ, chỉ khác nhân vật. Pali, Vin. iv. 89: aññataro bhikkhu sabbapaṃsukūliko susāne viharati, một tỳ-kheo nọ, là vị trì phấn tảo toàn diện, sống trong khu mộ.

[776] . Pali: adinnaṃ... āhāraṃ, thức ăn không được người khác trao cho.

[777] . Pali: adinnaṃ... āhāraṃ, thức ăn không được người khác trao cho.

[778] . Bất thọ 不受. Trong giải thích, nói là bất dữ 不與; xem cht.245 dưới. Thập tụng: bất thọ 不受, không nhận từ người khác. Tăng kỳ: bất dữ thủ 不與取. Pali: adinna, (vật) không được cho; giải thích: appaṭiggahitakaṃ, (vật) chưa được nhận lấy, hay chưa được tiếp nhận.

[779] . Ngũ phần thêm: «trừ thức nếm (thường thực 嘗食.).» Căn bản: «bỏ vào miệng rồi nhai, nuốt.» Pali: aññatra udakadantapoṇā, bản Anh hiểu là «nước súc miệng.»

[780] . Bất dữ 不與. Trong giới văn nói bất thọ 不受. Pali: adinnaṃ. Xem cht.243 trên.

[781] . Cf. Ngũ phần7 (T22n1421, tr.53c20) có bốn cách nhận. Trao và bằng thân với thân; trao và nhận qua một vật; trao và nhận qua tay với tay; bảo cầm lấy mà nhận.

[782] . Chỉ chánh thực hay bồ-xà-ni, xem cht.209 trên.

[783] . Tô, du, sanh tô, mật, thạch mật

[784] . Vì không thể nhổ sạch hoàn toàn.

[785] . Ngũ phần 8, ba-dật-đề 41; Tăng kỳ 16, 39. Thập tụng 13, Căn bản 36: 40. Pali, Pāc. 39.

[786] . Tạp thực 雜食. Giới văn nói là mỹ thực 美食. Xem giải thích sau.

[787] . Trong bản: mỹ thực. Trên, nói là tạp thực. Pali: paṇītabhojāni, thức ăn mỹ vị.

[788] . Trong bản: đắc 得. Thập tụng: «…có 有 trong nhà bạch y.» Ngũ phần: «… có 有 trong các gia đình.»

[789] . Căn bản. «loại ẩm thực mà Thế tôn nói là mỹ diệu.» Pali: pāṇitabhojanāni, liệt kê: sappi, sữa chua hay đề hồ, navanīta. bơ trong hay sanh tô, tela, dầu mè, madhu, mật ong, phāṇita, đường mía hay đường cát, maccha, cá, maṃsa, thịt, khīra, sữa, dadhi, sữa đặc.

[790] . Trong bản: ẩm thực; các đoạn trên không có chữ ẩm 飲 .

[791] . Nhất tọa gian 一坐間; chính xác, hiểu là không thể ăn ngày một bữa mà no đủ. Định nghĩa của Pali: người bịnh (gilāno), là người cần thức ăn mỹ diệu mới thấy khoẻ khoắn.

[792] . Ngũ phần, ba-dật-đề 40; Tăng kỳ: 52; Thập tụng, Căn bản, 44. Pali. Pāc.41.

[793] . Hán: lõa hình ngoại đạo (xuất) gia nữ 裸形外道家女. Bản Hán có sự chép nhầm. Chính xác, ngoại đạo xuất gia nữ (Pali: paribbājikā). Trong giới văn Pali, loã hình acelakassa (Skt. acelakāya) thuộc nam tánh. Không có nữ lõa hình ngoại đạo.

[794] . Trong Luật Pali, chuyện kể nam loã hình ngoại đạo (acelaka).

[795] . Trong bản Hán chép thiếu hai chữ lõa hình 形外 đã được nêu trong văn kết giới lần đầu. Pali: acelakassa vā paribbājakassa vā paribbājikāya vā, cho các loã hình (nam), hay xuất gia (ngoại đạo) nam hay xuất gia (ngoại đạo) nữ. Tăng kỳ: vô y ngoại đạo và xuất gia nam, nữ. Căn bản: vô y ngoại đạo, và các nam, nữ ngoại đạo khác.

[796] . Chính xác, giải thích từ lõa hình trong giới văn. Có lẽ do người chép nhầm nên đảo ngược thành giải thích từ ngoại đạo.

[797] . Ba-tư-ba-la-xà 波私波羅闍. phiên âm không chuẩn của từ Skt. parivrāja (nam), parivrājikā (nữ); hoặc Pali, paribbāja (paribbājikā): người xuất gia, chỉ các du sỹ (nam, nữ) ngoại đạo. Giải thích từ ngoại đạo 外道 trong giới văn

[798] . Đây chỉ chánh thực hay bồ-xà-ni.

[799] . Ngũ phần 9: ba-dật-đề 82; Tăng kỳ 20, Thập tụng 17, Căn bản 43: 81. Pali, Pāc. 46.

[800] . Các đoạn sau nói thực tiền, trước bữa ăn.

[801] . Cam quả 甘果. Ngũ phần: thục thực 熟食, thức ăn chín (trái cây). Pali: khādānīya, thức ăn loại cứng

[802] . Ngũ phần: không báo cho tỳ-kheo ở gần. Nếu không có tỳ-kheo gần đó để báo, không phạm.

[803] . Thực hậu 食後. Tăng kỳ: ăn xong rồi, vẫn còn sớm, gọi là thực hậu. Thập tụng: trung tiền trung hậu 中前中後, trước và sau giữa trưa.

[804] . Biên phòng 邊房. Thập tụng: Tăng phường 僧坊.

[805] . Cf. Ngũ phần.

[806] . Ngũ phần: không có. Tăng kỳ, ba-dật-đề 54; Thập tụng, Căn bản: 42. Pali, Pāc. 43.

[807] . Duyên khởi theo Thập tụng và Căn bản: người chồng đang có dục tâm với vợ nhưng bị tỳ-kheo ngồi lì gây trở ngại. Chi tiết này giải thích từ hữu thực gia: gia đình đang hưởng thọ dục lạc.

[808] . Thực gia 食家; xem giải thích sau.

[809] . Thực gia 食家. Thập tụng: hữu thực gia 有食家; giải thích: người nữ là thức ăn của người nam. Căn bản: tri hữu thực gia 知有食家, biết trong nhà nam nữ đang có dục tâm với nhau. Pali: sabhojana, giải thích: nhà có nam và nữ; nam nữ đang có dục tâm với nhau (ubho avītarāgā).

[810] . Vật báu: các bộ khác không có yếu tố này. Có thể bản Hán hiểu sabhojana (có thức ăn) đồng nghĩa với sabhoga (có tư cụ hay tài bảo).

[811] . Ngũ phần: ba-dật-đề 42; Tăng kỳ: 70; Thập tụng, Căn bản: 42.

[812] . Xem cht.275. Tăng kỳ không có chi tiết này.

[813] . Ngũ phần: ba-dật-đề 44; Tăng kỳ, không có. Căn bản, không có. Thập tụng: 29. Pali, Pāc.45.

[814] . Thập tụng: tỳ-kheo-ni Quật-đa 掘多比丘尼, quen thân cũ.

[815] . Cf. điều 33 & 34 trên, và các cht. liên hệ.

[816] . Bình xứ 屏處. Nhưng, giới văn: lộ địa 露地. Pali: eko ekāya raho, hai người ở chỗ khuất vắng.

[817] . Ngũ phần: ba-dật-đề 76; Tăng kỳ: 44; Thập tụng, Căn bản: 51. Pali Pāc. 42.

[818] . Ngũ phần: tỳ-kheo Đạt-ma 達摩比丘.

[819] . Thôn 村. Giới văn: tụ lạc 聚落.

[820] . Ngũ phần: ba-dật-đề 62; Tăng kỳ, Thập tụng, Căn bản: 74. Pali, Pāc. 47.

[821] . Thích-suý-sấu 釋翅搜. Pali: Sakkesu, giữa những người họ Thích.

[822] . Pali: họ tìm cách làm mất tiếng Mahānāma.

[823] . Tứ nguyệt (thỉnh) nhân duyên thỉnh dữ dược 四月(請)因緣請與藥. trong này dư chữ thỉnh đầu.Từ nhân

duyên 因緣 tức Pali paccaya, duyên; đây chỉ một trong bốn duyên hay bốn nhu yếu của tỳ-kheo là thuốc. Ngũ phần: tứ nguyệt tự tứ thỉnh 四月自恣請. Tăng kỳ: tứ nguyệt biệt tự tứ thỉnh 四月別自恣請. Thập tụng: tứ nguyệt tự tứ thỉnh 四月自恣請. Pali: cātumāsapaccaya-pavāraṇā, được yêu cầu tuỳ ý đối với các nhu yếu trong bốn tháng.

[824] . Căn bản, bốn ngoại trừ: biệt thỉnh, cánh thỉnh, ân cần thỉnh, thường thỉnh. Thập tụng, trừ ba: thường thỉnh, sác sác thỉnh, biệt thỉnh. Ngũ phần, trừ ba: cánh thỉnh, tự tống thỉnh, trường thỉnh. Tăng kỳ, trừ hai: cánh thỉnh và trường thỉnh. Pali, trừ hai: yêu cầu thêm nữa (punapavāraṇa) và yêu cầu thường xuyên (niccapavāraṇa).

[825] . Từ được dùng trong văn kết giới lần đầu. Các lần sau, bản Hán lược bỏ. Pali: paccaya, duyên; đây chỉ thuốc là một trong bốn duyên của tỳ-kheo.

[826] . Ngũ phần: ba-dật-đề 45; Tăng kỳ: 55; Thập tụng, Căn bản: 45. Pali, Pāc. 48.

[827] . Ba-tư-nặc 波斯匿王. Pali: Pasenadi, vua nước Kosala.

[828] . Lị-sư-đạt-đa và Phú-la-na 利師達多富羅那.

[829] . Ngũ phần: quán quân phát hành 觀軍發行, xem quân đội xuất trận.

[830] . Ngũ phần: ba-dật-đề 46; Tăng kỳ: 56; Thập tụng, Căn bản: 46. Pali, Pāc. 49.

[831] . Bản Hán, hết quyển 15.

[832] . Ngũ phần: ba-dật-đề 47; Tăng kỳ: 57; Thập tụng, Căn bản: 47; Pali, Pāc. 50.

[833] . Thập tụng: xem dụng binh khí, tù và, cờ xí, hai bên giao chiến. Căn bản: xem chỉnh trang quân đội, cờ xí, bố trận.

[834] . Thập tụng 14 (T23n1435, tr.102a04), bốn thế trận: trận hình cánh cung, trận hình bán nguyệt, trận hình sáng, trận hình mũi nhọn. Căn bản 37 (T23n1442, tr.832c13), bốn thế trận: thế mũi nhọn, thế gọng xe, thế bán nguyệt, thế cánh đại bàng.

[835] . Hán: trương chân 張甄.

[836] . Hán: giảm tương (tướng?) trận 減相陣, không rõ nghĩa.

[837] . Ngũ phần: ba-dật-đề 57; Tăng kỳ: 76; Thập tụng, Căn bản: 79. Pali, Pāc. 51.

[838] . Chi-đà 支陀國. Pali, Vin.iv. 108: cetiyesu...bhaddavatikā. Ngũ phần 8 (T22n1421, tr.59c26): tại Câu-xá-di 拘舍彌. Thập tụng 17 (T23n1435, tr.120b29): Phật tại nước Chi-đề, ấp Bạt-đà-la-bà-đề 支提國跋陀羅婆提邑

[839] . Sa-già-đà 者娑伽陀. Ngũ phần: Sa-kiệt-đà 沙竭陀. Căn bản: Thiện Lai 善來. Pali: Sāgata.

[840] . Tức thị giả của Phật.

[841] . Đệ nhất phòng 第一房. Pali: agyāgāra, căn nhà thờ lửa; bản Hán đọc là aggāra.

[842] . Câu-thiểm-di chủ 拘睒彌主. Có lẽ là quốc chủ, như kể ở đoạn sau.

[843] . Hắc tửu 黑酒. Tăng kỳ: thạch mật tửu 石蜜酒, rượu mía. Pali: kāpotikā, loại rượu quý, có lẽ màu trắng hay xám tro như màu lông chim bồ-câu nên gọi như thế.

[844] . Mộc tửu 木酒; rượu chế biến từ trái cây.

[845] . Xá-lâu già 舍樓伽. Pali: sālūka, rễ hay củ sen.

[846] . Nhuy trấp 蕊汁. Uy-nhuy, một loại dược thảo, hoa màu xanh (Khang hy).

[847] . Chính xác, nước ngọt có vị rượu. Thập tụng, tỳ-kheo uống rượu ngọt (điềm tửu 甜酒) và rượu chua (thố tửu 酢酒) đều phạm ba-dật-đề

[848] . Căn bản: uống những thứ khi uống vào cho say, ba-dật-đề; nhưng thứ không làm cho say, đột-kiết-la.

[849] . Ngũ phần 8: ba-dật-đề 55; Tăng kỳ 19: 66; Thập tụng 16, Căn bản 40: 64. Pali, Pāc. 53.

[850] . A-kỳ-la-bà-đề 阿耆羅婆提. Ngũ phần: A-di-la hà 阿夷羅河. Thập tụng: A-chỉ-la hà 阿脂羅. Căn bản: A-thị-la-bạt-để 阿市羅跋底河. Pali: Aciravatī.

[851] . Mạt-lợi phu nhân 末利夫人 (Mallikā-devī) chánh cung của Vua Ba-tư-nặc (Pl. Pasenadi). Căn bản: Thắng Man phu nhân 勝鬘夫人.

[852] . Na-lăng-ca 那陵迦. Ngũ phần: Na-lân-già 那鄰伽. Có lẽ Pali: Nāḷijaṅgha, người bà-la-môn mà Phu nhân thường sai đến Phật thỉnh ý kiến; cf. M. ii. 108› Các bộ khác không đề cập. Luật Pali: Vua Pasenadi nhờ các tỳ-kheo này mang về cho Phật một thỏi đường. Phật biết ý Vua, khiển trách các tỳ-kheo nghịch phá.

[853] . Ngũ phần: ba-dật-đề 54; Tăng kỳ: 67; Thập tụng, Căn bản: 63. Pali, Pāc. 52.

[854] . Phần lớn các bộ giống nhau. Thập tụng thêm: các tỳ-kheo nghi phạm ba-la-di, bạch Phật. Phật nói, không có ý sát, không phạm. Tăng kỳ 19: các tỳ-kheo trẻ lấy ngón tay thọc nhau đùa giỡn, không có án mạng.

[855] . Tăng kỳ: thụi bằng nắm đấm, thâu-lan-giá.

[856] . Ngũ phần: ba-dật-đề 58; Tăng kỳ: 77; Thập tụng, Căn bản: 78. Pali, Pāc. 54

[857] . Xem Ch.ii. tăng-già-bà-thi-sa 12, và cht. liên hệ.

[858] . Ngũ phần: khinh sư 輕師; bất kính đối với Hoà thượng, A-xà-lê. Tăng kỳ: khinh tha 輕他; coi thường các tỳ-kheo, khi Tăng gọi thì không đến. Thập tụng, Căn bản: bất cung kính 不恭敬; coi thường đại chúng tỳ-kheo. Pali: anādariye, bất kính.

[859] . Ngũ phần: ba-dật-đề 73; Tăng kỳ: 65; Thập tụng, Căn bản: 66. Pali. Pāc. 55.

[860] . Ba-la-lê-tỳ 波羅梨毘. Thập tụng: Phật tại Duy-da-li 維耶離, trong núi Ma-câu-la 摩俱羅.

[861] . Na-ca-ba-la 那迦波羅. Thập tụng: tỳ-kheo thị giả bấy giờ là Tượng Thủ 象守 (Nāgapāla?). Cf. Tạp A-hàm 49 (Kinh 1320). Cf. Pali, Udāna 1.7. Pāṭalī.

[862] . Kim kinh hành đường 金經行堂. Thập tụng: hoá thành hang lưu ly 琉璃窟.

[863] . Thập tụng: sau này sẽ lậu tận, đắc quả A-la-hán.

[864] . Khủng bố 恐怖. Pali: bhiṃsāpeyya

[865] . Ba-la thinh 波羅聲; chưa rõ tiếng gì.

[866] . Tát-la thọ 薩羅樹; có lẽ Pali: sāla.

[867] . Ngũ phần: ba-dật-đề 70; Tăng kỳ: 50; Thập tụng, Căn bản: 60. Pali, Pāc. 57.

[868] . Pali: hồ nước Tapodā

[869] . Xem Ch.i. ba-la-di 2 & cht. 64.

[870] . Tăng kỳ: 41; Thập tụng, Căn bản: 52; Pali, Pāc. 56

[871] . Xem Ch. ii. tăng-già-bà-thi-sa 6 & cht. 53.

[872] . Ôn thất 溫室; nhà tắm có nước nóng. Pali: jantāghara.

[873] . Ngũ phần: ba-dật-đề 78; Tăng kỳ: 64; Thập tụng, Căn bản: 67. Pali, Pāc. 60.
[874] . Ngũ phần: ba-dật-đề 81; Tăng kỳ: 63; Thập tụng, Căn bản: 68. Pali, Pāc. 59.

[875] . Xem cht. 14, Ch.iv, Ni-tát-kỳ 1.

[876] . Tăng kỳ: «không xả mà thọ dụng.» Thập tụng: người khác không trả mà cưỡng đoạt lấy.» Căn bản: «nhận y người khác gởi, tự tiện dùng mà không hỏi chủ.»

[877] . Pali: sammukhāvikappanā, tác tịnh hiện tiền (trực tiếp); cf. Vin. iv. 122.

[878] . Pali: paraṃmukhāvikappanā, tác tịnh vắng mặt người nhận. cf. Vin.iv. 122.
[879] . Ngũ phần: ba-dật-đề 77; Tăng kỳ: 48; Thập tụng, 59. Căn bản: 58. Pali, Pāc. 58.
[880] . Ngũ phần 9 (T22n1421, tr.68a25) xanh, đen, mộc lan. Thập tụng 15 (T23n1435, tr.109b11) màu xanh, màu bùn, nâu đỏ 青 (thanh) 泥 (nê) 茜 (thiến). Căn bản39 (T23n1442, tr.845a14) màu xanh, màu bùn, màu đỏ 青泥赤. Pali: nīla (xanh lá cây), kaddama (bùn), kāḷasāmaka (màu đen, hay gần đen)
[881] . Ngũ phần: ba-dật-đề 51; Tăng kỳ: 61; Thập tụng, Căn bản: 61. Pali, Pāc. 61.
[882] . Xem Ch.i ba-la-di 3, phần thích nghĩa.

[883] . Xem ba-dật-đề 19.
[884] . Bản Hán, hết quyển 16.
[885] . Ngũ phần: ba-dật-đề 52; Tăng kỳ: 62; Thạp tụng, Căn bản: 62. Pali, Pāc. 77.
[886] . Các bộ đều nói, gieo nghi ngờ 17 tỳ-kheo này không đắc giới cụ túc vì thọ không như pháp.
[887] . Đoạn trên, không nêu tội danh này.
[888] . Thập tụng 16 (T23n1435, tr.111b17) «Chỉ với mục đích ấy chứ không gì khác.»
[889] . Nghi não 疑惱. Ngũ phần, Tăng kỳ, Thập tụng: nghi hối 疑悔. Căn bản: não 惱. Pali: sañcicca kukkuccaṃ upadaheyya, cố ý khơi dậy sự hoang mang (hối tiếc).
[890] . Tăng kỳ: trưng dẫn gây nghi ngờ về sự đắc giới: sanh hay tuổi tác; yết-ma, hình tướng, bệnh, tội, mạ lỵ, kết sử.
[891] . Ngũ phần: ba-dật-đề 74; Tăng kỳ: 60; Thập tụng, Căn bản: 50; Pali, Pāc. 64.

[892] . Ngũ phần: «che giấu qua một đêm.» Thập tụng: «che giấu nhẫn đến một đêm.»

[893] . Ngũ phần: ba-dật-đề 61; Tăng kỳ: 71; Thập tụng, Căn bản: 72. Pali, Pāc.65.

[894] . Tăng kỳ 19 (T22n1425, tr.383a14): nhân duyên bởi «thập lục quần tỳ kheo,» và cha con Ma-ha-la.

[895] . Tức 8.000.000 (tiền vàng).
[896] . Cf. Vin.i. 77 Upāli(dāraka).

[897] . Hán: học thư 學書. Pali nt.: lekhaṃ sikkheyya.

[898] . Pali nt.: lekhaṃ sikkhissati aṅguliyo dukkhā bhavissanti, «nếu nó học viết, sẽ khổ cho các ngón tay.»

[899] . Pali, nt.: gaṇaṃ sikkhissati urassa dukkho bhavissati, «học toán số, sẽ khổ cho cái ngực.»

[900] . Nguyên Hán: thập thất quần đồng tử 十七群童子, tính dư một cậu. Pali: Upāli đến rủ bọn nhỏ kia.

[901] . Xem cht. trên.

[902] . Đoạn đối thoại này mâu thuẫn với tường thuật trên. Có sự nhầm lẫn nào đó trong bản Hán.

[903] . Si cố 癡故. Tăng kỳ 19, không nói. Ngũ phần 8, thay bằng «pháp ấy phải như vậy 是法應爾.» Thập tụng 16: «sự việc ấy phải như vậy 是事應爾.» Pali: te ca bhikkhū gārayhā, idaṃ tasmiṃ pācittiyan'ti, «các tỳ-kheo ấy đang bị khiển trách; cái này trong đây ba-dật-đề.» Bản Skt. ayaṃ tatra samaya, «trong đây sự việc này là hợp thức.»

[904] . Tính tất cả các tháng âm lịch thiếu.

[905] . Ngũ phần 6: ba-dật-đề 5; Tăng kỳ 12: 4; Thập tụng, Căn bản 26: 4. Pali, Pc. 63.

[906] . Giới văn trong bản: «đã được sám hối như pháp.» Ngũ phần: «Sự việc đã được Tăng xử đoán như pháp.»

[907] . Tăng kỳ thêm: «… nói rằng, yết-ma này bất thành. Hãy tác pháp lại với nhân duyên như vậy, không khác…»

[908] . Xem Ch. viii. Diệt tránh.

[909] . Ngũ phần 9: ba-dật-đề 66; Tăng kỳ 19: 72; Thập tụng 16, Căn bản 41: 71. Pali, Pāc. 66.

[910] . Ngũ phần (T22n1421, tr.63b22): biên giới hai nước không an ninh, tỳ-kheo tháp tùng bọn cướp để được bảo vệ. Tăng kỳ (T22n1425, tr.384a01): tỳ-kheo tháp tùng bọn cướp để không lạc đường.

[911] . Đoạn trên nói «số đông các tỳ-kheo.»

[912] . Nhất thôn gian 一村間. Ngũ phần: «từ tụ lạc này đến tụ lạc kia…»

[913] . Thập tụng (T23n1435, tr.116b04): một câu-lô-xá.

[914] . Ngũ phần: ba-dật-đề 48; Tăng kỳ: 45; Thập tụng, Căn bản: 55. Pali, Pāc. 68.

[915] . A-lê-tra 阿梨吒. Căn bản 39: Vô Tướng 無相. Pali: Ariṭṭha, Vin. iv. 133; M.i. 130; S.v. 314.

[916] . Cf. Trung A-hàm 54, kinh 200 «A-lê-tra», (T1, tr.763b). M. i. 130-2. Ngũ phần: «Pháp chướng đạo mà Phật nói, thật sự không chướng ngại đạo.»

[917] . Hán: sào quật (= khốt) 巢窟; Pali: ālaya (= a-lại-da) xem đoạn sau, quyển 32 (T22n1428, tr.787a03), «Thọ giới kiền độ.»

[918] . Ha gián yết ma 呵諫. Xem thêm điều 69 dưới: can gián không bỏ, Tăng tác cử yết-ma. Thập tụng 15 (T23n1435, tr.106a20): tăng tác yết-ma ước sắc 約敕. Nếu vẫn không bỏ, tác tẩn yết-ma pháp 擯羯磨法. Căn bản 39 (T23n1442, tr.840b25, T23n1442, tr.840c26): yết-ma can gián (biệt gián sự 事別諫) mà không bỏ, tăng tác yết-ma xả trí 捨置羯磨. Tăng kỳ 18 (T22n1425, tr.367b13): tác cử yết-ma 作舉羯磨. Vin.ii. 25: ukkhepaniya-kamma, yết-ma xả trí.

[919] . Trong bản có thể nhảy sót.

[920] . Xem cht. 385 trên.

[921] . Ngũ phần: ba-dật-đề 49; Tăng kỳ: 46; Thập tụng, Căn bản: 56. Pali, Pāc. 69.

[922] . Yết-ma «ác kiến bất xả 惡見不捨.» Xem cht. 385 điều 68 trên. Pali, Vin.ii. 28: pāpikāya diṭṭhiyā appaṭinissagge ukkhepanīyakammaṃ.

[923] . Diễn tiến tác pháp: tác cử 作舉, nêu tội danh; tác ức niệm 作憶念, khiến cho tự thú nhận; dữ tội 與罪, phán quyết có tội. Pali: codetvā...sāretvā āpattiṃ āropetabbo.

924 . Ngũ phần: «không như pháp hối.» Tăng kỳ: «đã bị tăng tác cử yết-ma mà chưa như pháp giải.»

925 . Căn bản: «Chư tuỳ thuận pháp không bỏ ác kiến.»

926 . Ngũ phần: ba-dật-đê 50; Tăng kỳ: 57; Thập tụng, Căn bản: 57. Pali, Pāc. 70.

927 . Yết-na 羯那; và Ma-hầu-ca 摩睺迦. Căn bản: hai sa-di tên Lợi Thích 利刺 và Trường Đại 長大. Tăng kỳ: đệ tử của A-lê-tra là sa-di Pháp Dữ 法與. Thập tụng, có (một) sa-di tên Ma-ca 摩伽. Pali: sa-di Kaṇḍaka.

928 . Ngũ phần, và các bộ: Tăng khuyên dạy ba lần cho bỏ; không có văn yết-ma ha gián.

929 . Ác kiến bất xả diệt tẫn yết ma 惡見不捨滅擯羯磨. Pali, Vin.iv. 138: Tăng đuổi Sa-di Kaṇḍaka, saṅgho kaṇṭakaṃ samaṇuddesaṃ nāsetu, không có văn yết ma.

930 . Bản Hán, hết quyển 17.

931 . Ngũ phần: ba-dật-đề 63; Tăng kỳ, Thâp tụng, Căn bản: 75; Pali, Pāc. 71.

932 . Xem Ch. ii Tăng-già-bà-thi-sa 12. Ngũ phần, nguyên nhân, Nhóm sáu tỳ-kheo.

933 . Ngũ phần: «Tỳ-kheo thường xuyên phạm tội…» Thập tụng: «Tỳ-kheo, khi thuyết giới, nói rằng…»

934 . Các bộ: ba-dật-đề 10. Pali, Pāc. 72.

935 . Thập tụng, Căn bản: Tỳ-kheo tụng giới bố tát mỗi nửa tháng. Lục quần chống việc các tiểu giới.

936 . Tạp toái giới 雜碎戒. Pali: khuddānukhuddaka sikkhāpada. Cf. Cullavagga, Vin. ii. 287: tại kết tập, Tăng thảo luận các giới nhỏ mà Phật cho phép bỏ. Hoặc cho rằng, trừ bốn ba-la-di, còn lại là giới nhỏ. Hoặc duy chỉ 92 ba-dật-đề là giới nhỏ. Xem Tứ phần 54, đoạn sau, về kết tập lần thứ nhất, (T22, tr.967b).

937 . Tăng kỳ: «khi tụng ba-la-đề-mộc-xoa mỗi nửa tháng mà nói như vầy…» Ngũ phần: không có chi tiết «thuyết giới.»

Pali: uddissamāne, trong khi đang thuyết giới; sớ giải, VA. 876: ācariyena antevāsikassa uddissamāne, «trong khi thầy đang thuyết cho đệ tử.»

[938] . Ngũ phần: Ba-dật-đề 64; Tăng kỳ: 92; Thập tụng, Căn bản: 93.

[939] . Vô như vô giải 無如無解. Ngũ phần: bất dĩ bất tri cố đắc thoát 不以不知故得脫: «tỳ-kheo ấy không phải do vì không biết mà thoát khỏi tội.» Các bộ cũng đồng. Pali: na ca tassa bhikkhuno aññakena mutti atthi, nghĩa như các bản Hán.

[940] . Tăng kỳ: «cần khiển trách rằng…» Nghĩa là, cần tác yết-ma ha trách.

[941] . Pali: idaṃ tasmiṃ mohanake pācittiyaṃ, «đây là ba-dật-đề, vì có sự vô tri ấy.» Nghĩa là, do có yết-ma vô tri. Xem cht. trên. Skt. āyuṣman tatra kaukṛtyāt pāyantikā, «Trưởng lão, trong đây, vì có sự hối quá, phạm ba-dật-đề.» Tức sau khi có yết-ma hối quá.

[942] . Tăng kỳ: «Tỳ-kheo…, sau khi bị khiển trách, ba-dật-đề.»

[943] . Trùng tăng vô tri tội 重增無知罪; các tỳ-kheo tác pháp yết-ma vô tri để khiển trách lỗi không chú tâm nghe thuyết giới. Bản Skt. uttaraṃ ca kaukṛtyam āropayitavyaṃ, «thêm nữa, cần phải bắt hối quá.» Pali: uttariñc’ assa moho āropetabbo, «thêm nữa, cần phải áp đặt sự vô tri cho tỳ-kheo ấy.» Luật Pali, yết-ma bạch nhị, khiển trách sự vô tri. Nếu không có yết-ma vô tri, người ấy chỉ phạm đột-kiết-la.

[944] . Ngũ phần: ba-dật-đề 80; Tăng kỳ, Thập tụng, Căn bản: 9. Pali, Pāc.81.

[945] . Ngũ phần: ba-dật-đề 53; Tăng kỳ: 79; Thập tụng, Căn bản: 77. Pali, Pāc. 80

[946] . Tăng kỳ: «không bạch tỳ-kheo.» Căn bản: «mặc nhiên đứng dậy (bỏ đi), không chúc thọ 不囑授.»

[947] . Xem ch.ii. Tăng-già-bà-thi-sa x.

[948] . Các loại yết-ma được thực hiện không vì ích lợi của đối tượng; xem Tứ phần, phần ba, ch.xi, (T22, tr.906a17)

[949] . Tham chiếu Luật Pali, Vin. iv. 153: không dữ dục, bỏ đi mà không phạm nếu nghĩ rằng, sẽ có sự tranh chấp giữa

Tăng, sẽ có sự phá tăng; hay yết-ma phi pháp, biệt chúng; hay yết-ma chống lại đối tượng không như pháp; hoặc có việc cần làm cho người bệnh; hoặc đi giải; hoặc không muốn phải ngăn yết-ma.

[950] . Ngũ phần: ba-dật-đề 79; Tăng kỳ: 43; Thập tụng, Căn bản: 53. Pali, Pāc. 79.

[951] . Ngũ phần: ba-dật-đề 60; Tăng kỳ: 78; Thập tụng, Căn bản: 76. Pali, Pāc. 78.

[952] . Ngũ phần: «Nghe lén trong chỗ khuất 屏處默聽.»

[953] . Ngũ phần: ba-dật-đề 71; Tăng kỳ: 58; Thập tụng, Căn bản: 48.

[954] . Ngũ phần: nếu không vì sân mà đánh, không phạm ba-dật-đề.

[955] . Ngũ phần: ba-dật-đề 72; Tăng kỳ: 59; Thập tụng, Căn bản: 49. Pali, Pāc. 75.

[956] . Hán: bác 搏, đánh hay tát. Ngũ phần: nghỉ như đả tướng 擬如打相, làm bộ như đánh. Tăng-kỳ: trắc chưởng đao nghỉ 側掌刀擬, nghiêng bàn tay làm bộ dao chém. Pali: talasattikaṃ uggireyya, «đưa lòng tay lên,» nghĩa là, doạ đánh.

[957] . Dĩ thủ bác 以手搏; xem cht. trên.

[958] . Ngũ phần: ba-dật-đề 75; Tăng kỳ: 90; Thập tụng, Căn bản: 69. Pali, Pāc. 76.

[959] . Xem Ch. ii. Tăng-già-bà-thi-sa 8& 9.

[960] . Ngũ phần: ba-dật-đề 65; Tăng kỳ: 82; Thập tụng, Căn bản: 82. Pali, Pāc. 83.

[961] . Da-nhã-đạt 耶若達 (Pali: Yaññadatta, nhưng không có chuyện kể liên hệ trong các tư liệu Pali). Nhân duyên của

Mạt-lỵ phu nhân, không được kể trong các bộ. Tăng kỳ giới thiệu đọc trong Trung A-hàm.

962 . Hoàng Đầu 黃頭. Tài liệu Pali nói bà là con gái của một người làm tràng hoa ở Kosala.

963 . Mat-lị viên 末利園. Pali: Mallikārāma, khu vườn trong thành Xá-vệ, vì của Mạt-lị Phu nhân nên được gọi tên như vậy. Truyện kể ở đây, tên của Phu nhân được gọi như vậy vì nguyên là cô gái giữ vườn hoa mallikā.

964 . Ngũ phần: không có chi tiết vua Quán đỉnh. Tăng kỳ: vua nhưng không phải dòng Sát-lợi; hoặc Sát-lợi nhưng không phải quán đảnh; đều không phạm.

965 . Hán: Sát-lợi thuỷ nghiêu đầu chủng 剎利水澆頭種. Tăng kỳ: Sát-đế-lợi Quán đảnh vương 剎利灌頂王.

966 . Ngũ phần: vật quý trọng, và nữ sắc, đều được gọi là bảo vật. Tăng kỳ: bảo vật, chỉ cho Vương Phu nhân.

967 . Túc tán tiểu vương 粟散小王. Tiểu vương (nhiều như thóc được rải) cai trị một tiểu quốc, phụ thuộc Quán đảnh vương.

968 . Ngũ phần: ba-dật-đề 69; Tăng kỳ: 49; Thập tụng, Căn bản: 58. Pali, Pāc. 84.

969 . Tỳ-xá-khư Mẫu 毘舍佉母. Pali: Visākā Migāramātā.

970 . Thập tụng: «hoặc bảo, hoặc tợ bảo.» Giải thích, bảo: tiền, vàng bạc…; tợ bảo: đồng, thiếc, bạch lạp, chì,… Pali: ratanaṃ vā ratanasammaṃ, bảo vật hay vật tương đồng bảo vật.

971 . Nguyên Hán: xảo sư 巧師.

972 . Bản Hán, hết quyển 18.

973 . Ngũ phần 9: ba-dật-đề 83; Tăng kỳ 20, Thập tụng 17, Căn bản 42: 80. Pali, Vin.iv. 164, Pāc. 85.

[974] . Xu bồ 樗蒲. Ngũ phần, nt.: bàn chuyện thế sự với các bạch y. Pali: sabhāyaṃ nisīditvā anekavihitaṃ tiracchānakathaṃ kathenti, ngồi ở hội trường, bàn đủ các đề tài súc sinh luận.

[975] . Tăng kỳ: «tỳ-kheo a-lan-nhã.» Điều luật áp dụng cho tỳ-kheo sống trong rừng.

[976] . Ngũ phần: «trừ có nhân duyên.» Và giải thích: nhân duyên, tức khi có tai nạn. Tăng kỳ: «trừ dư thời.» Giải thích: dư thời, những lúc có việc khẩn cấp (như có người bị rắn độc cắn). Pali: aññatra tathārūpā accāyikā karaṇīyā, trừ có sự việc khẩn cấp nào đó.

[977] . Trong giới văn không có từ thôn 村.

[978] . Ngũ phần, và các bộ: ba-dật-đề 85. Pali, Pāc. 87.

[979] . Pali, Vin.iv. 168: bhagavā … senāsanacārakaṃ āhiṇḍanto, Thế tôn đi xem xét chỗ nằm của các tỳ-kheo. Ngũ phần 9 (T22n1421, tr.70b15): thông lệ, mỗi năm ngày Thế tôn đi tuần phòng các tỳ-kheo một lần.

[980] . Ngũ phần: của tu-già-đà 修伽陀. Tăng kỳ: của tu-già-đà, và giải thích: của Phật. Căn bản: của Phật; và giải thích: 8 ngón tay (chỉ 指) của Phật dài bằng 1 khuỷu (chẩu 肘) của người trung bình. Pali: sugataṅgula: ngón tay của Sugata (Thiện Thệ). Cước chú của bản dịch Anh: sugata đây có nghĩa là «tiêu chuẩn» được chấp nhận (không phải chỉ cho ngón tay của Phật).

[981] . Xem Ch.iv, ba-dật-đề 14 & cht. 86.

[982] . Ngũ phần: ba-dật-đề 84; Tăng kỳ, Thập tụng, Căn bản: 86. Pali, Pāc. 88.

[983] . Đâu-la-miên 兜羅綿. Xem giải thích đoạn sau. Pali: tūla, bông gòn.

[984] . Tăng kỳ 20 (T22n1425, tr.392a28): «... sau khi đã móc ra, ba dật-đề.» Pali: ... uddālanakaṃ pācittiyaṃ, (phạm) ba-dật-đề, phải xé bỏ (móc bông gòn ra bỏ).

[985] . Cưu-la-da, văn nhã, sa-bà 鳩羅耶草文若草娑婆草

[986] . Ngũ phần: ba-dật-đề 86; Tăng kỳ: 83; Thập tụng, Căn bản: 84. Pali, Pāc. 86.

[987] . Công sư 工師. Ngũ phần: nha giác sư 牙角師; thợ chế biến răng thú và sừng. Thập tụng: trị giác sư 治角師; thợ chế biến sừng. Căn bản: công nhân 工人. Pali: dantakāra, thợ chế biến ngà voi.

[988] . Nha 牙. Thập tụng: nha xỉ 牙齒; giải thích: nha, chỉ ngà voi, răng nanh của ngựa, răng nanh heo; xỉ, chỉ răng voi, răng ngựa, răng heo. Pali: danta, giải thích: danto nāma hatthidanto vuccati, răng, là nói răng của voi (ngà voi).

[989] . Tăng kỳ 20: «... sau khi đập vỡ, ba-dật-đề.» Pali: bhedanakaṃ pācittiyaṃ, ba-dật-đề, cần đập vỡ (ống đựng bằng ngà).

[990] . Thiền trấn 禪鎮, không rõ cái gì.

[991] . Các bộ, ba-dật-đề 87; Thập tụng: 89. Pali, Pāc. 89.

[992] . Phật trách thủ 佛揲手. Ngũ phần: tu-già-đà trách thủ 修伽陀磔手 Căn bản: Phật trương thủ 佛張手; giải thích: 1 gang tay Phật bằng ba gang tay người trung bình. Pali: sugatavidatthiyā, gang tay (tiêu chuẩn) được chấp nhận (theo bản Anh); xem cht. 447 trên.

[993] . Pali: nisīdanaṃ nāma sadasaṃ vuccati, nói ni-sư-đàn, là cái có viền. Căn bản: ni-sư-đán-na 尼師但那 là đồ trải lót (phu cụ 敷具).

[994] . Tăng kỳ: ba-dật-đề 87; các bộ khác: 88. Pali, Pāc. 90.

[995] . Phú sang y 覆瘡衣. Pali: kaṇḍupaṭicchādi.

[996] . Niết-bàn-tăng 涅槃僧. Pali: nivāsana, nội y.

[997] . Ngũ phần, Căn bản: ba-dật-đề 89; Thập tụng, Tăng ky: 87. Pali, Pāc. 91.

[998] . Xem cht.434, ba-dật-đề 82. Xem Ch.iv, ni-tát-kỳ 27 & cht.155

[999] . Vũ dục y 雨浴衣. Xem Ch.iv ni-tát-kỳ 27 & cht.163

[1000] . Tăng kỳ: ba-dật-đề 89; các bộ: 90. Pali, Pāc. 92.

[1001] . Xem cht.92, ch.iv. ni-tát-kỳ 17.

[1002] . Thập tụng: «Trưởng lão Nan-đà, em trai của Phât, con của bà dì; thân hình gần giống Phật, có 30 tướng, thấp hơn Phật 4 ngón tay; lại khoác y giống Phật, nên các tỳ-kheo nhầm.» Tăng kỳ: Tôn-đà-la Nan-đà 孫陀羅難陀, con của Di mẫu của Phật. Kể thêm nhân duyên A-la-quân-trà 阿羅軍荼 khoác y giống như Phật.

[1003] ._Hắc y 黑衣; bản Hán có thể nhầm.

[1004] . Tức Ba-la-đề đề-xá-ni 波羅提舍尼. Trong giới văn, dịch là hối quá 悔過. Ngũ phần 10 (T22n1421, tr.71c06): hối quá pháp 悔過法. Tăng kỳ 21 (T22n1425, tr.396b16): Đề-xá-ni 提舍尼. Thập tụng 19 (T23n1435, tr.131a05): Ba-la-đề-xá-ni pháp 波羅提舍尼法. Căn bản 49 (T23n1442, tr.897a18): Ba-la-để đề-xá-ni pháp 波羅底提舍尼法. Pali, Vin.iv. 175: cattāro pāṭidesanīyā.

[1005] . Tăng kỳ: Đề-xá-ni 2

[1006] . Liên Hoa Sắc 蓮華色. Xem Ch. iv ni-tát-kỳ 4 & cht.36

[1007] . Nguyên Hán: hướng dư tỳ-kheo thuyết 向餘比丘說. Ngũ phần: ưng hướng chư tỳ-kheo hối quá 應向諸比丘悔過. Tăng kỳ: ưng dư tỳ-kheo biên hối quá 應餘比丘邊悔過. Thập tụng: ưng hướng dư tỳ-kheo thuyết thị tội 應向餘比丘說是罪. Căn bản: nghệ chư bí-xô sở các biệt cáo ngôn 詣諸苾芻所各別告言. Pali: paṭīdesetabbaṃ tena bhikkhunā.

[1008] . Căn bản: ư thôn lộ trung 於村路中, «ở đường trong thôn xóm.» Ngũ phần: «tại các con đường…» Tăng kỳ: «trong nhà bạch y…» Pali: antaragharaṃ paviṭṭhāya, «sau khi đã đi vào nhà trong;» và giải: nhà (gharam) ở đây cũng chỉ luôn đường xe đi, đường hẻm, đường chữ thập…»

[1009] . Pali, hatthato, từ tay (của tỳ-kheo-ni) thay vì để xuống đất mà nhận»; không nói đến yêu tố «trừ bịnh.»

[1010] . Ngũ phần, Căn bản: «trước các tỳ-kheo khác.»

[1011] . Tăng kỳ: Trưởng lão 長老. Ngũ phần: Chư Đại đức 諸大德. Pali: āvuso, từ hô khởi, số nhiều. Vì sám hối trước nhiều tỳ-kheo, chứ không phải một như ba-dật-đề.

[1012] . Tức Ba-la-đề-đề-xá-ni pháp 波羅提提舍尼法, dịch là Hối quá pháp 悔過法 Pali: pāṭidesanīya dhamma (Skt. pratideśanīya dharma). Tăng kỳ (T22n1425, tr.396c25): «Ba-la-đề-đề-xá-ni, vì tội này hướng đến người (tỳ-kheo) mà phát lồ, không che dấu.»

[1013] . Tăng kỳ: đề-xá-ni 3.

[1014] . Ngũ phần, Thập tụng: có thí chủ thỉnh thực hai bộ tăng.

[1015] . Tăng kỳ: đề-xá-ni 4.

[1016] . Kiến đế 見諦 : đã thấy bốn Thánh đế, chứng đắc Tu-đà-hoàn. Ngũ phần: Trưởng giả Cù-sư-la 瞿師羅 tin ưa Phật pháp, thấy pháp, đắc quả. Tăng kỳ: Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá, gia sản khánh tận. Tăng tác yết-ma học gia. Thập tụng: tượng sư Thủ-la, thấy Bốn đế, đắc Sơ đạo. Căn bản: trưởng giả Sư Tử, đắc Sơ quả.

[1017] . Học gia 學家. Thập tụng: chỉ gia đình đã đắc Sơ quả. Pali: sekkhasammatāni kulāni, những gia đình đã được xác nhận là hữu học; giải thích: đó là gia đình tăng trưởng với tín, nhưng tổn giảm với tài sản.

[1018] . Tăng kỳ: đề-xá-ni 1.

[1019] . Xá-di thành trung chư phụ nữ 舍夷城中諸婦女. Xá-di, chỉ các Thích nữ (Xem Tứ phần đoạn sau, phần ba, Ch. xiv, T22, tr. 922c8). Ngũ phần, Thập tụng: chư Thích phụ nữ 諸釋婦女. Căn bản: Thích ca nữ 釋迦女. Pali: Sākiyāniyo.

[1020] . Câu-lê chư nữ nhân 俱梨諸女人. Không rõ. Ngũ phần: chư nô 諸奴. Pali: sākiyadāsakā, những người nô lệ của họ Thích.

[1021] . Pali: tena kho pana samayena sākiyadāsakā avaruddhā honti, vào lúc đó, các nô lệ của dòng họ Sakka nổi loạn. Ngũ phần: các nô lệ của dòng họ Thích đón đường các Thích nữ để cướp.

[1022] . Pali: Các tỳ-kheo biết có giặc chặn đường, nhưng không báo cho các phụ nữ họ Thích biết để đừng đi.

[1023] . Vì bọn cướp ẩn núp trong phạm vi Tăng-già-lam nên tỳ-kheo phải ra khỏi phạm vi ấy mà nhận thức ăn.

[1024] . Pali: pubbe appaṭíaṃviditaṃ, không báo cho biết trước (rằng trong phạm vi Tăng già lam có giặc cướp).

[1025] . Lời chua nhỏ trong bản Hán: «Tiếng của người Hồ (chỉ Ấn độ) chính xác phải nói là thức-xoa-ca-la-ni . Những chỗ nào đọc và viết, nên theo từ này. Vì không thể nhất nhất đều theo văn mà sửa, do đó mà cứ để nguyên như vậy. Đan bản gọi Trăm pháp Chúng học.» - Thức-xoa-ca-la-ni, phiên âm Phạn: śikṣā karaṇīyā, «ĐiỀU cần phải học.» Căn bản: Chúng đa học pháp 眾多學法. Các bộ khác: Chúng học pháp 眾學法. Pali: sekhiyā dhammā (sikkhā karaṇīyā). Bản Skt. saṃbahulāḥ śaikṣā dharmāḥ (śikṣā karaṇīyā). Cf. Ngũ phần 10 (T22n1421, tr.73c27); Tăng kỳ 21 (T22n1425, tr.399b07); Thập tụng 19 (T23n1435, tr.133b14); Căn bản 50 (T23n1442, tr.901b17). Pali, Vin. iv. 185.

[1026] . Tăng kỳ, ĐiỀU 1; Thập tụng, ĐiỀU 12.

[1027] . Xem Ch.v, Ba-dật-đề 88 & cht.461.

[1028] . Pali: puratopi pacchatopi olambentā, quấn nội y để phía trước, phía sau thòng xuống.

[1029] . Pali, Sik. 1: parimaṇḍalaṃ nivāsessāmi, tôi sẽ quấn nội y tròn trịa.

[1030] . Thức-xoa-ca-la-ni 式叉迦羅尼. Tứ phần tỳ-kheo giới bản (No 1429) và Tứ phần Tăng giới bản (No 1430) đều nói «ưng đương học 應當學.» Pali: sikhkā karaṇīyā.

[1031] . Hán: ưng sám đột-kiết-la 應懺突吉羅. Tứ phần phân biệt hai loại đột-kiết-la: nếu cố ý, phạm đột-kiết-la cần phải sám hối. Nếu không cố ý, phạm đột-kiết-la chỉ phải tự trách tâm. Xem thêm cht. 8 dưới.

[1032] . Ngũ phần (T22n1421, tr.74a13): «Nếu không hiểu, không hỏi mà làm như vậy, phạm đột-kiết-la. Hiểu, nhưng không cẩn thận, làm như vậy phạm đột-kiết-la. Hiểu, nhưng khinh giới, khinh người mà làm như vậy, phạm ba-dật-đề.» Tăng kỳ: việt học pháp 越學法, không phân biệt hiểu hay không hiểu, cố ý hay không cố ý. Pali: anādariyaṃ paṭicca ...āpatti dukkaṭassa. anāpatti asañcicca, «...vì thiếu cung kính, phạm đột-kiết-la. Không cố ý, không phạm.»

[1033] . Tăng kỳ, ĐiỀU 2. Thập tụng, ĐiỀU 16; Căn bản, ĐiỀU 8. Pali, Sikkhā 2.

[1034] . Hán: trước y 著衣. Pali: pārupanti, quấn (thượng) y, phân biệt với nivāsenti, quấn nội y.

[1035] . Pali, Sikkhā. 2: parimaṇḍalaṃ pārupissāmi, tôi sẽ quấn (thượng) y cho tròn trịa. Thập tụng (T23n1435, tr.134a23): châu tề bị y ưng đương học 周齊被衣應當學.

[1036] . Ngũ phần, ĐiỀU 15; Tăng kỳ, ĐiỀU 8; Thập tụng, ĐiỀU 41; Căn bản, ĐiỀU 16.

[1037] . Pali, Sikkhā. 9, ukkhittakāya antaraghare gacchati, vén y lên mà đi vào nhà thế tục. Sớ giải, VA 891: ekato vā ubhato vā ukkhittacīvaro hutvā ti attho, y được vén lên ở một bên, hay cả hai bên. Cf. Ngũ phần (T22n1421, tr.74a22): «...hoặc vắt ngược y lên vai phải... hoặc vắt ngược y lên vai trái... hoặc vắt ngược y lên cả hai vai...» Thập tụng (T23n1435, tr.136b04): «Lấy y trùm vai phải vắt cả lên vai trái.»

[1038] . Cf. Thập tụng, ĐiỀU 37-38: tả hữu phản sao y 左右反抄衣, vắt ngược y hai bên; ĐiỀU 39-40: thiên sao y 偏抄衣, vắt ngược y một bên.

[1039] . Pali, Sikkhā 10

[1040] . Ngũ phần, ĐiỀU 43; Tăng kỳ, ĐiỀU 7; Thập tụng, ĐiỀU 30; Căn bản, ĐiỀU15. Pali, Sikkhā 23

[1041] . Thập tụng ĐiỀU 29-30: phú đầu 覆頭; ĐiỀU 31-32: bộc đầu 襆頭.

[1042] . Pali, Sikkhā 24, Bản Hán, hết quyển 19.

[1043] . Khiêu hành 跳行.

[1044] . Khiêu hành 跳行. Cf. Căn bản 50 (T23n1442, tr.902a11).

[1045] . Ngũ phần 10 (T22n1421, tr.74b01), ĐIỀU 40: tốn hành 蹲行, đi chồm hỗm (?). Cf. Cản bản 50 (T23n1442, tr.902a06). Thập tụng (T23n1435, tr.135b16), ĐIỀU 27. Pali: ukkuṭikāya.

[1046] . Ngũ phần 10 (T22n1421, tr.74a26), ĐIỀU 29. Tăng kỳ 21 (T22n1425, tr.401a14), ĐIỀU 10. Thập tụng 19 (T23n1435, tr.136a01), ĐIỀU 35. Căn bản 50 (T23n1442, tr.901c28), ĐIỀU18. Pali, Sikkhā 21.

[1047] . Ngũ phần, ĐIỀU 19; Tăng kỳ, ĐIỀU11; Căn bản, ĐIỀU 25; Thập tụng, ĐIỀU 53. Pali, Sikkhā 15.

[1048] . Dao thân hành 搖身行. Pali: kāyappacālaka, dao động thân.

[1049] . Pali, Sikkhā 17; Ngũ phần, ĐIỀU 33; Tăng kỳ, ĐIỀU 13; Thập tụng, ĐIỀU 47; Căn bản, ĐIỀU 26.

[1050] . Trạo tý hành 掉臂行; vừa đi vừa vung tay, đánh đòng xa. Pali: bāhuppacalakaṃ.

[1051] . Pali: Sikkhā 3; Ngũ phần, ĐIỀU 11; Tăng kỳ, ĐIỀU 3; Thập tụng, ĐIỀU 17; Căn bản, ĐIỀU 12.

[1052] . Pali, Sikkhā 7; Ngũ phần ĐIỀU 37; Tăng kỳ, ĐIỀU 4; Thập tụng, ĐIỀU 21.

[1053] . Ngũ phần, ĐIỀU 47; Tăng kỳ, ĐIỀU 5; Căn bản, ĐIỀU 13; Thập tụng, ĐIỀU 27; Pali, Sikkhā 13.

[1054] . Hán: tĩnh mặc 靜默.

[1055] . Pali. Sikkhā 11.

[1056] . Pali, Sikkhā 27; Ngũ phần, ĐIỀU 51; Tăng kỳ, ĐIỀU 24; Thập tụng, ĐIỀU 62; Căn bản, ĐIỀU 43.

[1057] . Pali, Sikkhā 30; Ngũ phần, ĐiỀU 52; Căn bản, ĐiỀU 40; Thập tụng, diều 64.
[1058] . Pali, Sikkhā 29. Thập tụng, ĐiỀU 60.
[1059] . Pali, samasūpakaṃ piṇḍapātaṃ, nhận phần canh vừa phải.
[1060] . Pali, Sikkhā 34; Ngũ phần, ĐiỀU 53; Tăng kỳ, ĐiỀU 25; Thập tụng, ĐiỀU 61.

[1061] . Pali, Sikkhā 33. Thập tụng, ĐiỀU 83.

[1062] . Pali: tahaṃ tahaṃ omasitvā piṇḍapātaṃ bhuñjanti, thọc chỗ này chỗ kia mà ăn.
[1063] . Pali, sapadānaṃ piṇḍapātaṃ bhuñjissāmi. Giải thích: sapadānanti tattha tattha odhiṃ akatvā anupṭipāṭiya, theo thứ lớp, không phân biệt lựa chọn chỗ này, chỗ kia.
[1064] . Pali, Sikkhā 35.
[1065] . Pali: thūpakato omaditvā, moi trên chóp (bát). Sớ giải: thūpakatoti matthakato vemajjhato ti attho, moi chóp bát, tức moi giữa bát.
[1066] . Pali, Sikkhā 37; Ngũ phần, ĐiỀU 79; Tăng kỳ, ĐiỀU 44; Thập tụng, ĐiỀU 84.
[1067] . Pali, Sikkhā 36; Ngũ phần, ĐiỀU 79; Tăng kỳ, ĐiỀU 44; Thập tụng, ĐiỀU 80.
[1068] . Pali: sūpaṃ vā vyañjanaṃ vā ... bhiyyokamyataṃ upādāyāti, để nhận thêm canh hay gia vị.
[1069] . Pali, Sikkhā 38; Ngũ phần, ĐiỀU 80; Tăng kỳ, ĐiỀU 42; Căn bản, ĐiỀU 65; Thập tụng, ĐiỀU 81.

[1070] . ujjhānasaññī paresaṃ pattaṃ olokessāmi, liếc nhìn vào bát người khác với tâm tưởng bất mãn.

[1071] . Pali, Sikkhā 32; Ngũ phần, ĐiỀU 58; Tăng kỳ, ĐiỀU 43; Căn bản, ĐiỀU 64; Thập tụng, ĐiỀU 82.

[1072] . Pali, Sikkhā 39; Ngũ phần, ĐIỀU 64; Tăng kỳ, ĐIỀU 29; Căn bản, ĐIỀU 45; Thập tụng, ĐIỀU 64.

[1073] . Pali, Sikkhā 41; Ngũ phần, ĐIỀU 66; Tăng kỳ, ĐIỀU30; Căn bản, ĐIỀU 47; Thập tụng, ĐIỀU 66.

[1074] . Pali, Sikkhā 43; Ngũ phần, ĐIỀU 68; Tăng kỳ, ĐIỀU 33; Căn bản, ĐIỀU 48; Thập tụng, ĐIỀU 67.

[1075] . Pali, Sikkhā 44.

[1076] . Pali, Sikkhā 48; Ngũ phần, ĐIỀU 59; Tăng kỳ, ĐIỀU 40; Căn bản, ĐIỀU 55. Thập tụng, ĐIỀU 67.

[1077] . Trong giới văn: làm rơi vải cơm. Xem cht. 54 dưới

[1078] . Hán: di lạc 遺落. Pali: sitthāvakārakaṃ, làm rơi vải hạt cơm. Giải thích: sitthaṃ avakiritvā avakiritvā, làm rơi hạt cơm chỗ này chỗ kia. Cf. Thập tụng (T23n1435, tr.138a18): bán giảo thực 半咬食, «cắn một nữa (vắt cơm) mà ăn».

[1079] . Bản Hán, hết quyển 20.

[1080] . Pali, Sikkhā 46; Ngũ phần, ĐIỀU 69; Tăng kỳ, ĐIỀU 27; Căn bản, ĐIỀU 56; Thập tụng, ĐIỀU 71.

[1081] . Thập tụng (T23n1435, tr.138b13): «Bỏ cơm đầy miệng rồi mới nuốt.»

[1082] . Trong bản Hán: thi-xoa-kế-lại-ni 尸叉罽賴尼. Các đoạn sau đều giống như vậy.

[1083] . Pali, Sikkā 50 (cf. 51); Ngũ phần, ĐIỀU 62; Tăng kỳ, ĐIỀU 37; Căn bản, ĐIỀU 51; Thập tụng, ĐIỀU 70.

[1084] . Pali, Sikkhā 50: capucapukārakaṃ, nhai có tiếng «cháp cháp.»

[1085] . Pali, Sikkhā 51, cf. 50.

[1086] . Hán: đại hấp phạn thực 大噏飯食. Pali, Sikkhā 51: surusurukārakaṃ khīraṃ pivanti, húp sữa thành tiếng «xu-ru-xu-ru.»

[1087] . Pali, Sikkhā 52; Ngũ phần ĐIỀU 63; Tăng kỳ, ĐIỀU 35; Căn bản, ĐIỀU 61; Thập tụng, ĐIỀU 74.

[1088] . Thập tụng: để thủ thực 舐手食, liếm tay mà ăn. Pali, Sikkhā 52: hatthanillehakaṃ, liếm tay. Cf. Sikkhā 49: jivhānicchārakaṃ, le lưỡi. Sikkhā 53: pattanillehakaṃ, liếm bát.

[1089] . Pali, Sikkhā 47; Ngũ phần, ĐIỀU 72; Tăng kỳ, ĐIỀU 41; Căn bản, ĐIỀU 62; Thập tụng, ĐIỀU 76.

[1090] . Chấn thủ 振手. Thập tụng (T23n1435, tr.138c02): thức ăn dính tay, rảy cho rơi.

[1091] . Pali, Sikkhā 55; Ngũ phần, ĐIỀU 60; Tăng kỳ, ĐIỀU 46; Căn bản, ĐIỀU 66; Thập tụng, ĐIỀU 78.

[1092] . Pali, Sikkhā 56; Ngũ phần, ĐIỀU 76; Tăng kỳ ĐIỀU 47; Căn bản, ĐIỀU 67; Thập tụng, ĐIỀU 84.

[1093] . Pali: nước rửa bát có lẩn hạt cơm. Thập tụng (T23n1435, tr.139a20): phải gia chủ chỗ đổ.

[1094] . Pali, Sikkhā 74; Ngũ phần, ĐIỀU 83; Tăng kỳ, ĐIỀU 64; Căn bản, ĐIỀU 96; Thập tụng, ĐIỀU 104.

[1095] . Pali, Sikkhā 75; Ngũ phần, ĐIỀU 82; Tăng kỳ, ĐIỀU 65; Căn bản, ĐIỀU 97; Thập tụng, ĐIỀU 105.

[1096] . Pali, Sikkhā 73; Ngũ phần, ĐIỀU 81; Tăng kỳ, ĐIỀU 66; Căn bản, ĐIỀU 95; Thập tụng, ĐIỀU 106.

[1097] . Ngũ phần, ĐIỀU 93; Căn bản, ĐIỀU 97; Thập tụng, ĐIỀU 95, 96, 97.

[1098] . Thập tụng, ĐIỀU 91. Tăng kỳ, ĐIỀU 53; Căn bản, ĐIỀU 78. Pali, Sikkhā 67.

[1099] . Hán: phú đầu 覆頭. Pali: oguṇṭhitasīso nāma sasīsaṃ pāruto vuccati, trùm đầu, nghĩa là lấy vạt áo trùm kín đầu.

[1100] . Pali, Sikkhā 66; Tăng kỳ, ĐIỀU 54; Căn bản, ĐIỀU 92; Thập tụng, ĐIỀU 92.

[1101] . Hán: lý đầu 裹頭. Pali: veṭhitasīso nāma kesantaṃ na dassapetvā veṭhito hoti, quấn đầu, nghĩa là quấn khăn không để cho thấy chân tóc.

[1102] . Thập tụng, ĐIỀU 94; Căn bản, ĐIỀU 81.

[1103] . Pali, Sikkhā 62; Ngũ phần, ĐIỀU 85; Tăng kỳ, ĐIỀU 51; Căn bản, ĐIỀU 88; Thập tụng, ĐIỀU 98.

[1104] . Hán: cách tỷ 革屣. Pali: upāhana, giày hay dép (thường làm bằng da).

[1105] . Pali, Sikkhā 61; Ngũ phần, ĐIỀU 84; Tăng kỳ, ĐIỀU 65; Căn bản, ĐIỀU 87; Thập tụng, ĐIỀU 99.

[1106] . Hán: mộc kịch 木屐. Thập tụng: kịch 屐. Pali: pādukā

[1107] . Pali, Sikkhā 63; Ngũ phần, ĐIỀU 96; Tăng kỳ, ĐIỀU 62; Căn bản, ĐIỀU 84; Thập tụng, ĐIỀU 85.

[1108] . Hán: kỵ thừa (thặng) 騎乘. Pali: yānaṃ nāma vayhaṃ ratho sakaṭaṃ sandamānikā sivikā pāṭaṅkī, xe cộ: cộ (cáng), xe ngựa kéo, xe chở hàng, chiến xa, kiệu, ghế khiêng.

[1109] . Phú-la; Phiên phạm ngữ (T54n2130, tr.987b13): «Phú-la, dịch là mãn 滿 (dẫn Thập tụng 9, T23n1435, tr.65a15: dùng da thuộc khâu lại làm giày phú-la).»

[1110] . Tức đánh (xỉa) răng, súc miệng

[1111] . Pali, Sikkhā 70; Ngũ phần, ĐIỀU 87; Tăng kỳ, ĐIỀU 48; Căn bản, ĐIỀU 73; Thập tụng, ĐIỀU 88.

[1112] . Từ ĐIỀU 86-92, xem các ĐIỀU 52-59 trên. Có sự sắp xếp lẫn lộn trong bản Hán.

[1113] . Pali, Sikkhā 64; Ngũ phần, ĐIỀU 89; Tăng kỳ, ĐIỀU 49; Căn bản, ĐIỀU 74; Thập tụng, ĐIỀU 90.

[1114] . Pali, Sikkhā 69; Ngũ phần, ĐIỀU 88; Tăng kỳ, ĐIỀU 50; Căn bản, ĐIỀU 75; Thập tụng, ĐIỀU 89.

[1115] . Pali, Sikkhā 71; Ngũ phần, ĐIỀU 90; Tăng kỳ, ĐIỀU 61; Căn bản, ĐIỀU 76; Thập tụng, ĐIỀU 86

[1116] . Thập tụng, ĐIỀU 89.

[1117] . Pali, Sikkhā 92; Ngũ phần, ĐIỀU 91; Tăng kỳ, ĐIỀU 63; Căn bản, ĐIỀU 77; Thập tụng, ĐIỀU 87.

[1118] . Ngũ phần, ĐIỀU 84; Căn bản, ĐIỀU 98; Thập tụng, ĐIỀU 107.

[1119] . Pali, Sikkhā 58; Ngũ phần, ĐIỀU 97; Tăng kỳ, ĐIỀU 59; Thập tụng, ĐIỀU 100.
[1120] . Thập tụng, ĐIỀU 102.
[1121] . Pali, Sikkhā 60; Ngũ phần, ĐIỀU 99; Tăng kỳ, ĐIỀU 64; Căn bản, ĐIỀU 96; Thập tụng, ĐIỀU 103.
[1122] . Pali: āvudhapāṇi, cầm vũ khí. Thập tụng: cầm thuẫn, cầm cung tên.
[1123] . Pali, Sikkhā 59; Ngũ phần, ĐIỀU 98; Tăng kỳ, ĐIỀU 57; Thập tụng, ĐIỀU 102.
[1124] . Pali, Sikkhā 57; Ngũ phần, ĐIỀU 95; Tăng kỳ, ĐIỀU 60; Căn bản, ĐIỀU 94; Thập tụng, ĐIỀU 101.
[1125] . Ngũ phần 10 (T22n1421, tr.77b06); Thập tụng 20 (T23n1435, tr.141b12); Căn bản 50 (T23n1442, tr.904b5). Pali: adhikaraṇasamathā, Vin. iv. 207.
[1126] . Bản Hán, hết quyển 21.